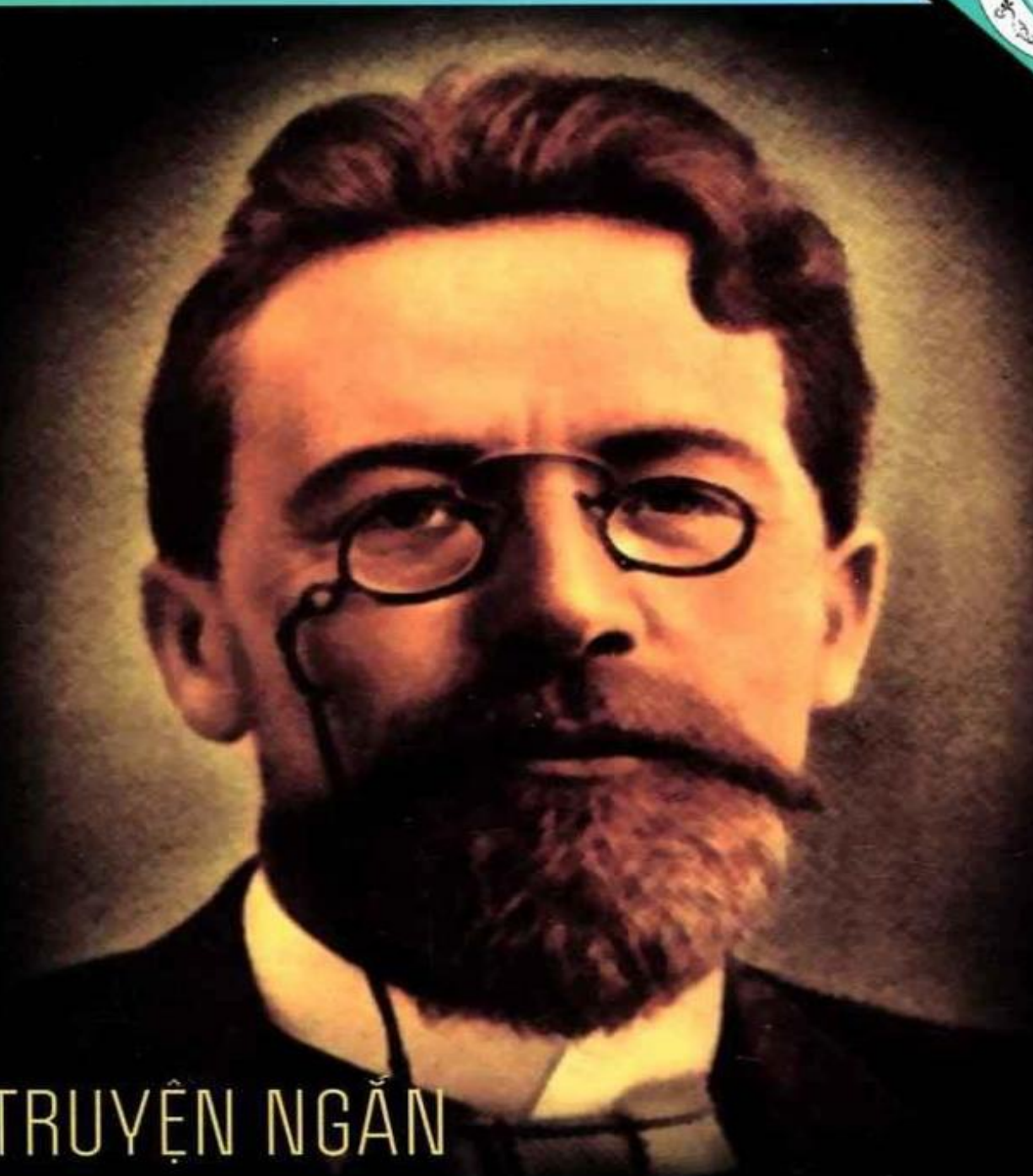


TỦ SÁCH TINH HOA VĂN HỌC



TRUYỆN NGẮN

A. P. CHEKHOV

Phan Hồng Giang, Cao Xuân Hạo dịch



NXB Hội Nhà văn

Truyện Ngắn A. P. Chekhov

A. P. Chekhov

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

TỦ SÁCH TINH HOA VĂN HỌC

Cái chết của một viên chức

Anh béo và anh gầy

Phẫu thuật

Cơn Kỳ Không

Mặt nạ

Lão quản Prisurbeép

Một chuyện đùa

Vanka

Chuyện đời vật vãnh

Chai rượu sâm banh (Chuyện của một kẻ vô lại)

Hai kẻ thù

Vêrơska

Vé trúng số

Điều bí ẩn

Mưa dầm

Một tấn kịch

Thủ đoạn

Những buổi học đắt tiền

Thảo nguyên (Chuyện một chuyến đi)

Hai người đẹp

Cơn bệnh thần kinh

Đánh cược

Nữ hầu tước

Những người đàn bà

Ở nơi đây ả

Iônúrts

Người trong bao

[1]

[2]

[3]

[4]

[5]

[6]

[7]

[8]

[9]

[10]

[11]

[12]

[13]

[14]

[15]

[16]

[17]

[18]

[19]

[20]

Giới thiệu

Với tập hợp 27 truyện ngắn, mỗi truyện đều mang một vẻ đẹp riêng có khi là sự chế giễu hóm hỉnh, cũng có khi là những giây phút lắng lòng về tình yêu.

Hình ảnh lớp viên chức, thị dân, nông dân, địa chủ... thường ta hay gặp ngoài đường phố, trong các rạp hát, bệnh viện, trường học hoặc trên các trại áp đều được ngòi bút nhà văn khắc hoạ hết sức đậm nét. Không phải qua các chi tiết bề ngoài, mà đậm nét ở tâm trạng các nhân vật muôn hình nghìn vẻ.

Bên cạnh hình ảnh cái chết của một viên chức thì chuyện “*Anh béo anh gầy*” thật gần gũi với bao người, tạo nên tiếng cười hài hước không sao ngăn nổi đối với bạn đọc xuyên suốt hai thế kỷ.

Không chỉ nỗ lực “nặn cho hết những giọt nô lệ trong bản thân mình”, mà nhà văn mang ước nguyện cháy bỏng là làm sao cho “con người Nga trong tương lai đều phải đẹp, từ diện mạo, áo quần đến tâm hồn, tư tưởng”.

Không bị ràng buộc vào các giáo điều cũ kỹ, truyện ngắn Chekhov chứa bao điều lạ lẫm lấy từ sinh hoạt hàng ngày, kể cả “nước mắt mà người đời không thấy”, nhằm nhắn nhủ “Hãy nhìn lại mình, hãy nhìn xem chúng ta đang sống tồi, sống tệ như thế nào?”.

TỦ SÁCH TINH HOA VĂN HỌC

Tinh hoa văn học của nhân loại nào cũng cần được khám phá và tái khám phá. Mỗi tác phẩm lớn là một xứ sở kỳ diệu và mỗi lần ta tìm đến là thực hiện một cuộc phiêu lưu hoan lạc.

Dịch thuật, giới thiệu và biên khảo về những tác phẩm tinh hoa sẽ mở ra các lối cổng dẫn vào những cảnh tượng văn chương khác nhau, qua những không gian và thời gian vừa hiện thực vừa kỳ ảo.

Khát vọng hiểu biết và vui thú trong đời là bản tính của con người ở mọi nơi và mọi thời. Các tác phẩm văn chương thật sự vĩ đại đều mang lại hai điều đó: vui thú và hiểu biết. Nhưng hiểu biết là niềm vui hiếm khi tự đến một cách dễ dãi. Cần đón đợi và hồi đáp.

Mọi tác phẩm tinh hoa cần được đón đợi và hồi đáp trong niềm hân hoan có tên là “ĐỌC”.

ĐỌC. Cầm sách lên và đọc. Trong sách có bạn hiền, có người đẹp, có mọi thứ. Do vậy, chúng tôi chủ trương TỦ SÁCH TINH HOA VĂN HỌC, xem đó như cửa ngõ của hiểu biết và niềm vui.

CÓ NĂM CỬA:

• **Kiệt Tác:**

Mỗi kiệt tác sẽ được dịch trọn vẹn và giới thiệu cả tác giả lẫn tác phẩm trong phối cảnh văn hóa những đặc điểm thiết yếu.

• **Tuyển:**

Tuyển chọn những tác phẩm ngắn của một tác giả, một nền văn học hay một chủ đề mang tính điển mẫu (thuộc vòng đời hay vòng mùa).

• **Kiến Thức:**

Những kiến thức mà người đọc hiện đại cần có: trào lưu văn học, các nền văn học, thể loại... được trình bày gọn nhẹ, dễ tiếp nhận.

• **Nghiên Cứu:**

Các công trình chuyên sâu về một vấn đề văn học, một tác giả thiên tài, lý luận phê bình...

• **Mới:**

Về các hiện tượng văn học mới xuất hiện của nước ngoài đang gây chú ý hoặc đoạt các giải thưởng lớn... Mong ước chúng tôi là TỦ SÁCH TINH HOA VĂN HỌC sẽ tiến bước bền vững và được đón nhận thân tình.

Tủ sách được biên soạn và dịch thuật từ những nhà giáo, dịch giả và nhà nghiên cứu có uy tín và tâm huyết với văn chương.

Cái chết của một viên chức

VÀO MỘT BUỔI TỐI THỨ VI, Ivan Đomitoríts Tsêrviakóp, một viên quản trị hành chính không kém phần thú vị hơn, đã ngồi ở hàng ghế bành thứ hai, giương ống nhòm lên sân khấu xem vở *Chuông Kornêvinh*[1].

Y vừa xem vừa cảm thấy trong lòng khoan khoái vô cùng. Bỗng dưng... Trong các truyện thường gặp chữ “bỗng dưng” này, các tác giả đã có lý: cuộc đời quả là đầy đầy những chuyện bất ngờ. Bỗng dưng mặt y nhăn nhó, mắt hoa lên, hơi thở nghẹn lại... Y rời mắt khỏi chiếc ống nhòm, hơi cúi xuống và... hắt xì!!! Các bạn thấy đấy, y đã hắt hơi. Không ở đâu lại có lệ cấm người này người nọ hắt hơi cả. Người nhà quê hắt hơi, cảnh sát trưởng hắt hơi, và đôi khi cả các viên chức bậc ba[2] cũng hắt hơi. Ai mà chẳng hắt hơi. Tsêrviakóp không hề cảm thấy ngượng ngùng chút nào, y lấy khăn mùi xoa ra lau, và như một người lịch sự, y nhìn quanh xem thử cái hắt hơi của mình có trót làm phiền ai không? Liền đấy y cảm thấy bối rối. Y nhìn thấy một người đã có tuổi ngồi trên hàng ghế đầu ngay phía trước y đang lấy ngón tay, cẩn thận lau cổ và cái đầu hói của mình, mồm câu nhậu câu gì không rõ. Tsêrviakóp nhận ra vị có tuổi là tướng Brigialóp đương nhiệm tại tổng cục đường sắt.

“Mình làm bắn nước bọt vào ngài rồi! - Tsêrviakóp nghĩ. - Không phải thủ trưởng của mình, ở nơi khác, nhưng dù sao thì vẫn không hay ho gì. Phải tạ lỗi mới được”.

Tsêrviakóp đằng hắng, ngھn cổ ra trước, thì thào vào tai vị tướng:

- Thưa ngài, ngài thứ lỗi cho, tôi trót hắt hơi... tôi vô ý...
- Không hề gì, không hề gì...
- Ngài làm ơn làm phúc tha lỗi cho. Tôi... tôi... không muốn thế đâu ạ!
- Thôi, anh làm ơn ngồi yên cho! Để tôi xem nốt!

Tsêrviakóp ngượng ngùng, bối rối cười ngây ngô và lại nhìn tiếp lên sân khấu. Xem thì vẫn xem nhưng không còn cảm thấy khoan khoái nữa, trong lòng đầy thắc thỏm lo âu. Đến giờ giải lao, y mon men đến chỗ Brigialóp, loay quanh một lúc rồi đánh bạo lắp bắp nói:

- Tôi... tôi trót hắt hơi vào ngài... Xin ngài... thứ lỗi cho... Tôi không... không có ý... thế.
- Ôi dào, đủ rồi... Tôi đã quên rồi mà anh còn cứ nói mãi! - viên tướng nói, môi dưới trề ra, tỏ vẻ sốt ruột, khó chịu.

“Ngài nói ngài quên mà mắt ngài trông giận dữ thế, - Tsêrviakóp nghĩ, hồ nghi liếc nhìn viên tướng. - Ngài cũng không muốn nói nữa. Cần phải thanh minh với ngài rằng quả thật là mình không hề cố ý... rằng đó là quy luật của tự nhiên, không thì ngài lại nghĩ rằng mình muốn làm bắn nước bọt vào ngài. Bây giờ chưa nghĩ thế nhưng sau này có thể nghĩ!...”

Khi về nhà, Tsêrviakóp kể lại chuyện xảy ra cho vợ nghe. Nhưng y cảm thấy rằng vợ mình quá xem thường chuyện đó; bà ta chỉ hoảng sợ một chút thôi nhưng sau khi biết ngài là thủ trưởng ở “nơi khác” thì yên tâm trở lại.

- Nhưng mà thôi ông cứ đến gặp ngài mà xin lỗi đi, - bà ta nói. - Không thì ngài có thể nghĩ rằng ông không biết xử sự cho phải nhẽ ở nơi công cộng!

- Đúng là phải thế! Tôi đã xin lỗi rồi nhưng thái độ ngài có vẻ khác thường làm sao ấy... Ngài không nói một lời nào đúng đắn cả. Ừ mà cũng không có lúc nào để nói cho ra đầu ra đuôi...

Ngày hôm sau, Tsêrviakốp mặc bộ lễ phục mới, húi đầu tử tế rồi đi đến chỗ Brigialốp để thanh minh... Bước vào phòng khách của tướng Brigialốp, y trông thấy nhiều người đang đợi xin gặp và cạnh họ là chính ngài Brigialốp lúc này đã bắt đầu nghe các lời thỉnh cầu. Hỏi một vài người xong, vị tướng đưa mắt nhìn Tsêrviakốp.

- Dạ thưa ngài... hôm qua ở rạp “Arcadi”[3] ngài còn nhớ không ạ, - Tsêrviakốp bắt đầu bẩm báo, - tôi... tôi hắt hơi... trót bắn dãi rớt vào... Xin... xin ngài...

- Rõ thật vớ vẩn... Có trời biết là thế nào nữa? Anh muốn gì nào? - vị tướng quay sang hỏi người tiếp theo.

“Ngài không muốn nói chuyện với mình! - Tsêrviakốp tái mặt nghĩ. - Thế là ngài giận đấy... Không, không thể thế được... Mình phải thanh minh với ngài...”

Khi viên tướng đã nói chuyện xong với người thỉnh cầu cuối cùng và đi vào làm việc ở nhà trong, Tsêrviakốp bèn bước theo và lắp bắp nói:

- Thưa ngài, nếu tôi có cả gan dám làm phiền ngài thì cũng chỉ vì, thưa ngài, tôi hối hận lắm ạ!... Tôi không cố ý đâu ạ, chắc ngài đã rõ đấy ạ!

Viên tướng cau mặt khoát tay:

- Này anh kia, có phải anh định giễu tôi không thì bảo! - viên tướng nói và đi vào trong phòng, đóng cửa lại.

“Mình giễu cợt gì mới được chứ? - Tsêrviakốp nghĩ. - Ở đây hoàn toàn không có chuyện gì đáng cười cợt cả! Ngài làm tướng mà ngài không hiểu! Nếu vậy thì mình sẽ không đến gặp ngài để xin lỗi nữa. Thôi mặc ngài! Mình sẽ viết cho ngài một bức thư, còn đến đây gặp thì thôi! Ôi dào, thôi không đến nữa!”

Tsêrviakốp đã nghĩ ra thế khi trở về nhà. Thư gửi cho viên tướng y không viết. Y nghĩ hoài, nghĩ mãi cũng không biết phải viết thế nào. Hôm sau, y lại đi đến đây thanh minh lần nữa.

- Hôm qua tôi có đến làm phiền ngài. - Y lắp bắp nói, khi viên tướng đưa mắt về phía y với ý hỏi, - dạ không phải là để cười cợt như ngài đã có lời phán đâu ạ. Xin ngài thứ lỗi vì khi hắt hơi đã làm bắn nước bọt ạ... chứ tôi không có ý giễu cợt gì đâu ạ. Tôi đâu dám cười cợt ạ? Nếu như tôi mà giễu cợt thì còn đâu là sự kính trọng với... các bậc bề trên nữa ạ...

- Cút ngay! - viên tướng quát to, người run lên, mặt tái xanh vì giận dữ.

- Sao... kia ạ? - Tsêrviakốp khẽ hỏi lại, lặng người đi vì sợ hãi.

- Xéo ngay! - viên tướng giậm chân quát.

Trong bụng Tsêrviakốp như có cái gì vừa bị đứt ra. Không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì, y đi giật lùi ra cửa, bước ra ngoài phố và lê bước quay về... Đi về nhà như cái xác không hồn, y mặc nguyên bộ lễ phục, nằm xuống đơ văng và... tắt thở.

Anh béo và anh gầy

TRÊN SÂN GA của tuyến đường sắt Nikôlai[4] có hai người bạn cũ gặp nhau: một người béo, một người gầy. Anh béo vừa ăn ở nhà ga xong, môi láng nhẫy bơ như quả đào chín. Người anh ta toát ra mùi rượu nho loại nặng, mùi nước hoa cam. Còn anh gầy thì mới xuống tàu, hai tay lĩnh kính nào vali, nào hộp, nào túi. Người anh ta toát ra mùi thịt ướp, mùi bã cà phê. Sau lưng anh ta là một người đàn bà gầy gò, cằm dài - đó là vợ anh ta, và một cậu học sinh cao lêu nghêu mắt nhú lại - đó là con trai anh ta.

- Porphiri đấy à? - anh béo kêu lên, khi vừa nhác thấy anh gầy. - Đúng là cậu ư? Ôi, ông bạn thân mến của tôi! Bao nhiêu đông qua hè lại chúng mình không gặp nhau rồi!

- Trời! - anh gầy sững sốt. - Misa! Bạn từ thuở nhỏ của tôi! Cậu ở đâu ra thế?

Hai người bạn ôm nhau hôn đến ba lần, mắt rung rung chăm chăm nhìn nhau. Cả hai đều kinh ngạc một cách đầy thú vị.

- Cậu ạ, - anh gầy bắt đầu nói sau khi hôn xong. - Mình quả không ngờ! Đột ngột quá! Nào, cậu nhìn thẳng vào mình xem nào! Ô, trông cậu vẫn đẹp trai như xưa, vẫn lịch thiệp, sang trọng như xưa! Chà, hay thật! À, mà cậu bây giờ thế nào rồi? Giàu không? Lấy vợ chưa? Mình thì có vợ rồi, cậu thấy đấy...

Đây, vợ mình đây, Luida, nguyên họ là Vanxenbắc, theo đạo Luyte[5]... Còn đây là con trai mình, Naphanain, học sinh lớp ba. Đây con, bác đây là bạn hồi nhỏ của bố đấy! Cùng học phổ thông với nhau đấy.

Naphanain ngáp ngừng một lát rồi bỏ chiếc mũ mềm xuống.

- Cùng học phổ thông với bố đấy con ạ! - anh gầy nói tiếp - À này, cậu còn nhớ cậu bị chúng nó trêu chọc thế nào không? Chúng nó gọi cậu là Gêrôxtrát[6] vì cậu lấy thuốc lá châm cháy một cuốn sách mượn của thư viện, còn mình thì chúng nó gọi là Ephian[7] vì mình hay mách. Hô... hô... Đạo ấy bọn mình trẻ con thật! Đừng sợ con, Naphanain! Con lại gần bác chút nữa nào... Còn đây là vợ mình, nguyên họ là Vanxenbắc... theo đạo Luyte...

Naphanain suy nghĩ một lát rồi nép vào sau lưng bố.

- Đây anh bạn, bây giờ sống ra sao? - anh béo hỏi, nhìn bạn mình với vẻ đầy hoan hỉ. - Làm ở đâu? Thành đạt rồi chứ?

- Ừ, mình cũng có đi làm, anh bạn ạ! Hai năm nay mình là viên chức bậc tám, cũng được mề đay “Xtanixláp”[8]. Lương lậu chẳng đáng là bao... nhưng mà thôi, thầy kệ nó! Vợ mình dạy nhạc, mình thì làm thêm tàu thuốc bằng gỗ. Tàu đẹp lắm cậu ạ! Mình bán một rúp một cái đấy. Nếu ai mua cả chục hay nhiều hơn thì, cậu biết đấy, có bớt chút ít. Cũng cố sống qua loa thế nào xong thôi. Cậu biết không, trước mình làm ở cục, bây giờ thì mình được chuyển về đây, thăng lên bậc bảy cũng trong ngành đó thôi... Mình sẽ làm ở đây. Còn cậu sao rồi? Chắc là cỡ viên chức bậc năm rồi chứ? Phải không?

- Không đâu, anh bạn ạ, cao hơn thế nữa đây, - anh béo nói. - Mình là viên chức bậc ba rồi... có hai mề đay của Nhà nước.

Anh gầy bỗng dưng tái mét mặt, ngây ra như phồng đá, nhưng lát sau thì anh ta toét miệng cười mặt mày nhăn nhúm; dường như mắt anh ta sáng hẳn lên. Toàn thân anh ta rúm ró, so vai rụt cổ khúm núm... Cả mấy thứ vali, hộp, túi của anh ta như cũng co rúm lại, nhăn nhó... Chiếc cằm dài của bà vợ như dài thêm ra; thẳng Naphanain thì rụt chân vào và gài hết cúc áo lại...

- Dạ, bẩm quan trên, tôi... tôi rất lấy làm hân hạnh ạ. Bạn... nghĩa là bạn... từ thuở nhỏ, thế rồi bỗng nhiên làm chức to thế. Hi hi hi.

- Thôi, cậu đừng nói thế đi! - anh béo cau mặt. - Sao cậu lại giả giọng thế? Mình với cậu là bạn từ thuở nhỏ - việc gì cậu lại giả giọng quan cách thế.

- Dạ bẩm quan... Quan lớn dạy gì kia ạ... - anh gầy cười hi hi, người càng rúm ró hơn. - Quan lớn chiều cô cho thế này là đội ơn mưa móc cho kẻ bần dân đây ạ... Dạ bẩm quan trên, thưa đây là con trai tôi Naphanain... và vợ là Luida, theo đạo Luyte đây ạ...

Anh béo định quở trách điều gì thêm, nhưng gương mặt anh gầy toát ra vẻ kính cẩn, lằng lằng hoan hỉ đến mức anh béo cảm thấy buồn nôn. Anh béo ngoảnh mặt đi và đưa tay từ biệt anh gầy.

Anh gầy nắm ba ngón tay anh béo, cúi gập mình xuống chào và cười lên như một chú tấu: “Hi hi hi”. Bà vợ mỉm cười. Naphanain kéo chân lại và buông thõng chiếc mũ xuống.

Cả ba người đều sững sờ một cách đầy thú vị.

Phẫu thuật

MỘT NHÀ THUƠNG của hội đồng tự quản địa phương. Do bác sĩ đi cưới vợ vắng nên tiếp bệnh nhân là viên y sĩ Kuriatin, một người đàn ông to béo trạc chừng bốn mươi tuổi, mặc chiếc áo vét đuôi nhàu nát và chiếc quần len cũng đã sờn rách, cũ kỹ. Gương mặt y lộ rõ vẻ thú vị lưu tâm đến chức phận của mình. Kẹp giữa ngón dài và ngón tay trở là một điều xì gà mùi khét lẹt.

Viện trợ tế nhà thờ Vônmiqlaxốp bước vào phòng khám bệnh; đó là một ông già cao lớn, vạm vỡ, mặc chiếc áo thầy tu rộng thùng thình màu nâu, mình đeo thắt lưng da to bản. Mắt bên phải bị lòa chỉ hé hé mở, trên sống mũi có một mụn cơm trông từ xa giống như một con nhặng. Trong giây lát, ông già nhìn xung quanh tìm tượng thánh, không tìm được, ông bèn làm dấu trước cái chai đựng phenôn, rồi sau đó ông giở chiếc khăn tay màu đỏ, lấy một chiếc bánh thánh ra, rồi cúi mình đặt trước bàn viên y sĩ ngồi.

- À... à... à... chào ông già! - y sĩ vừa ngáp vừa nói. - Có chuyện gì vậy, ông già?

- Chào ông Xergây Kudmíts... Có việc phải nhờ vả ông đây... Xin lỗi ông, trong Kinh Thánh có câu nói thật đúng: “nước tôi uống hòa lẫn cùng nước mắt”. Hôm vừa rồi đang ngồi uống nước chè với bà lão nhà tôi thì không thể uống một giọt nước vì đau buốt, chỉ còn thiếu nước là nằm xuống chờ chết... Uống một ngụm là người cứ rũ ra! Mà có phải chỉ có răng đau thôi đâu, đau cả một bên đầu... Nhức quá, nhức quá! Đau dội bên tai, xin lỗi ông, cứ như là trong tai có đinh hay cái gì đó: nhói buốt quá thể, nhói buốt quá thể! Ô, lạy Chúa, kẻ có tội là tôi, đấng trái luật là tôi... Tội lỗi làm tâm hồn giá lạnh và đời tôi đã sống trong lười nhác... Ông Xergây Kudmíts, tôi phải chịu tội, phải chịu tội! Đức cha sau lúc làm lễ xong có trách mắng tôi: “Này, Ephim, sao lão cứ nói lúng búng giọng mũi như vậy. Lúc hát thì chẳng còn nghe ra làm sao nữa cả”. Ông cứ nghĩ thử xem, mồm không há ra được thì còn hát với họng thể nào được nữa, cả hàm sưng ừ lên, xin lỗi, suốt đêm không ngủ được tí nào...

- Ờ... ờ... Ông ngồi xuống đi... Há mồm ra coi!

Ông già Vônmiqlaxốp ngồi xuống và há miệng.

Kuriatin chau mày nhăn mặt nhìn vào miệng ông già, và giữa đám răng vàng khè vì chủ nhân của chúng vừa có tuổi lại vừa hút thuốc lá, viên y sĩ nhìn thấy một chiếc răng có lỗ sâu.

- Đức cha bảo tôi ngâm rượu ngâm củ cải ngựa nhưng cũng không ăn thua. Bà Glikêria Aniximópna, cầu Chúa phù hộ cho bà ta, thì cho tôi đeo sợi dây lấy từ núi Aphôn^[9] và bảo tôi súc miệng bằng sữa nóng, còn tôi, thú thực là tôi có đeo cái dây ấy, nhưng còn lấy sữa súc miệng thì tôi không theo: chả là đang tuần ăn chay mà, tôi sợ Chúa...

- Ông chỉ mê tín thôi... (Ngừng một lát.) Phải nhổ nó đi, ông Ephim Mikhêits ạ!

- Ông Xergây Kudmíts, ông hiểu biết hơn tôi. Ông được học hành thì ông mọi biết lúc nào thì phải nhổ, lúc nào thì phải nhổ thuốc, hay dùng cách nào khác mà chữa... Chúa đã sắp đặt các ông làm điều từ thiện, cầu Chúa phù hộ cho các ông, bọn chúng tôi thì phải đêm nguyện ngày cầu cho các ông như cầu cha cầu mẹ... đến khi nhắm mắt mới thôi...

- Xì, chuyện vặt, nói làm gì, - viên y sĩ vừa khiếm tốn nói vừa bước lại tủ lục tìm dụng cụ. - Phẫu thuật là chuyện vặt thôi, có gì đâu... Chẳng qua chỉ cần quen thôi, tay thì cứng cáp một tí... Dễ như trở bàn

tay... Hôm vừa rồi đây, ông điền chủ Aléxhândrơ Ivanúrts Eghipétxki có đền nhà thương đây... Cũng bị đau răng như ông... Ông ấy là bậc thức giả cái gì cũng muốn biết, cái gì cũng hỏi ngành ngọn rõ ràng. Ông ấy bắt tay tôi, kêu tôi bằng đủ họ đủ tên nhé... Sống ở Pê-têrburg[10] bảy năm, làm quen với đủ các vị giáo sư... Tôi với ông ấy ngồi nói chuyện với nhau mãi... Lạy Chúa, ông nhờ giúp tôi cái răng ấy với, ông Xergây Kudmíts! Việc gì mà không nhờ? Nhờ được chứ. Nhưng mà phải hiểu biết rành rọt bằng không thì cứ gọi là bỏ tay... Răng cũng có nhiều loại răng chứ. Có cái phải dùng kim, có cái phải nạy lên, có cái phải dùng lặc lê... Mỗi người mỗi khác.

Viên y sĩ cầm cái nạy lên, nhìn một lúc ra vẻ suy nghĩ đắn đo, sau đó y lại để xuống cầm lấy cái kim.

- Nào, bây giờ ông há miệng ra cho to vào... - viên y sĩ tay cầm kim vừa nói vừa bước lại gần ông già. - Tôi sẽ... sẽ ngay bây giờ cho ông... Dễ thôi mà, có quái gì đâu... Chỉ cần vạch cái lợi ra... Kéo ngược lên một cái... thế là xong... (y vạch lợi ra) thế là xong...

- Các ông là người ban phúc, ban ơn... Bọn ngu dân chúng tôi thì có biết mô tê gì... Chúa đã ban học thức cho các ông mà lại...

- Thôi đừng lý sự nữa, mồm ông há ra rồi cơ mà!... Cái răng này nhờ dễ thôi mà, có khi chỉ còn toàn chân răng... Cái này thì có quái gì đâu... (Y đặt chiếc kim vào.) Ấy chết, sao lại run lên bần bật thế... Ngồi yên chứ... Chỉ nháy mắt là xong thôi... (Y bắt đầu kéo ra.) Điều cần nhất là kim phải cặp cho sâu (kéo tiếp)... thì mũ răng mới khỏi bị vỡ...

- Ôi cha ơi... Mẹ ơi... ơ ơ ơ...

- Đứng... đứng... Đứng túm tay tôi! Bỏ tay ra! (Lại kéo.)

- Xong ngay thôi... Đây... Có phải chuyện bốn đâu mà...

- Ôi cha mẹ ơi... cha mẹ ơi... (Kêu thét lên.) Ôi, lạy thánh thần! Ôi ôi ôi... Nhờ thì nhờ đi! Sao lại kéo dăm ba năm thế-ê!

- Đúng là chuyện... chuyện phẫu thuật... Chứ phải chơi đâu... Làm ngay thế nào được... Đây... đây...

Ông già Vôn-mi-glaxốp co đầu gối lên chạm khuỷu tay, mấy ngón tay hươ hươ, mắt trố ra, thở hộc hộc... Mồ hôi lấm tấm trên gương mặt độ lụng, nước mắt ứa ra. Viên y sĩ Kuriatin cũng thở hộc hộc, chân giậm thình thịch bên cạnh lão trợ tề và kéo... Nửa phút đau đớn kinh khủng trôi qua - và chiếc kim tuốt ra khỏi răng. Lão trợ tề chồm lên và thọc ngón tay vào mồm. Lão sờ thấy cái răng vẫn ở chỗ cũ.

- Thế mà cũng kéo - ông già nói bằng giọng dờ khóc dờ cười giễu cợt. - Đến lúc ông châu trời rồi tôi cũng cầu cho ông bị người ta lòi răng ra như vậy! Xin vái dài, cảm ơn ông lắm lắm! Không biết nhờ thì đừng mó tay vào có hơn không! Tôi cứ đau điếng cả người, không còn thấy trời đất gì nữa...

- Nhưng mà tại sao ông lại cứ níu lấy tay tôi? - viên y sĩ cau kinh nói. - Tôi thì kéo, còn ông thì cứ đẩy đẩy tay tôi mà lảm nhảm nói những gì ở đâu... Đồ ngu ngốc!

- Ông ngu thì có!

- Đồ ngu, ông tưởng nhờ cái răng mà dễ như bốn đây phồng? Có giỏi thì cứ thử làm xem! Đây có phải là chuyện leo lên gác chuông mà giật mà kéo dây chuông đâu! (Viên y sĩ làm điệu bộ bắt chước.) Cứ luôn mồm: “Không biết nhờ, không biết nhờ!” Này, ông già ông lại đòi dạy khôn tôi đây phồng? Xì, ông mà dạy... Đây tôi đã nhờ cho ngài Aléxhândrơ Ivanúrts Eghipétxki đấy, thế mà ngài có nọi, có kêu la gì đâu... Người ta còn sang trọng hơn ông, mà có nắm tay gì đâu... Thôi, ngồi xuống, đi! Ngồi xuống, tôi đã bảo mà!

- Tôi đau quá... Cho tôi thở một lúc đã... Chà! (Ông già ngồi xuống.) Đừng có kéo lên, mà phải nhô đầu. Đừng kéo mà nhô thôi ông, nghe chưa nào... Cứ nhô phăng đi!

- Chỉ được cái múa rìu qua mắt thợ! Lạy Chúa tôi, bọn dân đen này vô học quá mất thôi! Cứ ở gần mãi, cái bọn này... khéo đến hóa đàn mất! Nào, há miệng ra... (Viên y sĩ đặt chiếc kim vào.) Này, ông bạn già ọ, phẫu thuật không phải là chuyện bỡn đâu... Có đâu như chuyện lên bục mà đọc kinh đâu... (Y bắt đầu kéo.) Đừng run lên thế... Hóa ra cái răng này già quá rồi, chận nó ăn sâu lắm... (Lại kéo.) Ngồi yên, ngồi yên chứ... Thế, thế... Đừng động đây... Chết, chết sao thế... (Nghe tiếng rắc một cái.) Tôi đã biết mà!

Ông già Vônmi glaxốp ngồi lặng đi một phút dường như không còn hay biết gì nữa. Ông kinh ngạc sững sờ... Đôi mắt ông ngầy dại nhìn vào khoảng không, mồ hôi vã ra trên gương mặt tái mét.

- Lẽ ra phải dùng cái này... - viên y sĩ lầm bầm nói. - Thật là một trường hợp quái dị!

Hoàn hồn trở lại, viên trợ tế thọc ngón tay vào miệng và sờ thấy ở chỗ chiếc răng đau hai mảnh răng vỡ trôi lên.

- Đồ quỷ ở đâu ấy... - ông già làu bàu nói. - Để các người ở đây thì chúng tôi chết cả nút, làm tình làm tội quá thế!

- Cứ chửi nữa đi... - viên y sĩ vừa lầm bầm nói vừa cật kim vào tử. - Đồ ngu ngốc... Chắc là hồi học chủng viện người ta đánh ông ít quá chắc... Ngài Alếchxandơ Ivanúts Eghipétxki, ở Pêtêrburg đến bảy năm... Chữ nghĩa bẽ bẽ... một cái áo của ông ấy có để đến trăm rúp... thế mà ông ấy có chửi rửa gì đâu... Còn ông thì là cái thá gì? Không sao cả đâu, ông cũng chẳng nghèo đâu mà sợ!

Viên trợ tế vợ vội chiếc bánh thánh đặt trên bàn, tay ôm lấy má, rồi chuồn thẳng về nhà...

Con Kỳ Nhông[11]

CẢNH SÁT VIÊN ÔTSUMELÓP mình vận bành tô mới, tay cầm một cái gỏi, đang đi qua bãi chợ. Bước theo sau y là một người lính cầm, tóc hung hung đỏ tay xách một giỏ đầy phúc bồn tử mới tịch thu được. Chung quanh yên ắng... Bãi chợ vắng tanh không một bóng người... Cánh cửa những hiệu tạp hóa, những quán rượu mở toang như những miệng thú đói buồn tẻ nhìn ra đường, đến cả ăn mày quanh đây cũng không có một ai.

- Mày dám can hả, đồ khôn! - bất ngờ Ôtsumelóp nghe thấy. - Các cậu ơi, đừng để nó sống nhé! Bây giờ người ta không cho phép để chó cắn người đâu! Bắt lấy! A... a...!

Có tiếng chó kêu rống lên ăng ăng. Ôtsumelóp nhìn sang một bên và thấy: từ kho củi của tay lái buôn Pitsugin có một con chó chạy khập khiễng bằng ba chân, vừa chạy vừa quay đầu lại nhìn. Đuổi theo sau nó là một người mặc áo sơ mi hoa mới hơ và một chiếc gilê mở cúc. Người ấy chạy theo con chó, cô vươn ra phía trước, anh ta ngã soài xuống đất và túm lấy hai cẳng sau của con vật. Lại nghe thấy tiếng chó ăng ăng và tiếng kêu: “Đừng để nó sống!” Từ phía sau các cửa hiệu ló ra những bộ mặt ngái ngủ, và chỉ một lúc sau bên kho củi đã thấy tụ tập cả một đám đông tựa hồ như là chui từ dưới đất lên.

- Thưa ngài, hình như có chuyện mất trật tự ạ!... - người lính cầm nói.

Ôtsumelóp nghiêng nửa vòng, quay sang bên trái và bước tới chỗ đám đông. Ông ta nhìn thấy anh chàng mặc áo gilê mở cúc ban nãy đang đứng ngay sát bên công nhà kho, cánh tay phải giơ lên chia cho mọi người xem ngón tay rớm máu. Bộ mặt ngà ngà say của anh ta như muốn nói: “Thế đây đồ chó má, tao vật cô mày đi đây!”, và cả ngón tay kia cũng ra vẻ đặc trắng. Ôtsumelóp nhận ra anh ta là anh thợ kim hoàn Khorriukin. Chính giữa đám đông là thủ phạm gây ra chuyện huyền náo vừa rồi - một con chó săn nhỏ mõm dài, trên lưng có một khoảng bông vàng, đang ngồi trên mặt đất, toàn thân run rẩy, hai chân trước xoạc ra hai bên. Đôi mắt uơn uớt của nó lộ rõ vẻ rầu rĩ và kinh hãi.

- Có chuyện gì vậy hả? - Ôtsumelóp hỏi, gạt mọi người, đi thẳng vào giữa đám đông - Sao thế hả? Sao lại giơ ngón tay lên thế kia?... Ai vừa kêu âm lên vậy hả?

- Thưa ngài, tôi đang đi, chẳng động chạm gì đến ai... - Khorriukin bắt đầu nói, đưa lòng bàn tay lên che miệng húng hắng ho. - Tôi đang đến mua củi của ông Mitori Mitoríts đây, thì bất thành linh con vật đều cẳng này tự nhiên chồm lên cắn vào ngón tay... Xin ngài miễn thứ cho, tôi là một người làm ăn... Tôi phải làm một việc rất tỉ mỉ. Tôi đòi người ta phải bồi thường cho tôi, vì cái ngón tay này có để phải đến một tuần tôi mới cử động được... Thưa ngài, pháp luật không thấy ghi rằng gặp những con chó như thế này thì đành phải chịu lép ạ... Ví thử con chó nào cũng nhè người mà cắn thì đừng sống trên đời này nữa còn hơn...

- Hừm!... Được rồi... - Ôtsumelóp nghiêm giọng nói, ho mấy tiếng và cau đôi mày. - Được rồi... Con chó này của ai? Ta không để yên chuyện này đâu. Ta sẽ cho các người biết cứ thả rông chó như thế là thế nào! Đã đến lúc phải lựu tâm đến các vị không muốn chấp hành các điều lệ quy tắc! Phải phạt cái thằng vô lại rồi nó mới biết rằng thả rông chó và các súc vật khác đối với ta nghĩa là thế nào! Ta sẽ cho nó biết tay ta! Này, Endurrin, - Ôtsumelóp quay lại nói với người lính cầm, - hãy điều tra xem, con chó này của ai, rồi lập ngay biên bản! Con chó này phải đập chết thôi. Đập chết ngay! Chắc là nó bị dại rồi... Này, nghe ta hỏi, con chó này là của ai?

- Hình như của tướng Giurgalóp! - Có ai trong đám đông nói.

- Cửa tướng Giurgalốp à? Hừm!... Endurin, cởi hộ ta cái bành tộ với... Chà, thật là khủng khiếp, nóng chỉ là nóng! Hình như trời sắp mưa rồi sao ấy... Đây, có một điều ta không hiểu: tại sao nó lại có thể cắn nhà người được? - Ôtsumelốp nói với Khorriukin. - Nó mà lại chồm đến được ngón tay của người à? Nó thì bé, còn nhà người thì cao to thế kia cơ mà! Chắc là ngón tay người lại xước phải cái đinh nào rồi sau đấy người mới chột nghĩ ra là phải bịa chuyện mà kiểm soát. Ta còn lạ gì... đồ các người!

- Thưa ngài, anh ta lấy thuốc lá gì vào mồm con chó để làm trò cười, còn nó thì chẳng ngu dại gì, nó tớp ngay lấy ngón anh ta... Thưa ngài, anh ta đàn lắm ạ!

- Chỉ nói láo, đồ chột mắt! Mày không nhìn thấy sao mày lại còn bịa chuyện? Ngài đây là người miễn tiếp, thế nào ngài cũng phân biệt được đâu nói láo, còn ai nói thật như nói thật cho Chúa trời nghe... Nếu tôi mà nói sai thì cứ xin để quan tòa phán xử. Dạ, bây giờ pháp luật đã có rồi... tất cả đều bình đẳng... Chính tôi cũng có người anh em làm sen đầm đấy ạ... ngài có muốn biết không ạ...

- Đừng lý sự nữa!

- Không, con chó này không phải của ngài thiếu tướng đâu... - người lính cảm nhận xét đầy thâm ý. - Ngài thiếu tướng chẳng có loại chó này đâu. Chó của ngài phải chắc là chó săn nòi thôi...

- Người biết chắc điều ấy à?

- Thưa ngài, chắc thế ạ...

- Chính ta cũng đã biết thế. Chó của ngài thiếu tướng là loại chó quý, chó nòi chứ đâu như con này - có trời mà biết là loại chó gì! Lòng không xù, trông mã chẳng ra làm sao... Nhìn vào chỉ tổ bần mắt thôi... Ngài thiếu tướng mà lại nuôi loại chó này hả?! Trí khôn của các người để đâu cả rồi? Nếu cái thứ chó này có ở Pê-têr-burg hay Mác-cô-vơ, thì các người có biết sẽ ra thế nào không? Ở đây người ta sẽ chẳng phải giữ luật giờ liếc gì hết và chỉ một loáng sau thôi là hết ngáp! Đây Khorriukin, người bị nạn thế rồi thì đừng có mà làm ngơ nghe chưa! Phải cho chủ nó biết tay! Thôi...

- Mà cũng có thể là chó của ngài thiếu tướng... - người lính cảm nói ý nghĩ ra miệng. - Ở mồm nó có đề chữ gì đâu... Mới đây tôi có trông thấy trong sân ngài thiếu tướng một con chó giống như con này.

- Đúng rồi, của ngài thiếu tướng đấy! - có giọng ai nói trong đám đông.

- Hừm!... Đây Endurin, mặc hộ ta cái áo bành tộ một tí... Trời chuyển gió rồi đây... Ren rét là... Người dắt con chó đến chỗ ngài thiếu tướng và hỏi ở đấy xem. Bẩm rằng ta đã tìm được và xin gửi lại ngài... Người cũng nói rằng về sau đừng thả nó ra ngoài phố nữa... Có thể là nó thuộc loài chó quý đấy, biết đâu chả có một đứa nào đây ngu như lợn lại giết thuốc lá vào mũi nó, thì làm xấu cả con chó đi. Chó là một giống vật ưa nhẹ tay... Còn thằng ba hoa kia, bỏ tay xuống đi! Hay hờm gì mà cứ trưng cái ngón tay ngu xuẩn kia lên mãi thế! Chính nhà người có lỗi chứ còn ai!...

- Kìa, anh bếp của ngài thiếu tướng đang đi đến kia kìa, ta hỏi thử anh ta xem... Ê, Porôkhor! Lại đây, lại đây, anh bạn thân mến! Anh thử nhìn con chó xem coi... Có phải của trên nhà ngài không?

- Làm gì có chuyện đó? Cả đời tôi chưa thấy ông chủ tôi nuôi con chó nào như thế cả!

- Thôi, chẳng việc gì phải hỏi lâu la nữa, - Ôtsumelốp nói. - Nó đúng chó chạy rong rồi! Không phải bàn cãi gì nữa... Ta đã nói là chó chạy rong thì có nghĩa nó là chó chạy rong... Đem mà đập chết đi, thế thôi.

- Con chó này không phải của ông chủ tôi, - Porôkhor nói tiếp. - Nó là của em ông chủ tôi vừa mới đến đây hôm nọ. Ông chủ tôi không thích giống chó săn. Ông em ngài mới thích...

- Em ngài thiếu tướng vừa mới đến thật đấy ư? Ông Vladimír Ivanůtý phải không? - Ôtsumelốp hỏi, y cười hớn hờ, nở nang cả mặt mày. - Đúng thế hả? Thế mà tôi cũng chẳng hay biết gì cả! Ông ấy về đây chơi à?

- Vâng, về chơi...

- Đúng thế hả! Chắc ngài lại nhớ người anh em mình rồi... Thế mà tôi chả biết tý gì! Thế, thế con chó này của ông ấy đấy à? Tôi thật là mừng... Này, anh đưa nó về đi... Con chó con trông cũng khá đấy... Nó khôn ranh lắm... Nó vừa ngoạm tay thằng cha kia một cái đấy!... Hà hà hà... mà này chú cún, việc gì chú phải run lên thế nữa? Chắc, chắc, chắc chú mình đang nói cơn thịnh nộ đây... Chà, kiếm đâu ra con cún kháu khỉnh quá ta...

Porôkhor gọi con chó và cùng đi với nó ra khỏi kho củi... Cả đám người cười rộ lên nhạo Khoríukin.

- Liệu hồn đấy, người còn biết tay ta! - Ôtsumelốp nói đe y, khép vạt áo bành tô lại, rồi tiếp tục đi qua bãi chợ.

Mặt nạ

NGƯỜI TA TỔ CHỨC TẠI Câu lạc bộ X. một buổi dạ hội khiêu vũ trá hình với mục đích từ thiện, hay nói như các tiểu thư ở địa phương - một buổi vũ hội thịnh trang.

Đã 12 giờ đêm. Mấy vị trí thức không tham gia nhảy, không đeo mặt nạ - cả thầy gồm năm người - tụ lại ngồi quanh một chiếc bàn lớn trong phòng đọc sách, chúi mặt chúi mũi vào mấy tờ báo mà đọc, mà ngủ gà ngủ gật, và theo cách nói của tay phóng viên biệt phái của nhiều tờ báo thủ đô tại đây một nhân vật đầy khuynh hướng tự do - thì họ đang “tư duy”.

Từ phía căn phòng lớn vọng ra tiếng nhạc của điệu nhảy quadrille[12] “Viuska”. Ngoài cửa chốc chốc lại có tiếng chân những người hầu chạy huỳnh huých, cốc đĩa va vào nhau lanh canh. Còn ngay ở trong phòng đọc thì bao trùm một không khí yên lặng.

- Ở đây có lẽ thoải mái hơn! - một giọng trầm trầm khàn khàn vọng ra hình như từ phía lò. - Chui vào đây thôi! Vào đây thôi, các bạn ơi!

Cánh cửa mở ra, và bước vào phòng đọc là một gã đàn ông thấp lùn, to ngang vạm vỡ, vận bộ xà ích, đội chiếc mũ gài lông công, đeo mặt nạ. Tiếp theo sau y là hai bà đeo mặt nạ và một tên hầu tay bưng chiếc khay. Trên khay là một bầu rượu mùi, đáng thấp, hai ba chai vang đỏ và mấy cái cốc.

- Vào đây! Ở đây mát hơn, - gã đàn ông nói. - Đặt khay lên bàn đi... Nào, các cô nàng, mời các cô ngồi xuống! Mời các cô xem trò đùa nhé! Còn mấy vị kia, xin ngồi lùi ra cho... Không còn cách nào khác đâu!

Gã đàn ông loạng choạng bước tới, lấy tay gạt mấy tờ tạp chí từ trên bàn xuống đất.

- Mang lại đây! Còn mấy vị đọc báo kia, lùi ra cho, thì giờ đâu mà đọc báo với luận bàn chính trị... Tung hê đi thôi!

- Tôi yêu cầu ông phải hành động lịch thiệp, - một vị trí thức lên tiếng nhìn chiếc mặt nạ qua đôi mục kính. - Đây là phòng đọc chứ không phải phòng điếm tam... Đây không phải là chỗ uống rượu.

- Tại sao lại không phải? Bàn cập kênh chằng hay là trần sắp sứt? Kỳ thật! Nhưng thôi... chả thừa hơi mà lý sự! Quăng mẹ mấy tờ báo đi... Đọc thế đủ rồi, các ông khá thông minh rồi đấy, đọc nữa chỉ tỏ hại mắt thôi và cái chính nhất là tôi không thích, có thể thôi.

Tên hầu đặt khay xuống bàn, vắt chiếc khăn qua khuỷu tay, rồi bước ra phía cửa. Hai cô lập tức mở rượu vang đỏ ra uống.

- Sao lại có những vị thông minh đến mức khoái mấy tờ báo kia hơn là những thứ rượu này nhỉ, - gã đàn ông đeo lông công vừa tự rót rượu cho mình vừa khơi mào. - Theo ý kiến của tôi thì, thưa các vị đáng kính, các vị thích báo chí hơn chỉ là vì các vị đêch có động móc nào để uống rượu. Tôi nói thế có đúng không? Hà hà!... Vẫn đọc à! Này báo người ta viết gì đấy! Cái nhà ông đeo kính kia! Ông đang đọc truyện gì vậy! Hà hà! Đã bảo quăng đi mà! Các vị ngồi đây rồi bị hờ đấy! Tốt hơn hết là uống rượu thôi!

Gã đàn ông đeo lông công nhóm dậy và giật lấy tờ báo từ tay vị trí thức đeo kính. Vị này mặt tái xanh,

rồi lại đỏ bừng kinh ngạc nhìn mấy ông bạn trí thức của mình, mấy ông kia cũng nhìn lại vị đó.

- Ông mất hết cả tư cách rồi đấy, thưa tôn ông! - Vị đeo kính nổi nóng nói. - Ông đã biến phòng đọc thành quán rượu, ông đã cho phép mình làm những chuyện quá quắt, giật báo ra khỏi tay người khác! Tôi không cho phép làm thế! Ông không biết rằng ông đang gây sự với ai đây à, thưa tôn ông! Tôi là giám đốc nhà băng Giextiakóp!...

- Ta nhô toẹt vào cái điều rằng nhà ngươi là Giextiakóp! Còn tờ báo của nhà ngươi thì sẽ được vinh dự thế này này...

Gã đàn ông cầm tờ báo lên và xé vụn nó ra.

- Các ngài xem thế này là cái gì vậy? - Giextiakóp sừng sốt lấp bắp nói. - Thế này thì lạ quá... Thế này... thế này thì quả là không thể tưởng tượng nổi...

- Ông phát khùng lên rồi, - gã đàn ông cười lên hô hô. - Hừ, làm tôi sợ hãi đến nỗi run như cày sậy! Thế đây thưa các quý vị! Thôi dẹp chuyện đùa bỡn lại cái đã. Ta không hào hứng nói chuyện với các vị đâu... Chả là ta muốn ở lại đây một mình với mấy cô nàng này và rất muốn đem lại ngay cho mình cảm giác khoái lạc, cho nên ta yêu cầu quý vị đừng có tranh cãi và ra ngay khỏi đây cho... Xin mời! Ngài Bêlêbukhin, ngài rút xéo ngay cho! Sao cái mặt mo của ngài lại nhăn nhó thế kia? Ta đã nói là ra, vậy thì phải ra ngay thôi chứ! Ta bảo sao thì phải tấp lự làm vậy, không thì liệu hồn đấy ta tóm cổ đi!...

- Thế này nghĩa là thế nào? - viên thủ quỹ cơ quan bảo trợ tài sản Bêlêbukhin nhún vai hỏi, mặt đỏ bừng lên. - Tôi chịu không thể hiểu được... Một tên vô lại chạy tọt vào đây... và thế rồi bỗng xảy ra cơ sự này!

- Này, này, nhà ngươi nói “vô lại” là chữ gì vậy? - gã đàn ông đeo lông công nổi giận hét lên giơ nắm tay đâm mạnh xuống mặt bàn đến nỗi cốc tách đặt trên khay nhảy hết cả lên. - Nhà ngươi nói với ai thế? Ngươi tưởng rằng, nếu ta đây đeo mặt nạ rồi thì người ta có thể nói gì với ta cũng được phải không? Đồ rần rết! Cút ngay, ta đã nói rồi cơ mà! Ngài giám đốc nhà băng kia nữa, khôn hồn thì cuộn xéo ngay cho! Cút hết, cút hết, sao cho không còn một con giòi bọ nào ở lại đây nữa cả! Cút hết ngay!

- Được rồi, bây giờ tất cả sẽ biết! - Giextiakóp nói, ông ta giận dữ đến nỗi vã cả mồ hôi ra mắt kính. - Tôi sẽ cho ông biết tay! Ờ, gọi hộ tay chủ trò khiêu vũ đến đây với!

Một phút sau viên chủ trò thấp bé tóc hung bước vào, ve áo đeo một dải tua xanh, thở hổn hển vì nhảy quá nhiều.

- Yêu cầu ông ra cho! - viên chủ trò nói. - Đây không phải là chỗ uống rượu! Xin mời ông xuống phòng điếm tâm!

- Mà ở đâu chui ra thế? - gã đàn ông đeo mặt nạ hỏi. - Ta có cho đòi mà ở đâu?

- Xin đừng xưng hô mà y như thế cho và xin mời ra khỏi đây!

- Ồ, ông bạn thân mến, này ta hẹn cho ông bạn một phút đấy... Bởi vì rằng ông là chủ trò, là nhân vật chính ở đây, nên mời ông hãy dắt tay mấy nhà nghệ sĩ này ra hộ cho. Các cô nàng của ta không được thoải mái lắm khi trong phòng này còn có người lạ mặt... Các cô nàng xấu hổ mà, còn ta thì ta đã bỏ tiền ra và muốn được nhìn các nàng ở dạng tự nhiên.

- Có lẽ tên cục súc này không hiểu rằng nó không phải ở trong chuồng bò, chuồng lợn? - Giextiakóp kêu lên. - Cho gọi Epxtorát Xpiridônúts đến đây!

- Epxtorát Xpiridônúts! - tiếng mọi người gọi lan đi khắp câu lạc bộ. - Epxtorát Xpiridônúts đâu rồi?

Liền đó lão già Epxtorát Xpiridônúrts mặc y phục cảnh binh hiện ra ngay.

- Yêu cầu ông ra khỏi đây! - lão già nói rít lên, mắt nhìn trừng trừng, bộ ria mép nhuộm màu đen rung rung lên.

- Hừ, nhà ngươi định dọa ta à! - gã đàn ông nói, cười khoái trá. - Hừ, định dọa ta chắc! Gớm nhỉ, lại còn có thứ ngoáo ộp này nữa! Rìa thì như rìa mèo, mắt thì gương lồi ra thế kia kia... Hề hề hề!

- Không lý sự gì nữa hết! - lão già lấy hết hơi sức hét to, toàn thân run lẩy bẩy. - Ra khỏi đây ngay! Ta sẽ ra lệnh lòi ông ra khỏi đây!

Một cảnh huyền ảo không thể tưởng tượng được diễn ra trong phòng đọc báo. Lão cảnh binh mặt đỏ gay như tôm rảo giậm chân, la hét om sòm. Giextiakóp la hét. Bêlêbukhin la hét. Tất cả các vị trí thức đều la hét, nhưng giọng nói của tất cả bọn họ đều bị át đi trong cái giọng ồm ồm trầm trầm của gã đàn ông đeo mặt nạ. Vì tình cảnh hỗn loạn chung nên đám nháy phải ngừng lại, và mọi người đổ dồn về phía phòng đọc.

Để ra oai, lão cảnh binh Epxtorát Xpiridônúrts cho gọi tất cả những cảnh sát đang có mặt ở câu lạc bộ đến, rồi ngồi xuống lập biên bản.

- Viết đi, viết đi, - cái mặt nạ nói, gõ gõ ngón tay xuống bên ngòai bút của lão cảnh binh. - Khốn khổ cái thân tôi, bây giờ thì tôi bị phạt thế nào? Trăm sự đổ lên cái đầu khốn khổ của tôi! Vì cớ gì mà các ông hăm hại tôi, một kẻ đáng thương? Ha ha! Thế nào? Biên bản xong chưa? Tất cả ký hết rồi chứ? Bây giờ thì mời các ngài nhìn này! Một... hai... ba!!

Gã đàn ông đứng dậy, vươn thẳng người lên và giật tấm mặt nạ xuống, để lộ hăn bộ mặt say mềm của mình ra mà nhìn tất cả mọi người. Thú vị thưởng thức tác động của việc mình vừa làm, gã ngồi phịch xuống chiếc ghế bành và thích chí cười. Ấn tượng mà gã vừa gây ra quả là phi thường thật. Các vị trí thức ngán người nhìn nhau, mặt tái mét, vài vị còn giơ tay gãi gáy. Lão cảnh binh kêu ớ lên một tiếng như người vừa vô ý làm một chuyện đại dột ghê gớm.

Tất cả đều nhận ra kẻ phá bĩnh vừa rồi là ông Piatigoróp, nhà triệu phú bản địa, chủ nhà máy, được quý trọng, người đã từng nổi tiếng bởi những vụ gây ồn ào, bởi lòng từ thiện và, như tờ báo địa phương đã nhiều lần nói tới, bởi lòng thiết tha đối với sự mở mang dân trí.

- Thế nào, có đi ra hay là không? - Piatigoróp nói sau một phút im lặng.

Các vị trí thức không hé răng nói nửa lời lặng lẽ rón rén đi kiễng chân ra khỏi phòng đọc, và Piatigoróp đóng ập cửa lại sau lưng bọn họ.

- Chính mi đã biết đó là ông Piatigoróp rồi cơ mà! - một lát sau lão cảnh binh Epxtorát Xpiridônúrts rít lên khe khẽ, tay nắm lấy vai tên hầu bàn đã mang rượu vào phòng đọc mà day. - Tại sao mi lại cảm hòng thế?

- Thưa, ngài không cho phép nói ạ.

- Không cho phép nói... Mi lại còn chờ ta tổng giam mi một tháng nhà pha rồi mới hiểu thế nào là “không cho phép nói”. Cút ngay! Còn các ngài thì làm gì, - lão già quay về phía mấy vị trí thức. - Làm ầm ĩ cả lên! Không thể bỏ ra khỏi phòng đọc dăm mười phút được à! Đây, bây giờ thì tha hồ mà gặp chuyện rắc rối! Ôi dà dà, các ngài ơi là các ngài ơi... Thật không ung bụng tôi chút nào cả!

Các nhà trí thức di tản vào trong câu lạc bộ, buồn thiu ngơ ngác như những người có tội, họ nói thì thầm với nhau và cùng linh cảm thấy rõ rệt một điềm gì chẳng lành sắp đến... Các bà vợ và con gái họ

sau khi biết rằng Piatigorốp bị “xúc phạm” đang cáu giận thì cũng ỉu xiu theo và lục tục kéo nhau ra về. Không còn thấy ai nhảy nữa.

Hai giờ khuya Piatigorốp đi ra khỏi phòng đọc chân nam đá chân chiêu. Bước vào gian phòng lớn, gã ngồi xuống bên cạnh ban nhạc rồi thêm thiếp đi trong tiếng đàn, sau đó gã buồn bã ngoẹo đầu sang một bên và ngáy khò khò.

- Thôi đừng chơi đàn nữa! - mấy vị chủ trò khoát tay ra hiệu cho mấy ông nhạc công. - Suyt... ông Piatigorốp đang ngủ đấy...

- Ông có ra lệnh cho chúng tôi đưa ông về nhà không ạ, thưa ông Piatigorốp? - Bêlêbukhin hỏi nhỏ.

Piatigorốp nháy nháy môi hết như đang muốn xua con ruồi nào đậu trên má.

- Ông có ra lệnh cho chúng tôi đưa ông về nhà không ạ, - Bêlêbukhin nhắc lại, - hay là gọi xe ngựa đến đây ạ?

- Gì? Ai? Mi à... mi cần gì?

- Dạ đưa ông về nhà ạ... Đến giờ nghỉ rồi đấy ạ...

- Về... về nhà, ta muốn thế... Đưa... ta về!

Bêlêbukhin sung sướng nở nang cả mặt mày và bắt đầu đỡ Piatigorốp dậy. Mấy nhà trí thức kia, miệng nhoẻn cười thích thú cùng xô cả lại tiếp tay nâng vị công dân thân hào truyền kể lên rồi nhẹ nhàng đưa ra xe ngựa.

- Thật là muốn làm cho cả một lũ người bị hổ thì chỉ có một nhà nghệ sĩ, một bậc tài năng mới làm nổi, - Giextiakốp hí hửng nói, đỡ nhà triệu phú ngồi lên xe. - Ông Piatigorốp ạ, quả thực là tôi hết sức kinh ngạc! Đến giờ tôi vẫn còn cười nôn cả ruột... Ha ha... Thế mà lúc ấy bọn tôi lại nổi nóng hết cả lên, lại còn định kiện cáo nữa chứ! Ha ha! Ông có thấy thế không? Ngay trong các rạp kịch người ta cũng không được cười nhiều thế... Thật là một sự hài hước vô biên! Suốt đời tôi sẽ còn nhớ mãi cái đêm bất khả vong này!

Đưa Piatigorốp lên xe rồi, các vị trí thức đều thấy vui vẻ và bình tâm trở lại.

- Ông ấy đưa tay cho mình bắt lúc từ biệt nhé, - Giextiakốp nói, giọng hể hả. - Thế nghĩa là chuyện êm rồi đây, ông không giận đâu...

- Cầu trời chứng giám cho lời ông! - lão cảnh binh thở dài. - Một tên vô lại, một thằng dê tiện, nhưng mà lại là một nhà từ thiện!... Thật không thể hiểu được!

Lão quản Prisubeép

- ÔNG QUẢN PRISUBEÉP! Ông bị truy tố về tội ngày mồng ba tháng Chín này đã dùng lời nói và hành động mà làm nhục ông trương tuần Giurghin, ông chánh tông Aliapốp, bá hộ Ephimốp, hai nhân chứng Ivanốp và Gavorilốp cùng với người nông dân khác nữa, ba người đầu tiên trong số đó bị ông thóa mạ trong lúc họ đang thi hành công vụ. Ông có nhận rằng mình có tội không?

Prisubeép, lão quản mặt mày trông độc địa kệt cớm, úp thẳng hai tay vào hai nẹp quần và trả lời bằng một giọng khàn khàn, ẹ ẹ nơi cô, dần từng tiếng một hết như đang chỉ huy:

- Kính bẩm ngài chánh án! Vậy là căn cứ theo mọi điều khoản của luật pháp thì phải nghiên cứu mọi trạng huống cả từ hai phía. Không phải tôi có tội mà là hết thảy những người kia. Tất cả mọi chuyện xảy ra là do một cái xác chết. Ngày mồng ba vừa rồi tôi cùng với bà Anphixa nhà tôi đang đi rất thông dong, đường hoàng, thì nhìn thấy bên bờ sông có một đám đông dân chúng gồm đủ hạng người khác nhau tụ tập lại. Điều luật nào cho phép dân chúng được tụ tập, tôi hỏi thế. Để làm cái gì? Có phải luật pháp đã nói rằng dân chúng được phép đi thành bầy thành đàn à? Tôi quát: giải tán! Rồi tôi bắt đầu xua cho họ ai về nhà nấy, ra lệnh cho ông bá hộ tổng cổ...

- Khoan đã, nhưng mà ông có phải là trương tuần, là lý trưởng đâu, xua đuổi dân chúng là phận sự của ông à?

- Không phải, không phải của nó! - tiếng mọi người nhao nhao lên khắp phòng. - Bẩm quan án, không sống được với nó đâu. Chúng tôi đã phải chịu khổ chịu sở với nó mười lăm năm nay rồi! Từ khi nó giải ngũ về thì thà cứ bỏ làng bỏ xóm mà đi còn hơn. Nó làm tình làm tội tất cả mọi người rồi!

- Đúng thế, bẩm quan án, - viên lý trưởng được đòi đến làm nhân chứng nói. - Cả làng cả xóm đều kêu ca ả. Không thể nào sống yên ổn với nó được! Dân làng chúng tôi đi rước hình Chúa, hoặc có đám cưới xin hay giả dụ như có dịp gì khác, ở đâu nó cũng gào cũng hét, chỗ nào cũng đòi chỉnh đốn lại trật tự. Véo tai trẻ con, dõm dõ rình mò cánh đàn bà con gái xem có chuyện gì không, cứ như bố chồng người ta không bằng... Gần đây nó đảo qua mọi nhà ra lệnh cấm không được hát, tôi đến không được thấp đèn. Nó bảo chẳng có luật pháp nào cho phép hát hồng cả.

- Khoan đã, lát nữa ông sẽ còn dịp trình bày, - quan chánh án nói, - bây giờ thì để cho Prisubeép nói tiếp. Tiếp tục đi, Prisubeép!

- Xin vâng, - lão quản cất giọng rề rề. - Thưa ngài chánh án, ngài đã hạ cố phán rằng xua đuổi dân chúng không phải phận sự của tôi... Được rồi... Nhưng mà nếu có những chuyện phá rối trị an thì sao? Chẳng lẽ lại cứ để cho dân chúng họ làm loạn thế à? Trong luật pháp có chỗ nào viết rằng dân chúng được quyền muốn làm gì thì làm đâu? Tôi không thể để yên được. Nếu tôi không xua đuổi, không bắt phạt họ thì ai sẽ làm việc ấy? Không một ai biết các thứ luật lệ hiện hành, cả làng này chỉ có một mình tôi, thưa ngài chánh án, tôi có thể nói, chỉ một mình tôi biết phải đối xử với bọn thường dân này như thế nào, thưa ngài, tôi có thể hiểu rõ mọi điều. Tôi không phải là đứa nông phu quê kệch, tôi là một viên quản, trước đây đã từng là thủ kho nhà binh, đã đóng ở Vácsava, ở bộ tham mưu, tiếp đây, xin ngài biết cho, sau khi giải ngũ, tôi đã làm ở đội chữa cháy, sau đó vì ốm yếu tôi thôi không làm chữa cháy nữa và hai năm liền làm nghề gác cổng cho một trường nam tiểu học... Mọi luật lệ tôi đều được biết. Còn bọn nông phu là hạng người tầm thường ngờ nghệch, không hiểu biết gì cả và phải nghe lời tôi như thế chính là có lợi cho bọn họ. Cứ lấy tí dụ như là cái trường hợp vừa rồi... Tôi xua đám dân làng đi vì ở bãi cát trên bờ sông có xác người chết đuối. Tôi hỏi, căn cứ vào đâu mà kẻ chết kia lại nằm ở đây? Chẳng lẽ như vậy là hợp lệ sao? Viên trương tuần kia sao lại chỉ đứng nhìn? Tôi hỏi, này

anh trương tuần, tại sao anh lại không tâm bầm việc này với thượng cấp? Có thể là người chết đuối này tự dìm mình, mà cũng có thể dính dáng đến chuyện đi tù Xibiri chứ chẳng chơi. Có thể đó là một vụ giết người thuộc hình sự... Thế mà viên trương tuần Giurghin cứ tỉnh khô như không mà hút thuốc. Anh ta nói: “Sao ông lại cứ làm như người chuyên ra mệnh lệnh thế kia? Ở đâu chui lên cái thứ người ra lệnh ấy? Không có ông ra lệnh có để chúng tôi lại không biết làm gì sao?” Tôi nói, vậy là anh ngu, anh không biết gì cả, nếu anh cứ đứng đực mặt ra thế kia. Anh ta nói: “Ngay từ hôm qua tôi đã bầm báo lên ngài xã tuần”. Tôi hỏi, việc gì lại phải báo cho xã tuần? Căn cứ theo điều khoản nào của bộ luật? Chẳng lẽ trong những trường hợp có người chết đuối, người thất cố và những trường hợp tương tự, chẳng lẽ trong những trường hợp như vậy ngài xã tuần lại có thể giải quyết được sao? Tôi nói đây là một vụ hình sự, đây là việc của bên dân sự... Tôi nói, gặp trường hợp ấy thì phải cấp báo cho ngài dự thẩm và các vị quan tòa. Tôi nói, việc trước hết, đầu tiên nhất anh phải làm là lập biên bản và gửi cho ngài chánh án. Thế mà viên trương tuần lại cứ vừa nghe vừa cười hoài! Bọn nông phu kia cũng vậy. Tất cả đều cười, thưa ngài chánh án. Tôi có thể xin thế mà khai như vậy. Đây, ông này, ông nọ nữa và cả Giurghin nữa đều cười. Tôi nói, làm gì mà nhe hết cả răng ra thế kia? Thế rồi chính viên trương tuần thì nói rằng: “Những chuyện này cũng chẳng dính dáng gì đến ông chánh án”. Nghe câu nói đó, tôi đã sôi tiết lên. Nay trương tuần, có phải người nói thế không? - Lão quản hướng tới trương tuần Giurghin.

- Tôi có nói.

- Mọi người đều nghe thấy nhà người nói với mọi người dân thường vậy. “Những chuyện này cũng chẳng dính dáng gì đến ông chánh án”. Mọi người đều nghe thấy nhà người nói thế... Thưa ngài chánh án, nghe câu nói đó tôi đã lộn cả tiết, tôi còn phát hoảng lên nữa. Tôi bảo anh ta, thử nói lại, nói lại câu nhà người vừa nói đi! Anh ta lại nhắc lại những lời ấy... Tôi liền bước đến gần anh ta. Tôi bảo, làm sao mà nhà người lại dám nói tới ngài chánh án bằng những lời lẽ như vậy hả? Người là trương tuần thế mà người lại chống lại chính quyền à? Há? Tôi bảo, nhà người có biết rằng quan chánh án, nếu ngài muốn, ngài có thể gô cổ nhà người giải lên Sở hiến binh của tỉnh vì lý do nhà người đã có hành vi khả nghi như vậy không? Tôi nói, nhà người có biết căn cứ vào những câu đầy tính chất chính trị như vậy ngài chánh án có thể đẩy nhà người đi những đâu không? Còn ông chánh tổng thì nói: “Ngài chánh án không thể can thiệp đến những việc ngoài quyền hạn của mình được. Ngài chỉ có thể giải quyết được những việc lặt vặt thôi”. Đây, ông ta nói như thế đấy, mọi người đều nghe được... Tôi bảo, sao ông lại dám thóa mạ chính quyền như vậy hả? Tôi bảo, này đừng có mà giở trò cợt nhả với tôi, bằng không chuyện sẽ chẳng hay hóm gì đâu, người anh em ạ. Hồi còn đóng ở Vácsava hay còn làm gác cổng ở trường nam tiểu học hề mỗi lần tôi nghe thấy có câu nói nào không thuận tai là tôi dòm ngay ra ngoài phố xem có ông cảnh binh nào không; tôi nói: “Mời ông lại đây, lại đây, ông cảnh binh”, và bầm báo hết với ông ấy. Thế còn ở xóm làng này thì biết nói với ai?... Tôi nói câu lên, tôi phát bực là dân chúng bây giờ quên hết cả phép tắc, chẳng còn biết sợ luật pháp gì nữa, thế rồi tôi vung tay lên và... tất nhiên là không có gì là mạnh quá, mà đúng là nhẹ tay thôi để cho ông ta chừa cái thói dám nói những lời hỗn xược như vậy với quan trên... Viên trương tuần nhảy vào bênh chánh tổng. Vậy là tôi nện cả trương tuần... Và cứ thế... Tôi nổi nóng lên, thưa ngài, mà không đánh chúng nó không được. Không cho đũa ngu xuẩn nó ăn đòn thì thật là có tội với lương tâm. Phải thế thôi, nếu có chuyện... nếu có sự phá rối trị an...

- Được rồi! Nhưng mà chuyện phá rối trị an đã có người lo. Đã có trương tuần, lý trưởng, bá hộ...

- Trương tuần không dòm dỏ gì đến chuyện đó cả, mà anh ta cũng không hiểu được điều tôi hiểu đâu...

- Nhưng mà ông quản, ông hiểu cho, đây không phải là chuyện của ông!

- Sao? Sao lại không phải là chuyện của tôi? Kỳ cục thật... Mọi người làm loạn, rồi thế là không phải chuyện của tôi! Thế ra tôi phải khích lệ chúng à? Đây bọn họ vừa kêu ca với ngài rằng tôi cấm không cho họ hát... Nhưng mà trong các bài hát ấy thì có gì hay hóm đâu kia chứ! Đáng lẽ là phải kiếm một việc gì mà làm thì bọn họ lại hát... Lại còn tôi tôi họ bắt đầu ngồi quanh đèn nữa chứ. Đáng lẽ phải đi ngủ thì bọn họ lại còn ngồi tán gẫu, cười đùa với nhau. Tôi có ghi lại hết!

- Ông ghi lại cái gì kia?

- Ghi tên những ai nhà có giông đèn.

Prisubeép rút trong túi ra một mảnh giấy dính mỡ, đeo kính lên và đọc:

- Nhà của những người nông dân sau đây có thấp đèn: Ivan Prokhorốp, Xápva Mikiphorốp, Pêtoro Pêtorốp, Vợ lính Suxtorôva, một mụ góa ăn năm bữa bãi trái phép với Xemiôn Kixlốp. Igonát Xverosóc làm nghề tà thuật, còn vợ hắn ta là Mavra là một mụ phù thủy, đêm đêm chuyên đi vất trộm sữa bò nhà khác.

- Đủ rồi! - ngài chánh án phán và bắt đầu hỏi các nhân chứng.

Lão quận Prisubeép nâng kính lên trán và kính ngạc nhìn quan chánh án, người mà rõ ràng đã không đứng về phía lão ta. Đôi mắt lồi của lão long lên sòng sọc, mũi chuyển sang màu đỏ lợt. Lão nhìn quan chánh án, nhìn các nhân chứng và không thể nào hiểu được vì sao quan lại có vẻ xúc động thế và vì sao từ khắp mọi góc trong phòng đều nghe thấy khi thì tiếng xì xào, khi thì tiếng cười húng hắng trong miệng. Lão cũng không hiểu nổi bản án nữa: một tháng phạt giam!

- Vì tội gì?! - lão dang hai tay ra tỏ rằng không hiểu được. - Căn cứ vào điều luật nào?

Đối với lão rõ ràng là thế giới đã đổi khác, là không thể nào sống trên đời này được nữa. Những ý nghĩ buồn bã, đen tối ám ảnh lão ta. Nhưng khi bước ra khỏi phòng xử án, nhìn thấy đám nông phụ tụ tập nói với nhau cái gì đấy, thì lão tạ, theo một thói quen không thể nào tẩy rửa được, bèn duỗi thẳng tay theo đường nếp quần và quát to bằng cái giọng rè rè giận dữ:

- Ê, dân chúng, giải tán ngay! Không được xúm đông thế này! Ai về nhà nấy!

Một chuyện đùa

MỘT BUỔI TRƯA MÙA ĐÔNG trong sáng... Trời giá lạnh, rét cóng. Nadia khoác tay tôi. Những hạt bụi tuyết nhỏ trắng xóa bám lên mấy món tóc xoắn vòng rủ hai bên thái dương nàng, lên hàng lông mày mịn phía bên trên môi. Nàng và tôi đứng trên một ngọn đồi cao. Từ chỗ chúng tôi đứng, sườn đồi đồ dài thoải thoải xuống lấp loáng dưới ánh nắng, như một tấm gương. Bên cạnh chúng tôi là một chiếc xe trượt tuyết nhỏ bọc một lớp dạ màu đỏ tươi.

- Chúng ta cùng trượt xuống dưới đi, Nadia! - tôi van nài nàng. - Một lần thôi! Tôi cam đoan với cô là chúng ta sẽ chẳng hề gì đâu.

Nhưng Nadia sợ. Cả khoảng không gian từ đôi giày cao su nhỏ nhắn của nàng đến chân quả đồi phủ băng này đối với nàng thật ghê sợ, tưởng như là một vực sâu vô tận. Đứng đây, nàng chỉ mới đưa mắt nhìn xuống dưới, hay tôi chỉ mới gợi ý bảo nàng ngồi vào xe trượt tuyết là nàng đã sợ hết hồn, không thở được nữa, huông hồ nếu nàng liều mạng lao xuống cái vực sâu kia thì không biết rồi ra sao? Nàng sẽ chết mất, sẽ phát điên mất.

- Ta trượt đi cô! - Tôi cố nài. - Việc gì mà sợ! Cô phải biết sợ thế là nhát gan, xoàng lắm cô ạ!

Cuối cùng, Nadia cũng ưng thuận, nhưng qua nét mặt nàng, tôi biết rằng nàng liều mạng mà nghe lời tôi. Tôi đỡ nàng ngồi vào xe trượt; nàng run rẩy, gương mặt nàng tái nhợt. Tôi vòng tay qua giữ lấy Nadia và cùng nhau lao xuống.

Chiếc xe lao đi vun vút như một viên đạn. Làn không khí bị xé ra quật vào mặt, gào rít bên tai dữ tợn đâm vào da buốt nhói, gió như muốn giật phăng đầu ra khỏi vai. Gió ép mạnh, đến nghẹt thở. Tưởng chừng như có một con quỷ nào đang giơ tay nắm lấy chúng tôi và vừa rú lên vừa kéo xuống địa ngục. Mọi vật chung quanh nhập lại thành một vệt dài vun vút lao về phía sau... Chỉ một giây lát nữa thôi có lẽ chúng tôi sẽ chết!

- Nadia, anh yêu em! - tôi thì thào nói.

Chiếc xe trượt dần dần chạy chậm lại, tiếng gió gào và tiếng càn trượt xe rít lúc này đã không còn đáng ghê sợ, ngực đã thấy dễ thở, và thế là chúng tôi đã xuống đến chân đồi. Nadia sợ tưởng chết đi được, gương mặt tái nhợt, nàng thở không ra hơi... Tôi đỡ nàng đứng dậy.

- Các vàng tôi cũng không trượt lần nữa đâu! - nàng nói và đưa cặp mắt mở to đầy sợ hãi, nhìn tôi. - Các vàng tôi cũng chịu! Chỉ thiếu chút nữa là tôi chết!

Một lát sau, nàng dần dần hết sợ và đã bắt đầu nhìn vào mắt tôi với vẻ dò xét: có phải tôi đã nói bốn tiếng ấy, hay chỉ là trong tiếng gió gào rít nàng nghe thấy như vậy? Còn tôi, tôi đứng bên cạnh nàng, lấy thuốc lá ra hút và chăm chú nhìn chiếc găng tay của mình.

Nàng khoác tay tôi và chúng tôi cùng nhau dạo chơi hồi lâu bên đồi tuyết. Hình như điều bí ẩn làm nàng thấy trong lòng băn khoăn. Có phải anh nói ra những lời đó không? Có những lời đó hay không? Có hay không? Đó là một câu hỏi của lòng tự trọng, của danh dự, của cuộc đời và niềm hạnh phúc - một câu hỏi rất hệ trọng, hệ trọng nhất trên đời này. Nadia dăm dăm nhìn tôi bằng cặp mắt buồn rầu nôn nóng bồn chồn. Nàng chậm rãi do dự trả lời những câu hỏi của tôi như chờ mong tôi sẽ tự nói ra cái điều bí ẩn ấy. Ôi, khuôn mặt nàng lúc ấy đáng yêu biết bao, ý nhị biết bao! Tôi thấy rõ nàng đang tự day dứt với mình, nàng cần nói một điều gì, cần hỏi một điều gì, nhưng nàng không tìm được lời,

nàng cảm thấy rụt rè kinh sợ, một niềm vui nào đang ngăn trở nàng nói...

- Này anh... - Nàng nói, mắt không nhìn tôi.

- Cái gì vậy? - tôi hỏi.

- Chúng ta cùng nhau... lao dốc lần nữa đi.

Chúng tôi lần theo những bậc thang trở lên đồi. Tôi lại đỡ Nadia lên xe, mặt nàng tái nhợt, và toàn thân run run. Chúng tôi lại lao xe về phía vực thẳm khủng khiếp và, gió lại gào, tiếng xe lại rít lên. Và cũng đúng vào lúc chiếc xe lao nhanh nhất, tiếng gió gào rít ghê gớm nhất, tôi lại nói:

- Nadia, anh yêu em!

Khi chiếc xe dừng lại, Nadia vội đưa mắt nhìn quanh quả đồi mà chúng tôi vừa trượt xuống, rồi nhìn đắm đắm vào mặt tôi, lắng nghe giọng nói thờ ơ lãnh đạm của tôi và toàn thân nàng, cả từ cái mũ, cái bao tay và dáng người nàng nữa, đều toát lên một cái gì đầy hồ nghi khó hiểu. Trên gương mặt nàng như hiện lên các câu hỏi:

“Điều gì đã xảy ra? Ai nói những lời ấy? Anh ấy hay là chỉ do ta nghe được?”

Điều bí ẩn ấy làm nàng không yên lòng chút nào, nàng không chịu được nữa. Cô bé đáng thương ấy không trả lời nổi những câu hỏi, nét mặt rầu rĩ như muốn khóc.

- Chúng ta về nhà thôi nhé? - tôi hỏi.

- Không, không... tôi thích... trượt xe thế này, - nàng nói, mặt ửng đỏ lên. - Hay là chúng ta cùng nhau trượt lần nữa đi?

Nadia nói rằng nàng “thích” cái trò trượt này, thế mà khi ngồi lên xe, nàng vẫn run, gương mặt nàng vẫn tái nhợt, hơi thở vẫn ngắt quãng vì sợ hãi như những lần trước.

Lần thứ ba chúng tôi trượt xuống. Tôi thấy nàng đắm đắm nhìn lên mặt tôi, theo dõi đôi môi tôi. Nhưng tôi lấy chiếc khăn tay che miệng đi rồi khẽ dang hăng lên mấy tiếng, và khi xe lao xuống lưng chừng đồi, tôi còn kịp nói:

- Nadia, anh yêu em!

Điều bí ẩn vẫn là điều bí ẩn! Nadia im lặng, nàng đang nghĩ ngợi điều gì... Tôi tiễn nàng từ sân trượt về nhà. Nàng cố đi chậm lại, chờ xem tôi có nói với nàng những lời ấy không. Tôi cảm thấy tâm hồn nàng đang đau khổ, nàng đang cố dần lòng để khỏi phải thốt lên:

- Không, gió không thể nói được những lời ấy! Mà tôi cũng không muốn tin rằng gió đã nói những lời ấy!

Sáng hôm sau, tôi nhận được một mảnh giấy của nàng: “Nếu hôm nay anh có đi trượt tuyết, đến rủ tôi cùng đi nhé! Nadia”. Từ hôm đó, ngày nào tôi và Nadia cũng lên đồi và mỗi lần lao xe từ trên đồi xuống, tôi lại thì thào nhắc lại những lời đó:

- Nadia, anh yêu em!

Chẳng bao lâu sau, Nadia quen nghe những lời ấy như quen uống rượu, hay dùng moócphin. Nàng không thể sống thiếu những lời đó nữa. Thực ra, lao xe từ trên đồi xuống vẫn đáng sợ như xưa, nhưng giờ đây chính cái nguy hiểm, cái kinh sợ đó lại đem đến một cái gì đặc biệt đắm say cho những lời yêu

đương ấy, những lời vẫn là điều bí ẩn và dẫn dắt lòng người như trước... Kẻ bị nghi ngờ vẫn là gió và tôi... Ai, gió hay là tôi, đã thổ lộ với nàng những lời yêu đương ấy, nàng không biết được; nhưng hình như nàng không để ý đến điều đó nữa bởi vì tục ngữ nói uống rượu từ bình nào, có gì đáng bận tâm đâu, chỉ cốt sao say được thôi.

Có lần vào một buổi trưa, tôi đến sân trượt một mình; đi lẫn trong đám đông, tôi bỗng nhìn thấy Nadia đang đi về phía đồi và đưa mắt tìm tôi... Rồi nàng chậm chạp bước theo bậc thang trở lên đỉnh đồi... Trượt xe một mình thật đáng ghê sợ biết bao, ôi, thật đáng ghê sợ! Mặt nàng tái nhợt, trắng như tuyết, toàn thân run rẩy, nàng bước đi hệt như đến nơi chịu án tử hình, nhưng nàng vẫn xăm xăm đi, đầu không ngoái lại. Chắc là cuối cùng nàng quyết định thử xem: nàng có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không, khi không có tôi bên cạnh? Tôi nhìn thấy nàng tái nhợt, miệng há ra vì sợ hãi; ngồi lên xe, nhắm mắt lại và, sau khi vĩnh biệt trái đất, bắt đầu lao xuống chân đồi... Tiếng còi trượt xe rít lên... Nadia có nghe thấy những lời đó nữa không, tôi không biết... Tôi chỉ thấy nàng bước ra khỏi xe một cách mệt nhọc, gần như kiệt sức. Qua nét mặt nàng có thể thấy rằng chính nàng cũng không biết nàng có nghe được những lời đó hay không. Nỗi sợ hãi khi xe lao xuống đồi đã làm nàng không còn khả năng nghe được, phân biệt được các âm thanh, không còn khả năng hiểu nữa...

Thế rồi những ngày xuân tháng Ba đã tới... Mặt trời như trở nên dịu dàng hơn. Quả đồi tuyết của chúng tôi bắt đầu sẫm lại, dần dần mất cái vẻ óng ánh của nó, và cuối cùng thì tan đi. Chúng tôi thôi không trượt xe nữa. Nadia đáng thương cũng không còn nỡ nào để nghe những lời đó nữa, và cũng không có ai nói những lời ấy nữa, bởi vì gió thì không còn thổi nữa, mà tôi thì sửa soạn đi Pê-têr-burg - đi rất lâu, có lẽ là suốt đời.

Có lần khoảng hai ngày trước khi đi Pê-têr-burg vào một buổi chiều tà, tôi ngồi trong khu vườn nhỏ. Một hàng rào cao có đỉnh nhọn ngăn cách khu vườn ấy với sân nhà Nadia... Trời hãy còn lạnh, tuyết hãy còn đọng lại dưới đám phân, cây cối vẫn trơ trụi, nhưng hương vị mùa xuân đã đến, từng đàn quạ bay về tổ, trú đêm kêu lên quảng quạc. Tôi đến bên hàng rào và ghé nhìn qua khe hở. Tôi thấy Nadia bước ra thêm và đưa mắt nhìn lên trời buồn bã... Làn gió xuân nhẹ thổi qua khuôn mặt nhợt nhạt rầu rĩ của nàng... Làn gió xuân gợi lại cho nàng cái tiếng gió rít trên đồi tuyết, khi nàng nghe thấy bốn tiếng ấy, và gương mặt nàng trở nên buồn bã lạ thường, nước mắt lặng lẽ chảy trên má... Nàng đáng thương đưa hai tay mình về phía trước như muốn cầu xin làn gió đem đến cho nàng những lời yêu đương đó một lần nữa. Và tôi, chờ khi có làn gió đến, thì thảo nói:

- Nadia, anh yêu em!

Trời, điều gì đã xảy ra với nàng lúc ấy! Nadia khẽ kêu lên và khuôn mặt nàng bỗng chan hòa một nụ cười rạng rỡ. Nadia đưa hai tay lên đón lấy gió, trông nàng lúc ấy thật là mừng rỡ, đẹp xinh và hạnh phúc.

Còn tôi, tôi trở vào nhà và đi thu xếp đồ đạc...

Chuyện ấy đã qua lâu rồi. Bây giờ Nadia đã có chồng, gia đình nàng gả chồng cho nàng hay nàng tự nguyện lấy? - điều ấy cũng chẳng có gì đáng bận tâm. Chồng nàng là thư ký hội đồng giám hộ trẻ con quý tộc. Nadia đã có ba con. Nhưng chút kỷ niệm cùng nhau trượt băng và gió lúc ấy đem đến cho nàng bốn tiếng: “Nadia, anh yêu em!” thì nàng không quên được; đối với nàng, điều ấy đã trở thành kỷ niệm hạnh phúc nhất, xúc động nhất, đẹp đẽ nhất trong đời nàng...

Còn tôi, bây giờ tôi đã đứng tuổi, tôi không hiểu nổi vì lẽ gì tôi đã nói những lời đó, làm sao tôi đã đùa như thế...

Vanka

VANKA GIUKÓP là một cậu bé chín tuổi, trước đây bạ tháng đã được gửi đến nhà ông thợ giày Aliakhin để học việc, vào đêm lễ Giáng Sinh cậu không nằm ngủ. Đợi đến lúc ông bà chủ nhà và mấy người thợ phụ đi lễ nhà thờ sáng sớm, cậu bé lấy từ trong chiếc tủ của ông chủ một lọ mực nhỏ, cây bút với chiếc ngòi đã gỉ, để một tờ giấy nhàu nát ra trước mặt rồi bắt đầu viết. Trước khi đặt bút viết chữ đầu tiên, mấy lần cậu sợ sệt đưa mắt nhìn cửa ra vào và cửa sổ, liếc nhìn bức ảnh thánh tối sẫm treo giữa hai dãy giá gỗ xếp đầy những bộ khuôn đóng giày, rồi thở dài dứt đoạn. Cậu đặt tờ giấy lên chiếc ghế băng và quỳ xuống bên ghế.

“Ông Konxtantin Makarúts thân yêu! - cậu viết. - Cháu viết thư cho ông đây. Cháu chúc mừng ông nhân dịp lễ Giáng Sinh và chúc ông được Thượng Đế ban cho nhiều may mắn. Cháu chẳng còn bố, còn mẹ, cháu chỉ còn có một mình ông thôi”.

Vanka đưa mắt nhìn ra cửa sổ tối sẫm thấp thoáng phản chiếu bóng cây nến của cậu, và xúc động tưởng tượng ra người ông của mình hiện đang làm người gác cổng ban đêm cho nhà chủ Giurvarép. Ông cụ nhỏ nhắn, gầy gò, nhưng khôn ngoan, nhanh nhẹn khác thường, tuổi chừng sáu mươi lăm, về mặt lúc nào cũng như đang cười và đôi mắt thì ngà ngà say. Ban ngày cụ ngủ trong bếp của đám người hầu hạ hay tán chuyện tâm phào với mấy bà đầu bếp, đến đêm thì cụ khoác tấm áo lông cừu thô rộng đi vòng quanh trang trại và gõ cái mõ của mình. Cúi đầu đi theo sau cụ là con chó già Kastanka và con chó Viun - gọi như thế vì con Viun có bộ lông màu đen và thân mình dài ngoẵng như một chú chồn. Con Viun lúc nào cũng tỏ ra hết sức hiền lành và kính nể mọi người, với người thân hay người lạ nó cũng đều nhìn bằng đôi mắt quẩn quít xun xoe, nhưng nó vẫn không được ai tin cậy. Đằng sau cái vẻ hiền lành, lễ phép ấy là một sự tinh ranh tráo trở. Không một con chó nào biết thạo hơn nó cách len đến đằng sau và dớp nhanh vào chân, ăn vụng thức ăn để trong hàm chứa hay bắt trộm gà của dân làng. Người ta đã nhiều lần đánh què hai chân sau, vài lần treo nó lên, tuần nào cũng đá cho nó một trận như từ, nhưng lần nào nó cũng sống lại. Bây giờ chắc ông đang đứng ở cổng, neho mắt nhìn những khung cửa sổ sáng đỏ của ngôi nhà thờ làng, rồi vừa đập đập đôi ủng dọ vào nhau vừa tán gẫu với đám đầy tớ. Cái mõ ông đeo bên thắt lưng. Ông vỗ vỗ tay, người co ro lại vì lạnh, rồi vừa cười hì hì theo lối cười của người già vừa véo bà hầu phòng, bà đầu bếp.

- Này, ngủ tí thuốc hút chứ? - ông cụ vừa nói vừa đưa hộp thuốc của mình cho hai bà đó.

Hai bà ngồi ngủ rồi hắt hơi. Ông cụ thích chí không thể tả được, khoái trá cười vang và kêu lên:

- Thuốc này tốt lắm đấy!

Họ cho cả chó ngủi thuốc lá nữa. Con Kastanka hắt hơi, ngoay ngoáy đầu rồi giận dỗi bỏ sang một bên. Con Viun vì nể không hắt hơi mà chỉ ngoáy ngoáy đuôi. Thời tiết thì thật là đẹp. Không khí thật êm dịu, trong lành và tươi mát. Màn đêm sẫm sẫm tối, nhưng vẫn nhìn rõ cả xóm làng với những mái nhà màu trắng và làn khói nhẹ nhẹ bay lên, những hàng cây phủ một lớp tuyết trắng và những đồng tuyết. Khắp bầu trời chỉ chít những vì sao vui nhấp nháy, và dòng sông Ngân hiện ra lồ lộ như trước ngày lễ có ai đã rửa sạch và trải lên đây tuyết trắng...

Vanka thở dài, chấm bút vào lọ mực rồi viết tiếp:

“Ngày hôm qua cháu bị đánh một trận đau lắm ông ạ. Ông chủ nắm tóc cháu lôi ra ngoài sân rồi lấy dây dọ đánh cháu tới tấp vì tội cháu đưa nôi cho con ông chủ ngủ mà cháu trót ngủ quên đi mất. Tuần vừa rồi bà chủ sai cháu mò con cá mòi, cháu lại bắt đầu làm từ đuôi, thế là bà ta cầm cả con cá mòi

mà quật vào mặt cháu. Mấy người thợ học việc toàn trêu cười cháu, bảo cháu ra ngoài quán mua rượu vodka lại còn bắt cháu lấy trộm dưa chuột của ông bà chủ, thế là ông chủ vợ được cái gì liền quật cháu tới tấp. Ăn thì chẳng có gì. Buổi sáng ông bà chủ cho cháu một miếng bánh mì, buổi trưa cho bát cháo, đến tối lại một mẩu bánh, còn có bao nhiêu canh bắp cải hay nước chè thì ông bà chủ ngốn hết, ông ạ. Ông bà chủ bắt cháu ngủ ngoài hành lang, khi con người ta khóc thì cháu chẳng được ngủ tí nào mà cứ phải đưa nôi suốt. Ông thân yêu, ông làm ơn làm phúc mang cháu về nhà ông, về làng, cháu chẳng chịu được nữa... Cháu van lạy ông, cháu cầu Thượng Đế suốt ngày đêm, để ông đến mang cháu đi khỏi nơi này, không, cháu có thể chết mất...”

Mồm Vanka méo xệch, cậu đưa nắm tay đen bần lên dụi mắt rồi sụt sịt khóc.

“Cháu sẽ tán nhỏ thuốc lá cho ông, - cậu viết tiếp, - có trời chứng giám, nếu có gì thì ông cứ đánh cháu cật lực, còn nếu ông nghĩ là không có việc gì cho cháu làm thì cháu sẽ cố xin đánh giày cho ông quản gia hay là đi chăn bò thế chỗ thằng Phếtka. Ông thân yêu, cháu chẳng biết làm thế nào nữa, chỉ còn nước là chết nữa thôi. Cháu đã định chạy trốn về làng, nhưng mà không có giày, cháu sợ trời rét quá. Còn khi nào cháu lớn lên rồi, cháu sẽ trả ơn ông mà nuôi ông, cháu không cho đứa nào làm nhục ông, khi ông chết, cháu sẽ cầu nguyện cho linh hồn ông được yên nghỉ như cháu đã cầu cho mẹ Pêlagâya.

Còn Maxcova là thành phố to lắm, ông ạ. Mọi nhà đều là của các ông chủ và ngựa cũng rất nhiều, còn cừu thì không có và chó thì không dữ đâu. Trẻ con ở đây không đi chơi thăm các nhà để ngâm thơ đạo Kytô vào ngày lễ Giáng Sinh và không ai cho đứng lên bục cao trong nhà thờ mà hét đâu, có lần cháu thấy ở hiệu tạp hóa trên cửa sổ có treo bán lưỡi câu có liên cả dây, cá gì cũng câu được, tốt lắm, ông ạ, lại còn có một cái lưỡi câu được cá nheo nặng một pút[13] ấy. Cháu còn thấy có hiệu bán những khẩu súng giống như các ông chủ vẫn đeo ấy, đến hàng trăm rúp một khẩu ấy, ông ạ... Ở các hiệu bán thịt thì đây thịt gà rừng này, gà lôi này, thịt thỏ này, nhưng bán được ở đâu thì mấy người bán chẳng nói.

Ông thân yêu, bao giờ ông chủ cho dựng cây thông treo những gói quà nhỏ thì ông lấy cho cháu một hạt dẻ màu vàng nhé, ông giấu vào cái rương màu xanh ấy. Ông cứ xin tiểu thư Onga Igonatiépna ấy, ông bảo là xin cho cháu”.

Vanka run rẩy thở dài và lại nhìn chăm chăm ra cửa sổ. Cậu nhớ lại lần nào vào rừng lấy cây thông cho nhà chủ, ông đều đi và dắt cháu đi theo. Lúc ấy thật là vui vẻ! Mấy lần trước khi dẫn cây thông, ông hút một tàu thuốc, ngửi ngửi thuốc hít rất lâu, và trêu cười cậu bé Vanka đang bị rết công... Những cây thông non phủ một lớp tuyết mỏng đứng yên và chờ xem cây nào bị chặt. Không biết từ đâu ra, một con thỏ chạy vụt qua mấy đồng tuyết... Thế nào ông cũng kêu lên:

- Bắt lấy, bắt lấy... bắt lấy! Chà, đồ quỷ cộc đuôi!

Chặt được cây thông rồi ông đem về nhà chủ, và ở đây người ta bắt đầu trang điểm cho nó... Tiểu thư Onga Igonatiépna mà Vanka rất mến, là người bạn rộn nhiều nhất. Hồi mẹ Pêlagâya của Vanka còn sống, làm hầu phòng cho nhà chủ, Onga Igonatiépna đã cho Vanka ăn kẹo và vì không có việc gì làm nên đã dạy cho cậu ta biết đọc, biết viết, đếm đến 100, thậm chí còn dạy nhảy điệu quadrille nữa. Sau khi mẹ Pêlagâya chết đi, người ta cho cậu bé mồ côi Vanka vào làm ở nhà bếp của những người hầu cùng chỗ ông, rồi từ đây lại gửi lên Maxcova ở với ông thợ giày Aliakhin...

“Ông thân yêu, ông lên đây đi, - Vanka viết tiếp - cháu xin ông làm ơn làm phúc đem cháu đi khỏi đây. Ông thương lấy cháu mồ côi mồ cút khổ sở, không người ta cứ đánh cháu mà cháu thèm được ăn no lắm, cháu buồn lắm, không nói được gì, cứ khóc thôi. Hôm vừa rồi, ông chủ lại lấy cái khuôn khâu giày đập vào đầu cháu, cháu ngã xuống mãi lâu sau mới tỉnh. Đời cháu khổ quá, khổ hơn cả chó, ông ạ... Cho cháu gửi lời thăm Alêna, bác Iegor chột mắt và bác đánh xe, còn cái phong cầm của cháu ông đừng đưa cho ai nhé. Cháu của ông mãi mãi, Vanka Giukôp, ông thân yêu, ông lên đây đón cháu nhé”.

Vanka gấp lá thư làm tư rồi bỏ vào cái phong bì mua một kôpêch ngày hôm trước... Nghĩ ngợi một lúc

rồi cậu lại chấm mực và viết địa chỉ:

Gửi ông ở nhà quê.

Sau đó cậu gãi gãi đầu nghĩ rồi viết thêm: “Ông Konxtantin Makarúts”. Lấy làm thích thú vì không bị ai ngăn trở viết thư, cậu chụp mũ lên đầu và không kịp khoác lên mình chiếc bánh tô, cứ mặc mỗi chiếc áo sơ mi mà chạy ra ngoài phố...

Hôm trước khi cậu hỏi, mấy người ngồi bán thịt đã nói với cậu là thư từ thì bỏ vào những hộp thư, rồi từ đây người ta lấy ra đem đi khắp nước trên những cỗ xe tam mã có chuông rung do mấy gã đánh xe say rượu điều khiển. Vanka chạy đến chỗ treo hộp thư gần nhất rồi bỏ bức thư quý báu qua khe...

Mợ theo những hi vọng ngọt ngào, một giờ sau cậu đã ngủ thiếp đi... Cậu nằm mê thấy cái bếp lò. Ông ngồi trên bệ bếp, đôi chân trần buông thõng, và đọc thư cho mấy bà đầu bếp nghe... Con Viun đi quần quanh bên cạnh và ve vẩy đuôi...

Chuyện đời vật vãn

NIKÔLAI ILÍTS BÊLIAÉP, một chủ nhà cho thuê ở Pê-têrburg, thường dự các buổi đua ngựa, tuổi còn trẻ, mới chừng độ ba mươi hai, người béo khỏe, hồng hào, có lân, lúc gần tối, ghé vào thăm bà Onga Ivanópna Iơ-ni-na, người mà Bêliaép đã từng chung sống, hay theo cách nói của anh, đã cùng kéo dài một mối tình buồn tẻ. Thật ra những trang đầu của mối tình đó, đầy thú vị và sôi nổi, đã qua đi từ lâu; và bây giờ những trang cuối cứ kéo dài, kéo dài mãi, không còn có một chút mới mẻ, hứng thú nào.

Không gặp Onga Ivanópna ở nhà, nhân vật của tôi bèn ngã lưng xuống chiếc divăng nhỏ đặt trong phòng khách và đợi.

- Chào bác ạ, bác Nikôlai Ilíts - anh bỗng nghe thấy một giọng trẻ con. - Mẹ cháu về bây giờ đây. Mẹ cháu với Xônia đi đến nhà bà thợ may.

Cũng trong phòng khách đó, nằm trên một divăng khác là Aliôsa, một cậu bé chừng tám tuổi, sạch sẽ, khỏe mạnh, cân đối, mặc chiếc áo nhung, đi bít tất dài đen, trông như trong tranh vẽ. Cậu nằm trên chiếc gối lằng, lúc giơ ngược chân này, lúc giơ ngược chân kia, chắc là đang bắt chước diễn viên nhào lộn vừa được thấy ít lâu trong rạp xiếc. Khi đội chân trắng đẹp của cậu đã mỏi, cậu bèn dùng đến cả tay hay là lại giả làm ngựa phi rất hăng, rồi chống hai tay, cõ chống ngược hai chân lên. Cậu ta làm tất cả những chuyện đó với vẻ mặt rất nghiêm trang, thờ phỉ phò một cách khổ sở, hệt như chính cậu cũng không thấy sung sướng gì khi trời đã phú cho cậu một thân thể hiệu động đến thế.

- À, chào anh bạn nhỏ của tôi! - Bêliaép nói. - Cháu đây ư? Thế mà bác không nhìn thấy. Mẹ có khỏe không?

Aliôsa lấy tay phải nắm bàn chân trái, trong một tư thế mất tự nhiên nhất rồi quay ngoắt lại, chồm người lên, lộ đầu ra trên chiếc chụp đèn to bọc nỉ mà nhìn Bêliaép.

- Biết nói với bác thế nào nhỉ? - cậu bé nói và nhún vai, - Vì thực ra thì mẹ cháu chưa bao giờ khỏe mạnh cả. Mẹ cháu là phụ nữ, mà phụ nữ thì lúc nào cũng ốm đau, bác Nikôlai Ilíts ạ.

Bêliaép không biết làm gì, quay ra nhìn Aliôsa chăm chú. Trước đây, suốt cả thời gian đi lại với Onga Ivanópna, không một lần nào anh chú ý đến thằng bé, hoàn toàn không nhận ra rằng có nó tồn tại: thằng bé lúc nào cũng thấy kè kè bên cạnh, nhưng mà nó ở đây để làm gì kia chứ, nó đóng vai trò gì - không hiểu sao Bêliaép cũng chẳng buồn nghĩ đến chuyện đó nữa.

Trong bóng chiều chập choạng, gương mặt Aliôsa với cái trán trắng xanh và đôi mắt đen không chớp bất ngờ gọi cho Bêliaép nhớ đến Onga Ivanópna thuở hai người mới yêu nhau. Anh bỗng cảm thấy muốn âu yếm đứa bé.

- Cháu lại đây, cháu! - anh nói. - Cho bác nhìn cháu gần một chút nào.

Cậu bé nhảy khỏi divăng và chạy đến bên Bêliaép.

- Thế nào? - Nikôlai Ilíts nói, tay đặt lên vai gầy gầy của cậu bé. - Ở nhà với mẹ thích chứ?

- Biết nói với bác thế nào nhỉ? Đạo trước cháu thấy thích hơn.

- Sao thế?

- Rất đơn giản thôi bác ạ! Đạo trước cháu với Xônia chỉ phải học nhạc với tập đọc thôi, còn bây giờ, cháu phải học cả thơ bằng tiếng Pháp nữa. À, bác mới cắt tóc.

- Ủ, mới cắt.

- Đấy, cháu thấy ngay mà. Râu bác ngắn đi đấy. Bác cho cháu sờ một tí nhé... Có đau không?

- Có đau đâu.

- Tại sao khi kéo một sợi râu thì đau mà khi kéo một lô sợi thì chẳng đau tí nào? Ha ha! À bác biết không, bác không để râu quai nón là đại đấy. Ở chỗ này phải cạo, còn hai bên thái dương... bác cứ để tóc lại...

Cậu bé nép vào người và sờ mớ sợi dây đồng hồ của Bêliaép.

- Khi nào cháu được vào trường học, - cậu bé nói, - mẹ cháu sẽ mua cho cháu đồng hồ. Cháu sẽ bảo mẹ cháu mua cái dây giống thế này... Ô, cái Médaillon[14] của bác đẹp quá! Cha cháu cũng có cái médaillon giống như thế, chỉ khác là của bác thì gạch gạch, của cha cháu thì đề chữ... Ở chính giữa có đề ảnh mẹ cháu. Bây giờ, bây giờ cha cháu có cái dây khác rồi, không móc vào nhau mà là một dải liền...

- Sao cháu biết? Cháu vẫn gặp cha cháu đấy ư?

- Cháu ấy à?... Không! Cháu...

Aliôsa đỏ bừng mặt lộ rõ vẻ hết sức lúng túng, bị bắt quả tang nói dối, cậu bé càng tỏ vẻ chăm chú cào cào móng tay vào chiếc médaillon hơn. Bêliaép nhìn chăm chăm vào mặt cậu bé và hỏi:

- Cháu gặp cha cháu đấy à?

- Kh... Không ạ!

- Không đúng, cháu cứ thành thực nói đi... Trông mặt cháu, bác cũng biết cháu nói dối. Nếu cháu nói lỡ mồm thì chẳng việc gì phải lúng túng thế. Cháu nói đi, có gặp không? Nào, cháu cứ coi bác như bạn thân của cháu!

Aliôsa do dự.

- Nhưng bác không nói lại với mẹ cháu chứ? - cậu bé hỏi.

- Chứ còn sao nữa!

- Bác nói thật nhé?

- Nói thật.

- Thật thế nhé!

- Chà, thật là một cậu bé khó tính! Cháu coi bác là ai mà lạ thế!

Aliôsa quay lại nhìn quanh, mắt mở to và thì thào nói:

- Nhưng mà bác đừng nói lại với mẹ cháu nhé... Cũng không được nói với ai khác nữa vì đây là

chuyện bí mật. Nhờ mà mẹ cháu biết thì cả cháu, cả Xônia, cả bà Pêlagaya sẽ bị... Nghe cháu kể nhé. Cháu và Xônia cứ đến thứ ba và thứ sáu thì được gặp cha cháu. Trước bữa ăn trưa, bà Pêlagaya dẫn chúng cháu đi dạo chơi, rồi bà dẫn chúng cháu vào hiệu bánh kẹo Apphen, cha cháu đã chờ sẵn ở đấy rồi... Cha cháu bao giờ cũng ngồi ở một buồng riêng bé bé, bác biết không, ở đấy có cái bàn đá phẳng lì, có cái gạt tàn giống con ngỗng không có lưng...

- Cháu với cha cháu làm gì ở đấy?

- Không làm gì cả! Đầu tiên thì chào nhau, sau đó tất cả ngồi quanh cái bàn rồi cha cháu cho cháu uống cà phê, ăn bánh rán. Bác biết không, Xônia nó toàn ăn bánh rán nhân thịt! Cháu thích nhân bắp cải với nhân trứng. Chúng cháu ăn thỏa thích no nê, đến bữa trưa sợ mẹ biết, chúng cháu phải cố ăn cho thật nhiều.

- Thế ở đấy các cháu nói những chuyện gì?

- Nói với cha cháu. Đủ các thứ chuyện. Cha cháu ôm hôn chúng cháu, kể đủ các thứ chuyện buồn cười. Bác biết không, cha cháu nói rằng, khi nào chúng cháu lớn lên rồi, cha cháu sẽ đem chúng cháu về ở chung. Xônia thì không thích, còn cháu thì đồng ý. Tất nhiên là không có mẹ thì buồn thật đấy, nhưng cháu sẽ viết thư cho mẹ cháu cơ mà! Lại thật bác nhỉ? Đến ngày lễ tết thì cháu có thể còn về thăm mẹ cháu nữa ấy chứ, có phải thế không bác? Cha cháu còn nói sẽ mua cho cháu một con ngựa. Cha cháu tốt nhất trần gian đấy! Cháu không biết tại sao mẹ cháu không bảo cha cháu về ở với mẹ cháu, rồi lại còn cấm chúng cháu gặp cha cháu nữa. Cha cháu rất yêu mẹ cháu cơ mà. Lần nào cha cháu cũng hỏi mẹ có khỏe không, mẹ đang làm gì. Khi nào mẹ cháu bị ốm thì cha cháu cứ túm lấy tóc mình thế này này... rồi cứ chạy đi, chạy lại. Lần nào cũng dặn chúng cháu phải nghe lời mẹ, phải yêu kính mẹ. Bác ạ, có phải mẹ cháu với chúng cháu đều khổ cả phải không?

- Hừm... Vì sao thế?

- Đấy là cha cháu nói. Cha cháu bảo chúng cháu là những đứa trẻ bất hạnh. Nghe cha cháu nói cứ thấy là lạ thế nào ấy bác ạ. Cha cháu bảo cháu cũng khổ, mẹ cháu cũng khổ. Cha cháu bảo cháu hãy cầu nguyện cả cho cháu, cả cho mẹ cháu.

Aliôsa lặng nhìn con chim nhồi, về nghĩ ngợi.

- Thế, - Bêliaép lâu bầu nói. - À ra cha con nhà người là thế. Bày ra trò hội nghị trong hiệu bánh kẹo. Mẹ cháu có biết chuyện này không?

- Kh...ông... Mẹ cháu làm thế nào mà biết được? Bà Pêlagaya thì không đời nào nói rồi. À ngày hôm qua cha cháu còn cho cháu ăn lê nữa cơ. Ngọt ngọt là, như bánh bích quỳ ấy! Cháu ăn hai quả.

- Hừm... Này, còn... cháu nghe này, cha cháu có nói gì về bác không?

- Về bác ấy à? Biết nói thế nào nhỉ?

Aliôsa tò mò nhìn lên khuôn mặt Bêliaép và nhún vai.

- Cha cháu cũng chẳng nói gì đáng kể cả.

- Đại loại nói thế nào?

- Thế bác không giận chứ?

- Chứ còn sao nữa! Chẳng lẽ cha cháu lại chửi rửa bác à?

- Cha cháu không chửi, nhưng, bác biết không nhỉ... Cha cháu giận bác đấy. Cha cháu nói là vì bác mà mẹ cháu phải khổ, nói là... bác đã làm hại đời mẹ cháu. Cha cháu là một người là lạ thế nào ấy bác ạ! Cháu giải thích cho cha cháu rằng bác rất tốt, chẳng bao giờ quát mắng mẹ cháu, nhưng cha cháu chỉ lắc đầu thôi.

- Thế thế, cha cháu nói rằng bác đã làm hại đời mẹ cháu phải không?

- Vâng. Bác đừng giận, bác Nikôlai Ilíts ạ!

Bêliaép ngồi dậy, đứng một lúc, rồi đi đi lại lại trong phòng khách.

- Chuyện này vừa lạ lòng vừa... buồn cười! - anh lầm bầm nói, nhún nhún vai, mỉm cười giấu cợt. - Cha cháu có lỗi tất mà lại đổ cho ta là làm hại đời mẹ cháu, phải thế không? Thử xem lại cha cháu là một kẻ vô tội như thế nào! Thế đúng là ông ấy nói với cháu là bác đã làm hại đời mẹ cháu à?

- Vâng, nhưng... bác đã nói rằng bác sẽ không cáu giận cơ mà!

- Bác không giận mà... mà cũng chẳng phải chuyện của cháu! Không, chuyện này... chuyện này kể cũng buồn cười thật! Ta như con gà rơi vào nồi canh bắp cải và thế rồi chính ta là kẻ có lỗi!

Có tiếng chuông rung. Cậu bé đứng phắt dậy và chạy ra ngoài. Một lát sau, một người phụ nữ với một đứa bé gái đi vào, đó là Onga Ivanốpna, mẹ của Aliôsa. Theo sau nàng là cậu bé Aliôsa, vừa nhảy cẫng lên, tay vung cao, vừa hát toáng lên. Bêliaép khẽ gật đầu và tiếp tục đi đi lại lại.

- Tất nhiên là thế rồi, còn buộc tội ai ngoài tôi nữa? - Bêliaép làu bàu nói, giọng cáu kỉnh. - Anh ta nói đúng đây! Anh ta là một anh chồng chạm lòng tự ái!

- Anh nói chuyện gì vậy? - Onga Ivanốpna hỏi.

- Chuyện gì à?... Đây này, thử nghe xem anh chồng chung thủy của cô đã nói những gì! Hóa ra rằng tôi là một thằng đê tiện, độc ác, tôi đã làm hại đời cô và lũ trẻ. Tất cả mẹ con cô đều bất hạnh, chỉ có mỗi mình tôi là hạnh phúc ghê gớm! Hạnh phúc ghê gớm, ghê gớm!

- Em chẳng hiểu anh nói gì cả! Làm sao thế?

- Đây, cô hãy nghe ông nhỏ này ông ấy kể cho mà nghe! - Bêliaép nói và chỉ vào mặt Aliôsa.

Gương mặt Aliôsa đỏ bừng lên, bỗng chuyển sang tái mét, rồi méo xệch vì sợ hãi.

- Bác Nikôlai Ilíts! - cậu bé nói to, giọng ào ào qua kẽ răng. - Suyt!

Onga Ivanốpna kinh ngạc nhìn Aliôsa, nhìn Bêliaép rồi lại nhìn Aliôsa.

- Cứ thử hỏi xem! - Bêliaép nói tiếp. - Mụ Pêlagâya của cô, một mụ đàn bà ngu độn, đã dẫn chúng nó đi vào hiệu bánh kẹo và sắp đặt cho chúng nó gặp bố chúng. Nhưng chuyện không phải ở chỗ là bố chúng đang đau khổ, mà ở chỗ tôi là một con quỷ độc ác, một thằng đê tiện đã hủy hoại đời cả hai vợ chồng cô...

- Bác Nikôlai Ilíts! - Aliôsa rên lên. - Bác đã thề rồi cơ mà!

- Ê, thôi đi! - Bêliaép phẩy phẩy tay. - Chuyện này hệ trọng hơn mọi lời thề thốt. Sự lừa dối, đạo đức giả làm tôi tức tối!

- Em không hiểu gì cả! - Onga Ivanốpna nói nhanh, nàng rơm rớm nước mắt - Aliôsa, - nàng quay sang

nói với cậu bé, - con gặp bố đây à?

Aliôsa không nghe thấy mẹ hỏi và sợ hãi nhìn lên Bêliaép.

- Không thể có được! - người mẹ nói. - Để em đi hỏi mẹ Pêlagâya xem sao.

Onga Ivanốpna đi ra khỏi phòng.

- Bác, bác đã thề với cháu rồi cơ mà! - Aliôsa nói, toàn thân run lên.

Bêliaép phẩy phẩy tay về phía thằng bé và tiếp tục đi đi lại lại. Nỗi giận dữ choán hết cả tâm trí anh ta và, như xưa nay vẫn vậy, anh lại không để ý gì đến cậu bé. Là một người lớn, nghiêm nghị, anh thấy chẳng hơi đâu mà ngó ngang đến lũ trẻ con. Còn Aliôsa thì ngồi thụp xuống một góc và kinh hãi kể lại cho Xônia nghe chuyện mình vừa bị lừa như thế nào. Aliôsa run run, vừa kể vừa thút thít khóc, đó là lần đầu tiên trong đời cậu chạm trán với sự lừa dối thô bạo đến thế; trước kia cậu chưa biết rằng trên thế gian này, ngoài những trái lê ngọt ngào, những chiếc bánh rán và đồng hồ đắt tiền, còn có bao nhiêu điều khác nữa không có tên gọi trong ngôn ngữ trẻ con.

Chai rượu sâm banh (Chuyện của một kẻ vô lại)

VÀO CÁI NĂM mà tôi bắt đầu câu chuyện, tôi làm trưởng ga xép ở một trong những tuyến đường sắt Tây Nam của nước Nga. Muốn biết tôi ở cái ga xép ấy vui hay buồn, các bạn có thể căn cứ vào điều là quanh đây hai mươi vécxta[15] không có lấy một ngôi nhà, một người đàn bà, một quán rượu nào cho ra hồn, thế mà dạo ấy tôi còn trai trẻ, khỏe mạnh, cường tráng, nông nổi và chẳng nghĩ sâu nhìn xa gì. Món giải trí duy nhất, chỉ là nhìn qua khung cửa sổ những con tàu với lại cái thứ rượu vôtka đáng nguyên rủa mà bọn dân buôn Do Thái thường pha lẫn ít thuốc mê. Có lúc thấy loáng thoáng một khuôn mặt phụ nữ qua khung cửa sổ, thì tôi đứng lặng như pho tượng nín thở mà nhìn theo cho đến khi con tàu chỉ còn là một chấm đen mờ; hay có lúc mặc sức uống cái thứ vôtka tởm tẽ kia, uống đến khi mụ đầu và không còn biết ngày tháng dài dằng dặc đang vun vút đi qua. Đối với tôi, một người vốn sinh trưởng ở miền Bắc thì thảo nguyên có tác động như một thứ nghĩa địa heo hút của bọn Tắcta. Về mùa hè, với vẻ yên tĩnh nghiêm trang - tiếng côn trùng đơn điệu rên rỉ, ánh trăng trong tỏa xuống khắp nơi không sao tránh được - thảo nguyên gợi cho tôi một nỗi buồn khắc khoải, còn mùa đông thì cái màu trắng tinh khiết của nó, chân trời xa lạnh lẽo, những đêm dài và tiếng chó sói rú đã làm lòng tôi nặng trĩu như một cơn ác mộng.

Ở ga xép này có mấy người: tôi và vợ tôi, một anh điện tín viên nặng tai, bị bệnh tràng nhạc và ba người gác ga. Phó trưởng ga của tôi là một anh chàng bị lao phổi đi chữa bệnh ngoài tỉnh lý hàng tháng trời, giao lại công việc cho tôi cùng với quyền được hưởng lương của mình. Tôi không có con cái, khách khứa thì không có cách gì lôi kéo họ đến được chỗ tôi, phần tôi thì có thể đến thăm các bạn đồng nghiệp cùng tuyến đường nhiều lắm là mỗi tháng một lần. Nói gọn lại là một cuộc sống buồn tẻ vô cùng.

Tôi còn nhớ lần tôi cùng vợ tôi sửa soạn ăn mừng năm mới. Vợ chồng tôi ngồi bên bàn, uể oải nhai đi nhai lại và lắng nghe tiếng “tạch tạch tẽ” đơn điệu phát ra từ chiếc máy của anh điện tín viên nặng tai. Tôi đã uống gần năm chén rượu vôtka pha lẫn thuốc mê, tựa cái đầu nặng trĩu lên bàn tay nắm chặt, tôi nghĩ đến sự buồn tẻ không cách gì thoát khỏi được đang bám riết đời tôi, còn vợ tôi thì ngồi bên cạnh, mắt chăm chăm nhìn vào mặt tôi. Cô ta nhìn tôi với cái nhìn của một người đàn bà mà trên đời này ngoài anh chồng điên trai ra không còn gì khác nữa. Cô ta yêu tôi say đắm, như tên nô lệ của tôi, và không phải chỉ yêu vẻ đẹp trai hay tâm hồn, mà yêu cả những lỗi lầm, sự giận dữ, nỗi buồn tẻ và thậm chí cả sự tàn nhẫn của tôi, khi trong cơn say rượu, không biết trút cái giận vào ai, tôi đã làm tình làm tội cô ta bằng những lời quở trách gàn dở.

Mặc dầu sự buồn tẻ mòn mỏi gặm nhấm tôi, vợ chồng tôi cũng sửa soạn đón năm mới đàng hoàng ra trò và nóng lòng chờ đợi đêm giao thừa. Số là chúng tôi có đề dành được hai chai rượu sâm banh, rượu sâm banh chính cống, thật rượu sâm banh Pháp; của báu này tôi kiếm được nhờ đã thắng viên trưởng đoàn đường sắt trong lần đánh cược hồi mùa thu, vào dịp lễ rửa tội cho đứa con mới sinh. Có lần trong giờ học toán, khi mà bầu không khí lạnh ngắt đi vì buồn tẻ, một con bướm bông bay từ ngoài sân vào lớp; bọn con trai quay đầu lia lịa, đưa mắt tò mò nhìn theo hết như không phải trước mặt là con bướm mà là một cái gì mới mẻ, lạ lùng; cũng đúng như vậy, chai rượu sâm banh bình thường tình cờ lạc đến cái ga xép buồn tẻ này đã làm chúng tôi vui mừng phấp phồng. Chúng tôi lặng lẽ ngồi yên, hết nhìn đồng hồ lại nhìn lên chai rượu.

Khi kim đồng hồ chỉ kém năm phút đầy mười hai giờ, tôi bắt đầu từ từ mở nút chai. Tôi không biết có phải tại tôi đã ngà ngà say vì rượu vôtka, hay chính vì là vỏ chai quá trơn, nhưng tôi chỉ còn nhớ rằng khi cái nút chai nổ bắn lên trần nhà, thì chai rượu tuột ra khỏi tay tôi và rơi xuống nền nhà. Rượu chảy ra ngoài không đến một cốc, vì tôi kịp nắm lấy chai và lấy ngón tay bịt miệng chai đang sùi bọt lại.

- Nào, chúc mừng năm mới, chúc mừng hạnh phúc mới - tôi vừa nói, vừa rót rượu ra hai cái cốc. - Nào, ta uống thôi!

Vợ tôi cầm cốc rượu và nhìn chăm chăm vào tôi bằng đôi mắt sợ hãi. Mặt cô ta tái đi và lộ rõ vẻ kinh hoàng.

- Anh đánh rơi chai rượu đấy à? - cô ta hỏi.

- Ừ, đánh rơi. Nhưng mà thế thì đã sao cơ chứ?

- Không hay đâu, - cô ta vừa nói vừa đặt chiếc cốc xuống, nét mặt càng tái đi hơn. - Đó là điềm không hay đâu. Có nghĩa là năm nay chúng mình sẽ gặp phải chuyện chẳng lành.

- Ô, mình dớ dẩn quá! - tôi thờ dãi nói. - Một người phụ nữ khôn ngoan, thế mà ăn nói u mê như một mụ vú em già. Uống đi!

- Thì cứ cho là em ăn nói u mê đi, nhưng mà... thế nào cũng có chuyện chẳng lành xảy ra! Rồi anh xem!

Cô ta thậm chí cũng không chạm môi vào cốc rượu nữa, cô ngồi vào một góc đấm chiêu nghĩ ngợi. Tôi nói mấy câu cũ rích về chuyện mê tín, uống hết nửa chai rượu, đi đi lại lại trong phòng rồi bước ra ngoài.

Ngoài sân, đêm mùa đông lạnh lẽo, yên ắng, lộ hết vẻ hiu quạnh của mình. Vành trăng và hai đám mây trắng xộp bên cạnh cùng nằm yên như dính vào nhau chính giữa bầu trời trên ga xép, và hình như cũng đang chờ đợi một điều gì. Ánh trăng trong suốt dịu dịu tỏa xuống sẽ sàng trải ra trên mặt đất trắng muốt như sợ động mạnh làm mặt đất xấu hổ, trăng chiếu sáng những đống tuyết, nền đường sắt... Chung quanh vắng lặng.

Tôi đi dọc nền đường sắt.

“Thật là một mụ đàn bà đàn độn! - tôi vừa nghĩ vừa nhìn lên bầu trời lốm đốm những vì sao sáng. - Ngay cả nếu cứ cho rằng điềm này điềm nọ là có thật đi chẳng nữa thì liệu còn điều gì không may có thể xảy ra với bọn ta được? Những điều bất hạnh mà bọn ta đã chịu đựng và đang hiển hiện ra trước mắt nặng nề đến mức khó mà có thể tưởng tượng ra điều gì tồi tệ hơn. Còn có thể làm thêm điều gì ác độc đối với một con cá đã bị đánh vảy mô ruột, bị rán lên, rưới nước xốt vào và đặt lên bàn ăn?”

Một cây dương cao phủ tuyết hiện ra trong màn đêm thẫm xanh như một người khổng lồ mặc áo liệm màu trắng toát. Nó đăm đăm nhìn tôi, vẻ khắc khoải, rầu rĩ, hết như nó cũng hiểu nỗi cô đơn của mình như tôi. Tôi đứng nhìn cây dương rất lâu.

“Tuổi trẻ của mình đã tiêu ma đi, không đáng một đồng trinh, như một mẩu thuốc lá hút dở không thể được hút nữa, - tôi miên man nghĩ tiếp. - Bố mẹ mình chết từ khi mình còn bé, mình đã bị đuổi ra khỏi trường. Mình sinh trưởng trong một gia đình quý tộc, thế mà chẳng được dạy dỗ, học hành gì sất, kiến thức của mình cũng không hơn gì một tay thợ tra dầu vào máy. Mình chẳng có chỗ ở nào, chẳng có người thân, chẳng có bè bạn, chẳng có nghề nghiệp nào đáng say mê. Mình không biết làm một việc gì và vào cái tuổi cường tráng nhất, mình chỉ đáng để cho người ta lấy mình lấp liếm vào chỗ khuyết một anh trưởng ga xép. Ngoài những điều rủi ro, bất hạnh ra, mình không gặp cái gì khác trong cuộc sống. Vậy thì còn có điều chẳng lành nào xảy đến được nữa?”

Từ phía xa hiện ra những ánh lửa màu đỏ. Một đoàn tàu đang chạy ngược về phía tôi. Thảo nguyên nằm yên như lắng nghe tiếng động đoàn tàu. Những ý nghĩ của tôi chưa chất đến mức tôi tưởng rằng ý nghĩ của tôi phát ra thành tiếng, rằng dây điện thoại kêu và tiếng động đoàn tàu đang truyền những ý nghĩ của tôi.

“Còn có thể có điều gì chẳng lành xảy ra nữa? Mất vợ chẳng? - tôi tự hỏi. - Cả điều này cũng chẳng đáng sợ. Thành thật mà nói không cần giấu giếm gì là mình không yêu vợ. Mình lấy cô ta khi còn ít tuổi. Bây giờ mình còn đang trẻ trung, tráng kiện, thì cô ta đã gầy gò, già đi, dần dần đi, đầu óc chứa đầy những điều mê tín nhảm nhí. Có gì tốt đẹp trong tình yêu quá say mê của cô ta, trong cái ngực lép kẹp và cái nhìn uể oải của cô ta? Mình còn chịu đựng được cô ta, nhưng không yêu. Vậy thì cái gì có thể xảy ra? Tuổi trẻ của mình đang rơi rụng đi hoàn toàn vô tích sự. Phụ nữ chỉ thoáng hiện trước mặt mình qua khung cửa sổ toa tàu, như những vì sao đổi ngôi. Chưa từng biết đến tình yêu, ngày trước cũng như hôm nay. Sự dũng cảm, lòng can đảm, tốt bụng của mình đang héo mòn đi... Tất cả đều héo mòn, thối rữa như mùn rác, và những gì gọi là gia tài giàu có của mình ở đây, trên thảo nguyên này, không đáng giá một đồng xu”.

Đoàn tàu âm âm chạy qua trước mặt tôi, những cửa sổ đỏ ánh đèn dừng dừng chiếu lên người tôi. Tôi nhìn thấy đoàn tàu dừng lại bên cột đèn xanh trên sân ga, đỗ lại chừng một phút rồi lại tiếp tục chạy. Tôi lững thững đi chừng hai vécxta rồi quay về. Những ý nghĩ buồn bã vẫn bám riết lấy tôi. Dù tôi cảm thấy cay đắng đến thế nào, tôi vẫn nhớ rằng lúc ấy hình như tôi đã cố làm cho những ý nghĩ của tôi thêm phần buồn bã, ảm đạm hơn. Các bạn có biết không, những người thiện cận, đầy lòng ích kỷ thường hay gặp những phút mà cái cảm giác đau khổ lại đem tới cho họ ít nhiều thích thú, và thậm chí họ còn làm điếu với chính điều đau khổ của mình. Trong suy nghĩ của tôi cũng có nhiều phần đúng, nhưng kẻ cũng không ít sự quái gở tự phụ, có cái gì trẻ con, đầy vẻ thách thức trong câu hỏi của tôi: “Vậy thì có thể có điều gì chẳng lành xảy ra nữa?”

“Ừ mà cái gì có thể xảy ra nữa? - tôi tự hỏi trên đường về. - Có lẽ mình đã ném đủ mọi điều. Mình đã ốm đau, đã mất tiền, hàng ngày đã từng bị cấp trên khiển trách, đã chịu đói, sỏi dử đã chạy vào trong sân ga xép. Còn gì nữa? Người ta đã lãng mạ, sỉ nhục mình... và trong đời mình, mình cũng đã nhiều lần xúc phạm đến người khác. Có lẽ chỉ có phạm tội là mình chưa bao giờ mắc phải; nhưng hình như mình cũng không đủ khả năng để phạm tội, tuy rằng mình cũng chả sợ gì tòa án”.

Hai đám mây nhỏ đã rời khỏi mặt trăng và đứng tránh ra xa như đang thì thầm với nhau điều gì mà mặt trăng không nên biết. Một làn gió nhẹ chạy qua thảo nguyên, đưa lại tiếng âm ì mơ hồ của đoàn tàu đã chạy qua.

Vợ tôi đón tôi trên ngưỡng cửa ngôi nhà. Đôi mắt cô ta sáng lên mừng rỡ, cả gương mặt cô lộ rõ vẻ sung sướng.

- Nhà ta có chuyện mới! - cô ta thì thầm. - Anh về phòng mình nhanh nhanh lên, mặc áo veston mới vào: nhà ta có bà khách đến thăm đấy!

- Bà khách nào?

- Cô Natalia Pêtorópna vừa mới đến trên chuyến tàu vừa rồi.

- Natalia Pêtorópna nào?

- Vợ ông chú em, Xêmiôn Phêđorúts. Anh không biết cô ấy đâu. Cô rất đẹp và tốt bụng...

Chắc là tôi có cau mày lại nên vợ tôi mới nghiêm sắc mặt lại và thì thầm nói nhanh:

- Cô ấy đến đây quả thật cũng là điều lạ lùng, nhưng anh đừng cáu giận và hãy độ lượng nhìn bà cô. Vì cô ấy cũng khổ. Chú Xêmiôn Phêđorúts quả thực là một người độc đoán, dữ tợn, khó lòng mà sống chung được với ông ấy. Cô ấy nói là sẽ chỉ ở nhà chúng ta ba ngày thôi, cho đến khi nhận được thư của người em.

Vợ tôi còn thì thầm nói lảm nhảm khá lâu về cái ông chú độc đoán, về sự mềm yếu của con người nói

chung và của các bà vợ trẻ nói riêng, về nghĩa vụ của chúng tôi phải đối xử tử tế với tất cả mọi người ngay cả với những kẻ làm lỗi v.v... Chẳng hiểu đầu của tai nheo gì hết, tôi đi mặc chiếc áo veston mới rồi ra gặp mặt “bà cô”.

Một người đàn bà nhỏ nhắn, đôi mắt đen to, đang ngồi bên cạnh bàn. Chiếc bàn của tôi, những bức tường màu xám, cái đũa bằng thô kệch... tất cả hình như đều trẻ trung ra, mừng rỡ hẳn lên với sự có mặt của người phụ nữ mới mẻ, trẻ trung, xinh xẻo đầy vẻ tội lỗi này, từ người phụ nữ này toát ra một vẻ gì đầy bí ẩn. Tôi nói người đàn bà này đầy vẻ tội lỗi là vì tôi nhận thấy điều đó qua nụ cười, qua mùi hương, qua cách nhìn, cách chớp chớp hàng mi, qua giọng nói chuyện của cô với vợ tôi - một người phụ nữ đứng đắn... Cô không cần phải kể lại với tôi rằng cô đã bỏ chồng mà đi, rằng chồng cô vừa già vừa độc ác, rằng cô ta rất tốt bụng và vui tính. Tất cả những điều này tôi hiểu từ phút đầu, ừ mà liệu ở khắp Âu châu này còn có người đàn ông nào không nhận ra ngay từ cái thoáng nhìn đầu tiên một người phụ nữ tính tình sôi nổi?

- Thế mà tôi không biết rằng tôi có một người cháu to lớn như thế này! - bà cô vừa nói với tôi, vừa mỉm cười chìa tay ra cho tôi bắt.

- Tôi cũng không biết là tôi có một bà cô xinh đẹp thế này! - tôi nói.

Bữa ăn tối lại bắt đầu. Chiếc nút chai lại bắn lên khỏi chai rượu thứ hai, và bà cô của tôi uống một hơi hết nửa cốc rượu, và khi vợ tôi đi ra ngoài một lát thì bà cô đã không còn giữ ý tứ gì nữa mà uống hết cả một cốc rượu. Tôi ngà ngà say vì rượu và vì có người đàn bà ấy bên cạnh. Các bạn còn nhớ bản tình ca này không?

Đôi mắt đen tuyền, đôi mắt đắm say,

Đôi mắt cháy bỏng, tuyệt vời,

Ta yêu đôi mắt em làm sao,

Ta sợ đôi mắt em làm sao!

Tôi không nhớ chuyện gì xảy ra sau đó. Ai muốn biết tình yêu bắt đầu thế nào, thì mặc họ tìm tiểu thuyết, truyện dài mà đọc, còn tôi thì chẳng nói nhiều lời, cứ quanh đi quẩn lại mấy câu trong bản tình ca ngu ngốc kia:

Ta biết, ta đã gặp đôi mắt em

Vào giờ phút chẳng lành...

Tất cả đều đảo lộn, tan thành mây khói. Tôi còn nhớ cơn lốc kinh khủng dữ dội cuốn tôi đi như một chiếc lông chim. Nó cuốn tôi rất lâu và xóa sạch khỏi mặt đất cả vợ tôi, cả bà cô và cả sức lực của tôi. Từ một ga xép nơi thảo nguyên, các bạn thấy đây, nó đã quăng tôi đến cái phố tôi tắm này.

Bây giờ thì các bạn hãy nói đi: còn có thể có điều gì chẳng lành xảy đến với tôi được nữa?

Hai kẻ thù

VÀO LÚC MUỖI GIỜ, một buổi tối tháng Chín không trăng, không sao, Andrây sáu tuổi, đưa con trai duy nhất của bác sĩ hội đồng tự quản địa phương tên là Kirilốp đã bị chết vì bệnh bạch hầu. Khi bà vợ ông bác sĩ đang quỳ bên giường con mới chết, và la đi vì đau khổ, tuyệt vọng, thì có tiếng chuông rung mạnh ở ngoài hành lang.

Do đứa trẻ bị bệnh bạch hầu mà từ sớm mấy người làm công trong nhà đều được bảo đi khỏi nhà. Không mặc áo veston, mặc mỗi chiếc áo gilê mở cúc, chưa kịp lau mặt còn đầm nước, không kịp lau đôi tay bóng lộn vì phenôn, Kirilốp tự mình ra mở cửa. Ngoài hành lang rất tối, chỉ có thể nhận thấy người lạ mới bước vào tâm vốc trung bình, quàng một chiếc khăn màu trắng, gương mặt to bè nhợt nhợt, nhợt nhợt đến mức tưởng rằng hành lang sáng lên được một chút nhờ có gương mặt đỏ xuất hiện...

- Bác sĩ có nhà không? - người mới vào hỏi nhanh.

- Tôi có nhà đây, - Kirilốp trả lời. - Ông cần gì vậy?

- Ô, ông đấy ư? Thật may quá! - người mới vào mừng rỡ rồi tìm trong bóng tối chập choạng bàn tay của bác sĩ, và nắm chặt trong đôi tay của mình. - Thật may quá... may quá! Tôi với ông có quen nhau đấy... Tôi là Abôghin... đã có lần hân hạnh được gặp ông dạo hè ở nhà Gonutsép. Tôi rất mừng là thấy ông ở nhà... Vì Chúa xin ông chớ từ chối mà hãy theo tôi. Vợ tôi bị ốm nặng... Tôi có mang theo xe...

Qua cử chỉ và giọng nói của người mới vào có thể thấy rõ là ông ta đang ở trong trạng thái tâm thần bị kích động mãnh liệt. Hệt như đang sợ hãi vì cháy nhà hay chó dại cắn mà ông ta khó nhọc thở gấp, giọng nói nhanh run run, có cái gì thật thà, con trẻ, nhút nhát lộ ra qua lời nói của ông ta. Giống như tất cả những người đang ở trong trạng thái sợ hãi và kinh ngạc, ông ta nói những lời ngắn ngủi, rời rạc và chêm vào nhiều câu thừa, chẳng ăn nhập gì vào câu chuyện.

- Tôi sợ không gặp được ông, - người mới và nói tiếp - Trên đường đi đến nhà ông, tôi đau khổ vô cùng... Ông mặc áo vào đi và cùng lên xe với tôi, làm ơn làm phúc... Chuyện xảy ra như thế này. Có ông Pápstinxki Alêchxandơ Xêmiônôvítz đến chơi chỗ tôi, người này ông biết đấy... Chúng tôi ngồi nói chuyện... sau đó uống nước chè, thế rồi bất thành linh vợ tôi hét lên một tiếng, tay tự túm lấy ngực mình chỗ con tim và ngã người xuống thành ghế. Chúng tôi đỡ nàng ra giường, và... tôi lấy rượu chữa amôniác xoa vào thái dương, vẩy nước lên mặt... nàng vẫn nằm yên như chết... Tôi sợ rằng nàng bị bệnh giãn mạch máu. Ông đi với tôi nhé... Bỏ vợ tôi cũng đã chết vì bệnh giãn mạch máu đó...

Kirilốp lắng nghe và im lặng, dường như ông không hiểu tiếng Nga nữa.

Khi Abôghin một lần nữa nhắc đến tên Pápstinxki, nhắc đến bố vợ, và lại lần tìm trong bóng tối nhờ nhờ bàn tay của Kirilốp thì bác sĩ hơi ngừng đầu lắc lắc và nói giọng uể oải kéo dài từng chữ:

- Xin lỗi ông, tôi không thể đi được... Cách đây năm phút con trai tôi... vừa bị chết...

- Lại thế ư? - Abôghin thì thào nói, bước lùi về đằng sau. - Trời ơi, tôi đã gặp phải giờ phút chẳng lành! Thật là một ngày bất hạnh vô cùng... vô cùng! Một sự trùng hợp vậy ư... hệt như là có sự xếp đặt!

Abôghin cầm lấy nắm vịn nơi cửa, đầu cúi xuống suy nghĩ. Trông cũng biết rằng ông ta do dự, không biết xử sự ra làm sao: hoặc là bỏ đi hay là tiếp tục yêu cầu bác sĩ.

- Ông nghe tôi nhé, - Abôghin nắm lấy ông tay áo bác sĩ hăm hờ nói, - tôi rất biết hoàn cảnh của ông. Có trời chứng giám, tôi rất xấu hổ là đã định chinh phục sự chú ý của ông và những phút như thế này, nhưng mà tôi còn biết làm gì cơ chứ? Ông cứ tự nghĩ mà xem, tôi đã tìm đến ai? Vì rằng ngoài ông ra ở đây không còn bác sĩ nào khác nữa. Làm ơn làm phúc xin ông đi cho! Không phải tôi cầu xin cho tôi... tôi có ốm đau đâu!

Im lặng chợt đến. Kirilốp quay lưng lại phía Abôghin, đứng lặng một lúc rồi chậm rãi bước từ hành lang vào phòng. Nhìn vào dáng đi loạng choạng như người mất hồn, nhìn vào vẻ chăm chú của ông khi sửa lại chiếc chụp đèn bọc da đặt trên cái đèn không cháy trong gian phòng, và liếc nhìn vào cuốn sách dày nằm trên bàn, có thể biết rằng trong những phút này ông chẳng có một dự định, một ý muốn nào hết, ông không nghĩ ngợi điều gì cả và chắc là đã không còn nhớ rằng có một người lạ đang đứng chờ ông ngoài hành lang. Bóng tối và sự im lặng trong căn phòng càng làm tăng thêm lên vẻ dờ dẩn của ông. Đi từ gian ngoài vào phòng làm việc của mình, ông nhắc chân phải cao hơn bình thường, hai tay sờ soạng tìm khung cửa buồng, và vào lúc đó, từ cả thân hình ông toát ra một cái gì hồ nghi khó hiểu, hệt như ông đi nhầm vào nhà người khác hoặc như lần đầu tiên trong đời ông uống rượu say và bây giờ ông ngập ngừng đề cho cơ thể mình chịu đựng cái cảm giác mới mẻ đó. Một vệt sáng dài in trên một bên tường buồng làm việc, qua mấy chiếc tủ đựng sách, cùng với mùi phenôn, mùi ete nồng nồng, nặng nặng, vệt sáng ấy đổ sang từ cánh cửa buồng làm việc he hé mở thông với buồng ngủ... Bác sĩ ngồi xuống chiếc ghế bành đặt bên bàn; ông lim dim nhìn lên những cuốn sách của mình in vệt sáng, sau đó ông đứng dậy và bước sang phòng ngủ.

Ở đây, trong phòng ngủ, bao trùm một bầu không khí chết lặng. Tất cả từng vật nhỏ một, đều gợi nhớ sâu sắc đến cơn bão vừa qua, đến một sự mệt mỏi rã rời, và bây giờ tất cả đều yên nghỉ. Cây nến đặt trên chiếc ghế đầu chen lẫn vào giữa những hộp, chai lọ ngôn ngàng và chiếc đèn lớn để trên chiếc tủ soi sáng cả căn buồng. Trên giường, ngay bên cửa sổ là đứa trẻ nằm yên, mắt mở to, vẻ mặt như kinh ngạc điều gì. Đứa trẻ không động dậy gì nữa, những tưởng như đôi mắt mở to của nó mỗi lúc một mờ sẫm đi và chìm sâu vào hộp sọ. Người mẹ quỳ bên giường, đầu gục xuống đệm chăn, hai tay đặt lên mình con. Giống như đứa trẻ, bà cũng không nhúc nhích, nhưng trên đường cong của tấm lưng và đôi tay toát ra bao nhiêu sức sống! Toàn thân bà ngã áp vào chiếc giường như ghi riết lấy, dường như bà sợ làm hỏng mất tư thế thuận tiện mà cuối cùng bà đã tìm được cho thân thể mệt rã rời của mình. Chăn đệm, khăn lau, chậu rửa, những vũng nước loang trên nền nhà, bút lông nhỏ, thìa con vớt lung tung, một chai to đựng nước vôi và cả không khí nặng nề, ngọt ngạt nữa - tất cả đều như lặng đi và chìm sâu vào yên tĩnh.

Bác sĩ đứng lại bên cạnh vợ, hai tay cho vào túi quần, đầu cúi xuống lệch sang một bên và chăm chú nhìn đứa con trai. Vẻ mặt ông không biểu lộ một điều gì, chỉ qua những hạt nước nhỏ xíu còn lấp loáng đọng lại trên râu mới biết rằng lúc này ông vừa khóc.

Sự sợ hãi khủng khiếp mà người ta vẫn nghĩ đến khi nói tới cái chết, hoàn toàn không thấy trong căn buồng ngủ này. Từ trong vẻ bất động tuyệt đối, trong dáng quỳ phủ phục của người mẹ, khuôn mặt lãnh đạm của người bác sĩ toát ra một cái gì làm trái tim thất lại xúc động, đó chính là cái vẻ đẹp thanh mảnh, rất khó thấy trong nỗi đau khổ của con người, một vẻ đẹp mà còn lâu người ta mới học được cách hiểu, cách mô tả, một vẻ đẹp mà có lẽ chỉ có âm nhạc mới truyền đạt được. Vẻ đẹp ấy ẩn trọng cả sự im lặng ủ dột; Kirilốp và vợ ông đều không nói, không khóc, dường như ngoài gánh nặng mất mát, hai người còn ý thức được tất cả tính trữ tình của hoàn cảnh họ bây giờ: vào một lúc nào đấy ngày xưa tuổi trẻ của họ đã trôi qua và bây giờ, cùng với đứa trẻ này, cái quyền được có con của họ đã vĩnh viễn biến mất. Bác sĩ bốn mươi tư tuổi, đầu đã bạc và trông như một ông già; người vợ xanh xao ốm yếu của ông đã ba mươi lăm tuổi. Andrây không chỉ là đứa con duy nhất mà còn là đứa con cuối cùng.

Ngược lại với vợ, bác sĩ thuộc loại người lúc gặp phải nỗi đau khổ về tinh thần lại cảm thấy cần phải đi lại. Đứng bên cạnh vợ chừng năm phút, ông lại nhắc cao chân phải lên và, từ buồng ngủ, ông bước sang một buồng nhỏ đặt chiếc divăng to rộng choán hết nửa buồng, từ đây ông đi xuống bếp. Đi loạng quanh gần lò đun và giường ngủ của mẹ bếp, ông hơi cúi xuống rồi qua lối cửa nhỏ hẹp bước ra ngoài hành lang.

Ở đây ông lại nhìn thấy cái khăn quàng trắng và khuôn mặt trắng nhợt.

- Có thể chứ! - Abôghin thở dài nói, tay cầm lấy núm vặn cửa. - Ông đi với tôi đi, tôi van ông!

Bác sĩ rung mình, nhìn lên người lạ và sức nhớ lại...

- Nay, tôi đã nói với ông rồi mà, tôi không thể đi được! - ông nói, giọng nói vẻ hoạt bát hơn. - Lạ lùng thật!

- Thưa bác sĩ, tôi không là kẻ ngu si, tôi rất hiểu hoàn cảnh của ông... tôi cảm thông nỗi đau khổ của ông! - Abôghin nói giọng van lơn, tay đặt lên chiếc khăn quàng cổ. - Nhưng mà tôi đâu có xin cho bản thân tôi... Vợ tôi đang hấp hối! Nếu ông nghe được tiếng thét ấy, nhìn thấy mặt cô ta, thì ông đã hiểu được vì sao tôi lại yêu cầu ông dai dẳng như thế này! Trời ơi, thế mà tôi cứ tưởng là ông đi thay áo! Thưa bác sĩ, một phút bây giờ là quý vô cùng! Ông đi với tôi đi, tôi van ông!

- Tôi không thể đi được! - Kirilốp nói rời rạc từng chữ rồi bước vào phòng.

Abôghin đi theo sau và nắm lấy tay áo ông.

- Ông vừa có tang, tôi hiểu lắm, nhưng mà tôi đâu có mời ông đi chữa răng, đi khám nghiệm y tế, mà là đi cứu sinh mạng một con người! - Abôghin tiếp tục nói, giọng cầu khẩn như kẻ ăn xin. - Sinh mạng này cao hơn tất cả mọi nỗi đau khổ riêng! Tôi mong ông bày tỏ nghị lực dũng cảm! Vì lòng nhân đạo!

- Lòng nhân đạo là một cây gậy hai đầu, - Kirilốp nói giọng càu kỉnh, - cũng vẫn vì lòng nhân đạo ấy mà tôi yêu cầu ông đừng bắt tôi đi đâu. Và quả thật là lạ lùng, tôi không còn sức đứng vững, mà ông thì lại đem lòng nhân đạo ra dọa tôi! Bây giờ tôi không làm được việc gì hết... không vì bất cứ lý do gì mà tôi đi đâu, còn vợ tôi nữa, tôi bỏ ở nhà cho ai trông nom? Không, không thể được...

Kirilốp khoa khoa cánh tay lên và từ từ bước lùi lại.

- Đứng... đừng yêu cầu tôi nữa! - ông sợ hãi nói tiếp. - Tha lỗi cho tôi... Theo tập thứ mười ba của bộ luật thì tôi phải đi, và ông có quyền nắm lấy cổ áo tôi mà lôi đi... Được rồi, ông cứ lôi tôi đi... nhưng tôi không làm được gì đâu... Thậm chí tôi không còn sức để nói được nữa... Xin lỗi ông...

- Thưa bác sĩ, bác sĩ nói với tôi những lời như vậy phỏng có ích gì! - Abôghin nói và lại níu lấy ông tay áo bác sĩ. - Đừng nghĩ gì đến cái tập thứ mười ba ấy! Tôi không có một chút quyền nào cưỡng bức ý muốn của ông được. Ông muốn thì ông đi, ông không muốn thì đó là quyền của ông, nhưng tôi không muốn kêu gọi lý trí của ông, tôi muốn kêu gọi tình cảm của ông. Một người phụ nữ trẻ đang hấp hối! Vừa nãy ông nói rằng con trai ông bị chết, vậy thì còn ai khác ngoài ông hiểu được nỗi kinh hoàng của tôi bây giờ?

Giọng nói của Abôghin run run vì xúc động, cái giọng run run ấy còn nhiều sức thuyết phục hơn cả lời nói. Abôghin rất chân thành, nhưng điều đáng đề ý là bất cứ câu nào ông nói ra cũng đều có vẻ khô khan, thiếu tự nhiên, văn hoa không phải lúc, và hình như lại còn xúc phạm đến cả không khí trong căn nhà bác sĩ, đến người phụ nữ đang hấp hối ở một nơi xa. Bản thân ông cũng cảm thấy điều đó, và vì sợ hiệu lâm, ông cố hết sức nói một giọng dịu dàng, mềm mại, hi vọng rằng nếu không thuyết phục được bằng lời nói thì ít ra cũng bằng sự chân thành trong giọng nói. Nói rộng ra thì lời nói dù hoa mỹ và đầy ý nghĩa đến đâu cũng chỉ tác động đến những người đứng dừng ngoài cuộc; mà không bao giờ tác động đến được những người có hạnh phúc hoặc không có hạnh phúc, vì vậy mà biểu hiện cao nhất của niềm hạnh phúc hay nỗi đau thương là sự im lặng; những đôi trai gái yêu nhau hiểu nhau nhiều hơn khi im lặng, và điều văn thông thiết, lâm ly độc bên một người chết chỉ làm xúc động những người không thân thích, còn đôi với bà quả phụ và những đứa con của người chết thì lời điệu ấy thật lạnh lùng và vô nghĩa.

Kirilốp đứng yên và im lặng. Khi Abôghin nói thêm mấy câu về sứ mệnh cao cả của người thầy thuốc, về đức hi sinh, v.v. thì bác sĩ hỏi một câu, giọng cau có:

- Đi có xa không?

- Đâu khoảng gần mười ba, mười bốn vécxta. Cỗ ngựa kéo xe của tôi rất tuyệt, bác sĩ ạ! Xin cam đoan với ông rằng tôi sẽ chở ông đến đây và quay về đây trong vòng một tiếng. Chỉ một tiếng thôi!

Câu nói cuối cùng tác động đến bác sĩ mạnh hơn là những lời triết lý về lòng nhân đạo, về sứ mệnh của người thầy thuốc. Ông nghĩ một lúc rồi vừa thở dài vừa nói:

- Được rồi, ta đi thôi!

Ông nhanh nhẹn quay đi, bước những bước chắc chắn về phía buồng làm việc của mình và một lát sau ông quay lại trong bộ áo veston dài. Abôghin mừng rỡ, tất bật đi bên cạnh Kirilốp, đôi giày khẽ chạm vào nhau; ông ta giúp bác sĩ mặc áo bành tô rồi cùng bác sĩ bước ra khỏi nhà.

Ngoài sân cũng tối, nhưng còn đỡ tối hơn trong hành lang. Trong bóng tối chập choạng đã hiện ra rõ dáng người bác sĩ cao cao, gù gù, bộ râu nhỏ dài với cái mũi khoằm khoằm. Abôghin thì ngoài bộ mặt trắng bệch bây giờ còn có thể thấy cái đầu to và chiếc mũ sinh viên bé nhỏ chỉ vừa đủ che phần đỉnh đầu. Chiếc khăn quàng cổ chỉ lộ ra trắng trắng phía trước ngực, còn phía sau thì bị mái tóc để dài che khuất.

- Ông hãy tin rằng, tôi có đủ khả năng để đánh giá được đức hy sinh cao thượng của ông, - Abôghin vừa đỡ bác sĩ lên xe vừa lầm bầm. - Xe chúng ta sẽ lao đi vun vút. Này, Luka thân mến, cố đánh xe cho càng nhanh càng tốt! Cho đi thôi!

Người xà ích cho xe đi nhanh. Thoạt tiên xe đi qua những ngôi nhà xập xệ xây bên sân bệnh viện, màn đêm bao phủ khắp nơi, duy chỉ có ở phía sân trong, từ khung cửa sổ nhà ai có ánh đèn sáng lọt qua chiếc vườn có rào bao quanh, còn ba khung cửa sổ ở tầng trên dãy nhà bệnh viện thì trông còn ngọt ngào hơn cả trời đêm. Sau đó chiếc xe đi vào khoảng tối dày đặc; ở đây thoáng thoáng thấy mùi nấm ẩm ướt và tiếng lá cây xào xạc; những con quạ bị tiếng động bánh xe đánh thức dậy, nhón nháo trong tán lá và kêu lên những tiếng kêu đầy âu lo, buồn thảm, dường như chúng biết rằng con trai bác sĩ vừa mới chết còn vợ Abôghin thì ốm nặng. Rồi tiếp đến những bóng cây mọc cách xa nhau thấp thoáng, những bụi cây loang loáng một mặt hồ phẳng lì trên đó còn in những hình bóng gì đen sẫm đang yên ngủ, và chiếc xe chạy qua một vùng đất rộng bằng phẳng. Tiếng quạ kêu nghe đã nhỏ đi, vọng lại rất xa từ phía xa và ít lúc sau thì mất hẳn.

Hầu như suốt dọc đường đi Kirilốp và Abôghin đều im lặng. Chỉ có một lần Abôghin thở dài và lâu lâu nói:

- Thật là một trạng thái tinh thần đau khổ! Chưa bao giờ ta thấy yêu những người thân như khi ta cảm thấy có thể sắp phải mất họ.

Khi xe đi chậm chậm qua sông, Kirilốp bỗng giật mình, hết như tiếng oàm oạp nước sông làm ông sợ hãi, rồi quay người sang phía Abôghin.

- Này, ông nghe đây, ông cho tôi quay về đi, - Kirilốp nói, giọng rầu rĩ. - Tôi sẽ đến nhà ông sau. Tôi còn phải bảo người y tá đến trông nom giùm vợ tôi. Vợ tôi đang ở nhà một mình!

Abôghin im lặng. Chiếc xe khẽ lắc lư, bánh lăn lách cách trên đường đá, qua một bờ cát rồi tiếp tục chạy. Kirilốp ngồi không yên, mắt nhìn quanh, lòng buồn rười rượi. Từ phía sau, qua ánh sáng yếu ớt của những vì sao, trông rõ con đường mờ mờ hiện ra và những hàng cây liễu rủ mọc gần bờ sông bên

vào bóng đêm. Phía bên phải, một dải đất chạy dài cũng bằng phẳng và mênh mông không bờ bên như bầu trời; mãi phía xa trên vùng đất ấy đó đây lập lòe những đốm lửa vàng quạch, có lẽ là trên những đầm lầy. Phía bên trái song song với con đường là một cái đồi thấp nằm dài, mọc lơ lơ những bụi cây nhỏ, phía trên ngọn đồi một vành trăng lưỡi liềm đỏ lựng bất động in trên nền trời, một màn sương mỏng và những đám mây nhỏ bao quanh, dường như những đám mây ấy đang chăm chú nhìn vành trăng từ mọi phía và canh cho vành trăng khỏi bỏ trốn.

Phong cảnh chung quanh như thấm đượm một cái gì ồm yếu, tuyệt vọng; mặt đất, như một người phụ nữ sạ đọa ngồi một mình trong căn phòng tối tăm và cô không nghĩ về quá khứ, đang trần trụi với những hồi ức về mùa xuân, mùa hè và đang uể oải chờ mùa đông sắp đến. Dù đưa mắt nhìn về phía nào, đâu đâu thiên nhiên cũng hiện ra như một vực thẳm tối đen, lạnh lẽo và sâu không đáy, mà từ đó, cả Kirilốp, Abôghin, cả vành trăng lưỡi liềm đỏ lựng kia đều không thoát ra được...

Xe càng gần đến đích bao nhiêu, Abôghin càng trở nên nôn nóng hơn bấy nhiêu. Ông trở người luôn luôn, nhô lên nhìn ra phía trước qua vai người xà ích. Và khi cuối cùng chiếc xe đã dừng bên ngoài hiên nhà trang trí khá đẹp bằng những tấm vải gai sòng sọc, khi ông ta nhìn lên những khung cửa sổ sáng ánh đèn trên tầng hai, có thể nghe rõ nhịp thở gấp run run của ông.

- Nếu có chuyện gì xảy ra, thì... tôi không sao chịu nổi, - ông vừa nói, vừa bước vào hành lang cùng với bác sĩ, hai tay xoa xoa vì xúc động. - Nhưng mà không nghe thấy tiếng ồn ào, có nghĩa là mọi sự đều tốt lành, - ông nói thêm, tai lắng nghe cố tìm một âm thanh nào trong cảnh tịch mịch chung quanh.

Ngoài hành lang không nghe thấy một giọng nói, một bước chân nào, và cả ngôi nhà như đang ngủ yên mặc dù đèn rất sáng. Đến lúc này thì bác sĩ và Abôghin, từ lúc gặp nhau đến giờ toàn ở trong bóng tối, mới có thể nhìn kỹ hình dạng của nhau. Bác sĩ dáng người cao cao, gù gù, ăn mặc luộm thuộm, nét mặt không đẹp. Có cái gì thô thô, dữ tợn, khắc khổ lộ rõ ở đôi môi dày như môi người da đen, ở cái mũi khoằm và cái nhìn uể oải, lãnh đạm. Mái tóc không chải của ông, thái dương hộp vào, bộ râu nhỏ dài bạc sớm không che hết chiếc cằm, màu da xám mai mai và những cử chỉ vụng về, thiếu cân nhắc - tất cả cái vẻ khắc khổ, khó tính ấy gợi người ta nghĩ rằng trước kia ông đã trải qua những ngày thiếu thốn, cơ cực, bị cuộc sống và người đời hành hạ vất vả. Nhìn tất cả vẻ người khô khan của ông, không thể tin được rằng ông lại lấy được vợ và biết than khóc khi đứa trẻ qua đời. Abôghin thì lại gây một ấn tượng khác. Đó là một người đàn ông đầy đà bệ vệ, có tóc vàng, cái đầu rất to, đường nét trên mặt không thanh nhỏ, nhưng trông vẫn hài hòa, cân đối, ông ta mặc bộ quần áo may theo một mốt mới nhất. Trong dáng vẻ bề ngoài - chiếc áo veston cài cúc chỉnh tề, khuôn mặt, mái tóc dài - có cái gì quý phái, cao thượng; khi bước đi, đầu ông ta giữ thẳng, ngực hơi ưỡn ra đằng trước, ông ta nói bằng giọng nam trung âm áp, và trông cách ông cởi chiếc khăn quàng cổ hay sửa lại mái tóc cũng thấy một vẻ gì rất thanh, gần như chỉ có ở những người phụ nữ. Thậm chí gương mặt nhợt nhạt và vẻ sợ hãi như trẻ con khi ông ta vừa cởi áo ngoài, vừa nhìn lên cầu thang, vẫn không làm tổn hại đến diện mạo đường hoàng, không làm mất đi vẻ no đủ, cường tráng, lịch thiệp đến mức tự phụ toát ra từ dáng người, bộ điệu của ông.

- Không có ai cả và cũng không nghe thấy tiếng động nào, ông ta nói, bước lên cầu thang.

- Không thấy cảnh vội vã, ồn ào. May quá!

Abôghin dẫn bác sĩ qua hành lang vào căn phòng lớn, nơi đặt chiếc đàn dương cầm mờ mờ hiện trong bóng tối và trên trần treo một chùm đèn phủ vải trắng; từ đây hai người bước sang một gian phòng khách nhỏ rất đẹp, ấm cúng, chìm trong một thứ ánh sáng mờ mờ hồng hồng rất dịu.

- Mời bác sĩ ngồi đây một lát, - Abôghin nói, - còn tôi... chốc nữa tôi ra. Tôi đi xem qua, báo trước cho người nhà biết.

Kirilốp ngồi lại một mình. Căn phòng khách sang trọng, ánh mờ để chịu và bản thân sự xuất hiện mang tính chất phiêu lưu ký của ông trong ngôi nhà xa lạ, không quen thuộc này hình như không gây xúc động

nào đôi với ông. Ông ngồi trong chiếc ghế bành và ngắm nhìn bàn tay mình bồng rộp vì phenôn. Ông chỉ đưa mắt nhìn thoáng qua chiếc chao đèn màu đỏ, chiếc hộp đàn violôngsen, và liếc nhìn về phía có tiếng đồng hồ kêu tích tắc, ông thấy hình nộm một con sói, trông cũng đường bệ và no nê như chính Abôghin.

Chung quanh yên lặng... Ở một nơi nào bên căn phòng gần đây có tiếng ai kêu to “à!”, tiếng cửa kính chắc là cửa tủ mở lạch cạch, và sau đó tất cả lại chìm vào im lặng. Chờ chừng năm phút, Kirilốp thôi không nắm tay mình nữa và ngẩng đầu nhìn về phía cửa nơi Abôghin đã qua đây đi ra.

Trên ngưỡng cửa ấy Abôghin xuất hiện, nhưng không còn giống như lúc đi khỏi đây. Về tinh tế lịch thiệp, về no đủ hoàn toàn biên mắt, khuôn mặt, đôi tay, dáng đứng của ông đều bị dị dạng méo mó đi vì lộ rõ một cảm giác ghê tởm không hẳn là kinh hãi, không hẳn là một nỗi đau đớn. Cái mũi, đôi môi, bộ ria mép, mọi đường nét ông ta đều động đậy và hình như đều có bút ra khỏi mặt, còn cặp mắt thì dường như đang cười vì đau đớn...

Abôghin nặng nề bước những bước dài vào giữa phòng khách, cúi mình xuống, miệng rên rỉ, hai tay nắm lại rung rung.

- Nó lừa rồi! - ông ta kêu lên, nhấn giọng vào chữ lừa. - Lừa rồi! Bỏ đi rồi! Lên cơn đau, bảo tôi đi mời bác sĩ chỉ cốt để ở nhà bỏ trốn với cái thằng hề Pápstinxki! Trời ơi!

Abôghin khó nhọc bước đến bên bác sĩ, chìa ra trước mặt bác sĩ hai nắm tay trắng mịn và run run tay tiếp tục kêu to:

- Bỏ đi rồi!! Lừa rồi! Mà lừa đảo thế làm gì mới được chứ?! Trời ơi là trời! Bày ra cái trò ú tim lừa lọc, bản thủ này, cái trò chơi quỷ quái, ác độc này làm gì? Tôi đã làm gì cô ta? Bỏ đi rồi!

Nước mắt trào ra trên khóe mắt ông ta. Một chân để nguyên, ông quay ngoắt sang phía khác rồi đi đi lại lại trong phòng khách. Lúc này, với bộ áo veston ngắn, với chiếc quần một hẹp ông hẳn rõ đôi chân gầy không cân xứng với phần mình, với cái đầu to và túm tóc, Abôghin trông giống như một con sư tử. Trên gương mặt lãnh đạm của bác sĩ thoáng hiện nét tò mò. Ông đứng dậy và nhìn lên Abôghin.

- Xin lỗi, người bệnh ở đâu? - Ông nói.

- Người bệnh! Người bệnh! - Abôghin kêu lên, vừa cười vừa khóc, hai nắm tay vẫn run run. - Nó không phải là bệnh nhân mà là kẻ đáng nguyên rủa! Ty tiện! Đều giả đến mức yêu tinh cũng không thể nghĩ ra hơn! Bảo tôi đi để để bề bỏ trốn với cái thằng xam, thằng hề đàn độn ấy. Ô trời ơi, lẽ ra nó chết đi còn hơn! Tôi không thể chịu nổi nữa! Không thể chịu nổi nữa!

Kirilốp vươn thẳng mình đứng lên. Đôi mắt ông chớp chớp, nước mắt giàn giụa, hàm ông đưa ngang, bộ râu nhỏ cũng đưa ngang theo.

- Xin lỗi, thế này là thế nào? - Ông vừa nói, vừa đưa mắt tò mò nhìn quanh. - Con tôi mới chết, vợ đang buồn nẫu ruột, cả nhà không còn ai... bản thân tôi đứng cũng không vững nữa, đã ba đêm rồi tôi không ngủ... và rồi thế nào? Người ta ép tôi phải sắm vai trong một vở hài kịch tâm thường, sắm vai một đồ vật giả trên sân khấu! Tôi không... không hiểu gì nữa!

Abôghin xòe một nắm tay ra, vớt xuống nền nhà một mảnh giấy nhàu nát rồi dẫm chân lên như dẫm một con bọ muốn đạp chết.

- Tôi không thấy... tôi không hiểu ra! - Abôghin nói rít qua kẽ răng, một nắm tay giơ lên, run run sát mặt mình, với dáng điệu như có ai động phải chỗ đau nhất. - Tôi không để ý rằng ngày nào thằng ấy cũng đến, không để ý rằng hôm nay nó lại đi xe ngựa có mui đến! Sao lại đi xe có mui! Thế mà tôi không nhận ra, thật là gà mờ!

- Tôi không... không hiểu! - bác sĩ lau bầu nói. - Nhưng mà thế này là thế nào! Bởi vì đây là một sự nhạo báng nhân cách, một sự giễu cợt đối với nỗi đau khổ của con người! Đó là một cái gì không thể tưởng tượng nổi... lần đầu tiên tôi thấy trong đời!

Với cảm giác kinh ngạc âm ỉ của một người bắt đầu hiểu rằng mình đã bị xúc phạm, bác sĩ nhún vai, dang hai tay ra và, không biết nói gì làm gì, bác sĩ kiệt sức ngồi phịch xuống chiếc ghế bành.

- Ừ thì không yêu nữa, đi yêu người khác thì đó là quyền của cô, nhưng mà việc gì phải lừa đảo thế này, phải bày ra cái trò bội bạc để tiện thế này? - Abôghin nói giọng như khác. - Để làm gì? Vì tội gì? Tôi đã làm tội gì? Bác sĩ nghe tôi đây, - Abôghin vừa nói, vừa bước lại gần Kirilốp. - Vô tình ông đã làm người chứng kiến nỗi bất hạnh của tôi, và tôi cũng sẽ không giấu sự thật. Thế với ông rằng tôi yêu người đàn bà này đến mức sùng bái, như một kẻ nô lệ của nàng! Vì nàng mà tôi đã hi sinh tất cả: tôi đã xích mích với bà con ruột thịt, tôi bỏ cả công việc, cả âm nhạc, tôi tha thứ cho nàng những điều mà ngay đối với mẹ đẻ, hay chị em ruột tôi cũng không đủ sức tha thứ... Chưa một lần nào tôi nhìn nàng hân học... không một lần nào làm nàng phải ngờ vực! Vậy thì vì lẽ gì mà phải lừa dối thế này? Tôi không yêu cầu nàng phải yêu mình, nhưng lừa dối vì mục đích gì? Không yêu nữa thì cứ nói thẳng thắn, trung thực, hơn nữa cô đã biết quan điểm của tôi về chuyện này rồi cơ mà...

Nước mắt giàn giụa, toàn thân run rẩy, Abôghin trút hết nỗi lòng mình với bác sĩ. Ông ta sôi nổi nói, hai tay áp bên trái tim, không một chút do dự kể lại hết những chuyện kín trong gia đình và hình như còn có vẻ vui mừng rằng cuối cùng những điều bí mật ấy đã thoát ra khỏi lồng ngực của ông. Nếu ông cứ độc bầu tâm sự như thế hết giờ này sang giờ khác thì chắc là ông sẽ cảm thấy lồng mình đau đớn. Có lẽ nếu bác sĩ nghe Abôghin nói, nếu bác sĩ sẽ đem tình bạn bè mà cảm thông với ông và, có lẽ như vẫn thường xảy ra, có thể là ông ta sẽ nhẫn nhục chịu đựng nỗi đau khổ của mình mà không làm những điều xuẩn ngốc vô bổ... Nhưng mà chuyện đã xảy ra theo hướng khác. Trong khi Abôghin nói, người bác sĩ bị xúc phạm thay đổi rõ rệt. Vẻ lạnh đạm, kinh ngạc trên nét mặt dần dần nhường chỗ cho một cảm giác hờn tủi cay đắng, uất ức, giận dữ. Nét mặt bác sĩ trở nên khó khăn, cau có, khắc nghiệt hơn. Khi Abôghin đem đến cho bác sĩ xem tấm ảnh người phụ nữ trẻ với khuôn mặt đẹp, nhưng khô khan, nhợt nhạt như một nữ tu sĩ và hỏi bác sĩ rằng liệu có thể nhìn khuôn mặt như thế này mà lại nghĩ rằng nó có khả năng thể hiện tính lừa đảo hay không, thì bác sĩ bỗng chồm dậy, mặt sáng quắc và nói dần từng tiếng một cách lồ mẫm:

- Ông nói tất cả những điều này với tôi làm gì? Tôi không muốn nghe! Không muốn nghe - bác sĩ hét lên và đập mạnh tay xuống bàn. - Tôi không cần đến những chuyện kín tâm thường của ông, đem mà quảng cho quý đi! Ông đừng cả gan nói những chuyện nhảm nhí đó với tôi! Hay là ông nghĩ rằng tôi bị xúc phạm còn ít quá chăng? Ông coi tôi là một kẻ hèn hạ mà người ta có thể lăng mạ đến cùng cực? Phải thế không?

Abôghin bước lùi lại và kinh ngạc nhìn Kirilốp chằm chằm.

- Vì lẽ gì mà ông lại đưa tôi đến đây? - bác sĩ nói tiếp, bộ râu rung rung. - Nếu ông đã rùng mớ mà lấy vợ, rồi lại rùng mớ mà kén chọn chê bai, rồi dựng ra những màn kịch u buồn suốt mười thì chuyện này đáng gì đến tôi? Tôi có liên quan gì đến những mối tình của ông? Ông hãy để cho tôi yên! Hãy tập làm những trò ấy trong cái giới giàu sang quyền quý của ông, hãy làm bộ làm tịch bằng những lý tưởng nhân đạo, hãy chơi đi (bác sĩ liếc mắt nhìn chiếc hộp đựng đàn violôngsen) - hãy chơi đàn công tởp và chơi kèn torômbon đi, và phát phì ra như gà trống thiến nhưng hãy đừng cả gan xúc phạm đến nhân cách con người! Ông không biết tôn trọng nhân cách thì xin ông hãy tha cho nó tránh khỏi sự quan tâm của ông.

- Xin lỗi, nhưng mà tất cả những điều này nghĩa là thế nào? - Abôghin hỏi mặt đỏ bừng.

- Có nghĩa rằng ông đã đem con người ra để chơi một trò chơi hèn hạ, để tiện như vậy! Tôi là một bác sĩ, chắc ông coi các bác sĩ và nói chung là những người làm công, những người không tỏa mùi nước

hoa và mùi gái điếm, là những kẻ hâu hạ, những kẻ vô giáo dục, thì ông cứ việc coi là thế đi, nhưng không một ai cho ông cái quyền biến con người đang đau khổ thành một đồ vật trên sân khấu!

- Sao ông lại dám nói với tôi như vậy? - Abôghin hỏi nhỏ, bộ mặt ông lại biến sắc đi và lần này thì trắng bạch vì tức giận.

- Không đâu, làm sao mà ông biết tôi đang có tang mà lại còn đưa tôi đến đây để nghe những chuyện nhảm nhí? - bác sĩ rít lên và lại nắm tay xuống bàn. - Ai cho ông quyền giễu cợt nỗi đau khổ của người khác?

- Ông mất trí rồi! - Abôghin hét lên. - Thật là không rộng lượng chút nào! Bản thân tôi cũng vô cùng bất hạnh và... và...

- Bất hạnh, - bác sĩ khinh bỉ cười khẩy. - Xin ông đừng động đến chữ ấy, nó không dính dáng đến ông gì sớt. Những kẻ không vay đâu được tiền cũng tự cho mình là bất hạnh, con gà trống thiến có thừa mỡ cũng bất hạnh. Thật là những kẻ thảm hại, nhỏ nhoi!

- Thừa ngài, ngài thiếu lịch sự rồi! - Abôghin cao giọng rít lên. - Vì những câu nói như thế... người ta đánh cho nên thân đây! Ông hiểu chưa?

Abôghin vội vã thọc tay vào túi bên, lấy ví tiền ra, rút hai tờ giấy bạc rồi ném ra giữa bàn.

- Đây tiền công trả cho chuyến đi của ông đấy! - Ông nói, đôi cánh mũi phập phồng. - Tôi đã thanh toán xong với ông.

- Ông không thể đưa tiền ra mà thí cho tôi! - bác sĩ thét lên, giơ tay gạt phắt mấy tờ giấy bạc xuống nền nhà. - Người ta không thể dùng tiền mà trả giá cho sự lãng mạ được.

Abôghin và bác sĩ đứng đối mặt và trong cơn tức giận họ tiếp tục tuôn ra những lời xỉ vả không đáng có. Có lẽ chưa bao giờ trong đời, ngay cả những lúc mất trí, họ cũng chưa từng nói nhiều lời vô lý ác độc và xuân ngốc đến như vậy. Cả hai người đều lộ rõ sự ích kỷ của những người bất hạnh. Những kẻ đang chịu đau khổ thường ích kỷ, ác độc, thiếu tinh tảo, nghiệt ngã và ít khả năng hiểu nhau hơn cả những người dân độn. Nỗi đau khổ đã không làm xích gần họ lại mà ngăn cách họ ra, ngay cả ở trong những trường hợp tưởng rằng phải gắn liền với nhau vì đau khổ thì họ đã làm những chuyện không công bằng, khắc nghiệt nhiều hơn so với người tương đối bình yên.

- Thôi được rồi, đưa tôi về nhà cho! - bác sĩ vừa nói to, vừa thở hỏn hển.

Abôghin rung mạnh chuông. Không thấy ai đi ra, ông lại rung chuông lần nữa và cái kính ném chuông xuống nền nhà; chuông đập vào tấm thảm và vang ra ai oán hết như một tiếng rên rỉ trước giờ tận số. Một người hầu xuất hiện.

- Các người trốn đi đâu hả, quỷ tha ma bắt cả rồi sao?! - ông chủ đậm bỗ về phía người hầu, hai bàn tay nắm chặt. - Vừa nãy mày đi đâu? Đi mà bảo thằng xà ích đưa đến cho ngài này một chiếc xe bốn bánh, và phần ta thì sửa soạn một chiếc xe có mui nghe chạ! Đứng lại đã! - Abôghin hét lên khi người hầu đã quay lưng đi. - Ngày mai lũ phản bội phải cắt đi hết rồi chưa! Cút đi ráo! Ta sẽ mướn bọn mới! Đồ hèn hạ!

Trong khi chờ xe, cả Abôghin và Kirilốp đều im lặng. Về lịch thiệp sang trọng, về no đủ đã trở lại trên gương mặt, dáng điệu của Abôghin. Ông ta đi đi lại lại trong phòng khách, đầu hơi lắc lắc chắc là đang theo đuổi một ý nghĩ gì. Cơn tức giận vẫn chưa lắng xuống, nhưng ông ta cố làm ra vẻ không thấy kẻ thù của mình... Còn bác sĩ thì đứng yên, một tay nắm mép bàn và nhìn lên Abôghin với một cảm giác khinh bỉ sâu xa, có phần hơi trắng trợn, không đẹp mặt, một kiểu nhìn chỉ có ở những người đang đau khổ, không nơi nương tựa khi trông thấy trước mắt mình hiện thân của sự no nê, sang trọng.

Không lâu sau, khi đã ngồi vào xe ngựa, và đã chuyển bánh, bác sĩ vẫn còn ngoái nhìn theo với vẻ đầy khinh miệt. Ngoài trời tối đen, tối hơn nhiều so với một giờ trước. Vành trăng lưỡi liềm đỏ lụng đã lặn khuất sau đồi, và những đám mây canh giữ mặt trăng ban nãy đang kéo thành những vệt đen bên những vì sao. Chiếc xe có mui lập lòe ánh lửa màu đỏ lách cách lăn nhanh trên đường rồi vượt lên trên xe chở bác sĩ. Đó là Abôghin lên đường đi kiện cáo, làm những trò ngu xuẩn...

Suốt dọc đường, bác sĩ không nghĩ đến vợ, đến Andrây, mà nghĩ đến Abôghin và những kẻ sống trong ngôi nhà mà ông vừa đi khỏi. Ý nghĩ của ông vừa không công bằng, vừa tàn nhẫn quá mức. Ông kết tội cả Abôghin, cả vợ ông ta và Pápstinxki, và tất cả những người sống trong ánh đèn sáng mờ mờ hồng hồng, thơm mùi nước hoa; suốt dọc đường bác sĩ căm ghét họ và khinh bỉ đến mức trái tim thật lại đau đớn. Và trong đầu óc ông, đã hình thành một định kiến không gì thay đổi về những con người ấy.

Thời gian sẽ qua đi, nỗi khổ của Kirilốp cũng qua đi, nhưng cái định kiến không công bằng, không tương xứng với trái tim con người, sẽ không biến đi và mãi mãi còn lại trong tâm trí người bác sĩ cho đến khi yên nằm dưới mộ.

Vêroska

IVAN ALÉCHXÂYÊVÍTS ÔGONÉP còn nhớ chiều tối hôm đó, một ngày tháng Tám, anh đẩy mạnh cánh cửa kính và bước ra ngoài hiên. Anh khoác một chiếc áo choàng mỏng rộng, đội chiếc mũ rơm rộng vành, chiếc mũ mà giờ đây đang nằm lẫn lóc trong đám bụi dưới gầm giường cùng với đôi ủng cao cổ. Một tay anh ôm bọc sách vở lớn, còn tay kia cầm một chiếc gậy to, nhiều mâu.

Đứng đằng sau cửa soi đèn cho anh đi là ông chủ nhà Kudnétxốp, một ông già đầu hói, có bộ râu trắng dài và mặc một chiếc áo veston vải trắng muốt như tuyết. Ông già cười đôn hậu và gật gật đầu.

- Tạm biệt cụ nhé! - Ôgonép nói to với ông già.

Ông già Kudnétxốp đặt chiếc đèn lên cái bàn nhỏ rồi đi ra ngoài hiên. Hai cái bóng dài và hẹp chạy qua mây bạc thêm tới gần những bồn hoa, chao qua chao lại rồi tựa đầu lên những thân cây già.

- Tạm biệt và một lần nữa xin cảm ơn cụ! - Ivan Aléchxâyêvít nói. - Cảm ơn cụ đã đối xử với cháu rất niềm nở, dịu dàng và đầy tình thương... Không bao giờ, mãi mãi không bao giờ cháu quên được lòng mến khách của cụ. Cụ là người rất tốt, con gái cụ cũng là người rất tốt, cả gia đình cụ đều là những người hảo tâm, vui tính, hào hiệp... Toàn là những người tốt tuyệt diệu, không còn biết nói thế nào nữa!

Do tình cảm quá dạt dào và do ảnh hưởng của cốc rượu mới uống, Ôgonép nói giọng trầm bổng như một cậu học trò chủng viện, và anh xúc động đến mức không phải chỉ biểu lộ những tình cảm của mình bằng lời nói, mà còn bằng những cái nhấp nháy mắt, nhún nhún vai. Ông già Kudnétxốp cũng vừa uống rượu xong và cũng đang xúc động mạnh, đã ôm choàng lấy chàng trai trẻ và hôn anh.

- Cháu đã thân quen với gia đình cụ quá rồi! - Ôgonép nói tiếp. - Hầu như ngày nào cháu cũng mò đến đây, ngủ tại đây có lẽ đến chục lần, rượu thì uống nhiều đến mức bây giờ chỉ nhớ lại không thôi cũng đã rợn cả người. Nhưng mà cái chính mà cháu phải cảm ơn cụ, vì sự cộng tác và giúp đỡ của cụ. Không có cụ thì có lẽ phải đến tháng Mười mới làm xong công việc thông kê của cháu. Cho nên thế nào cháu cũng viết trong lời tựa cuốn sách nay mai của cháu rằng: tôi thấy có nghĩa vụ phải bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với vị chủ tịch hội đồng tự quản huyện N. là Kudnétxốp, người đã sốt sắng cộng tác với tôi. Ngành thông kê có một tương lai rất rực rỡ! Xin trân trọng chào cô Vêroska, xin nhờ nói lại với các vị bác sĩ, với cả hai viên dự thẩm và anh thư ký của cụ rằng không bao giờ cháu quên được sự giúp đỡ của họ! Còn bây giờ thì ta ôm nhau và hôn nhau lần cuối cùng.

Người đã mệt như, Ôgonép một lần nữa ôm hôn ông già rồi bước xuống mấy bậc thềm. Xuống đến bậc thềm cuối cùng, anh quay lại và hỏi:

- Liệu chúng ta còn gặp lại nhau nữa không hở cụ?

- Trời mà biết được! - ông già trả lời. - Chắc là chẳng bao giờ nữa!

- Vâng, đúng thế đấy! Cụ thì có lẽ nhử vàng cụ cũng chẳng lên Pêtérburg, còn cháu thì cũng chắc gì còn có dịp về tới huyện này nữa. Thôi, xin tạm biệt cụ!

- Nay có lẽ anh để cái đồng sách đó lại thì hơn! - ông già Kudnétxốp gọi với theo anh. - Việc gì mà anh phải mang theo cái của nặng như vậy? Cứ để lại ngày mai tôi sẽ cho người mang lên cho anh.

Nhưng Ôgonép không còn nghe thấy gì nữa, anh nhàn nhẹn rời xa ngôi nhà. Anh đang chệnh choáng hơi men, có cái gì vừa vui vui, vừa âm ập, vừa buồn buồn... Anh bước đi và nghĩ rằng sao trong cuộc đời lại hay được gặp những người tốt thế và thật đáng tiếc là những cuộc gặp gỡ ấy chẳng để lại gì hơn ngoài những kỷ niệm. Có khi anh thấy thấp thoáng phía chân trời những cánh sếu, một ngọn gió nhẹ thoảng đưa đến tiếng kêu rầu rầu và rộn rã của chúng, rồi chỉ một phút sau, dù anh có căng mắt ra mà nhìn về khoảng xa xanh kia đến đâu, anh cũng sẽ chẳng thấy một chấm đen nào, không nghe thấy một tiếng kêu nào nữa - cũng hết như vậy những con người với gương mặt và giọng nói của họ thoảng hiện trong cuộc đời rồi chìm lấp đi trong quá khứ của chúng ta, không để lại gì hơn ngoài những dấu vết nhỏ nhoi của kỷ ức. Sống ở huyện N. này từ đầu mùa xuân và hầu như ngày nào cũng đến chơi với gia đình Kudnétxốp mến khách, Ivan Alêchxâyêvít đã trở nên thân quen như người nhà với ông già, với cô con gái, với người cháu, anh đã thuộc lòng mọi ngõ ngách trong nhà, hàng hiên xinh xinh, những khúc đường uốn cong giữa hàng cây, bóng cây trùm trên mái bếp và nhà tắm; nhưng bây giờ khi anh bước ra ngoài phía công, thì tất cả những cái đó đã biến thành kỷ niệm và mất đi mãi mãi cái ý nghĩa thực đối với anh, rồi một hai năm tới, tất cả những hình ảnh thân yêu ấy sẽ nhòa dần trong tâm trí anh cùng với những điều mà anh đã tưởng tượng ra.

“Trong cuộc đời không có gì quý hơn những con người! - Ôgonép xúc động nghĩ, chân bước dần theo con đường chạy giữa hai hàng cây đến phía công. - Không có gì quý hơn!”.

Trong vườn vắng lặng và âm ập, thoang thoảng mùi hương hoa réséda[16], hoa vôi voi, hoa thuốc lá, những thứ hoa còn chưa kịp nở rộ trong vườn. Khoảng giữa những khóm bụi cây và thân cây bàng bạc hơi sương mỏng manh, mềm dịu, trong suốt qua ánh trắng, và điều này Ôgonép còn ghi nhớ mãi, ấy là những đám sương mờ mờ, như những cái bóng, nhẹ nhàng nhưng trông rất rõ đang bay theo nhau bên những hàng cây. Trắng mọc cao trên vườn cây, và dưới trắng có những dải sương trong suốt đang bay về một nơi nào ở phía Đông. Dường như cả thế giới chỉ hợp lại bằng những bóng đen và những cụm sương mờ trắng trắng đang bay lạng thang; còn Ôgonép khi ngắm nhìn những đám sương bay trong đêm trăng tháng Tám này có lẽ lần đầu tiên trong đời đã nghĩ rằng, không phải anh đã nhìn thấy thiên nhiên mà là nhìn thấy một cảnh bài trí, trong đó những người đốt pháo bông vung về định làm sáng cả khu vườn bằng một thứ ánh sáng trắng xanh, đã ngời nập sau những bụi cây và đã làm khối trắng bay lên cùng với ánh sáng.

Khi Ôgonép đi gần đến cổng khu vườn, từ bên hàng giậu thâm thấp bỗng có một bóng đen bước ra và đi ngược lại phía anh.

- Cô Vêroska! - anh sung sướng thốt lên. - Cô đấy ư? Thế mà tôi cứ tìm cô mãi, tôi muốn chia tay... Tôi tạm biệt cô nhé, tôi đi đây!

- Sao sớm thế? Bây giờ mới là mười một giờ.

- Không, đến lúc phải đi rồi! Đường dài năm cây, lại còn phải ngủ nữa chứ. Sáng mai còn dậy sớm...

Trước mặt Ôgonép là con gái ông già Kudnétxốp, cô Vêroska, một cô gái hai mươi một tuổi, vẻ mặt lúc nào cũng buồn buồn, ăn mặc xuề xòa, và rất có duyên. Những cô gái hay mơ mộng, suốt ngày ưa nằm đọc một cách uể oải tất cả những cuốn sách gì tiện tay vớ được, những cô gái hay buồn buồn, rầu rĩ thường không chú ý đến cách ăn mặc. Đối với những ai trong số đó mà lại được tạo hóa phú cho khiếu thẩm mỹ và sự linh cảm về cái đẹp thì sự tuềnh toàng sơ sài trong cách ăn mặc đó lại đem đến cho các cô ấy một vẻ quyến rũ đặc biệt. Ít ra thì sau này, khi nhớ lại Vêroska xinh xắn, Ôgonép không thể nào hình dung ra cô mà lại không nhớ đến cái áo ngắn mặc ngoài nhẵn nhúm nơi eo lưng thành những nếp gấp sâu mà không chạm vào thân mình cô, không nhớ đến món tóc quăn quăn lòa xòa trên trán từ mái tóc chải cao, chiếc khăn đan màu đỏ lấm tấm những quả cầu nhỏ nơi gờ mép, chiếc khăn vào những buổi tối vẫn vắt ngang vai Vêroska như lá cờ khi hết gió và ban ngày thì nhàu nát để ở buồng ngoài bên cạnh mấy chiếc mũ đàn ông, hay là vút trên mặt rương trong buồng ạn, nơi con mèo già vẫn thường ngủ một cách ngang nhiên. Cái khăn ấy, những nếp gấp nơi chiếc áo ngắn mặc ngoài ấy như tỏ ra một vẻ gì uể oải thoải mái nhàn nhã, và khoan hòa. Có lẽ vì Ôgonép có cảm tình với

Vêroska nên trong từng cái cúc áo, từng nếp áo của cô, anh có thể thấy một cái gì đầm ấm, dư dật, thơ ngây, một cái gì thật tốt đẹp, thật nên thơ, chính những cái không có ở những người phụ nữ giả dối, lạnh lùng, thiếu xúc cảm về cái đẹp.

Vêroska có một thân hình cân đối, một dáng nhìn nghiêng rất xinh và những món tóc quần quần tuyệt đẹp. Đối với Ôgonép, một người trong đời biết không nhiều phụ nữ, thì Vêroska thật là một cô gái đẹp.

- Tôi đi đây! - anh nói, chia tay với cô gần bên cổng. - Đừng nghĩ xấu về tôi! Cảm ơn cô vì tất cả những gì tốt đẹp cô đã đem đến cho tôi!

Cũng vẫn bằng cái giọng trầm bổng như học trò chủng viện mà lúc nãy anh đã nói với ông già, cũng vẫn những cái nhún vai và nhấp nháy đôi mắt, Ôgonép cảm ơn Vêroska về lòng mến khách, thái độ dịu dàng, niềm nở của cô.

- Thư nào gửi cho mẹ, tôi cũng đều có nhắc đến cô, - anh nói. - Nếu ai cũng như cô và ông cụ nhà đây thì cuộc sống trên thế giới này không phải là cuộc sống bình thường nữa mà là một ngày hội. Gia đình cô thật hoàn toàn những người tuyệt diệu! Thật giản dị, chân tình, nhiệt thành.

- Bây giờ anh đi đâu? - Vêroska hỏi.

- Bây giờ tôi đi về chỗ mẹ tôi ở Ôriôn, ở lại đây khoảng hai tuần rồi trở về Pêterburg làm việc.

- Rồi sau đó?

- Sau đó ư? Sẽ làm việc suốt cả mùa đông, đến mùa xuân lại về một huyện nào đó thu thập tài liệu. Thôi nhé, chúc cô hạnh phúc, sống lâu trăm tuổi... đừng nghĩ xấu về tôi. Chúng ta sẽ không gặp nhau nữa.

Ôgonép cúi xuống và hôn tay Vêroska. Sau đó, trong lòng xúc động lặng lẽ, anh đưa tay sửa chiếc áo khoác ngoài đang mặc, đổi cách cầm gói sách cho thuận, im lặng một lát rồi nói:

- Sương xuống nhiều quá nhỉ!

- Vâng. Anh không để quên cái gì lại chứ?

- Cái gì kia? Có lẽ là không quên gì...

Ôgonép đứng im mấy giây không nói, sau đó anh vung về quay người lại phía cổng rồi đi ra khỏi vườn.

- Khoan đã, tôi sẽ tiễn anh đến cánh rừng nhà, - Vêroska vừa nói vừa bước theo anh.

Hai người cùng đi trên đường. Bây giờ những tán cây không còn che mắt nữa, và có thể nhìn thấy bầu trời cao rộng. Cảnh vật chung quanh phủ một lớp sương trắng trong suốt như ẩn sau một tấm khăn voan, cái đẹp của thiên nhiên qua tấm khăn voan này trông thật vui mắt; những đám sương dày hơn, trắng hơn quần quanh bên những đồng rơm, bụi cây hoặc đang tha thân bay qua mặt đường, sà xuống mặt đất như không muốn che khuất những khoảng trời xa. Qua làn khói sương mờ, cả con đường dẫn đến cánh rừng hiện ra với những con mương màu sẫm chạy dọc hai bên, những bụi cây mọc trên bờ mương ngăn không cho những đám sương bay qua. Cách cổng vườn chừng nửa vécxta, cánh rừng của nhà Kudnétxốp nổi lên thành một vệt dài đen sẫm.

“Cô ta đi cùng với mình làm gì? Vì thế thì mình lại phải tiễn cô quay trở lại!” - Ôgonép nghĩ vậy, nhưng rồi liếc nhìn gương mặt Vêroska, anh mỉm cười dịu dàng và nói:

- Ra đi vào lúc đẹp trời như thế này thật chẳng muốn chút nào! Buổi tối hôm nay thật đầy vẻ mơ mộng, có ánh trăng, có vẻ vắng lặng, có tất cả những gì cần thiết cho một đêm như thế. Cô Vêroska, cô có biết không? Tôi sống trên đời này đã hai mươi chín năm rồi, nhưng trong đời tôi, tôi chưa từng trải qua một chuyện tình duyên nào. Cả đời chưa từng một lần yêu đương, vì thế mà đối với rendez-vous [17], những chuyện tình tự, những cái hôn... tôi chỉ được biết qua lời kể. Thật là không bình thường! Ở thành phố khi ngồi trong căn phòng của mình, cũng khó thấy chỗ trống ấy, nhưng rồi đây dưới bầu trời thoáng đãng, cái khoảng trống ấy hiện ra thật rõ... Nghĩ lại cứ thấy nuối tiếc làm sao ấy...

- Sao anh lại thế?

- Tôi cũng không biết nữa. Chắc là cả đời tôi chưa có lúc nào rồi rỗi, cũng có thể là do tôi chưa từng được gặp những người phụ nữ mà tôi... Nói chung là tôi có rất ít người quen, tôi chẳng hay đi đâu cả.

Chừng ba trăm bước, hai người trẻ tuổi im lặng bước đi. Ôgonép nhìn lên mái đầu để trần, nhìn lên chiếc khăn của Vêroska, trong trí anh nối tiếp nhau hiện lên những ngày xuân và những ngày hè; đó là thời gian anh ở cách xa căn buồng Pêtêrburg màu xám của mình, sung sướng hưởng sự chiều chuộng dịu dàng của những người tốt bụng, hưởng vẻ đẹp thiên nhiên và cái thú vui của công việc mình ưa thích, anh không kịp nhận ra những buổi hoàng hôn đã đến thay bình minh ra sau, không để ý đến những con chim họa mi, chim cun cút, những cơn cuộc đông đã lần lượt theo nhau thôi hót, báo hiệu mùa hè đã hết... Thời gian trôi đi nhẹ tênh, và thế có nghĩa là anh đã sống thật yên lành và thoải mái... Anh gọi lại với Vêroska rằng, lúc đầu hồi cuối tháng Tư năm nay, một người chẳng giàu có gì, không quen xê dịch và giao thiệp như anh, đã miễn cưỡng đi về huyện N. này như thế nào, anh đã sẵn sàng chờ đợi gặp gỡ một sự tẻ nhạt, cô đơn và thái độ thờ ơ dừng đứng đối với thống kê học, một ngành mà theo ý anh hiện nay đang chiếm một vị trí hàng đầu trong các ngành khoa học. Đến huyện lỵ N. vào một buổi sáng tháng Tư, anh dừng chân lại quán trọ của ông Riabukhin, một người tín đồ cực giáo, tại đây anh giả mỗi ngày hai mươi kôpêch và được ở thuê một buồng sáng sủa sạch sẽ với điều kiện rằng anh chỉ được hút thuốc ngoài trời. Nghỉ tại đây ít lâu và hỏi dò xem ở huyện này ai là chủ tịch hội đồng tự quản huyện, anh lập tức đến nhà Kudnétxốp. Anh phải đi bốn cây số qua những bãi cỏ rộng sặc sỡ màu hoa dại và những rừng thông non. Dưới tầng mây, những đàn chim sơn ca rót đầy khoảng không những âm thanh lấp lánh màu bạc, và trên những thửa ruộng đang lên màu xanh, những con quạ oai vệ vỗ cánh bay lượn.

- Trời, - lúc ấy Ôgonép đã ngạc nhiên thốt lên, - chẳng lẽ lúc nào không khí đều thoáng đãng như thế này sao, hay là chỉ có hôm nay cảnh vật mới đẹp thế và là để mừng tôi đến?

Chờ đợi một thái độ tiếp đón khô khan, anh bước vào nhà Kudnétxốp một cách rụt rè, không dám nhìn thẳng, tay ngượng ngịu vôn vê bộ râu. Ông già Kudnétxốp mới đầu nheo mày không hiểu hội đồng tự quản huyện thì có thể giúp ích gì cho chàng trai trẻ này với cái nghề thống kê của anh ta, nhưng khi anh ta giải thích cặn kẽ cho ông già nghe thế nào là tài liệu thống kê và những tài liệu ấy thu thập được ở những đâu thì ông già thấy hào hứng hẳn lên, ông mỉm cười và ghé mắt nhìn vào những cuốn sổ ghi chép của anh với vẻ tò mò như con trẻ... Ngay buổi tối hôm đó, Ôgonép đã ngồi ăn cùng với gia đình Kudnétxốp, đã nhanh chóng say vì uống rượu mạnh và, nhìn những gương mặt bình thản, nhìn những cử động chậm chạp của những người mới quen, anh thấy tỏa khắp thân thể mình một cảm giác uể oải ngọt ngào, mơ màng khi con người ta muốn được ngủ, được duỗi thẳng chân tay và mỉm cười. Còn những người mới quen thì xởi lởi nhìn anh và hỏi anh rằng bố mẹ anh có còn sống không, lương tháng anh được bao nhiêu, anh có hay đi xem hát hay không?

Ôgonép nhớ lại những chuyến đi về các tổng, những cuộc đi chơi rừng cùng bạn bè, những buổi đi câu cá, cái lần tất cả cùng đi thăm bà quản nhà tu kín Maropha - bà Maropha đã tặng cho mỗi người khách thăm một túi nhỏ hạt cườm; anh nhớ lại những lần tranh cãi sôi nổi vô tận, đặc biệt Nga, khi mà những người tranh luận vùng tay đâm mạnh xuống bàn, không hiểu nhau, ngắt lời nhau, chẳng hề để ý rằng tự mình mâu thuẫn với mình trong từng câu, luôn luôn thay đổi đề tài tranh luận, và cuối cùng sau hai ba tiếng đồng hồ cãi vã, bèn cười xòa mà nói với nhau:

- Có họa là quỷ mới biết được vì lý do gì mà chúng ta đã cãi nhau! Thật là đầu voi đuôi chuột!

- Cô có còn nhớ lần tôi với cô và ông bác sĩ cùng cưỡi ngựa đi Sextôvô không? - Ôgonép nói với Vêroska khi cùng với cô đi đến cánh rừng. - Lần ấy chúng ta gặp một tay ngầy dại. Tôi cho hắn ta đồng năm kôpếch, hắn làm dấu ba lần rồi ném đồng năm kôpếch tôi cho vào ruộng lúa mạch đen. Trời, tôi mang theo nhiều ấn tượng quá, đến nỗi nếu có thể cô đặc chúng lại thì tôi đã được một thỏi vàng mười! Tôi không hiểu tại sao những người thông minh và giàu xúc cảm lại cứ chen chúc nhau ở các thủ đô mà không đi tới đây? Lễ nào ở đại lộ Nêpxki và trong những ngôi nhà âm thấp đồ sộ lại thênh thang hơn, nhiều chân lý hơn ở đây? Cứ thực bụng mà nói thì những căn buồng trọ chỗ tôi ở suốt từ tầng trên xuống tầng dưới đều có những họa sĩ, nhà khoa học, nhà báo ở thuê, nhưng căn buồng ấy bao giờ cũng là một thứ định kiến đối với tôi.

Cánh rừng khoảng hai mươi bước, có một chiếc cầu nhỏ bốn góc có cột trụ ngang qua đường; chiếc cầu ấy bao giờ cũng là một nơi dừng chân cho gia đình Kudnêtxốp và khách khứa trong những lần dạo chơi buổi tối. Từ chỗ ấy những ai muốn nghe rừng vọng lại tiếng mình đều có thể nghe được, và có thể trông thấy rõ con đường biến dần đi trong khoảng rừng đen sẫm.

- Thôi, cầu đây rồi! - Ôgonép nói. - Đến đây thì cô trở lại được rồi...

Vêroska dừng lại, thở vào thật sâu rồi thở ra.

- Ta ngồi xuống đây một lúc đi, - Vêroska vừa nói vừa ngồi xuống một trụ cầu. - Trước khi ra đi, lúc chia tay, thường thường người ta vẫn ngồi lại với nhau ít phút.

Ôgonép để gói sách của mình bên cạnh Vêroska, ngồi xuống đó và tiếp tục nói. Vêroska khó nhọc thở vì vừa đi bộ một quãng xa, cô không nhìn Ôgonép, mà đưa mắt về một phía khác, cho nên anh cũng không nhìn thấy mặt cô.

- Nếu bất ngờ sau mười năm nữa chúng ta gặp nhau, - anh nói. - Lúc đó chúng ta sẽ là những người thế nào? Cô lúc ấy sẽ là người mẹ đáng kính của một gia đình, còn tôi là tác giả của một tuyển tập thống kê đáng trọng nào đấy mà không cần cho ai cả, dày cộp như bốn chục nghìn tập khác. Chúng ta gặp nhau và sẽ cùng nhớ lại ngày xưa... Còn bây giờ thì chúng ta đang cảm thấy hiện tại, hiện tại đang chứa đầy trong ta và làm ta xúc động, nhưng đến lúc ấy, khi gặp lại, chúng ta sẽ không còn nhớ ngày, tháng, thậm chí không nhớ đến cả năm chúng ta gặp nhau lần cuối, trên chiếc cầu nhỏ bé này sẽ thay đổi nhiều... Cô có nghe không, cô sẽ thay đổi nhiều chứ?

Vêroska rùng mình và quay mặt lại phía anh.

- Cái gì cơ? - cô hỏi.

- Tôi vừa hỏi cô rằng...

- Xin lỗi anh, tôi không nghe rõ anh vừa nói những gì.

Đến lúc ấy Ôgonép mới nhận ra nét mới lạ nơi Vêroska. Gương mặt cô tái nhợt, cô thở gấp, hơi thở run run của cô truyền đi khắp cánh tay, hiện rõ trên đôi môi, mái tóc cô xòa ra trên trán nhiều hơn thường ngày... Hình như cô tránh không nhìn thẳng vào mặt anh và, để che giấu niềm xúc động của mình, khi thì cô sửa lại cô áo như đang cửa đau cổ cô, khi thì vắt lại chiếc khăn màu đỏ của mình từ vai này sang vai kia...

- Hình như cô bị lạnh phải không? - Ôgonép hỏi. - Ngồi trong sương không tốt lắm đâu. Thôi để tôi đưa cô Nach Hause [18] nhé.

Vêroska im lặng.

- Cô làm sao thế? - Ôgonép mỉm cười hỏi. - Cô cứ làm thình và chẳng trả lời gì cả. Cô bị mệt hay là tức giận điều gì? Phải thế không?

Vêroska đưa lòng bàn tay áp chặt vào má bên phía Ôgonép và liền đó cô giật mạnh bàn tay khỏi má.

- Thật là một tình cảnh kinh khủng... - cô thì thào nói, vẻ đau đớn hiện rõ ra trên nét mặt. - Thật kinh khủng!

- Có gì kinh khủng làm vậy? - Ôgonép hỏi, nhún nhún hai vai, không che giấu sự ngạc nhiên của mình.
- Có chuyện gì vậy?

Vêroska vẫn thở nặng nhọc, đôi vai run lên, cô quay lưng lại phía anh, ngẩng đầu lên nhìn trời một lát rồi nói:

- Tôi cần nói chuyện với anh, anh Ivan Aléchxâyêvít a...

- Tôi nghe đây.

- Có thể rằng anh sẽ thấy điều đó là lạ lùng... anh sẽ ngạc nhiên, nhưng mà đối với tôi thì thế nào cũng thế...

Ôgonép lại một lần nữa nhún vai và chờ đợi lắng nghe.

- Thế này anh ạ... - Vêroska bắt đầu nói, đầu hơi cúi thấp xuống, tay vẫn vờ mép khăn. - Anh có biết không, tôi muốn nói với anh một điều... như thế này... Anh sẽ cảm thấy là lạ lùng và... ngu xuẩn, nhưng tôi, tôi... thì không thể giấu được nữa.

Lời Vêroska nói nghe không rõ, rồi bỗng bật thành tiếng khóc. Cô gái lấy khăn che mặt, đầu cúi thấp xuống nữa, và nghẹn ngào khóc tiếp. Ôgonép hắng giọng lúng túng, vừa kinh ngạc vừa không biết phải nói gì, làm gì, anh đưa mắt nhìn chung quanh mình một cách tuyệt vọng. Vì chưa từng quen với tiếng khóc và nước mắt, chính anh cũng cảm thấy mình rung rung lệ.

- Sao lại thế? - anh lắp bắp nói, bối rối. - Cô Vêroska, thế là làm sao? Vêroska thân yêu, cô... cô bị ốm ư? Hay là có ai xúc phạm tới cô? Cô hãy nói đi, có thể rằng tôi... sẽ giúp được gì cho cô chẳng...

Và khi anh định an ủi cô gái, nhẹ nhàng gỡ bàn tay che mặt cô ra, thì cô mỉm cười qua nước mắt và nói:

- Tôi... tôi yêu anh!

Lời nói giản dị, bình thường ấy thốt lên bằng thứ ngôn ngữ giản dị của con người, nhưng lại làm cho Ôgonép cảm thấy hết sức bối rối, anh quay mặt đi đứng thẳng dậy và, tiếp liền với cảm giác bối rối, anh bỗng thấy sợ hãi.

Tâm trạng buồn buồn, ảm áp, một chút đa cảm đến với anh lúc uống rượu và chia tay bỗng biến mất, nhường chỗ cho một cảm giác bối rối khó chịu. Một cái gì mới mẻ đảo lộn cả lòng anh, anh liếc nhìn Vêroska; bây giờ, sau khi tỏ tình với anh, cô không còn vẻ cao xa, không thể nào với tới được - cái điều vẫn thường làm phong phú hơn cho người phụ nữ, đối với anh hình như cô trở nên thấp hơn một chút, giản dị hơn, bình thường hơn.

“Thế này là thế nào? - anh sợ hãi nghĩ thầm. - Nhưng mà không biết tôi có yêu... Vêroska không? Vấn đề là ở chỗ ấy?”

Còn Vêroska thì, sau khi đã nói được ra cái điều chính nhất khó nói nhất, cô cảm thấy nhịp thở của mình trở lại thanh thản, nhẹ nhàng. Cô cũng đứng lên và, nhìn thẳng vào mặt Ôgonép, cô nói với anh một cách sôi nổi, tron tru, không gì ngăn lại được.

Giống như một người bất ngờ bị hoảng hốt không thể nhớ lại sau đó trình tự diễn biến của cái tai họa làm anh ta choáng váng, Ôgonép cũng không nhớ được những lời nói của Vêroska. Anh chỉ còn nhớ được nội dung những lời cô nói, nhớ được chính bản thân cô lúc ấy ra sao và cái cảm giác mà lời nói của cô đã đem tới cho anh. Anh nhớ giọng nói của Vêroska lúc ấy như nghẹn lại, hơi khàn khàn vì xúc động, một nhạc điệu lạ lùng, sôi nổi toát ra từ giọng nói của cô. Vừa khóc, vừa cười, những giọt lệ sáng long lanh trên hàng mi, Vêroska nói rằng ngay từ những ngày đầu quen nhau, anh đã làm cô kinh ngạc vì vẻ độc đáo, sự thông minh, vì đôi mắt phúc hậu, linh lợi, vì những nhiệm vụ và mục tiêu trong cuộc đời, rằng cô yêu anh say đắm, hết lòng, yêu đến mất trí; rằng có lẽ vào dạo hè, khi đi từ ngoài vườn vào trong nhà, nhìn thấy chiếc áo choàng rộng của anh treo nơi mắc áo nhà ngoài hay nghe thấy giọng nói của anh thì tim cô thất lại một niềm linh cảm hạnh phúc; ngay cả những câu nói đùa vô thưởng vô phạt của anh cũng làm cô cười phá lên, cô đọc thấy mỗi chữ số trong cuốn sổ cha anh là một cái gì hợp lý phi thường, một cái gì rất to tát; đối với cô, cái gây nhiều máu anh cảm còn đẹp hơn mọi thứ cây trên đời này.

Cả cánh rừng, cả những cụm sương và những dòng mương đen sẫm nằm hai bên đường, dường như đều yên ắng lắng nghe Vêroska nói, nhưng Ôgonép thì lại cảm thấy có cái gì lạ lùng chẳng tốt lành trong lòng... Lúc bày tỏ tình yêu của mình đối với anh, Vêroska trông thật hấp dẫn, cô nói bằng những lời rất đẹp và say sưa, nhưng anh không cảm thấy một nỗi mừng, một niềm khoái lạc nào như anh muốn, anh chỉ cảm thấy một niềm thương cảm đối với Vêroska, đau xót và ái ngại rằng vì anh mà một người tốt như thế đã phải khổ. Có trời mà biết được, không hiểu có phải cái lý trí sách vở đã trở lên trong anh, hay là thói quen nhìn mọi vật một cách khách quan không thể cưỡng lại được đã lại đến với anh - một thói quen thường làm cho người ta khó sống - mà anh chỉ thấy niềm say mê và nỗi đau khổ của Vêroska và một cái gì quá đa cảm ngọt ngào, không thật chân thành và đồng thời một tình cảm mới vụt đến xáo động trong anh, mách thăm với anh rằng những gì anh đang nhìn thấy và nghe thấy bây giờ, nhìn từ góc độ của tạo vật và hạnh phúc riêng tư, còn hệ trọng hơn rất nhiều so với mọi thứ thông kê học, mọi thứ sách vở, mọi thứ chân lý... Và anh cảm thấy tức bực, anh tự trách mình mặc dầu không hiểu rõ rằng lỗi của mình là ở đâu.

Anh hết sức lúng túng và hoàn toàn không biết mình phải nói gì, mà lúc này lại rất cần phải nói. Nói thẳng rằng: “tôi không yêu cô” thì anh không đủ sức, mà nói “yêu” thì anh lại không nói được, bởi vì dù có tìm tới đến thể nào đi nữa, anh cũng không thể kiếm được trong lòng mình một chút tình yêu nào... anh im lặng, còn Vêroska lúc ấy thì nói rằng, đối với cô không có hạnh phúc nào lớn hơn là được nhìn thấy anh, được đi theo anh, dù là đi luôn bây giờ, đến nơi nào mà anh muốn, trở thành người vợ, người trợ giúp cho anh, rằng nếu anh bỏ cô mà đi thì cô sẽ chết vì buồn rầu...

- Em không thể ở lại đây được nữa! - cô vừa nói vừa bẻ bẻ tay. - Em chán ngấy cái nhà này, cánh rừng này, khí trời này. Em không thể chịu được cái yên tĩnh thường xuyên và cuộc sống vô mục đích này, không thể chịu được những con người tẻ nhạt, ai cũng giống hết nhau như hai giọt nước! Tất cả bọn họ đều nhiệt thành tốt bụng bởi vì họ lúc nào cũng no nê, không phải đau khổ, không đấu tranh vì một cái gì... Mà em thì lại muốn đến những ngôi nhà nặng nề âm thấp, nơi người ta đau khổ, người ta trở nên tàn nhẫn, vì lúc nào cũng phải làm việc và lúc nào cũng túng bần.

Cả lời này nữa, Ôgonép cũng cảm thấy có vẻ tán tưng ngọt ngào, không thật chân thành. Khi Vêroska nói xong rồi, anh cũng vẫn chưa biết phải nói gì, nhưng mà không thể im lặng được nữa, anh đành lắp bắp nói:

- Cô Vêroska ạ, tôi rất biết ơn cô, mặc dầu tôi cảm thấy rằng tôi chẳng có gì tốt đẹp để xứng đáng được... hưởng tình cảm mà cô vừa bày tỏ. Thứ hai là, với tư cách là một người trung thực, tôi phải nói rằng... hạnh phúc được xây dựng trên sự cân bằng, có nghĩa là khi mà cả hai bên... cùng yêu ở mức độ

như nhau...

Ngay lúc ấy Ôgonép thấy gương với những lời mình vừa áp ứng nói và anh im lặng. Anh cảm thấy bộ mặt anh bây giờ chắc ngu độn, đầy vẻ hối lỗi, hời hợt, đang căng ra và dài thườn thượt... Chắc là Vêroska đã có nhận ra được sự thật trên gương mặt của anh, vì vậy cô bỗng nghiêm trang trở lại, mặt tái nhợt đi và cúi đầu xuống.

- Cô tha lỗi cho tôi, - Ôgonép không chịu nổi sự im lặng, lại áp ứng nói. - tôi kính trọng cô đến mức rằng tôi cảm thấy... đau đớn!

Vêroska vụt quay lại và rảo bước đi về phía trang trại. Ôgonép đi theo sau cô.

- Đừng theo, không nên thế! - Vêroska nói, hất bàn tay ra hiệu không cần. - Anh đừng đi nữa, tôi tự đi về được...

- Không, dù sao thì... không thể không đưa tiễn...

Bất kể là Ôgonép nói gì, chữ nào anh cũng tự cảm thấy ghê tởm và tầm thường. Mỗi bước đi anh lại càng thấy ân hận hơn. Anh giận dữ, nắm chặt tay lại, thấm rửa sự lạnh lùng của mình, thấm rửa mình không biết cách đối xử với phụ nữ. Cố thức tỉnh lòng mình, anh nhìn lên thân hình đẹp đẽ của Vêroska, nhìn bím tóc và dấu vết đôi chân nhỏ của cô in lại trên mặt đường đầy bụi, anh nhớ lại những lời nói, nước mắt của cô, nhưng tất cả những cái đó chỉ làm cho lòng anh mềm dịu lại, chứ không làm anh phân chấn.

“Ôi, đúng là không thể cưỡng bức yêu được! - anh tự thuyết phục mình và đồng thời nghĩ - Đến bao giờ thì tôi mới yêu một cách tự nguyện? Bây giờ tôi đã gần ba mươi tuổi rồi! Chưa bao giờ tôi gặp được người phụ nữ tốt hơn Vêroska và sẽ không bao giờ gặp nữa... Ôi, sự già nua chó má! Sự già nua vào tuổi ba mươi!”

Vêroska đi đằng trước anh mỗi lúc một nhanh hơn, cô không nhìn lại, đầu cúi xuống. Anh có cảm tưởng rằng vì đau khổ mà người cô gầy đi, vai cô so lại...

“Thử hình dung xem cái gì đang diễn ra trong lòng cô? - anh nhìn vào sau lưng cô gái và nghĩ. - Chắc là cô ấy vừa đau khổ, vừa xâu hổ đến mức tưởng muốn chết! Trời ơi, có biết bao nhiêu sự sống, chất thơ, bao nhiêu ý nghĩ ở đây, đến đá cũng phải xúc động, thế mà mình... mình thật ngu xuẩn và kỳ cục!”

Đến bên cổng, Vêroska thoáng nhìn lại anh rất nhanh, khom mình xuống, phủ khăn kín đầu, rồi đi nhanh vào giữa hàng cây.

Ôgonép đứng lại một mình. Quay trở về phía rừng, anh đi chậm rãi, chốc chốc lại dừng chân và ngoái đầu nhìn cổng trại với cái vẻ toát ra từ toàn thân như là anh không tin mình nữa. Anh đưa mắt tìm trên đường đi những dấu chân của Vêroska và không tin được rằng, cô gái mà anh đã có cảm tình nhường ấy vừa tỏ tình với anh và anh đã “từ chối” cô ấy một cách vụng về, lỗ mãng! Lần đầu tiên trong đời, anh nghiệm thấy rõ qua trường hợp của chính mình rằng con người ta phụ thuộc ít ỏi thế nào vào thiện chí của mình, rằng một người đứng đắn và chân thành, ngược với ý muốn của mình, đã gây cho người thân thiết của mình những nỗi đau khổ tàn nhẫn và không đáng có ra sao.

Lương tâm anh cắn rứt, và khi Vêroska đi khuất hẳn, anh bắt đầu cảm thấy anh đã mất đi một cái gì rất quý, rất gần gũi, một cái gì anh không thể tìm lại được nữa. Anh cảm thấy rằng cùng với Vêroska, một phần tuổi trẻ của anh đã trôi đi, rằng những phút mà anh vừa sống một cách hoài phí như vậy đã không bao giờ lặp lại nữa.

Đến chiếc cầu nhỏ, anh đứng lại nghĩ ngợi. Anh muốn tìm ra nguyên nhân của sự lạnh lùng kỳ quặc của mình. Anh thấy rõ rằng sự lạnh lùng ấy không phải tồn tại bên ngoài anh, mà ở chính trong tâm can anh.

Anh thành thật thú nhận trước lương tâm mình rằng, đó không phải là sự lạnh lùng của lý trí - điều mà những người thông minh vẫn thường tự phụ, không phải là sự lạnh lùng của một tên ngu xuẩn vị kỷ, mà đó chỉ là sự bất lực của tâm hồn không còn khả năng tiếp nhận sâu xa cái đẹp, là sự già nua trước tuổi, kết quả của một cách giáo dục, của cuộc vật lộn xô bồ giành giật lấy miếng ăn, của một cuộc đời ở thuê, không người thân kẻ thuộc.

Rời khỏi cầu, anh bước chậm vào rừng như không muốn đi. Ở đây, giữa những khoảng rừng tối sẫm ánh trắng in loáng thoáng đó đây, anh không cảm thấy gì khác ngoài những ý nghĩ của chính mình và anh bỗng thiết tha muốn lấy lại những gì vừa mất.

Và Ôgonép nhớ rằng anh đã quay lại trang ấp. Tự kích thích mình bằng những hồi tưởng, cố ép mình hình dung ra Vêroska trong trí tượng tượng, anh bước nhanh về phía vườn. Trên đường đi vào trong vườn, sương đã hết, trăng dọi chiếu từ trên trời như vừa được rửa sạch, chỉ có phía Đông che phủ một chút mây u ám... Ôgonép nhớ lại bước chân dè dặt của mình, nhớ lại những khung cửa sổ tối đen, mùi hương ngào ngạt của hoa vôi vôi và hoa réséda. Con chó Karô quen thuộc thân thiện vẫy vẫy đuôi đến gần bên anh và ngửi ngửi tay anh... Nó là sinh vật duy nhất nhìn thấy anh đã hai lần đi quanh nhà, đứng lặng dưới cửa sổ tối đen của Vêroska, khoát tay một cái, thở dài rồi đi ra khỏi vườn.

Một giờ sau anh đã ở huyện lỵ, người mệt nhoài phờ phạc, anh tựa thân mình và đôi má nóng hổi vào cánh cổng quán trọ và gõ cửa. Có con chó nhà ai ngái ngủ sủa lên một lúc, và như để đáp lại tiếng gõ cửa của anh, chiếc keng gang gần nhà thờ vang lên ngân nga...

- Cứ tha thần chơi khuya mãi thôi... - ông chủ, dân tín đồ cạo giáo mặc chiếc áo sơ mi dài như áo đàn bà vừa làu bàu vừa mở cổng. - Đi chơi làm gì, ở nhà mà cầu nguyện có tốt hơn không.

Bước vào căn phòng của mình Ôgonép ngồi phịch xuống giường và nhìn rất lâu, rất lâu lên ánh lửa, sau đó anh lắc mạnh đầu rồi ngã mình xuống giường ngủ...

Vé trúng số

IVAN ĐOMITORÍTS, một người thuộc hạng trung lưu, gia đình hàng năm tiêu chừng một ngàn hai trăm rúp, thường rất thỏa mãn với số phận của mình, có lần sau bữa ăn tối ngồi vào divăng và bắt đầu đọc báo.

- Hôm nay tôi quên liếc qua tờ báo - bà vợ ông vừa dọn bàn vừa nói. - Minh xem xem báo hôm nay có đăng kết quả xổ số không?

- Có, có đăng, - Ivan Đomitoríts đáp, - thế vé số của mình không bị ký quỹ đấy chứ?

- Không, hôm thứ ba tôi vừa lấy lại phần trăm ra.

- Thế số vé của mình thế nào?

- Xêri chín nghìn bốn trăm chín mươi chín, vé số hai mươi sáu.

- Được để xem nào... chín nghìn bốn trăm chín mươi chín và hai mươi sáu.

Ivan Đomitoríts không tin vào vận may xổ số, nếu vào một lúc nào khác thì chắc chắn là ông đã chẳng buồn ngó vào bản kết quả xổ số, nhưng lúc này vì không có việc gì làm và hợn nữa, báo lại nằm ngay trước mắt - ông đưa ngón tay từ trên xuống dưới theo cột số xêri. Liền ngay đây, như là để giều cột nổi hoài nghi của ông, ngay dòng thứ hai từ trên xuống, con số 9499 nổi rõ đập vào mắt ông! Không kịp nhìn tiếp xem số vé còn lại, không kịp kiểm tra lại, ông vội vàng đặt tờ báo xuống gồi như có ai té nước lạnh vào bụng, ông cảm thấy lòng dịu lại đầy thú vị: vừa buồn buồn như có kiên bò, vừa sờ sợ, vừa ngọt ngào mê ly!

- Masa, đúng chín nghìn bốn trăm chín mươi chín rồi! - ông nói, giọng lạc hẳn đi.

Bà vợ nhìn lên bộ mặt hoảng hốt đầy kinh ngạc của ông và hiểu rằng ông không đùa.

- Chín nghìn bốn trăm chín mươi chín à? - bà ta hỏi lại, mặt tái đi, tay đặt chiếc khăn đã gấp lại xuống bàn.

- Đúng, đúng thế... Thật thế đấy!

- Thế còn số vé?

- Ừ nhỉ còn số vé nữa. Nhưng mà thôi... hãy khoan đã. Thì cứ trúng phần xêri đã. Thì cứ thế đã, mình hiểu không...

Ivan Đomitoríts nhìn vợ há hốc miệng cười vô nghĩa hết như đứa trẻ vừa được người lớn cho xem một vật gì kỳ lạ. Bà vợ cười, cũng như ông chồng, bà ta cảm thấy thú vị khi ông mới chỉ đọc số xêri chứ chưa vội biết đến số vé may mắn. Tự dầy vò và trêu chọc mình bằng hy vọng có thể được giàu to - điều ấy thật ngọt ngào êm dịu và đáng sợ biết bao!

- Vé mình trúng phần xêri rồi, - Ivan Đomitoríts nói sau hồi lâu im lặng. - Có nghĩa là chúng ta có khả năng trúng số. Chỉ là khả năng thôi nhưng mà là có thể!

- Thôi, bây giờ thì mình đọc tiếp đi.

- Khoan đã. Muốn thất vọng cũng còn kịp, sẽ còn có dịp thật chán. Đây là dòng hai từ trên xuống, vậy giải thưởng sẽ thuộc loại bảy mươi lăm nghìn rúp. Đó không phải là tiền bạc nữa, mà là sức mạnh, là vốn liếng làm ăn to! Nhớ bây giờ tôi nhìn lại bảng kết quả và số vé đúng là hai mươi sáu thì sao! Hà? Mình nghe này, nếu quả thực là chúng ta trúng số thì sao?

Hai vợ chồng cười phá lên và im lặng nhìn nhau rất lâu. Khả năng phát tài to làm cả hai choáng váng, không còn biết mơ tưởng thế nào nữa, không mở miệng ra mà nói được xem cả hai người cần đến số tiền 75.000 kia làm gì, họ sẽ mua sắm gì, đi những đâu. Hai vợ chồng chỉ còn nghĩ đến những con số 9499 và 75.000, hình dung chúng ra trong óc, còn về cái hạnh phúc hết sức gần gũi kia thì không hiểu sao họ lại không nghĩ đến.

Ivan Đomitoríts cầm tờ báo trong tay đi đi lại lại trong phòng, và khi đã bình tâm trở lại sau ấn tượng ban đầu, ông mới bắt đầu mơ ước.

- Nếu chúng ta trúng số thật thì sao? - ông nói. - Đó là cả một cuộc đời mới, một bước ngoặt dữ dội! Vé là của mình, nhưng nếu nó là của tôi thì tất nhiên trước tiên tôi sẽ bỏ ra khoảng hai mươi lăm nghìn để mua một bất động sản như trang ấp chẳng hạn, khoảng mười nghìn để chi dùng ngay những ngày này: sắm sửa đồ đạc, đi du lịch, giả nợ và vân vân... Bốn chục nghìn còn lại thì sẽ gửi vào nhà băng lấy lãi...

- Đúng rồi, mua trang ấp là phải lắm, - bà vợ vừa nói vừa ngồi xuống và đặt hai tay lên đầu gối.

- Mua ở mạn tỉnh Tula hay Ôriôn ấy... Thứ nhất là không cần phải có nhà nghỉ ngoại ô nữa, thứ hai là lại có thu nhập về thêm.

Trong trí ông nối tiếp nhau hiện lên những cảnh tượng khác nhau, cảnh sau êm ái, thơ mộng hơn cảnh trước, và trong tất cả những cảnh tượng ấy bao giờ ông cũng tự thấy chính mình là người no nê, bình thản, khỏe mạnh nhất, ông cảm thấy im lặng, thậm chí đến nóng rực cả người lên nữa! Nay đây, sau khi ăn xong đĩa súp mát lạnh như băng, ông nằm ngửa bụng trên bãi cát nóng ven bờ sông nhỏ hoặc nằm trong vườn dưới bóng cây đoan... Trời nóng quá... Đứa con trai và đứa con gái ông thì bò bên cạnh, nghịch cát hay bắt cào cào, châu chấu trong đám cỏ. Ông nằm thiu thiu, không nghĩ ngợi một điều gì hết, ông cảm thấy rõ ràng rằng ngày hôm nay, ngày mai, ngày kia, không bao giờ ông phải đi làm. Và khi nằm đã phát chán, ông bỏ ra chỗ cắt cỏ hay là đi vào rừng hái nấm, hay là xem bọn nông phu kéo lưới bắt cá. Khi mặt trời lặn, ông lấy khăn bông, xả phòng rồi lững thững đi ra bãi tắm, ở đây ông từ từ cởi quần áo ra, lấy tay xoa xoa bộ ngực trần của mình rất lâu rồi dìm mình xuống nước. Dưới nước, bên những đám bọt xả phòng dùng đục, đàn cá nhỏ bơi tung tăng, những sợi rong xanh khẽ dùng đưa. Sau khi tắm sẽ uống nước chè với kem và bánh mì hình số 8... Buổi tối thì đi dạo hay là đánh bài với mấy ông hàng xóm.

- Phải đấy, cứ mua một cái trang ấp là hơn, - bà vợ lên tiếng, bà cũng đang mơ tưởng, nhìn vẻ mặt cũng có thể thấy rằng bà đang say sưa với những ý nghĩ của mình thế nào.

Ivan Đomitoríts vẽ ra cho mình cảnh mùa thu, với những cơn mưa lát phát, những buổi tối se lạnh và những ngày đầu thu trời trong xanh. Vào thời gian này cần phải cố ý đi chơi lâu hơn trong vườn, bên bờ sông cho đến lúc người cảm thấy ớn lạnh rồi hãy về nhà và sau đó, uống một cốc vodka thật to, nhắm với nấm màu hun muối hoặc dưa chuột muối, rồi lại uống tiếp cốc nữa. Bọn trẻ con chạy từ ngoài vườn vào tay cầm cà rốt, cải củ còn thơm hương đất... Sau đây thì đặt mình xuống đi vắng, chậm rãi lật xem một tờ họa báo nào đó, một lúc sau phủ tờ họa báo lên mặt, cởi khuy áo gilê ra và thiếp ngủ...

Sau những ngày hanh nắng tiến đến là những ngày u ám mưa lai rai. Mưa rơi ngày rơi đêm, những cảnh cây trụi lá trông tang thương, gió về âm ướt và lạnh lạnh. Chó, ngựa, gà tất cả đều ướt át, ủ rũ, sợ sệt.

Chẳng có chỗ nào mà dạo chơi, không thể nào đi ra khỏi nhà được, suốt ngày cứ phải đi đi lại lại trong phòng từ góc này đến góc kia và ngán ngẩm nhìn ra ngoài khung cửa sổ u ám. Thật là buồn tẻ!

Ivan Đomitoríts đứng lại và nhìn vợ.

- Minh biết không, Masa, tôi cũng muốn đi chơi nước ngoài một chuyến, - ông nói.

Và ông bắt đầu nghĩ thật là thú vị nếu có thể đi ra nước ngoài vào cuối mùa thu này, chẳng hạn đi về miền Nam nước Pháp, đi Ý... hay đi Ấn Độ!

- Tôi thế nào cũng phải đi ra nước ngoài, - bà vợ nói. - Nào, mình nhìn tiếp số vé xem sao!

- Khoan đã! Chờ một chút đã nào...

Ông đi lại trong phòng và tiếp tục nghĩ ngợi. Một ý nghĩ chợt đến trong đầu ông: nếu quả thật vợ ông cũng đi ra nước ngoài thì sao? Đi du lịch như thế chỉ thú vị khi nào đi một mình hoặc hơn nữa là đi với đám phụ nữ nhẹ dạ vô tư chỉ biết có phút giây hiện tại, chứ không phải là với loại người đàn bà suốt dọc đường chỉ nghĩ và nói đến chuyện con cái, thờ dài thườn thượt, luôn sợ hãi và tính toán chi ly từng kópếch. Ivan Đomitoríts hình dung ra vợ mình trong toa tàu với đủ thứ bọc, bị, túi xách; bà ta buồn rầu nghĩ ngợi điều gì và than vãn rằng bà bị đau đầu trong chuyến đi và tiêu tốn quá nhiều tiền, mỗi khi tàu dừng lại ga là lại chạy đi lấy nước uống, mua bánh mì, kẹp xúc xích... Bà ta không thể ăn bữa trưa cho đàng hoàng được vì như vậy thì tốn tiền quá...

“Thế nào bà ta cũng lại tính cho mình từng kópếch cho coi, - ông nhìn vợ và nghĩ. - Vé là của bà ấy, đâu phải của mình! Nhưng mà bà ta đi ra nước ngoài làm gì? Sang đây thì bà ta còn nhìn thấy gì? Chắc lại ngồi lý trong buồng khách sạn và chẳng chịu thả mình đi đâu cả... Minh biết thế nào mà!”

Và lần đầu tiên trong đời ông để ý thấy rằng vợ ông đã già đi nhiều, trông thô ra, người thì đầy mùi bếp núc, trong khi ông thì còn trẻ, tươi khỏe, giá có lấy vợ nữa cũng còn được.

“Tất nhiên tất cả chuyện đó là lật vặt và ngu xuẩn, - ông nghĩ, - nhưng... sao bà ta lại muốn đi ra nước ngoài kia chứ? Ở bên ấy thì bà ta có thể hiểu được những gì? Thế mà lại đi đấy... Thử hình dung xem...”

Thực ra thì đối với bà ấy Napôlơ hay Klin[19] cũng đều là một thôi.

Đi thế chỉ làm phiền cho mình. Mình sẽ bị mất tự do và bị phụ thuộc vào bà ta. Minh biết tổng là bấy giờ mà bà ta lĩnh được tiền thì lại vội cất ngay vào tủ khóa sáu, bảy lần như mấy mụ đàn bà vẫn thường làm... Bà ta sẽ giấu không cho mình biết... sẽ ban phát cho họ hàng bên ấy, còn đối với mình thì sẽ tính từng kópếch cho xem”.

Ivan Đomitoríts nhớ đến họ hàng của mình. Tất cả những thứ anh em, chị em, cô dì, chú bác ấy, sau khi biết nhà ông trúng số thế nào cũng mò đến, xin xỏ, nhăn nhở cười giả dối, uốn éo. Thật là bọn người vô sỉ ti tiện đáng khinh! Nếu cho họ tiền thì họ sẽ lại xin thêm nữa cho mà coi; nếu từ chối không cho thì họ sẽ rủa rới, đặt điều nói xấu, câu cho nhà ông gặp đủ chuyện không may.

Ivan Đomitoríts nhớ lại những người ruột thịt ấy, những người trước đây ông nhìn bằng con mắt lãnh đạm thì nay trở nên thật khó chịu đáng ghét.

“Thật là bọn người tởm lợm!” - Ông nghĩ bụng thế.

Và cả bộ mặt của vợ ông nữa cũng thành đáng ghét, khó chịu. Lòng ông sôi lên một nỗi căm tức bà ta, một ý nghĩ độc ác đầy khoái trá đến với ông:

“Bà ta có biết giá trị của đồng tiền là thế nào đâu vì lúc nào cũng keo kiệt. Nếu mà bà ta trúng số thì chắc là chỉ cho mình một trăm rúp, còn lại bao nhiêu nhét vào tủ khóa lại hết”.

Ông không còn cười cười mà nhìn vợ như lúc nãy nữa, nhìn bà ta bây giờ ông chỉ còn thấy thâm thù. Bà ta cũng nhìn ông và cũng nhìn với cảm giác thâm thù, căm tức. Bà ta có riêng những giấc mơ rục rở sắc cầu vồng, những dự kiến, những tính toán riêng của mình, bà hiểu rất rõ chồng bà đang mơ tưởng những gì. Bà biết ai sẽ là kẻ đầu tiên chìa tay ra với tới món tiền trúng số của bà.

“Mơ tưởng bằng tiền của người khác bao giờ chẳng thích! - cái nhìn của bà lộ rõ ý ấy. - Không, không, ông đừng có hòng!”

Người chồng hiểu ra cái nhìn của vợ; nổi căm tức dồn lên ngực ông; và để làm cho vợ cụt hứng, ông cố tình làm trái ý bà, liếc nhanh vào trang tư tờ báo và cao giọng đọc với vẻ đắc thắng:

- Xêri chín nghìn bốn trăm chín mươi chín, vé số bốn mươi sáu! Chứ không phải hai mươi sáu!

Niềm hi vọng và nổi căm ghét cùng lập tức biến mất, và ngay lúc đó, cả Ivan Đomitoríts lẫn vợ ông đều cảm thấy rằng những căn buồng của họ tối tăm, chật hẹp, thấp bé, rằng bữa tối vừa ăn chẳng làm họ no mà chỉ thêm còn cào trong dạ dày, rằng những buổi tối này sao mà dài lê thê và buồn tẻ đến thế...

- Có quỷ mà biết được, - Ivan Đomitoríts phát bần nói, - đặt chân vào đâu cũng thấy giầy lộn, rác rưởi đầy ra! Các phòng có lẽ không bao giờ được quét! Đến phải bỏ cái nhà này mà đi thôi, quỷ tha ma bắt tôi cho rồi! Bỏ nhà mà đi rồi treo cổ lên cành dương nào cho xong!

Điều bí ẩn

VÀO BUỔI TỐI NGÀY ĐẦU TIÊN trong dịp lễ Phục Sinh viên chức bậc bốn Navaghin trở về nhà sau khi đi thăm viếng mấy nơi, ông cầm lấy tờ giấy treo ngoài hành lang trên đó có ghi chữ ký của những người đến thăm rồi mang tờ giấy ấy vào phòng riêng của mình. Cởi bỏ áo ngoài ra và uống một cốc nước sôi, ông ngồi thật thoải mái trên chiếc divăng nhỏ rồi bắt đầu đọc những chữ ký trên tờ giấy. Khi ông đưa mắt đến khoảng giữa hàng chữ ký dài, ông bỗng rùng mình, sững sốt cười khẩy, mặt lộ rõ vẻ kinh ngạc tốt độ, ngón tay búng búng.

- Lại thấy! - ông nói, tay đập xuống đùi. - Thật kỳ lạ! Lại thấy! Lại thấy cái chữ ký này, Phêđiukốp, có trời mà biết được nó là ai! Lại thấy!

Giữa rất nhiều chữ ký trên tờ giấy thấy có chữ ký của một người nào đó mang tên Phêđiukốp. Phêđiukốp này là ai - Navaghin tuyệt nhiên không biết. Ông lục lại trong trí nhớ tất cả những người quen, họ hàng và những kẻ dưới quyền của mình, lần lại quá khứ xa xôi, nhưng không sao nhớ được cho dù chỉ là một điều gì gợi đến tên Phêđiukốp. Điều lạ lùng hơn cả là kẻ incognito[20] Phêđiukốp này trong vòng mười ba năm trở lại đây cứ vào dịp lễ Giáng Sinh và lễ Phục Sinh lại cẩn thận ký tên mình vào tờ giấy đó. Hẳn ta là ai, từ đâu tới và là kẻ thế nào, - cả Navaghin, cả vợ ông, cả người gác cổng đều không biết.

- Quái thật! - Navaghin vừa nói, vừa đi lại trong phòng. - Thật lạ lùng và khó hiểu. Thật là kỳ quặc! Gọi tên gác cổng lên đây! - ông gào lên. - Thật kỳ dị! Không, thế nào ta cũng phải tìm ra kẻ đó là ai! Này, Grigôri, - ông nói với người gác cổng mới vào, - cái thằng cha Phêđiukốp nó lại ký đây! Nhà người có nhìn thấy nó không?

- Dạ thưa không thấy gì cả ạ...

- Sao thế, nó có ký cơ mà! Có nghĩa là nó phải đi qua hành lang? Có không?

- Không đâu ạ, nó không đi qua.

- Vậy thì làm sao nó có thể ký được nếu nó không đi qua?

- Dạ, con không biết ạ.

- Thế thì còn ai biết nữa? Mi ngủ gật ngoài hành lang à! Nhớ lại xem có thể có kẻ lạ mặt nào đi vào không! Nghĩ xem!

- Không, thưa ngài, chẳng có ai là lạ cả ạ. Các ông viên chức có đến, bà công tước có đi xe ngựa đến thăm bà chủ, các vị giáo sĩ tay cầm thánh giá cũng ghé vào, ngoài ra chẳng còn ai khác nữa...

- Thế nó hóa thành người vô hình để ký à?

- Dạ, con không biết, nhưng mà quả thật chẳng có ai là Phêđiukốp cả ạ. Con dám thề trước ảnh thánh đây ạ...

- Thật lạ lùng! Khó hiểu! Kỳ quặc-c thật! - Navaghin nghĩ ngợi. - Thật là nực cười. Nó đã ký như thế mười ba năm nay rồi thế mà mình không thể nào biết được nó là ai. Có thể là kẻ nào đùa chăng? Có

thê là có tay viên chức nào nghịch ngợm vừa ký tên nó lại vừa ký tên Phêđiukốp chẳng?

Navaghin quay ra xem lại kỹ chữ ký của Phêđiukốp.

Một chữ ký phóng đăng, táo bạo theo kiểu cũ, có những nét ngoằn ngoèo, cong cong, hoàn toàn không giống với những kiểu ký còn lại. Chữ ký ấy liền ngay dưới chữ ký của Stuskin, một viên thư lại (viên chức bậc mười hai) trong phủ tổng đốc, một người rụt rè, nhút nhát, một kẻ chắc là sẽ lăn ra mà chết vì sợ nếu dám cả gan đùa như vậy.

- Cái thằng cha Phêđiukốp bí ẩn lại ký lần nữa! -Navaghin vừa đi vào buồng vợ vừa nói. - Mình lại chịu không biết nó là thằng nào!

M-me[21] Navaghina là người theo thuyết thông linh[22], vì vậy tất cả những hiện tượng dễ hiểu và khó hiểu trong thiên nhiên bà đều giải thích rất đơn giản.

- Chẳng có gì là lạ cả, - bà nói. - Mình thì mình không tin, chứ tôi thì tôi đã và đang nói: trong thiên nhiên có rất nhiều điều thần bí mà trí tuệ yếu ớt của chúng ta không bao giờ hiểu được. Tôi tin chắc rằng Phêđiukốp này là một hồn ma có cảm tình với mình... Ở vào địa vị mình, thế nào tôi cũng gọi hồn đó về và hỏi xem nó cần gì.

- Nói nhảm, nói nhảm!

Navaghin hoàn toàn không phải là người mê tín, nhưng hiện tượng ám ảnh ông này bí ẩn đến mức mà tự nhiên những thứ quỷ thần cũng len vào đầu ông lúc nào không biết. Suốt buổi tối ông cứ nghĩ mãi rằng incognito Phêđiukốp là hồn ma của một viên chức nào ngày xưa đã bị cha Navaghin ông - sa thải, bây giờ hiện ra để trả thù con cháu; có thể đây là người nhà một tay thư lại nào mà chính Navaghin đã đuổi ra khỏi sở, hay là một cô gái từng bị ông quyến rũ...

Suốt đêm Navaghin nằm mê thấy một viên chức già nua, gầy gò, mặc đồng phục ngày thường sờn mòn cũ kỹ, bộ mặt vàng ệch, mái tóc rể tre, đôi mắt màu thiếc; lão viên chức nói giọng âm âm nghe như từ dưới mồ và gợn ngón tay xương xẩu, khô đét đe dọa ông.

Thiếu chút nữa thì Navaghin đến viêm màng não. Hai tuần lễ liền ông im lặng, vẻ mặt đăm chiêu, đi đâu cũng nghĩ ngợi miên man. Cuối cùng, ông cố dẹp lòng tự ái bi quan của mình lại, đi vào buồng vợ và nói giọng khô khốc:

- Dina, mình gọi hồn Phêđiukốp ra cho tôi!

Bà vợ theo thuyết thông linh mừng rỡ, bà sai mang ra một tờ bìa các tông và một cái đĩa, bảo chồng ngồi xuống bên rồi bắt đầu làm phép. Phêđiukốp không bắt phải chờ lâu...

- Người cần gì? - Navaghin hỏi.

- Ông hãy thú tội đi... - cái đĩa trả lời.

- Trước kia người là gì trên trần thế?

- Là một kẻ làm lạc...

- Đấy mình thấy chưa! - bà vợ thì thào. - Thế mà trước mình không tin!

Navaghin đàm đạo rất lâu với Phêđiukốp, sau đó gọi cả Napôlêông[23], Ganniban[24],

Axkôtsenxki[25], bà cô Klápđia Dakharópna, và tất cả đều nói với ông những câu trả lời ngắn gọn, chính xác, sâu sắc. Ông vất vả đàm đạo với chiếc đĩa chừng bốn giờ đồng hồ, sau đó ông ngủ một giấc ngon lành, hạnh phúc rằng cuối cùng ông đã làm quen được với một thế giới bí ẩn, mới lạ đối với ông. Sau lần đó, ngày nào ông cũng làm lễ gọi hồn, và khi đến sở làm việc, ông giảng giải cho các viên chức rằng trong thiên nhiên nói chung là có rất nhiều điều bí ẩn, lạ lùng mà lẽ ra các nhà học giả Nga đã phải lưu tâm đến từ lâu. Thuật thôi miên, lên đồng, thuyết Bisóp[26], thuyết đo không gian thứ tư[27] và đủ thuật bí ẩn khác đã choán hết tâm trí ông, cho nên suốt ngày này qua ngày khác ông say mê đọc các sách gọi hồn - điều này làm vợ ông rất vừa lòng - hoặc là ông quay bàn lên đồng nói chuyện với cái đĩa hay tìm cách giải thích các hiện tượng bí ẩn. Bất chước Navaghin, từ đó tất cả các viên chức dưới quyền ông đều theo, một cách cần mẫn đến nỗi một lão nhân viên quản trị trong sở như đã phát điên và có lần gửi người đưa công văn một bức điện như thế này: “Gửi ty, dưới âm phủ. Tôi cảm thấy tôi đang biến thành quỷ ác. Làm gì bây giờ? Câu trả lời đã được trả tiền rồi. Vaxili Krinôlinxki”.

Sau khi đọc hàng trăm bài nghiên cứu về thuyết thông linh, Navaghin bỗng thấy khát khao muốn tự mình viết một cái gì. Ông ngồi lì năm tháng để viết, và cuối cùng đã viết xong một bài báo dài dưới nhan đề: “Ý kiến của tôi”. Hoàn thành xong bài báo, ông quyết định gửi đến một tờ tạp chí thuyết thông linh.

Cái ngày ông định gửi bài báo đi đối với ông là một ngày đáng ghi nhớ. Ông còn nhớ vào cái ngày khó quên ấy, trong phòng làm việc của ông có viên thư ký ngồi chép lại bài báo, và một người từ ở nhà thờ địa phương được gọi đến để sai việc. Gương mặt Navaghin sáng hẳn lên. Ông nhìn đứa con tinh thần của mình với vẻ đặc biệt triu mến, lấy ngón tay sờ xem nó dày mỏng ra sao, mỉm cười sung sướng rồi nói với viên thư ký:

- Tôi nghĩ rằng ta nên gửi bảo đảm, Philip Xerghêits ạ. Như thế chắc chắn hơn... - Rồi đưa mắt nhìn lên người từ ở nhà thờ, ông nói - Tôi cho người gọi ông đến để nhờ chút việc, ông bạn thân mến ạ. Tôi cho con tôi vào trường học, tôi cần có giấy khai sinh, chỉ có điều là không biết có thể lấy sớm được không?

- Vâng, được rồi ạ, thưa ngài! - người từ vừa cúi mình vừa nói. - Được rồi ạ! Tôi hiểu rồi ạ...

- Liệu ngày mai đã có chưa?

- Được rồi ạ, thưa ngài, ngài cứ yên tâm ạ! Ngày mai là xong thôi ạ! Ngày mai ngài cho người đến nhà thờ trước buổi lễ thôi. Tôi sẽ chờ ở đây. Ngài cứ cho hỏi Phêđiukóp, lúc nào tôi cũng ở đây...

- Hỏi ai?! - vị tướng quát lên, mặt tái đi.

- Dạ, Phêđiukóp ạ.

- Ông... ông là Phêđiukóp à? - Navaghin hỏi, mắt tròn tròn nhìn người từ.

- Đúng thế ạ, đúng là Phêđiukóp ạ.

- Ông... ông vẫn ký trên tờ giấy ngoài hành lang nhà tôi phải không?

- Vâng, đúng thế ạ, - người từ thú nhận ra vẻ ngượng ngịu. - Thưa ngài, khi bọn giáo sĩ chúng tôi cảm thánh giá đi các nhà thì bao giờ tôi cũng ký tên mình ở nhà các ngài quan chức trọng quyền cao... Tôi thích làm thế... Xin lỗi ngài, quả thực cứ nhìn thấy tờ giấy treo ngoài hành lang là tôi lại cứ muốn được ký tên mình vào đấy...

Navaghin choáng váng, đi đi lại lại trong phòng, không còn nghe thấy gì, hiểu gì nữa. Ông sờ vào tấm rèm treo ở cửa ra vào, tay phải vung lên mấy lần liên, giống như vai jeune premier[28] trong vũ kịch khi vừa nhìn thấy nàng, ông huýt huýt sáo, miệng mỉm cười vô nghĩa, giờ ngón tay chỉ vào khoảng không.

- Tôi đem bài báo gửi đi bây giờ chứ ạ, dạ thưa ngài, - viên thư ký nói.

Lời nói đó đã làm Navaghin sực tỉnh lại. Ông lơ đãng nhìn viên thư ký và người từ, bỗng nhớ lại tất cả rồi nổi cáu, giậm chân thỉnh thoảng, the thé ré lên:

- Các ông để cho tôi yên! Để cho tôi yên, tôi nói với các ông rồi đấy! Tôi không hiểu các ông cần gì ở tôi hả?

Viên thư ký và người từ đi ra khỏi phòng và đã xuống đến phố, còn Navaghin thì vẫn giậm chân và gào:

- Để cho tôi yên! Tôi không hiểu, các ông cần gì ở tôi? Để cho tôi yên!

Mưa dầm

NHỮNG HẠT MƯA LỚN rơi lộp bộp vào cửa sổ màu tối sẫm. Đây là một trong những cơn mưa tại quán nơi nhà nghỉ mùa hè ngoại ô, những cơn mưa khi bắt đầu rồi, thường kéo dài hàng tuần lễ, chừng nào người đi nghỉ rết cồng, quen với cảnh ấy, hoàn toàn chìm đắm trong cảm giác chán chường. Tiết trời lạnh, không khí ẩm ướt khó chịu. Bà nhạc viên trang sư Aléchxây Xtêpanúrts Kovasin và vợ anh là Nađegioda Philíppópna mặc áo bành tô không thấm nước và trùm khăn san, ngồi sau chiếc bàn lớn trong phòng ăn. Về mặt bà già như muốn nói, nhờ trời, bà được ăn no nê, mặc đầy đủ, chẳng bệnh tật ốm đau gì, bà gả cô con gái duy nhất cho một người tự tể và bây giờ bà có thể yên tâm mà bói bài; con bà là một cô gái thâm thấp, đầy đà, tóc màu vàng, tuổi chừng hai mươi, khuôn mặt xinh xẻo xanh xao, cô ta ngồi tỳ khuỷu tay lên bàn mà đọc sách; nhìn qua đôi mắt cô có thể thấy rằng cô không chỉ đọc sách mà còn nghĩ đến một điều gì riêng tư mà trong sách không có. Cả hai người đều im lặng. Mưa vẫn rơi đều đều, từ phía nhà bếp nghe rõ những tiếng ngập dài của mụ bếp.

Bản thân Kovasin thì không có nhà. Vào những ngày mưa, anh không đi ra nhà nghỉ mà ở lại trong thành phố; thời tiết ẩm ướt ở nhà nghỉ ngoại ô ảnh hưởng xấu tới bệnh viêm phế quản của anh và cản trở anh làm việc. Anh luôn giữ ý kiến cho rằng cái vẻ u ám của bầu trời và những giọt mưa trên kính cửa bao giờ cũng lấy mất đi ở con người nghị lực làm việc và đem lại một cảm giác buồn rầu. Còn ở thành phố, nơi đầy đủ tiện nghi hơn, những cơn mưa dầm hầu như không làm ai để ý.

Sau hai lần bói bài, bà già thu cỗ bài lại và nhìn người con gái.

- Mẹ cứ thử đoán mãi, liệu không biết ngày mai trời có đẹp lên không và Aléchxây Xtêpanúrts của chúng ta có về đây không, - bà già nói. - Đã năm ngày rồi anh ấy không về... Trời phạt chúng ta cứ mưa mãi thôi...

Nađegioda Philíppópna nhìn mẹ một cách thờ ơ, cô ngồi dậy và đi từ góc nhà này sang góc kia.

- Hôm qua áp lực tăng lên, - cô nói ra chiều nghĩ ngợi, - nhưng hôm nay nghe nói là hạ xuống.

Bà già bày bài ra thành ba hàng dài và lắc lắc đầu.

- Con buồn lắm phải không? - bà già đưa mắt nhìn con gái và hỏi.

- Đúng thế đấy mẹ ạ!

- Mẹ cũng thấy vậy. Mà không buồn sao được? Đã năm ngày rồi anh không về. Đạo tháng Năm, lâu nhất là hai hay cùng lắm là ba ngày không về, còn bây giờ có điều để lo lắng - đã ngày thứ năm rồi! Mẹ chẳng phải là vợ anh mà cũng còn buồn nhớ nữa là. Ngày hôm qua, khi người ta mới nói là áp lực tăng lên, mẹ đã cho cắt tiết mấy con gà giò, làm ít cá diếc chờ Aléchxây Xtêpanúrts về. Anh thích món ấy mà. Chà, con đã quá cố, không chịu nổi cá, thế mà anh ấy thì lại thích. Lần nào nó cũng ăn trông ngon lành lắm.

- Con lo cho anh ấy quá mẹ ạ, - người con gái nói. - Hai mẹ con ở đây mà buồn thì anh ấy còn buồn hơn đấy mẹ ạ.

- Chứ gì nữa! Suốt ngày thì đi dự các phiên tòa, đến tối thì như con cú mèo ấy, ở một mình trong cả

mây buông vắng ngắt.

- Mà lại còn sợ thế này nữa mẹ ạ, anh ấy ở đây một mình, không có ai hầu hạ, chẳng có ai bưng nước đặt ấm xamôva cả. Sao lại không thuê người hầu vào mây tháng hè hả mẹ? Ừ, mà cả cái nhà nghỉ này nữa để làm gì nếu anh ấy không thích? Con đã nói với anh ấy - không cần thì thôi. Anh ấy nói: “Vì sức khỏe của em đấy”. Nhưng mà vì sức khỏe gì của con mới được chứ? Con cứ nghĩ rằng vì con mà anh phải chịu khổ như vậy là con đến phát ốm lên được.

Nhìn qua vai bà mẹ, người con gái nhận ra chỗ sai trong cách xếp bài, cô cúi xuống bàn và sửa lại. Im lặng. Cả hai cùng nhìn vào những quân bài và tự hình dung ra lúc này Aléchxây Xtêpanúrts của họ đang sống cô đơn ngoài thành phố, ngồi làm việc trong căn phòng trống trải, thiếu ánh sáng, bụng đói, người mệt mỏi, rầu rĩ vì buồn nhớ gia đình...

- À mẹ có biết không? - Nađegiôđa Philíppôpna bỗng nói, đôi mắt cô sáng lên. - Nếu ngày mai tiết trời vẫn như thế này thì con sẽ đi chuyến tàu sáng về thành phố với nhà con. Ít ra là con cũng phải xem sức khỏe của nhà con ra sao, nhìn ngắm anh một lúc, rót nước chè cho anh uống chứ!

Và cả hai đều cảm thấy ngạc nhiên vì một ý nghĩ đơn giản mà dễ thực hiện như thế trước đây họ lại không nghĩ ra. Vào thành phố chỉ đi mất nửa giờ, sau đó thuê xe ngựa mất chừng hai mươi phút nữa. Hai người nói chuyện một lúc nữa rồi, với cảm giác thỏa mãn, lên giường đi ngủ cùng trong một buồng.

- Ôi... Cầu thượng đế tha tội cho chúng con! - bà lão thở dài nói khi đồng hồ trong phòng đã điểm hai tiếng. - Chả ngủ được!

- Mẹ không ngủ hả mẹ? - người con gái thì thào hỏi. - Con cứ nghĩ đến anh Aliôsa ấy mãi. Chẳng biết làm thế nào cho nhà con ở ngoài tỉnh đừng tự hủy hoại sức khỏe của mình. Có trời mà biết được nhà con ăn sáng, ăn trưa ở đâu, ở khách sạn hay các quán ăn.

- Mẹ cũng nghĩ thế, - bà già thở dài. - Trời phù hộ độ trì cho... Cứ mưa hoài mưa mãi thôi!

Sáng hôm sau, mưa không còn rơi vào cửa sổ nữa, nhưng bầu trời vẫn u ám như thế. Những hàng cây ứ rữ đứng yên và mỗi lần gió thổi đến lại rơi xuống những hạt nước đọng trên lá. Những vết chân người in trên con đường nhỏ bẩn thỉu, những cái rãnh và vết bánh xe đều lũng bống nước. Nađegiôđa Philíppôpna quyết định lên đường.

- Con bảo với anh ấy mẹ gửi lời chào, - bà già vừa mặc áo ấm cho con gái vừa nói. - Con nói anh đừng ham việc ở các tòa án quá... Cần phải nghỉ ngơi một chút. Khi ra phố nhớ dặn anh quảng khăn cổ: tiết trời thế phải coi chừng. Ừ mà con mang cho anh ấy món thịt gà hôm qua; thịt ở nhà làm dù để cách hôm rồi cũng còn ngon hơn ngoài quán ăn.

Người con gái đi ra ga và nói rằng sẽ trở về nhà nghỉ vào chuyến tàu tối hoặc là sáng mai.

Nhưng cô đã trở về sớm hơn dự định rất nhiều, trước bữa ăn trưa, khi bà già ngồi trong buồng ngủ của mình, trên chiếc giường, lim dim mắt thiu thiu, vừa nghĩ xem đến bữa chiều kiếm thức gì để rán cho người con rể ăn.

Người con gái bước vào phòng vẻ mặt nhợt nhạt, buồn rười rượi; cô không nói một lời nào, không bỏ mũ ra, ngồi xuống giường và gục đầu xuống gối.

- Con làm sao thế? - bà già sừng sốt hỏi. - Sao về nhanh thế? Aléchxây Xtêpanúrts đâu?

Nađegiôđa Philíppôpna ngẩng đầu lên, đưa cặp mắt ráo hoảnh, đầy vẻ khẩn cầu nhìn mẹ.

- Anh ấy lừa chúng ta rồi mẹ ạ! - cô gái thốt lên.

- Con nói gì lạ vậy, sao lại thế được? - bà già sợ hãi nói, chiếc mũ chụp trên đầu rơi xuống. - Ai lại đi lừa mẹ con ta? Không thể thế được!

- Anh ấy lừa chúng ta rồi, mẹ ạ! - người con gái nhắc lại, chiếc cằm run run.

- Nhưng mà sao con lại nói thế? - bà già kêu lên, mặt tái nhợt.

- Nhà ở của mình cửa đóng then cài. Người quét sân nói rằng, năm ngày qua anh ấy không về nhà lần nào cả. Anh ấy không ở nhà! Không ở nhà! Không ở nhà!

Người con gái khoát khoát tay rồi òa lên khóc, chỉ còn nói được mỗi câu:

- Không ở nhà! Không ở nhà!

Con thần kinh bắt đầu hành hạ cô.

- Thế này là thế nào? - bà già kinh hãi lầu bầu nói. - Ngày thứ ba vừa rồi nó viết thư bảo rằng không đi đâu ra khỏi nhà cơ mà! Nó ngủ ở đâu mới được chứ? Lại có chuyện lạ lùng thế nữa!

Nadegioda Philíppopna rã rời chân tay đến nỗi không thể bỏ cái mũ trên đầu xuống. Hệt như là người ta đã cho cô ăn một ít thuốc mê, đôi mắt ngây dại của cô đưa qua đưa lại, cô run rẩy níu lấy tay mẹ.

- Con cũng khéo tìm được người mà tin, tin một đứa quét sân! - bà già nói, lần bắn bên con gái và khóc. - Con thật là hay ghen quá. Anh ấy không lừa đâu... Mà làm sao anh ấy dám lừa cơ chứ? Mẹ con ta nào phải là người tồi tàn? Chúng mình tuy tiếng là dân buôn bán, nhưng mà anh ấy không có quyền làm thế, vì rằng con là vợ hợp pháp của anh ấy! Chúng mình có thể kêu lên trên. Mẹ đã cho con hai chục nghìn. Con có phải là đứa không của hồi môn đâu!

Và đến lượt bà già cũng òa lên nức nở, tay khoa khoa lên, toàn thân rã rời, rồi nằm xuống chiếc rương của mình. Cả hai đều không thấy rằng trên trời đã bắt đầu lộ ra những khoảng trời xanh, mây tan dần, vệt nắng đầu tiên yếu ớt in trên thảm cỏ ướt đầm trong vườn, những chú chim sẻ thích chí nhảy nhót bên vũng nước in hình những đám mây đang bay nhanh.

Khoảng chập tối thì Kovasin về. Trước khi rời thành phố anh ta đã ghé qua nhà và được người quét sân cho biết là khi anh đi vắng vợ anh có lên thăm.

- Đấy, tôi đã về đây này! - anh ta vừa bước vào phòng mẹ vợ, vừa vui vẻ nói, làm ra vẻ như không nhận thấy những khuôn mặt râu rĩ, chưa ráo nước mắt. - Tôi đã về đây này! Năm ngày đêm rồi không gặp nhau!

Anh ta nhanh nhẩu hôn tay vợ và bà nhạc; rồi với điệu bộ của người vừa thích thú làm xong một công việc vất vả, anh ta ngồi phịch xuống chiếc ghế bành.

- Ôi! - anh ta thốt lên như trút ra khỏi hai lá phổi tất cả không khí. - Chà mệt sao là mệt! Ngồi không vững nữa! Gần năm ngày đêm... lúc nào cũng sống như lính trong lán trại! Không về nhà một lần nào cả, em có thể tưởng tượng được không. Suốt ngày bận bịu với chuyện kiện cáo nợ nần của Supunóp và Ivantsikóp, lại phải làm việc ở văn phòng của Gandeép trong cửa hàng... Ăn không ra ăn, uống không ra uống, ngủ qua loa trên ghế, người lạnh cóng... Chẳng được phút nào rồi rảnh, không còn lúc nào mà về nhà nữa. Thế đấy, em ạ, anh cũng không ở nhà mấy hôm vừa rồi...

Kovasin hai tay tì vào hông ra vẻ như vì làm việc nhiều bị đau vùng thắt lưng, anh ta liếc nhìn vợ và bà nhạc xem tác động của những lời dối trá vừa rồi đến đâu - những lời nói mà chính anh ta tự gọi là

phép “ngoại giao”. Bà nhạc và người con gái ngạc nhiên, sung sướng nhìn nhau, như bất ngờ nhặt lại được một vật quý đã bị mất... Gương mặt hai người sáng lên, đôi mắt lộ vẻ mừng rỡ...

- Con thân yêu của mẹ, - bà nhạc vừa đứng bật dậy vừa nói, - sao mà từ nãy đến giờ mẹ cứ ngồi yên mãi thế này nhỉ? Đem nước chè ra! Đem nước chè ra nhanh lên! Con có muốn ăn chút gì nữa không?

- Tất nhiên là anh ấy muốn! - người vợ vừa cởi chiếc khăn trùm đầu bị dây giậm vào để khỏi đau đầu.
- Mẹ ơi, mẹ lấy rượu mùi và thức nhắm ra nhanh đi! Natalia, dọn ra bàn đi! Ôi, lạy Chúa, chẳng kịp chuẩn bị tí gì cả!

Và cả hai người vừa sợ, vừa mừng, tất tả chạy ngược, chạy xuôi trong mấy căn phòng. Bà già không thể giấu được nụ cười mà nhìn con gái, vừa mới lúc nãy kia thôi còn nói xấu cho một người hoàn toàn vô tội, cô gái thì cảm thấy lương tâm cắn rứt...

Một lát sau bàn ăn đã dọn. Kovasin ngồi vào bàn, thở khó nhọc vì bụng quá no, từ người anh ta còn tỏa ra mùi rượu nho và rượu ngọt; luôn miệng phàn nàn rằng mình đói bụng, anh ta vừa miễn cưỡng ăn vừa huyền thuyên nói về chuyện kiện cáo nợ nần của Surpunóp và Ivantsikóp, còn người vợ với bà nhạc thì không rời mắt khỏi khuôn mặt anh ta và thầm nghĩ:

“Anh ấy thật thông minh, đáng yêu làm sao! Trông mới đẹp làm sao!”

Ăn bữa tối xong, Kovasin nằm trên chiếc giường trải đệm lông chim dày và nghĩ:

“Được đấy! Tuy họ là dân buôn bán thôi, chẳng có học thức gì, nhưng dầu sao họ vẫn có nét dễ yêu riêng đấy chứ, kể một tuần xuống đây ở một hai ngày cũng thú...”

Anh ta kéo chăn đắp cho ấm rồi vừa thêm thiếp ngủ vừa nói:

- Được đấy!

Một tấn kịch

- THƯA ÔNG PAVEN VAXILÍTS, ở nhà ngoài có một bà nào ấy đến muốn hỏi ông, - Luka bấm đầu. - Có lẽ bà ấy chờ một tiếng đồng hồ rồi...

Paven Vaxilits vừa dùng bữa sáng xong. Nghe nói đến một bà, ông cau mày bảo:

- Thấy kệ bà ta! Nói với bà ta rằng, tôi đang bận.

- Thưa ông Paven Vaxilits, bà ấy đã năm lần đến đây rồi ạ. Bà ấy nói rất cần gặp mặt ông... Chỉ thiếu chút nữa là khóc òa.

- Hừm... Thôi được rồi, cho gọi bà ta vào phòng làm việc.

Paven Vaxilits thông thả mặc chiếc áo veston vào, một tay cầm bút, tay kia cầm một cuốn sách, làm ra vẻ một người đang rất bận, ông bước vào phòng làm việc. Bà khách đã chờ sẵn ở đây - một bà béo ục ịch, mặt phì nộn đỏ bừng, mắt đeo kính, trông bề ngoài cũng ra dáng đáng kính lắm, bà ta ăn vận quá ư lịch sự (bà mặc một chiếc váy xòe bốn lớp có giá độn bên trong và một chiếc mũ cao có gắn một con chim khô màu hung). Thấy chủ nhân, bà ta ngước mắt nhìn lên, hai cánh tay đặt chéo trên ngực như người cầu nguyện.

- Chắc chắn là ông không còn nhớ tôi, - bà ta mào đầu bằng một giọng nam cao, trông rõ ra người đang xúc động. - Tôi... tôi đã từng có vinh hạnh được làm quen với ông ở nhà Khorútski. Tôi là Muraskina...

- À-à-à... Mời chị ngồi xuống! Tôi có thể giúp ích gì cho chị được.

- Ông thấy không, tôi... tôi... - bà ta vừa ngồi xuống vừa nói tiếp, và càng tỏ ra xúc động hơn. - Ông không còn nhớ tôi... Tôi là Muraskina... Ông biết không, tôi là một người hết sức hâm mộ tài năng của ông và bao giờ cũng cảm thấy vô cùng hứng thú được đọc những bài báo của ông... Ông đừng nghĩ rằng tôi phỉnh nịnh ông, xin ông hiểu cho, tôi chỉ bày tỏ tâm lòng thành của tôi thôi... Lúc nào, lúc nào tôi cũng đọc ông! Ở một chừng mực nào đấy, tôi cũng không xa lạ với cái gọi là bản quyền tác giả, có nghĩa là, tất nhiên... tôi không dám tự nhận mình là nhà văn, nhưng dù sao... thì trong chỗ mật văn chương chúng tôi cũng có vài giọt đóng góp... Ở những thời gian khác nhau tôi đã được in ba truyện thiếu nhi, tất nhiên là ông chưa đọc... tôi đã dịch nhiều và... và người em quá cố của tôi đã từng làm việc ở tòa báo “Sự nghiệp”[29].

- Thế thế... ề ề ề... Tôi có thể giúp ích gì cho chị được?

- Ông biết không... (Bà ta đưa mắt nhìn xuống, mặt ửng đỏ) Tôi được biết đến tài năng của ông... biết những quan điểm của ông, ông Paven Vaxilits ạ, và tôi muốn được biết ý kiến của ông, hay đúng hơn là... muốn được nghe những lời khuyên bảo. Cần phải nói với ông, pardon pour l’expression[30], tôi vừa cất được một gánh nặng là viết xong một vở kịch, và trước khi gửi nó đi sở kiểm duyệt, tôi muốn được biết ý kiến của ông.

Như một con chim vừa bị bắt, Muraskina run run tìm trong váy áo của mình một lát rồi rút ra một cuốn vở dày cộp.

Paven Vaxilíts chỉ yêu thích những tác phẩm của mình, còn những cái của người khác mà người ta nhờ ông đọc hộ hay nghe hộ thì bao giờ cũng cho ông ấn tượng của một nòng sủng đại bác đen ngòm chĩa thẳng vào mặt. Trông thấy cuốn vở dày cộp, ông phát hoảng và vội vàng nói:

- Được rồi, chị cứ để lại đây... tôi sẽ đọc.

- Ông Paven Vaxilíts? - Muraskina vừa đứng dậy, xếp chéo hai tay trên ngực như người cầu nguyện vừa dịu giọng. - Tôi biết ông bây giờ rất bận... đối với ông mỗi phút đều quý, tôi cũng biết rằng thực bụng ông bây giờ chẳng coi tôi ra cái gì cả đâu... nhưng ông làm ơn cho phép tôi đọc cho ông nghe vở kịch của tôi ngay bây giờ... Xin ông rủ lòng thương!

- Tôi rất sung sướng... - Paven Vaxilíts lúng túng nói, - nhưng, chị ạ, tôi... tôi đang rất bận... Ngay bây giờ... tôi phải đi ngay.

- Ông Paven Vaxilíts! - bà ta rên rỉ nói, nước mắt đã giàn giụa. - Tôi muốn ông bộc lộ đức hy sinh! Tôi biết tôi rất trơ tráo, gàn dở, đại như đĩa; nhưng xin ông hãy tỏ lòng rộng lượng! Ngày mai tôi đã đi Kadan rồi, và hôm nay tôi muốn được biết ý kiến của ông. Xin ông hãy dành cho tôi một nửa giờ... chỉ một nửa giờ thôi! Tôi cầu van ông!

Paven Vaxilíts là một người thiếu cương quyết, ông không biết cách từ chối. Khi ông bắt đầu cảm thấy rằng nữ sĩ kia sắp khóc nức nở, sắp quỵ xuống, thì ông trở nên ngượng và lắp bắp nói bồi rồi:

- Thôi được rồi... tôi nghe đây... Nửa giờ thì tôi sẵn sàng.

Muraskina kêu lên sung sướng, bà bỏ mũ ra, ngồi xuống và bắt đầu đọc. Thoạt tiên bà ta đọc đoạn hai người hầu trai lơ và hầu gái, trong khi soạn dọn một phòng khách sang trọng, nói chuyện huyền thuyên với nhau về tiểu thư Anna, người đã xây một trường học và bệnh viện ở trong làng. Khi người hầu trai đi ra, người hầu gái đọc một đoạn độc thoại giảng giải rằng học hành là ánh sáng, không học là u tối; sau đó Muraskina lại cho người hầu trai vào phòng khách và bắt anh ta thuyết một độc thoại dài về một vị tướng nam tước không chịu được ý muốn của con gái, định đem cô ta gả cho một kẻ công chức giàu có, và ông ta nhận ra rằng lối thoát của dân chúng là sự ngu độn hoàn toàn. Sau đó, khi người hầu gái đi ra, thì chính tiểu thư xuất hiện và bộc bạch với khán giả rằng nàng đã suốt đêm không ngủ và nghĩ tới anh Valentin con trai một thầy giáo nghèo, phải luôn luôn giúp đỡ người cha của mình. Valentin đã học qua mọi ngành khoa học, nhưng anh không tin chút nào vào tình bạn, tình yêu, không biết đến mục đích của cuộc sống, anh thêm được chết và bởi vậy nàng phải cứu lấy anh.

Paven Vaxilíts ngồi nghe và buồn rầu nghĩ tới chiếc divăng của mình. Ông bức tức ghé nhìn sang Muraskina và cảm thấy rõ cái giọng nam cao của bà ta đang xói vào màng nhĩ tai ông như thế nào, chẳng còn hiểu là bà ta đang nói những gì nữa, ông nghĩ:

“Thật là ma quỷ đưa lại... Tôi cần phải nghe cái trò ngu độn này của bà ta lắm à!... Thì tôi mắc tội tình gì nếu bà ta đã viết ra một vở kịch? Trời ơi, mà cuốn vở bà ta cầm sao nó dày thế kia kìa! Thật là một sự trừng phạt!”

Paven Vaxilíts nhìn lên khoảng tường nơi treo ảnh vợ và ông chợt nhớ ra rằng, vợ ông đã sai ông đi mua và đem đến nhà nghỉ ngoại ô cho bà năm arsin^[31] vải khổ hẹp, một phun-tơ^[32] phó mát và thuốc đánh răng.

“Cầu trời cho tôi đừng đánh mất mẫu vải mẫu, - ông nghĩ. - Không biết tôi nhét nó vào đâu rồi? Hình như ở trong túi áo veston màu xanh thì phải... Còn cái lũ ruồi đê tiện kia cuối cùng cũng đã kịp làm bận cả tâm ảnh của vợ... Phải sai cô Onga lau rửa kính thôi... Bà ta đang đọc cảnh thứ XII nghĩa là sắp hết màn một rồi. Lẽ nào vào lúc trời oi bức như thế này, hơn nữa ở một khối thịt phì nộn như mụ kia

lại có thể có sự hưng phấn sáng tạo? Viết kịch làm gì, chén một đĩa súp lạnh rồi chui vào hầm mát mà ngủ có tốt hơn không...”

- Ông có cho là đoạn độc thoại này hơi dài không? - bất thành linh Muraskina ngược mắt lên hỏi.

Paven Vaxilíts không nghe thấy đoạn độc thoại. Ông cảm thấy ngượng ngùng và trả lời bằng một giọng ân hận hết như không phải nữ sĩ kia mà là chính ông đã viết nên đoạn ấy:

- Không, không, không dài chút nào... Khá lắm...

Về mặt Muraskina rạng rỡ lên vì sung sướng, bà ta tiếp tục đọc:

- Anna. Óc phân tích làm khổ anh. Anh đã ngừng sống bằng trái tim quá sớm và chỉ tin cậy vào lý trí. - Valentin. Trái tim là cái gì? Đó là một khái niệm giải phẫu học. Tôi không chấp nhận nó là một thuật ngữ ước lệ dùng để chỉ tình cảm. - Anna (ngượng ngịu). Thế còn tình yêu? Lẽ nào cái đó cũng là sản phẩm của những mối liên tưởng tư duy? Anh hãy thành thực nói xem: đã bao giờ anh yêu chưa? - Valentin (buồn rầu). Chúng ta sẽ không động đến những vết thương cũ còn chưa lên da non (ngừng lại). Chị đã nghĩ ngợi nhiều về điều gì? - Anna. Tôi có cảm tưởng rằng anh không phải là một người hạnh phúc”.

Đến cảnh thứ XVI thì Paven Vaxilíts ngáp dài, hàm răng ông vô tình lập cập đánh vào nhau làm phát ra âm thanh như khi chó đớp ruồi. Ông phát hoảng vì cái âm thanh bất lịch sự ấy và để che giấu nó, ông cố làm ra vẻ đang nghe một cách chăm chú, dịu dàng nhất.

“Cảnh thứ XVII... Đến lúc nào mới xong? - ông nghĩ. - Trời ơi! Nếu cái tai vạ khổ sở này kéo dài thêm mười phút nữa thì tôi sẽ gọi tên gác cửa đến... Không thể chịu được nữa!”

Nhưng kia, cuối cùng nữ sĩ đã bắt đầu đọc nhanh hơn, to hơn, rồi cao giọng đọc chữ: “Màn hạ”.

Paven Vaxilíts thở ra nhẹ nhõm và đã định đứng lên thì ngay lúc đấy Muraskina giở sang trang và tiếp tục đọc:

- Màn hai. Sân khấu bài trí một con đường làng. Bên phải là trường học, bên trái là nhà thương. Những người nông dân vừa nam vừa nữ ngồi trên bậc thềm nhà thương.

- Xin lỗi... - Paven Vaxilíts ngắt lời. - Có bao nhiêu màn tất cả?

- Năm màn, - Muraskina trả lời và ngay sau đó, như sợ người nghe kịp bỏ ra, liền đọc tiếp rất nhanh - Valentin đứng bên cửa sổ trường học nhìn ra. Trông rõ phía sân trên sân khấu, nông dân đang mang những đồ đạc linh kinh của mình vào quán rượu.

Như một tên tù bị khép vào tội tử hình và tin chắc rằng không thể nào được giảm tội, Paven Vaxilíts không chờ đọc hết nữa, ông không còn hi vọng vào một điều gì nữa, mà chỉ cố gắng làm sao cho mí mắt đã nặng trĩu của mình không bị khép lại, làm sao cho mặt mình không bị mất đi cái vẻ chăm chú lắng nghe... Cái tương lai mà lúc nữ sĩ sẽ đọc xong vở kịch và đi ra đã trở nên xa lắc xa lơ đối với ông đến mức ông không còn nghĩ đến nó nữa.

- U-u-u-u... - giọng nói của Muraskina vang lên như thế trong tai ông. - U-u-u-u...

“Mình quên uống nước natri cacbonat rồi, - ông nghĩ. - Mình đang nghĩ gì ấy nhỉ? À, nghĩ về nước natri cacbonat... Chắc là mình bị viêm dạ dày rồi... Thật là kỳ lạ: tháng cha Xmironôpxki suốt ngày nốc rượu vôtka mà đến bây giờ nó vẫn chẳng bị đau dạ dày gì cả... Trên cửa sổ có con chim nào đậu thế kia nhỉ... À, chim sẻ...”

Paven Vaxilits cô hết sức giương mi mắt đang bị kéo trĩu xuống, ông ngáp mà không há to mồm và nhìn lên Muraskina. Hình dáng bà ta mờ mờ đi, lưng liêng trong mắt ông, trông thành ra có ba đầu, một đầu gối lên trần nhà...

- Valentin. Không, cho phép tôi đi thôi... - Anna (run sợ). Vì lẽ gì? - Valentin (nhìn sang một bên). Giương mắt nàng tái nhợt rồi! (Nói với nàng.) Đừng bắt tôi phải giải thích lý do. Tôi thà chết còn hơn là để chị biết những lý do ấy. - Anna (sau một lát im lặng). Anh ta không thể đi được đâu...

Hình Muraskina dần dần to lên phình ra thành một khối đồ sộ và hòa lẫn với bầu không khí xám xám, oi nồng trong căn phòng, chỉ còn nhìn thấy mồm bà ta đang động đậy, sau đó bất ngờ bà ta bỗng thu bé lại như cái chai, chao qua chao lại rồi lùi xa vào trong góc phòng cùng với chiếc bàn...

- Valentin (ôm Anna trong vòng tay). Em đã phục sinh cho anh, đã chỉ cho anh thấy mục đích cuộc đời! Em đã làm anh sống lại như cơn mưa mùa xuân làm sống lại mảnh đất vừa thức tỉnh! Nhưng... muộn rồi, muộn rồi! Lòng anh đã bị một bệnh không thể nào chữa được đục khoét...

Paven Vaxilits rùng mình, hướng đôi mắt mệt mỏi lơ mơ của mình về phía Muraskina, ông nhìn một phút liền không chớp mắt, như không còn hiểu gì nữa...

- Cảnh thứ XI. Vẫn những người ấy, vị nam tước và cảnh sát viên với những người làm chứng... Valentin. Bắt tội đi! - Anna. Tôi là của anh ấy! Bắt cả tội nữa! Vâng, bắt cả tội đi! Tôi yêu anh ấy, yêu hơn cả cuộc sống! - Nam tước. Cô Anna, cô quên mất rằng, làm như thế là cô giết chết người cha của mình...

Hình Muraskina lại nở to ra... Dữ tợn đảo mắt nhìn quanh, Paven Vaxilits từ từ đứng dậy, kêu lên bằng một giọng ồm ồm không tự nhiên chút nào, nhanh tay vợ lấy chiếc bàn thăm, rồi không còn kịp nghĩ ngợi gì nữa, ông ráng hết sức đập mạnh lên đầu Muraskina...

- Trói tôi đi, trói tôi đi, tôi giết chết bà ta rồi! - một phút sau ông ta nói như thế với người hầu gái vừa chạy vào phòng.

Các vị thẩm phán đã bênh vực cho ông ta trắng án.

Thủ đoạn

A) BẦU CHỦ TỊCH HỘI.

b) Thảo luận về vụ mừng hai tháng Mười.

c) Bản tường trình giản lược của hội viên chính thức đốc tờ M. N. Phôn Brôn.

d) Những việc thường lệ của Hội.

Đốc tờ Sêlextốp, người gây ra vụ mừng hai tháng Mười đang sửa soạn đi họp Hội; ông đã đứng trước gương khá lâu và đang cố tạo cho bộ mặt mình có một vẻ mặt mới. Nếu bây giờ ông xuất hiện trong cuộc họp với vẻ mặt xúc động, căng thẳng, đỏ bừng hay tái mét, thì những địch thủ của ông có thể cho rằng ông đã đánh giá quá cao tác động do những thủ đoạn xấu xa của họ đem lại; còn nếu vẻ mặt ông sẽ lạnh lùng, dửng dưng như ngái ngủ, một vẻ mặt thường thấy ở những người đứng cao hơn hết thảy và bị cuộc đời làm cho mệt nhọc, thì khi nhìn thấy ông cả bọn địch thủ sẽ thâm kính phục ông và nghĩ:

Bia kỷ niệm Puskin bất khuất

Cao hơn bia kỷ niệm Napôlêông![33]

Như một người không thêm đề ý gì đến những địch thủ và những trò nhỏ nhen của họ, ông sẽ đến họp muộn hơn tất cả. Ông sẽ lặng lẽ đi vào phòng họp, uể oải đưa tay lên vuốt mái tóc và, không thêm nhìn ai cả, ông sẽ ngồi xuống chỗ bên mép bàn ngoài cùng. Chọn một tư thế của một người ngồi nghe chán ngán, ông sẽ ngáp dài một cách lộ liễu, với tay lấy một tờ báo nào đó rồi bắt đầu đọc... Tất cả sẽ nói chuyện, cãi vã âm ỉ, huyên náo, hô hào nhau giữ trật tự, thì ông vẫn ngồi yên và nhìn vào tờ báo. Nhưng rồi cuối cùng, khi người ta nhắc đến tên ông mỗi lúc một nhiều hơn, và khi mà cái vấn đề cấp bách ấy đã được bàn cãi đến độ căng thẳng nhất thì ông sẽ ngẩng đầu lên, đưa cặp mắt chán chường, mệt mỏi nhìn các bạn đồng nghiệp rồi miễn cưỡng nói:

- Tôi buộc phải nói... Thưa các ngài, tôi không chuẩn bị gì, vì vậy, quý vị thứ lỗi cho, ý kiến phát biểu của tôi sẽ không được lưu loát lắm. Xin bắt đầu từ ab ovo[34]... Trong cuộc họp lần trước, một số quý vị đã nói rằng trong các buổi hội chẩn tôi đã xử sự không giống như ý muốn của họ và họ yêu cầu tôi phải giải thích rõ ràng. Cho rằng giải thích là thừa và sự buộc tội là không trung thực, tôi đã đề nghị khai trừ tôi ra khỏi số hội viên của Hội và rời khỏi chỗ này. Nhưng bây giờ khi mà những lời buộc tội mới lại trút lên đầu tôi, tôi đành buồn rầu mà nhận thấy rằng tôi không thể không giải thích thái độ của tôi. Xin lỗi quý vị, tôi sẽ trình bày cụ thể.

Tiếp đó, vừa ngao mạn mân mê cây bút chì hay chiếc dây đồng hồ, ông sẽ nói rằng đúng là trong những hội chẩn thoải mái ông cũng có cao giọng gặt gồng và ngắt lời đồng nghiệp, không nên nằng nệ những người lạ; đúng là có lần trong một buổi hội chẩn, khi có mặt nhiều bác sĩ và gia đình bệnh nhân, ông đã hỏi người bệnh: “Kể ngu xuân nào đã kê đơn thuốc phiện cho anh?” Hiếm có buổi hội chẩn nào mà không to tiếng cãi nhau... Nhưng vì sao vậy? Rất đơn giản thôi. Trong các buổi hội chẩn ấy, lần nào ông cũng cảm thấy kinh ngạc trước trình độ hiểu biết quá thấp của các vị đồng nghiệp. Trong thành phố có ba mươi hai bác sĩ, nhưng phần lớn có vốn hiểu biết ít ỏi hơn bất kỳ sinh viên năm thứ nhất nào. Sự dẫn chứng cũng đủ rồi. Tất nhiên là nomina sunt odiosa[35], nhưng trong cuộc họp toàn là những người quen biết nhau cả, và hơn nữa, để khỏi mang tiếng là thiếu chứng cứ, cũng có thể phải nói rõ tên

ra. Chẳng hạn ai cũng biết chuyện ông bạn đồng nghiệp đáng kính Phôn Brôn khi dùng cái thông khám bệnh đã làm thủng thực quản của bà Xêriôgiokina, vợ một viên công chức...

Đến lúc đó thì Phôn Brôn sẽ chồm lên, vỗ vỗ tay và gào:

- Này, chính ông đã chọc thủng chứ không phải tôi! Chính ông! Tôi sẽ chứng minh điều này cho ông!

Sêlextốp sẽ không thèm để ý đến Phôn Brôn và sẽ tiếp tục nói:

- Tất cả cũng biết rằng ông bạn đồng nghiệp đáng kính Gila khi khám cho nữ nghệ sĩ Xêmiramidina bị bệnh sa thận lại chẩn đoán nhầm là áp-xe thận, và rồi đã thử chọc vào, kết quả là không lâu sau exitus letalis[36].

Ông bạn đáng kính Bextorunkô thì đáng lẽ phải nhổ móng ở ngón chân trái thì lại nhổ móng lành lặn bên chân phải. Tôi không thể không nhắc quý vị nhớ lại trường hợp khi ông bạn đáng kính Terkharianxơ đã thông ông épxtắc trong tai của anh lính Ivanốp đến nỗi bị thủng màng nhĩ ở cả hai tai. Xin nhắc thêm rằng cũng vị này khi nhổ răng cho một người, đã làm sái cả hàm dưới của bệnh nhân rồi không chịu nắn lại chừng nào bệnh nhân chưa đồng ý trả thêm năm rúp. Ông bạn đáng kính Kurixun thì lấy cháu gái ông bán thuốc Grummer và cùng với ông ta có chuyện thông đồng ăm muội. Mọi người đều cũng biết rằng viên thư ký Hội chúng ta, ông bạn trẻ Xkôrôpalitennui, đã ăn nằm với phu nhân của vị chủ tịch rất đáng kính nể của chúng ta là ngài Guxtáp Guxtavôvít Prêkhoten... Tôi đã bất giác chuyển từ vấn đề trình độ học thức thấp kém sang những lỗi lầm có tính chất luân lý. Như vậy tốt hơn. Luân lý là chỗ yếu của chúng ta, thưa các vị, và để khỏi gây ấn tượng là nói không có bằng chứng, tôi xin nêu tên ông bạn đáng kính Pudurôkôp, người mà trong ngày lễ thánh trùng tên của bà đại tá phu nhân Torêsinxki, đã kể rằng không phải Xkôrôpalitennui chung chạ với phu nhân vị chủ tịch Hội chúng ta mà chính là tôi! Dám nói điều này chính là ngài Pudurôkôp mà năm ngoái tôi đã bắt gặp cùng với phu nhân của ông bạn đáng kính Donôbis... Nhân thế, xin nói về ông đốc tờ Donôbis... Vị nào có tiếng là một bác sĩ mà các bệnh nhân nữ đến chữa không phải là hoàn toàn không nguy hiểm? Chính là Donôbis... Người nào lấy con gái nhà buôn chỉ có mục đích làm giàu, chính là Donôbis! Còn về vị chủ tịch tất cả đều kính trọng của chúng ta thì xin nói rằng ông đang bí mật chữa bệnh theo liệu pháp vi lượng đồng căn và nhận tiền của bọn Phô về việc làm gián điệp. Làm gián điệp cho bọn Phô - điều này là ultima ratio[37].

Các vị đốc tờ, khi muốn tỏ ra là thông minh và biết cách nói, đều sử dụng hai câu tiếng La tinh: nomina sunt odiosa và ultima ratio. Sêlextốp thì sẽ không chỉ dùng tiếng La tinh mà còn dùng cả tiếng Pháp và tiếng Đức - tùy thích! Ông sẽ phơi bày tất cả sự thật, ông sẽ lật mặt nạ của những tên có mưu đồ xấu xa; vị chủ tọa sẽ mồm tay mà rung chuông, các ông bạn đáng kính sẽ chồm ra khỏi chỗ mình ngồi, gào thét, tay vung lên... Mấy ông bạn theo đạo Do Thái thì sẽ túm tụm vào một góc mà la âm lên:

- Ô-ô-ô-ô-ô!...

Còn Sêlextốp thì, không thèm nhìn một ai, sẽ tiếp tục nói:

- Về vấn đề liên quan đến cả Hội nếu cứ với thành phần và trật tự như thế này, thì nhất định thế nào nó cũng tiêu vong. Mọi thứ ở cái Hội này đều hoàn toàn được dựng lên bằng những thủ đoạn. Thủ đoạn, thủ đoạn và thủ đoạn! Với tư cách là một nạn nhân của mọi thứ thủ đoạn quỷ quyệt hoàn chỉnh này, tôi tự thấy có trách nhiệm phải trình bày điều sau đây...

Ông sẽ trình bày, và bè cánh của ông sẽ vỗ tay tán thưởng và đắc thắng xoa xoa tay. Trong bầu không khí hết sức ồn ào cuộc bầu cử chủ tịch Hội bắt đầu. Ngài Phôn Brôn và đồng bọn ra sức ủng hộ Prêkhoten, nhưng những người dự họp cùng các bác sĩ chân chính thì đều suy t và gào:

- Đả đảo Prêkhoten! Ủng hộ Sêlextốp! Yêu cầu Sêlextốp nhận chức đó!

Sêlextóp đồng ý nhận chức chủ tịch nhưng với điều kiện là Prêkhoten và Phôn Brôn sẽ phải xin lỗi ông về vụ mừng hai tháng Mười. Tiếng hô la huyên náo lại nổi lên, và các ông bạn đồng nghiệp đáng kính theo đạo Do Thái lại hóp và gào - “ô-ô-ô-ô.” Prêkhoten và Phôn Brôn nổi giận bùng bùng, chấm dứt mọi chuyện bằng việc yêu cầu từ nay không coi họ là hội viên của Hội nữa. Thế thì hay quá!

Vậy là Sêlextóp thành chủ tịch. Trước tiên ông lập lại trật tự trong Hội này. Xin mời ngài Donôbis cuốn gói ngay cho! Ngài Terkharianxơ cũng cuốn gói ngay! Xin cút bằng hết những người bạn kính mến của bọn phản bội! Với bẻ cánh của mình, ông sẽ làm cho đến tháng Giêng sẽ không còn một tên mưu đồ xấu xa nào. Tại nhà thương của Hội trước tiên ông sẽ cho quét vôi tường phòng khám bệnh và cho treo biển: “Tuyệt đối cấm hút thuốc”; sau đó ông sẽ thải cả viên y tá và mục hộ lý, thuốc thì sẽ không lấy ở chỗ Grummer nữa mà ở Khoriasiambgixki, các bác sĩ sẽ được đề nghị không tiến hành một ca mổ nào nếu không có sự theo dõi của ông v.v... Và điều chủ yếu là trên những tấm danh thiếp của mình ông sẽ cho in dòng chữ: “Chủ tịch Hội các bác sĩ thành phố N.”.

Sêlextóp đã mơ tưởng như vậy, khi đứng trước gương ở nhà. Nhưng rồi đồng hồ điểm bảy tiếng nhắc ông rằng đã đến giờ phải đi họp. Ông bưng tỉnh khỏi giấc mộng êm đềm và vội vàng làm cho mặt mình có vẻ mệt mỏi nhưng tiếc thay, ông muốn làm cho mặt mình có vẻ mệt mỏi và hấp dẫn, thì bộ mặt ông lại ngang ngạnh không tuân theo và trở nên cau có, đàn độn như một con chó con giữ nhà xấu xí, bị rét cồng; ông muốn làm cho mặt mình có vẻ oai vệ đường bệ thì nó lại cứ dài thườn ra và lộ vẻ ngô nghê, bây giờ thì ông cảm thấy rằng mình không giống con chó con nữa mà giống một con ngỗng đực. Ông khép hàng mi xuống, nheo nheo mắt lại, phồng phồng má lên, nhăn nhăn trán, nhưng dấu thể nào mặc lòng, vẻ mặt ông vẫn không thành như mong muốn. Chắc đó là những đặc tính bẩm sinh của khuôn mặt ấy rồi, không thể làm gì được. Cái trán thấp lè tè, đôi mắt ti hí liếc ngang liếc dọc rất nhanh như mắt bọn con buôn ranh mãnh, chiếc hàm dưới nhô ra phía trước một cách đàn độn, kỳ quặc, còn đôi má và mái tóc thì có vẻ như là một “ông bạn đáng kính” phút trước vừa mới bị đuổi ra khỏi phòng chơi bi-a.

Sêlextóp cúi kính nhìn lên khuôn mặt đó, ông bắt đầu cảm thấy rằng chính khuôn mặt này cũng đang giở thủ đoạn chống lại ông. Ông đi ra ngoài hành lang, mặc áo ấm vào, và ông cảm thấy rằng cả cái áo lông, cả đôi ủng cao su cùng chiếc mũ đều giở thủ đoạn gì đó.

- Ê, xà ích, cho đánh xe đến nhà thương! - ông gọi to.

Ông trả hai mươi kôpếch thì bọn xà ích đầy thủ đoạn lại đòi những hai năm kôpếch... Ông ngồi lên chiếc xe bốn bánh không mui; xe chạy, gió lạnh phả vào mặt, tuyết ẩm ướt che cả mặt, con ngựa mệt nhọc chạy chậm rì rì. Tất cả đều đồng lõa với nhau, tất cả đều giở thủ đoạn xấu xa... Ôi, thủ đoạn, thủ đoạn và thủ đoạn!

Những buổi học đắt tiền

ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ HỌC THỨC thì không biết nhiều ngoại ngữ quả là một điều bất tiện lớn. Vôrôtop cảm thấy rất rõ điều đó khi ra khỏi trường đại học tổng hợp với học vị phó tiến sĩ và bắt đầu nghiên cứu một công trình khoa học nhỏ.

- Thế này thì đáng sợ thật! - anh ta vừa nói vừa thở khó nhọc (mặc dù mới hai mươi sáu tuổi, anh ta đã phát phì ra, trông nặng nề và mắc bệnh khó thở). - Thật là kinh khủng! Mình mà không biết thêm ngoại ngữ thì khác nào chim không có cánh. Chỉ còn cách là xếp xó công trình lại thôi.

Anh ta quyết định bằng mọi cách khắc phục tính lười nhác bẩm sinh của mình để học tiếng Pháp và tiếng Đức, anh bắt đầu tìm kiếm giáo viên.

Vào một buổi trưa mùa đông, khi Vôrôtop đang ngồi làm việc trong phòng riêng thì người hầu vào báo rằng có một tiêu thư hỏi anh.

- Cho mời vào, - Vôrôtop nói.

Rồi một người con gái trẻ, ăn vận lịch sự, theo một mối nhất, bước vào phòng. Cô ta tự giới thiệu là Alixa Ôxipópna Ankét, cô giáo tiếng Pháp và nói rằng một người bạn của Vôrôtop đã bảo cô đến gặp anh.

- Rất hân hạnh! Mời cô ngồi - Vôrôtop vừa nói vừa thở khó nhọc, lấy bàn tay che che cái cổ áo ngủ. (Để dễ thở hơn, bao giờ anh ta cũng mặc áo ngủ làm việc) - Pêtorơ Xerghêits bảo cô đến đây phải không? Phải rồi, phải rồi... tôi có nhờ anh ấy... Tôi rất mừng!

Trong khi nói chuyện với m-lle[38] Ankét, anh ta nhìn lên cô ta với vẻ tò mò, rụt rè. Đó là một cô gái người Pháp chính gốc, rất kiêu kiêu và còn rất trẻ. Nhìn gương mặt xanh xao, mệt mỏi, nhìn mái tóc xoăn xoăn cắt ngắn và cái eo lưng thon nhỏ khác thường có thể cho rằng cô ta không quá mười tám tuổi; nhưng nhìn lên đôi vai tròn lẳn, nở nang, nhìn tấm lưng rất đẹp và đôi mắt nghiêm nghị, Vôrôtop nghĩ rằng chắc cô ta ít ra cũng hai mươi ba tuổi, thậm chí có thể đến hai mươi lăm tuổi rồi; nhưng sau đây lại cảm thấy rằng cô ta chỉ độ mười tám tuổi thôi. Gương mặt cô ta có vẻ lạnh lùng, chỉ biết công việc, hết như nét mặt của một người đến nói chuyện tiền nong. Cô ta không cười một lần nào, không chau mày, và chỉ một lần trên gương mặt cô thoáng hiện vẻ băn khoăn khi biết rằng người ta không mời cô đến dạy trẻ con mà là dạy một người lớn tuổi, to béo.

- Được rồi cô Alixa Ôxipópna ạ, - Vôrôtop nói với cô gái, - chúng ta sẽ học hàng ngày từ bảy đến tám giờ tối. Còn về yêu cầu cô muốn nhận mỗi giờ một rúp thì tôi không có điều gì phản đối. Được, mỗi giờ một rúp - thì sẽ mỗi giờ một rúp...

Vôrôtop còn hỏi cô rằng cô có muốn uống trà hay cà phê không, tiết trời ngoài kia có tốt không, và, vừa mỉm cười phúc hậu, vừa xoa xoa tay xuống lớp vải dạ lót trên bàn, anh ta thân mật hỏi han gia cảnh cô ta, tốt nghiệp ở trường nào, kiếm sống bằng nghề gì.

Alixa Ôxipópna lạnh lùng, thân nhiên trả lời anh rằng, cô tốt nghiệp một trường tư và được quyền dạy thuê ở các nhà, rằng cha cô mới chết cách đây không lâu vì bệnh sốt phát ban, mẹ còn sống và làm hoa, rằng cô ta, m-lle Ankét, buổi sáng thì làm việc ở trường tư, từ sau bữa trưa cho đến tối thì đi đến các nhà tử tế để dạy học.

Cô ta ra về, vương lại một mùi hương rất dịu nhẹ vẫn thường thấy từ xống áo người phụ nữ. Sau đây rất lâu, Vôrôtóp không làm việc trở lại, anh ngồi yên bên cạnh bàn, bàn tay xoa xoa lên lớp vải dạ xanh và nghĩ ngợi.

“Kể được thấy các cô gái tự mình kiếm lấy miếng ăn cũng thú vị, - anh ta nghĩ. - Nhưng mà từ một góc độ khác thì cũng thật là chẳng thú vị gì khi thấy sự thiếu thốn đã không thương hại cả những cô gái xinh đẹp, kiều diễm như cô Alixa Ôxipópna này, và cô ta cũng phải kiếm sống, giành giật lấy miếng ăn. Thật là bất hạnh!...”

Chưa từng gặp những cô gái Pháp có phẩm hạnh, Vôrôtóp còn nghĩ thêm rằng cái cô Alixa Ôxipópna ăn vận sang trọng, có đôi vai đẹp nở nang và eo lưng rất thon này, ngoài việc dạy học chắc là làm thêm nghề gì khác nữa.

Chiều tối hôm sau, khi đồng hồ chỉ bảy giờ kém năm thì Alixa Ôxipópna đến, mặt ửng hồng vì trời lạnh, cô ta mở cuốn Margot[39] mà cô mang theo ra, rồi bắt đầu giảng luôn, không cần một lời nhập đề nào:

- Tiếng Pháp có hai mươi sáu chữ cái. Chữ đầu tiên là chữ A, thứ hai là chữ B...

- Xin lỗi cô, - Vôrôtóp mỉm cười ngắt lời cô ta. - Tôi phải nói trước với cô rằng, riêng đối với tôi, cô phải thay đổi phương pháp dạy một chút. Vấn đề ở chỗ là tôi rất thông thạo tiếng Nga, tiếng La tinh và tiếng Hy Lạp... tôi đã nghiên cứu qua môn ngôn ngữ học so sánh, và tôi có cảm tưởng rằng chúng ta có thể bỏ qua cuốn của Margot mà bắt tay thẳng vào việc đọc một tác giả nào đó.

Rồi Vôrôtóp giải thích cho cô gái Pháp cách học ngoại ngữ của người lớn như thế nào.

- Một người quen của tôi, - anh nói, - muốn học thêm ngoại ngữ mới, đã đặt trước mặt ba quyển Phúc âm bằng tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng La tinh, đọc cùng một lúc, và lại nghiên cứu kỹ càng từng chữ một, và rồi thế nào? Anh ta đã đạt được mục đích của mình trong chưa đầy một năm. Chúng ta cũng sẽ làm như vậy. Chúng ta sẽ tìm một tác giả nào đó rồi sẽ cùng đọc.

Cô gái Pháp nhìn Vôrôtóp với vẻ nghi hoặc, khó hiểu. Hình như cô ta cảm thấy rằng đề nghị của Vôrôtóp rất lẩn thẩn và ngô nghê. Nếu cái đề nghị lạ lùng đó là của trẻ con thì chắc là cô ta đã nổi cáu và hét lên, nhưng đây là một người lớn tuổi lại rất to béo nữa, không thể quát mắng anh ta được, nên cô chỉ hơi nhún vai rồi nói:

- Tùy ông thôi.

Vôrôtóp lục tìm trong tủ sách của mình một lúc rồi lấy ra một cuốn sách tiếng Pháp nhàu nát.

- Cuốn này được không? - anh ta hỏi.

- Cuốn nào cũng được.

- Nếu vậy thì ta bắt đầu đọc thôi. Cầu trời phù hộ cho. Bắt đầu từ tên sách nhé... Mémoires.

- Hồi ức... - m-lle Ankét dịch ra.

- Hồi ức... - Vôrôtóp nhắc lại.

Vừa mỉm cười hiền lành và thở khò khè khó nhọc, anh ta mất mười lăm phút vật vả học chữ mémoires và mất thêm chừng ấy phút nữa để học chữ de; điều đó làm Alixa Ôxipópna rất mệt. Cô uể oải trả lời những câu hỏi của anh, nhảm lẩn lộn; hình như cô không hiểu người học trò của mình lắm và cũng

chẳng cô công hiểu. Vôrôtop vừa đặt câu hỏi vừa nhìn lên mái tóc hoe vàng và nghĩ:

“Mái tóc cô ta không phải xoăn tự nhiên, mà là do cô ta uốn. Kể cũng lạ thật! Làm việc suốt từ sáng đến tối, mà còn có thì giờ để uốn tóc”.

Đúng tám giờ tối, cô ta đứng dậy và lạnh lùng, khô khan nói câu “au revoir, monsieur”[40] rồi bước ra khỏi phòng; cô đi rồi mà vẫn còn vương lại cái mùi hương kia, dịu dịu nhẹ, rung động lòng anh. Người học trở lại ngồi bên cạnh bàn rất lâu, không làm gì và nghĩ ngợi.

Vào những ngày sau, anh ta tin chắc rằng, cô giáo của anh là một cô gái đáng yêu, nghiêm nghị và cẩn thận, nhưng trình độ học vấn của cô rất thấp và cô không biết cách dạy người lớn; anh quyết định không tiêu phí thời gian một cách vô ích, thôi không học với cô ta nữa và mời thầy giáo khác. Khi cô ta đến nhà anh lần thứ bảy, anh rút từ túi ra một chiếc phong bì trong để bày rúp, rồi cầm nguyên trong tay, anh ngượng ngùng nói:

- Xin lỗi cô, cô Alixa Ôxipópna, nhưng tôi phải nói với cô rằng... tôi thấy cần thiết phải...

Nhìn chiếc phong bì, cô gái Pháp đoán ra ngay việc gì đã xảy đến, lần đầu tiên trong suốt những buổi dạy học ở đây, gương mặt cô run run, và vẻ lo việc, lạnh lùng biến mất. Cô hơi đỏ mặt, mắt nhìn xuống, ngón tay run rẩy lần lần chiếc vòng vàng mảnh nhỏ của mình. Vôrôtop nhận thấy cô gái lúng túng và hiểu rằng một rúp đối với cô là quý thế nào, cô sẽ buồn rầu đến thế nào nếu mất đi nguồn kiếm sống đó.

- Tôi phải nói với cô rằng... - anh ta lăm bầm nói, càng lộ vẻ ngượng ngùng hơn, có cái gì thất lại trong lồng ngực, anh vội vã nhét chiếc phong bì vào túi và nói tiếp: “Xin lỗi cô, cô chờ... chờ tôi mười phút...”

Cô làm ra vẻ rằng mình hoàn toàn không có ý định bỏ luôn việc học với cô mà chỉ yêu cầu cô tạm nghỉ ít lâu, anh ta đi sang phòng bên cạnh và ngồi ở đấy mười phút. Khi quay trở ra, anh lại càng tỏ vẻ ngượng ngùng hơn; anh đoán rằng việc anh bỏ ra ngoài phòng một lúc thế này cô ta có thể tự hiểu theo cách riêng của mình, và anh cảm thấy lúng túng.

Buổi học lại bắt đầu.

Vôrôtop thấy đọc chẳng có hứng thú gì. Biết rằng các buổi học này không đem lại hiểu biết gì thêm, anh ta để mặc cho cô gái Pháp muốn giảng gì thì giảng, anh không hỏi cô một điều gì cả, không ngắt lời cô nữa. Cô ta dịch tùy thích, mỗi buổi mười trang, còn anh để ngoài tai tất cả, thờ khó nhọc rồi vì chẳng biết làm gì nên hết ngấm nhìn mái tóc xoăn xoăn anh lại nhìn đến cái cổ, đôi bàn tay mịn màng trắng muốt, và ngửi mùi hương thơm tỏa ra từ xống áo cô...

Anh ta bắt quả tang những ý nghĩ không lành mạnh của mình và tự thấy xấu hổ; hoặc có khi lòng anh dịu lại, và lúc ấy anh cảm thấy phiền muộn, giận dữ khi cô đối xử với anh lạnh nhạt thản nhiên như với một cậu học trò, không bao giờ cười và lúc nào cũng như sợ anh vô tình chạm vào người cô. Anh cứ nghĩ mãi: làm sao gây được lòng tin cậy ở cô, làm quen gần gũi với cô hơn nữa, rồi sau đó giúp cô hiểu rằng cô bé đáng thương đã dạy kém cỏi như thế nào.

Có lần Alixa Ôxipópna đến giảng bài, mình vận chiếc váy liền áo màu hồng lộng lẫy, cổ áo hở vai một chút; cả người cô toát ra một mùi hương ngát ngậy đến nỗi tưởng như có một đám mây nào bao phủ quanh cô, và chỉ cần thổi nhẹ lên là người cô sẽ bay đi mất hay là tan biến như một màn khói. Cô xin lỗi và nói rằng, hôm nay cô chỉ có thể dạy được nửa giờ vì từ đây cô sẽ phải đi thẳng đến nơi dạ hội khiêu vũ.

Anh nhìn lên cổ cô, nhìn lên chỗ lưng hở gần gáy và anh có cảm tưởng rằng mình hiểu ra vì sao các cô gái Pháp thường mang tiếng là những người nhẹ dạ, dễ bị quyến rũ; anh như chìm ngập trong đám mây

hương thơm, sắc đẹp, cổ áo hở vai; còn cô, không biết gì đến ý nghĩ của anh hay chắc là chẳng quan tâm chút nào đến những ý nghĩ ấy, cô nhanh tay lật trang và nhanh nhẩu dịch:

- Y đi ngoài phố và gặp một ngài quen và nói: “Ông vội đi đâu đấy, nhìn thấy vẻ mặt xanh xao như thế của ông, điều đó làm tôi rất đau xót”[41].

Cuốn mémoires đã đọc hết từ lâu, và bây giờ Alixa Ôxipốpna chuyển sang dịch một cuốn sách khác nào đó. Có lần cô ta đến giảng sớm hơn một giờ và xin lỗi rằng vào bảy giờ cô cần phải đi đến Nhà hát “Malri”[42].

Học xong, Vôrôtóp tiễn cô ta rồi quay vào mặc quần áo chỉnh tề và cũng đi đến nhà hát. Anh có cảm tưởng rằng anh đi đây chẳng qua chỉ là để nghỉ ngơi, giải trí, chứ trong đầu anh không hề có qua một ý nghĩ nào về Alixa Ôxipốpna. Anh không thể tưởng tượng được rằng một người đứng đắn, đang chuẩn bị trở thành học giả lớn, chăm chú như anh lại có thể quăng bỏ công việc và đi vào nhà hát chỉ để sẽ được gặp gỡ ở đây một người con gái ít quen biết, chẳng lấy gì làm thông minh và kém học thức...

Nhưng không hiểu vì sao, trong giờ giải lao, tìm anh bỗng đập gáp, anh cũng không để ý thấy rằng anh đang như một cậu bé chạy khắp ngoài hành lang nóng lòng tìm gặp ai; và anh cảm thấy buồn buồn khi giờ giải lao sắp hết; nhưng đến khi anh trông thấy chiếc váy áo màu hồng quen thuộc, đôi vai tròn đẹp lộ ra dưới làn vải tuyền, thì tìm anh bỗng thất lại như linh cảm một niềm hạnh phúc, anh mỉm cười sung sướng và lần đầu tiên trong đời, anh biết đến cảm giác ghen tuông.

Alixa Ôxipốpna cùng đi với hai chàng sinh viên xấu trai và một gã sĩ quan. Cô ta cười nói rất to, hình như cô đang làm dáng; chưa bao giờ Vôrôtóp thấy cô như vậy. Chắc là cô đang cảm thấy sung sướng, thỏa mãn, cởi mở, chân thành. Vì lẽ gì? Tại sao? Có lẽ vì những người ấy gần gũi với cô, cùng thuộc lớp người như cô... Và Vôrôtóp cảm thấy cái vực sâu kinh khủng ngăn cách anh với lớp người đó. Anh cúi mình chào cô giáo của mình, nhưng cô ta chỉ lạnh lùng nghiêng đầu chào lại và đi nhanh qua bên cạnh anh; hình như là cô ta không muốn để cho mấy chàng trai cùng đi với cô biết rằng cô có học trò riêng và vì tung bán mà cô ta phải đi dạy học.

Sau lần gặp Alixa trong rạp hát, Vôrôtóp hiểu rằng mình đã phải lòng cô ta... Trong những buổi học soạn, đưa mắt thèm thuồng nhìn cô giáo kiều diễm của mình, anh ta đã không còn tự kìm mình nữa, anh để mặc cho đầu óc mình theo đuổi những ý nghĩ trong sạch và không trong sạch. Về mặt Alixa Ôxipốpna vẫn lạnh lùng như trước, và tối tối, cứ đúng tám giờ cô ta lại bình thản nói “au revoir, monsieur”; Vôrôtóp cảm thấy rằng cô ta đã lạnh nhạt với anh và sẽ còn lạnh nhạt như thế nữa, tình thế của anh là hoàn toàn tuyệt vọng.

Đôi khi giữa buổi học anh vẫn mơ tưởng, hi vọng, phác vẽ bức tranh tương lai, tự hình dung ra cảnh tỏ tình với cô, và thường nhớ rằng các cô gái Pháp hay nhẹ dạ, dễ bị quyến rũ, nhưng chỉ cần nhìn lên khuôn mặt của cô giáo là mọi ý nghĩ của anh ta liền tắt ngấm như ngọn nến đem từ trong nhà nghỉ ra ngoài hiên lúc trời nổi gió. Có lần anh ta ngà ngà say, như đang trong cơn mê, không nén được lòng nữa, anh đứng chặn lối cô gái khi cô vừa dạy học xong và bước khỏi phòng ra ngoài hành lang; Vôrôtóp vừa thở gáp, vừa lắp bắp nói những lời tỏ tình:

- Cô rất thân thiết đối với tôi! Tôi... tôi yêu cô! Cho phép tôi nói thế!

Còn Alixa Ôxipốpna thì mặt tái nhợt hẩn đi - chắc là vì kinh hãi đoán rằng sau lần tỏ tình này, cô sẽ không thể đến đây mà nhận mỗi giờ một rúp được nữa, cô ta trợn tròn mắt sợ hãi và thì thào nói to:

- Ôi, không được đâu! Đừng nói thế, tôi van ông! Không được đâu!

Sau đó Vôrôtóp trần trọc suốt đêm, miên man nghĩ ngợi và đau khổ ngượng ngùng, tự chửi rủa mình. Anh ta tưởng rằng, tỏ tình như vậy là anh đã xúc phạm đến cô gái và cô ta sẽ không đến đây nữa.

Anh quyết định đến sáng sẽ hỏi địa chỉ của cô ở phòng lưu trữ địa chỉ và sẽ viết cho cô ta một bức thư xin lỗi. Nhưng Alixa Ôxipópna đã đến không cần nhận được thư. Phút đầu tiên cô ta cảm thấy hơi lúng túng, nhưng sau đó cô mở cuốn sách ra và bắt đầu dịch nhanh nhẩu hăng hái như mọi khi:

- “Ô ngài trẻ tuổi, đừng xé cánh những bông hoa này trong vườn của tôi, những bông hoa mà tôi muốn đem cho con gái tôi đang ốm...”

Cho đến hôm nay, cô vẫn đến dạy học. Bốn cuốn sách đã được dịch ra rồi mà Vôrôtốp vẫn không biết gì hơn ngoài một chữ “mémoires”, và khi có người ??? xua xua tay không trả lời, rồi nói lảng sang chuyện thời tiết.

Thảo nguyên (Chuyện một chuyến đi)

I.

VÀO BUỔI SÁNG SỚM một ngày tháng Bảy, có một chiếc xe ngựa không có díp đã cũ nát rời thị trấn N. thuộc tỉnh Z. và lăn bánh âm âm trên con đường thiên lý. Đó là một trong những chiếc xe ngựa cổ lỗ mà ở Nga ngày nay chỉ những anh quản gia, những người lái buôn gia súc và những ông linh mục nghèo mới còn phải đi. Nó cứ kêu lộc xộc trên đường, và hề trùng triềng một chút là cứ rít lên ken két. Một cái xô buộc sau thùng xe cất tiếng lạch cách chán chường đệm theo. Chỉ cần nghe những âm thanh ấy và trông những mảnh da thuộc rách nát thảm hại lung lẳng trên cái thân hình tiêu tụy của nó cũng đủ thấy nó cũ quá đi rồi, chỉ còn chờ lúc được đem tấp vào đồng đồ nát.

Ngồi trên xe có hai người vốn cư trú ở thị trấn N.: một thương nhân tên là Ivan Ivanúts Kudmitsóp, râu cạo nhẵn, đeo kính trắng, đầu đội mũ rơm, trông giống một ông công chức hơn là một người lái buôn; người kia là cha Khrixtophor Xirixki, cha xứ nhà thờ Nikôlai ở N., một cụ già nhỏ bé, tóc dài, mặc áo dài bằng vải bố màu xám, đội mũ lễ bánh thuẫn rộng vành, lưng thắt một dải nịt thêu màu. Người thứ nhất đang dăm chiêu suy nghĩ điều gì, chốc chốc lại lắc mạnh đầu mấy cái để xóa tan cơn buồn ngủ. Trên gương mặt ông ta, cái vẻ khô khan thường có của những người làm ăn chí thú xung khắc với cái vẻ hân hậu của một người vừa chia tay gia quyền thân thuộc sau một bữa chén thỏa thuê; còn người thứ hai thì đưa đôi mắt nhỏ, ươn ướt bờ ngõ nhìn ra cảnh đất trời bao la của Chúa và nhoeo rộng miệng ra cười, rộng đến nỗi có thể tưởng nụ cười ấy bao quát cả cái vành mũ. Mặt ông đỏ bừng, trông như bị lạnh. Cả hai người - Kudmitsóp cũng như cha Khrixtophor - đều đang đi bán lông cừu. Khi từ biệt người nhà, họ đã ăn no bánh mềm với kem sữa tươi, và tuy hãy còn sớm tinh mơ, họ đã uống khá nhiều rượu... Tinh thần cả hai người đều đang rất sáng khoái.

Ngoài hai người vừa được mô tả trên đây và anh xà ích Đenixka đang luôn tay quất roi lên lưng cặp ngựa hồng linh lợi, trên xe còn có một hành khách nữa là thằng bé lên chín, khuôn mặt nâu sạm đi vì râm nắng và ướt đầm vì nước mắt. Đó là Iegoruska, cháu gọi ông Kudmitsóp bằng cậu. Được ông cậu cho phép và được cha Khrixtophor ban phép lành, nó đang ở trên đường đến trường trung học. Mẹ nó là bà Onga Ivanópna, quả phụ của một ông thư ký hội đồng xã và là chị ruột ông Kudmitsóp. Bà vốn quý trọng những người có học thức và giới thượng lưu quý phái, đã khấn khoản ông em nhận đi bán lông cừu hãy đem cháu đi một thể và gửi nó vào trường trung học. Thế là giờ đây thằng bé, chẳng hiểu mình đi đâu và để làm gì, phải ngồi trên ghế xà ích bên cạnh Đenixka, bám vào khuỷu tay anh ta cho khỏi ngã bật ra ngoài, người cứ rung lên như chiếc ấm trà đặt trên lò sưởi. Xe chạy nhanh làm cho chiếc áo sơ mi đỏ của nó căng phồng ra sau lưng như quả bóng và cái mũ mới kiểu xà ích cảm chiếc lông công chốc chốc lại tuột ra sau gáy. Nó cảm thấy mình là người tồi bất hạnh, và chỉ muốn khóc òa lên.

Khi xe chạy qua nhà lao, Iegoruska nhìn mấy người lính canh đang thông thả đi lại dọc bức tường trắng, nhìn những khung cửa sổ hẹp có chấn song sắt, nhìn cây thánh giá lấp loáng trên mái, và nhớ lại rằng một tuần trước đây, nhân ngày lễ Đức mẹ Kadan, nó đã theo mẹ đến giáo đường của nhà lao để xem buổi lễ Ngôi. Với lại trước nữa, vào ngày lễ Phục Sinh, nó cũng đã đến nhà lao với chị bếp Luđmila và anh xà ích Đenixka, mang theo bánh mì, đường, trứng, chả rán và thịt bò rán; các phạm nhân đều cảm ơn và làm dấu thánh, một người trong bọn họ có biểu Iegoruska mấy chiếc khay cài tay bằng thiếc tự làm lấy.

Thằng bé náo nức nhìn lại những nơi quen thuộc trong khi chiếc xe đáng ghét chạy đi, bỏ mọi thứ lại ở sau lưng. Kế theo nhà lao là mấy cái lò rèn ám khói đen kịt loang loáng lướt về phía sau, rồi đến khu nghĩa địa xanh rờn, âm cúng, có một bức tường xây bằng đá cuội lớn bao bọc xung quanh. Nấp trong

đám lá anh đào xanh tốt, những cây thập tự và những tấm bia trắng muốt từ sau bức tường nghĩa địa vui vẻ dóm ra, trông xa như những cái vệt trắng. Iegoruska nhớ lại rằng vào tiết hoa anh đào nở, những cái vệt này hòa với màu hoa anh đào thành một biển trắng xóa, rồi đến mùa quả anh đào chín, bia và cây thập tự trong nghĩa địa đều điểm lấm tấm những chấm đỏ thắm như máu. Sau bức tường kia, bố Iegoruska và bà nội Đanilópna của nó đêm ngày yên nghỉ.

Hội bà nội chết, người ta bỏ bà vào một cái quan tài dài và hẹp, lấy hai đồng năm kópếch đặt lên đôi mắt mãi không chịu nhắm lại. Trước khi chết, bà nội vẫn sống như mọi người, và đi chợ bà thường mua về cho nó những chiếc bánh mì vòng rắc hạt anh túc. Còn bây giờ thì bà đã ngủ yên, ngủ mãi mãi...

Sau nghĩa địa lại đến những lò nung gạch bốc khói. Khói đen dày đặc từ những tấm mái sây dài và thấp lè tè cuộn lên từng đám lớn, uể oải bốc lên cao. Phía trên mấy cái lò gạch và khu nghĩa địa là một khoảng trời u ám, và những cái bóng rợp lớn do đám khói hắt xuống trườn trên cánh đồng, bò qua con đường cái. Trong đám khói tỏa quanh mái nhà vật vờ những bóng người và những con ngựa, mình phủ một lớp bụi đỏ...

Đi quá mấy cái lò nung gạch là hết địa phận của thị trấn, bắt đầu ra đồng ruộng. Iegoruska ngoái lại nhìn thị trấn lần cuối cùng, úp mặt vào khuỷu tay Đanixka và khóc nức nở...

- Kìa, khóc chưa đã hay sao, cái thằng nhè này! - Kudmitsóp nói. - Lại phun nhót phun dãi ra rồi, hư thật. Không muốn đi thì ở lại. Có ai bắt mày đi đâu!

- Không sao đâu, anh bạn Iegoruska ạ, - cha Khrixtophor nói lấp bắp. - Không sao đâu anh bạn ạ... Cầu Chúa cứu giúp đi... Con đi là đi việc tốt lành chứ có phải đi dày đi ải gì mà khóc. Người ta đã nói học vấn là ánh sáng, thất học là bóng tối mà... Đúng như thế đấy.

- Cháu có muốn quay về không? - Kudmitsóp hỏi.

- Mu... muốn... - Iegoruska vừa nắc vừa đáp.

- Mà về cũng phải. Đẳng nào thì đi cũng chẳng được cái gì, lại chỉ công cốc thôi.

- Không sao đâu mà, không sao đâu... - cha Khrixtophor nói tiếp. - Con cầu nguyện Chúa đi... Kìa như Lômônôxốp cũng phải đi đánh cá với bạn chài mãi[43] thế mà sau đã thành người nổi tiếng khắp châu Âu đây. Trí tuệ mà đi với đức tin thì sẽ đem lại những kết quả đẹp lòng Chúa. Trong bài kinh nói thế nào nhỉ? Rạng danh cho đức Chúa, vui lòng cho mẹ cha, lợi cho giáo hội và Tổ quốc... Thế kia mà!

- Lợi cũng có dăm bảy đẳng... - Kudmitsóp vừa nói vừa châm một điếu xì gà rẻ tiền. - Có người ăn học suốt hai mươi năm mà cũng chẳng làm nên tích sự gì.

- Cũng có khi thế thật.

- Người thì học vào có lợi, kẻ thì học vào chỉ đâm rồi óc. Bà chị tôi là người ít hiểu biết, cái gì cũng thích làm như quý tộc, bà ta muốn cho thằng Iegoruska có học vấn, chứ không hiểu rằng với công việc làm ăn của tôi, tôi có thể làm cho Iegoruska sung sướng cả đời. Hơn nữa cũng xin thưa để ông rõ rằng nếu mọi người đều thành học giả hoặc lại là ông lớn cả thì lấy ai mà buôn bán và đi cày nữa. Rồi đến chết đói hết.

- Nhưng nếu ai cũng đi buôn và đi cày cả, thì còn ai thông hiểu học vấn nữa?

Cả hai người đều nghĩ rằng mình vừa nói ra một điều gì có trọng lượng và có sức thuyết phục lắm, lâu lâu bầu ra vẻ nghiêm trang và cùng đẳng hắng một tiếng rõ đều. Đanixka lắng nghe hai người nói chuyện

nhưng chẳng hiểu gì sất, bèn lắc mạnh đầu một cái, nhóm người dậy quất roi lên cả hai con ngựa hồng. Trên xe im lặng một lát.

Trong khi đó trước mặt mấy người đi đường đã trải ra một cánh bình nguyên rộng mênh mông có một dãy đồi vắt ngang chen chúc nhau, nhấp nhóm dòm qua vai nhau, mấy ngọn đồi này dần dần nhập lại thành một hàng chạy dài từ vệ đường bên phải cho đến tận chân trời rồi mất hút trong khoảng không màu tím nhạt; xe cứ đi mãi mà vẫn không trông rõ được dãy đồi bắt đầu ở chỗ nào và chấm dứt ở chỗ nào... Mặt trời đã ló lên từ phía sau thị trấn và từ tốn, ung dung bắt tay vào việc. Lúc đầu, xa tắp phía trước mặt, nơi đất lặn với trời, bên cạnh mấy cái gò và chòi xay gió trông xa như một thằng người nhỏ đang vung tay, có một dải nắng rộng màu vàng rực trườn đi trên mặt đất; một phút sau chính cái dải ấy ánh lên gần hơn, trườn sang bên phải và trườn lên dãy đồi; một cái gì âm âm chạm vào lưng Iegoruska, và một vệt sáng từ phía sau len lên, chồm qua chiếc xe ngựa và cặp ngựa, lao tới gặp các dải sáng khác, và đột nhiên cả cánh thảo nguyên rộng mênh mông cõi bỏ tấm chăn tối mờ mờ của buổi sáng sớm, mỉm cười và bắt đầu phô ra muôn vàn giọt sương sớm long lanh.

Những cánh đồng tiểu mạch đã gặt xong, những đám cỏ dại, những bụi gai, những khóm đay dại - tất cả đều đã sém đi vì nắng, ngả sang màu hung nâu nâu và như chết dở, nhưng giờ đây, được làn sương mai tắm gội và được ánh nắng vuốt ve, đã lại hồi sinh để nở hoa trở lại. Trên mặt đường, những con chim “ông lão” cất tiếng hót tươi vui bay qua vun vút; trong đám cỏ, mấy con chuột nhảy gọi nhau, và xa xa đâu về phía bên trái, có tiếng nức nở của mấy con chim dễ mào. Một đàn chim cun cút hoảng sợ trước chiếc xe ngựa cất cánh bay vụt lên và trong tiếng vỗ cánh rào rào mềm mại rủ nhau bay về phía dãy đồi. Trong đám cỏ, châu châu, cào cào, dế mèn, xén tóc thì nhau kéo dài điệu nhạc rả rích đơn điệu của chúng.

Nhưng chỉ một lát sau sương mai đã bốc hơi hết, không khí ngưng đọng lại, và cánh thảo nguyên bị mắc lửa lại trở lại với cái vẻ chán chường của tháng Bảy. Cỏ rũ xuống, sự sống lại lụi đi. Những dãy đồi rậm nắng, gần thì màu hung pha lẫn màu xanh, xa thì màu tím, với những sắc độ đậm nhạt như bóng tối, dải đồng bằng mờ dần ở phía xa, và bầu trời úp lên trên cánh thảo nguyên không có rừng và núi cao trông sâu thẳm và trong suốt đến phát sợ lên; tất cả bây giờ đều có vẻ vô cùng vô tận và lặng điếng đi nhớ nhung...

Sao mà ngọt ngào và buồn tẻ quá! Chiếc xe chạy mãi, và Iegoruska nhìn mãi cũng vẫn chỉ thấy có thể - bầu trời, dải đồng bằng, mấy dãy đồi... Điệu nhạc trong cổ đã ngừng bật. Chim “ông lão” đã bay đi, chim cun cút chẳng còn thấy đâu nữa. Trên lớp cỏ héo, mấy con quạ chẳng biết làm gì cho qua ngày cứ lượn qua lượn lại, con nào cũng giống hệt con nào, làm cho thảo nguyên càng đơn điệu hơn nữa.

Một con diều hâu bay là là sát mặt đất, cánh vỗ khoan thai, rồi bỗng nhiên dừng lại giữa khoảng không, như thể ngẫm nghĩ về sự tẻ nhạt của cuộc sống, rồi lại vỗ cánh lao như mũi tên trên thảo nguyên, và không sao hiểu được nó bay như thế để làm gì, nó cần cái gì. Xa xa, chiếc chòi xay gió vẫn vùn vùn mấy cánh quạt...

Để cho quang cảnh đỡ đơn điệu, thỉnh thoảng trong đám cỏ dại lại thấp thoáng một cái sọ trắng hay một hòn đá; trong chốc lát thấy nhô lên một tảng đá lớn hình đàn bà hay một cây liễu trắng khô có một con chim sả màu xanh đậu ở cành cao nhất, một con chuột nhảy vọt qua đường, rồi đâu đây lại như cũ: vẫn những đám cỏ dại, những dãy đồi, những con quạ...

Nhưng may thay từ phía trước đi lại một chiếc xe chở mấy bó lúa, có một cô con gái nằm vắt vẻo ở trên cùng. Buồn ngủ, mệt mỏi vì nóng nực, cô ta ngả đầu lên nhìn mấy người ngồi trên chiếc xe đi ngược lại. Denixka ngẩn người ra nhìn cô gái, hai con ngựa ô vờn mồm về phía mấy bó lúa, chiếc xe rít lên, hôn chiếc xe thô một cái, và những bông lúa sắc nhọn như cái chòi quét lên cái mũ rộng vành của cha Khrixtophor.

- Đi đâm bừa vào người ta thế này, hả cô béo? - Denixka quát. - Mặt thì phì bự ra như ong đốt thế kia kia!

Cô gái uể oải mỉm cười, mấp máy đôi môi, rồi lại nằm xuống... A, kia, trên một ngọn đồi hiện ra một cây dương cô độc; ai trông nó lên và nó đứng đấy để làm gì - có trời biết. Dáng cây cao dong dong, lá cây như một bộ trang phục xanh tươi, khó lòng rời mắt ra được. Đẹp như vậy, cây có sung sướng không? Mùa hè thì nắng như thiêu như đốt, mùa đông thì băng giá và bão tuyết, mùa thu thì những đêm dài hải hùng, xung quanh chỉ thấy bóng tối dày đặc, chỉ nghe tiếng gió rú man dại, giận dữ, nhưng cái chính là một đời cô độc một mình... Sau cây dương là những dải lúa mì từ đỉnh đồi chạy dài xuống sát đường cái làm thành một tấm thảm vàng rực. Trên đồi lúa đã gặt hết và vun lại thành từng đống, còn ở phía dưới thì còn đang gặt dở... Sáu người thợ gặt đứng thành hàng ngang khoa đều mấy cái hái, và mấy cái hái cũng vui vẻ ánh lên đồng thanh kêu: “Sít! sít!” rất đều nhịp. Trông động tác của mấy người đàn bà đang bó lúa, trông vẻ mặt mấy người thợ gặt trong ánh loang loáng ở cây lưỡi hái, đều thấy rõ là nắng đang thiêu đốt họ và làm cho họ ngột ngạt. Một con chó đen, lưỡi thè lè, từ đám thợ gặt chạy về phía chiếc xe ngựa, chắc là định sữa, nhưng nửa đường bỗng đứng lại và thờ ơ nhìn Denixka đang giơ roi lên dọa nó: sữa chỉ tổ nóng thêm! Một người đàn bà đứng đấy, hai tay ôm lấy cái lưng mỏi dừ, đưa mắt nhìn theo chiếc áo sơ mi đỏ của Iegoruska.

Không biết vì màu đỏ này vui mắt bà ta, hay vì bà ta nhớ đến mấy đứa con ở nhà, chỉ thấy bà ta đứng nhìn theo hồi lâu, không nhúc nhích...

Nhưng thửa lúa mì cũng đã lùi về phía sau. Hai bên lại rất một dải đồng bằng cháy sém, lại những quả đồi rậm nắng, lại bầu trời oi ả, lại con diều hâu bay lả là trên mặt đất. Xa xa, cái chòi xay gió vẫn vung vẩy mấy cánh quạt như trước, và trông nó vẫn giống như một thằng người tí hon đang vung tay. Nhìn cái cối xay mà phát chán ra, hình như không bao giờ có thể đến tận chỗ nó, nó cứ lùi ra mãi, trốn chiếc xe ngựa.

Cha Khrixtophor và ông Kudmitsóp lặng thinh. Denixka vẫn quát roi lên hai con ngựa và thỉnh thoảng cất tiếng quát giục. Còn Iegoruska thì không khóc nữa, chỉ thờ ơ nhìn sang hai bên đường. Khí trời nóng nực và nỗi buồn bao trùm lên thảo nguyên đã làm cho nó mỏi mệt. Nó có cảm giác đã đi như thế này từ lâu lắm, và nắng cũng đã xía xói vào lưng nó từ lâu. Xe đi chưa được mười yécxta mà nó đã nghĩ thầm: “Đã đến lúc nghỉ rồi!” Trên gương mặt ông cậu, vẻ hờ hững đã dần dần mất đi, chỉ còn lại cái vẻ khô khan của người làm ăn chí thú, và trên khuôn mặt gầy gò, rệu rạo nhẵn như thế, nhất là lại đeo kính và mũi và thái dương lại phủ đầy bụi, thì cái vẻ khô khan ấy lại mang thêm sắc thái khắc nghiệt tàn nhẫn. Còn cha Khrixtophor thì vẫn ngạc nhiên ngắm nhìn cảnh đất trời xung quanh và vẫn mỉm cười. Cha đang im lặng nghĩ đến một điều gì tốt lành, vui vẻ lắm, và nụ cười hiền hậu, chất phác đã ngưng đọng trên gương mặt của cha. Hình như cái ý nghĩ tốt lành, vui vẻ ấy cũng ngưng đọng lại trong óc cha vì khí trời nóng nực.

- Thế nào đây Denixka, liệu hôm nay có đuổi kịp mấy cái xe chở hàng không? - ông Kudmitsóp hỏi.

Denixka ngược mắt nhìn lên trời một cái, nhòm người quát ngựa rồi mới đáp:

- Nếu thuận trời thì đến đêm là đuổi kịp...

Có tiếng chó sữa. Một đàn sáu con chó không lồ, giống chó chăn cừu ở thảo nguyên, bỗng xô ra như đã phục kích đấy từ trước, sữa rú lên dữ dội và nhất tề lao cả vào chiếc xe. Cả đàn chó hết sức hung hãn, mõm xù lông trông như mình nhện, mắt đỏ ngầu lên vì giận dữ, vây quanh chiếc xe, xô đẩy nhau như ganh ăn và cất tiếng rú khàn khàn. Chúng cắn lăm thì phải, và hình như sẵn sàng xé tan ra từng mảnh cả xe lẫn người... Denixka vốn thích chòng ghẹo và quát roi, nên rất mừng trước cái dịp may này. Anh làm ra một vẻ mặt hả hê đánh ác, cúi xuống quát roi vào một con chó chăn cừu trong đàn. Đàn chó càng rú lên dữ dội hơn, hai con ngựa phóng càng nhanh; và Iegoruska cứ nẩy người lên bần bật chỉ chực bắn ra khỏi chiếc ghế xà ích. Nó hiểu rằng nó mà lẫn xuống đất thì chỉ trong nháy mắt sẽ bị đàn chó xé tan ra từng mảnh, nhưng nó không thấy sợ; nó cũng nhìn một cách hả hê đánh ác như Denixka, và lấy làm tiếc rằng trong tay mình không có cây roi ngựa.

Chiếc xe đã chạy đến ngang tầm một đàn cừu.

- Đứng lại! - Kudmitsốp quát. - Giữ ngựa lại!

Đenixka rướn hẳn người về phía sau để kìm đôi ngựa. Chiếc xe dừng lại.

- Lại đây! - ông Kudmitsốp gọi người chăn cừu. - Giữ mấy con chó chết tiệt ấy lại chứ!

Người chăn cừu, một ông lão rách rưới đi chân đất, đầu đội mũ chụp lông, trên đùi lưng lẳng một cái túi bận thiu, tay cầm một cây sào dài có cái móc ở đầu - đứng hết một nhân vật lụ khụ - xua đàn chó đi rồi cất mũ đến cạnh chiếc xe ngựa. Ở phía bên kia đàn cừu cũng có một bóng dáng lụ khụ y hệt như vậy đứng im không nhúc nhích, thản nhiên nhìn mấy người ngồi trên xe.

- Cừu của ai đây? - Kudmitsốp hỏi.

- Của Varlamốp đấy! - ông lão đáp rất to.

- Của Varlamốp đấy! - ông lão phía bên kia đàn cừu nhắc lại.

- Thế sao, hôm qua xe ông Varlamốp có đi qua đây không?

- Không... Có ông quản gia đi xe qua thì có...

- Thôi ta đi!

Xe lại chuyển bánh lẩn đi, và hai ông lão chặn cừu với đàn chó lại tụt lại phía sau. Iegoruska miễn cưỡng nhìn về phía trước, vào khoảng không màu tím ở phía xa, và cậu bé đã bắt đầu có cảm giác là cái chòi xay gió đang vung mây cánh quạt bây giờ đã dần dần nhích gần lại. Nó mỗi lúc một to ra, lớn hẳn lên, và đã có thể nhận rõ hai cái cánh quạt của nó. Một cánh thì đã cũ, chấp vá, còn cánh kia thì mới làm lại bằng gỗ mới, loang loáng dưới nắng.

Xe thì đi thẳng thê mà cái chòi xay gió không hiểu sao bắt đầu chuyển sang bên trái. Xe cứ đi, đi mãi, còn cái chòi xay gió thì cứ chuyển dần sang bên trái và mãi không khuất mắt.

- Lão Boltva xây cho con trai cái chòi xay gió tốt thật! - Đenixka nhận xét.

- Sao không thấy cái áp của ông ta đâu nhỉ?

- Mãi tí đằng kia, sau cái khe kia.

Một lát sau cái áp của Boltva cũng đã hiện ra, nhưng cái chòi xay gió mãi vẫn không lùi về phía sau, không chịu tụt lại, nó vẫn nhìn Iegoruska với cái cánh loang loáng và vẫn vậy. Thật là một lão phù thủy.

II.

VÀO KHOẢNG GIỮA TRƯA chiếc xe rời con đường cái lớn rẽ sang bên phải. Đenixka cho ngựa đi bước một quãng rồi dừng xe lại. Iegoruska nghe thấy tiếng róc rách khe khẽ, rất êm dịu, và cảm thấy một làn không khí gì khác hẳn chạm vào mặt nó như một làn nhung mát rượi. Từ một quả đồi do thiên nhiên lấy những tảng đá to tướng và gồ ghề xấu xí dán lại mà thành, qua một cái ống làm bằng gỗ đục sậm do một người hảo tâm vô danh nào đấy đặt, nước chảy thành một tia mảnh. Dòng nước rót xuống đất, trong trẻo, vui tươi, long lanh dưới nắng, khe khẽ tuôn róc rách. Như thể muốn tưởng tượng mình là một dòng thác dừng mảnh và ào ạt, nó rẽ quạt sang bên trái và chảy đi đâu không rõ. Cách quả đồi không xa, một dòng nước nhỏ bò vào một vũng nước; những tia nắng nóng bỏng và mặt đất khô ran đã

háo hức hút nước của nó, làm cho nó kiệt sức, nhưng hình như đi một quãng nữa nó lại hòa vào một dòng suối nhỏ khác y như thế, vì cách quá đồi chừng trăm bước xuôi theo chiều nước chảy thấy mọc lên một khóm bụi cây xanh rờn rậm rạp xum xuê, và khi xe đi gần đến, từ khóm bụi cây bay ra ba con chim mỏ nhái.

Bốn người dừng lại bên suối để nghỉ ngơi và cho ngựa ăn. Ông Kudmitsóp, cha Khrixtophor và Iegoruska ngồi xuống tắm dạ trái dưới cái bóng loang lổ do chiếc xe và hai con ngựa đã tháo khỏi cang hất xuống và bắt đầu ăn lót dạ. Sau khi cha Khrixtophor uống nước thỏa thuê và ăn hết một quả trứng nướng, cái ý nghĩ tốt lành, vui vẻ đã vì khí trời nóng nực mà đọng lại trong óc cha từ lúc này, bây giờ bắt đầu đòi được tuôn ra ngoài. Cha âu yếm nhìn Iegoruska, nhai nhai mấy cái rồi mở đầu:

- Bản thân cha đây cũng đã từng đi học, con ạ. Ngay từ thuở trứng nước Chúa đã ban cho cha trí khôn và ý thức, thành thử cha không như kẻ khác, hồi mới bằng con, cha đã làm cho bố mẹ và các thầy vui lòng vì sự sáng dạ của cha. Chưa đến mười lăm tuổi cha đã nói và làm thơ bằng tiếng La tinh thông thạo như tiếng Nga. Cha còn nhớ là dạo ấy cha theo cầm thánh tượng cho đức cha chí thánh Khrixtophor. Có một hôm sau buổi lễ, bây giờ cha còn nhớ hôm ấy là ngày lễ tên thánh của Nga hoàng Aléxhândơ Páplovíts. Cả phước rất ngoan đạo[44], đức cha cởi bộ áo lễ, âu yếm nhìn và hỏi:

“Puer bone, quam appellaris?”[45] Cha đáp: “Christophorus sumus”[46].

Đức cha bèn dạy: “Ergo connominati sumus” nghĩa là vậy chúng ta trùng tên nhau... Sau đó đức cha lại hỏi bằng tiếng La tinh: “Con là con ai?” Cha cũng trả lời bằng tiếng La tinh, rằng là con ông trợ tế Xirixki ở thôn Lebedínxkoye. Thấy đối đáp linh lợi và rành mạch như thế, đức cha chí thánh ban phước cho cha rồi nói: “Con hãy viết thư về cho bố con nói rằng đức cha không quên bố con đâu, còn con thì đức cha sẽ chú ý tới”. Cha tiên lãnh và các linh mục lúc bấy giờ có mặt ở bàn thờ, nghe hai bên đối đáp nhau bằng tiếng La tinh như vậy, cũng ngạc nhiên không ít, và mỗi cha đều tỏ ý hải lòng khen ngợi cha. Con ạ, râu chưa bén cằm cha đã đọc được tiếng La tinh, tiếng Hy Lạp, tiếng Pháp, thông hiểu triết học, toán học, lịch sử thế tục và đủ mọi ngành khoa học. Chúa đã phú cho cha một trí nhớ rất lạ, có những đoạn đọc vài ba lần cha đã thuộc lòng. Các vị thầy và các ân nhân của cha đều lấy làm lạ và tiên đoán rằng cha sẽ trở thành một người tối uyên bác, một ngọn đuốc sáng của giáo hội. Chính cha cũng muốn lên Kiếp tiếp tục học hành, nhưng bố mẹ cha không cho phép đi. Ông thân cha nói: “Con cứ học suốt đời như thế, bố mẹ biết đợi con đến bao giờ”. Nghe nói vậy, cha bèn bỏ học và ra nhận chức. Dĩ nhiên thế là cha đã không thành thông thái nhưng ngược lại cha đã vâng lời cha mẹ, yên ủi tuổi già hai người, chôn cất hai người chu đáo. Đức vâng lời còn quý hơn ăn chay và cầu nguyện.

- Chắc cha quên hết các khoa học rồi còn gì! - ông Kudmitsóp nhận xét.

- Làm sao mà không quên được? Đội ơn Chúa, nay đã gần tám mươi rồi. Triết học và tu từ học thì còn nhớ được ít nhiều, chứ các thứ tiếng với lại toán học thì đã quên sạch.

Cha Khrixtophor nheo nheo đôi mắt, ngẫm nghĩ một lát rồi nói khe khẽ:

- Bản thể là gì? Bản thể là một sự vật tự tại, không đòi hỏi một cái gì khác để thực hiện bản thân nó.

Cha lắc đầu rồi bật cười vì xúc động.

- Thức ăn tinh thần! - cha nói. - Đúng thế, vật chất nuôi dưỡng xác thịt, còn thức ăn tinh thần nuôi dưỡng linh hồn.

- Khoa học gì thì khoa học, - Kudmitsóp thở dài, - chứ không đuổi kịp Varlamóp thì chúng ta cũng hết cả khoa học.

- Con người có phải là cái kim đâu, rồi sẽ tìm thấy. Bây giờ ông ta chỉ quanh quẩn đâu đây thôi.

Ba con chim mỏ nhái quen biết bay qua khóm bụi rậm, và trong tiếng chiêm chiêm của nó có thể nghe rõ ý lo lắng và bực mình vì bị đuổi khỏi dòng suối. Hai con ngựa thông thả nhai và thở phì phò; Đenixka đi đi lại lại bên cạnh, cố làm ra vẻ hoàn toàn dừng đứng đối với những quả dưa chuột, những miếng chả rán, và những quả trứng mà mấy ông chủ đang ăn, bao nhiêu tâm trí đều dồn hết vào việc đập mấy con ruồi và mấy con nhặng đang bay vào lưng, vào bụng ngựa. Anh thần nhiên đập, từ cổ họng phát ra một thứ âm thanh đặc biệt, vừa đặc thặng lại vừa tinh quái, và mỗi khi đập không trúng lại kêu lên giận dữ, nhìn mãi theo con bọ tốt số vừa thoát chết.

- Đenixka, đi đâu thế! Lại mà ăn đi! - ông Kudmitsóp nói đoạn thở ra một tiếng rõ dài để tỏ ra mình ăn đã no.

Đenixka rụt rè đến bên tấm dạ và chọn năm quả dưa chuột to và vàng, thường gọi là “dưa ủng” (chọn những quả bé hơn và non hơn thì anh thấy ngượng lấm), cầm lấy hai quả trứng nướng, vỏ đen thui và nứt nẻ ra cả, rồi rụt rè, như thể sợ người ta đánh vào bàn tay đang chìa ra, anh chạm ngón tay vào miếng chả rán.

- Cầm lấy, cầm lấy! - ông Kudmitsóp giục.

Đenixka quả quyết cầm lấy miếng chả, đi ra một quãng xa xa, rồi ngồi xuống đất, lưng quay về phía xe. Lập tức có tiếng nhai to đến nỗi cả hai con ngựa cũng phải ngoảnh lại, nhìn Đenixka có vẻ nghi hoặc.

Ăn xong, ông Kudmitsóp lấy trong xe ra một cái túi đựng gì không rõ và bảo Iegoruska:

- Tao ngủ một lát, mày trông chừng để ai lòi mất cái túi tao gói đầu đây.

Cha Khrixtophor bỏ chiếc áo chùng, tháo nịt và cởi áo ra, Iegoruska nhìn cha sững sốt. Nó không hề ngờ rằng các cha cô lại mặc quần, ấy thế mà cha Khrixtophor lại mặc một cái quần bằng vải bố thực sự, ông đút vào đôi ủng cao, và ở phía trên là một cái áo chèn sọc. Nhìn cha, Iegoruska nhận thấy rằng trong cách trang phục không ăn nhập với chức vị linh mục này, và với bộ tóc và bộ râu dài như vậy, trông cha rất giống Rôbinxơn Cruxô[47]. Cởi hết áo ngoài, cha Khrixtophor và ông Kudmitsóp nằm dưới bóng xe, mặt quay vào nhau, và nhắm mắt lại. Đenixka đã nhai xong, nằm ngửa bụng ra giữa nắng và cũng nhắm mắt nốt.

- Trông chừng để ai dắt mất ngựa đi đây nhớ! - anh bảo Iegoruska, đoạn ngủ thiếp đi ngay.

Im lặng. Chỉ nghe tiếng hai con ngựa nhai và thở phì phì, tiếng ngáy của mấy người đang ngủ; đâu ở xa xa có tiếng của một con dế mào, và chốc chốc lại vang lên tiếng kêu chiêm chiêm của ba con chim mỏ nhái bay đến xem thử đám khách không mời mà đến đã đi chưa. Con suối nhỏ chảy tiếng róc rách êm êm nghe như ngọng nghịu. Nhưng tất cả những âm thanh này không hề phá rối sự tĩnh mịch, không thức tỉnh làn không khí đã ngưng đọng lại, mà còn ru cho cảnh vật chìm sâu thêm vào giấc mơ màng.

Iegoruska ngạt thở vì khí trời oi ả, nhất là bây giờ, sau khi ăn, lại càng cảm thấy oi ả hơn nữa. Nó chạy tới khóm bụi rậm và từ đây đưa mắt nhìn ra xung quanh. Cảnh vật vẫn giống như ban sáng: cánh đồng bằng, những dãy đồi, bầu trời, khoảng xa màu tím, chỉ có mấy quả đồi bây giờ đứng gần hơn một chút, và không trông thấy cái chòi xay gió đã lùi xa về phía sau. Phía sau quả đồi lờm chờm đã có con suối chảy, nhô lên một quả đồi khác, phẳng hơn và rộng hơn một chút; trên đồi có một xóm nhỏ gồm năm sáu nóc nhà. Quanh các nhà không thấy người, cũng không thấy cây, không một bóng rợp, tưởng chừng như cái xóm kia đã chết ngạt trong làn không khí rất bỏng và đã khô nỏ ra rồi. Chẳng có việc gì làm, Iegoruska bắt một con dế trong đám cỏ, dế trong nắm tay đưa lên tai hồi lâu lắng nghe nó kéo vĩ cầm. Nghe nhạc đã chán chê, nó quay ra đuổi theo một đàn bướm vàng bay đến đây tìm nước uống, loay hoay quanh một lúc nó về đến chỗ để xe ngựa từ lúc nào không biết. Ông cậu và cha Khrixtophor đang ngủ say: họ phải ngủ hai ba tiếng nữa để cho ngựa nghỉ thật lại sức... Làm thế nào để giết chết được khoảng thời gian dài dằng dặc này, và trốn đi đâu cho đỡ nóng bây giờ? Thật nan giải... Thần thờ, Iegoruska

ghé miệng vào dòng nước chảy từ trong cái ống con ra; trong miệng nó thấy lạnh hắt đi và sức mùi độc sâu; lúc đầu nó uống rất ngon miệng, sau đó nó uống găng gượng, uống cho đến khi cái cảm giác lạnh buốt trong miệng truyền đi khắp người và nước trào ra ướt cả áo sơ mi. Rồi nó đến cạnh chiếc xe và bắt đầu đứng ngắm mấy người đang ngủ. Gương mặt ông cậu có cái vẻ khô khan của người làm ăn chí thú như ban này. Vốn là một tín đồ cuồng nhiệt của công việc kinh doanh, ông Kudmitsốp lúc nào cũng nghĩ đến làm ăn, ngay cả trong giấc ngủ hay trong buổi lễ cầu nguyện ở nhà thờ, khi người ta đang hát bài “Các vị thiên thần” cũng vậy, không một phút nào ông có thể quên được công việc, và giờ đây chắc hẳn cũng đang mơ thấy những kiện lông cừu, những chuyến xe chở hàng, những giá cả, ông Varlamóp... Còn cha Khrixtophor, vốn là người hiền lành, nhẹ dạ và hay cười, suốt đời chưa từng có một công việc gì có thể như một cơn trăn giết lấy tâm hồn. Trong bao nhiêu công việc mà cha đã lĩnh lấy trong đời, cái làm cho cha say mê nhất không phải là bản thân công việc, mà là những lo lắng bận rộn và những sự tiếp xúc với người đời mà công việc nào cũng đòi hỏi. Như trong chuyến đi này chẳng hạn, cái làm cho cha thích thú nhất không phải là lông cừu, Varlamóp và giá cả, mà là cuộc hành trình kéo dài, những câu chuyện trao đổi trên đường đi, giấc ngủ dưới bóng xe ngựa, bữa ăn không đúng giờ giấc... Và giờ đây, trông vẻ mặt của cha, có thể đoán rằng cha đang mơ thấy đức cha chí thánh Khrixtophor, cuộc đối thoại bằng tiếng La tinh, bà vợ của cha, những chiếc bánh phết kem sữa tươi và tất cả những thứ gì mà Kudmitsốp không thể mơ thấy được.

Trong khi Iegoruska đứng ngắm mấy khuôn mặt đang ngủ kia, chợt nghe có tiếng hát khe khẽ. Đâu đây có một người đàn bà đang hát, nhưng cụ thể ở chỗ nào, từ phía nào thì khó lòng mà hiểu được. Tiếng hát khe khẽ, lê thê, buồn rười rượi, giống như tiếng khóc, vừa đủ để lọt vào tai, khi thì nghe như từ bên phải văng lại, khi thì nghe như từ bên trái, khi thì nghe như từ phía trên, khi thì nghe như từ dưới đất, tưởng chừng như có một thần linh vô hình đang quanh quẩn trên thảo nguyên mà hát. Iegoruska ngo ngác nhìn quanh, không sao hiểu nổi tiếng hát từ đâu đưa lại; đến khi nó cố sức lắng tai nghe, nó có cảm giác như đây là cỏ đang hát. Cỏ đang hấp hối, đã hết hy vọng sống sót, nó cất tiếng hát không lời nhưng ai oán và chân thành, phân trần tha thiết với ai đó rằng nó không có tội gì, ánh nắng thiêu đốt nó một cách oan uổng; nó tha thiết muốn sống, nó hãy còn non trẻ và lẽ ra xinh đẹp nếu không có ánh nắng nóng bỏng, không có hạn hán, nó chẳng có tội gì, nhưng vẫn van xin ai tha tội cho nó và thề thốt rằng nó đau đớn không sao chịu nổi, nó buồn khổ và tủi thân quá...

Iegoruska lắng nghe một lát, và nó bắt đầu có cảm giác là tiếng hát lê thê và buồn bã làm cho không khí ngọt ngào hơn, nóng nực hơn và im lìm hơn trước... Để át khúc hát kia đi, nó vừa cất tiếng hát nghêu ngao vừa chạy về phía đám bụi rậm, cố giậm chân thật mạnh. Từ đây nó nhìn ra bốn phía và tìm được cái nguồn phát ra tiếng hát. Bên ngôi nhà ngoài cùng của cái xóm nhỏ có một người đàn bà nhà quê mặc chiếc váy, chân dài và khăng khiu như chân chim diệc, đang đứng sàng cái gì không rõ; từ dưới cái sàng của chị ta, một làn bụi trắng uể oải bay xuống mặt gò. Bây giờ thì đã rõ là chính chị ta

hát. Cách chị ta chừng một xagien[48] có một thằng bé chỉ mặc mỗi cái áo, không đội mũ, đứng yên không nhúc nhích. Như thể đã bị tiếng hát chài cho mụ mẫm đi, nó đứng trơ ra đấy, mắt nhìn đâu phía dưới, có lẽ nó nhìn cái áo sơ mi màu đỏ của Iegoruska.

Tiếng hát lặng đi. Iegoruska mon men lại gần chiếc xe rồi không biết làm gì, lại ra nghịch cái ống nước.

Thế rồi tiếng hát lại văng tới. Vẫn là giọng hát của người đàn bà khăng khiu sau cái gò ở bên xóm. Nỗi buồn chán lại quay trở về với Iegoruska. Nó rời cái ống nước và ngược mắt lên. Cái cảnh tượng nó nhìn thấy khá bất ngờ, đến nỗi nó hơi hoảng. Phía trên đầu nó, đứng trên một tảng đá lớn hình thù xấu xí, có một thằng bé mặc mỗi chiếc áo sơ mi, mặt béo phúng phính, bụng to phưỡn, hai chân gầy mảnh, chính thằng bé lúc này đứng cạnh người đàn bà. Với một nỗi ngạc nhiên đần độn và không khỏi có phần sợ hãi, như thể đang trông thấy một vong hồn về đứng trước mặt, nó há hốc mồm nhìn không chớp mắt chiếc áo sơ mi màu đỏ của Iegoruska và chiếc xe ngựa. Màu đỏ của chiếc sơ mi thu hút và mơn trớn nó, còn chiếc xe và mấy người ngủ dưới bụng xe kích thích trí tò mò của nó; có lẽ chính nó cũng không nhận thấy là màu đỏ dễ chịu và trí tò mò đã xui khiến nó rời xóm lân xuống tận đây, và hình như bây giờ nó lấy làm lạ cho sự táo gan của mình. Iegoruska đứng nhìn nó hồi lâu, và nó cũng hồi lâu đứng nhìn Iegoruska. Cả hai cùng im lặng và cảm thấy hơi ngượng ngịu. Sau một quãng dài im lặng,

Iegoruska hỏi:

- Mày tên là gì?

Hai cái má của thằng bé lạ mặt càng phình phính ra nữa; nó áp lưng vào tảng đá, mặt nó lòi ra, môi nó mấp máy, phát ra một giọng trầm khàn khàn: “Tít”.

Hai thằng bé không nói với nhau một tiếng nào nữa. Lặng yên thêm một lát, mắt vẫn không rời Iegoruska, thằng Tít bí ần kia ghêch một chân lên tìm điểm tựa rồi trèo lên tảng đá; từ đây nó cứ bước giạt lùi, mắt nhìn Iegoruska trừng trừng như thể sợ thằng này đánh sau lưng, trèo lên một tảng đá nữa rồi cứ thế lần lên mãi cho đến khi khuất hẳn sau đỉnh gò.

Không nhìn theo thằng bé được nữa, Iegoruska quàng tay ôm lấy hai đầu gối và cúi đầu xuống... Những tia nắng rất bỏng xói vào gáy, vào cổ, vào lưng nó. Tiếng hát buồn bã khi tắt đi, khi lại văng vẳng trong làn không khí ngưng đọng ngạt thở, dòng suối vẫn chảy với tiếng róc rách đơn điệu, hai con ngựa vẫn nhai cỏ và thời gian kéo dài ra vô tận, tựa hồ nó cũng đã đọng lại, ngừng trôi, có thể tưởng chừng như từ sáng đến bây giờ đã qua một thế kỷ... Phải chăng thượng đế muốn Iegoruska, chiếc xe và hai con ngựa lịm đi trong làn không khí này, hóa thành đá và vĩnh viễn đứng yên một chỗ như những quả đồi?

Iegoruska ngừng đầu lên và đưa đôi mắt thiu thiu ngủ nhìn phía trước; khoảng không xa tắp màu tím này giờ vẫn im lìm, thế mà bây giờ lại đung đưa nghiêng ngả và cùng với bầu trời lao đi đâu xa hơn nữa... Nó lòi theo cả lớp cỏ màu hung, cả khóm bụi rậm, và Iegoruska cũng lao theo chân trời đang chạy trốn với một tốc độ phi thường. Có một sức mạnh gì đang lặng lẽ lôi cuốn nó đi đâu không biết, và hơi nóng rất bỏng cùng tiếng hát lê thê cũng vun vút bay theo. Iegoruska ngoẹo đầu xuống và nhắm mắt lại...

Đenixka thức giấc trước tiên. Chắc có con gì cắn anh, vì thấy anh bật dậy, gãi lấy gãi để một bên vai và tuôn ra một tràng:

- Tiên sư mấy con quái trời đánh không chết này!

Đoạn anh ra suối uống nước và hì hục rửa ráy một hồi lâu. Tiếng anh thở phì phò và tiếng nước vỗ lép bép làm cho Iegoruska tỉnh giấc. Thằng bé nhìn cái mặt ướt đầm của Đenixka lâm thâm những giọt nước suối và những chấm tàn hương to tướng khiến cho mặt anh trông như cảm thạch, và hỏi:

- Đã sắp đi chưa?

Đenixka nhìn mặt trời xem thử nó còn cao đến đâu, rồi đáp:

- Chắc sắp rồi đấy.

Anh lấy vạt áo sơ mi lau lau cái mặt một lúc, làm ra một vẻ mặt rất nghiêm trang rồi bắt đầu nhảy lò cò.

- Nào, xem ai nhảy đến đám bụi rậm kia trước nào! - anh nói.

Iegoruska đã mệt nhoài ra vì nóng và vì giấc ngủ chập chờn vừa qua, nhưng nó vẫn nhảy lò cò theo. Đenixka đã gần hai mươi tuổi, anh làm nghề xà ích và đang sắp sửa lấy vợ, nhưng vẫn chưa hết tính trẻ con. Anh rất thích thả diều, thả bò câu, đánh cờ xương, chạy đuổi bắt và bao giờ cũng tham dự vào những trò chơi và những cuộc cãi cọ của trẻ con. Hễ chủ đi vắng hay ngủ một cái là anh lập tức bày trò nhảy lò cò hay ném sỏi gì đấy. Bất cứ ai là người lớn trông thấy cái vẻ vui sướng chân thành của anh trong khi chơi đùa với lũ nhóc con cũng khó lòng dừng thốt lên: “Rõ thằng gà tô!” Còn lũ trẻ những khi thấy anh xà ích to gộc này đột nhập vào lĩnh vực của mình, chúng chẳng thấy có gì là lạ: ông tướng cứ việc chơi, miễn đừng choảng ai là được! Cũng đúng như những con chó con không lấy làm lạ khi có

một con chó lớn thực thà xông vào chơi với chúng.

Đenixka đã vượt được Iegoruska, và hình như rất hài lòng với thắng lợi này. Anh nháy thắng bé một cái, rồi để tỏ rõ là mình có thể nhảy lò cò xa bao nhiêu cũng được, anh rủ Iegoruska nhảy ra đường cái rồi từ đây nhảy về chỗ để xe không nghỉ. Iegoruska từ chối, vì nó nóng và mệt quá.

Bỗng vẻ mặt của Đenixka trở nên nghiêm trang chưa từng thấy bao giờ, dù là khi Kudmitsốp quở mắng anh hay giờ cao gậy lên toan nện anh cũng vậy; anh lắng tai nghe ngóng, từ từ quỳ một gối xuống, và gương mặt anh trở nên có cái vẻ nghiêm trang và sợ sệt như khi người ta nghe ai nói một điều tà ngụy. Mặt anh hướng vào một điểm, bàn tay anh khum khum lại thành hình chiếc thuyền úp, từ từ giờ lên, và anh bỗng ngã sấp xuống, đặt bàn tay úp chụp lên cổ.

- Được rồi! - anh đắc thắng reo lên một tiếng khàn khàn, rồi đứng dậy đưa lên tận mắt Iegoruska một con châu chấu lớn.

Nghĩ rằng làm như thế con châu chấu sẽ thấy dễ chịu lắm, Iegoruska và Đenixka đưa mấy ngón tay vuốt lên cái lưng rộng màu xanh và khẽ vuốt hai cái râu của nó. Sau đó Đenixka lại bắt một con ruồi béo căng, đã hút máu no nê, đưa ra mời con châu chấu ăn. Con này, vẻ thản nhiên như thể đã quen biết Đenixka, cứ thế xoạc cái hàm to tướng giống như đôi càng bóng lộn rung lên loang loáng xuống cỏ và lập tức cất tiếng nó ra. Nó liền xòe đôi cánh ngoài để lộ lớp cánh màu hồng bóng lộn rung lên loang loáng xuống cỏ và lập tức cất tiếng gáy. Con ruồi cũng được thả nốt; nó vuốt lại đôi cánh cho trơn rồi chẳng cần nghĩ đến cái bụng đã mất, nó cứ thế bay về phía mấy con ngựa.

Từ phía dưới chiếc xe nghe có tiếng thở ra rõ dãi. Đó là ông Kudmitsốp đã tỉnh dậy. Ông vụt ngẩng đầu lên, lo lắng nhìn ra xa, và chỉ riêng cái nhìn ấy thôi, bỏ quá Iegoruska và Đenixka một cách hoàn toàn dửng dưng, cũng đủ cho thấy là ông mới ngủ dậy đã nghĩ đến lông cừu và Varlamốp rồi.

- Cha Khrixtophor, dậy đi, muộn rồi! - ông nói giọng hốt hải. - Ngủ thế là đủ rồi, ngủ thế này công việc cũng đã nhớ hết rồi còn gì. Đenixka, thắng ngựa vào!

Cha Khrixtophor thức dậy cũng với cái nụ cười như khi cha bắt đầu thiếp đi. Ngủ dậy, mặt cha nhàu đi, nhăn nheo và có vẻ như đã teo tóp lại chỉ còn một nửa. Rửa ráy và mặc quần áo ngoài xong, cha thông thả rút trong túi ra một cuốn thánh thi cáu bẩn, đứng quay mặt về phía đông và bắt đầu vừa lâm râm câu nguyện vừa làm dầu thánh.

- Cha Khrixtophor! - Kudmitsốp nói, giọng trách móc. - Lên xe thôi, ngựa đã thắng xong mà ông còn...

- Xong ngay, xong ngay đây... - cha Khrixtophor lúng búng. - Phải đọc bài thánh thi tí đã... Hôm nay chưa đọc.

- Đọc bài thì để sau hẵng đọc cũng được.

- Ivan Ivanúrts ạ, tôi phải hàng ngày... Không đọc không được.

- Chúa chẳng kèo nèo cha đâu.

Suốt mười lăm phút đồng hồ cha Khrixtophor đứng yên, hướng về phương Đông, môi lắp bắp, trong khi Kudmitsốp nhìn cha gần như căm thù và sốt ruột nhún vai. Ông ta giận nhất là những khi cha Khrixtophor, sau mỗi đoạn “Sáng danh” lại hít một hơi dài, nhanh nhẹn làm dầu thánh và nhắc lại ba lần rõ to để ai này đều biết mà làm dầu thánh theo cha:

- Alleluya, alleluya, alleluya, sáng danh Chúa!

Cuối cùng cha mỉm cười, ngược mắt nhìn lên trời và bỏ cuốn thánh thi vào túi nói:

Fini! [49]

Một phút sau chiếc xe chuyển bánh. Cứ như thể xe đi ngược trở lại chứ không phải đi đâu xa hơn, mấy người trên xe vẫn trông thấy một quang cảnh hết như ban sáng. Những quả đồi vẫn chạy mãi về phía màu tím xà xăm, chẳng thấy đến đâu mới hết; vẫn những bãi cỏ dài, những hòn đá cuội, những cánh đồng đã cắt rạ, vẫn những con quạ và vẫn con diều hâu ấy đang ung dung vỗ cánh bay trên thảo nguyên. Không khí mỗi lúc một ngưng đọng hơn vì nóng bức và yên lặng, thiên nhiên nhẩn nhục nằm im lìm không nói năng... Không có lấy một hơi gió, không có lấy một âm thanh sinh động, tươi tắn, không có lấy một đám mây.

Nhưng rồi cuối cùng, khi mặt trời bắt đầu ngả về tây, thảo nguyên và làn không khí không còn chịu nổi cảnh ức hiếp nữa, sức kiên nhẫn của nó đã kiệt, nó khô quá rồi, phải cố sức trút bỏ cái ách nặng đang đè lên nó. Thì sau mấy quả đồi đột nhiên hiện ra một đám mây loãn xoăn màu tro. Nó đưa mắt ra hiệu cho thảo nguyên: tôi đã sẵn sàng rồi đây, và cau mặt lại. Trọng làn không khí ngưng đọng chợt có một cái gì rách ra, gió bỗng thổi mạnh và rít lên ào ào quay cuồng trên thảo nguyên. Ngay tức khắc, cỏ và những bụi cây đại năm ngoài rung rinh hắt lên, bụi trên đường xoáy thành vòng tròn ốc chạy qua thảo nguyên, cuốn theo những cọng rơm, những con chuồn chuồn và những chiếc lông chim, dựng thành đám đen ngòm xoáy tít lên trời và che mờ cả ánh nắng. Ngang dọc trên thảo nguyên, những cây cỏ thi nhau chạy, luôn luôn vấp vấp và nhảy tung lên, rồi một cây lọt vào đám bụi đang xoáy tít, quay lộn vòng như con chim, bay lên trời, hóa thành một cái chấm đen rồi biến đi đâu mất. Sau đó lại đến một cây nữa, rồi lại một cây nữa, và Iegoruska trông thấy rõ hai ngọn cỏ lông chông chạm phải nhau trên khoảng màu thiên thanh, rồi quện lấy nhau như đánh vật.

Sát cạnh đường cái, một con đà đà bay vút lên. Cánh và đuôi loang loáng ánh nắng, trông nó giống như một giả lập trên lưỡi câu hay con bướm ao hồ: mỗi khi bay vút qua mặt nước, cánh và râu của nó đập lại làm một, trông như thể râu nó mọc đủ bốn phía xung quanh người... Run rẩy trên không như một con bọ, phô trương cái thân hình lốm đốm của nó, con đà đà bay vút lên thành một đường thẳng, rồi chắc là sợ đám bụi, nó bay dạt sang một bên, và hồi lâu còn trông thấy nó thấp thoáng qua lại...

Rồi một con chim cuốc, hốt hoảng trước cái xoáy và không hiểu đầu đuôi ra sao, từ trong đám cỏ bay vút ra. Nó bay theo gió chứ không bay ngược chiều như các loài chim khác; vì thế lông nó xù ra, cả người nó phồng to bằng con gà mái và trông nó có vẻ rất giận dữ, rất oai vệ. Chỉ có mấy con quạ đã sông già đời trên thảo nguyên và đã quen với những cảnh hỗn loạn ở đây là vẫn điềm tĩnh bay là là trên cỏ, hoặc giả cứ thản nhiên như không, chẳng thèm để ý gì đến xung quanh, đưa cái mỏ chắc nịch mổ xuống lớp đất khô nứt.

Sau dãy đồi có tiếng sấm ì ầm; gió mát hắt đi. Denixka vui vẻ huýt lên một tiếng rồi quát ngựa. Chà Khrixtophor và ông Kudmitsóp vừa giữ lấy mũ cho khỏi bay vừa chú mục lên dãy đồi... Giá trời đổ được trận mưa thì hay quá!

Dường như chỉ cần ráng sức chút nữa, chịu khó chút nữa là thảo nguyên sẽ thắng thế. Nhưng cái sức mạnh vô hình vẫn đè nén mọi vật đã dần dần kìm hãm được gió và không khí, đè bẹp bụi xuống, và như thế không có gì xảy ra hết, thảo nguyên lại im phăng phắc. Đám mây ban nãy đã đi tròn, mấy quả đồi cháy sém cau mặt lại, không khí nhẩn nhục đứng yên, và đầu dây chỉ có mấy con chim dễ mào sợ hãi khóc lóc và than thân trách phận...

Một lát sau trời tối sập xuống rất nhanh.

III.

TRONG BÓNG HOÀNG HÔN hiện ra một ngôi nhà một tầng rất to, cái mái tôn đã han gỉ, mấy khung cửa sổ tối mò. Ngôi nhà này là một cái quán trọ, không có sân, đứng chơ vơ giữa thảo nguyên xung quanh chẳng có rào. Cách ngôi nhà một quãng có một cái vườn anh đào nhỏ xơ xác, xung quanh có

hàng rào đan, và dưới các cửa sổ, mấy cây hoa hướng dương đang đứng ngủ gật, những mái đầu nặng trĩu rũ xuống. Trong vườn nghe có tiếng lạch cách của một cái chòi xay gió nhỏ, dựng lên cho có tiếng ồn để dọa thỏ hoang. Ngoài ra quanh ngôi nhà không còn trông thấy và nghe thấy gì ngoài cỏ với cỏ.

Chiếc xe ngựa vừa dừng lại bên cái thềm có mái hiên nhô ra thì trong nhà đã đưa ra những tiếng nói mừng rỡ - một giọng đàn ông và một giọng đàn bà - cánh cửa quay trên bản lề kết lên một tiếng, và trong nháy mắt bên xe đã lộ một bóng người cao và gầy, hai tay vung lên lia lia, hai vạt áo đuôi ngoài cũng tung bắn lên theo. Đó là ông chủ quán Moixây Moixêits, một người đã đứng tuổi, mặt xanh lợt, để bộ râu rất đẹp, đen như mực tàu. Ông ta mặc một chiếc áo đuôi tôm đen đã sờn, treo lủng nhùng trên đôi vai hẹp như treo trên mắc áo, và hai vạt áo ngoài cứ vung vẩy như hai cái cánh mỗi khi Moixây Moixêits vui mừng hay sợ hãi mà vỗ hai bàn tay. Ngoài chiếc áo đuôi tôm ra, ông chủ quán còn mặc một cái quần rộng ông bỏ ra ngoài ủng và chiếc áo gilê bằng nhung điểm những hình hoa màu hung trông giống như những con rệp không lồ.

Nhận ra mấy người ngồi trên xe, Moixây Moixêits thoát tiên đờ người ra vì xúc động quá, rồi vỗ tay đánh đét một cái và rên lên một tiếng. Chiếc áo vung vẩy hai vạt đuôi tôm, cái lưng khom xuống thành hình vòng cung, và trên gương mặt xanh xao nở một nụ cười rạng rỡ như thể trông thấy cái xe đối với ông ta không phải chỉ là một điều thú vị mà còn là một niềm khoái lạc vô biên.

- Ôi, trời ơi, trời ơi! - ông ta nói, giọng thanh thanh và ngân nga như hát, vừa nói vừa thở hắt hắt, cuống quýt nặng trĩu lên ở bên xe làm cho mấy người hành khách không sao xuống được. - Hôm nay thật là một ngày đại cát của tôi! Chao ôi, tôi phải làm gì bây giờ! Ivan Ivanúts! Cha Khrixtophor! Lại có cậu ấm nào ngồi trên kia trông xinh quá, lạy Chúa tha tội. Ôi, lạy Chúa, lạy Chúa, nhưng sao tôi lại đứng đực ra đây không mời khách vào nhà? Xin mời, xin kính mời... xin các vị quá bộ vào đây! Đưa các thứ đây tôi cầm cho... Ôi, lạy Chúa!

Moixây Moixêits đang vục đầu vào xe lục lợi hành lý và giúp hành khách xuống xe, bỗng quay phắt lại và cất tiếng kêu thất thanh, giọng man dại, như thể ông ta sắp chết đuối phải kêu cứu:

- Xolomon! Xolomon!

- Xolomon! Xolomon! - cái giọng đàn bà ở trong nhà nhắc lại.

Cánh cửa lại mở đánh kết một tiếng, và trên ngưỡng cửa hiện ra một thanh niên Do Thái bé nhỏ, mũi to và khoằm như mỏ diều, giữa đám tóc hung quấn và cứng có một khoảng hói trụi. Hắn mặc một chiếc áo veston ngắn cũ rích, đuôi áo cắt tròn, ống tay ngắn cũn cỡn, quần ngắn bằng len đan, thành thử trông hắn cũng ngắn cũn cỡn và loắt choắt như con chim bị vặt lông. Đó là Xolomon, em trai ông Moixây Moixêits. Hắn cứ lặng thinh, chẳng chào hỏi ai, chỉ mỉm một nụ cười kỳ dị, đến cạnh chiếc xe.

- Ivan Ivanúts và cha Khrixtophor đến đây này - Moixây Moixêits nói với cái giọng như thể sợ thẳng em không tin. - Chao ôi, thật lạ lùng, mấy khi có những vị khách quý hóa thế này ghé lại! Này, cầm lấy, Xolomon, cầm lấy đồ đạc! Mời các quý khách vào nhà.

Một lát sau ông Kudmitsóp, cha Khrixtophor và Iegoruska đã ngồi trong căn phòng rộng, tối tăm và trống trải quanh một cái bàn gỗ sồi cũ kỹ. Cái bàn này gần như cô độc, vì trong căn phòng rộng thênh thang này, ngoài nó, một chiếc divăng rộng vải lợp đã thủng lỗ chỗ và ba cái ghế tựa ra, không còn có thứ bàn ghế gì khác. Và chẳng ngay cả ba cái ghế ấy nữa, không phải ai cũng dám cả quyết gọi nó là ghế tựa. Đó là một thứ gì nom chỉ hao hao giống với bàn ghế, vải lợp đã hết thời từ lâu, lưng tựa ưỡn hẳn ra phía sau một cách phi tự nhiên, làm cho mấy cái ghế trông rất giống những chiếc xe lết của trẻ con. Khó lòng hiểu nổi ông thợ mộc khuyết danh nào đây muốn đi tìm thứ tiện nghi gì trong khi uốn mấy cái lưng ghế một cách nhần tâm như vậy, và người ta bất giác muốn nghĩ rằng lỗi đây không phải tại ông thợ mộc, mà tại một tay lực sĩ nào đi qua đây, muốn khoe sức đã bẻ lưng ghế ra sau đó lại uốn thẳng lại, rồi lại bẻ ngựa ra thêm. Gian phòng có vẻ tối tăm ảm đạm. Vách phòng màu xám, trần và các thành gờ đều ảm khói đen kịt, trên sàn có những khe nứt và những cái lỗ không rõ nguyên do (có lẽ

chính tay lực sĩ đã dùng gót giày đột thủng) và người ta có cảm giác là dù có treo một chục cái đèn trong phòng này, nó vẫn cứ tối như thường. Trên tường cũng như trên các cửa sổ đều không có một cái gì có thể tạm gọi là trang trí. Tuy vậy trên một bức tường, trong khung bằng gỗ, có mấy quy tắc gì đấy viết dưới một con chim đại bàng hai đầu[50], và trên một bức tường khác, cũng đóng khung như vậy, có treo một bức tranh khắc gỗ đề là “Sự thờ ơ của người đời”. “Người đời” thờ ơ với cái gì thì không sao hiểu được, vì bức tranh cũ quá đã xỉn lại và ruồi đậu đen kịt. Trong phòng phảng phất một mùi mốc chua chua.

Sau khi đưa khách vào phòng, Moixây Moixêits vẫn cúi lom khom, vỗ tay đen đét, co rúm người lại và thốt lên những tiếng reo mừng, tất cả những việc đó ông ta đều thấy cần phải làm để tỏ ra đặc biệt lễ độ và ân cần.

- Xe chở hàng của chúng tôi đi qua đây từ hôm nào? - Kudmitsóp hỏi ông chủ quán.

- Một tốp đi qua từ sáng, còn tốp kia, thưa ông Ivan Ivanúrts, nghỉ lại đây ăn trưa, đến chiều thì đi.

- Thế còn... Varlamóp đã đi qua đây chưa?

- Thưa ông chưa ạ. Sáng hôm qua ông Grigori Iegorúrts quản gia nhà ông ấy, có đi qua đây và có nói là chắc hôm nay ông ấy ghé xóm người theo đạo Kytô.

- Tốt lắm. Thế tức là bây giờ ta sẽ đuổi kịp đoàn xe chở hàng, rồi sau đó ghé luôn xóm người theo đạo Kytô.

- Tại sao, ông Ivan Ivanúrts! - Moixây Moixêits kinh hãi rụng rời, vỗ tay vào nhau đánh đét một tiếng. - Đêm hôm thế này ông còn định đi đâu nữa? Xin các vị xơi bữa tối ở đây cho khỏe và ngủ lại đây, rồi đến sớm mai, ơn Chúa, các vị sẽ ra đi và tha hồ muốn đuổi kịp ai thì đuổi!

- Không có thì giờ, không có thì giờ!... Xin lỗi ông Moixây Moixêits nhé, thôi để khi khác, chứ bây giờ chẳng phải lúc ăn uống gì. Chúng tôi ngồi độ mười lăm phút rồi chúng tôi đi thôi, còn ngủ lại thì đến xóm người theo đạo Kytô ngủ cũng được.

- Mười lăm phút! - ông Moixây Moixêits rít lên. - Ông cũng phải nể Chúa với chứ, ông Ivan Ivanúrts! Ông lại bắt tôi phải giấu mũ của ông đi và khóa trái cửa lại hay sao? Ít ra ông cũng ăn chút gì qua loa, uống tí nước chè đã chứ.

- Chúng tôi thì giờ đâu mà uống chè! - Kudmitsóp nói.

Moixây Moixêits ngoẹo đầu sang một bên, khuyu gối xuống và giơ hai lòng bàn tay ra phía trước như đỡ đòn, rồi nở nụ cười cầu tài ngọt lịm, bắt đầu van nài:

- Ông Ivan Ivanúrts! Cha Khrixtophor! Xin hai vị làm phúc uống cho tôi một chén trà! Chả nhẽ tôi là người tệ mạt đến nỗi không thể uống ở nhà tôi một chén trà sao? Ông Ivan Ivanúrts!

- Thôi, uống tí trà thì được, - cha Khrixtophor thở dài thương hại. - Cũng chẳng mất bao nhiêu thì giờ.

- Thôi được! - ông Kudmitsóp đồng ý.

Moixây Moixêits tỉnh hẳn người ra, á lên một tiếng mừng rỡ và người co ro như thể vừa từ dưới nước lạnh nhảy lên chỗ ấm, ông ta chạy ra cửa và thét lên thật thanh, giọng cũng man dại như ban nãy khi gọi Xolomon:

- Roda! Roda! Đem ấm lò lên!

Một phút sau, cánh cửa mở ra và Xolomon bước vào tay bưng một chiếc khay lớn. Trong khi đặt khay lên bàn, mắt hắn cứ nhìn sang một bên, vẫn với cái vẻ ngạo nghễ và nụ cười kỳ dị như ban nãy. Bây giờ dưới ánh đèn đã có thể trông rõ nụ cười ấy; nó rất phức tạp và biểu hiện rất nhiều cảm xúc, nhưng chiếm ưu thế ở đây chỉ có một sự khinh bỉ ra mặt. Hắn như thể đang nghĩ đến một cái gì buồn cười và ngu xuẩn, đang ghét cay ghét đắng và khinh miệt một người nào đấy, đang vui mừng vì một chuyện gì đấy và chỉ đợi lúc thuận tiện là ném thẳng ra một câu nhạo báng và cười lên ha hả. Cái mũi dài, đôi môi dày mỏng và đôi mắt lồi tinh anh của hắn hình như đều căng thẳng lên vì buồn cười. Nhìn về mặt hắn, Kudmitsóp cười ngạo nghễ và hỏi:

- Xolomon, tại sao mùa hè năm nay anh không đến chợ phiên Do Thái ở N. để biểu diễn cho chúng tôi xem?

Iegoruska cũng còn nhớ rõ là hai năm trước đây, ở chợ phiên N., Xolomon có lên một sân khấu ngoài trời kể lại những chuyện lầy trong sinh hoạt của người Do Thái và rất được hoan nghênh. Câu hỏi thăm nhắc nhở đến việc này không gây được ở Xolomon một ấn tượng nào hết. Hắn lặng thinh không đáp, bỏ ra ngoài và một lát sau bưng âm lò vào.

Đặt âm lò bên bàn, hắn đứng ra một bên, khoanh tay trước ngực, đứng chân trước chân sau và giương đôi mắt ngạo nghễ nhìn chăm chăm vào cha Khrixtophor. Trong tư thế của hắn có một cái gì thách thức, trịch thượng và khinh mạn, nhưng đồng thời lại có một cái gì hết sức tội nghiệp và khôi hài, vì kiểu đứng của hắn càng oai vệ bao nhiêu thì càng nổi bật lên trên cảnh cái quần ngắn cũn cỡn, cái áo chật ních, cái mũi đầy phong vị biếm họa và cả cái dáng dấp giống như con chim bị vật lông của hắn.

Moixây Moixêits lấy một chiếc ghế đầu ở phòng bên sang và ngồi xuống cách cái bàn một quãng.

- Chúc ăn ngon miệng! Mời các vị xơi nước chè đường! - ông ta bắt đầu tiếp chuyện khách. - Mời các vị xơi cho âm bụng. Thật quý hóa quá, cha Khrixtophor thì đã năm năm nay con không được gặp. À, mà không có vị nào vui lòng nói cho tôi biết cậu xinh đẹp này là con ai à? - ông ta vừa hỏi vừa âu yếm nhìn Iegoruska.

- Con trai bà chị tôi, bà Onga Ivanópna đấy, - ông Kudmitsóp đáp.

- Thế cậu ấy đi đâu?

- Đi học. Chúng tôi đưa cháu vào trường đây.

Moixây Moixêits vì lịch sự, làm ra một vẻ mặt kinh ngạc và nghiêng nghiêng cái đầu ra vẻ quan trọng.

-Ồ, tốt lắm, tốt lắm! - ông ta vừa nói vừa giơ ngón tay ra dọa cái âm lò. - Tốt lắm! Học ở trường ra là thành một ông lớn oai đến nỗi tất cả chúng tôi đều phải ngả mũ chào. Cậu sẽ thành một người thông minh, giàu có, tự trọng, mẹ cậu sẽ tha hồ vui mừng. Chà quý hóa thật!

Ông ta im lặng một lát, vuốt vuốt lên hai đầu gối rồi nói tiếp, giọng đùa cợt một cách cung kính:

- Xin cha bỏ quá cho con, cha Khrixtophor ạ, chứ con đang định viết giấy cho đức giám mục để thưa là cha đang cắt mất miếng ăn của bọn lái buôn chúng con. Con sẽ lấy giấy tín chỉ viết rằng như thế là cha Khrixtophor có bấy nhiêu tiền vẫn chưa thấy đủ, thành thử cha bèn làm thương mại và bắt đầu mang lông cừu đi bán.

- Phải, già rồi cha mới nghĩ ra cái sự này... cha Khrixtophor nói đoạn cười ha hả. - Cha bỏ nghề linh mục tín chỉ sang làm lái buôn đây anh bạn ạ. Giờ này đáng lẽ được ngồi nhà mà câu nguyện thì cha lại rong ruổi như ông Pharaôn[51] trên xa giá đấy... Thật là vất vả!

- Nhưng cha lại được nhiều tiền!

- Lấy đầu ra tiền! Chỉ ăn cái bánh vẽ chứ làm gì có tiền. Hàng có phải của cha đầu, của thằng Mikhailo con rề cha đây!

- Sao anh ta lại không tự đi bán lấy?

- Ấy cũng vì... Miệng nó còn hơi sữa mậ. Mua lông cừu thì mua rồi, nhưng đem bán thì không đủ trí khôn, còn trẻ lắm. Bao nhiêu tiền riêng đều tiêu hết sạch, muốn kiếm chác thêm, muốn hư trương thanh thế, nhưng đi đây đi đó mãi mà chẳng ại trả được ngang giá vốn. Anh chàng cứ chạy vạy như thế để có đến một năm, rồi đến tìm cha, nói: “Bố ơi, bố làm phúc đi bán lông cừu đi! Con chẳng hiểu chút gì về những chuyện này!” Ấy cơ sự nó thế đấy. Hễ động có chuyện gì là y như rằng gọi bố ơi, chứ khi trước thì không có bố cũng xong. Khi mua thì không hỏi, nhưng bây giờ thì lại bố ơi. Còn bố thì sao? Bố mà không có ông Ivan Ivanúts thì bố cũng chẳng được cái việc gì. Thật đến vất vả với chúng nó!

- Phải, vất vả vì con cái lắm, để con nói cha nghe! - Moixây Moixêíts thở dài. - Bản thân con đây có sáu đứa. Đứa thì phải dạy, đứa thì phải chữa thuốc, đứa thì bế trên tay, rồi đến khi chúng nó lớn lên lại càng vất vả. Mà không phải chỉ thời bây giờ, trong Kinh Thánh cũng đã nói thế rồi. Khi Iakóp[52] có con nhỏ, ông ta khóc, rồi đến khi con lớn lên, ông lại càng khóc tợn!

- Hừm phải... - cha Khrixtophor tán thành, mắt nhìn cái cốc có chiều tự lự. - Nói cho đúng ra, cha bây giờ cũng chẳng có thể làm gì đến nỗi để Chúa phải giận, cha đã sắp hết đời rồi, cũng chẳng thua kém gì ai... Mấy đứa con gái cha đều đã lấy chồng tốt bụng, mấy đứa con trai thì cha đã dạy dỗ thành người cả, bây giờ thì cha đã thanh thoi, việc cha cha đã làm xong, muốn đi đâu cũng được. Cha sống với bà nó ở nhà cũng êm thấm, ăn, uống rồi ngủ nghỉ, vui với lũ cháu và câu nguyện Chúa, còn ngoài ra chẳng thiết gì hơn thế nữa. Cha bây giờ thật ung dung thư thái, chẳng cần biết đến ại nữa. Cha chẳng hề bao giờ có gì buồn phiền, và đến bây giờ giả sử như Nga hoàng có hỏi: “Người cần gì? Người muốn gì?” thì cha sẽ đáp: nào kẻ bày tôi có cần gì đâu! Cái gì kẻ bày tôi cũng đủ và cái gì kẻ bày tôi cũng nhờ ơn Chúa mà có được. Trong cả thị trấn không có người nào sung sướng hơn cha. Chỉ có điều là tội cha nhiều lắm, và chẳng nói làm gì, chỉ một mình Chúa là không có tội mà thôi. Có đúng không nào?

- Thế thì đúng rồi.

- Ấy, dĩ nhiên rằng không còn, lưng còng vì tuổi tác, lại thêm chứng này tật nọ, bị khô thở này kia, thôi thì đủ... Cha đau ốm luôn, sức lực chẳng còn, nhưng ông cũng biết đấy, sống đủ rồi! Sắp tám mươi tuổi! Không thể sống mãi được đâu, cũng phải biết điều chứ.

Cha Khrixtophor bỗng sực nhớ ra điều gì, phì cười bắn cả vào cốc rồi bật ho lên vì cười. Moixây Moixêíts vì phép lịch sự, cũng phì cười và bật ho lên.

- Buồn cười quá! - cha Khrixtophor khoát tay nói. - Thằng Gavril, con cả cha vẫn thường đến thăm cha. Hắn vốn ngành y tế, làm bác sĩ của hội đồng tự quản tỉnh Tsernigóp[53]... Thôi được... Cha mới nói với hắn ta: “Đây này, bố lại thêm chứng này tật nọ... Anh là bác sĩ, anh hãy chữa cho bố đi!” Hắn ta lập tức cởi áo cha ra gỡ gỡ, nghe nghe làm đủ điều... nắn cả bụng nữa, rồi nói: “Bố ạ, bố phải chữa bằng hơi ép”.

Cha Khrixtophor cười ngặt nghẽo, cười đến ứa nước mắt ra rồi, đứng dậy.

- Cha mới nói với hắn: “Bố cũng xin vái cái hơi ép của mày thôi!” - cha vừa nói vừa cười, cả hai tay vung lên. - Bố xin vái cái hơi ép của mày thôi!

Moixây Moixêíts cũng đứng dậy ôm bụng cười the thé lên như tiếng chó sủa.

- Bố xin vái cái hơi ép của mày! - cha Khrixtophor vừa cười vừa nhắc lại.

Moixây Moixêits bắt giọng cao hơn và cười ngặt nghèo đến nỗi chỉ chực ngã.

- Trời ơi là trời... - ông ta rên rỉ giữa tiếng cười. - Cho tôi thử với... Buồn cười quá chừng, đến nước này thì... ôi... đến chết mất.

Ông ta vừa cười vừa nói, nhưng đồng thời cũng e sợ và ngò vức liếc về phía Xolomon. Xolomon vẫn đứng nguyên ở tư thế cũ, và cười nụ. Cứ trông đôi mắt và nụ cười của hắn, có thể thấy là hắn khinh bỉ và căm ghét thực sự, nhưng tâm trạng đó ít ăn nhập với cái dáng chim bị vặt lông của hắn đến nỗi Iegoruska có cảm giác là hắn cố ý chọn cái tư thế có vẻ khiêu khích như vậy, cái vẻ mặt chua cay, khinh bỉ như vậy để đóng vai hề mua vui cho các khách quý.

Sau khi im lặng uống hết khoảng sáu chén trà, ông Kudmitsóp dọn sạch một khoảng trên bàn ở trước mặt ông ta, lấy một cái túi ra - chính cái túi mà ông dùng để gói đầu khi nằm ngủ dưới chiếc xe ngựa - cội nút dây buộc và rũ ngược nó xuống. Từ trong túi đổ xuống bàn một đồng giấy bạc buộc thành từng xấp.

- Trong khi hãy còn thì giờ, ta thử đếm một chút đi cha Khrixtophor ạ, - Kudmitsóp nói.

Trọng thấy tiền, Moixây Moixêits ngượng ngịu đứng dậy và ra điều mình là người tể nhị không muốn biết những điều bí mật của kẻ khác, ông ta rón rén ra khỏi phòng, hai tay đung đưa. Xolomon vẫn đứng nguyên chỗ cũ.

- Giấy một rúp thì mỗi xấp bao nhiêu? - cha Khrixtophor mở đầu.

- Mỗi xấp năm mươi rúp... Giấy bạc rúp thì mỗi xấp chín mươi rúp... Giấy hai mươi năm và một trăm thì mỗi xấp một nghìn rúp. Cha đếm độ bảy nghìn tám trăm rúp cho Varlamóp, còn tôi sẽ đếm cho Guxevíts. Nhưng cha xem cẩn thận đừng đếm nhầm đây...

Iegoruska chưa hề bao giờ trông thấy nhiều tiền như thế ở trên bàn. Số tiền chắc nhiều lắm, vì cái xấp có bảy nghìn tám trăm rúp mà cha Khrixtophor để riêng ra cho Varlamóp so với cả đồng có vẻ rất nhỏ. Giá phải lúc khác chắc một khối tiền như thế phải khiến Iegoruska kinh ngạc và gọi cho nó suy tính xem thử ngân ấy tiền có thể mua bao nhiêu bánh mì vòng, bao nhiêu cờ xương, bao nhiêu bánh rắc hạt anh túc? Nhưng bây giờ thì nó nhìn đồng tiền một cách dửng dưng và chỉ ngửi thấy cái mùi quả táo thối và mùi dầu hỏa rất khó chịu từ đồng tiền bốc lên. Nó đã mệt mỏi vì bị xóc xe và chỉ muốn ngủ. Đầu nó cứ trĩu xuống, mắt nó cứ riu lại, và ý nghĩ của nó rối tung như năm chỉ. Giá có thể, nó sẽ khoái trá gục đầu xuống bàn, nhắm mắt lại để khỏi trông thấy ngọn đèn và những ngón tay đang cử động trên đồng tiền, và sẽ để cho những ý nghĩ uế oải, chập chờn của nó rối tung lên hơn nữa. Khi nó cố cưỡng lại giấc ngủ đang lấn tới thì ngọn đèn, mấy cái chén và mấy ngón tay kia đều tách ra thành hai, cái âm lò thì nghiêng ngả, còn mùi táo thối có vẻ như nồng nặc hơn và khó chịu hơn nữa.

- Chà, tiền với bạc! - cha Khrixtophor mỉm cười thờ dài. - Đến khổ yì mày! Bây giờ thằng Mikhailo nhà tôi chắc đang nằm mơ thấy tôi đưa về cho nó một đồng tiền như thế này.

- Cái anh Mikhailo của cha là một người chẳng hiểu biết được bao lắm, - Kudmitsóp nói khe khẽ, - anh ta xông vào một việc chẳng hợp với mình, còn cha thì cha hiểu rõ và có thể suy xét được. Tốt hơn là cha cứ giao chỗ lông cừu của cha cho tôi, như tôi đã bàn, còn cha thì cứ quay trở về, tôi sẽ trả cha hơn giá vốn nửa rúp cũng được, mà như thế chẳng qua cũng vì kính nể cha...

- Không, ông Ivan Ivanúts ạ, - cha Khrixtophor thờ dài. - Xin cảm ơn ông đã có lòng quan tâm... Dĩ nhiên, nếu tôi có thể làm theo ý riêng thì còn nói chuyện làm gì, đằng này ông cũng biết là hàng chẳng phải của tôi...

Moixây Moixêits rón rén đi vào. Vì tể nhị, ông ta cố gắng không nhìn vào đồng tiền, mon men đến

cạnh Iegoruska và kéo vạt áo của cậu bé một cái.

- Ra đây, cậu, - ông ta nói khe khẽ, - ra đây mà xem con gấu! Khiếp lắm, dữ lắm! Chà!

Iegoruska đã buồn ngủ lắm rồi. Nó uể oải đứng dậy lê gót theo Moixây Moixêits để đi xem gấu. Nó bước vào một căn phòng nhỏ: ở đây, chưa trông thấy gì nó đã thấy khó thở vì một mùi gì chua và mốc, ở đây còn nồng nặc hơn ở ngoài phòng lớn nhiều, và có lẽ chính từ chỗ này mà nó lan ra khắp nhà. Một nửa căn buồng bị một cái giường lớn choán hết, trên giường phủ một tấm chăn bông chần thô cẩu bần, nửa kia thì dành cho một cái tủ ngăn và mấy đồng quần áo cũ đủ các loại, từ những chiếc váy hồ cứng cho chí những cái quần và dải treo quần của trẻ con. Trên tủ ngăn có một ngọn nến mỡ bò cháy leo lét.

Thay cho con gấu đã hứa, Iegoruska trông thấy một bà Do Thái to béo, tóc xỏa lòa xòa, mặc áo phơlanen màu đỏ có chấm đen, bà ta đang vằn cái thân hình một cách nặng nhọc trong cái khoảng hở giữa cái giường và cái tủ ngăn, phát ra những tiếng thở kéo dài, rên rĩ, như thể bà ta đang đau răng vậy. Trông thấy Iegoruska, bà ta làm ra một vẻ mặt mếu máo như khóc, thở một tiếng rõ dài, và nó chưa kịp định thần thì bà đã đưa vào sát mồm nó một mẩu bánh mì phết mật.

- Ăn đi cậu bé, ăn đi! - bà ta nói. - Cậu ở đây chẳng có mẹ, chẳng có ai cho cậu ăn cả. Cậu ăn đi.

Iegoruska cầm lấy ăn, tuy sau những miếng đường phèn và những chiếc bánh rắc hạt anh túc mà nó vẫn ăn hàng ngày ở nhà, nó chẳng thấy có gì ngon trong chút mật cổ lẩn cả sáp ong và cánh ong đến một nửa. Nó ăn, còn Moixây Moixêits và bà Do Thái thì nhìn nó và thở dài.

- Cậu đi đâu thế cậu bé? - bà Do Thái hỏi.

- Đi học ạ, - Iegoruska nói.

- Mẹ cậu được bao nhiêu các cậu các cô?

- Chỉ có một mình cháu. Ngoài ra không còn ai nữa.

- Ồ! - bà Do Thái thở dài rồi ngược mắt lên trần. - Tội nghiệp cho mẹ cậu quá! Thế thì bà ấy tha hồ mà buồn, mà khóc! Một năm nữa chúng tôi cũng đưa thằng Naum nhà tôi đi học! Ồ!

- Chà, Naum, Naum! - Moixây Moixêits thở dài, và lớp da xanh xao trên mặt ông giật lên từng đợt. - Nó ôm thế kia thì...

Cái chăn cẩu bần động dậy, và từ dưới chăn ló ra một cái đầu trẻ con tóc xoăn tít trên một cái cổ rất mảnh; hai con mắt đen lầy sáng lên long lanh, và tò mò nhìn chăm chăm vào Iegoruska. Moixây Moixêits và bà Do Thái, vẫn không thôi thở dài, đến đứng cạnh tủ ngăn và bắt đầu nói chuyện gì bằng tiếng Do Thái. Moixây Moixêits nói khe khẽ tiếng rất trầm, và nói chung những câu Do Thái của ông ta nghe như một tràng “gal-gal-gal-gal...” liên tục, còn bà vợ thì trả lời bằng một tiếng gà tây nheo nhéo, phát ra một chuỗi gì như thể “tu-tu-tu-tu”. Trong khi hai vợ chồng bàn bạc với nhau như vậy, từ dưới tấm chăn cẩu bần thò ra một cái đầu tóc quăn cô ngắn nữa, rồi một cái thứ ba, rồi lại một cái thứ tư... Giá Iegoruska có được một trí tưởng tượng phong phú, nó có thể tưởng đâu dưới tấm chăn có một con rắn trăm đầu.

- Gal-gal-gal-gal... - Moixây Moixêits nói.

- Tu-tu-tu-tu... - bà Do Thái đáp.

Cuộc đàm luận kết thúc bằng một tiếng thở dài thườn thượt của bà Do Thái, đồng thời bà ta chúi đầu vào cái tủ ngăn, giở một gói vải xanh xanh và lấy ra một chiếc bánh nướng rất to hình quả tim làm bằng lúa mì đen.

- Cầm lấy cậu, - bà vừa nói vừa đưa bánh cho Iegoruska. - Bây giờ cậu chẳng có mẹ, chẳng có ai mua bánh kẹo cho mà ăn.

Iegoruska đút chiếc bánh vào túi và lùi ra phía cửa, vì nó không còn thở nổi cái không khí mốc meo và chua loét trong buồng các chủ nhân nữa. Trở về gian phòng lớn, nó ngồi bó gối trên chiếc divăng cho thật thoải mái và không còn kìm hãm dòng suy tư của mình nữa.

Ông Kudmitsóp vừa đếm tiền xong và đang bỏ tiền vào túi. Ông ta tỏ ra không lấy gì làm coi trọng đồng tiền cho lắm, cứ vút bừa vào cái túi bần một cách câu thả, về thờ ơ, như thể đó không phải là tiền, mà là giấy lộn.

Cha Khrixtophor nói chuyện với Xolomon.

- Thế nào, chú Xolomon? - cha vừa hỏi vừa ngáp và làm dấu thánh lên miệng. - Công việc ra sao rồi?

- Cha muốn hỏi việc gì kia ạ? - Xolomon hỏi rồi nhìn cha một cách quỷ quyết như thể cha vừa ám chỉ một tội ác nào của hắn.

- Nói chung ấy... Chú mày hiện đang làm gì?

- Tôi đang làm gì ấy à? - Xolomon hỏi lại rồi nhún vai. - Cũng như mọi người thôi... Cha cũng thấy đấy: tôi là thằng hầu. Tôi làm thằng hầu cho anh tôi, anh tôi làm thằng hầu cho khách qua đường, khách qua đường làm thằng hầu cho Varlamóp, và nếu tôi có được mười triệu thì Varlamóp sẽ làm thằng hầu cho tôi.

- Tại sao ông ta lại sẽ làm thằng hầu cho chú mày?

- Tại sao ấy à? Tại vì không có một ông chủ hay một nhà triệu phú nào mà lại không sẵn lòng liếm tay một thằng Do Thái bần thủ để kiếm lấy một kópếch lãi. Tôi bây giờ là một thằng Do Thái bần thủ và nghèo đói, mọi người đều coi tôi như con chó, nhưng nếu tôi có tiền thì Varlamóp cũng sẽ bò lăn bò kênh ra trước mặt tôi đúng như anh Moixây tôi trước mặt các ông.

Cha Khrixtophor và ông Kudmitsóp đưa mắt nhìn nhau. Cả hai đều không hiểu Xolomon nói gì. Kudmitsóp nghiêm nghị và lạnh lùng nhìn hắn rồi hỏi:

- Sao chú mày lại dám đặt mình ngang hàng với Varlamóp hả đồ ngốc?

- Tôi chưa ngốc đến nỗi tự đặt mình ngang hàng với Varlamóp, - Xolomon vừa đáp vừa nhìn qua những người tiếp chuyện một lượt, về ngạo nghễ. - Varlamóp tuy là người Nga, nhưng tâm hồn thì lại là một gã Do Thái bần thủ; suốt đời ông ta chỉ toàn là tiền với lãi, còn tôi thì tôi ném tiền vào lò sưởi. Tôi chẳng cần tiền, chẳng cần đất, chẳng cần cừ, tôi cũng chẳng cần người ta sợ tôi và bỏ mũ chào tôi khi tôi đi xe qua. Thế tức là tôi thông minh hơn cái ông Varlamóp của các ông và giống con người hơn!

Một lát sau, Iegorushka nửa mê nửa tỉnh nghe thấy Xolomon nói gì về người Do Thái mà giọng khản đi và rít lại vì một mối căm thù đang làm cho hắn nghẹt thở. Hắn nói hấp tấp giọng đơn đót, lúc đầu còn nói đúng tiếng Nga, nhưng rồi lại chuyển sang giọng những người kể chuyện sinh hoạt Do Thái, bắt đầu nói như đạo nọ ở chợ phiên, cô ý dùng một giọng lơ lớ Do Thái xuyên tạc.

- Khoan đã, - cha Khrixtophor ngắt lời hắn. - Nếu chú mày không ư cái tín ngưỡng của chú mày thì cứ theo đạo khác, chứ chế nhạo như thế là có tội đấy; kẻ nào báng bổ tín ngưỡng của mình thì kẻ ấy là đồ mặt hạng.

- Cha không hiểu gì hết! - Xolomon ngắt lời cha một cách thô lỗ. - Tôi nói một đằng, cha hiểu ra một nẻo.

- Đấy, có thể thấy rõ ngay chú mày là một thằng ngốc, - cha Khrixtophor thở dài. - Cha biết gì khuyên nấy, thế mà chú mày lại giận. Cha nói với chú như một người già cả, cha nói từ tốn, thế mà chú mày lại quang quác quang quác lên như con gà tây! Đồ gàn, thật đấy...

Moixây Moixêits bước vào. Ông lo sợ nhìn Xolomon và nhìn mấy vị khách, rồi da mặt ông ta lại co

giật. Iegoruska lắc mạnh mái đầu và đưa mắt nhìn quanh; trong một thoáng, nó trông thấy Xolomon đứng vào lúc cái mặt của hắn quay ba phần tư về phía mình và bóng cái mũi dài ngoẵng của hắn vất chéo ngang má trái hắn; nụ cười khinh bỉ pha lẫn với cái bóng này, đôi mắt ngao nghể long lên sáng quắc, vẻ mặt giễu cợt và tất cả cái dáng chim bị vất lông của hắn, trông như nhân đôi và chập chờn trước mặt Iegoruska, khiến cho hắn bây giờ không giống một thằng hề nữa, mà giống như một cái gì đôi khi nằm mơ mới thấy, có lẽ giống một con yêu quái.

- Chú Xolomon nhà ông như bị ma ám ấy, ông Moixây Moixêits ạ, Chúa phù hộ cho hắn! - cha Khrixtophor mỉm cười nói. - Lẽ ra ông nên thu xếp cho hắn làm ăn ở đây hay cưới vợ cho hắn đi chứ... Trông chẳng ra người...

Kudmitsốp cau mày giận dữ. Moixây Moixêits lại lo lắng nhìn thẳng em và nhìn khách có ý dò hỏi.

- Xolomon, ra ngoài kia! - ông ta nói, giọng nghiêm khắc. - Ra đi!

Đoạn ông nói thêm mấy câu gì bằng tiếng Do Thái nữa. Xolomon cười sảng sặc và bỏ ra ngoài.

- Có chuyện gì thế ạ? - Moixây Moixêits lo sợ hỏi cha Khrixtophor.

- Hắn quên hết cả phép tắc, - Kudmitsốp đáp. - Ăn nói thô lỗ, chẳng coi ai ra gì.

- Biết ngay mà! - Moixây Moixêits hoảng hốt lên, vỗ tay đánh đét một cái. - Ôi lạy Chúa, lạy Chúa! - ông ta thề thào. - Thôi xin các vị làm phúc bỏ qua cho nó, đừng giận. Người gì mà lạ quá, lạ quá! Trời ơi, trời ơi! Nó là em ruột tôi thật, nhưng chỉ rất làm khổ tôi, chứ chẳng được cái gì. Vì rằng, thưa cha với lại ông Kudmitsốp...

Moixây Moixêits ngoáy ngoáy ngón tay bên thái dương và nói tiếp:

- Nó dở người đấy... nó hỏng rồi. Tôi chẳng còn biết làm thế nào nữa! Nó chẳng quý ai, chẳng nể ai, chẳng sợ ai hết... Thưa cha mấy lại... ai nó cũng chê nhạo, ăn nói toàn những chuyện tầm bậy, ai nó cũng châm chọc. Cha mấy lại ông đây không biết chứ có lần ông Varlamốp đến đây, không biết nó nói gì mà ông ấy lấy roi ngựa quất cả nó lẫn tôi... Nhưng tôi có tội tình gì? Có phải tại tôi đâu? Trời lấy mất trí khôn của nó, thế thì đó là ý trời, chứ có phải lỗi tại tôi đâu?

Đến mười phút sau Moixây Moixêits vẫn còn nói thề thào và thở dài thườn thọt:

- Ban đêm nó không ngủ, cứ nằm mà suy với nghĩ mãi, nhưng nó nghĩ những gì thì có trời biết. Đang đêm đến gần nó là nó nổi giận và cười khẩy. Tôi nó cũng không ưa... Mà nó chẳng mong muốn cái gì hết! Ông cụ tôi khi chết đi có để lại cho hai anh em mỗi đứa sáu nghìn rúp. Tôi mua cái quán, lấy vợ đến bây giờ đã có con, còn nó thì vứt tiền vào lò sưởi đốt hết. Tiếc đứt ruột đi, tiếc quá chừng! Đốt đi làm gì? Không cần thì cho anh, chứ sao lại đốt đi?

Bỗng cánh cửa mở đánh két một tiếng và sàn nhà rung lên dưới những bước chân người. Một luồng gió nhẹ phả vào người Iegoruska, và nó có cảm giác như có một con chim lớn màu đen huyền vừa bay qua và vỗ cánh ngay sát mặt nó. Nó mở mắt ra... Ông cậu nó, tay cầm cái túi sắn sàng lên đường, đang đứng cạnh chiếc đỉvăng. Cha Khrixtophor, tay cầm chiếc mũ lễ rộng vành, đang cúi chào ai và mỉm cười, không phải dịu dàng và hiền hậu như mọi khi, mà lại là một nụ cười cung kính và gượng gạo, rất không ăn ý với vẻ mặt của cha. Còn Moixây Moixêits thì người như gãy làm ba khúc, đang nghiêng ngả đứng đưa và cố dùng đủ mọi cách để khỏi rời hắn ra từng mảnh. Chỉ riêng Xolomon vẫn đứng yên ở góc nhà như không có chuyện gì xảy ra cả, tay khoanh trước ngực, môi vẫn mỉm cười khinh bỉ như trước.

- Thưa bà, xin bà thứ lỗi cho, nhà chúng tôi không được sạch! - Moixây Moixêits rên rỉ với nụ cười cực lạc trên môi; lúc bấy giờ ông ta không còn để ý gì đến Kudmitsốp và cha Khrixtophor nữa, chỉ lo

đúng đưa cả người để khỏi rời ra từng mảnh. - Chúng tôi là kẻ hèn mọn, thưa bà!

Iegoruska dụi mắt. Quả nhiên có một bà đang đứng giữa phòng. Đó là một thiếu phụ còn trẻ măng, rất đẹp, người đầy đặn, mình mặc áo dài đen, đầu đội mũ rơm. Trước khi Iegoruska có đủ thì giờ nhìn kỹ nét mặt của bà, không hiểu sao nó cứ hồi tưởng lại cây dương thanh tú mà chiều hôm nay nó vừa trông thấy đứng cô độc trên ngọn đồi.

- Hôm nay Varlamốp đã đi qua đây chưa? - một giọng phụ nữ hỏi.

- Thưa bà chưa ạ! - Moixây Moixêíts đáp.

- Nếu ngày mai ông có gặp thì bảo ông ấy ghé qua tôi một chút nhé.

Bỗng nhiên, hoàn toàn bất ngờ, cách mắt nó chỉ độ nửa gang tay, Iegoruska trông thấy một đôi lông mày đen dẹt như nhung, hai con mắt to màu nâu nhạt và đôi má đàn bà mịn màng có lúm đồng tiền, và từ hai cái lúm này, như những tia nắng tỏa rất từ vàng thái dương, một nụ cười tươi tắn tỏa ra khắp gương mặt. Không khí thoang thoảng một mùi hương huyền diệu.

- Chú bé xinh quá! - bà nói. - Con ai thế này? Kadimiơ Mikhailôvíts xem này, káu quá đi mất! Trời ơi, nó ngủ! Chú bé mũm mĩm trông yêu quá!...

Bà mệnh phụ hôn thật mạnh lên hai má của Iegoruska. Nó mỉm cười, và tưởng mình đang ngủ, nó nhắm mắt lại. Bỗng lẽ cánh cửa ra vào lại kết lên, và có tiếng ai bước vội vã: một người nào đó vừa đi vào, rồi lại ra ngay.

- Iegoruska, Iegoruska! - có tiếng thì thào rất to của hai người cùng gọi một lúc. - Dậy mà đi lên xe!

Có một người nào đấy, có lẽ là Đenixka, dựng Iegoruska dậy và cầm tay nó dắt đi; dọc đường nó mở hé mắt ra và một lần nữa lại trông thấy người thiếu phụ kiều diễm mặc áo đen vừa hôn nó. Bà ấy đang đứng ở giữa phòng nhìn theo nó, mỉm cười và thân ái gật đầu chào nó. Ra gần đến cửa, nó trông thấy một người đàn ông tóc đen vạm vỡ đẹp trai, đội mũ nồi, chân đi ủng. Chắc đó là người tùy tùng của bà mệnh phụ.

- Prrr!... - trong sân có ai giục ngựa.

Bên thềm Iegoruska trông thấy một chiếc xe song mã sang trọng màu đen mới tinh, và một cặp ngựa ô. Ngồi trên ghế xà ích là một người hành bộc mặc áo dậu, tay cầm một cây roi ngựa dài. Ra tiền mấy người lên đường chỉ có một mình Xolomon. Mặt hắn căng thẳng vì buồn cười; hắn trông như thể rất nóng lòng chờ cho khách đi khỏi để cười họ cho thật thỏa thuê.

- Bá tước phu nhân Đranítxkaia đây, - cha Khrixtophor vừa thì thầm vừa leo lên xe.

- Vâng, bá tước phu nhân Đranítxkaia đây, - ông Kudmitsốp cũng thì thầm nhắc lại.

Sự xuất hiện của bá tước phu nhân chắc phải gây nên một ấn tượng rất mạnh, vì ngay đến Đenixka cũng nói thì thầm và chỉ dám bắt đầu quất roi và quất ngựa khi chiếc xe đã đi được một phần tư vécxta, và xa xa, ở chỗ cái quán trọ, chỉ còn trông thấy một đốm lửa lò mờ.

IV.

THẾ THÌ RỐT CỤC cái ông Varlamốp ấy là ai mà bí ẩn, khó gặp thế? Là ai mà người ta nhắc nhở nhiều thế, là ai mà Xolomon khinh bỉ, nhưng ngay đến bà bá tước xinh đẹp kia cũng cần đến? Ngồi bên cạnh Đenixka trên chiếc ghế xà ích, Iegoruska trong khi chập chờn nửa mê nửa tỉnh chỉ nghĩ đến con người ấy. Nó chưa bao giờ trông thấy ông ta, nhưng rất hay nghe người ta nói đến và đã nhiều lần

tượng tượng hình dáng ông ta trong trí óc. Nó được biết rằng ông Varlamóp có mấy chục ngàn dêxiachina[54] đất, khoảng chục vạn con cừu và rất nhiều tiền, về nếp sinh hoạt và công việc của ông ta thì Iegoruska chỉ biết là ông ta bao giờ cũng “quanh quẩn đâu đây” và lúc nào người ta cũng đi tìm ông.

Ở nhà, Iegoruska cũng được nghe nói nhiều về bá tước phu nhân Đranítksaia. Phu nhân cũng có mấy chục ngàn dêxiachina đất, rất nhiều cừu, một trại nuôi ngựa, tiền bạc như nước, nhưng lại không “quanh quẩn”, mà chỉ ở nhà, trong một tòa dinh thự tráng lệ. Về tòa dinh thự này những người quen và Ivan Ivanúts vốn đã có việc đến nhà phu nhân mấy lần, có kể lại rất nhiều điều kỳ diệu; chẳng hạn, họ nói rằng trong phòng khách của phu nhân có treo chân dung của tất cả các nhà vua Ba Lan, lại có một chiếc đồng hồ rất lớn hình một tảng đá trên có một con ngựa bằng vàng mắt kim cương đứng chống hai vó trước lên, và trên lưng ngựa có một kỵ sĩ bằng vàng, cứ mỗi lần đồng hồ điểm giờ thì lại vung gươm chém sang phải một nhát, rồi chém sang trái một nhát. Họ còn kể rằng cứ mỗi năm hai lần bá tước phu nhân mở vũ hội mời những người quý tộc và công chức khắp tỉnh về dự, và ngay cả Varlamóp cũng đến. Khách khứa đều uống trà đun trong những chiếc ấm lò bằng bạc, toàn ăn những món phi thường (chẳng hạn vào mùa đông, nhân lễ Giáng Sinh, họ dọn quả mâm xôi và dâu tây tươi ra mời khách), và nhảy múa theo tiếng nhạc ngày đêm không lúc nào ngớt...

“Mà sao bà ấy đẹp thế!” - Iegoruska nghĩ khi nhớ lại gương mặt và nụ cười của bà.

Ông Kudmitsóp hình như cũng đang nghĩ tới bá tước phu nhân, vì khi xe đã đi được khoảng hai vécxta, ông nói:

- Nói chứ cái thằng cha Kadimiro Mikhailôvítz ấy bòn của bà ta cũng đã lắm của! Hai năm trước đây, hồi tôi đến mua lông cừu của bà ấy, cha có nhớ không, chỉ riêng món của tôi hẳn đã bỏ túi được khoảng ba nghìn.

- Cái quân Ba Lan ấy thì còn phải nói, - cha Khrixtophor nói.

- Mà bà ấy thì biết đâu đến những chuyện đó. Người ta vẫn nói, trẻ nhưng mà ngu. Nhẹ dạ chết đi ấy mà!

Không hiểu sao Iegoruska chỉ muốn nghĩ đến Varlamóp và bá tước phu nhân, đặc biệt là bá tước phu nhân thôi. Bộ óc đang buồn ngủ của cậu bé khước từ hẳn những ý nghĩ thông thường, nó lụ mọ đi và chỉ giữ lại những hình ảnh thần tiên, huyền hoặc, vốn có cái tiện là mỗi hình ảnh như thế đều tự nhiên, hiện ra trong óc, không cần người nghĩ phải mất công chút nào, và cũng tự khắc biến đi không để lại một dấu vết - chỉ cần lắc đầu một cái rõ mạnh. Và lại, cảnh vật xung quanh cũng không gợi cho nó những ý nghĩ thông thường. Ở bên phải lù lù những quả đồi tối đen có vẻ như đang che giấu ở phía sau một cái gì bí ẩn và ở bên trái, cả khoảng phía trên chân trời đều ửng lên thành một cái ráng màu huyết dụ, và khó lòng có thể hiểu được đây là ánh lửa của một đám cháy ở đâu đây, hay là ở phía ấy trăng sắp lên. Khoảng xạ cũng nom thấy rõ như ban chiều, nhưng cái màu tím dịu của nó bị bóng đêm xóa mờ đi và đã mất hẳn, và cả thảo nguyên đều nấp vào bóng tối như mấy đứa con của Moixây Moixêítz nấp dưới tấm chăn vậy.

Vào những buổi tối và những đêm tháng Bảy không còn có tiếng cun cút và chim cuốc kêu nữa, họa mi không hót trong những khe rừng, không có mùi hương của các loại hoa, nhưng thảo nguyên vẫn đẹp và đầy sức sống. Mặt trời mới lặn và mặt đất vừa chìm trong bóng tối thì nỗi u buồn của buổi ban ngày đã bị quên lãng ngay đi, tất cả đều được tha thứ, và thảo nguyên thở nhẹ nhõm, căng hết cả lòng ngực rộng mênh mông lên. Như thế vì trong bóng tối có không trông rõ được cái giả nua của mình, nó phát ra những âm thanh rộn rã, tươi vui và trẻ trung mà ban ngày không hề nghe thấy; tiếng rặng rặc, tiếng huýt gió, tiếng sột soạt, những giọng trầm, giọng trung và giọng bổng của thảo nguyên - tất cả đều hòa lẫn lại thành một tiếng rì rầm liên tục đơn điệu, một tiếng nhạc đêm rất dễ chịu cho những kỷ niệm và những ý nghĩ buồn buồn. Tiếng lách tách đơn điệu ru hồn ta như một điệu hát ru con; ta ngồi trên xe, cảm thấy mình thiu thiu dần, nhưng từ một phía nào lại nổi lên tiếng kêu đứt quãng, lo lắng của một con

chim đang thức hay vắng lại một âm thanh mơ hồ giống như một giọng người đang ngạc nhiên kêu lên: “a!”, nhưng rồi giấc ngủ thiu thiu lại hạ mi mắt ta xuống. Cũng có khi xe chạy ngang một cái khe nhỏ mọc đầy những bụi rậm, ta nghe thấy tiếng một con chim mà dân thảo nguyên gọi là “chim ngủ”, đang phân trần với ai: “Tôi ngủ! Ngủ! Ngủ!” hay tiếng một con chim khác cười khanh khách hay khóc lên nức nở: đó là con cú. Chúng nó kêu lên với ai, ai nghe nó trên dải đồng bằng này thì có trời biết được, nhưng trong tiếng kêu của nó chứa chan nỗi buồn và ý than vãn... Thoang thoang mùi rơm rạ, mùi cỏ khô và mùi hoa nở muộn, nhưng mùi hương ấy nồng đậm, ngòn ngọt và dịu dàng.

Qua màn đêm có thể trông thấy mọi vật, nhưng khó nhận ra màu sắc và đường nét của từng cái một. Cái gì cũng hiện ra dưới một dáng vẻ khác thật. Xe đang đi, thì ta chợt thấy phía trước bên vệ đường có một bóng đen giống như ông tu sĩ; ông ta đứng yên không nhúc nhích, dáng chờ đợi, tay lăm lăm một vật gì... Kẻ cướp chăng? Cái bóng người nhích gần tới, to dần lên, và đã đến ngay tầm xe, lúc bấy giờ ta mới thấy rằng đó không phải là một con người, mà là một bụi cây đứng cô độc hay một tảng đá. Những bóng đen im lìm, dáng chờ đợi ai như thế thường thấy trên những quả đồi, nấp sau những gò đất, lấp ló sau một bụi rậm, và tất cả đều giống như những bóng người và đều khiến ta phải nghi ngại.

Và khi trăng lên, đêm trở nên nhợt nhạt và uể oải. Sương mù như không còn nữa. Không khí trong suốt, tươi lành và âm áp, có thể nhìn rõ mọi phía, và còn có thể thấy được cả từng thân từng nhánh của những bụi cây mọc sát vệ đường. Trong một khoảng khá xa có thể trông rõ những cái sọ súc vật và những tảng đá. Những bóng đen khả nghi giống như những ông tu sĩ, bây giờ nổi lên trên cái nền sáng của đêm trăng, trông lại càng đen hơn và có vẻ ảm đạm hơn. Tiếng “a-a!” ngạc nhiên của ai đó và tiếng kêu của một con chim đang thao thức hay đang mê ngủ gì đấy bây giờ vang lên mau hơn giữa tiếng lách tách đơn điệu, khua động làn không khí im lìm. Có những cái bóng rộng chờn vờn trên mặt cỏ phẳng lặng như những đám mây trôi trên trời, và trong khoảng không xa tắp, nếu nhìn thật kỹ thì thấy nổi lên cao và chồng chất lên nhau những hình ảnh mơ hồ cổ quái... Ta thấy hơi rờn rợn, phải nhìn lên bầu trời màu lục nhạt lốm đốm sao, không có một đám mây, một vết gợn nào, ta mới hiểu tại sao làn không khí âm áp lại im lìm, tại sao thiên nhiên lại thủ thế không dám động đậy: nó thấy sợ và tiếc, không nỡ để mất dù chỉ là một khoảnh khắc của cuộc đời. Chỉ ở ngoài biên hay trên thảo nguyên vào một đêm trăng mới có thể lường được chiều sâu vô tận và chiều rộng vô biên của bầu trời. Bầu trời ấy đáng sợ, đẹp đẽ và âu yếm, nó nhìn ta đắm đuối và quyến rũ ta về với nó, và sự mơn trớn của nó làm cho ta thấy chóng mặt nôn nao.

Xe đi được một vài giờ gì đấy... Trên đường đi thỉnh thoảng lại gặp một ngọn gò già nua thâm lặng hay một tảng đá hình mũ đàn bà, có trời biết, do ai đặt đấy, và đặt từ bao giờ, một con chim đêm bay trên cao không một tiếng động, và dần dần trong ký ức lại hiện lên những truyền thuyết về thảo nguyên, những mâu chuyện của những người gặp ở giữa đường, những câu chuyện cổ tích của các bà vú em vùng thảo nguyên và tất cả những gì mà ta đã thấy được, mà tâm hồn ta đã hiểu thấu. Đến lúc bấy giờ trong tiếng lách tách râm ran của côn trùng, trong những bóng đen khả nghi, và trong những gò đất, trong bầu trời cao, trong ánh trăng, trong dáng bay của con chim ăn đêm, trong tất cả những gì mà ta nghe, ta thấy đều như hiện rõ sự toàn thắng của cái đẹp của sự trẻ trung, của sức mạnh tràn trề và sự khát khao tha thiết đối với cuộc sống; tâm hồn lên tiếng đáp lại tiếng gọi của quê hương diễm lệ, khắc khoải, và ta thấy thèm được bay trên thảo nguyên như con chim ăn đêm. Và trong sự toàn thắng của cái đẹp, trong hạnh phúc tràn trề ta cảm thấy có sự khắc khoải và nhớ nhung, tựa hồ như thảo nguyên tự biết rằng mình cô độc, rằng sự phong phú và nguồn cảm hứng mà nó chứa đựng sẽ bị thế gian để cho mai một đi một cách phí hoài, không được ai ca ngợi và không có ích gì cho ai, và qua tiếng râm ran vui vẻ của nó ta nghe thấy một lời kêu gọi u hoài và tuyệt vọng: người ca ngợi đâu? Người ca ngợi đâu rồi?

- Prrr! Chào cụ Pantelây! Bình an cả chứ?

- Nhờ ơn Chúa, ông Ivan Ivanúts ạ!

- Anh em có gặp ông Varlamóp không?

- Không ạ, không gặp.

Iegoruska bừng tỉnh, mở mắt ra. Chiếc xe đã đỗ lại. Bên phải đường đi, đoàn xe chờ hàng nối đuôi nhau kéo dài, mãi ra phía trước, bên đoàn xe có những bóng người lằng xằng đi đi lại lại. Xe nào cũng chở những kiện lông cừu lớn, thành thử trông cao ngồn ngộn, còn ngựa thì trông như bé loét choát chân thấp lè tè.

- Thế thì bây giờ ta sẽ đến xóm người theo đạo Kytô! - Kudmitsốp nói to. - Lão Do Thái nói là Varlamốp ngủ lại ở xóm người theo đạo Kytô. Vậy chào anh em nhé. Cầu Chúa phù hộ!

- Chào ông Ivan Ivanúrts! - có tiếng mấy người đáp lại.

- Anh em ạ, bây giờ thế này nhé, - ông Kudmitsốp nói nhanh, - bây giờ anh em trông hộ thằng bé nhà tôi! Việc gì cứ bắt nó chạy đi chạy lại với chúng tôi? Bác Pantelây ạ, bác cho nó lên xe bác, cứ đi dần đi, chúng tôi đuổi theo sau. Cháu sang đi, Iegoruska, đi đi, không sao đâu!...

Iegoruska rời ghế xà ích tụt xuống. Mấy cánh tay nhấc bổng nó lên cao, và nó thấy mình ngất ngheo trên một đồng gì to, mềm và hơi ẩm vì sương. Bây giờ nó có cảm giác là trời gần nó hơn, mà mặt đất thì xa đi.

- Này, cầm lấy cái áo khoác của mày! - Đenixka quát đầu ở tíu dưới xa.

Chiếc áo khoác và chiếc tay nải được ném từ phía dưới lên rơi phịch xuống cạnh Iegoruska. Lúc bấy giờ nó không muốn nghĩ đến việc gì hết. Nó dứt nhanh cái tay nải xuống dưới đầu, lấy cái áo khoác đắp lên người, và duỗi thẳng đôi chân ra, người so ro vì sương xuống lạnh, và cất tiếng cười khoái trá.

“Bây giờ thì ngủ, ngủ, ngủ...” - nó nghĩ.

- Nhưng mấy ông quý sứ chó có xúc phạm nó đấy nhé! - có tiếng Đenixka ở phía dưới.

- Chào anh em nhé! Cầu Chúa phù hộ! - ông Kudmitsốp nói to. - Tôi trông cậy ở anh em đấy!

- Ông cứ yên tâm, ông Ivan Ivanúrts ạ!

Đenixka quát ngựa, chiếc xe rít lên và chuyển bánh, nhưng không đi trên đường cái nữa, mà rẽ sang một bên. Trong khoảng hai phút im ắng hần đi, như thể đoàn xe chờ hàng đã ngủ yên, chỉ nghe tiếng loảng xoảng của cái xô treo ở phía sau xe xa dần rồi tắt hẳn. Nhưng rồi ở phía trước đoàn xe có ai quát lên:

- Kiriukha, đi thôi!

Chiếc xe chờ hàng đi đầu cọt kẹt chuyển bánh, rồi đến chiếc thứ hai, thứ ba... Iegoruska cảm thấy chiếc xe nó nằm lắc lư và cũng kêu lên cọt kẹt. Đoàn xe lên đường, Iegoruska nắm thật chặt sợi dây thừng ràng các bộ lông cừu, lại cười lên một tiếng khoái trá, nấn lại cho ngay cái bánh nướng ở trong túi và bắt đầu thiếp đi như thường khi vẫn ngủ trên giường ở nhà...

Khi Iegoruska thức giấc thì mặt trời đã mọc; một cái gò che lấp nó đi, còn nó thì cố phun ánh sáng lên khắp thế gian, lên gân bắn thật mạnh các tia nắng ra khắp bốn phía và rót đầy vàng lên chân trời. Iegoruska có cảm giác là nó mọc không đúng chỗ, vì hôm qua nó mọc sau lưng chứ không phải chệch hẳn sang bên trái như bây giờ... Và lại quang cảnh ở xung quanh cũng không giống như hôm qua. Chẳng thấy đôi đụn gì nữa, nhìn đi đâu cũng thấy một dải đồng bằng màu nâu hung khác khô trải rộng bát ngát; lác đác trên đồng bằng thấy những nắm đất nhô nhô lên và mấy con quạ hôm qua bay lượn. Xa xa ở phía trước thấy trắng trắng mấy cái tháp chuông và những ngôi nhà gỗ của một làng nào đấy: hôm nay là ngày chủ nhật, dân Ucraina ngồi nhà nấu nướng các thức ăn - có thể thấy rõ như vậy khi nhìn những

làn khói bốc lên từ tất cả các ống khói và hòa lại thành một tấm màn trong suốt màu xám xanh lơ lửng trên thôn. Ở những khoảng cách giữa các nhà và phía sau nhà thờ thấy xanh xanh một dòng sông, và bên kia sông, cảnh vật chìm dần trong sương mù. Nhưng không có cái gì khác hôm qua cho bằng con đường. Thay cho con đường là một cái gì rộng rãi, phóng khoáng, dửng mẫn phi thường chạy dài trên thảo nguyên; đó là một dải thẳng màu xám, phẳng phiu và phủ bụi như mọi con đường khác, nhưng rộng đến mấy chục mét. Chiều rộng thênh thang của nó khiến cho Iegoruska băn khoăn và gờ lên trong trí nó những ý nghĩ hoang đường. Ai vẫn thường đi trên con đường này? Ai đi mà đường phải rộng như thế? Thật khó hiểu và kỳ dị. Quả có thể nghĩ rằng ở trên đất Nga này vẫn còn những con người khổng lồ như Ilya Murométx và Xolovây Radbôiních[55], và những con tuấn mã khổng lồ của các tráng sĩ vẫn chưa tuyệt giống. Iegoruska nhìn con đường mà mừng rỡ như nghe tiếng bánh xe lăn âm âm của sáu chiếc xe ngựa cao như kiệu xe trên những hình vẽ trong cuốn thánh sử đang xếp thành hàng ngang phóng nhanh; mỗi chiếc xe như vậy thẳng sau con ngựa bắt kham phi lồng lên, những đôi bánh xe cao tung bụi mù trời, và người cầm cương là những nhân vật mà ta vẫn thường trông thấy trong những giấc mơ hay ta vẫn tưởng tượng ra khi đang có một tâm tư huyền thoại. Và lại những hình ảnh sẽ ăn ý biết bao nhiêu với thảo nguyên và con đường rộng thênh thang này, nếu những nhân vật ấy có thật!

Bên phải, suốt dọc đường đều có những cột điện tín hai dây. Càng xa càng nhỏ dần đi, dãy cột điện tín này chạy đến làng thì mất hút sau các ngôi nhà và các rừng cây, rồi lại hiện ra trong khoảng xa màu tím nhạt thành những cái que nhỏ và mảnh giống như những cây bút chì cắm xuống đất. Trên dây điện có những con ó, những con chim cắt và những con quạ đậu rải rác thản nhiên nhìn đoàn xe đang tiến tới.

Iegoruska nằm trên chiếc xe cuối đoàn cho nên có thể nhìn thấy cả đoàn xe. Cả đoàn xe có khoảng hai mươi chiếc, và cứ ba chiếc lại có một người áp tải. Bên cạnh chiếc xe sau, tức là chiếc của Iegoruska, có một ông già râu bạc, cũng gầy gò nhỏ bé như cha Khrixtophor, nhưng da mặt nâu sạm đi vì nắng, vẻ mặt nghiêm khắc và tư lự. Rất có thể ông già này chẳng nghiêm khắc mà cũng chẳng tư lự gì hết, nhưng đôi mi mắt đỏ và cái mũi dài nhọn hoắt của ông khiến cho gương mặt ông có cái vẻ nghiêm khắc, khô khan thường thấy ở những người đã quen luôn nghĩ đến những việc nghiêm trang và suy tưởng một mình. Cũng như cha Khrixtophor, ông đội một chiếc mũ lễ rộng vành, nhưng không phải loại mũ của các ông lớn, mà làm bằng da thô màu hung, trông giống một hình nón cụt hơn là một hình trụ. Ông đi chân không. Có lẽ vì một thói quen bắt đầu có từ những đêm đông giá lạnh đã nhiều lần phải đứng tê cóng bên cạnh chiếc xe, ông ta vừa đi vừa vỗ đùi đen đét và giẫm chân thật mạnh. Thấy Iegoruska đã thức dậy, ông nhìn nó và nói, người co ro như bị lạnh:

- À, cậu bé dậy rồi đấy à? Cậu là con trai ông Ivan Ivanúrts phải không?

- Không ạ, cháu là cháu gọi ông ấy bằng cậu.

- Cháu của ông Ivan Ivanúrts ấy à? Còn tôi thì tôi đã cởi giày đi chân không đây này. Chân tôi đau lắm, cóng hết rồi, không đi ủng thì dễ chịu hơn... Dễ hơn đây cậu ạ... Nghĩa là nếu không đi ủng ấy... Thế cậu là cháu ông ấy? Ông ấy là người tốt, khá lắm... Cậu Chúa cho ông ấy được sức khỏe... Khá lắm... Ấy là tôi nói Ivan Ivanúrts ấy... Ông ấy đến xóm người theo đạo Kytô rồi... Lạy Chúa phù hộ!

Ông già nói với cái giọng điệu như thể đang rét lắm, nói ngắt quãng và không buồn mở miệng cho hẳn hoi, các phụ âm phát âm bằng môi thì lặc hặc đi vì môi cứ riu lại như thể bị cóng. Trong khi nói với Iegoruska, ông không mỉm cười lần nào và trông có vẻ nghiêm nghị.

Cách hai xe nữa về phía trước có một người cầm roi ngựa mặc chiếc áo khoác dài màu hung đỏ, đội chiếc mũ lưỡi trai, chận đi đôi ủng tụt ống. Hắn ta chưa già, tuổi chỉ độ bốn mươi. Khi hắn ta ngoảnh lại, Iegoruska trông thấy một khuôn mặt dài, đỏ gay, có bộ râu dê thưa thớt và ở dưới mắt bên phải có một cái mụn cóc xôm xộp. Ngoài cái mụn cóc rất xấu này, hắn ta còn có một đặc điểm nổi bật nữa, đập ngay vào mắt: tay trái hắn ta cầm roi ngựa, còn tay phải hươ hươ lên như thể đang chỉ huy một đội hợp xướng vô hình. Chốc chốc hắn ta lại cặp roi vào nách: những lúc ấy hắn ta đánh nhịp bằng cả hai tay và hát ư ử trong mồm.

Người đánh xe đi trước nữa là một cái bóng dài và thẳng đuột, vai rất xuôi, và lưng thẳng như tấm ván. Người hằn ta thẳng đơ như thê đang đi ắc ê hay như thê vừa nuốt một cái thước, tay không đánh đàng xa, mà cứ buông thẳng xuống như hai cái gậy thẳng đuột, và dáng đi cứng đờ theo kiểu con rôi hầu như không cong đầu gối và cổ xoạc cho thật rộng bước; trong khi ông già hay cái ông có mụn cóc kia bước hai bước thì hằn chỉ có đủ thì giờ bước một bước, cho nên có thể tưởng như hằn đi chậm hơn mọi người và đang tụt dần lại sau. Mặt hằn quấn một mảnh giẻ và trên đầu có một cái gì như thê cái mũ chụp của tu sĩ; hằn mặc một chiếc áo ngắn kiểu Ucraina, loang lổ những miếng vá, một cái quần xanh rộng bỏ ngoài ủng, chân đi dép đan bằng thứ vỏ cây.

Những người đi trước nữa thì Iegoruska không nhìn rõ được. Nó nằm sấp trên đồng hàng, xoi một cái lỗ trên bố lông cừu và tản mạn se lông cừu lại thành từng sợi dây dài dài. Ông già đang đi ở phía dưới tẻ ra không đến nỗi khắc nghiệt và nghiêm trang như người ta có thể phán đoán qua bộ mặt của ông. Khi đã mở đầu câu chuyện rồi, ông ta cứ thế nói tiếp mãi.

- Thế cậu đi đâu? - ông ta vừa hỏi vừa giậm chân lạch bạch.

- Đi học ạ, - Iegoruska đáp.

- Đi học? Ái chà chà... Ấy, thế thì cầu Chúa trời cứu giúp. Được. Tam ngu thành hiền. Người thì Chúa phú cho một trí khôn, người thì Chúa cho hai, có người lại được những ba... Đúng thế, có người lại được những ba. Một trí khôn có sẵn từ khi mẹ sinh ra, một nữa là do học hành, còn trí khôn thứ ba là sống một cuộc đời tốt đẹp mà có. Thế cho nên ai mà có được bạ trí khôn thì tốt lắm cậu ạ. Người như thế thì sông dễ chịu đã đành, nhưng chết cũng nhẹ nhõm hơn. Chết ấy... Mà phàm chúng ta ai cũng phải chết.

Ông già gãi trán, ngược đôi mắt đỏ hoe nhìn Iegoruska và nói tiếp:

- Ông Măxim Nikôlaít, một ông chủ ở Xlavianoxerbxkơ, năm ngoái cũng cho cậu con trai đi học. Lão không biết cậu ta có học vắn ra sao, chứ cậu con thì khá lắm.. Cầu Chúa ban cho sức khỏe, nhà ông ấy tốt lắm. Ấy, ông ấy cũng đưa con đi học... Ở Xlavianoxerbxkơ không có thứ trường để học cho ra học, hằn thế. Không có đâu... Nhưng thị trấn ấy cũng khá... Trường thì có loại thông thường, cũng đủ để đồ đạc xoàng xoàng, nhưng muốn có học thức cao thì không có... Không có, đúng thế. Cậu tên là gì nhỉ?

- Iegoruska.

- À, tức là Iegori... Ngày lễ thánh Đại Phước lộc tuần đạo Iegori Chiến thắng là ngày hai mươi ba tháng Tư. Còn tên lão là Pantelây, Lão là con trai ông Dakharơ... Họ nhà lão là họ Kholodóp... Lão sinh ở Tim, cậu có lẽ biết thị trấn ấy, thuộc tỉnh Kurxkơ. Các anh lão đều thành thị dân cả, đi làm nghề ở thành phố, còn lão thì vẫn là mugích... Bảy năm về trước lão có về đây - tức là về quê ấy. Lão đã từng ở cả nông thôn lẫn thị trấn... Lão trước ở Tim mà. Lúc bấy giờ người nhà còn sống và khỏe mạnh cả, còn bấy giờ ra sao thì lão không biết... Có lẽ cũng có người sống kẻ chết... Mà chết thì cũng là phải lúc, vì đều già cả rồi, nhiều người còn già hơn lão đây nữa. Chết thì chẳng sao, chết là tốt, dĩ nhiên miễn là đừng chết chưa xưng tội. Không có cái gì tệ hại hơn là chết chưa được rửa tội. Chết như thế là quỷ Sa tăng nó mừng lắm đây. Mà muốn cho mình chết có rửa tội hằn hoi, tức là để khỏi bị cấm cửa thiên đường, thì phải cầu nguyện bà thánh Đại phước lộc Varvara tuần đạo. Bà thánh ấy hay cứu giúp chúng sinh lắm. Bà ấy thế đây... Chúa đã ban cho bà ở trên tầng lờn một địa vị gần gũi Chúa, đặng ai nấy đều có đủ quyền cầu xin bà ấy lo chạy cho.

Lão Pantelây cứ thế nói lảm bảm, và hình như không cần biết Iegoruska có nghe lão hay không. Lão nói uê oải, tiếng cứ lúng búng trong miệng, giọng đều đều, không lúc nào to lên hay khề bợt, và chỉ một khoảng ngắn mà đã có đủ thì giờ nói được rất nhiều chuyện. Tất cả những câu chuyện của lão kể đều gồm từng mẩu đứt quãng, rất ít liên hệ với nhau, và chẳng có gì thú vị đối với Iegoruska. Có lẽ lão nói chỉ để, sau một đêm im lặng, kiểm tra lại những ý nghĩ trong đầu mình, xem lão có thể suy nghĩ

không? Nói xong câu chuyện rửa tội, lão quay lại với cái ông Mắcxim Nikôlaítz nào đấy ở Xlavianoxerbxơ:

- Phải, ông ta đã đưa con đi học... Đúng thế...

Một trong những người áp tải đi tít phía trước bỗng đâm bổ sang bên đường và lấy roi quất liên hồi xuống đất. Đó là một gã cao lớn, vai rộng, khoảng ba mươi tuổi, tóc quăn màu vàng sẫm, trông rất khỏe mạnh. Cứ trông những động tác của đôi vai gã và của chiếc roi, cứ trông cái tư thế hăm hở của hắn, có thể đoán hắn đang đánh một con gì ấy. Một người áp tải khác chạy đến cạnh hắn. Đó là một người thấp lùn, to ngang, có bộ râu đen xồm xoàm, mặc một chiếc sơ mi bỏ thông và một chiếc áo gilê. Người này cất tiếng cười ô ô nghe như tiếng ho sù sù, rồi reo lên:

- Anh em ơi, Đumốp giết được con rắn! Thật đấy!

Có những người mà chỉ nghe giọng nói và tiếng cười thì cũng có thể biết chắc được mức thông minh. Gã râu đen chính là thuộc về cái hạng người may mắn ấy: qua giọng nói tiếng cười của hắn có thể biết ngay hắn là người có bộ óc u mê kín đặc. Quất roi xong, gã Đumốp tóc màu vàng sẫm nhặt roi lên và vừa cười vừa ném về phía đoàn xe một cái gì giống như đoạn thừng.

Không phải con rắn đâu, con mòng[56] đấy, - có ai nói to.

Người có dáng đi cứng đờ và có miệng giẻ quần trên mặt rào bước đến cạnh con rắn vừa bị giết chết, nhìn nó một lát, rồi vỗ hai bàn tay khăng khieu vào nhau đánh đét một tiếng.

- Đồ tù khổ sai! - hắn kêu lên giọng âm âm như khóc. - Việc gì mà lại đi giết con mòng này? Nó làm gì mà mà mà giết nó, đồ chết rấp? Con mòng thế kia mà đem giết đi kia chứ! Thế có ai đánh chết mà đi như thế thì mà bảo sao hả?

- Giết mòng là không được, đúng thế... - lão Pantelây điềm tỉnh nói. - Không được... Nó có phải là rắn độc đâu. Nó tuy trong giống con rắn, nhưng nó là giống hiền lành, vô hại... Nó thích người... Mòng ấy mà...

Đumốp và gã râu đen chắc thấy ngượng, vì cả hai đều cười hô hô, không trả lời những câu phản đối xôn xao, và uể oải trở về xe. Khi chiếc xe cuối đoàn đi ngang chỗ con mòng chết, người buộc giẻ đứng lại nhìn rồi ngoảnh về phía lão Pantelây hỏi, giọng như khóc:

- Ông cụ ơi, sao hắn lại giết con mòng?

Bây giờ Iegoruska mới thấy rõ đôi mắt hắn nhỏ ti hí, mờ đục, da mặt xám ngoét, ốm yếu và trông như cũng mờ đục, còn cái cằm thì đỏ ong và sưng phình ra.

- Ông cụ ơi, sao hắn lại giết? - hắn nhắc lại trong khi bước bên cạnh lão Pantelây.

- Hắn là người ngu, hắn ngứa tay thì hắn giết, - ông già nói. - Còn như giết mòng thì không được... Đúng thế... Đumốp thì ai cũng biết là thằng hay nghịch xằng, cái gì vào tay hắn cũng giết, còn thằng Kiriukha thì không can hắn. Lẽ ra phải can chứ, đằng này nó chỉ hô hô hô mấy lại há há há... Nhưng anh cũng đừng giận, anh Vaxia ạ... Giận làm gì? Nó giết thì thôi, kệ nó... Thằng Đumốp thì nghịch, thằng Kiriukha thì ngu... Chẳng sao, chúng nó ngu, chúng nó không hiểu gì thì mặc thầy chúng nó. Như Emelian kia thì không bao giờ động đến cái gì không nên động đến, Không bao giờ, đúng thế... Vì anh ta là người có học, còn bọn kia thì ngu dốt... Emelian ấy mà... Anh ấy thì không bao giờ.

Người áp tải mặc chiếc áo khoác hung có cái mũ cóc đang chỉ huy đội hợp xướng vô hình, nghe nhắc đến tên mình liền dừng lại và đợi cho lão Pantelây và Vaxia lên đến nơi rồi cùng đi bên cạnh họ.

- Đang nói chuyện gì thế? - hấn hỏi, giọng phều phào như nghẹt thở.

- Ấy Vaxia đang giận đấy, - lão Pantelây nói. - Lão đang khuyên nhủ này nọ cho anh ta bớt giận đấy mà... Chao đôi chân đau quá, tẻ quá! Chao ôi! Ngày chủ nhật, ngày lễ Chúa nên nó buốt điên lên!

- Vì đi bộ đấy! - Vaxia nhận xét.

- Không, anh bạn ạ, không phải tại đi bộ đâu. Khi tôi đi thì nghe như dễ chịu hơn, chứ khi nằm ấm thì tưởng đến chết mất. Đi thì thấy thoải mái hơn.

Emelian mặc áo khoác hung đứng giữa lão Pantelây và Vaxia hươ hươ đôi tay như thể hai người kia sắp sửa hát. Hươ được một lát, hấn buông tay xuống và rên lên một tràng tuyệt vọng.

- Không hát được! - hấn nói. - Hồng thật. Suốt đêm hôm qua và sáng hôm nay tôi cứ mừng tượng nghe bài “Lạy Chúa tha tội” ba giọng mà hồi lễ cưới ở nhà Marinốpski chúng tôi đã hát; nó đã có sẵn trong đầu và trong cô nữa... tưởng cứ thế hát ngay ra được, thế nhưng không sao hát nổi! Không ra tiếng!

Hấn im lặng một lát, suy nghĩ điều gì, rồi nói tiếp:

- Tôi ở trong đội ca đã mười lăm năm, trong cả tỉnh Luganxkơ có lẽ không một người nào có được giọng hát như tôi, thế nhưng hai năm trước, từ khi tôi tắm ở sông Đônét lên là không sao hát được một tiếng nào cho ra hồn. Họng bị cảm lạnh hỏng rồi. Mà không có giọng hát thì tôi chẳng khác nào anh thợ cụt tay.

- Đúng thế, - lão Pantelây tán đồng.

- Tôi cho tôi là người bỏ đi, chẳng hơn chẳng kém.

Lúc bấy giờ Vaxia tình cờ trông thấy Iegoruska. Mắt hấn ướt đi và càng bé hơn trước.

- Cả cậu chủ cũng đi với ta đây à! - hấn nói đoạn lấy ống tay áo che mũi như xấu hổ. - Trông như anh xà ích, oai thật! Cậu ở lại với chúng tôi, đi với đoàn xe chở lông cừu nhé.

Ý chừng hấn cho rằng cậu chủ và anh xà ích mà kết hợp vào một người là điều rất ngộ nghĩnh và dí dỏm, vì thấy hấn cười rất to và cứ tiếp tục phát triển cái ý này. Emelian cũng ngẩng lên nhìn Iegoruska, nhưng chỉ nhìn thoáng qua, có vẻ lạnh lùng. Hấn đang bận tâm với những ý nghĩ riêng, và ví thử không có Vaxia thì hấn không nhận thấy có Iegoruska trên xe. Chưa quá năm phút hấn đã lại hươ tay, rồi vừa tả lại cho hai người bạn đường nghe về cái đẹp của bài “Lạy Chúa tha tội” hát trong lễ thành hôn mà đêm qua hấn đã hồi tưởng lại, vừa dứt cây roi vào nách và hươ cả hai tay lên.

Cách làng một cây số đoàn xe đỗ lại cạnh một cái giếng có gàu kéo nước. Thả gàu xuống mức nước, gã Kiriukha râu đen vớt người lên thành giếng, cái đầu bồm xồm, hai vai và một phần thân hình hấn lấp hấn trong cái miệng giếng đen ngòm, thành thử Iegoruska chỉ còn trông thấy đôi chân ngắn cùn cùn của hấn chỉ chạm hờ xuống đất, trông thấy bóng cái đầu của mình phản chiếu dưới đáy giếng, hấn vui mừng cất tiếng cười ô ô, và tiếng vạng từ đáy giếng dội lên đáp lại hấn. Khi hấn ngẩng lên, mặt và cổ hấn đỏ gấc như hoa mào gà. Người đầu tiên chạy lại uống nước là Đumóp. Hấn vừa uống vừa cười, chốc chốc lại ngừng uống ngẩng đầu lên kể cho Kiriukha nghe một chuyện gì chắc buồn cười lắm, rồi quay người lại và quát vạng cả thảo nguyên năm tiếng chửi tục tằn. Iegoruska không hiểu nghĩa mấy tiếng này, nhưng nó biết chắc đó là những tiếng rất tục. Nó biết là vì mỗi khi nghe những tiếng như vậy, những người thân thuộc và quen biết thường im lặng và có ý ghê tởm; không hiểu tại sao nó cũng thấy ghê lợm như thế, và đã quen nghĩ rằng chỉ có những kẻ say rượu hay hạng người vong mạng lắm mới có được cái đặc quyền nói to những tiếng này lên. Nó nhớ lại con mòng bị đánh chết, lắng nghe tiếng cười của Đumóp và cảm thấy gần như thù ghét con người này. Và như thể cố ý, đúng vào lúc ấy, Đumóp trông thấy Iegoruska đang tụt xuống xe đi về phía giếng. Hấn vừa cười ông ông vừa reo lên:

- Anh em ơi, lão già ấy đêm qua mới đẻ được thằng con trai kia kìa!

Kiriukha cười ông ông một tràng, đến phát ho lên. Còn có một người nào khác cũng cười theo. Iegoruska đỏ mặt, và trong bụng khẳng định dứt khoát rằng Đumốp là một tay đại ác.

Với mái tóc vàng sẫm quấn tít, đầu để trần, áo sơ mi phanh ngực, Đumốp trông đẹp trai và khỏe mạnh phi thường, trong mỗi động tác của hắn đều có thể thấy rõ hắn là một tay lực sĩ tinh nghịch biết rõ giá trị của mình. Hắn xoay vai, chống hai tay lên cạnh sườn, nói và cười to hơn ai hết và trông như thể đang sắp sửa dùng một tay nâng bổng một vật gì rất nặng làm cho cả thiên hạ phải ngạc nhiên. Đôi mắt tinh nghịch giễu cợt của hắn nhìn lướt qua con đường cái, qua đoàn xe, không dừng lại ở một chỗ nào, và hình như đang tìm xem có con gì đẻ mà giết cho đỡ buồn không, hay có cái gì đẻ mà chế giễu không. Hình như hắn không sợ gì hết, và chắc hắn không hề quan tâm chút nào đến ý kiến của Iegoruska... Còn Iegoruska thì lúc bấy giờ đã ghét cay ghét đắng cái đầu vàng sẫm, cái mặt sạch sẽ và cái sức vóc lực lưỡng của Đumốp. Nó ghê tởm và sợ hãi lắng nghe tiếng cười của Đumốp và cố nghĩ ra một câu chửi gì thật đích đáng để trả đũa hắn.

Lão Pantelây cũng đến cạnh cái gàu. Lão rút ở trong túi ra một cái cốc con màu xanh lục vốn dùng để đựng dầu làm đèn thờ, lấy một miếng giẻ lau cho sạch rồi vục vào gàu múc nước uống, uống hết lại múc nữa, đoạn bọc cái cốc trong miếng giẻ và lại cho vào túi.

- Ông ơi, sao ông lại uống bằng cốc đèn thờ hả ông? - Iegoruska ngạc nhiên hỏi.

- Ô, cũng có người uống bằng gàu, cũng có người uống bằng cốc đèn, - ông già đáp miễn cưỡng cho qua chuyện. - Mỗi người một cách... Cậu uống bằng gàu thì cứ uống đi cho khỏe...

- Trời ơi, đẹp quá, con bé đẹp quá, - Vaxia bỗng nói nựng, giọng dịu dàng âu yếm, nghe gần như khóc.
- Xinh quá đi mất.

Mắt Vaxia nhìn tận phía xa tít, nó sáng lên dịu dịu, nó tươi cười, và gương mặt hắn lại có cái vẻ như lúc nãy khi nhìn Iegoruska.

- Cậu nói với ai thế? - Kiriukha hỏi.

- Con cáo ấy... một con cáo... nằm ngửa ra đùa nghịch, y như con chó nhà...

Mọi người bắt đầu nhìn ra phía xa, cố tìm cho ra con cáo, nhưng chẳng ai trông thấy gì. Chỉ có Vaxia, với đôi mắt xám đục đục của hắn ta, trông thấy cái cảnh thú vị kia và hân hoan một mình, như về sau Iegoruska sẽ có dịp thấy rõ, mắt của Vaxia tinh lạ lùng. Hắn tinh mắt đến nỗi cảnh thảo nguyên vắng vẻ một màu nâu đơn điệu kia đối với hắn bao giờ cũng tràn đầy sự sống, tràn đầy nội dung. Hắn chỉ cần phóng tâm mắt nhìn ra phía xa là thế nào cũng trông thấy một con cáo, một con thỏ, một con chim lớn sống ở thảo nguyên hay một con vật nào khác thường xa lánh bóng người. Trông thấy một con thỏ đang bỏ chạy hay một con chim lớn sống ở thảo nguyên đang bay đi thì chẳng có gì là khó, bất cứ ai đi qua thảo nguyên cũng đều có thể trông thấy được, - nhưng không phải ai cũng có dịp nhìn thấy những con thú hoang trong sinh hoạt hàng ngày của chúng, khi chúng không bỏ chạy, không lẩn trốn và không thảng thốt nhìn quanh. Thế mà Vaxia thì luôn luôn trông thấy những con cáo đang giỡn nô, những con thỏ đang rửa mặt bằng hai chân trước, những con chim lớn sống ở thảo nguyên đang dang rộng cánh. Nhờ có đôi mắt tinh như vậy, ngoài cái thế giới mà mọi người đều trông thấy, Vaxia còn có một thế giới khác, của riêng hắn, không ai có thể lọt vào được, và có lẽ là một thế giới rất tốt đẹp, vì những khi hắn ta ngắm nhìn và hân hoan lên như vậy thì người ta thật khó lòng mà không thấy ganh tị với hắn.

Khi đoàn xe lại chuyển bánh lên đường, nhà thờ đã gióng chuông gọi con chiên đến xem lễ.

ĐOÀN XE ĐỖ LẠI cách thôn một quãng, bên một bờ sông. Nắng vẫn thiêu đốt như hôm qua, không khí cũng im lìm và uể oải. Trên bờ có mấy cây liễu, nhưng bóng cây không hắt xuống mặt đất mà lại ngả xuống dòng nước một cách phí hoài, còn trong bóng râm ở phía dưới mấy chiếc xe thì ngọt ngọt mà chán lăm. Dòng nước sông, xanh biếc vì phản chiếu màu trời, có sức hấp dẫn mãnh liệt.

Có một anh đánh xe trẻ mà bây giờ Iegoruska mới để ý tới là Xtépka, một thanh niên người Ucraina mới mười tám tuổi, mặc áo sơ mi vạt dài, không thắt lưng, quần rộng ông không cho vào ủng nên khi đi nó cứ bay lất phất như hai lá cờ. Anh ta nhanh nhẹn cởi áo quần, chạy theo bờ sông dốc đứng và nhảy tùm xuống sông. Anh ta ngụp xuống nước ba lần, rồi ngoi lên nằm ngửa trên mặt nước và nhắm mắt lại, vẻ khoái chí. gương mặt anh ta vừa tươi cười vừa nhăn nhó, như thể đang vừa buồn nhột, vừa đau lại vừa buồn cười.

Vào một ngày nóng nực, khi người ta không biết chui vào đâu cho đỡ nóng và đỡ ngạt, tiếng nước vỗ róc rách và tiếng thở phì phò của người đang tắm nghe dễ chịu như một điệu nhạc du dương. Đumóp và Kiriukha nhìn Xtépka, nhanh nhẹn cởi áo quần; rồi cất tiếng cười hớn hở thưởng thức trước cái thú sắp tới, và lần lượt lao xuống nước. Thế là con sông yên tĩnh, bình lặng bỗng vang âm tiếng thở phì phò, tiếng nước khuấy động và tiếng reo hò của họ. Kiriukha họ sắc sủa, cười và la hét inh ỏi như thể đang bị ai chìm nước, còn Đumóp thì đuổi theo hẩn và cố bắt lấy chân hẩn.

- Hê hê hê! - Đumóp quát. - Bắt lấy nó, giữ nó lại!

Kiriukha cười, ra chiều thích thú lắm, nhưng vẻ mặt của hẩn vẫn như hồi nãy ở trên cạn: dờ dẩn, ngờ ngác, trông như thể có ai vừa lén tới sau lưng hẩn và nện chày vào đầu hẩn. Iegoruska cũng cởi áo quần, nhưng không tụt xuống theo lối bờ sông, mà lại chạy lấy đà lao mình xuống nước từ một chỗ cao một xagien rười. Nó lao mình thành một đường vòng cung trên không rồi đâm đầu xuống nước. Nó chìm xuống khá sâu nhưng vẫn không chạm đáy; một sức mạnh mát mẻ và êm ái dễ chịu trùm lấy nó và nâng nó trở lên mặt nước. Nó nhô lên, thở phì phì phun ra một đám bọt bóng, rồi mở mắt; nhưng vừa sập mắt nó, ánh mặt trời loang loạng phản chiếu trên mặt nước. Ban đầu là những tia sáng chói lòa, rồi đến những chiếc cầu vòng ngũ sắc và những vệt tối diềm qua trông mắt nó; nó vội vã ngụp xuống mở mắt ở dưới nước và trông thấy một cái gì xanh đùng đục, giống như bầu trời vào một đêm trăng. Cái sức mạnh ban nãy lại không để nó lặn xuống đến tận đáy cho mát một chút, cứ nâng nó lên, nó đành ngoi lên khỏi mặt nước và thở một hơi dài đến nỗi không những trong lồng ngực mà ngay cả trong bụng cũng thấy mát rượi. Rồi để tận hưởng tất cả những gì nước sông có thể đem lại cho nó, Iegoruska tự cho phép mình làm đủ trò sang trọng: nó nằm ngửa ra trên mặt nước và uể oải lắng nghe cái cảm giác dễ mê đang thâm vào người, nó đẩy cho nước bắn tung lên trời, rồi lộn vòng, bơi sấp, bơi nghiêng, bơi ngửa, bơi đứng - cứ thế tha hồ mãi cho đến khi mệt lử ra mới thôi. Bờ sông bên kia lau mọc rất dày, óng ả dưới ánh nắng, và những bông lau xinh đẹp nghiêng mình, trên dòng nước trông như những ngòai bút lông. Bông ở một nơi thấy khóm lau rung động, hoa rạp xuống, kêu răng rắc - đó là Xtépka và Kiriukha đang đánh tôm.

- Tôm đây! Anh em trông này: con tôm! - Kiriukha hân hoan reo lên và đưa ra một con tôm thật.

Iegoruska bơi về phía khóm lau, lặn xuống và bắt đầu sờ soạng quanh các gốc lau. Lặn mò trong lớp bùn loãng nhầy nhụa, nó chạm tay phải một cái gì sắc nhọn và ghê ghê, có lẽ là một con tôm thật, nhưng vừa lúc ấy có ai nắm lấy chân nó kéo lên trên. Ho sắc sủa vì hớp phải nước, Iegoruska mở mắt nhìn và trông thấy cái mặt ướm át đang cười nhăn nhó của Đumóp tinh nghịch. Hẩn thở phì phò rất mạnh, và cứ nhìn vào mặt hẩn cũng có thể thấy rõ là hẩn còn muốn bày trò nghịch ngợm nữa. Hẩn nắm chân Iegoruska rõ chắc và đã giơ tay kia ra để nắm lấy cổ nó, nhưng Iegoruska sợ hãi như thể gặp phải một vật gì kinh tởm và như có ý lo rằng tên vũ phu này sẽ chìm nó chết mất, nó vùng vẫy cố gỡ ra và nói luôn một thôi:

- Đồ mất dạy! Tao đánh vỡ mõm ra bây giờ!

Cảm thấy nói như vậy chưa đủ diễn đạt nỗi căm ghét, nó lại nghĩ một lát và nói thêm:

- Đồ khốn nạn! Đồ chó đẻ!

Nhưng Đumóp lúc bấy giờ đã lại thản nhiên như không, hình như không còn để ý gì đến Iegoruska nữa. Hắn bơi về phía Kiriukha kêu to lên:

- Ê-ê-ê này! Ta đánh cá đi! Anh em ơi, đánh cá nào!

- Chứ còn gì nữa? - Kiriukha tán đồng. - Ở đây chắc nhiều cá lắm...

- Xtépkà, chạy vào làng mượn cái lưới đi!

- Họ chẳng cho mượn đâu.

- Cho đấy! Cậu nói khó một chút! Cậu cứ bảo là họ hãy vì Chúa mà cho chúng mình mượn, vì chúng mình cũng như kẻ hành hương.

- Đúng đấy!

Xtépkà lên bờ, nhanh nhẹn mặc quần áo vào và đầu không đội mũ, hai ống quần rộng thùng thình tung lên phấp phới, hắn chạy vào làng.

Sau cuộc xung đột với Đumóp, Iegoruska không còn thấy nước có gì là thú vị nữa. Nó lên bờ và bắt đầu mặc quần áo.

Lão Pantelây và Vaxia ngồi trên bờ sông dốc đứng, chân buông thõng xuống, nhìn mấy người đang tắm. Emelian trần truồng đứng ở sát bờ, nước lên đến đầu gối, một tay túm lấy bụi cỏ cho khỏi ngã, còn tay kia vuốt vuốt lên mình. Với hai cái xương bả vai nhô rõ ra, với cái mụn cóc ở dưới con mắt, người cúi lom khom và rõ ràng là có ý sợ nước, anh ta làm thành một hình ảnh khá buồn cười. Về mặt anh ta nghiêm trang, khắc khổ. Anh ta nhìn dòng nước một cách cau có như thể sắp sửa chửi mắng nó về cái tội đã làm cho anh ta cảm lạnh ở sông Đônét, mất cả giọng hát.

- Sao chú không tắm hả chú? - Iegoruska hỏi Vaxia.

- Chẳng sao cả... Không thích... - Vaxia đáp.

- Sao cầm chú súng lên thế?

- Nó bị đau... Trước tôi làm ở nhà máy diêm, cậu ạ... Ông bác sĩ có nói rằng chính vì làm ở đấy mà tôi bị súng hàm lên thế này. Không khí ở đấy độc lắm. Ngoài tôi ra còn có ba cậu bị súng hàm, một cậu hàm bị thối loét cả ra.

Một lát sau Xtépkà mang lưới về. Đumóp và Kiriukha ngâm nước quá lâu, người tím lại, giọng khản đặc, nhưng vẫn hào hứng xông vào đánh cá. Lúc đầu hai người đi theo chỗ nước sâu, dọc đám sậy, Đumóp thì nước ngập ngang cổ, còn Kiriukha người thấp bé, thì nước lút đầu; hắn cứ sặc sụa, phun ra từng đám bong bóng trong khi Đumóp vấp chân phải những cái rễ cây gai góc, chốc chốc lại ngã và vướng vào lưới. Cả hai gã đều vùng vẫy nhặng xị lên, rốt cục cái cuộc đánh cá của họ chung qui chỉ là một trò đùa nghịch.

- Sâu quá, - Kiriukha nói, giọng khản đặc. - Chẳng bắt được con nào đâu!

- Đừng có kéo, đồ quý! - Đumóp quát, cố cầm cái lưới cho đúng chiều. - Phải cầm hai tay chứ!

- Đánh ở đây thì chẳng được con nào đâu! - lão Pantelây đứng trên bờ quát mắng. - Chỉ tổ làm cho cá nó sợ, rõ ngốc. Đi sang bên trái ấy! Ở đây cạn hơn!

Có một lần trên chiếc lưới thấy một con cá khá to nhảy hoảng lên; ai nấy đều ồ lên một tiếng. Đumóp giáng quả đấm vào cái chỗ con cá vừa lặn xuống, gương mặt lộ vẻ bức bối.

- Chà! - lão Pantelây giẫm chân thót lên. - Để sống con cá rô rồi! Thế là mất!

Rẽ sang bên trái, Đumóp và Kiriukha dần dần đi ra chỗ nông, và đến đây mới bắt đầu một cuộc đánh bắt thực sự. Họ kéo lưới đi chừng ba trăm bước, có thể thấy rõ họ im lặng nhích đi từng tí một, cố rê lưới thật sâu và thật gần đám sậy, vừa kéo vừa đập nắm tay xuống nước và xua vào lau sậy soát đề cho cá sợ mà chạy vào lưới. Từ khóm sậy họ chuyển sang bờ bên kia kéo lưới, rồi có vẻ thất vọng quay trở lại đám sậy, cứ mỗi bước lại nhảy cao đầu gối lên. Họ vừa đi vừa nói với nhau những gì không nghe rõ. Nặng dọi vào lưng họ, ruồi nhặng bay vào cắn họ, và mình mẩy họ đang màu tím chuyển sang màu đỏ thẫm. Xtépka cầm cái gàu đi theo sau lưng họ, áo sơ mi vén lên tận nách, miệng cắn vạt áo cho khỏi tuột xuống. Cứ được mẻ gì là họ giơ cao con cá vừa bắt được, lúc lắc cho nó ánh lên dưới nắng, reo to:

- Xem con cá rô to không này! Đã bắt được năm con như thế rồi đây!

Có thể thấy rõ Đumóp, Kiriukha và Xtépka cứ sau mỗi mẻ lưới lại bới bới hồi lâu trong bùn, bỏ cái gì vào xô, vớt ra ngoài những vật gì đấy; thỉnh thoảng họ lại lấy cái gì ở trong lưới ra chuyển tay nhau xem xem ngắm ngắm có vẻ tò mò, rồi cũng vớt đi nốt...

- Cái gì đấy hả! - Ở trên bờ quát to lên hỏi họ.

Xtépka trả lời một câu gì đấy, nhưng khó mà nghe hẳn nói gì. Thế rồi hẳn leo lên bờ, bung cái xô bằng cả hai tay, quên buông vạt áo xuống. Hẳn chạy tới chỗ đoàn xe.

- Đây rồi, - hẳn vừa nói vừa thở hắt hắt. - Cho cái nữa đây!

Iegoruska nhìn vào cái xô. Nó đã đầy ắp. Từ dưới nước ngoi lên cái mồm xấu xí của một con cá măng còn non, xung quanh lúc nhúc những con tôm và những con cá nhép. Iegoruska vục tay xuống tận đáy xô và khuấy nước lên; con cá măng lặn xuống dưới đám tôm tép. Thế chân cho nó trên miệng xô là một con cá rô vược và một con cá hanh. Vaxia cũng nhòm vào xô. Mắt anh ta long lên, và gương mặt anh ta lại có cái vẻ âu yếm dịu dàng như khi trông thấy con cáo đang rờn nỏ. Anh ta lấy trong xô ra một vật gì, bỏ vào mồm nhai rau rầu.

- Anh em ơi, - Xtépka ngạc nhiên kêu lên, - Vaxia nó ăn cá bóng sống! Eo ôi kinh quá!

- Không phải là cá bóng mà là cá lèn, - Vaxia bình thản trả lời và cứ nhai tiếp.

Hẳn rút trong miệng ra một cái đuôi cá nhỏ, âu yếm ngắm nó rồi lại bỏ vào mồm. Trong khi hẳn nhai cá rau rầu, Iegoruska có cảm giác hẳn không phải là người nữa. Cái cảm sung vù của Vaxia, đôi mắt đùng đục, cái nhìn tĩnh lặng lạ lùng của hẳn, cái đuôi cá, và cái vẻ âu yếm của hẳn trong khi nhai con cá sông khiến cho hẳn giống như một con vật.

Iegoruska đứng bên Vaxia đã thấy chán. Và lại cuộc đánh cá cũng đã kết thúc. Nó đi dọc theo đoàn xe, băng khuân nghĩ ngợi, rồi chẳng biết làm gì cho đỡ chán, nó rẽ về phía làng.

Một lát sau nó đã đứng trong nhà thờ, và trán tì vào lưng một người nào đấy sức nức mũi gai dầu, nó lắng nghe tiếng hát trên chỗ ban hát văng xuống. Buổi lễ đã gần kết thúc. Iegoruska vốn không biết nghe hát lễ. Nó đứng đưng nghe một lát, ngáp dài rồi bắt đầu đưa mắt ngắm gáy và lưng những người xem lễ. Có một cái gáy màu hung đỏ, hầy còn ướt vì mới tắm xong. Nó nhận ra đó là gáy của Emelian.

Cái gáy húi thành vòng cung và húi hơi cao quá; hai bên thái dương cũng húi quá cao, thành thử hai cái tai đồ ồi của Emelien cứ vênh ra như hai cái lá ngu ru bâng và hình như cảm thấy mình mọc không đúng chỗ. Nhìn cái gáy và hai cái tai ấy, không hiểu tại sao Iegoruska cứ nghĩ rằng chắc hẳn Emelian rất khổ sở. Nó nhớ lại những động tác đánh nhịp của Emelian, cái giọng khản đặc của anh ta, cái vẻ e dè của anh ta khi tắm, và cảm thấy thương hại anh ta. Nó muốn nói một câu gì thật ôn tồn thân ái với anh:

- Tôi đứng đây này! - nó kéo ống tay áo Emelian nói.

Những người hát giọng nam cao hay giọng trầm trong dàn hợp xướng, nhất là những người đã từng chỉ huy hợp xướng dù cả đời chỉ được một lần, thường có thói quen nhìn trẻ con một cách nghiêm khắc và thiếu thân thiện. Sau khi bỏ nghề hát họ cũng vẫn giữ cái thói quen này. Ngoảnh về phía Iegoruska, Emelian gườm gườm nhìn cậu bé nói:

- Trong nhà thờ không được quấy!

Một lát sau, Iegoruska mon men nhích gần đến chỗ đặt các tượng thánh. Ở đây nó được trông thấy những con người rất lạ mắt. Đứng ở hàng đầu, trên tấm thảm ở bên phải có hai ông bà quý phái. Sau lưng họ có hai chiếc ghế tựa để sẵn cho họ ngồi. Người đàn ông mặc một bộ quần áo đuôi mới là, đứng im phăng phắc như một quân nhân đang bông chào, cái cằm cao xanh biếc vênh cao lên. Trong cái cổ còn dựng đứng, trong cái cằm xanh biếc, trong cái đầu hơi hói và trong chiếc cạo ông ta cằm, người ta cảm thấy có rất nhiều khí thế uy nghi. Vì quá uy nghi như vậy cho nên cái cổ ông ta rướn thẳng, cái cằm ông ta vênh lên một cách mãnh liệt đến nỗi người ta có cảm giác như đầu ông ta chỉ chực hể có dịp là sẽ rút ra khỏi người và bay vút lên. Còn người đàn bà quý phái thì béo tốt và đã có tuổi, vai khoác chiếc khăn san bằng lụa trắng, đầu nghiêng sang một bên, trông như thể vừa mới giúp ai việc gì và đang muốn nói: “Ồ, có gì đâu mà phải cảm ơn cho phiền. Tôi không thích thế đâu...” Xung quanh tấm thảm, đám người Ucraina đứng chen nhau thành một bức thành dày đặc.

Iegoruska mon men lại gần chỗ đặt các tranh tượng và bắt đầu hôn các tượng thánh địa phương. Trước mỗi bức tượng nó đều thông thả cúi lạy sát đất, nhân thể liếc nhìn những người đứng ở phía sau, rồi mới đứng dậy hôn. Cho trán chạm xuống sàn nhà thờ mát lạnh, nó thấy thích lắm. Khi từ sau bàn thờ ông khấn tay cầm cái kẹp dài bước ra để tắt nến, Iegoruska nhanh nhẹn đứng phắt dậy và chạy đến cạnh ông hỏi:

- Đã phát bánh thánh chưa thế bác?

- Chưa, chưa... - ông khấn lầu bàu. - Mà còn ở đây làm gì...

Buổi lễ đã xong. Iegoruska thông thả ra khỏi nhà thờ và đi lang thang lên quảng trường. Từ bé nó đã được trông thấy không ít những làng mạc, quảng trường và nông dân cho nên những cảnh giờ đây bày ra trước mắt nó, không hề làm cho nó thấy thú vị chút nào. Chẳng biết làm gì cho qua thì giờ, nó ghé vào một cửa hiệu trên cửa có treo một tấm biển rộng màu đỏ tươi. Cái cửa hiệu chia ra làm hai gian rộng và tối; một gian bán vải và hàng tạp hóa, còn gian kia thì bày những cái thùng tròn đựng hắc ín, trên trần treo những cái vòng cô ngựa; từ gian này bốc lên mùi da và mùi hắc ín dễ chịu. Sàn cửa hiệu vừa được té nước; người té nước chắc phải là một tay tài tử khá nông nhên, vì nước được té thành những hoa văn ngoằn ngoèo và những dấu hiệu bí ẩn trông như bùa chú. Sau cái quầy hàng có một ông chủ hiệu béo tốt tỳ bụng vào quầy, khuôn mặt rộng, râu quai nón tĩa thành vòng cung, hình như là người Nga. Ông ta đang uống trà có nháp đường, cứ uống một ngụm lại thở ra một hơi rõ dài. Mặt ông ta tỏ vẻ bình thản hoàn toàn, nhưng trong mỗi tiếng thở dài đều có thể nghe rõ cái ý: “Liệu hôn rồi sẽ biết tay ta!”

- Cho tôi một kôpếch hạt hướng dương! - Iegoruska nói với ông chủ.

Ông chủ nhướn đôi lông mày lên, rồi quay đi ra phía ngoài và trút vào túi Iegoruska một kôpếch hạt hướng dương đong bằng cái bình đựng súp bôi môi cũ. Iegoruska chưa muốn đi. Nó ngắm nghía hồi

lâu những chiếc thùng đựng bánh nướng, ngấm ngấm một lát rồi chỉ mấy chiếc bánh nướng được làm ở thị trấn Viadma nhỏ, để lâu năm đã mốc cả ra:

- Bánh này bán bao nhiêu?

- Một kôpếch một đôi.

Iegoruska thò tay vào túi lấy ra cái bánh nướng của mẹ Do Thái cho tối hôm qua, hỏi:

- Thế loại bánh như thế này thì ông bán bao nhiêu?

Ông chủ hiệu cầm lấy chiếc bánh, ngấm đủ bốn phía rồi giương cao một bên lông mày trái lên.

- Bánh này, - ông chủ hỏi lại.

Sau đó ông chủ nhướn cao bên lông mày phải lên, suy nghĩ và đáp lại:

- Ba kôpếch một đôi...

Hai bên im lặng một lát.

- Cậu là con nhà ai? - ông chủ hiệu vừa hỏi vừa rót trà trong cái bình bằng đồng đỏ ra chén để uống tiếp.

- Tôi là cháu ông Ivan Ivanúts.

- Ivan Ivanúts cũng có dăm bảy loại khác nhau, - ông chủ hiệu thở dài, ông ta nhìn ra cửa qua đầu Iegoruska, im lặng một lát rồi hỏi - Cậu có uống trà không?

- Có lẽ có... - Iegoruska ưng thuận một cách hơi miễn cưỡng, tuy đang thèm chén trà buổi sớm.

Ông chủ hiệu rót cho nó một cốc và đưa thêm cho nó một miếng đường đã gặm dở. Iegoruska ngồi lên chiếc ghế xếp và bắt đầu uống. Nó còn muốn hỏi xem một lạng hạnh nhân ngào đường bán bao nhiêu, nhưng nó mới ướm hỏi thì có khách đến mua hàng, ông chủ hiệu đặt chén trà sang một bên ra tiếp. Ông ta đưa người khách vào gian có mùi hắc ín và bàn bạc với khách một hồi lâu, không biết chuyện gì. Ông khách này chắc là người rất ương ngạnh và tự thi, cứ lắc đầu quây quây tỏ ý bất đồng và chỉ chực quay gót bỏ đi. Ông chủ khuyên nhủ người khách và bắt đầu đồ kiêu mạch vào bao to.

- Kiêu mạch mà thế này à? - ông khách nói tiếng Ucraina, giọng buồn rười rượi. - Không phải kiêu mạch, mà là kiêu mạch cặn, gà nó cũng thèm vào... Thôi, đành đến hiệu Bondalenkô vậy!

Khi Iegoruska trở ra sông, trên bờ đã có một bếp lửa bốc khói nghi ngút. Ấy là mấy người đi áp tải đoàn xe đang nấu bữa trưa. Xtepka đang đứng giữa đám khói cầm cái muôi mè khuấy khuấy trong cái nồi. Cách đây một quãng Kiriukha và Vaxia, mắt đỏ hoe vì cay khói, đang ngồi làm cá. Trước mặt hai người là một cái lưới dính đầy những rong và bùn, bên trên lấp lánh một mớ cá, có cả những con tôm đang bò.

Emelian mới ở nhà thờ về ngồi cạnh lão Pantelây, khua tay đánh nhịp khẽ cất cái giọng khản đặc hát “Chúng con ca ngợi Chúa...” Đứng đi vắn vợ bên mấy con ngựa.

Làm cá xong, Kiriukha và Vaxia hốt cá và tôm sống cho vào cái xô, tráng qua tráng lại rồi đổ cả xô vào nồi nước đang sôi.

- Cho mỡ vào nhé? - Xtépka vừa hỏi vừa lấy cái muôi vớt bọt ra.

- Cho mỡ làm gì? Nước cá cũng đã béo chán, - Kiriukha đáp.

Trước khi bắc xuống, Xtépka bỏ vào nồi ba nắm kê và một thìa muối; để kết thúc, hắn ném thử, chép chép cái miệng, liếm cái thìa, đằng hắng một tiếng tỏ ý tự mãn - như thể có nghĩa là cháo đã nấu xong.

Mọi người, trừ lão Pantelây ra, đều ngồi quây quanh cái nồi và bắt đầu múc lấy múc để.

- Này, đưa cho cậu bé cái thìa chứ! - lão Pantelây nói, giọng nghiêm khắc. - Chắc cậu ấy cũng muốn ăn đấy.

- Món của chúng tôi là cái món nhà quê ấy mà... - Kiriukha thờ dãi.

- Nhà quê thì nhà quê, ăn cũng khỏe người đấy, miễn là muốn ăn.

Họ đưa cho Iegoruska cái thìa. Nó bắt đầu ăn, nhưng không ngồi xuống, mà đứng ngay cạnh cái nồi, vừa ăn vừa nhìn xuống nồi như nhìn xuống hồ. Cháo bốc lên một mùi tanh khá đậm, lác đác trong kê có những cái vẩy cá; tôm mà múc bằng thìa thì nó cứ trượt đi, thành thử cứ tọạ cứ thọc hẳn tay vào nồi mà lấy; về việc này Vaxia đặc biệt tự tiện, hắn không chút ngần ngại, nhúng cả bàn tay vào cháo đã đành, nhưng lại còn nhúng cả ông tay áo vào nữa. Tuy vậy Iegoruska cũng thấy cháo rất ngon. Nó nhớ đến món súp tôm mà ở nhà mẹ nó vẫn thường nấu vào những ngày ăn chay. Lão Pantelây ngồi riêng ra một bên nhai bánh mì.

- Ông ơi, sao không ăn cháo? - Emelian hỏi.

- Lão không ăn được tôm... không thích, - ông cụ nói đoạn quay mặt đi, ra vẻ ghê tởm.

Trong khi ăn, mọi người đều chuyện trò rôm rả. Qua những câu chuyện này Iegoruska hiểu ra rằng tất cả những con người nó mới quen đó, tuy có khác nhau về tuổi tác và tính tình, song vẫn có một điểm giống nhau: bọn họ đều là những người có một dĩ vãng rất tốt đẹp và một hiện tại rất đáng buồn; về dĩ vãng bấy nhiêu người không trừ một ai, đều nói một cách hân hoan, còn đối với hiện tại thì họ đều có một thái độ gần như khinh bỉ. Người Nga vốn thích hồi tưởng, chứ không thích sống; Iegoruska chưa biết được điều đó, cho nên cháo chưa ăn hết nó đã vững tin rằng ngồi xung quanh nồi cháo toàn là những con người bị số phận hất hủi và lãng nhục. Lão Pantelây kể lại rằng hồi xưa, khi chưa có đường

xe lửa, lão áp tải những đoàn xe chở hàng đi Maxkova và đi Nigioni Nópôrôt[57] kiếm được lắm tiền đến nỗi chẳng biết cất vào đâu cho hết nữa. Mà hồi ấy dân lái buôn mới hào phóng làm sao, cá mới ngon làm sao, cái gì cũng rẻ quá mức! Bây giờ thì đường sá ngăn đi, phường lái buôn đâm ra keo kiệt hơn, dân cư nghèo hơn, bánh mì đắt hơn, cái gì cũng bấp bênh và eo hẹp quá thể. Emelian nói rằng trước kia anh ta làm người trông bạn nhạc ở tỉnh Luganxkơ, có một giọng hát rất hay và đọc bản nhạc rất thạo, còn bây giờ thì anh đã biến thành nhà quê và chỉ sống nhờ vào ông anh; ông ta giao ngựa cho Emelian đi chở hàng và lấy một nửa tiền thuê. Vaxia xưa kia làm ở nhà máy diêm; Kiriukha thì làm xà ích cho một nhà khá giả, và nổi tiếng khắp vùng là người đánh xe tam mã giỏi nhất. Đumóp, con nhà phú hộ, xưa kia sống rất phong lưu, chỉ lo chơi bời và không hề biết buồn khổ là gì, nhưng vừa mới được hai mươi tuổi thì ông bộ khắc nghiệt, muốn cho hắn biết việc làm ăn và sợ hắn ở nhà được nuông chiều quá đâm hư, bèn bắt hắn đi đánh xe thuê cho nhà người ta như một anh độc thân làm thuê. Chỉ riêng Xtépka làm thính, nhưng trên gương mặt chưa bén tí râu của anh ta cũng có thể thấy rõ rằng trước kia anh ta sướng hơn bây giờ nhiều.

Nhớ đến ông bố, Đumóp ngừng ăn và cau mặt lại. Hắn gườm gườm nhìn qua các bạn một lượt. Cái nhìn của hắn dừng lại ở Iegoruska.

- Thằng vô đạo kia, bỏ mũ ra! - hắn gắt. - Sao lại có thể để mũ trên đầu mà ăn hả? Thế mà là con nhà

tử tế đây.

Iegoruska bỏ mũ ra, không nói một lời, nhưng nó không còn thấy cháo có mùi vị gì nữa và không nghe thấy tiếng lão Pantelây và Vaxia bên nó. Nó ghen ngạo vì căm giận tên Đumôp quái ác kia, và quyết định sẽ tìm cách gì làm hại hẳn cho thật bõ.

Sau bữa ăn mọi người tản ra xe và lăn vào chỗ rợp.

- Ông ơi, đã sắp đi chưa? - Iegoruska hỏi lão Pantelây.

- Khi nào trời cho thì ta đi... Bây giờ chưa đi được, nóng lắm... Ôi, xin vâng ý Chúa... Nằm ngủ đi một chút, cậu bé ạ!

Chẳng bao lâu từ dưới mấy cái xe đã có tiếng ngáy vang lên. Iegoruska toan quay vào làng, nhưng nghĩ sao lại thôi, nó ngáp dài rồi nằm xuống cạnh ông lão.

VI.

ĐOÀN XE đỗ suốt ngày hôm ấy bên bờ sông, mãi đến khi mặt trời lặn mới lại lên đường.

Iegoruska lại lăn trên kiện lông cừu, chiếc xe khế kêu cọt két và lắc lư, lão Pantelây đi ở phía dưới, chốc chốc lại giẫm mạnh chân, vỗ vào đùi và nói lầm bầm; điệu nhạc của thảo nguyên lại rả rích như hôm qua.

Iegoruska nằm ngửa lưng trên xe, gối đầu lên hai bàn tay nhìn lên trời. Nó trông thấy ráng chiều chày bùng lên, rồi lui dần; các thiên thần hộ mệnh dang rộng đôi cánh vàng che khuất cả chân trời và thụ xếp chỗ nghỉ đêm; một ngày đã trôi êm thấm; một đêm yên tĩnh, vô ụ đã đến và các thiên thần có thể yên tâm nghỉ ở nhà, trên thiên đường... Iegoruska thấy bầu trời dần dần tối sẫm lại và bóng đêm buông dần xuống mặt đất, từng ngôi sao lần lượt thấp lên trên nền trời.

Những khi ta nhìn đăm đăm lên nền trời cao lồng lộng, không hiểu sao những ý nghĩ và tâm tư của ta cứ hòa lẫn vào một cảm giác cô đơn. Ta bắt đầu cảm thấy mình bơ vơ một cách tuyệt vọng, và tất cả những gì mà trước kia ta cho là gần gũi và thân thuộc thì bây giờ đều trở nên xa xôi vô cùng và không có giá trị gì nữa. Những vì sao đã lấp lánh từ hàng ngàn hàng vạn năm nay, cả bầu trời bí ẩn và bóng đêm nữa, đều thờ ơ đối với kiếp sống ngắn ngủi của con người, khi ta một mình diện đối diện với nó, và cố thấu hiểu nghĩa của nó, nó cứ làm thinh, và sự im lặng của nó đè nặng lên tâm hồn ta, ta bắt giác nghĩ đến cái cảnh cô đơn đang chờ đợi mỗi chúng ta dưới huyệt, và thực chất của cuộc đời hiện ra như một cái gì tuyệt vọng, khủng khiếp...

Iegoruska nghĩ đến bà nó bây giờ đang ngủ yên trong nghĩa địa dưới răng anh đào; nó nhớ lại cái cảnh bà nó nằm trong quan tài, có hai đồng tiền đặt lên hai mắt, rồi sau đó cả tiếng những nắm đất rơi bình bịch lên nắp quan tài đã hạ huyệt. Nó hình dung thấy bà nó nằm trong cỗ quan tài chật chội và tối tăm, bơ vơ một mình, bị mọi người bỏ mặc. Trí tưởng tượng của nó phác ra cái cảnh bà nó đột nhiên bừng tỉnh dậy, không hiểu mình đang ở đâu, đăm thình thịch lên tấm ván thiên, kêu cứu, rồi rớt cục kiệt sức và kinh hãi, lại chết đi. Nó tưởng tượng thấy mẹ nó, cha Khrixtophor, bá tước phu nhân Đranítkskaia, gã Xolomon, đều đã chết cả. Nó cố gắng tưởng tượng bản thân nó nằm dưới mộ, xa nhà, bơ vơ, bị mọi người bỏ mặc và chỉ còn là một cái xác. Nhưng dù nó có cố gắng bao nhiêu cũng không sao tưởng tượng nổi; riêng đối với bản thân, nó không thể chấp nhận là mình có thể chết và cảm thấy mình sẽ không bao giờ chết...

Còn lão Pantelây người đã đến tuổi có thể chết, về cõi thọ thì vẫn bước đi ở phía dưới và thả lỏng cho những ý nghĩ của mình đối đáp nhau.

- Khá đấy... cũng là những ông chủ tốt... - ông lão lầm bầm. - Họ cho cậu bé đi học, nhưng rồi lên trên

ây sẽ ra sao thì chưa biết... Ở Xlayianoxerbxkơ không có trường để học cho cao... Không có đâu, đừng thế... Mà cậu bé thì khá lắm, rất tốt... Lớn lên rồi sẽ giúp đỡ bố. Iegoruska ạ, cậu bây giờ còn bé lắm, nhưng sau rồi lớn lên phải phụng dưỡng bố mẹ nhé. Lẽ trời đất là như vậy... Hãy kính thờ cha mẹ: đó là luật của Chúa... Như lão đây cũng có con cái như ai, nhưng rồi chết cháy hết... Vợ lão cũng chết cháy, con lão cũng chết cháy... Đúng thế đấy, dạo ấy gần đến lễ Ba Vua thì đang đêm nhà lão bỗng bốc cháy... Lúc ấy lão không nhà, lão đi Ôrion. Đi Ôrion... Bà Marya chạy được ra đường, nhưng lại sợ là các con đang ngủ trong nhà, thế là bà lại chạy vào và chết thiêu với các con... Phải... Hôm sau mới ra chỉ còn thấy mấy mảnh xương...

Khoảng nửa đêm mấy người đi áp tải và Iegoruska lại ngồi quanh một đống lửa nhỏ. Trong khi họ đốt những nắm củi dễ khô, Kiriukha và Vaxia đi lấy nước đầu ở dưới một cái khe, họ bắt hút trong đêm tối, nhưng vẫn nghe tiếng mấy cái xô nước của họ kêu xúng xoảng và tiếng họ nói chuyện với nhau; như thế tức là cái khe kia cũng không xa lắm. Ánh lửa chiếu ra khoảng đất ở xung quanh thành một cái vệt lớn chập chờn, tuy sáng trắng, nhưng ở ngoài cái vệt này mọi vật đều có vẻ như tối om. Ánh sáng hắt vào mặt mấy người áp tải, nên họ chỉ trông thấy một quãng ngắn trên con đường cái lớn; trong đêm tối, mấy chiếc xe chở lông cừu cùng với ngựa trắng vào xe trông loang loáng như những cái gò hình dáng mơ hồ. Cách đống lửa vài chục bước, ở chỗ con đường cái tiếp giáp với cánh đồng có một cây thánh giá bằng gỗ cắm trên một ngôi mộ, đã đổ xiêu vẹo một bên. Lúc này khi lửa chưa đốt lên hẳn còn có thể nhìn ra xa, Iegoruska đã để ý thấy có một cây thánh giá nữa, cũng cũ kỹ xiêu vẹo như thế, ở bên kia đường cái.

Xách nước về, Kiriukha và Vaxia rót đầy một nồi và bắc nồi lên bếp lửa. Xtépka tay cầm cái muôi mẽ ngồi bên đám khói bên cạnh nồi, dăm chiêu nhìn nồi nước đợi khi có bọt sủi lên. Lão Pantelây và Emelian ngồi cạnh nhau, im lặng suy nghĩ điều gì. Đumóp nằm sấp, tay chống cằm, nhìn ngọn lửa; bóng của Xtépka chờn vờn trên người hắn, thành thử khuôn mặt đẹp trai của hắn khi thì tối đen lại, khi thì sáng bừng lên... Kiriukha và Vaxia lững thững cách đây một quãng xa xa, kiếm thêm cành khô và cỏ héo để đun bếp. Iegoruska hai tay thọc vào túi đứng cạnh lão Pantelây xem lửa ngọn cỏ.

Mọi người đều nghỉ ngơi, suy nghĩ điều gì, thỉnh thoảng liếc nhìn cây thánh giá phản chiếu những ánh lửa đỏ đỏ chập chờn. Cảnh ngôi mộ lẻ loi có một cái gì buồn bã, mơ mộng và hết sức nên thơ... Có thể nghe rõ cái im lặng của nó, và trong cái im lặng này người ta cảm thấy có sự hiện diện của linh hồn con người vô danh đang nằm yên dưới cây thánh giá. Yên nghỉ giữa thảo nguyên, hồn người ấy có thanh thản không? Trong đêm trăng thanh vắng hồn có buồn không? Còn cảnh thảo nguyên quanh mộ thì có vẻ rầu rĩ, hiu quạnh và trầm ngâm, cỏ xem ra có buồn hơn mọi nơi và hình như tiếng dế ri ri cũng dè dặt hơn... Và không có một người qua đường nào lại có thể không tưởng niệm tới cái linh hồn cô đơn kia và không ngoái lại nhìn ngôi mộ cho đến khi nó lùi xa về phía sau và chìm hẳn trong sương mù...

- Ông ơi, cây thánh giá cắm ở đây để làm gì thế hả ông? - Iegoruska hỏi.

Lão Pantelây nhìn cây thánh giá, rồi nhìn Đumóp và hỏi:

- Mikôla này, đây có phải là chỗ mấy tay thợ gặt giết chết hai cha con người lái buôn không nhỉ?

Đumóp uể oải chống tay nhòm người lên, nhìn ra đường và đáp:

- Đúng đấy...

Im lặng một lúc. Kiriukha vò một mớ cỏ khô kêu soàn soạt, nắm nó lại cho gọn rồi đút xuống dưới cái nồi. Lửa bùng lên sáng rực. Một đám khói đen trùn lên khắp người Xtépka, và bóng cây thánh giá trượt nhanh trên quãng đường cái cạnh đoàn xe.

- Đúng, chính chỗ này họ đã giết hai cha con ông lái... - Đumóp nói miễn cưỡng. - Hai cha con đi bán tượng thánh, ghé lại nghỉ ở cái quán trọ gần đây, bây giờ là quán ông Igonát Phomin ấy. Ông bố uống

quá chén, ba hoa khoe mình có nhiều tiền trong người. Xưa nay mấy ông lái buôn vốn có thói quen khoe khoang, lạy Chúa che chở... Họ chỉ nóng lòng mong có dịp lòe anh em. Hôm ấy có đám thợ gặt nghỉ đêm ở quán trọ. Ấy, họ mới nghe ông ta nói khoe tiền, nên rắp tâm tìm cách cướp đoạt.

- Lạy Chúa tôi... lạy Đức mẹ! - lão Pantelây thở dài.

- Ngày hôm sau, còn chưa sáng hẳn, - Đumôp tiếp tục, hai cha con ông lái buôn sửa soạn lên đường, đám thợ gặt lặn la đến làm quen! “Mời ông, ta cùng đi một thể, cho nó vui, với lại cũng đỡ sợ, vì vùng này hẻo lánh lắm...” Hai cha con ông lái buôn cho ngựa đi bước một để khỏi vớ các tượng thánh, thể là đám thợ gặt tha hồ ngon ăn...

Đumôp quỳ lên và vươn vai.

- Phải, - hắn vừa ngáp vừa nói tiếp. - Lúc đầu thì vui vẻ cả, nhưng vừa đi đến chỗ này thì đám thợ gặt bắt đầu dùng hái làm thịt hai cha con. Anh con trai chẳng phải tay vừa, anh ta giật được một cái hái, cũng vung lên, làm thịt mấy đứa... Dĩ nhiên rốt cục đám kia thắng thế, vì chúng có đến tám đứa cả thảy. Chúng nó chém hai cha con không còn lấy một chỗ nào nguyên lành trên người nữa; xong đâu đấy, chúng kéo xác hai cha con sang hai bên đường, cha bên này, con bên kia. Đối diện với cây thánh giá này, bên kia đường có một cây nữa đấy... Không biết bây giờ có còn nữa không... Ngồi đây chẳng trông thấy gì...

- Còn đấy, - Kiriukha nói.

- Nghe nói sau khi lục người trong hai bố con đám thợ gặt chẳng thấy được nhiều tiền.

- Ít lắm, - lão Pantelây xác nhận, - chỉ có khoảng một trăm rúp.

- Đúng, mấy lại có ba đứa về sau cũng chết, vì anh lái buôn kia khua hái cũng hăng lắm... Một cuộc huyết chiến thực sự. Một tên bị anh lái buôn chém đứt cánh tay, nghe nói hắn ta chạy bốn vécxta với cái tay cụt, về sau người ta tìm thấy hắn ở mãi gần Kurikovo, trên một cái gò. Hắn ngồi xồm, đầu gục xuống hai đầu gối như đang suy nghĩ, nhưng nhìn kỹ thì chỉ còn là cái xác không hồn, nó chết từ lúc nào ấy...

- Người ta lần theo vết máu mới tìm thấy đấy... - lão Pantelây nói.

Ai nấy đều nhìn ra cây thánh giá và lại im lặng. Đâu đây, hình như từ bên kia cái khe, văng vẳng tiếng chim kêu buồn bã. “Ngủ đây! Ngủ đây! Ngủ đây!...”

- Trên đời kẻ cũng lắm người ác thật, - Emelian nói.

- Nhiều lắm, nhiều lắm! - lão Pantelây tán đồng rồi ngồi xích lại gần đồng lửa, như thể cảm thấy rờn rợn. - Nhiều lắm, - lão nói tiếp rất khẽ. - Trong đời tôi, tôi đã gặp khỏi những người như thế... Người ác đấy... Những bậc thánh và những người trung hậu tôi gặp cũng đã nhiều, nhưng những người tội lỗi thì đêm không xuể nữa... Lạy Đức bà cứu giúp và tha tội... Tôi nhớ có một lần cách đây dễ dên ba mươi năm rồi, có lẽ lâu hơn nữa là khác, tôi chờ cho một ông lái buôn ở Morsanxko. Ông lái buôn này tốt lắm, người có thanh thế, lại lắm tiền của... cái ông lái ấy... Một người rất khá... Thế rồi chúng tôi đánh xe đi và ghé nghỉ đêm ở một quán trọ. Mà ở Nga thì quán trọ không phải như ở vùng này đâu. Sạn quán có lợp như cái lán che lúa mới cắt hay như cái nhà chứa rơm trong các cơ ngơi khá giả. Có điều là cái nhà chứa rơm to cao hơn. Ấy, thế là chúng tôi ghé vào nghỉ trọ, và lúc đầu mọi việc đều êm thấm. Ông lái buôn nghỉ trong phòng trọ, còn tôi ngủ ngoài sân để trông ngựa, mọi việc đều ộn thỏa cả. Tôi mới đọc kinh cầu nguyện để ngủ cho ngon rồi dạo quanh sân một lát. Đêm hôm ấy tối đen như mực, xung quanh chẳng nhìn thấy cái gì. Tôi đi được mấy bước, khoảng bằng từ đây ra chỗ mấy chiếc xe kia thì chợt trông thấy một ánh đèn. Chuyện gì thế này nhỉ? Tưởng nhà chủ đã đi ngủ từ lâu, và ngoài tôi với ông lái buôn ra, không còn có khách nào trọ nữa kia mà!... Thế thì ánh đèn ở đâu ra? Tôi sinh

nghe... Tôi mới rón rén lại gần... tức là gần chỗ có ánh đèn ấy... Lạy Chúa xót thương, lạy Đức bà cứu vớt! Tôi nhìn kỹ thì thấy ở sát mặt đất có một cái cửa sổ nhỏ có chân song... ở trong nhà ấy... Tôi nằm rạp xuống đất ghé mắt nhìn vào; tôi chết khiếp.

Kiriukha cố thật lặng lẽ, đút vào bếp lửa một bó cỏ khô. Đợi cho cỏ hết nổ lách tách và phun hơi phì phò, ông già kể tiếp:

- Tôi nhìn vào thì thấy một căn hầm to bằng ngàn này này, tối tăm ảm đạm lắm... Trên một cái thùng tròn có ngọn đèn đang cháy leo lét. Ở giữa căn hầm có khoảng chục người mặc áo đỏ xắn tay đứng mài mấy con dao dài... Ai chà! Thế tức là chúng tôi đã lọt vào một ổ cướp mất rồi... Biết làm thế nào bây giờ? Tôi mới chạy vào chỗ ông lái buôn, khễ đánh thức ông ta dậy, và nói: “Này ông lái, đừng phát hoảng lên nhé, nhưng chúng mình nguy đến nơi rồi... Ông với tôi đã lọt vào một ổ cướp rồi đây”. Tôi nói thế. Ông ta chết khiếp đi rồi hỏi: “Thế bây giờ biết làm thế nào, hờ Pantelây? Tôi có giữ nhiều tiền của trẻ mồ côi... Tâm hồn tôi thuộc Chúa, tôi không sợ chết, nhưng sợ mất tiền của trẻ mồ côi”. Trong tình thế này phải làm thế nào? Công thì đóng kín, không có lối nào ra, dù đi xe hay đi bộ cũng chịu... Giá là sân có hàng rào, thì còn tính chuyện chui qua, đằng này sân lại xây kín, có lợp mái hăn hoi!... - “Thôi, tôi nói thế, ông đừng sợ, cậu nguyện Chúa. Có lẽ Người sẽ không để thiệt lỗ mồ côi. Ông cứ nằm yên đây, vờ như không hay biết gì, trong khi đó may ra tôi sẽ nghĩ được một kế nào chẳng...” Thôi được... thế là tôi cầu nguyện Chúa và Chúa đã rọi sáng trí tôi... Tôi liền leo lên cái xe của tôi khễ... khễ để không thể ai nghe, bắt đầu kéo lóp ra lóp trên sân, làm thành một lỗ hồng và trèo ra ngoài. Rạ hăn ngoài ấy... Xong tôi nhảy từ trên mái sân và cứ theo đường cái chạy cật lực. Tôi cứ thế cặm cồ chạy, chết thôi... Tôi chạy một mạch đến năm vécxta, có lẽ còn hơn nữa... Đội ơn Chúa. Tôi thấy phía trước có làng mạc. Tôi chạy đến một nhà, gõ vào cửa sổ. “Bà con chính giáo ơi, - tôi nói thế, - xin bà con đừng để chúng nó giết một mạng người vô tội...” Tôi đánh thức cả làng dậy... Nông dân tập hợp lại và đi theo tôi... Người thì cầm thừng, người thì cầm gậy, cầm nạng chĩa... Chúng tôi phá cổng quán trọ và lập tức xông vào hầm... Lúc bấy giờ quân kẻ cướp đã mài xong dao và đang sắp sửa hạ thủ ông lái buôn. Có bao nhiêu đứa đều bị dân làng họ trói gô cả lại, giải lên quan. Ông lái buôn mừng quá thường họ ba trăm rúp, còn tôi thì ông ấy cho năm rúp. Nghe nói sau đó người ta tìm thấy trong hầm có vô khối xương người. Xương ấy mà... Thế là chúng nó cướp cả người ta, rồi đem chôn xác đi phi tang... Ấy, về sau cả lũ bị xử tử ở Morsanxkơ.

Lão Pantelây kể xong đưa mắt nhìn qua đám thánh giả một lượt. Họ im lặng nhìn ông già. Nước đã sôi, và Xtépka đang vớt lớp bọt.

- Đã có mỡ chưa? - Kiriukha hỏi thì thầm.

- Đợi tí... Có ngay.

Xtépka mắt không rời lão Pantelây, và như thể sợ cụ già lại bắt đầu kể chuyện trong khi mình bỏ đi, chạy nhanh về phía đoàn xe và chỉ một thoáng đã quay trở lại, tay cầm cái bát gỗ nhỏ. Hắn bắt đầu vét mỡ lợn trong bát.

- Có một lần khác tôi cũng đi với một ông lái buôn... - lão Pantelây nói tiếp, giọng vẫn khe khẽ như trước, mắt không chớp. - Tôi còn nhớ tên ông ta là Pêtorơ Grigôrits. Ông ta tốt lắm... ông lái buôn ấy... Chúng tôi cũng nghỉ lại một cái quán trọ như thế... Ông ta nằm trong buồng còn tôi ở ngoài trông ngựa... Chủ nhà có hai vợ chồng, xem ra là người tốt cả, ăn nói rất hiền lành niềm nở, bọn người ở cũng có vẻ hiền lành, ấy thế nhưng tôi không sao ngủ được anh em ạ, trong lòng cứ thấy nôn nao thế nào ấy, Thôi cũng mặc. Công thì mở toang, quanh đây người ở khá đông, ấy thế nhưng tôi vẫn thấy rờn rợn thế nào ấy. Mọi người đã nghỉ yên từ lâu, đêm đã khuya lắm rồi, chẳng bao lâu nữa đã phải dậy, thế nhưng tôi nằm một mình trong chiếc xe không sao chợp đi được, mắt cứ thao láo như mắt cú vọ ấy. Được một lát, tôi nghe có tiếng chân bước rón rén: có ai đến cạnh chiếc xe của tôi. Tôi thò đầu ra thì thấy một người đàn bà, mình chỉ mặc chiếc áo ngủ, đi chân không... “Chị kia có việc gì đây?”, - tôi hỏi thế. Còn chị ta thì người run cầm cập, đúng thế, chết khiếp... “Dậy đi, ông ơi! - chị ta nói thế. - Khôn to rồi... Ông bà chủ nghĩ ra chuyện chẳng lành... Họ định giết chết ông lái buôn nhà ông đây. Chính tôi,

- chị ta nói thế, - chính tôi nghe lỏm được hai ông bà chủ đang thì thầm với nhau..." Ấy đây, tôi thấy trong lòng nôn nao chẳng phải là vô cớ! Tôi mới hỏi chị ta: "Thế chị là ai?" - "Tôi là con ở nhà họ..." Biết vậy... Tôi ra khỏi xe vào đánh thức ông lái buôn dậy nói rõ đầu đuôi: "Thế đây ông Pêtorơ Grigôrítz a, không xong rồi... Ông muốn ngủ thì sau hẵng ngủ cho đây, còn bây giờ thì hãy mặc quần áo mà đi ngay khỏi cái nơi tội lỗi này..." Ông ta vừa bắt đầu mặc áo quần thì cửa buồng mở toang, và... tôi trông thấy... Trời ơi! Ông chủ, bà chủ và ba người làm công xô vào... Thế ra họ cũng xúi được cả người làm công cùng nhập bọn... Ông lái buôn rất nhiều tiền, họ sẽ chia nhau mà... Cả năm người đều cầm dao dài... Mỗi người cầm một con... Ông chủ khóa cửa lại rồi nói: "Hai ông khách trọ hãy cầu nguyện Chúa đi... Còn nếu kêu la, - ông ta nói khẽ, - thì đến cầu Chúa trước khi chết chúng tôi cũng không để cho cầu nữa..." Còn kêu la cái nỗi gì? Chúng tôi sợ quá hòng cứ tắc lại, còn nói gì kêu la... Ông lái buôn khóc òa lên nói: "Bà con chính giáo! Bà con đã quyết giết tôi, ông ta nói thế, vì thích cái món tiền của tôi, thì tôi cũng xin chịu. Tôi chẳng phải là người đầu tiên, cũng chẳng phải là kẻ cuối cùng chịu cái số phận này. Anh em lái buôn chúng tôi bị bắt cộ ở các quán trọ cũng nhiều lắm. Nhưng còn cái anh xà ích của tôi, bà con chính giáo ơi, ông ta nói thế, anh xà ích của tôi thì có tội tình gì mà bà con cũng giết? Tại sao anh ta lại phải vì tiền của tôi mà thiệt mạng?" Ông ta nói nghe thảm quá. Ông chủ mới nói: "Nếu chúng tôi để cho hắn sống thì hắn sẽ là người đầu tiên đi báo chúng tôi. Giết một hay giết hai cũng thế thôi, - ông ta nói thế. - Bấy tôi cũng chỉ một đèn... Các ông hãy cầu nguyện đi, thế là xong không phải nói gì lỗi thôi nữa!" Tôi với ông lái buôn quỳ xuống cạnh nhau mà khóc và bắt đầu cầu nguyện Chúa. Ông ấy nhớ mấy đứa con, còn tôi hồi ấy còn trẻ, còn muốn sống lắm... Chúng tôi nhìn lên tượng thánh cầu nguyện, cảm thiết đến nỗi bây giờ nhớ lại tôi còn ứa nước mắt... Còn bà chủ thì nhìn chúng tôi rồi nói: "Các ông là người lành, sang thế giới bên kia đừng oán giận gì chúng tôi và đừng cầu Chúa trừng phạt chúng tôi, vì chúng tôi túng thiếu mới phải làm thế này". Chúng tôi cầu nguyện, và khóc lóc một hồi thì Chúa nghe thấy tiếng chúng tôi. Thế là Chúa rủ lòng thương xót... Ngay khi ông chủ túm lấy râu ông lái buôn để kê dao vào cửa cổ ông ta, thì bỗng ngoài sân có ai gõ gõ mạnh vào cửa sổ! Chúng tôi giật thót người lên một lượt, còn ông chủ thì rụng rời tay chân... Có ai đang gõ cửa sổ và quát: "Pêtorơ Grigôrítz, anh đang ở đây phòng? Sửa soạn đi, ta lên đường!" Hai ông bà chủ thấy có người đến tìm ông lái buôn, sợ quá ba chân bốn cẳng chuồn thật nhanh... Còn chúng tôi hồi hải ra sân thẳng ngựa đi một mạch...

- Thế ai gõ cửa? - Đumôp hỏi.

- Gõ cửa ấy à? Chắc là ông phước lộc hay là một vị thiên thần nào đấy. Vì ra ngoài chẳng thấy ai... Khi chúng tôi ra khỏi sân quán, ngoài đường không có lấy một bóng người... Đây là bàn tay của Chúa!

Lão Pantelây còn kể thêm một vài câu chuyện gì nữa, và trong tất cả những câu chuyện lão kể, mấy "con dao dài" đều có vai trò quan trọng như nhau, và người ta đều cảm thấy rõ sự bịa đặt. Không biết ông lão nghe một người khác kể lại những chuyện này hay ông lão tự bịa ra từ thuở nào xa xưa lắm, rồi về sau sự nhớ suy yếu đi, ông lão lẫn lộn những việc mình đã trải qua với những chuyện bịa đặt, không còn phân biệt được nữa? Hai khả năng đều có cả, nhưng có một điều lạ là bây giờ trong suốt cuộc hành trình, mỗi lần có dịp kể chuyện ông lão lúc nào cũng dành địa vị độc tôn cho loại chuyện bịa chứ không bao giờ thêm kể chuyện thật nữa. Nhưng lúc này Iegoruska định ninh rằng đó đều là chuyện có thật và tin ông lão từng lời từng chữ. Về sau nó mới lấy làm lạ, không hiểu sao một con người bình sinh đã đi khắp nước Nga, đã trông thấy và biết được rất nhiều, một con người mà vợ con đều đã chết thiêu, lại không thấy cuộc đời phong phú của mình có chút gì là đáng giá, và cứ mỗi lần ngồi bên đồng lửa lại chỉ làm thỉnh hoặc toàn nói những chuyện không hề có thật.

Trong khi ăn cháo mọi người đều lặng thinh suy nghĩ đến những chuyện vừa nghe, cuộc sống thật là đáng sợ và lảm chuyện kỳ dị, cho nên trên đất Nga dù người ta có kể chuyện gì, dù người ta có tô điểm câu chuyện bằng những ổ trộm cướp, những con dao dài và những phép thần thông ra sao, người nghe bao giờ cũng cảm thụ như trước một việc có thật, và họa chăng cũng chỉ có người nào đã chịu ảnh hưởng sâu xa của chữ nghĩa mới có thái độ hoài nghi, và chẳng, người ấy cũng sẽ ngồi im không nói gì. Cây thánh giá bên đường, mấy đồng lông cừu chất lù lù trên xe, khoảng không gian rộng mênh mông và số phận của những con người quây quần quanh đồng lửa - ngay tất cả những cái đó cũng đã có một cái gì kỳ dị và dễ sợ, đến nỗi cái chât hoang đường của câu chuyện bịa đặt cũng phải mất đi và hòa lẫn

với cuộc sống.

Mọi người đều múc cháo trong nồi ra ăn, chỉ có lão Pantelây ngồi riêng ra một chỗ ặn cháo trong cái bát gỗ. Thìa của cụ không giống như của mọi người: nó làm bằng gỗ trắc bá, có khắc hình chữ thập. Iegoruska nhìn lão lại nhớ đến cái chén đựng dầu đốt đèn thờ. Nó hỏi khẽ Xtépka:

- Sao ông cụ lại ngồi riêng ra thế?

- Ông ấy theo cụ giáo, - Xtépka và Vaxia thì thầm đáp, vẻ lấm lét như thể đang nói về một nhược điểm hay một thói xấu cần phải giấu kín.

Ai nấy đều im lặng suy nghĩ. Sau những câu chuyện khủng khiếp ấy chẳng còn ai muốn nói đến những việc bình thường nữa. Bỗng trong không khí trầm ngâm ấy Vaxia đứng thẳng dậy, hai con mắt đục nhìn trừng trừng vào một điểm, tai vênh lên nghe ngóng.

- Cái gì thế? - Đumốp hỏi anh ta.

- Có ai đang đi kia, - Vaxia đáp.

- Cậu trông thấy hắn ở đâu?

- Đằng kia kia! Chỉ loáng thoáng thấy một bóng trắng...

Ở phía Vaxia đang nhìn chẳng ai trông thấy gì cả ngoài bóng đêm tối mịt; ai nấy đều lắng tai, nhưng không hề nghe thấy tiếng chân bước.

- Đi trên đường cái à? - Đumốp hỏi.

- Không, đi giữa đồng... Đang đi về phía ta đây.

Một phút im lặng trôi qua.

- Có thể là ông lái buôn chôn ở đây đang đi lang thang trên đồng đấy, - Đumốp nói.

Ai nấy đều liếc mắt về phía cây thánh giá, đưa mắt nhìn nhau rồi bỗng cười phá lên, hơi ngượng vì nỗi lo sợ hão huyền của mình.

- Sao ông ta lại phải đi lang thang? - lão Pantelây nói. - Chỉ có những vong hồn nào đất không dung thì đêm đêm mới phải đi lang thang như thế. Còn như hai ông lái buôn này thì có làm sao đâu... Họ đã chết như những người tuần đạo...

Nhưng rồi có tiếng chân bước lại gần, rất gấp.

- Người ấy mang vật gì ấy, - Vaxia nói.

Đã bắt đầu nghe thấy tiếng cộ sột soạt và tiếng cành khô gãy răng rắc dưới bước chân người lạ, nhưng ngoài cái vùng sáng quanh đồng lửa chẳng trông thấy gì hết. Cuối cùng tiếng chân bước gần hẳn lại, có ai đằng hắng một tiếng; ánh lửa chớp chờn như thể rẽ ra, cái màn che mắt mọi người biến đi và toán người áp tải chợt trông thấy một người hiện ra trước mặt.

Không biết vì ánh lửa chớp chờn hay vì ai nấy đều muốn nhìn cho rõ trước tiên là vẻ mặt người lạ, nhưng có một điều kỳ dị là cái mà mọi người đều trông thấy trước tiên không phải là gương mặt, không phải cách trang phục, mà là nụ cười của người ấy. Đó là một nụ cười hiền hậu lạ lùng, rộng rãi và dịu dàng như nụ cười của đứa bé mới thức giấc, một trong những nụ cười có sức truyền cảm phi thường

mà người ta khó lòng có thể không mỉm cười đáp lại. Nhìn kỹ ra, người lạ mặt là một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi, xấu trai và không có gì đặc sắc cả. Đó là một người Ucraina cao lêu nghêu, mũi dài, tay dài, chân cũng dài; nói chung ở hắn ta cái gì nom cũng có vẻ dài lêu nghêu, riêng cái cổ thì lại ngắn, thành thử hắn ta trông như hơi gù. Hắn ta mặc một chiếc sơ mi trắng sạch sẽ, ve cô có thêu, một cái quần trắng ống rộng, đi một đôi ủng mới, và so với mấy người đi áp tải thì có vẻ khá bảnh bao. Hắn ta cầm một cái gì to to, trắng trắng và mới thoạt trông rất kì dị, sau vai hắn nhô lên một cái nòng súng trường, cũng dài ngoằng.

Từ bóng tối bước đột ngột vào chỗ sáng, hắn ta dừng phắt lại như bị đinh đóng tại chỗ và trong khoảng nửa phút cứ nhìn mấy người chờ hàng như muốn nói: “Các anh xem tôi có cái nụ cười đã hay chưa!” Đoạn hắn ta bước tới bếp lửa, mỉm cười còn rạng rỡ hơn nữa và nói:

- Các anh em, chúc ăn ngon miệng!

- Xin mời anh, - lão Pantelây đáp thay cho cả bọn.

Người lạ mặt để vật đang cầm trong tay xuống cạnh đồng lửa. - Đó là một con vạc bị bắn chết, - và chào lại một lần nữa.

Mọi người đều xúm quanh con vạc mà ngắm nghía.

- Con chim khá lắm! Anh bắn bằng gì thế? - Đumốp hỏi.

- Bằng đạn riạ đấy... Đạn viên thì không trúng được, nó có đề cho mà tới gần đâu... Anh em mua đi! Hai mươi kôpếch thì tôi để.

- Chúng tôi mua làm gì? Chim này quay thì ăn được chứ luộc thì dai lắm, nhai không ra đâu...

- Chà bức thật! Giá mang đến trại cho các ông lớn, các ông ấy trả đến nửa rúp đấy, phải cái xa quá: mười lăm vécxta!

Người lạ mặt ngồi xuống, bỏ súng ra đặt bên cạnh. Hắn ta có vẻ buồn ngủ, mệt mỏi. Hắn mỉm cười, nheo nheo mắt vì chói ánh lửa, và hình như đang nghĩ đến một cái gì thú vị lắm. Họ đưa cho hắn ta cái thìa. Hắn bắt đầu ăn.

- Anh là ai thế? - Đumốp hỏi hắn.

Người lạ mặt không nghe thấy câu hỏi; hắn không đáp và thậm chí cũng không nhìn sang Đumốp. Có lẽ con người tươi cười này cũng không hề cảm thấy mùi vị của cháo ra sao, vì hắn nhai thần thờ như cái máy, đưa thìa lên môi mà cũng chẳng để ý trong thìa có gì, thành thử khi thì thìa đầy trợn, khi thì lại húp thìa không. Say thì hắn không say, nhưng trong đầu hắn đang có một ý gì ngộ nghĩnh lắm.

- Tôi hỏi anh, anh là ai thế? - Đumốp nhắc lại.

- Tôi ấy à? - người lạ mặt giật mình. - Tôi là Konxtantin Dvoních ở Rốpnur. Cách đây bốn vécxta.

Và muốn cho người ta thấy ngay từ đầu rằng mình không phải là loại nông phu tầm thường như ai, mà là một thứ gì khá hơn, Konxtantin vội vàng nói thêm:

- Nhà tôi nuôi ong và nuôi lợn.

- Anh ở nhà bố hay có nhà riêng?

- Không, bây giờ tôi ở riêng rồi. Vừa rồi, sau ngày lễ 29 tháng Sáu theo lịch cũ tôi đã cưới vợ. Bây

giờ tôi là người có gia thất rồi!... Cưới đến hôm nay đã được mười tám ngày rồi.

- Khá đấy - lão Pantelây nói. - Lấy vợ là tốt... Phước lành Chúa ban đấy...

- Vợ trẻ ngủ ở nhà, thế mà anh ta thì đi lang thang trên thảo nguyên, - Kiriukha cười. - Gàn thật!

Như thế vừa bị véo vào chỗ đau nhất, Konxtantin cuống quýt lên, cười theo, mặt đỏ bừng...

- Nhưng cô ta có ở nhà đâu! - hấn rút nhanh cái thìa ra khỏi mồm nói, đôi mắt vui mừng và ngạc nhiên nhìn khắp cả bọn. - Không có! Cô ta về nhà mẹ hai hôm! Thật đấy mà, cô ta về nhà mẹ, thế là tôi đâm ra như người chưa vợ...

Konxtantin khoát tay và lắc đầu; hấn muốn suy nghĩ tiếp, nhưng niềm vui sướng đang làm cho gương mặt hấn rạng rỡ lên không để cho hấn nghĩ. Như thế chưa tìm được thế ngồi cho thoải mái, hấn trở mình đôi tư thế, cười phá lên rồi lại khoát tay. Hấn ngượng, không dám bày tỏ ra cho người khác biết những ý nghĩ thú vị của mình, nhưng đồng thời lại nóng lòng muốn chia sẻ niềm vui của mình với mọi người.

- Cô ấy về Đêmiđôvô với mẹ! - hấn vừa nói vừa để cái súng sang chỗ khác, mặt đỏ bừng. - Mai cô ta sẽ về với tôi... Cô ta có nói là sẽ về ăn bữa trưa.

- Thế anh có buồn không? - Đumôp hỏi.

- Trời ơi, sao lại không? Mới cưới được mấy hôm đã đi mất... Hả? Cô ta rất táo bạo, thật thế! Cô nàng vừa xinh đẹp vừa ngoan hết chỗ nói, cười, hát suốt ngày, như con sáo ấy. Có cô ta là đầu cứ quay cuồng lên, không có cô ta thì như thế đánh mất cái gì, cứ đi lang thang khắp đồng nội như thằng ngây. Tôi đi suốt từ bữa ăn trưa đến giờ đây, hết sức buồn rầu.

Konxtantin dụi mắt nhìn ngọn lửa rồi cười.

- Thế là anh yêu vợ đấy... - lão Pantelây nói.

- Cô ấy vừa xinh đẹp vừa dễ mến, - Konxtantin nói tiếp, không thềm nghe nói gì, - thật là một cô chủ nhà thông minh và khôn khéo, trong đám dân thường khắp tỉnh này không tìm được một cô nào như thế. Cô ấy đi vắng rồi... Ấy, cô ta cũng nhớ lắm, tôi biết! Tôi biết rõ con sáo của tôi chứ! Cô ấy bảo là mai đến bữa ăn trưa sẽ về... Mà đây cũng là một chuyện rắc rối chứ không phải vừa! - Konxtantin gằn như reo lên, đột nhiên chuyển sang một giọng cao hơn hấn và đôi tư thế ngồi. - Bây giờ cô ta yêu và nhớ tôi, chứ hồi trước mãi không chịu lấy đấy!

- Nhưng anh ăn đi chứ! - Kiriukha nói.

- Mãi không chịu lấy tôi đấy! - Konxtantin nói tiếp, không thềm nghe. - Suốt ba năm tôi phải vất vả với cô nàng. Tôi gặp cô ta ở phiên chợ Kalatsik, yêu cô ta chết mê chết mệt đi, dù có phải lên giá treo cô cũng theo cho kỳ được... Tôi ở Rôpnui, cô ta ở Đêmiđôvô, cách nhau đến hai mươi lăm vécxta, tôi chẳng biết xoay xở thế nào. Tôi nhờ người đến làm mối, cô ta cứ một mực: “Tôi chả thích”. Tôi mới gửi biếu quà này cáp nọ, nào là đôi hoa tai, nào là bánh ngọt, nào là mật ong - vẫn “chả thích!” như thường. Thế cơ chứ! Mà nghĩ cho kỹ ra, như cái thứ tôi đây thì sao có thể sánh đôi được với cô ấy; cô ấy trẻ, đẹp, linh hoạt, còn tôi thì già nua - gần ba mươi còn gì, với lại cái mã mới đẹp chứ, râu thì oai ra phết, nhọn hoắt như cái đinh, mặt thì sạch ra trò: toàn những nốt trứng cá sần sùi. Tôi sánh sao nổi? May ra chỉ được cái gia đình tôi cũng khá phong lưu, nhưng gia đình cô ta, nhà Vakhramenkô ấy, cũng có máu mặt lắm. Có ba cặp bò thiên và thuê hai người làm công cơ đấy. Tôi phải lòng cô ta rồi đâm ra như điên như dại... Ngủ chẳng ngủ, ăn chẳng ăn, đầu óc cứ nghĩ liên miên rồi mụ mẩn đi không còn ra hồn người nữa. Muốn được gặp cô nàng, nhưng cô nàng ở mãi Đêmiđôvô kia... Các anh nghĩ sao nào? Tôi mà nói dối có Chúa phạt, cứ mỗi tuần tôi đã đi bộ đến đấy ba lần để nhìn nàng một tí. Công việc

bỏ bệ hết! Tôi mê đến nỗi đã toan lên Đemidôvô xin làm công chọ người tạ, ấy, để được gần nàng hơn. Khổ quá chừng! Mẹ tôi mời bà lang đến, bố tôi nọc tôi ra đánh đến chục lần. Ấy, tôi mê mệt đi ba năm ròng như vậy và đã quyết là dù có bị nguyên rửa ba lần bảy lượt tôi cũng sẽ ra thành phố làm xà ích... Tôi nghĩ bụng: thế là mình không có số rồi! Thế rồi nhân Tuần lễ Thánh tôi đi Đemidôvô để được nhìn thấy nàng lần cuối...

Konxstantin ngả đầu ra sau, cười khúc khích như thể vừa bày được một trò rất tinh quái lừa ai.

- Tôi nhìn thấy nàng đứng bên bờ sông với mấy anh chàng. - Hấn nói tiếp. - Thế là tôi cáu tiết lên... Tôi gọi nàng ra một nơi và có lẽ suốt một tiếng đồng hồ tôi nói với nàng đủ thứ... Thế là nàng yêu tôi! Ba năm ròng không thêm yêu, nhưng tôi nói một thôi một hồi, thế là yêu ngay!

- Anh nói những gì thế? - Đumôp hỏi.

- Nói những gì à? Cũng chẳng nhớ nữa... Nhớ sao nổi? Lúc bấy giờ cứ nói như nước trong máng đổ ra, cứ liên hồi không kịp thở! Giá là bây giờ thì tôi chẳng nói được một câu nào... Ấy, thế là cô ả bằng lòng lấy tôi... Bây giờ con sáo về thăm mẹ, và vắng nó tôi cứ lang thang trên thảo nguyên thế này đây. Tôi không thể ngồi nhà được. Không chịu nổi!

Konxstantin vụng về duỗi chân ra, nằm xuống đất, gồi đầu lên hai nắm tay, rồi lại ngồi dậy. Bây giờ thì mọi người đều đã hiểu rất rõ rằng đây là một con người đang yêu và đang sung sướng, sung sướng đến thò thân ra, nụ cười khoe mắt và đôi môi cử động của hấn đều biểu hiện niềm vui sướng ngây ngất. Hấn đứng ngồi không yên, không biết chọn tư thế nào cho ổn, không biết mình nên làm gì để khỏi phát ốm lên vì quá tràn trề những ý nghĩ thú vị. Sau khi đã trút bầu tâm sự ra trước mặt toàn người không quen biết, hấn mới ngồi yên lại được, và nhìn ánh lửa mà trầm ngâm suy nghĩ.

Trông thấy một con người hạnh phúc, ai nấy đều thấy buồn buồn, và thêm hạnh phúc. Cả bọn đều trầm ngâm. Đumôp đứng dậy, rón rén đi qua cạnh đồng lửa, và cứ trông những cử động của đôi bả vai cũng có thể thấy rõ là hấn đang buồn chán. Hấn đứng nhìn Konxstantin một lát rồi ngồi xuống.

Bếp lửa đã tàn lụi. Ánh lửa không còn chập chờn nữa, cái vệt đỏ ở xung quanh đã thu hẹp lại, mờ đi... Và lửa càng tàn lụi, ánh trắng lại càng sáng rõ. Bây giờ đã nhìn thấy suốt chiều rộng con đường cái, nhìn thấy những kiện lông cừu, những cặp cang xe, những con ngựa; ở bên kia đường, cây thánh giá thứ hai hiện ra mờ mờ...

Đumôp chống tay lên má và khe khẽ hát một bài gì rất ại oán. Konxstantin nở một nụ cười ngái ngủ và cất giọng thanh thanh hát theo. Họ hát khoảng nửa phút rồi im bặt... Emelian nhích nhích hai khuỷu tay và ngo ngoáy mười đầu ngón tay.

- Anh em à, - anh ta nói, giọng van lơn. - Ta hát một bài gì cho nó thiêng liêng một chút đi!

Mắt anh ta ứa lệ.

- Anh em ạ! - anh ta nhắc lại, bàn tay ép lên tim. - Ta hát một bài gì cho thật thiêng liêng đi!

- Tôi không hát được đâu, - Konxstantin nói.

Mọi người đều từ chối, Emelian đành hát một mình. Anh ta khua cả hai tay, gật gật cái đầu, mở to miệng ra, nhưng từ thanh quản của anh ta chỉ phát ra một hơi thở phều phào không thành tiếng. Anh ta hát bằng tay, bằng đầu và bằng mắt, bằng cả cái mụn cóc nữa, anh ta hát say sưa, thông thiết, và lòng ngực của anh càng căng ra để cổ phát thành tiếng thì hơi thở của anh ta lại càng phều phào.

Iegoruska cũng thấy buồn chán như mọi người. Nó trở về xe, leo lên kiện lông cừu và nằm xuống. Nó nhìn lên trời và nghĩ đến anh chàng Konxstantin diễm phúc và cô vợ của anh ta. Người ta lấy vợ để làm

gì nhỉ? Trên đời này đàn bà sinh ra để làm gì? Iegoruska tự đặt ra cho mình những câu hỏi mơ hồ, và nghĩ rằng người đàn ông chắc phải sùng sảng lắm nếu bên cạnh họ luôn luôn có một người đàn bà dịu dàng, vui vẻ và xinh đẹp. Không hiểu sao nó nhớ đến bá tước phu nhân Đranítxkaia và tự nhủ rằng sống với một người đàn bà như thế chắc thích lắm; giá có thể, có lẽ nó sẽ vui lòng lấy bá tước phu nhân, chỉ hiềm một nỗi là nó sẽ ngượng chết mất thôi. Nó nhớ đến đôi lông mày của phu nhân, đôi mắt của nàng, chiếc xe song mã, cái đồng hồ có tượng kỳ sĩ... Trời đêm tĩnh mịch, âm áp cúi xuống với nó và ghé tai nó thì thầm điều gì, và nó có cảm giác là chính người đàn bà xinh đẹp ấy cúi xuống với nó, mỉm cười nhìn nó và muốn hôn nó...

Đống lửa chỉ còn là hai con mắt đỏ lờm bé tí, và mỗi lúc một nhỏ hơn. Mấy người chờ hàng và Konxtantin đang ngồi cạnh hai con mắt ấy, tối tăm, im lìm, và bây giờ họ có vẻ đông hơn lúc nãy nhiều. Cả hai cây thánh giá đều trông rõ như nhau và ở xa tắp đâu trên con đường cái lớn, lập lòe một đốm lửa đỏ - chắc ở đây cũng có ai đang nấu cháo ăn.

- “Nước Nga, mẹ hiền của chúng ta, đứng đầu cả thiên hạ!” - Kiriukha bỗng cất cái giọng ông ông hát tướng lên, nhưng rồi bị vỡ giọng và cầm bật. Tiếng vang vẫn truyền đi rất xa, và người ta có cảm giác như đích thân sự ngu xuẩn đang lăn bánh nặng nề trên thảo nguyên.

- Đến giờ lên đường rồi đây! - lão Pantelây nói. - Đứng dậy, các cậu!

Trong khi họ thắng ngựa, Konxtantin đi đi lại lại bên đoàn xe và hân hoan ca ngợi vợ mình.

- Thôi anh em đi nhé! - hắn nói to khi đoàn xe chuyển bánh. - Cảm ơn anh em đã tiếp tôi niềm nở như vậy! Tôi lại tìm đến nơi nào có đống lửa đây! Chịu không nổi mà!

Chẳng bao lâu hắn đã khuất trong bóng tối và một hồi lâu vẫn còn nghe tiếng bước chân của hắn đi về phía có ánh lửa, để lại cho người khác nghe biết niềm hạnh phúc của mình.

Khi Iegoruska thức dậy thì trời vừa hửng sáng. Mặt trời chưa mọc. Đoàn xe đã dừng lại. Một người lạ mặt đội mũ lưỡi trai trắng, mặc một bộ áo quần bằng thứ vải màu xám rẻ tiền, cưỡi một con ngựa Cồđắc, đang đứng cạnh cái xe đi đầu nói chuyện gì với Đumốp và Kiriukha. Phía trước, cách đoàn xe khoảng hai vécxta, thấp thoáng những cái vựa thóc thâm thấp và những mái ngói; quanh mấy ngôi nhà ấy chẳng thấy có chuồng mà cũng chẳng thấy cây cối gì cả.

- Ông ơi, làng nào đây hở ông? - Iegoruska hỏi.

- Đây là mấy cái ấp của người Ácmêni đây cậu ạ, - lão Pantelây đáp. - Người Ácmêni ấy sống ở đây. Dân khá lắm...

Người mặc bộ đồ xám đã nói chuyện với Đumốp và Kiriukha xong, cho ngựa quay lại và nhìn về phía mấy cái ấp.

- Công việc nó như thế đấy, rõ thật! - lão Pantelây thở dài, mắt cũng nhìn về phía ấp, người co ro lại vì khí lạnh ban mai. - Ông ấy cho người đến ấp lấy cái giấy gì ấy, mà mãi chưa thấy trở về... Giá phái Xtépka đi!

- Thế ai đây hở ông? - Iegoruska hỏi.

- Varlamốp đây.

Trời ơi! Iegoruska ngồi phất dậy, quỳ lên cái mũ lưỡi trai trắng. Trông con người thấp bé mặc áo xám, chân đi đôi ủng to, cưỡi con ngựa bé xấu xí, đang nói chuyện với hai người nông phu trong khi những người tử tế đều đang ngủ yên, thật khó lòng có thể thấy có gì tương ứng với cái tên Varlamốp bí ẩn, với con người khó gặp ấy, con người mà mọi người đều phải tìm kiếm luôn luôn “quanh quẩn” đâu đây và

có nhiều tiền hơn bá tước phu nhân Đranítxkaia nhiều.

- Ông ta cũng khá lắm, một người rất tốt... - lão Pantelây vừa nói vừa nhìn về phía ấp. - Cầu Chúa ban sức khỏe cho ông ấy... Ông chủ ấy tốt lắm, ông Varlamóp ấy, Xêmiôn Aléchxandrovíts ấy... Nhờ những người như thế mà đất đai được vững chãi đầy cậu ạ. Đúng thế... Gà chưa gáy sáng ông ta đã dậy rồi... Giá là người khác thì đang ngủ khi hay ở nhà nói chuyện phiếm với khách, đằng này ông ta suốt ngày trên thảo nguyên, chạy hết chỗ này đến chỗ khác... Ông này thì không bỏ bê công việc đâu... Không đời nào! Thật là một con người cừ khôi!...

Varlamóp vẫn nhìn chăm chăm về phía ấp và đang nói gì, con ngựa sốt ruột cứ đổi chân đứng luôn luôn.

- Ông Xêmiôn Aléchxandrovíts, - lão Pantelây cất mũi gọi to, - xin ông phái Xtépka đi. Emelian à, cậu nói hộ là bảo Xtépka đi nhé!

Nhưng rồi cuối cùng từ trong ấp cũng thấy lộ ra một người cưỡi ngựa. Người nghiêng hẳn sang một bên và tay vung ngọn roi quá đầu, như thể đang thao diễn tài phi ngựa giỏi và muốn làm cho mọi người phải kinh ngạc vì nước phi táo bạo của mình, hân phóng như bay về phía đoàn xe.

- Chắc là người liên lạc của ông ấy, - lão Pantelây nói. - Dễ ông có đến hàng trăm người liên lạc như thế, có khi còn nhiều hơn cũng nên.

Đến ngang chiếc xe đi đầu, người liên lạc ghì cương, bỏ mũ và đưa cho Varlamóp một quyển sổ. Varlamóp rút từ trong quyển sổ ra mấy tờ giấy, đọc chúng rồi quát:

- Thế tờ giấy của Ivantsúc đâu hả?

Người cưỡi ngựa lấy lại quyển sổ, nhìn qua mấy tờ giấy và so vai; hắn bắt đầu nói những gì không rõ, chắc là để tự thanh minh, và xin phép phóng ngựa đến ấp Ácmêni một lần nữa. Con ngựa của Varlamóp cưỡi bỗng chao người đi như thể người cưỡi đột nhiên nặng hắn lên. Varlamóp cũng chao người đi.

- Cút ngay! - ông ta quát, vẻ giận dữ và giơ cao ngọn roi lên, toan đánh người liên lạc.

Đoạn ông ta cho ngựa quay lại, rồi vừa xem mấy tờ giấy trong sổ, vừa cho ngựa đi bước một dọc theo đoàn xe. Khi ông ta tới gần chiếc xe sau cùng, Iegoruska trơ hết nhãn lực ra để nhìn ông ta cho thật kỹ. Varlamóp đã già. Khuôn mặt ông ta, với chòm râu hoa râm mỏng, một khuôn mặt Nga bình dị, rậm nắng, lúc bấy giờ đỏ bừng lên, ướt đầm sương mai và chằng chịt những đường gân xanh; nó cũng có cái vẻ khô khan của người làm ăn tần tảo như vẻ mặt của ông Ivan Ivanúrts, cũng có cái vẻ hăm mê kinh doanh như thế. Nhưng người ta vẫn cảm thấy Varlamóp khác Ivan Ivanúrts vô cùng. Ở ông cậu Kudmitsóp, bên cạnh cái vẻ khô khan sự vụ kia bao giờ trên gương mặt cũng thấy nỗi lo sợ là sẽ không tìm ra được Varlamóp, sẽ đến muộn và không bán hàng cho được giá; còn trên gương mặt cũng như trong dáng dấp của Varlamóp thì không hề có một chút gì như vậy, không hề thấy cái vẻ lo sợ của những con người nhỏ bé và lệ thuộc. Con người này thì tự mình đặt ra giá cả, không thèm đi tìm ai và không lệ thuộc vào ai hết; về bên ngoài của ông ta không có gì đặc sắc thật, nhưng trong tất cả cái dáng dấp của ông ta, kể cả cách cầm roi ngựa, đều có thể thấy rõ ông ta có ý thức về sức mạnh của mình và đã quen ngự trị ở chôn thảo nguyên này.

Khi ngựa đi ngang chỗ Iegoruska, ông ta không nhìn nó; chỉ có con ngựa hạ cổ nhìn nó bằng đôi mắt to ngây dại, nhưng cũng chỉ nhìn một cách đứng đưng. Lão Pantelây cúi chào Varlamóp; thấy thế, ông ta vẫn không rời mắt nhìn vào cuốn sổ, cất cái giọng nói:

- Chào ông già!

Câu chuyện trao đổi giữa Varlamóp với người liên lạc và cái cử chỉ giơ cao roi ngựa của ông ta hình như đã gây ra một ấn tượng nặng nề đối với cả đoàn xe. Về mặt mọi người đều nghiêm lại. Người liên lạc, hoang mang trước cơn giận của con người đầy quyền lực kia, đầu vẫn để trần, buông thõng dây cương đứng yên cạnh chiếc xe đi đầu; lặng thinh và dường như không tin rằng mới sáng ra mình đã gặp một chuyện rủi ro như vậy.

- Ông già này bẳn tính quá... - lão Pantelây lẩm bẩm. - Thật khổ, ai đòi lại bản thể. Nhưng nói chung thì ông ta khá lắm, cũng là người rất tốt... Không bao giờ vô cớ xúc phạm đến ai... Khá lắm...

Xem xét xong các giấy tờ, Varlamóp rút quyển sổ vào túi, con ngựa như hiểu được ý chủ, không đợi cho ông ta giục đã tung bồm cật vó phi nhanh trên con đường cái lớn.

VII.

ĐÊM HÔM ẤY mấy người chở hàng cũng dừng lại nghỉ và nấu cháo ăn. Lần này, ngay từ đầu, trong vạn vật đều cảm thấy có một nỗi nhớ mong mơ hồ. Khí trời ngọt ngạt oi ả; ai nấy đều uống nước rất nhiều mà vẫn không sao đã khát. Trăng lên một màu huyết dụ đỏ ối, ủ dột như đang ốm; các vì sao cũng bơ phờ, bóng tối dày đặc hơn, phía xa mờ mịt hơn. Thiên nhiên như thể đang linh cảm thấy điều gì sắp tới và đang ủ ê bất hoải.

Bên đồng lửa không còn có cái không khí sôi nổi và những câu chuyện rôm rả như hôm qua nữa. Mọi người đều chán ngán và nói chuyện một cách uể oải và miễn cưỡng. Lão Pantelây chỉ thờ dài sườn sượt, kêu nhức chân và chốc chốc lại nhắc đến những cái chết bất đắc kỳ tử.

Đumóp nằm sấp, lặng lẽ nhai cái cọng rơm, gương mặt mệt mỏi và hần học, lại có vẻ ghê tởm cái gì như thể cọng rơm ấy có mùi thối... Vaxia kêu là nhức quai hàm, và tiên đoán là thời tiết xấu, Emelian thì không vung tay đánh nhịp, mà ngồi im phăng phắc và cau có nhìn ngọn lửa. Iegoruska cũng ủ dột. Chẳng đường vừa qua ngựa kéo xe đi bước một, làm cho nó phát chán phát mệt ra, và do khí trời nồng nực lúc ban ngày, nó thấy nhức đầu quá.

Khi cháo đã chín, Đumóp xoay ra kiểm chuyện với các bạn.

- Cái thằng mụn cóc kia nãy giờ cứ ngồi ì ra, bây giờ lại cầm thìa sán vào trước hết, - hần nói và hần học nhìn Emelian. - Đồ tham ăn! Cháo vừa chín đã men ngồi kè kè bên cạnh nồi trước tiên. Hồi trước có đi hát, thế mà đã tưởng mình là ông lớn rồi! Cái thứ phường hát như thế kia thì khối đưa đi ăn xin trên đường cái ấy!

- Việc gì mà y cứ phải gây chuyện? - Emelian cũng hần học hỏi lại.

- Việc là mà y đừng có vội sán vào nồi. Đừng có tưởng mình đây ghê gớm lắm!

- Đồ ngu, chỉ có thế thôi, - Emelian phều phào.

Đã biết rõ qua kinh nghiệm là những câu nói qua nói lại như vậy thường kết thúc như thế nào, lão Pantelây và Vaxia liền can thiệp và lựa lời khuyên bảo Đumóp đừng chửi bới người ta một cách vô cớ.

- Phường hát... - Đumóp vẫn không chịu thôi, hần cười khẩy, tỏ vẻ khinh bỉ. - Hát như mà y thì ai mà chả hát được. Cứ ngồi trước bậc thềm nhà thờ mà hát: “Lạy ông đi qua, lạy bà đi lại, vì nghĩa Chúa, xin bỏ thí cho một vài kôpêch”. Cái đồ...

Emelian lặng thinh. Sự im lặng này có tác dụng làm cho Đumóp cáu tiết lên. Hần càng hần học nhìn Emelian nói:

- Tao không muốn lời thôi, chứ không thì tao sẽ cho mày biết thân biết phận.

- Nhưng làm sao mày cứ sấn vào tao mà gây sự thế, đồ kẻ cướp? - Emelian nổi khùng lên. - Tao có động đến mày đâu?

- Mày gọi tao là cái gì hả? - Đumóp thẳng người dậy hỏi và mắt hằn máu ứ đỏ ngầu. - Cái gì? Tao là đồ kẻ cướp phỏng? Thế thì đây! Đi mà nhặt!

Đumóp giật phắt cái thìa trong tay Emelian và ném ra thật xa. Kiriukha, Vaxia và Xtépka vội vàng bật dậy chạy đi nhặt, còn Emelian thì cứ nhìn sang lão Pantelây chăm chăm, vẻ van lơn và dò hỏi. Mặt anh ta bỗng quắt lại, nhăn nheo, méu máo, và anh phờ phạc hát cũ khóc òa lên như một thằng bé con.

Iegoruska đã ghét Đumóp từ lâu. Nó cảm thấy như không khí bỗng trở nên ngọt ngào không sao chịu nổi; hơi lửa ở bếp như hắt vào mặt nó nóng ran lên, nó muốn chạy thật nhanh về chỗ để xe, nơi có bóng tối, nhưng đôi mắt hằn học, chán chường của gã Đumóp tai quái cứ thu hút nó. Nó thấy háo hức muốn nói với Đumóp một cái gì thật nhục nhã. Nó bước về phía Đumóp và thở hên hên nói liền một thôi:

- Mày tệ hơn ai hết! Tao ghét cay ghét đắng mày.

Sau khi nói như vậy lẽ ra phải bỏ chạy về đoàn xe, thế nhưng nó không sao nhấc chân khỏi chỗ được, và nói tiếp:

- Sau khi chết mày sẽ mãi mãi bị thiêu dưới hỏa ngục! Tao sẽ mách cậu Ivan Ivanúrts cho mà xem! Đùng có mà bắt nạt Emelian!

- Xem kìa, cũng đòi! - Đumóp cười mát. - Như con lợn con, miệng chưa ráo sữa mà cũng ra cái điều. Không sợ ăn bặt tai hả?

Iegoruska cảm thấy như không còn không khí để mà thở nữa: nó bỗng run lẩy bẩy cả người, giẫm chân đànhạch (chưa bao giờ nó lại như thế) và hét lên the thé.

- Đánh chết nó đi! Đánh chết nó đi!

Nước mắt nó trào lên giàn giụa, nó thấy xấu hổ quá, lão đảo chạy về xe. Tiếng hét của nó đã gây nên một ấn tượng như thế nào thì nó không biết. Nằm trên đồng lông cừu, nó khóc rung rức, chân tay giãy đànhạch, và gọi thầm thì:

- Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Những con người ấy, những cái bóng chập chờn quanh đồng lửa, những kiệu hàng tối sẫm, những ánh chớp phút phút lại lóe lên ở phía xa: bây giờ tất cả những cái đó sao đều có vẻ man dại và ghê sợ quá. Nó sợ hãi và tuyệt vọng tự hỏi tại sao và làm thế nào mình lại lạc vào cái xứ sở này, giữa những người đàn ông đáng sợ này? Cậu nó, chạ Khrixtophor và Denixka bây giờ ở đâu? Sao mãi không thấy họ trở lại? Họ quên nó rồi sao? Nghĩ rằng mình đã bị bỏ quên đi, bị phó mặc cho số phận xoay vần, nó lạnh toát người đi, và cảm thấy lo sợ đến nỗi đã mấy lần nhòe dậy toan nhảy xuống đất chạy bạt mạng theo đường cái trở về hướng cũ, không ngoái lại, nhưng nhớ đến hai cây thánh giá tối tăm, ảm đạm mà thế nào nó cũng phải đi ngang, và nhìn những ánh chớp giật ở phía xa, nó đành thôi... Và chỉ khi nào nó thì thầm gọi: “Mẹ ơi! mẹ ơi!” - nó mới thấy trong lòng như thư thái hơn...

Hình như mấy người chờ hàng cũng đâm lo. Sau khi Iegoruska bỏ đồng lửa chạy về xe, lúc đầu họ ngồi im lặng hồi lâu, rồi bắt đầu nói khe khẽ với nhau về một cái gì đã sắp đến nơi và cần phải tránh đi cho nhanh... Họ hồi hả ăn cháo cho xong, dập lửa và lặng lẽ thẳng ngựa. Cứ trông cái dáng hồi hả cuống quýt của họ và nghe những câu nói đứt quãng của họ cũng có thể thấy rõ họ đang linh cảm một tai nạn nào sắp tới.

Trước khi đoàn xe chuyển bánh, Đumốp đến cạnh lão Pantelây hỏi khẽ:

- Thằng bé tên là gì?

- Iegoruska... - lão Pantelây đáp.

Đumốp đạp một chân lên bánh xe, búi lấy sợi chảo buộc kiện hàng và đu người lên. Iegoruska trông thấy khuôn mặt và mái đầu quần tít của hắn. Khuôn mặt hắn tái nhợt, mệt mỏi và nghiêm trang, nhưng không còn vẻ hăn học nữa.

- Iegoruska! - hắn nói khẽ. - Đây, cho mày đánh đi!

Iegoruska ngạc nhiên nhìn hắn; vừa lúc ấy một ánh chớp lóe lên.

- Không sao đâu, đánh đi! - Đumốp nhắc lại.

Đợi mãi không thấy Iegoruska đánh hay nói gì với hắn cả, hắn nhảy xuống đất, nói:

- Sao tôi chán chường thế này!

Rồi hắn uể oải thất thểu đi dọc theo đoàn xe, người lắc lư, miệng lẩm bẩm nhắc lại, giọng không ra ai oán cũng không ra hăn học:

- Trời ơi! Tôi chán chường lắm! Còn cậu đừng giận, Emelian ạ, - hắn nói khi đi ngang qua Emelian. - đời bọn mình chẳng ra gì, nó tàn tệ quá!

Ở bên phải lóe lên một ánh chớp, rồi như thể được phản chiếu trong một tấm gương, nó lập tức lại lóe lên ở phía xa.

- Iegoruska, cầm lấy! - lão Pantelây vừa gọi to vừa đưa lên cho Iegoruska một vật gì to lù lù và đen xì.

- Cái gì thế ạ? - Iegoruska hỏi.

- Tầm bạt đấy! Trời sắp mưa rồi, cầm lấy mà che.

Iegoruska nhồm dậy và nhìn ra xung quanh. Chân trời đã tối hẳn lại và cứ chưa đầy một phút lại bùng lên một ánh sáng mờ mờ, như người chớp mắt. Màu đen của chân trời, như thể vì quá nặng, nghiêng về bên phải.

- Ông ơi, sắp có cơn dông à? - Iegoruska hỏi.

- Ôi, chân lão đau quá, buốt quá! - lão Pantelây nói, giọng rầu rĩ, chân giậm giậm trên mặt đất, lão không nghe thấy câu hỏi của Iegoruska.

Ở bên trái, như có ai quẹt một que diêm lên nền trời, một vệt tai tái như lân tinh ánh lên rồi tắt ngấm. Nghe như ở đâu rất xa có ai bước trên một cái mái tôn. Hình như người ấy đi chân không trên mái, vì tiếng tôn nghe lục đục, không đanh.

- Mưa này rồi vừa to vừa dai lắm đây! - Kiriukha nói to.

Giữa chân trời bên phải và phía xa trước mắt lóe lên một tia chớp sáng đến nỗi soi rõ cả một vùng thảo nguyên và cả nơi khoảng trời còn quang tiếp giáp với vùng mây đen kịt. Khối mây kinh khủng ấy

lùng lũng ùn tới thành một đám dày đặc, ở quanh rìa lòng thòng những mớ giẻ rách lớn đen ngòm; cũng những mớ giẻ rách toí tả, như thể chen lấn nhau, chất đông dân lên ở chân trời bên phải và bên trái. Cái dáng rách tả toí này làm cho đám mây có một cái gì quái ác như người say rượu. Tiếng sấm gầm gừ bây giờ đã rõ và đanh. Iegoruska làm dấu thánh mây lần và vội vã mặc áo khoác vào.

- Chán quá! - tiếng than thở của Đumóp từ mấy chiếc xe đi trước vọng lại, và nghe giọng hẳn có thể biết rằng hẳn đã lại bắt đầu tức toí hẳn học. - Chán quá đi mất!

Đột nhiên, gió nổi lên, mạnh đến nỗi suýt thổi bay cả cái gói đồ và tấm vải bạt của Iegoruska; tấm bạt đập phân phật vào kiềng hàng và vào mặt Iegoruska. Gió rít trên thảo nguyên, quay cuồng loạn xạ và làm nổi lên trong đám cỏ đại tiếng gầm rú khủng khiếp đến nỗi át cả tiếng sấm và tiếng bánh xe lăn cọt kẹt. Gió thổi từ mây đen, cuộn theo từng đám bụi lớn lẫn mùi nước mưa và mùi đất ướt. Ánh trắng mờ hắt, dường như bắn đi, các vì sao càng cau có, và có thể thấy rõ bên vệ đường những đám bụi cùng với bóng của chúng đang hồi hắt, chạy đi đâu về phía sau. Bây giờ thì hình như những luồng gió lốc xoáy títt hút bụi, cỏ khô và lông chim từ mặt đất lên, đã dâng cao lên đến bầu trời; có lẽ những cây cỏ lông chông đã bay đến sát đám mây đen kia, và chắc chúng nó đang sợ khiếp vía rồi. Nhưng qua lớp bụi làm toí tấm mặt mũi không thể trông thấy gì ngoài ánh chớp sáng lòa.

Iegoruska nghĩ rằng mưa sẽ đổ xuống ngay tức khắc, nó quỳ gồi lên và lấy tấm bạt trùm lên đầu.

- Lão Pantelây ơi! - phía trước có ai gọi to, - Xe-e... hỏo-o-o-o!

- Chả nghe gì hết-ê-ét! - lão Pantelây lớn tiếng trả lời, giọng ngân nga.

- Hỏ-o-o ổng rô-ô-i!

Tiếng sấm rền vang, giận dữ, lẫn âm âm khắp trời từ phải sang trái, rồi lan ra phía sau và ngưng lại ở khoảng gần mấy chiếc xe phía trước.

- Lạy Chúa Xavaof[58] linh thiêng, linh thiêng! - Iegoruska, vừa thềm thì khấn khứa vừa làm dấu thánh. Vinh quang của Chúa hãy tràn ngập khắp đất trời này...

Cái khối đen kịt trên trời ngoác mồm thở ra một ngọn lửa trắng; lập tức sấm lại vang lên: tiếng sấm vừa dứt thì một làn chớp lóe lên tỏa rộng đến nỗi qua cái khe hở trên tấm vải bạt Iegoruska trông thấy rõ suốt con đường cái mãi cho đến tận xa tít, trông thấy tất cả mấy người đánh xe và cả chiếc áo gilê của Kiriukha nữa. Những dải mây rách tả tơi ở phía trái đã cao lên, và một dải mây thô lỗ, vụng về giống như chân con gù có đủ cả ngón, vươn dài về phía mặt trăng. Iegoruska quyết định nhắm nghiền mắt lại, không để ý đến những cảnh tượng đang diễn ra xung quanh và đợi cho mọi sự kết thúc.

Không hiểu sao mãi mưa vẫn chưa đổ xuống, Iegoruska hi vọng rằng đám mây đen có thể đi qua, hé tấm bạt nhìn ra ngoài. Trời tối một cách ghê sợ. Iegoruska không trông thấy lão Pantelây, chẳng trông thấy kiện lông cừu và cũng chẳng trông thấy mình đâu cả; nó liếc mắt về hướng ban nãy có mặt trăng, nhưng phía ấy cũng tối mịt như trên xe. Và ánh chớp trong cái bóng tối dày đặc này còn có vẻ chói lòa hơn nữa, đến nỗi nhức cả mắt.

- Ông Pantelây ơi! - Iegoruska gọi.

Không thấy ai trả lời. Nhưng rồi gió giật tấm bạt một lần cuối nữa và bỏ chạy đi đâu mất. Bắt đầu nghe một tiếng rào rào đều đặn điềm điềm. Một giọt nước to lạnh ngắt rơi vào đầu gối Iegoruska, một giọt nữa lăn dọc cánh tay nó. Nó nhận thấy hai đầu gối nó hở ra ngoài, toan kéo lại tấm vải bạt cho kín, nhưng vừa lúc ấy có những vật gì đổ xuống rất dày, đập rầm rầm xuống mặt đường, rồi xuống cang xe, rồi xuống kiện lông cừu. Đó là mưa. Mưa và tấm vải bạt như hiểu ý nhau, cùng cất tiếng nói gì rất vui, và nghe rất chói tai, y như hai con ác là vậy.

Iegoruska quỳ gối lên, hay nói cho đúng hơn, nó ngồi xổm đặt mông lên đôi ủng. Khi mưa bắt đầu đổ xuống tấm bạt, nó chồm ra phía trước để che cho hai đầu gối lúc bấy giờ tự dung ướt sũng ra: che đầu gối thì che được, nhưng chỉ không đây một phút sau nó đã thấy ướt ạt khó chịu ở phía sau mông và ở hai bắp chân. Nó lại ngồi trở lại như cũ, duỗi chân ra dưới mưa và bắt đầu nghĩ xem phải làm thế nào để sửa lại tấm bạt đã trở nên vô hình trong bóng tối, nhưng hai tay nó đã ướt đầm, trong ống tay áo và sau cổ áo nước chảy ròng ròng, hai bả vai lạnh buốt. Nó đành để mặc, cứ ngồi im và chờ cho xong xuôi mọi sự.

- Lạy Chúa linh thiêng, linh thiêng... - nó thì thầm.

Bỗng ngay trên đầu nó bầu trời vỡ toác ra với một tiếng nổ khủng khiếp văng cả tai; nó cúi gập người xuống và nín thở, chờ những mảnh vỡ rơi lả tả xuống gáy và lưng. Mắt nó tỉnh cờ mở ra, và nó trông thấy trên mười ngón tay của nó, trên đôi ống tay áo ướt sũng và trên những tia nước từ tấm bạt chảy ròng ròng xuống, trên kiện lông cừu và trên mặt đất, một ánh sáng chói lòa, cay xè, lóe lên và chớp chớp năm sáu lần. Lại một tiếng nổ nữa vang lên, cũng mạnh và khủng khiếp như tiếng trước. Bầu trời không còn vang rền nữa, không chuyển âm âm nữa, mà lại phát ra những tiếng nổ đanh, sắc và khô như tiếng gỗ bị bẻ gãy.

“Đoành! Đoành! Đoành! Đoành!” - sấm dần rõ từng tiếng, lẫn đi trên bầu trời, chốc chốc lại vấp phải

cái gì, và đến một nơi nào gần cái xe đi trước hay xa tít ở phía sau thì đổ ập xuống đánh “đoàn” hần học và đứt quãng.

Trước đây ánh chớp chỉ khủng khiếp mà thôi, còn bây giờ kèm theo những tiếng sấm như vậy, ánh chớp trở thành một việc bất thường ghê gớm. Cái ánh sáng ma quái của nó thấm qua đôi mi mắt nhắm nghiền và luôn đi khắp người lạnh buốt. Làm thế nào để khỏi trông thấy chớp bây giờ? Iegoruska quyết định quay mặt về phía sau. Thận trọng như thế sợ có ai theo dõi mình, nó bò lồm cồm và hai bàn tay trượt trên kiện hàng ướt sũng, nó quay người lại.

“Đoàn! Đoàn! Đoàn!” - tiếng sấm chuyển vang trên đầu nó, rơi xuống dưới gầm xe và vỡ tan ra - “Đoàn!”

Hai con mắt lại bắt giắc mở ra, và Iegoruska trông thấy một nguy cơ mới: ở phía sau, có ba ông khổng lồ cầm những ngọn giáo dài đang bước theo chiếc xe. Ánh chớp lóe sáng trên mũi giáo của họ và dội vào bóng dáng của họ rõ lộ lộ. Đó là những con người kích thước rất lớn, mặt che kín, đầu cúi gằm và dáng đi nặng nề. Họ có vẻ râu rĩ và chán chường, đang chìm sâu trong suy tưởng. Có lẽ họ đi theo sau đoàn xe chẳng phải để làm hại gì ai, nhưng dù sao gần họ cũng sợ lắm.

Iegoruska hồi hải quay về phía trước kêu to, toàn thân run lẩy bẩy:

- Lão Pantelây ơi! Ông ơi!

“Đoàn! Đoàn! Đoàn!” - bầu trời đáp lại.

Nó mở to mắt để nhìn xem mấy người đánh xe có ở đây không. Chớp lóe lên ở hai nơi và soi sáng suốt con đường cái cho đến tận đằng xa, suốt cả đoàn xe và mấy người đánh xe. Trên đường, nước chảy thành dòng và những cái bọt mưa cứ nhảy tanh tách lên. Lão Pantelây bước lên cạnh đoàn xe, một tấm bạt nhỏ trùm lên cái mũ cao và đôi vai lão; dáng dấp lão không tỏ vẻ sợ hãi hay lo lắng gì cả, như thể lão đã điếc đặc vì sấm và mù tịt vì chớp.

- Ông ơi, có mấy ông khổng lồ kia kìa! - Iegoruska meo máo kêu lên.

Nhưng ông lão không nghe thấy. Cách đây một quãng là Emelian. Anh ta cũng một tấm bạt che suốt từ đầu đến chân và bây giờ nom anh ta thành một hình tam giác. Vaxia thì không che bạt; anh ta vẫn bước với cái dáng đi cứng đờ như trước, vung cao chân lên, không cong đầu gối. Trong ánh chớp vừa lóe lên đã vụt tắt, người ta có cảm giắc như đoàn xe và mấy người đánh xe không hề nhúc nhích, và cái chân của Vaxia thẳng lên đã đông cứng lại ở tư thế ấy...

Iegoruska gọi ông lão lần nữa. Không thấy trả lời, nó ngồi im, và lúc bấy giờ không còn mong đợi cho mọi sự kết thúc nữa. Nó tin chắc rằng chỉ phút nữa sét sẽ đánh chết nó, nó sẽ bắt giắc mở mắt ra và trông thấy ba ông khổng lồ đáng sợ. Và nó cũng không còn làm dầu thánh, không gọi ông lão, không nghĩ đến mẹ nó nữa, mà chỉ tê dại cả người đi vì lạnh và vì tin chắc rằng trận đông sẽ không bao giờ chấm dứt.

Nhưng chợt nghe có tiếng ai nói.

- Iegoruska, cháu ngủ hay sao thế? - lão Pantelây quát gọi ở phía dưới. - Tụt xuống đây. Điếc đặc rồi hay sao ấy, thẳng bẻ ngóc quá!

- Con đông đã ghê! - có ai nói một giọng trầm trầm lạ tai, rồi khà một tiếng như vừa uống một cốc rượu vodka khá lớn.

Iegoruska mở mắt ra. Ở phía dưới, bên cạnh chiếc xe thấy có lão Pantelây, anh Emelian hình tam giác và ba ông khổng lồ đang đứng với nhau. Ba ông này bây giờ trông người thấp hơn lúc nãy nhiều, và khi

Iegoruska nhìn kỹ thì thấy họ là những người đàn ông bình thường, và những vật họ vác trên vai không phải là những ngọn giáo, mà là những cái nạng chĩa bằng sắt. Trong cái khoảng cách giữa lão Pantelây và hình tam giác thấy sáng mờ cái khung cửa sổ của một ngôi nhà gỗ thấp. Như thế tức là đoàn xe đã đỗ lại trong một làng. Iegoruska bỏ tấm bạt ra, cầm lấy gói đồ đạc và vội vàng tụt xuống. Bây giờ, khi bên cạnh đã có tiếng người nói và có ánh đèn từ trong một cửa sổ hắt ra, nó không còn thấy sợ nữa, tuy tiếng sấm vẫn nổ ròn và ánh chớp vẫn lằng nhằng từng vệt sọc khắp bầu trời.

- Con đông khá lắm... - lão Pantelây lẩm bẩm. - Đội ơn Chúa... Đôi chân tôi hơi bị ướt nước mưa, nhưng cũng không sao... Cháu xuống rồi đây à, Iegoruska? Thôi vào trong nhà đi... không sao...

- Lạy Chúa, lạy Chúa, lạy Chúa... - Emelian phều phào. - Thế nào cũng có nơi bị sét đánh... Các bác là người ở đây à? - anh ta hỏi ba ông không lộ.

- Không, ở Glinôvô kia, chúng tôi là người Glinôvô. Chúng tôi làm cho nhà ông Plater.

- Đập lúa à?

- Cũng làm đủ việc này việc nọ. Hiện nay thì đang gặt lúa mì. Trận đông ghê quá! Đã lâu không có trận đông nào như thế này...

Iegoruska đi vào nhà. Một bà già gầy nhẳng, lưng gù, có cái cằm nhọn hoắt, ra đón nó. Bà cụ cầm một cây nến mỡ lợn, nheo nheo đôi mắt và thở dài thườn thượt.

- Chúa cho trận đông ghê quá! - bà nói. - Thế mà người nhà chúng tôi lại ở lại đêm ngoài thảo nguyên, sợ quá, thật tội nghiệp! Cởi áo ra cậu, cởi áo ra...

Rét run lên cầm cập, người co rúm lại, Iegoruska cởi chiếc áo khoác ướt sũng, rồi dang rộng hai chân hai tay ra và cứ thế đứng yên một hồi lâu, không nhúc nhích. Mỗi cử động dù nhỏ nhất đều đặn cũng đều làm cho Iegoruska có một cảm giác ướt át và lạnh lẽo khó chịu. Hai ông tay và lưng áo sơ mi đều ướt sũng, hai ông quần thì dính bết vào chân, nước từ trên mái tóc cứ nhỏ xuống ròn ròn...

- Kia cậu bé, sao cứ đứng dạng chân dạng tay ra như thế? - bà già nói. - Vào kia mà ngồi đi!

Hai chân dạng ra, Iegoruska đến cạnh bàn và ngồi xuống một chiếc ghế dài, kê bên đầu một người nào đang nằm ở đây. Cái đầu nhúc nhích, phì ra đằng mũi một luồng hơi, nhai nhai mấy cái rồi lại lặng yên. Từ cái đầu, dọc theo chiếc ghế, một dãy đôi chạy dài ra, bên trên phủ một chiếc áo lông bằng da cừu. Ấy là một người đàn bà nông dân đang ngủ.

Bà già vừa ra ngoài, vừa thở dài, rồi một lát sau đã trở lại, tay bung một quả dưa hấu và một quả dưa bở.

- Cậu ăn đi! Chẳng có món gì khác mà mời cậu... - bà ta vừa nói vừa ngáp, đoạn lục trong ngăn bàn lấy ra một con dao mũi nhọn, rất giống cái loại dao mà ở các quán trọ người ta thường dùng để cắt cổ mấy ông lái buôn. - Cậu ăn đi!

Iegoruska người run cầm cập như đang cơn sốt, ăn một khoanh dưa bở với bánh mì đen, rồi một khoanh dưa hấu. Ăn xong lại thấy lạnh hơn nữa.

- Người nhà chúng tôi phải ở lại đêm ngoài thảo nguyên... - bà già thở dài nói trong khi Iegoruska ăn. - Lạy Chúa... Lẽ ra cũng phải thập cây nến trước tượng thánh, nhưng không biết cái con Xêpanida nó đút vào đâu. Ăn đi cậu ạ, ăn đi...

Bà già ngáp một cái rồi quay tay phải ra sau gãi gãi vai bên trái.

- Bây giờ dễ đến hai giờ rồi! - bà nói. - Sắp sáng rồi còn gì. Người nhà chúng tôi phải ở lại ngoài thảo nguyên... Chắc ướt hết mất thôi...

- Bà ơi, - Iegoruska nói, - cháu muốn ngủ.

- Nằm xuống đây mà ngủ, cậu ạ, nằm xuống đây... - bà già vừa thở dài vừa ngáp. - Lạy Chúa Kytô! Đang ngủ thì nghe như có tiếng ai gõ cửa. Thức dậy thì hóa ra trời đổ cơn dông... Cũng muốn tắt cây nến, nhưng chẳng tìm thấy đâu.

Vừa nói chuyện một mình, bà già vừa dọn dẹp mấy tấm giẻ gì la liệt trên chiếc ghế dài - chắc mấy tấm giẻ ấy là đệm lót giường của bà - lấy hai chiếc áo lông móc trên cái đinh ở bên cạnh lò sưởi và bắt đầu giải ra cho Iegoruska nằm.

- Con dông vẫn chưa ngớt... - bà nói lẩm bẩm. - Mong sao sét đừng đánh phải ai, chỉ sợ nhỡ ra một cái... Người nhà chúng tôi phải ở lại ngoài thảo nguyên... Nằm xuống đây mà ngủ cậu ạ... Cầu Chúa phù hộ cho cháu ngủ yên giấc... Bà cứ để quả dưa bở đây nhé. Khi nào thức dậy có muốn ăn thì ăn.

Những tiếng thở dài và những cái ngáp vặt của bà già; tiếng thở đều đều của người đàn bà đang ngủ say, bóng tối mờ mờ trong căn nhà và tiếng mưa đổ rào rào ngoài cửa sổ như ru ngủ Iegoruska. Iegoruska ngượng không dám cởi quần áo trước mặt bà già. Nó chỉ cởi ủng, nằm xuống ghế và lấy chiếc áo lông cừu đắp lên người.

- Cậu bé ngủ rồi à? - một phút sau có tiếng lão Pantelây hỏi thăm thì.

- Ngủ rồi! - bà già cũng thì thầm đáp lại. - Khiếp quá, trời làm khiếp thật! Ầm ầm lên mãi mà vẫn chưa thôi...

- Sắp tanh bây giờ đây... - lão Pantelây vừa phều phào vừa ngồi xuống. - Đã hơi ngon ngớt... Bọn chúng đi ngủ ở nhà khác và hai đứa trông coi đoàn xe... Bọn chúng nó... Không thể... Người ta dắt ngựa đi mất... Tôi ngồi một lát rồi phải ra thay chúng nó... Không, người ta có thể dắt trộm ngựa mất...

Pantelây và bà cụ già ngồi cạnh nhau bên chân Iegoruska, khẽ nói chuyện phều phào, chốc chốc lại thở dài, chốc chốc lại ngáp. Trong khi đó Iegoruska không sao ấm người lên được. Nó đắp chiếc áo lông cừu dày nặng trĩu, nhưng cả người nó cứ run lên, tay chân giần giật, gan ruột tưởng như cũng run lên từng đợt... Nó cởi áo quần ra, trong khi vẫn đắp chiếc áo lông da cừu, nhưng cũng chẳng ăn thua. Con ớn rét mỗi lúc một mạnh thêm.

Lão Pantelây ra thay phiên đã quay trở về, mà Iegoruska vẫn chưa ngủ và vẫn run cầm cập. Có một cái gì đè lên đầu, lên ngực nó, làm cho nó thấy nặng nề vướng víu, nhưng nó không biết rõ đó là cái gì: có phải là tiếng nói chuyện thì thảo của hai ông bà già, hay là cái mùi rất nặng của lông cừu? Quả dưa hấu và quả dưa bở ăn lúc này còn để lại một dư vị khó chịu, cứ như ngậm miếng thiếc. Hòa thêm vào đây, mấy con bọ chết lại xông vào cắn nó nữa.

- Ông ơi! Cháu rét lắm! - nó nói mà không nhận ra được tiếng mình nữa.

- Ngủ đi cháu ạ, ngủ đi... - bà già thở dài.

Thằng Tít trên đôi chân leo khéo đến cạnh giường hoa chân múa tay, rồi cao dần lên đến tận trần nhà và biến thành cái chòi xay gió. Cha Khrixtophor không phải như lúc ngồi trên xe, mà mặc đồ lễ đầy đủ, tay xách bình nước thánh đi quanh cái chòi xay, rảy nước thánh vào chòi, và mấy cánh quạt liên thôi vung vẩy. Iegoruska biết mình đang mê sảng, nó mở mắt ra.

- Ông ơi, - nó gọi. - Cho cháu tí nước!

Không ai trả lời. Iegoruska ngạt thở và cần cái không sao chịu được. Nằm thế nào cũng không ổn. Nó đứng dậy, mặc quần áo và ra sân. Trời đã sáng. Bầu trời u ám, nhưng mưa đã tạnh. Người run rẩy, co ro trong chiếc áo khoác ướt sũng, Iegoruska đi trên khoảng sân lầy lội, lắng tai nghe ngóng cánh tĩnh mịch ở xung quanh. Nó tình cờ nhìn thấy một cái chuồng bò nhỏ, cánh cửa làm bằng sậy hé mở. Nó dòm vào căn chuồng xép rồi vào ngôi trong xó chuồng, trên một đồng phân khô dùng để đốt.

Đầu nó nặng trĩu, ý nghĩ cứ rối tung lên, miệng khô không khóc và phát tởm lên vì cái vị thiếc. Nó ngẫm chiếc mũ dạ, sửa lại chiếc lông công cắm trên mũ và nhớ lại hôm mẹ dắt đi mua chiếc mũ này. Nó thọc tay vào túi và rút ra một vật gì màu nâu sẫm, nhão nhão, dính dính. Cái vật nhão nhột này làm thế nào lọt vào túi nó nhỉ? Nó ngẫm nghĩ, đưa lên mũi ngửi: có mùi mật ong. Chà, đây là chiếc bánh nướng của bà Do Thái! Khô thân, nó ướt sũng ra rồi còn gì!

Iegoruska ngắm chiếc áo khoác của nó. Chiếc áo khoác màu xám, có một bộ khuy to bằng xương, may theo kiểu áo đuôi tôm. Vì là một thứ mới mua và đắt tiền, hồi ở nhà nó được treo bên cạnh mấy chiếc áo dài của mẹ trong phòng ngủ, chứ không phải ở phòng ngoài; chỉ những ngày lễ Iegoruska mới được phép mặc nó. Nhìn chiếc áo, Iegoruska thấy thương hại quá, nó lại nhớ ra rằng nó với chiếc áo này, hai đứa đều bị phò mặc cho số phận xoay vần, hai đứa đều không bao giờ được về nhà nữa. Nghĩ đến đây nó tủi quá khóc nấc lên, đến nỗi suýt ngã từ trên đồng phân khô xuống.

Một con chó trắng rất to, bị mưa ướt mềm ra, trên mõm lông thong những chùm lông trông như những chùm giấy quần tóc, lò dò đi vào chuồng bò và tò mò nhìn Iegoruska. Chắc nó đang phân vân tự hỏi: có nên cất tiếng sủa hay không? Sau khi quyết định là chẳng cần gì phải sủa, nó thận trọng tới gần Iegoruska ăn chiếc bánh nướng rồi bỏ đi.

- Xe của Varlamóp đấy! - có tiếng ai nói rất to ở ngoài đường.

Khóc chán rồi, Iegoruska ra khỏi chuồng bò, đi vòng qua vũng nước và ra đường. Đoàn xe chở hàng đang đỗ ngay trước cổng. Những người đánh xe, chân dính bùn be bét, uể oải và buồn ngủ như ruồi mùa đông, đang đi vật vờ bên xe hay ngồi trên cang xe. Iegoruska nhìn họ, nghĩ thầm: “Làm nông phu chán mà khó chịu thật!” Nó đến cạnh ông Pantelây và ngồi lên cang xe, bên cạnh ông lão.

- Ông ơi, cháu lạnh lắm! - nó vừa nói vừa run, tay này luồn vào trong ống áo tay kia.

- Không sao, sắp đến nơi rồi, - lão Pantelây ngáp dài. - Không sao đâu, nó ấm lên bây giờ đấy.

Đoàn xe lên đường sớm, vì trời không nóng. Iegoruska nằm trên đồng hàng, rét run lên, tuy mặt trời chẳng bao lâu đã hiện ra, hong khô áo quần của nó, hong khô cả đồng hàng và mặt đất. Nó vừa nhắm mắt lại thì thẳng Tít và cái chòi xay gió đã hiện lên. Thấy buồn nôn và bất ổn khắp người, Iegoruska lấy hết sức bình sinh ra xua đuổi những hình ảnh ấy, nhưng hề những hình ảnh này biến đi thì lại thấy gã phá bình Đumóp hăm hè xông vào nó, hai mắt đỏ ngầu, hai nắm đấm giơ cao lên, hoặc lại nghe tiếng hân than thở: “Tôi chán quá!” Varlamóp cười con ngựa giống Côđắc đi qua, rồi đến anh chàng Konxtantin hơn hờ, miệng cười toe toét, tay xách con vạc. Và những con người này sao mà dễ ghét, khó chịu và phiền hà đến thế!

Có một lần, vào lúc xế chiều, nó nhắc đầu lên xin nước uống. Đoàn xe đỗ trên một chiếc cầu lớn bắc qua một con sông rộng. Ở phía dưới, trên mặt sông bốc lên một làn khói đen đen, và qua làn khói có thể trông thấy một chiếc tàu thủy kéo một chiếc xà lan. Trước mặt, bên kia sông, sừng sững một quả núi lớn nhăm nhở nhiều màu, rải rác những nếp nhà và những giáo đường, dưới chân núi, một cái đầu máy xe hỏa chạy giữa đám toa chở hàng...

Trước đây Iegoruska chưa bao giờ trông thấy tàu thủy hay đầu máy xe lửa, cũng chưa bao giờ trông thấy một con sông lớn. Nhưng bây giờ, nhìn các thứ đó, nó không thấy sợ, không lấy làm lạ. Trên gương mặt nó thậm chí cũng không có chút gì giống như một sự tò mò. Nó chỉ cảm thấy khó ở, và vội vàng nằm sấp lại, ngực áp vào bờ vĩa kiện hàng, nôn thốc nôn tháo. Pantelây trông thấy thế, lắc đầu

kêu lên:

- Cậu bé ôm mắt rồi! Chắc là bị lạnh bụng... Cậu bé nhà ta ấy... Xa nhà thế này... gay quá!

VIII.

ĐOÀN XE DỪNG LẠI ở một khu nhà trọ lớn của phường buôn, cách bến tàu không xa. Từ trên xe tụt xuống, Iegoruska nghe có giọng ai nói rất quen. Có người nào vừa đỡ nó tụt xuống vừa nói:

- Xe tớ đến đây từ tối qua kia... Mấy ông đợi cậu suốt ngày hôm nay. Hôm qua đã định đuổi theo đoàn các cậu, nhưng xa quá, xe tớ đi đường khác. Ô kia, sao cậu làm nát hết cái áo khoác thế kia! Ông cậu mắng chết!

Iegoruska nhìn kỹ cái mặt trơn như đá của người đang nói và nhớ ra rằng đó là Denixka.

- Ông cậu và cha Khrixtophor bây giờ đang ở trong nhà trọ ấy, - Denixka nói tiếp, - đang uống trà. Ta vào đi!

Đoạn Denixka dắt Iegoruska vào một tòa nhà lớn hai tầng, tối tăm và u ám, giống như cái nhà té bần ở thị trấn N. Đi qua phòng ngoài, dãy cầu thang tối om và một dãy hành lang dài và hẹp, Iegoruska và Denixka vào một buồng nhỏ, trong đó quả nhiên có Ivan Ivanúts và cha Khrixtophor đang ngồi bên chiếc bàn trà. Thấy cậu bé, gương mặt cả hai ông già đều lộ vẻ ngạc nhiên và mừng rỡ.

- A, Iegoruska! - cha Khrixtophor reo lên, giọng ngân nga. - Ngài Lômônôxốp đây rồi!

- A, các vị quý tộc! - Kudmitsốp nói. - Xin quá bộ vào đây.

Iegoruska cởi áo khoác, hôn tay ông cậu và cha Khrixtophor, rồi ngồi xuống cạnh bàn.

- Thế nào, con đi đường ra sao, puer bone[59]? - cha Khrixtophor hỏi tíu tít trong khi rót trà cho Iegoruska, môi nở nụ cười rạng rỡ như thường lệ. - Chắc là chán lắm phải không con? Đi xe chở hàng hoặc xe bò thì thật đến khổ! Đi mãi, đi mãi, lạy Chúa tha tội, mà nhìn phía trước vẫn thấy thảo nguyên mênh mông như cũ, chẳng thấy bên bờ đâu! Chán không đề đâu cho hết. Sao không uống trà đi con? Uống đi! Còn trong khi con nằm trên xe lê đi thì ở đây cậu của con và cha đây đã làm xong mọi việc gọn gàng. Đợi ơn Chúa! Lông cừu đã bán cả cho Tserepakhin giá hời hết sức... Lợi lắm!

Thoạt trông thấy người nhà, Iegoruska đã thấy cần than phiền ngay, một nhu cầu không sao cưỡng nổi. Nó không nghe cha Khrixtophor nói gì, cứ bần khoăn nghĩ thử xem nên bắt đầu bằng chuyện gì, và có than phiền thì cụ thể là than phiền nổi gì. Nhưng giọng nói của cha Khrixtophor mà nó có cảm giác là đánh đá khó chịu, làm cho nó không tập trung được, ý nghĩ cứ rối tung lên. Chưa ngồi năm phút, nó đã rời bàn trà đứng dậy ra đi vắng năm.

- Thế cơ đấy, - cha Khrixtophor ngạc nhiên. - Thế còn trà thì sao?

Đang cố nghĩ xem nên than phiền về nổi gì, Iegoruska cúi đầu vào lưng đi vắng và bỗng khóc òa lên.

- Lại thế nữa! - cha Khrixtophor càng ngạc nhiên. Cha đứng dậy và đến cạnh đi vắng. - Iegoruska, con làm sao thế? Sao con lại khóc?

- Con... con bị ốm! - Iegoruska nói.

- Ốm à? - cha Khrixtophor luống cuống. - Ấy thế mới gay go đây anh bạn ạ... Ai lại ốm giữa đường bao giờ? Chao ôi, chao ôi, anh bạn yêu quá đây!...

Cha đặt tay lên trán Iegoruska, sờ má nó rồi nói:

- Đúng, đầu nóng lắm... Chắc con bị cảm lạnh đấy, hay ăn làm phải cái gì! Con cầu nguyện Chúa đi con ạ.

- Cho nó uống ký ninh chẳng... - Ivan Ivanúts nói, về luồng cuống.

- Không, giá có cái gì thật nóng cho nó ăn... Iegoruska, con ăn tí súp nhé? Nhé?

- Không... con không ăn đâu... - Iegoruska đáp.

- Con bị rét hay sao?

- Lúc này thì bị rét, nhưng bây giờ... bây giờ thì nóng lắm. Con đau ê ẩm khắp người...

Ivan Ivanúts đến cạnh divăng, sờ đầu Iegoruska, đằng hắng một tiếng và trở về ngồi ở bàn trà, về bối rối rõ rệt.

- Bây giờ thế này nhé, - cha Khrixtophor nói, - con cởi quần áo ra rồi đi ngủ, con phải ngủ một chút cho lại sức đã.

Cha giúp Iegoruska cởi quần áo, đưa cho nó một cái gối và lấy chăn đắp cho nó, rồi lại lấy chiếc áo bệnh tồ của Ivan Ivanúts đắp lên trên, xong đầu đầu cha rón rén bỏ ra bàn trà ngồi. Iegoruska nhắm mắt lại, và lập tức có cảm giác là mình không ở trong phòng trọ, mà đang ở bên đường cái, cạnh đồng lửa; Emelian vung tay lên còn Đumóp thì đang nằm sấp, đưa đôi mắt đỏ ngầu nhìn Iegoruska một cách ngạo nghễ.

- Đánh chết nó đi! Đánh chết nó đi! - Iegoruska kêu lên.

- Mê sảng rồi... - cha Khrixtophor nói khẽ.

- Rầy rà quá! - Ivan Ivanúts thở dài.

- Phải lấy dầu dấm đánh gió cho nó. Nhờ trời độ đến mai sẽ khỏi.

Để dứt ra khỏi những giấc mơ nặng nề, Iegoruska mở mắt ra và bắt đầu nhìn vào ngọn lửa đang bập bùng trong lò sưởi. Cha Khrixtophor và Ivan Ivanúts đã uống trà xong, đang thì thầm nói chuyện với nhau. Cha Khrixtophor mỉm cười hơn hở, rõ ràng là không thể nào quên được rằng mình đã bán được chỗ lông cừu với giá hời như vậy; cha vui mừng chủ yếu không phải vì bản thân món tiền lãi, mà vì nghĩ rằng khi về đến nhà cha sẽ tập hợp cả gia đình đông đúc của cha lại, sẽ nháy mắt một cách tình quái và cất tiếng cười; lúc đầu cha sẽ nói dối với mọi người là cha đã bán lỗ vốn chỗ lông cừu ấy, rồi cha liền đưa cho Mikhailo ông con rể, chiếc ví dày cộp và nói: “Này, nhận lấy! Làm ăn là phải như thế chứ!” Còn ông Kudmitsóp thì lại không có vẻ hài lòng. Gương mặt ông vẫn chỉ có cái vẻ bận rộn thôi và lo âu như cũ. Ông nói khe khẽ:

- Chao, giá biết trước là Tserepakhin sẽ trả đến giá ấy thì hôm đang ở nhà tôi đã không bán cái chỗ ba trăm pút cho Makaróp rồi! Chán quá! Nhưng ai ngờ ở đây giá lại cao vọt lên như thế?

Một người mặc áo sơ mi trắng rạ dọn ấm lò và thắp cây đèn thờ trước bức tượng thánh treo ở góc phòng. Cha Khrixtophor ghé tai hăn nói thì thầm mấy tiếng; hăn liền làm ra một vẻ mặt bí ẩn như đang tham gia một âm mưu gì - tôi hiểu hết rồi đấy - bỏ ra ngoài rồi một lát sau lại trở vào đem một cái đĩa đến cạnh chiếc divăng. Ivan Ivanúts dọn chỗ nằm giữa sán, ngáp dài mấy cái, uể oải đọc kinh rồi nằm xuống.

- Tôi định mai ra nhà thờ... - chạ Khrixtophor nói. - Ở đây có bác bô già là chỗ quen biết với tôi. Lẽ ra phải đến thăm đức cha sau buổi lễ, nhưng nghe nói đức cha ốm.

Cha ngáp dài rồi tắt đèn. Bây giờ trong phòng chỉ còn leo lét chiếc đèn thờ.

- Nghe nói đức cha không tiếp khách, - cha Khrixtophor vừa nói tiếp vừa cởi quần áo. - Thành thử trước khi về tôi chẳng được gặp.

Chạ cởi áo, và Iegoruska thấy Rôbinxon Cruxô hiện ra trước mặt. Rôbinxon khuấy khuấy cái gì trong chiếc đĩa, lại gần Iegoruska nói thì thầm:

- Lômônôxốp ơi, ngủ đấy à? Dậy một tí! Cha xoa bóp dầu dấm cho. Tốt lắm đấy, miễn là con cầu nguyện Chúa.

Iegoruska ngồi ngay dậy. Cha Khrixtophor cởi chiếc áo cánh cho nó, rồi bắt đầu lấy dầu dấm xát vào ngực nó, người cô rúm lại, hơi thở đứt quãng, cứ như thế chính cha cũng thấy buồn.

- Nhân danh cha và con và thánh thần... - cha lâm râm khấn khứa. - Nằm sắp xuống con... Thế! Mai thì khỏi thôi, miễn là từ bây giờ đến mai đừng có vớ vẩn mà ốm to lên... Nóng như lửa thế này này! Chắc khi nổi cơn đông các con đang ở giữa đường phải không?

- Đang ở giữa đường ạ.

- Thế thì gì mà chả ốm! Nhân danh cha và con và thánh thần... Gì mà chả ốm cơ chứ!

Đánh gió cho Iegoruska xong, cha Khrixtophor mặc áo cánh vào cho nó, đắp chăn lại, làm dấu thánh rồi bỏ đi chỗ khác. Sau đó Iegoruska thấy cha cầu nguyện Chúa. Chắc hẳn cha thuộc rất nhiều kinh, vì cha cứ đứng trước tượng thánh thì thầm mãi hồi lâu. Cầu nguyện xong, cha làm dấu thánh lên các cửa sổ, lên cửa ra vào, lên Iegoruska, lên cả Ivan Ivanúts, rồi nằm xuống một chiếc divăng nhỏ, không lót gối, lấy chiếc áo đắp lên người. Ngoài hành lang, đồng hồ điểm mười tiếng, Iegoruska nhớ ra rằng từ giờ đến sáng còn rất lâu, nó chán ngán dúi đầu vào lưng divăng và chẳng buồn cố gắng dứt khỏi những giấc chiêm bao mờ mịt nặng nề nữa. Nhưng trời chóng sáng hơn nó tưởng nhiều.

Nó có cảm giác là nó nằm áp trán vào lưng divăng như thế chẳng được bao lâu, nhưng khi nó mở mắt ra, qua hai khung cửa sổ của gian phòng trọ đã có hai vệt nắng chênh chếch chiếu xuống sàn nhà. Khrixtophor và Ivan Ivanúts đi đâu chẳng thấy. Gian phòng đã được dọn dẹp sạch sẽ ngăn nắp. Nó sáng sủa, âm cúng và phảng phất cái mùi mà cha Khrixtophor bao giờ cũng sức nức, mùi trác bá và mùi đinh hương khô (ở nhà cha thường lấy đinh hương chế nước thánh và trang hoàng khám thờ, cho nên mùi hoa đã ngấm hẳn vào người cha). Iegoruska nhìn chiếc gối, nhìn hai vệt nắng chênh chếch, nhìn đôi ủng của nó đã được lau chùi sạch sẽ và đặt thẳng hàng bên divăng, rồi nó cất tiếng cười. Nó lấy làm lạ sao mình không còn trên đông hàng nữa, sao xung quanh khô ráo thế, và trên trần chẳng có sấm chớp gì cả.

Nó rời divăng nhảy xuống đất và bắt đầu mặc áo quần. Nó thấy trong người rất sảng khoái; cơn sốt hôm qua chỉ để lại một cảm giác hơi mỏi mỗi ở hai chân và ở cổ. Thế là món thuốc dầu dấm đã tỏ ra hiệu nghiệm. Iegoruska nhớ lại chiếc tàu thủy, cái đầu máy xe lửa và con sông rộng mà nó đã được trông thấy lờ mờ hôm qua, và bây giờ nó hối hả mặc áo quần cho thật nhanh để chạy ra bến xem lại cho thỏa. Khi nó đã rửa mặt xong và đang mặc chiếc áo sơ mi màu mào gà, chợt có tiếng ô khóa mở lách cách, và cha Khrixtophor hiện ra trên ngưỡng cửa, đầu đội cái mũ lễ, tay cầm gậy thánh, mình mặc chiếc áo chùng bằng lụa nâu trùm lên chiếc áo bằng vải thô. Miệng mỉm cười, gương mặt như tỏa hào quang (các cụ già đi nhà thờ về bao giờ cũng tỏa hào quang như vậy), cha đặt lên bàn một chiếc bánh thánh và một cái gói gì không rõ, cầu nguyện rồi nói:

- Chúa đã rủ lòng thương! Sao, sức khỏe con thế nào rồi?

- Bây giờ con khỏe rồi ă, - Iegoruska vừa hôn tay cha vừa đáp.

- Đội ơn Chúa... Còn cha thì vừa đi xem lễ về... Cha đi thăm người quen cha ở đây. Ông ấy mời cha về nhà uống nước, nhưng cha không về. Cha không thích đi thăm người này người nọ vào lúc sớm tinh mơ như thế. Thôi gửi Chúa phù hộ họ!

Cha cởi áo chùng, vuốt vuốt lên ngực và thông thả cởi cái gói ra. Iegoruska trông thấy một cái hộp đựng trứng cá muối, một miếng lưng cá muối khô và một chiếc bánh mì Pháp.

- Đây, lúc này đi qua cửa hàng cá cha đã mua được mấy thứ này, - cha Khrixtophor nói. - Ngày thường, lễ ra cũng chẳng ăn sang lắm gì, nhưng cha nghĩ bụng ở nhà đang có người ốm, thành thử cha thấy rất nên mua. Món trứng cá muối này ngon lắm, trứng cá chiên đấy...

Người mặc áo sơ mi trắng bung chiếc ấm lò và khay chén đĩa lên.

- Ăn đi con, - cha Khrixtophor, phết trứng cá muối lên miếng bánh mì đưa cho Iegoruska nói. - Bây giờ con cứ ăn cứ chơi đi, rồi mai kia sẽ đi học. Con phải học cho chăm chỉ siêng năng, cho nó thành người. Cái gì cần học thuộc lòng thì con phải học thuộc lòng, còn khi nào phải tự mình kể lại cái ý bên trong, không nhắc lại y nguyên của người ta, thì con phải dùng lời lẽ của mình mà kể lại. Và phải cố học cho đủ các khoa học. Có người học toán rất giỏi, mà chẳng hay biết gì và Pêtorô Môgila[60], có kể lại biết Pêtorô Môgila nhưng hỏi đến mặt trăng thì mịt đặc. Không được, con phải học sao cho hiểu rõ mọi điều. Con phải học tiếng La Tinh, tiếng Pháp, tiếng Đức... phải học địa dư, dĩ nhiên, cả lịch sử, cả thần học, triết học, toán học nữa... Phải học thông thả, cần cù, vừa học vừa cầu nguyện, mới học được hết. Khi nào học đã thành thạo mọi môn rồi, con sẽ đi làm việc. Biết đủ mọi môn thì làm việc gì cũng thể. Con cứ lo học và tu thân rồi Chúa sẽ chỉ rõ cho con biết nên chọn nghề gì. Bác sĩ ư, quan tòa ư, kỹ sư ư...

Cha Khrixtophor phết một ít trứng cá muối lên miếng bánh mì, cho vào mồm và nói:

- Thánh Paulô tông đồ có dạy: chớ học các tà thuyết và tạp khoa. Dĩ nhiên nếu học hắc thư, phù chú rồi đi gọi thần linh ở bên kia thế giới về như Xanh[61], hay học những môn chẳng có lợi gì cho mình cũng như cho người, thì thà đừng học còn hơn. Chỉ được tiếp thu những cái gì đã được Chúa ban lời lành. Con phải suy nghĩ cho kỹ... Các thánh sứ đồ xưa nói được đủ các thứ tiếng, vậy con cũng phải học ngôn ngữ. Vaxili Đại thánh nhân[62] đã học toán học và triết học - vậy con cũng phải học. Thánh Nêxtorô[63] viết sử - vậy con cũng phải học sử và viết sử. Con cứ theo gương các thánh mà cân nhắc suy xét...

Cha Khrixtophor nhấp tí nước trà rót trên đĩa tách, quét ria mép rồi lắc lắc cái đầu.

- Tốt lắm! - cha nói. - Cha ngày xưa học hành theo lối cũ, bây giờ đã quên mất nhiều, ấy thế nhưng cha vẫn sống khác người ta. Thậm chí cũng chẳng so sánh được nữa. Chẳng hạn ở giới thượng lưu, trong bữa tiệc hay trong công sở gì đấy mà nội ra một câu tiếng La tinh hay kể một điển tích rút trong sử hay trong triết học, thế là mọi người đều thấy thú vị, mà mình cũng khoái... Hay là như khi có tòa án huyện xuống phải bắt ai thế, bao nhiêu giáo sĩ khác đều lúng túng, chỉ riêng cha có thể nói chuyện suông sã với quan tòa, chường lý và luật sư một cách học thức, uống trà với họ, cười cợt với họ, không biết gì thì hỏi họ... Thế là họ rất thích. Thế đấy, anh bạn ă! Có học thì sáng, không học thì tối. Con phải học đi! Dĩ nhiên cũng khổ: thời bây giờ muốn học phải tốn nhiều tiền... Mẹ con góa bụa, sống bằng tiền trợ cấp quả phụ, thế nhưng mà...

Cha Khrixtophor thảng thốt nhìn ra cửa và thì thầm nói tiếp:

- Ivan Ivanúts sẽ giúp cho. Ông ấy không bỏ rơi con đâu. Con cái thì ông ấy chẳng có, thế nào ông ấy cũng sẽ giúp con. Con đừng lo.

Cha nghiêm mặt lại và thì thào khẽ hơn nữa:

- Nhưng con phải coi đây, Iegoruska ạ, lạy Chúa phù hộ cho con, đừng để con quên mất mẹ, và cậu Ivan Ivanúts. Kính thờ mẹ là bổn phận của mọi người, Kinh thánh đã phán rõ, còn Ivan Ivanúts là ân nhân của con, là người cha thứ hai của con. Sau này có lẽ con thành người học thức rồi mà lại đâm ra khệnh khạng và khinh miệt mọi người chỉ vì họ ngu dốt hơn con thì khôn to, khôn to đẩy con ạ.

Cha Khrixtophor gơ cao cánh tay lên và nhắc lại, giọng eo éo:

- Khốn to! Khốn to!

Cha Khrixtophor nói đã bắt đầu hăng, đã hết sức say mê; giá cứ để yên chắc hẳn cha còn nói mãi đến chiều, nhưng lúc bảy giờ cánh cửa lại mở ra và Ivan Ivanúts bước vào phòng. Ông ta vội vã chào mọi người, ngồi vào bàn và bắt đầu uống trà rất nhanh.

- Thôi, thế là xong hết mọi việc, - ông nói. - Lẽ ra có thể lên đường về nhà ngay hôm nay, nhưng còn thằng Iegoruska này nữa, lại thêm một mối lo. Phải thu xếp nơi ăn chốn ở cho nó. Bà chị có nói là đầu gần đây bà có một bà bạn tên là Naxtaxia Pêtorópna, có lẽ bà này sẽ vui lòng cho cháu nó ở nhờ.

Ông ta lục lọi trong cái ví một lát, rút ra một bức thư nhàu nát rồi đọc:

- “Phổ Malaia Nigionaia, gửi Naxtaxia Pêtorópna Toxkunova, tại nhà riêng”. Bây giờ phải đi tìm bà này. Thật phiền hà.

Một lát sau, Ivan Ivanúts và Iegoruska đã ra khỏi sân nhà trọ.

- Thật phiền hà! - ông cậu lẩm bẩm. - Thằng này cứ bám lấy người ta như cây bìm bìm, thôi Chúa rước nó đi đâu thì đi cho rảnh. Các người thì cứ lo học hành, lo làm sang, còn tôi thì chỉ chuốc lấy cái khổ vì các người...

Khi hai cậu cháu đi qua sân, đoàn xe chờ hàng và mấy người đánh xe không còn ở đấy nữa, từ sáng sớm họ đã đi hết ra ngoài bên. Mãi tí ở góc sân có thể trông thấy cái bóng dáng quen thuộc của chiếc xe; bên cạnh xe là hai con ngựa hồng đang ăn kiêu mạch.

“Từ biệt xe nhé!” - Iegoruska nghĩ thầm.

Thoạt tiên hai cậu cháu phải theo dọc đại lộ đi lên dốc, rồi đi qua một cái bãi chợ rất rộng; ở đây Ivan Ivanúts hỏi một người cảnh sát xem phố Malaia Nigionaia ở chỗ nào.

Người cảnh sát cười hề hề rồi đáp:

- Còn xa, đi về phía ấy, phía bãi chăn ấy!

Trên đường đi hai cậu cháu gặp nhiều chiếc xe thuê, nhưng đi xe thuê là một thói hoang toàng, ông cậu chỉ tự cho phép mình vào những trường hợp tối đặc biệt, và vào những ngày hội lớn. Ông cậu dẫn Iegoruska đi qua những dãy phố lát đá, rồi lại đi qua những dãy phố chỉ có vỉa hè chứ không có lòng đường, rồi cuối cùng lại đi vào những dãy phố chẳng có lòng đường mà cũng chẳng có vỉa hè. Khi hai chân và cái lưỡi của ông cậu đã đưa hai cậu cháu đến phố Malaia Nigionaia, mặt cả hai đều đỏ gay, phải bỏ mũ lau mồ hôi.

- Cụ làm ơn chỉ giúp, - Ivan Ivanúts hỏi một cụ già ngồi ghế dài ở bên công, - nhà bà Naxtaxia

Pêtorôpna Toxkunova ở đâu ạ?

- Ở đây chẳng có ai là Toxkunova cả! - cụ già nghĩ một lát rồi trả lời. - Hay là bà Timosenko?

- Không ạ. Toxkunova kia.

- Xin lỗi ông, không có bà Toxkunova nào ở đây cả...

Ivan Ivanúrts so vai rồi đi tiếp.

- Ông còn đi tìm làm gì! - ông cụ gọi với theo. - Đã bảo không có là không có mà.

Ivan Ivanúrts lại hỏi một bà già đứng bán quả lê và hạt hướng dương bày trên cái quầy nhỏ đặt ở góc phố:

- Bà ơi, bà cho hỏi thăm nhà bà Naxtaxia Pêtorôpna Toxkunova ở chỗ nào ạ?

Bà già ngạc nhiên nhìn Ivan Ivanúrts rồi cười phá lên:

- Thế rạ bà Naxtaxia Pêtorôpna bây giờ vẫn ở nhà cũ đấy phổng? - bà hỏi. - Trời ơi, bà ấy đã cho con gái đi lấy chồng từ tám năm nay, nhà thì nhường cho con rể ở rồi. Nhà ấy bây giờ là nhà ông con rể.

Mắt bà bán hàng bình luận thêm: “Sao các người ngốc thế? Một chuyện tầm thường như thế mà các người cũng không biết!”

- Thế còn bà ấy bây giờ ở đâu ạ? - Ivan Ivanúrts hỏi.

- Trời ơi! - bà già ngạc nhiên vỗ tay đánh đét một cái. - Bà ấy ở nhà thuê đã lâu rồi! Đã tám năm nay bà ấy nhường nhà cho con rể ở mà. Ông này lạ thật!

Hắn bà ta chắc mẫm là Ivan Ivanúrts cũng sẽ ngạc nhiên thốt lên: “Ồ chẳng lẽ lại thế!”, nhưng ông ta chỉ hỏi một cách hết sức điềm nhiên:

- Thế nhà bà ấy thuê ở chỗ nào?

Bà bán hàng xắn tay áo lên, vừa giơ cánh tay để trần ra chỉ trỏ vừa nói the thé:

- Cứ đi thẳng, thẳng mãi, thẳng mãi... Đi qua một ngôi nhà nhỏ màu đỏ đỏ, nhìn sang tay trái sẽ thấy một cái ngõ. Ông cứ đi vào cái ngõ ấy, đến đến cổng thứ ba ở bên phải...

Ivan Ivanúrts và Iegoruska đi qua ngôi nhà đỏ đỏ, rẽ sang tay trái và đến cái cổng thứ ba ở bên phải. Hai bên cái cổng xám xám rất cũ kỹ này chạy dài một dãy rào màu xám có những kẽ hở rất rộng; phần bên phải của dãy rào nghiêng hẳn ra phía ngoài, chỉ chực đổ xuống, phần bên trái thì ngã vào trong sân, riêng cái cổng vẫn đứng thẳng, trông như thể đang phân vân tự hỏi không biết nên đổ về phía nào: chúc sập ra ngoài ngõ hay ngã ngửa vào trong sân. Ivan Ivanúrts đẩy cánh cổng và cùng Iegoruska trông thấy một khoảng sân lớn mọc đầy cỏ dại và cạnh cổng chừng một trăm bước có một ngôi nhà nhỏ, mái đỏ, cánh bít cửa sô xanh lá cây. Một người đàn bà béo tốt hai tay áo xắn cao, cái tạp dề vén lên, đang đứng giữa sân vừa rắc rắc cái gì xuống đất vừa cất cái giọng the thé giống như giọng bà bán hàng ban nãy, gọi liên thoảng:

- Bập bập!

Sau lưng bà ta có một con chó màu vàng, hai tai nhọn hoắt, đang ngồi xổm. Trông thấy hai người lạ, nó chạy ra công và cất tiếng sủa giọng nam cao (chó mà lông màu vàng thì bao giờ cũng sủa giọng nam

cao).

- Ông cần hỏi ai? - người đàn bà vừa thét to lên vừa lấy bàn tay che trên mắt cho khỏi chói nắng.

- Chào bà! - Ivan Ivanúrts cũng thét rõ to, tay cầm gậy xua con chó màu vàng. - Bà cho hỏi, đây có phải nhà bà Naxtaxia Pêtorópna Toxkunova không ạ?

- Phải rồi, ông cần hỏi việc gì?

Ivan Ivanúrts và Iegoruska lại gần người đàn bà. Bà ta nhìn hai người từ đầu đến chân có vẻ nghi kỵ rồi hỏi lại:

- Ông cần hỏi việc gì?

- Nhưng có lẽ bà chính là Naxtaxia Pêtorópna?

- Ủ, tôi đây.

- Rất hân hạnh... Bà ạ, bà bạn cũ của bà là Onga Ivanópna Koniadeva có gửi lời chào bà. Đây là con trai bà ta. Còn tôi, có lẽ bà còn nhớ, là em ruột bà ta, tôi là Ivan Ivanúrts... Bà là người quê ở thị trấn của chúng tôi... Bà ra đời ở quê chúng tôi, lấy chồng ở quê chúng tôi...

Im lặng một lúc. Người đàn bà béo tốt trở mặt ngơ ngác nhìn Ivan Ivanúrts như thể không tin hay không hiểu, rồi đỏ bừng mặt lên và vung tay ngạc nhiên; kiêu mạch đưng trong cái tạp dề vung vãi xuống đất, nước mắt đưng trong mắt cũng trào ra giàn giụa.

- Onga Ivanópna à! - bà ta rít lên, thở hỏn hển vì xúc động. - Ôi người bạn yêu quý của tôi! Ôi, cha mẹ ơi, sao tôi lại đứng đực ra như con dở hơi thế này? Ôi, chú bé xinh đẹp của tôi...

Bà ta ôm lấy Iegoruska, nước mắt chảy ướt đầm cả mặt nó. Bà ta khóc thực sự.

- Trời ơi! - bà vừa nói vừa vắn hai tay vào nhau, - con trai của Onga Ivanópna đây này! Mừng sao mừng quá thế này này! Y hệt như mẹ! Không sai một chút! Ô, sao lại đứng ngoài sân thế này? Mời vào nhà, mời vào nhà đi!

Vừa đi, bà vừa khóc vừa thở hỏn hển, vội vã dẫn hai ông cháu đi theo bà.

- Nhà chưa dọn dẹp gì cả! - bà nói trọng khi đưa hai người vào một gian phòng khách nhỏ ngọt ngào, đầy những tượng thánh và chậu hoa. - Ôi, lạy đức mẹ Chúa trời! Vaxilixa, đi mở cánh bít cửa sổ ra cái nào! Chú thiên thần nhỏ của tôi! Giai nhân tuyệt thế của tôi! Ngờ đâu Onga lại có chú con trai thế này!

Khi bà ta đã bình tĩnh lại và đã quen khách, Ivan Ivanúrts ngỏ ý muốn nói chuyện riêng với bà. Iegoruska được đưa sang phòng bên: ở đây có đặt chiếc máy khâu, trên cửa sổ treo một cái lồng bên trong có con sáo đá, và xung quanh cũng nhiều tượng thánh và nhiều chậu hoa như ở phòng khách. Bên chiếc máy khâu có đứa con gái đứng im lìm như con búp bê, nước da rám nắng, má phình phình giống như má thẳng Tít, mình mặc chiếc áo vải hoa sạch bong. Nó nhìn Iegoruska không chớp mắt và hình như ngượng ngịu lúng túng lắm. Iegoruska nhìn nó, im lặng một lúc rồi hỏi:

- Mà tên là gì?

Đưa con gái mấp máy đôi môi, làm ra một vẻ mặt như sắp khóc và đáp:

- Atka...

Như thế có nghĩa là: Katka.

Trong phòng khách, Ivan Ivanúts nói thì thầm:

- Bà cho nó ở đây. Nếu bà có lòng nhận cho, chúng tôi sẽ xin gửi bà mỗi tháng mười rúp. Cháu nó ngoan mà lành, chứ không phải như hạng con cưng nhà người ta...

- Tôi cũng chẳng còn biết nói với ông thế nào nữa, ông Ivan Ivanúts ạ! - bà Naxtaxia Pêtorópna thở dài nói như khóc. - Mười rúp cũng khá to tiền, nhưng nhận nuôi con người khác tôi cũng sợ lắm. Nhờ nó ốm đau hay có chuyện gì...

Khi họ cho gọi Iegoruska trở ra phòng khách, Ivan Ivanúts đã cầm lấy mũ và đang cáo từ bà Naxtaxia Pêtorópna.

- Thôi thế là từ giờ cháu nó ở lại đây với bà, - ông nói. - Xin chào bà! Cháu ở lại nhé, Iegoruska! - ông quay sang thẳng cháu nói. - Cháu ở đây cho ngoan, phải nghe lời bà Naxtaxia Pêtorópna... Thôi cháu ở lại nhé. Mai cậu còn ghé nữa!

Nói đoạn ông ta ra về. Naxtaxia Pêtorópna lại ôm hôn Iegoruska, gọi nó là chú thiên thần con một lần nữa, rồi bắt đầu dọn bàn ăn, nước mắt rơm rớm. Ba phút sau Iegoruska đã ngồi bên cạnh bà, trả lời những câu hỏi liên miên vô tận của bà và ăn món súp bắp cải bỏ mỡ nóng hổi.

Và đến tối nó lại ngồi bên chiếc bàn ấy, tay chống cằm nghe bà Naxtaxia Pêtorópna nói. Khi thì cười, khi thì lại khóc, bà ta kể cho nó nghe về thời niên thiếu của mẹ nó, về chuyện mình đi lấy chồng, về con cái của mình... Trong lò sưởi có một con đê kêu ri ri, và ngọn lửa trong chụp đèn kêu vo vo rất khẽ. Bà chủ nhà nói thủ thủ, chốc chốc lại xúc động đánh rơi cái đê, và con bé Katka, cháu ngoại bà ta, lại bò xuống gầm bàn đi tìm. Cứ mỗi lần như thế lại ở lại dưới gầm bàn rất lâu, chắc là để khảo sát đôi chân của Iegoruska. Trong khi đó, Iegoruska lắng nghe, thiu thiu ngủ và ngắm nghía gương mặt bà già, cái mũi cóc to có mấy sợi lông mọc lòng thòng, những vết nước mắt hằn trên má... Và nó thấy lòng buồn rười rượi, buồn lắm. Người ta dọn chỗ cho nó nằm trên chiếc rương và dặn nó là nếu đến đêm có muốn ăn thì cứ đi ra ngoài dãy hành lang nhỏ: trên cửa sổ có con gà rán đây cái đĩa để sẵn đây.

Sáng hôm sau ông Ivan Ivanúts và cha Khrixtophor đến từ biệt nó. Naxtaxia Pêtorópna mừng lắm, toan đặt ấm lò, nhưng Ivan Ivanúts đang vội đi, liền khoát tay nói:

- Thôi ạ, chúng tôi còn thì giờ đâu? Chúng tôi đi ngay đây!

Trước khi chia tay, mọi người ngồi xuống và im lặng một phút. Naxtaxia Pêtorópna thở ra một tiếng rõ dài rồi ngược đôi mắt mới khóc đỏ hoe lên ngắm các tượng thánh.

- Nào, - Ivan Ivanúts đứng dậy nói, - thôi thế cháu ở lại nhé...

Trên mặt ông, vẻ thành thạo của người làm ăn chí thú đã đi đâu mất. Ông hơi đỏ mặt, mím một nụ cười buồn buồn rồi nói:

- Cháu phải học hành cho tử tế nhé... Cháu đừng quên mẹ cháu và phải nghe lời bác Naxtaxia Pêtorópna... Iegoruska ạ, nếu cháu học hành chăm chỉ, cậu sẽ giúp cho cháu.

Ông lấy trong túi ra một cái ví tiền, quay lưng về phía Iegoruska, lục bới hồi lâu trong mớ tiền lẻ, rồi tìm được mười kôpêch, ông lấy ra đưa cho Iegoruska. Cha Khrixtophor thở dài, rồi câu phúc cho Iegoruska.

- Nhận danh cha và con và thánh thần... Con hãy cố mà học, - cha nói. - Phải có công dùi mài, anh bạn ạ... Nếu cha chết đi, con thỉnh thoảng hãy nhớ đến cha... Đây cha cũng có câu phúc, con cầm lấy...

Iegoruska hôn tay cha và khóc. Trong tâm hồn nó có một cái gì thẳm thì mách cho nó biết rằng chẳng bao giờ nó còn gặp lại ông già này nữa.

- Bà Naxtaxia Pêtorópna ạ, - Ivan Ivanúts nói với cái giọng như thể trong phòng có người chết, - tôi đã nộp đơn ở trường rồi. Đến mùng bảy tháng Tám bà đưa giúp nó đến trường để thi sát hạch... Thôi, chào bà nhé! Bà ở lại mạnh giỏi, xin gửi Chúa. Cháu ở lại mạnh giỏi Iegoruska nhé!

- Các ông chẳng ngồi lại xơi lấy được chén trà, - bà Naxtaxia Pêtorópna rên rỉ.

Qua làn nước mắt rung rung, Iegoruska không nhìn thấy rõ cậu nó và cha Khrixtophor đi ra. Nó chạy ra cửa sổ, nhưng họ đã ra khỏi sân, không trông thấy đâu nữa, chỉ thấy con chó vàng vừa sữa vừa từ ngoài cổng chạy vào, với cái vẻ yên tâm của một kẻ đã làm tròn bổn phận. Iegoruska, tuy chính nó cũng chẳng biết để làm gì, vụt rời cửa sổ và đâm bổ ra ngoài. Khi nó ra khỏi cổng thì Ivan Ivanúts và cha Khrixtophor đang rẽ ngoặt ở góc phố, Ivan Ivanúts vẫy bằng chiếc ba-toong, cha Khrixtophor thì vẫy bằng gậy. Iegoruska có cảm giác là cùng với hai người ấy, tất cả những gì nó từng sống qua, đều đã vĩnh viễn tan biến đi như hơi khói; nó buông mình ngổ phịch xuống chiếc ghế dài và khóc nức nở để đón chào cuộc sống mới, chưa từng biết, vừa bắt đầu đối với nó...

Cuộc sống ấy rồi sẽ ra sao?

Hai người đẹp

I.

TÔI CÒN NHỚ khi tôi còn học lớp V hay lớp VI ở trường trung học, tôi cùng với ông tôi đi từ làng Bôlsôiê Krépôiê vùng sông Đông lên thành phố Rôxtôp trên sông Đông. Hôm ấy là một ngày tháng Tám oi nồng, mệt nhọc và buồn tẻ. Vì nóng bức, vì những cơn gió nóng khô ran lửa những đám bụi vào mặt, chúng tôi ai nấy mắt đều díp lại, cổ họng khô khốc; không còn muốn nhìn, muốn nói chuyện hay nghĩ ngợi gì nữa, và khi gã đánh xe Kácpô, người Ucraina đang gà gât ngủ quất rọi vào ngựa, nhờ vung quá tay về phía sau và để chạm rọi vào mũ tôi, tôi cũng chẳng buồn cáu nữa, chẳng kêu một tiếng nào và chỉ sau khi tỉnh giấc mơ, mới mở mắt uể oải thoáng nhìn về phía xa: liệu qua lớp bụi đường này có trông thấy làng nào không? Chúng tôi dừng lại cho ngựa ăn ở một làng rất to của người Ácmêni - làng Bakhosi-Xalakhơ - tại nhà một người Ácmêni giàu có mà ông tôi có quen. Trong đời, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người nào lại có dáng vẻ khôi hài hơn cái ông Ácmêni ấy. Hãy hình dung một cái đầu nhỏ tí húi trọc, cặp lông mày rậm rì nhú lại thấp xuống, mũi điều hâu, bộ râu mép dài bạc trắng và cái mồm rộng ngoác lúc nào cũng ngậm một cái tàu dài bằng gỗ anh đào; cái đầu ấy gắn một cách vụng về vào cái mình gầy guộc lưng khòm, ăn vận theo một kiểu kỳ lạ: một chiếc áo ngắn mặc ngoài màu đỏ có đuôi tôm và một chiếc quần màu xanh da trời rộng thùng thình; ông ta đi khệnh khênh khạng khạng, hai chân dạng ra, kéo đôi giày lệt xệt, nói năng thì vẫn không bỏ cái tàu trong mồm ra và đối xử theo một kiểu tự trọng thuần túy Ácmêni: không cười, cặp mắt nhìn trố ra và cố gắng càng ít chú ý đến khách càng tốt.

Trong nhà người Ácmêni không có qua một chút gió, chút bụi nào, nhưng ở đây cũng khó chịu, oi nồng và buồn tẻ như ngoài thảo nguyên trên đường đi lúc nãy. Tôi còn nhớ, người đẩy bụi bặm và mệt lử vì trời oi bức, tôi ngồi thu lại ở góc nhà trên một cái hòm gỗ màu xanh. Những bức tường bằng gỗ để mộc, bàn ghế giường tủ, sàn nhà quét màu vàng... - tất cả đều bốc ra mùi gỗ khô sạm nắng dưới ánh mặt trời. Nhìn phía nào cũng thấy ruồi bay, ruồi bay... Ông tôi và ông bạn người Ácmêni nói chuyện rì rầm với nhau về công việc chăn nuôi gia súc, về ruộng bỏ hóa, về đàn cừu... Tôi biết rằng âm trà sẽ đun trong vòng một giờ đồng hồ, rằng ông tôi sẽ ngồi nhậm nháp uống trà ít ra cũng phải đến một tiếng nữa, rồi sau đó nằm ngủ trưa khoảng hai, ba giờ đồng hồ, rằng như vậy là tôi sẽ phải mất đi một phần tư ngày, để chờ đợi và tiếp đây là lại oi bức, bụi bặm, đường xóc. Tôi nghe tiếng rì rầm hai người nói chuyện và tôi bắt đầu cảm thấy rằng ông già Ácmêni kia, cùng với cái chạn để bắt dũa, rồi ruồi bay và các khung cửa sổ mặt trời thiêu đốt đang xói vào kia... - tất cả những cái ấy tôi đã nhìn thấy từ rất lâu, và sẽ chỉ thôi không nhìn thấy nữa vào một tương lai xa lắc xa lơ, và cả người tôi tràn ngập một sự căm ghét đối với thảo nguyên, mặt trời, ruồi nhặng...

Người Ucraina đầu trùm khăn bưng một khay cốc chén lên, sau đó bưng tiếp chiếc âm trà. Ông già Ácmêni dềnh dàng bước ra phòng ngoài và cất giọng gọi:

- Masia[64]! Lên pha trà đi! Mày đâu rồi! Masia!

Nghe tiếng những chân bước vội, rồi một cô gái chừng mười sáu tuổi đi vào phòng, mặc chiếc váy áo thường in hoa, trùm một chiếc khăn nhỏ màu trắng. Lúc rửa cốc chén và pha trà, cô gái đứng quay lưng về phía tôi, và tôi chỉ nhận thấy rằng thân mình cô mảnh dẻ, đi chân không và đôi gót nhỏ để trần loáng thoáng đằng sau gấu quần trễ xuống.

Ông chủ nhà mời tôi uống trà. Khi ngồi xuống bàn, tôi nhìn vào mặt người con gái đưa cốc trà cho tôi

và bất chợt tôi cảm thấy như có một luồng gió nào chạy khắp người tôi và cuốn đi tất cả những ấn tượng của một ngày buồn tẻ và bụi bặm. Tôi nhìn thấy những nét kỳ diệu ở một gương mặt đẹp nhất mà tôi đã từng được thấy trong mơ và ngoài đời. Trước mặt tôi là một người con gái đẹp và tôi nhận ra điều đó ngay từ cái nhìn đầu tiên như nhận ra một ánh chớp.

Tôi sẵn sàng thề rằng Masa, hay như bố cô vẫn gọi là Masia, là một người con gái tuyệt đẹp, nhưng tôi không sao chứng minh được điều đó. Đôi lúc có những đám mây lớp lớp ken nhau bao phủ ở chân trời và mặt trời khuất đằng sau nhuộm những đám mây và cả bầu trời thành nhiều màu sắc khác nhau: màu đỏ rực, màu da cam, vàng óng, tím ngắt, thậm chí hồng; đám mây này thì giống hình ông thầy tu, đám mây kia thì giống hình con cá, đám mây khác nữa lại giống hình người Thổ Nhĩ Kỳ đội khăn đóng. Ráng nắng chạy dài đến một phần ba bầu trời, lấp lánh trên cây thánh giá nơi đỉnh tháp nhà thờ, phản chiếu qua những kính cửa sổ nhà giàu, soi rõ trên mặt sông hay đầm nước, rung rinh trên những ngọn cây cao; trên nền trời chiều xa tít tắp in rõ hình đàn vịt trời nào đó bay đi tìm chỗ ngủ... Cả cậu bé đang xua bò, cả ông trác điền ngồi trên xe ngựa đi qua đập nước và mấy ông nhà giàu đang dạo chơi, tất cả đều nhìn về phía ráng mặt trời, mọi người đều nhận rằng nó thật đẹp nhưng không một ai biết và nói được rằng vẻ đẹp ấy ở chỗ nào.

Không phải chỉ có một mình tôi thấy cô gái Ácmêni là đẹp. Ông tôi, một ông già tám mươi tuổi, một người vốn khắc khổ, nghiêm nghị, thường đứng dưng với phụ nữ và các vẻ đẹp của thiên nhiên cũng triu mến nhìn Masa một lúc và hỏi:

- Có phải con gái ông đây không, ông Avét Nadarúts?

- Con gái. Đây là con gái tôi... - ông chủ nhà trả lời.

- Tiểu thư xinh quá, - ông tôi khen.

Người họa sĩ sẽ gọi vẻ đẹp của cô gái Ácmêni là một vẻ đẹp cổ điển và hoàn thiện. Đó chính là vẻ đẹp mà khi ngắm nó, trời mà biết được vì lẽ gì, anh sẽ tin chắc rằng anh đang nhìn thấy những nét chính xác, rằng mái tóc, đôi mắt, mũi, miệng, cổ, ngực và mọi cử động của tám thân trẻ trung ấy đều hợp lại thành một thể hài hòa toàn vẹn mà trong đó thiên nhiên không hề phạm sơ suất ở một nét nhỏ nào; không hiểu vì sao anh sẽ cảm thấy rằng một người phụ nữ đẹp lý tưởng thì phải có cái mũi thẳng và cao, cao như mũi của Masa, cặp mắt to và đen như thế, đôi lông mi dài như thế, cái nhìn thần thờ như thế, rằng những món tóc đen lượn sóng và đôi lông mày của cô gái lại hòa hợp đến như thế, với màu da trắng trẻo mềm mại trên trán và má như cây sậy xanh tươi hòa nhịp với một dòng sông nhỏ yên lặng; cái cổ trắng ngà của Masa và bộ ngực của cô thật nhỏ nhắn xinh xắn, nhưng để có thể tạc nên được như thế, cần phải có một tài năng sáng tạo phi thường. Nếu anh nhìn Masa dần dần anh sẽ thấy khát khao muốn nói với cô gái một điều gì êm dịu khác thường, một điều gì thật chân thành và đẹp đẽ như chính cô gái.

Thoạt đầu tôi thấy giận hờn và xấu hổ rằng Masa không để ý chút nào đến tôi và luôn luôn cúi đầu nhìn xuống; có một màn không khí nào vừa lạ lùng vừa đầy hạnh phúc và kiêu hãnh đã ngăn cách cô gái với tôi và cố che cái nhìn của tôi.

“Điều đó là do người ta đầy bụi bặm, - tôi nghĩ, - ta bị sạm nắng, và do ta hãy còn là một cậu bé con”.

Nhưng rồi sau đó dần dần tôi quên đi chính bản thân mình, và cả người tôi ngợp trong một cảm giác về cái đẹp. Tôi đã không còn nhớ đến cái buồn tẻ trên thảo nguyên, đến những lớp bụi đường bay mù, không nghe thấy tiếng ruồi bay vo vo, không nhận ra mùi vị nước chè nữa mà chỉ còn cảm thấy rằng bên kia chiếc bàn tôi ngồi có một cô gái xinh đẹp đang đứng đấy.

Tôi nhìn ngắm vẻ đẹp đó với một cảm giác là lạ thế nào ấy. Hình ảnh Masa không gọi lên trong tôi một khát vọng, một niềm say mê hay một khoái cảm nào, mà đem đến cho tôi một nỗi buồn nặng nề cho dù là dịu ngọt. Nỗi buồn này thật mơ hồ và mông lung như một giấc mơ. Không hiểu sao, lúc ấy tôi

vừa thấy tiếc cả cho mình, cả cho ông tôi, ông già Ácmêni và chính cô gái nữa; tôi có cảm giác rằng hình như cả bốn người đều vừa đánh mất một cái gì hệ trọng và cần thiết cho cuộc sống, một cái gì mà không bao giờ chúng tôi có thể tìm được nữa. Ông tôi cũng ra chiều buồn bã. Ông không còn nói chuyện về ruộng bỏ hóa, về đàn cừu, mà im lặng nhìn Masa một cách đắm chiều.

Sau lúc uống trà ông tôi đi nằm ngủ, còn tôi thì bước ra khỏi nhà và ngồi ngoài thềm. Như mọi nhà ở Bakhosi-Xalakhơ ngôi nhà này cũng đang bị thiêu nóng dưới ánh mặt trời, không có một cái cây nào, một mái hiên hay một bóng râm. Cái sân rộng trước nhà ông già Ácmêni mọc đầy cỏ dại mọc dài dưới trời nóng cháy quang cảnh vẫn nhộn nhịp và vui vẻ. Đằng sau một bờ giậu thấp ngăn một phần cái sân rộng người ta đang đập lúa mì. Chung quanh một cái cột chôn xuống chính giữa sân, mười hai con ngựa đóng lại hàng một thành một đường kính kéo ngang. Bên cạnh chúng là một người Ucraina làm công đi đi lại lại, mặc áo khoác ngoài dài cộc tay và chiếc quần ông rộng thùng thình, anh ta luôn tay vút roi xuống và quát to bằng cái giọng hết như đang muốn chọc tức lũ ngựa và tự đắc vì quyền lực của mình đối với chúng:

- A-a-a, cái lũ mất dạy này! A-a-a... Trời đánh không chết hả! Liệu hồn đấy!

Những con ngựa màu hung nâu, màu trắng, hay đốm khoang, không thể hiểu vì sao người ta lại bắt chúng cứ phải chạy quanh mãi một chỗ và giẫm nát đồng rơm lúa mì, chúng miễn cưỡng chạy uể oải và vung vẩy cái đuôi như tỏ nỗi giận dữ. Từ dưới chân lũ ngựa, gió cuốn tung những đám trâu vàng bay mù lên qua hàng giậu. Gần những đồng rơm mới, cao, có mấy bà cầm cào đi lững thững, mấy chiếc xe bò lẫn bánh, và đằng sau những đồng rơm ấy, trong một cái sân khác cũng có chừng ấy con ngựa như thế đang chạy vòng quanh cái cột và cũng lại có người Ucraina làm công na ná như thế đang vút mạnh roi và tru giễu lũ ngựa.

Bậc thềm tôi ngồi nóng ran; trên hàng lan can bằng gỗ và khung cửa sổ lác đác thấy nhựa rỉ ra vì trời nóng; dưới thềm và dưới cánh bít cửa sổ những con bọ nhỏ màu hung đỏ cụm lại với nhau trong dải bóng râm. Mặt trời chiếu như thiêu như đốt lên đầu, lên ngực, lên lưng tôi, nhưng tôi không để ý gì đến điều ấy, tôi chỉ cảm thấy một điều rằng nơi phòng ngoài và ở các phòng trong nhà có tiếng đội chân trần đang đi lại trên nền nhà lát gỗ. Thu dọn cốc chén vào khay, Masa chạy nhanh qua bậc thềm làm gió phả vào người tôi, rồi như một con chim, cô gái đi vút xuống phía một căn nhà nhỏ âm khói; chắc là nhà bếp, từ dưới ấy sực lên mùi thịt cừu nướng và nghe rõ ai đang nói tiếng Ácmêni đầy câu kính. Cô gái biến mất sau cánh cửa màu sẫm, và thế vào cô, trên bậc cửa hiện ra một bà lão Ácmêni mặt đỏ gay, lưng còng mặc quần rộng ông màu xanh lá cây. Bà lão cúi gập và lau bầu chửi rửa ai. Một lát sau Masa lại hiện ra trên ngưỡng cửa, mặt đỏ bừng vì bếp nóng, cô vác trên vai một cái bánh mì đen rất to; hơi cúi nghiêng mình rất đẹp dưới sức nặng của chiếc bánh, cô gái chạy qua sân đến chỗ đập lúa, bước qua hàng giậu, lẫn vào trong đám bụi trâu vàng óng, rồi khuất mất đằng sau mấy chiếc xe bò. Người Ucraina làm công đang xua lũ ngựa, hạ roi xuống, thôi không nói nữa và đắm đắm nhìn về phía mấy chiếc xe, sau đó, khi cô gái Ácmêni lại loáng thoáng hiện ra gần đàn ngựa và nhảy qua hàng giậu, anh ta đưa mắt nhìn theo cô gái rồi quay sang quát bầy ngựa bằng cái giọng như đang rất buồn bực:

- Cho mày chết dấp đi, đồ quỷ ạ!

Sau đó lúc nào tôi cũng nghe thấy tiếng chân không của cô gái, cũng nhìn thấy cô gái chạy qua chạy lại trong sân với vẻ mặt nghiêm trang đầy lo âu. Lúc thì cô gái chạy qua bậc thềm, phả gió vào người tôi, lúc thì chạy xuống bếp, đến chỗ đập lúa mì, ra ngoài công, và tôi cứ phải quay đầu luôn luôn mới kịp nhìn theo cô gái.

Cô gái với vẻ đẹp kỳ diệu càng xuất hiện nhiều lần hơn trước mắt tôi, thì nỗi buồn trọng tôi càng thêm thâm thía. Tôi cảm thấy thương cho mình, cho cô gái, cho người Ucraina làm công lần nào cũng buồn rầu đưa mắt nhìn theo cô gái, khi cô chạy qua đám bụi trâu đến chỗ mấy chiếc xe bò. Không biết có phải tôi đã ghen tị với sắc đẹp của cô, hay là tôi tiếc rằng cô gái ấy không phải của tôi, và mãi mãi sau này cũng chẳng bao giờ là của tôi, rằng đối với cô gái tôi là một người xa lạ, hay là tôi mơ hồ cảm thấy sắc đẹp kỳ lạ của cô là một điều tình cờ, không cần thiết, và ngăn ngui như tất cả mọi thứ trên trái

đất này, hay là có thể rằng nỗi buồn của tôi chính là cảm giác đặc biệt đến với mỗi người khi được ngắm nhìn một cái đẹp hoàn thiện, có trời mà biết được!...

Ba giờ chờ đợi đã trôi qua lúc nào không hay. Tôi tưởng rằng tôi chưa kịp nhìn ngắm Masa, thì anh xà ích Kácpô đã đi đến bờ sông, tắm rửa cho ngựa và bây giờ đã bắt đầu thắng ngựa vào xe. Con ngựa mình ướt đầm khoải chỉ thở phì phì và đập móng vào cang xe. Kácpô quát ngựa “qu-uay lại!” Ông tôi tỉnh dậy. Masa kéo mở cánh cổng ra cho chúng tôi, cánh cổng kêu lên kèn kẹt, chúng tôi ngồi lên xe và đi khỏi sân. Không ai nói gì cả, hết như chúng tôi đang giận nhau.

Khoảng hai, ba giờ đồng hồ sau khi Rôxtốp trên sông Đông và Nakhisevan đã thấp thoáng hiện ra từ phía xa, anh xà ích Kácpô từ này đến giờ vẫn ngồi im, bỗng ngoái nhìn lại rất nhanh và nói:

- Ô, bà lão Ácmêni có cô con gái xinh thật!

Và Kácpô vút mạnh roi xuống ngựa.

II.

MỘT LẦN KHÁC, khi đã là một sinh viên, tôi đi tàu xuống phía Nam. Đạo ấy là tháng Năm. Đến một ga nhỏ đầu vào khoảng giữa Bengôrôt và Kharcốp, tôi bước ra khỏi toa và đi dạo trên sân ga.

Bóng chiều đã đổ xuống trên sân ga, trên chiếc vườn nhỏ bên cạnh và cánh đồng chung quanh; nhà ga che khuất ánh mặt trời chiều, nhưng nhìn lên những làn khói tàu bay cao nhuộm một màu hồng dịu, thì có thể thấy rõ ràng mặt trời hãy còn chưa lặn hẳn.

Lúc đi đi lại lại trên sân ga, tôi nhận thấy phần lớn những hành khách đi dạo chỉ quanh quẩn bên cạnh một toa tàu hạng hai, với vẻ mặt như là họ đang được nhìn thấy ở đây một nhân vật đầy vai vế nào. Trong số những người hiếu kỳ mà tôi gặp ở bên toa tàu ấy, cũng có cả anh bạn đồng hành của tôi, một sĩ quan pháo binh, một chàng trai trẻ thông minh, cởi mở và đáng yêu như tất cả những ai mà chúng ta vẫn thường tình cờ làm quen chốc lát trên đường đi.

- Anh nhìn gì đấy? - tôi hỏi.

Anh ta không trả lời gì và chỉ đưa mắt ra hiệu cho tôi nhìn về phía một người phụ nữ. Đó là một cô gái còn trẻ, chừng mười bảy, mười tám tuổi, ăn vận theo kiểu Nga, đầu để trần, chiếc áo ngoài ngắn không có ống tay vắt qua quít trên một bên vai, chắc cô gái không phải là hành khách mà có thể là con gái hay là em ông xếp ga. Cô gái đứng bên cạnh cửa sổ toa tàu, và nói chuyện với một bà hành khách đứng tuổi nào đấy. Trước khi tôi kịp tự giải thích cho mình biết rằng mình đang nhìn thấy gì thì một cảm giác lạ lùng đã bắt ngờ choán hết lòng tôi như lần tôi dừng chân lại ở một làng người Ácmêni đạo nào.

Cô gái là một người đẹp tuyệt vời, và không một ai nghi ngờ gì điều đó cả, tôi cũng vậy và những người cùng tôi nhìn ngắm cô ta cũng vậy.

Nếu tả riêng từng nét như người ta vẫn thường làm, thì cô gái chỉ có một cái đẹp duy nhất là mái tóc dày hoe hoe vàng cuộn sóng đồ dài xuống, với một dải vải đen nhỏ buộc ngang trên đầu; những nét còn lại thì hoặc là không chính xác hoặc là rất thường. Không biết vì thói quen làm điệu hay vì bị cận thị, đôi mắt cô gái cứ hơi nheo nheo lại, mũi hơi hếch lên, miệng bé, đường nét nhìn nghiêng không nổi lắm, đôi vai nhỏ không cân xứng với lứa tuổi, tuy vậy cô gái vẫn để lại ấn tượng của một người đẹp thực sự, và lúc ngắm nhìn cô, tôi đã có thể tin chắc rằng một gương mặt Nga nào đó muốn được coi là đẹp không cần phải có những đường nét chính xác, hơn nữa, thậm chí nếu thế vào cái mũi hơi hếch đó ta lại thay bằng một cái mũi khác chính xác và hoàn thiện về mặt tạo hình của cô gái Ácmêni đạo nào thì gương mặt cô gái đang đứng bên toa tàu kia sẽ mất đi hết vẻ đáng yêu.

Đừng nói chuyện bên cửa sổ, hơi co ro người lại vì hơi ẩm lạnh buổi chiều, cô gái thỉnh thoảng lại

quay nhìn chúng tôi, lúc thì chống nạnh, lúc thì đưa tay lên đầu sửa tóc, cười cười, nói nói, biểu lộ trên nét mặt khi thì sự ngạc nhiên, khi thì sợ hãi, và tôi không nhớ có một giây lát nào mà gương mặt, toàn thân cô gái lại ở dạng bình yên, bất động. Tất cả bí mật, huyền ảo trong vẻ đẹp của cô gái chính là ở sự đổi thay luôn luôn, ở cái nhìn thoáng nhanh về phía chúng tôi, ở sự hòa hợp giữa cái uyển chuyển tinh tế của những cử chỉ ấy với sự trẻ trung, tươi mát, với tâm hồn thanh khiết lộ rõ trong tiếng cười, giọng nói, ở cái vẻ yếu ớt mà chúng ta vẫn thường rất yêu nơi trẻ thơ, chim nhỏ, hươu non và cây xanh mới lớn.

Đây là vẻ đẹp như vẻ đẹp của một cánh bướm nhỏ uyển chuyển bay lượn trên khu vườn, một vẻ đẹp thật hòa hợp với tiếng cười vui vẻ thanh thản không chút nào gợi nhớ đến những suy tư nặng nề, những nỗi buồn bình lặng; tưởng như rằng chỉ cần một cơn gió nhỏ bay qua trên sân ga hay một làn mưa rơi xuống là cũng đủ làm thân hình thanh mảnh kia héo đi và vẻ đẹp mong manh ấy rụng xuống như chút bụi phấn hoa.

- Chậc... - anh chàng sĩ quan cất tiếng thở dài, khi mọi người trở về toa mình ngồi sau hồi chuông thứ hai.

Còn cái tiếng “chậc” ấy nghĩa là gì thì tôi sẽ không bàn đến.

Có thể là anh ta cảm thấy buồn rầu và không muốn đi khỏi chỗ người đẹp, không muốn đi từ một buổi chiều tối mùa xuân vào trong toạ tàu oi bức, hay là có thể rằng anh ta cũng như tôi đều mơ hồ thấy tiếc cho người đẹp, cho mình, cho tất cả những hành khách đang uể oải và miên cưỡng lê chân về toa tàu mình ngồi. Đi qua chỗ cửa sổ phòng làm việc nhà ga nơi có một người điện báo viên tóc xoắn cao màu hung đang ngồi bên máy, vẻ mặt nhợt nhạt, hai gò má nhô lên, viên sĩ quan thở dài và nói:

- Tôi đánh cuộc với anh rằng anh chàng điện báo viên này đang phải lòng cô gái xinh đẹp kia. Giữa đông không mông quanh này mà lại ở chung dưới một mái nhà với một “tòa thiên nhiên” như thế và không mệt mỏi đi vì vẻ đẹp đó thì thật là vượt quá sức chịu đựng của con người. Anh bạn tôi này, sẽ thật là bất hạnh, thật là trở trêu biết bao nếu một người lòm khòm vai so, đầu bù, tẻ nhạt, đứng đắn và không đến nỗi ngu độn như thế lại đem lòng yêu một cô gái xinh đẹp và hơi dần dần - còn cô ta thì không mấy may để ý đến anh kia! Hay là còn tệ hơn thế nữa: anh thử tưởng tượng xem rằng anh chàng điện báo viên này phải lòng cô gái, nhưng trong lúc ấy anh ta lại đã có vợ và vợ anh ta cũng là một người so vai lưng gù, đầu bù tóc rối và đứng đắn, nghiêm trang như chính anh ta... Thật là cả một sự đay ải!

Gần toa tàu chúng tôi, một nhân viên hỏa xa đứng tựa tay vào bờ rào sân ga và nhìn về phía cô gái đẹp, bộ mặt xỉ xị hốc hác, quá no nề và mệt mỏi vì những đêm mất ngủ, vì tàu lắc lư rõ rệt dịu dàng và một nỗi buồn sâu xa, dường như hình ảnh cô gái gợi lại thời trẻ trung của ông, gợi lại niềm hạnh phúc, những gì khỏe khoắn, trong sạch, làm ông nghĩ đến vợ đến con, dường như ông đang ân hận và cảm thấy trên từng đường gân mạch máu mình rằng cô gái kia không phải của ông, rằng với cái già nua trước tuổi, sự vụng về và bộ mặt xỉ xị của ông, ông ở cách xa bao nhiêu - xa như đến tận trời - đối với niềm hạnh phúc hết sức bình thường mà những người hành khách kia vừa được hưởng.

Hồi chuông thứ ba vang lên, có tiếng còi rít lên và đoàn tàu uể oải chuyển bánh. Qua khung cửa sổ chúng tôi, lần lượt thoáng qua hình dáng người nhân viên hỏa xa, ông trưởng ga, tiếp đó là mảnh vườn nhỏ rồi đến cô gái xinh đẹp với nụ cười điệu kỳ trẻ thơ thanh khiết nở trên môi...

Tôi nhào người ra ngoài cửa sổ, ngoái đầu nhìn lại và thấy cô gái đưa mắt trông theo đoàn tàu vừa đi trên sân ga, qua phía cửa sổ người điện báo viên ngồi, cô gái đưa tay lên sửa mái tóc rồi chạy vào khu vườn. Nhà ga không còn ngăn tâm mắt nhìn về phía Tây nữa, cánh đồng trải rộng ra, nhưng mặt trời đã lặn, và những làn khói đen tỏa nhẹ trên những thửa ruộng mạ non lên xanh mơn mẫm như nhung. Có cái gì buồn buồn trong làn không khí mùa xuân, trong bầu trời đang ngả sang màu tối sẫm và trong toa tàu.

Người nhân viên hỏa xa lúc nãy bước vào trong toa và lần lượt châm các ngọn nến lên.

Cơn bệnh thần kinh

I.

VÀO MỘT BUỔI TỐI anh chàng sinh viên y khoa Maiero và Rúpnikóp, học sinh trường hội họa, điêu khắc và kiến trúc ở Mắxcova, cùng nhau đến nhà bạn mình là Vaxilép, sinh viên luật khoa, và rủ anh ta xuống ngõ X. Thoạt đầu, Vaxilép ngần ngại không chịu đi, nhưng sau đó nể bạn cũng mặc áo vào rồi theo bạn.

Vaxilép chỉ biết đến những người đàn bà sa đọa qua lời kể, qua những trang sách đọc, và chưa một lần nào trong đời anh bước vào những ngôi nhà họ sống. Anh đã biết rằng trên đời này có những người phụ nữ hư hỏng như thế, những người này nhiều khi do hoàn cảnh éo le không may xảy đến, do ảnh hưởng giáo dục không tốt, do túng thiếu... mà đã buộc phải đem bán danh dự của mình để kiếm ít tiền nuôi thân. Họ không biết đến tình yêu trong sạch, không có con cái, không có quyền hành; các bà mẹ và chị em họ than khóc về họ như than khóc những người đã chết, xã hội khinh rẻ họ, coi họ như một nguồn gốc tội lỗi, đàn ông suông sẽ gọi họ là cô em. Mặc dầu vậy họ không mất hình hài, tính nết của con người. Tất cả bọn họ đều nhận thấy tội lỗi của mình và hi vọng được cứu thoát. Họ có thể nhờ cậy vào nhiều biện pháp cứu vớt rất khác nhau. Thật ra thì xã hội không tha thứ cho những người đã mắc tội trong quá khứ, trong khi chính nữ thần Maria ở Ai Cập[65] thì cũng được Thượng đế trọng vọng không kém những vị thần khác. Mỗi khi Vaxilép nhận ra một người phụ nữ sa đọa ngoài đường phố qua cách ăn vận và điệu bộ của người đó, hoặc khi nhìn thấy tranh vẽ về họ trong các tạp chí khôi hài thì lần nào cũng vậy anh lại nhớ lại một câu chuyện mà trước đây, anh đã từng đọc ở đâu: một chàng trẻ tuổi trong sạch, giàu đức hi sinh đã đem lòng yêu một cô gái hư hỏng và ngộ lời muốn lấy cô ta, nhưng cô ta thì tự nghĩ rằng mình không xứng đáng với hạnh phúc như vậy và đã uống thuốc độc tự tử.

Vaxilép ở vào một ngõ thông ra đại lộ Tvexkôi. Khi anh cùng bạn bè rời khỏi nhà thì đã gần 11 giờ đêm. Tuyết đầu mùa mới rơi được ít lâu và vạn vật trong thiên nhiên như còn in dấu tuyết đầu mùa. Hương tuyết bay trong không trung, tuyết kêu lạo xạo dưới chân đi; mặt đất, mái nhà, cây cối, những ghế băng đặt trên các đại lộ - tất cả đều phủ nhẹ một màu trắng mịn mềm, thanh khiết, vì thế mà các ngôi nhà trông khác hơn hôm qua, những ngọn đèn đường tỏa sáng hơn, khí trời như trong lành hơn, tiếng bánh xe lăn êm hơn; và cùng với tiết trời lành lạnh trong trẻo, lòng người cũng lâng lâng một cảm giác dịu nhẹ trẻ trung và trinh trắng như những bông tuyết kia.

“Bắt chợt một sức mạnh mơ hồ nào thu hút tôi đến những bến bờ buồn bã ấy...”[66] - anh sinh viên y khoa bỗng cất giọng nam cao trong trẻo hát.

- Và kia là cối xay gió... - chàng họa sĩ hát tiếp. - Nó đã đổ nát rồi...

- Và kia là cối xay gió... Nó đã đổ nát rồi... - anh sinh viên y khoa hát lại, lông mày nhướng cao, đầu mơ màng lắc lắc.

Anh im lặng, lau trán cố nhớ nốt lời rồi lại cất cao giọng hát vang và hay đến nỗi người đi đường phải quay lại nhìn.

- Nơi đây ngày xưa tôi đã gặp mối tình khoáng đãng của một người tự do...

Cả ba người rẽ vào một tiệm ăn, và cứ mặc nguyên bành tô, họ đứng bên cạnh quầy điểm tâm uống mỗi

người hai ly rượu vôtka. Trước khi uống sang chén rượu thứ hai, Vaxilép nhìn thấy trong cốc một mảnh nhỏ nút chai rơi vào, anh đưa cốc lại gần, nheo mắt nhìn sát như người cận thị. Anh sinh viên y khoa không hiểu Vaxilép làm gì vội nói:

- Này, nhìn cái gì vậy? Xin đừng nghĩ ngợi triết lý gì cho mệt. Có rượu vôtka là để uống, có thịt cá chiên là để chén, có phụ nữ là để đến chơi, có tuyết là để đi giẫm lên đấy. Thì hãy sống cho ra con người một buổi tối đã nào.

- Không, không có gì đâu... - Vaxilép vừa cười vừa nói. - Minh có chồi từ đâu?

Rượu vôtka làm cho anh cảm thấy ấm áp trong lòng ngực. Anh âu yếm nhìn những người bạn của mình, ngắm nghía họ, cảm thấy ghen tỵ với họ. Họ khỏe mạnh, trẻ trung, vui vẻ vô tư biết bao, tâm trí, đầu óc họ lúc nào cũng thư thái, thanh thoát. Họ vừa hát, vừa say mê đi xem kịch, vừa về vừa nói chuyện, vừa uống rượu và đầu óc họ ngày hôm sau không bao giờ thấy mệt mỏi; họ vừa thơ mộng lại vừa trác táng, vừa dịu dàng lại vừa táo tợn; họ vừa biết làm việc, biết nổi giận và cười phá lên vô cớ, vừa biết nói những chuyện phiếm vô nghĩa; họ sôi nổi, thẳng thắn, giàu lòng dũng cảm, và xét về mặt con người họ không thua kém anh một chút nào, mặc dù anh thận trọng đắn đo từng bước chân, từng lời nói, anh đa nghị và hay nghĩ ngợi, một việc nhỏ xíu cũng sẵn sàng nâng lên thành vấn đề này nọ. Anh cảm thấy muốn được sống như bạn bè anh dù chỉ trong một buổi tối, muốn được tự giải thoát rã khỏi sự kiềm chế của chính mình. Cần phải uống vôtka chăng? Thì anh sẽ uống, mặc dầu ngày mai đâu anh sẽ nhức nhối. Bạn bè dẫn anh đến với đám phụ nữ làng chơi ư? Thì anh đang đi đây. Anh sẽ cười hô hô, sẽ bông đùa, sẽ vui vẻ đáp lại cái va chạm của người qua đường...

Anh tươi cười bước ra khỏi tiệm ăn. Anh cảm thấy thích thú với những người bạn của mình. Một người đội chiếc mũ nhàu rộng vành với dụng ý bắt chước vẻ xuề xòa nghệ sĩ, còn một người thì đội chiếc mũ bằng lông sư tử biển - anh ta không phải nghèo, song muốn tự xếp mình vào loại sinh viên không chôn nương tựa bụng tuồng; anh cảm thấy khoan khoái với những bông tuyết trắng, những ánh đèn đường nhợt nhạt, những dấu chân đen sẫm in sâu mà người bộ hành vừa để lại trên nền tuyết trắng; anh rất thích khí trời này và nhất là màu sắc trong suốt, dịu dịu, thơ ngây, trinh trắng mà một năm chỉ có thể thấy được hai lần trong thiên nhiên: khi mọi vật xung quanh đều ảm đạm dưới tuyết, và khi mùa xuân, vào những ngày quang đăng hay là vào những đêm trắng lúc băng bắt đầu tan trên sông.

- “Bắt chợt một sức mạnh mơ hồ nào thu hút tôi đến những bến bờ buồn bã ấy...” - anh cất giọng khe khẽ hát.

Và suốt dọc đường, không hiểu vì lẽ gì cả anh và hai người bạn anh cứ hát đi hát lại câu hát ấy, cả hai người theo nhau hát, không ăn nhịp gì vào nhau.

Vaxilép hình dung ra cảnh chừng mười phút sau, anh và các bạn anh sẽ gõ cửa, sẽ lần theo những hành lang tối tối mà tìm đến những người đàn bà ấy trong những căn buồng tối om, anh sẽ lấy cớ vì tối quá mà bật diêm lên soi và bất ngờ sẽ được nhìn thấy gương mặt đau khổ và nụ cười hồi lỗi. Sẽ có một cô gái tóc vàng hay một cô gái tóc đen, mái tóc để xõa xượi, mặc chiếc áo ngủ màu trắng; cô ta sợ ánh sáng, rất ngượng ngùng và nói: “Chết, anh làm gì thế! Làm ơn tắt đi cho!” Tất cả những điều ấy thật dễ sợ, nhưng cũng thật mới lạ, khơi gợi trí tò mò.

II.

BA NGƯỜI BẠN từ quảng trường Torúpnaia rẽ sang phố Gratsópka và lát sau thì đi vào ngõ mà Vaxilép chỉ mới nghe nhắc đến. Nhìn thấy hai dãy nhà với những cửa sổ sáng ánh đèn, với những cửa ra vào mở rộng cánh, nghe thấy những âm thanh vui tai của đàn dương cầm, đàn vĩ cầm - những âm thanh lọt qua cửa lẩn lộn hòa vào nhau như có một dàn nhạc vô hình nào đó đang ngồi trên mái nhà trong bóng tối mà lên dây đàn, Vaxilép ngạc nhiên nói:

- Sao nhiều thế!

- Thế này đã thấm thía gì! - anh sinh viên y khoa nói. - Ở Luân Đôn còn nhiều gấp mười thế, ở bên ấy có đến gần mười vạn đàn bà làm nghề này.

Những người xà ích cũng dừng dưng và lơ đãng ngồi chờ trên xe như vẫn thấy ở tất cả các ngõ phố khác; trên vỉa hè này cũng có những người bộ hành đi qua như ở các phố khác. Không có ai vội vã, không ai phải kéo cô áo bành tô lên che mặt, không ai lắc đầu tỏ vẻ chê trách... Trong cái vẻ dừng dưng lãnh đạm ấy, trong mớ âm thanh hỗn độn của đàn dương cầm và vĩ cầm, trong những khung cửa sổ sáng ánh đèn và cửa ra vào mở toang toát ra một cái gì trắng trợn, không úp mở, táo tợn, phóng đãng. Chắc là ngày xưa, những phiên chợ buôn nô lệ cũng ồn ào, vui vẻ như thế, khuôn mặt và dáng đi của mọi người cũng lộ vẻ dừng dưng như vậy.

- Ta sẽ bắt đầu từ nhà đầu tiên nhé, - chàng họa sĩ nói.

Ba người đi vào một hành lang nhỏ hẹp có đèn chiếu sáng. Khi họ mở cửa, thì thấy ở buồng ngoài có một người mặc bộ cánh đen uể oải đứng dậy bên chiếc đỉvăng màu vàng, ông ta râu ria để lởm chồm mặt ngái ngủ, trông rõ ra là người hầu. Chung quanh tỏa mùi như trong xưởng giặt là, lại còn thêm mùi giấm. Từ phòng ngoài, cánh cửa mở sang một phòng sáng ánh đèn. Anh sinh viên và chàng họa sĩ đứng lại trên ngưỡng cửa, cả hai cùng vươn dài cổ ghé nhìn vào trong phòng.

- Bona-xera, Xinhor, rigôlétô-gughenôto-toraviátta![67] - chàng họa sĩ cất giọng nói, cúi chào theo kiểu sân khấu.

- Gavanna-tarakanô-pixtôlétô[68], - anh sinh viên y khoa vừa nói vừa đưa mũ lên ngực, cúi rạp mình xuống.

Vaxilép đứng đằng sau bọn họ. Anh cũng muốn cúi chào theo kiểu sân khấu và nói một câu gì vô nghĩa, nhưng anh chỉ cười, cảm thấy chút gì gượng gạo, lẩn cẩn na ná như cảm giác xấu hổ, anh nóng lòng chờ xem những gì sẽ tiếp tục xảy ra. Trước cửa xuất hiện một cô gái có mái tóc cắt ngắn màu vàng, tuổi chừng 17-18, mặc chiếc váy cộc màu xanh, ngực đeo một chuỗi hạt trắng.

- Sao các ông lại đứng ngoài cửa thế? - cô ta nói. - Các ông cởi bành tô ra cho và xin mời vào trong phòng.

Anh sinh viên y khoa và chàng họa sĩ tiếp tục nói bằng tiếng Ý rồi bước vào phòng. Vaxilép rụt rè bước theo họ.

- Các ngài, các ngài cởi bành tô ra đi! - người hầu phòng nói giọng gay gắt. - Để thế không được đâu.

Ngoài cô gái tóc màu vàng, trong căn phòng cũng có một bà to béo và cao, tay để trần, khuôn mặt không ra vẻ người Nga. Bà ta ngồi bên cạnh đàn dương cầm, xếp quân bài ra trên đùi. Bà ta không để ý chút nào đến mấy người khách.

- Các cô em khác đâu cả rồi? - anh sinh viên y khoa hỏi.

- Chúng nó đang uống trà, - cô gái tóc màu vàng đáp. - Đây, Xtêpan, - cô ta gọi to, - đi vào nói với mấy cô rằng các ông sinh viên đã đến rồi nhé!

Lát sau cô gái thứ ba bước vào phòng. Cô ta mặc bộ váy áo màu đỏ tươi có sọc dài màu xanh. Mặt cô ta bự phần, thứ phần được trát một cách không thành thạo, tóc xõa xuống che cả trán, mắt nhìn chăm chăm không chớp, lộ vẻ sợ sệt. Vừa bước vào, cô ta đã cất giọng trầm thô khỏe hát một bài gì không rõ. Theo sau cô ta là hai ba cô gái nữa...

Qua những cảnh đó, Vaxilép không nhìn thấy chút gì mới mẻ đáng tò mò. Anh có cảm giác rằng, căn phòng này, chiếc đàn dương cầm này, tấm gương lớn lồng trong chiếc khung vàng rẻ tiền, chuỗi hạt, váy áo với sọc dài màu xanh và những bộ mặt đàn độn, dưng dưng này, tất cả anh đều đã thấy nhiều lần ở đâu đó rồi. Anh không hề thấy bóng dáng của những điều mà anh đã chờ đợi thấy trước lúc vào đây như bóng tối, sự im lặng, vẻ bí ẩn hay những nụ cười hời hợt.

Tất cả đều bình thường, nhạt nhẽo và tẻ ngắt. Chỉ có một điều hơi gợi trí tò mò của anh, đó là cái thô kệch khủng khiếp cô ý phơ bày ra trong cách bài trí những khung cửa sổ, trong những bức tranh vô nghĩa, trong những bộ váy áo và chuỗi hạt đeo cổ. Cái thi hiệu kỳ quặc đó cũng chứng tỏ một điều gì rất tiêu biểu, đặc biệt.

“Thật nghèo nàn và ngu xuẩn làm sao! - Vaxilép nghĩ. - Trong tất cả sự ngu xuẩn mà mình đang nhìn thấy đây cái gì đã có thể hấp dẫn được con người bình thường, thúc giục họ gây ra điều tội lỗi, ghê gớm là bỏ một đồng rúp ra mà mua một người đang sống? Mình có thể hiểu được mọi lỗi lầm vì để đạt đến một cái gì đẹp đẽ, rạng rỡ, kiêu diễm, vì khát vọng, vì nghệ thuật, nhưng mà ở đây thì vì cái gì? Vì cái gì mà người ta gây nên tội lỗi? Nhưng mà thôi... chẳng cần nghĩ ngợi gì nữa!”

- Ông bạn già ơi, ông đãi em bia đi! - cô gái tóc màu vàng sáng quay sang nói với anh.

Vaxilép bất giác cảm thấy ngượng ngùng.

- Rất vui lòng đãi cô... - anh nói, lịch sự cúi mình. - Nhưng mà xin lỗi cô nương, rằng tôi... tôi sẽ không cùng uống với cô được. Tôi không uống.

Chừng năm phút sau ba người đã bước sang ngôi nhà khác.

- Này, sao cậu lại gọi bia làm gì? - anh bạn sinh viên y khoa gắt gỏng nói. - Cậu thật là nhà triệu phú đấy!

- Nhưng mà nếu cô ta muốn uống chút bia, thì tại sao lại không để cho cô ta toại nguyện? - Vaxilép chống chế.

- Không phải cậu đã làm cho cô ta toại nguyện, mà đã làm lợi cho mụ dẫu. Mụ dẫu vẫn thường bắt các cô phải đòi khách khoản đãi món này món kia để kiếm lợi.

- “Và kia là cối xay gió... - chàng họa sĩ cất giọng hát. - Nó đã đổ nát rồi...”

Đến một ngôi nhà khác, ba người bạn cũng chỉ đứng ở buồng ngoài, không đi vào buồng trong. Cũng như ở ngôi nhà trước một người hầu mặc bộ cánh đen, mắt ngái ngủ, uể oải rời chiếc divăng đứng dậy. Trông người hầu ấy, nhìn bộ mặt đờ đẫn và bộ cánh sờn mòn, cũ kỹ của ông ta, Vaxilép nghĩ: “Một người Nga bình thường, nghèo khó đã phải trải qua bao điều không may trước khi số phận ném ông ta đến đây làm hầu phòng nhà thổ? Trước đây ông ta đã ở đây, làm gì? Cái gì sẽ đến với ông? Ông ta có vợ chưa? Mẹ ông ta đâu và có biết rằng ông ta làm cái nghề hèn hạ này không?” Và bất giác, ở mỗi ngôi nhà, Vaxilép để ý trước tiên đến những người hầu. Ở một ngôi nhà, có lẽ là ngôi nhà thứ tư, Vaxilép nhìn thấy một người hầu thấp bé, ốm yếu, nhăn nhoe, ông ta mặc một chiếc áo gilê có đính một sợi dây xích nhỏ. Ông ta đang đọc “Báo Maxcova” [69] và chẳng để ý gì đến mấy người vừa bước vào. Nhìn lên khuôn mặt ấy, không hiểu sao Vaxilép cứ nghĩ rằng, một người vẻ mặt như thế thì vừa có thể ăn cắp, giết người, vừa thê thốt những điều giả dối. Mặc dầu, thật ra bộ mặt ông ta cũng có bản sắc không đến nỗi khó coi: trán cao, đôi mắt màu xám, mũi hơi thấp, đôi môi mỏng hơi bặm lại, nhưng mà vẻ mặt thì lộ rõ một cái gì vừa đàn độn, vừa trắng trợn, dữ tợn như mặt con chó săn trẻ khi vừa đuổi kịp con thỏ. Vaxilép nghĩ rằng giá như sờ được vào mái tóc của người hầu này thì cũng hay: xem tóc ông ta mềm hay cứng. Chắc là nó sẽ cứng như lông chó.

SAU KHI UỐNG VÀO hai cốc bia, anh chàng họa sĩ bỗng cảm thấy ngà ngà say và bắt đầu tỏ ra hứng khởi một cách không tự nhiên.

- Nào, ta đi sang nhà khác thôi, - anh ta lên giọng chỉ huy, hai cánh tay vung lên. - Mình sẽ dẫn các cậu đến một nhà lịch sự nhất!

Sau khi đã dẫn bạn bè vào nơi mà anh ta cho là lịch sự nhất, anh ta nằng nặc đòi bạn cùng nhảy với anh điệu quadrille. Anh sinh viên y khoa cầu nhàu rằng muốn nhảy thì lại phải trả cho mấy tay đánh đàn một rúp, nhưng rồi cũng đồng ý vis-à-vis[70]. Mọi người bắt đầu nhảy.

Trong ngôi nhà lịch sự nhất này mọi cái cũng đáng ngán ngẩm như trong ngôi nhà tồi tàn nhất. Ở đây cũng có những tấm gương, những bức tranh hết như thế, cũng vẫn thấy những mái tóc chải, những bộ váy áo như vậy. Khi quan sát khung cảnh trong nhà và các kiểu ăn vận chải chuốt, Vaxilép đã hiểu rằng đây không phải là một thị hiếu tầm thường, méo mó mà là một cái gì có thể gọi là một thứ thẩm mỹ đặc biệt, hay thậm chí là một thứ phong cách của ngõ X. không thể tìm được ở nơi nào khác, một cái gì hoàn chỉnh trong vẻ xấu xa của mình, một cái gì không ngẫu nhiên chút nào mà được hình thành dần dần qua thời gian. Sau khi đi vào tám ngôi nhà ở khu này, Vaxilép không còn ngạc nhiên với những bộ váy áo sắc sỡ vật dăng sau dài lệt xệt, với những chiếc nơ sắc sỡ, những kiểu áo bật chước thủy thủ, những cặp mắt bê phấn màu tím tím. Anh hiểu rằng tất cả những cái đó thật cần thiết ở đây, rằng nếu chỉ cần trong khu nhà này có một phụ nữ nào ăn vận nền nã, hoặc trên tường treo một bức phù điêu nào đẹp để thì điều đó sẽ làm toàn bộ khung cảnh của khu nhà này xộc xệch.

“Họ bán mình thật là vụng về! - anh nghĩ. - Lẽ nào họ lại không hiểu rằng, tội lỗi chỉ có vẻ đáng yêu khi nào nó đẹp kín đáo và được ẩn dưới cái vẻ từ thiện? Những bộ váy áo màu đen đơn sơ, những khuôn mặt nhợt nhạt, những nụ cười buồn bã và bóng tối còn gây ấn tượng mạnh mẽ hơn là những thứ sắc sỡ giả tạo này. Thật là một bọn người ngu xuẩn. Nhưng nếu bản thân họ không hiểu được điều đó, thì lẽ ra khách phải báo cho họ biết...”

Một cô gái mặc chiếc áo viền lông trắng kiểu Ba Lan bước lại gần anh rồi ngồi xuống bên cạnh.

- Này, anh tóc đen đáng yêu ơi, sao anh không vào nhảy đi? - cô ta hỏi. - Vì lẽ gì mà trông anh buồn làm vậy?

- Vì cảnh đáng buồn.

- Thế thì anh đãi em rượu nho đi. Tự khắc sẽ hết buồn đấy.

Vaxilép không đáp lại. Anh im lặng một lát rồi hỏi:

- Các cô đi ngủ vào lúc mấy giờ?

- Sáu giờ sáng.

- Mấy giờ thì dậy?

- Lúc thì hai giờ, lúc thì ba giờ chiều.

- Dậy rồi thì các cô làm gì?

- Uống cà phê, đến bảy giờ thì ăn bữa chính.

- Bữa chính các cô ăn gì?

- Ăn bình thường thôi... Súp thịt hay canh bắp cải, bí tết, rồi tráng miệng. Bà chủ cho chị em ăn đầy đủ lắm. Nhưng mà anh hỏi để làm gì?

- Để có chuyện mà nói...

Vaxilép muốn hỏi cô gái nhiều chuyện. Anh cảm thấy rất muốn biết cô ta quê quán ở đâu, cha mẹ cô còn sống không, có biết rằng cô ta ở đây không, tại sao cô ta lại rơi vào chôn này, cô có thấy vui vẻ, thỏa mãn với số phận của mình không, hay là buồn bã và chán chường với những ý nghĩ nặng nề, cô có hi vọng đến một lúc nào đó sẽ thoát ra khỏi tình trạng này không... Nhưng anh không thể nào nghĩ được cách bắt vào những chuyện đó ra sao, đặt những câu hỏi ấy như thế nào để không tỏ ra là quá sàm sỡ, thốc mách. Anh nghĩ ngợi hồi lâu rồi hỏi:

- Cô bao nhiêu tuổi rồi?

- Tám mươi tuổi rồi, - cô gái pha trò và mỉm cười nhìn những động tác nhảy uyển chuyển, khéo léo của chàng họa sĩ.

Bỗng không hiểu vì sao cô gái cười phá lên rồi nói to cho tất cả mọi người nghe thấy một câu dài tục tĩu. Vaxilép bỗng cảm thấy bối rối và vì không biết nên để cho bộ mặt mình lộ vẻ gì, anh đành cười gượng gạo. Chỉ có một mình anh cười, còn tất cả mọi người khác - kể từ bạn bè anh, cho đến các nhạc công và những người đàn bà trong phòng - thậm chí cũng không buồn đưa mắt nhìn về phía cô gái ngồi cạnh anh, hết như họ không nghe thấy gì cả.

- Nào, đãi em rượu nho đi! - cô gái lại nhắc.

Vaxilép thấy ghê tởm với những đường viền lông trắng trên tấm áo, với giọng nói cô ta và anh đứng dậy bỏ đi. Anh cảm thấy ngột ngạt, nóng bức, trái tim anh bắt đầu đập chậm lại, nặng nề rõ từng tiếng như tiếng búa: một! hai! ba!

- Thôi, ta đi khỏi đây thôi! - anh nói, kéo ống tay áo chàng họa sĩ.

- Đợi một tí nào, sắp xong rồi.

Trong lúc chàng họa sĩ và anh sinh viên sắp nhảy xong điệu quadrille, để khỏi phải nhìn thấy bọn đàn bà, Vaxilép quay sang nhìn chăm chăm những người nhạc công. Chơi đàn dương cầm là một ông già đẹp lão lịch sự, đeo kính, trông hao hao giống ngài thống chế Baden[71], chơi đàn vĩ cầm là một chàng trai trẻ để bộ râu cằm màu vàng sẫm, ăn mặc theo một mới nhất. Trong gương mặt người trẻ tuổi không có vẻ gì ngu độn say rượu, mà ngược lại trông rất thông minh, tươi trẻ. Anh ăn vận rất khéo léo, nên nã và kéo đàn sôi nổi, đầy xúc cảm. Lại một câu hỏi. Vì sao mà anh và ông già đẹp lão lịch sự kia lại rơi vào chôn này? Sao họ không cảm thấy hổ thẹn khi ngồi đây? Họ nghĩ gì khi nhìn thấy những người đàn bà này?

Nếu chơi đàn dương cầm và vĩ cầm là những người rách rưới, đói khát, nét mặt ủ ê, say mềm, ngu độn thì có lẽ sự có mặt của họ ở đây cũng dễ hiểu. Bây giờ thì Vaxilép không thể hiểu hết mọi điều được nữa. Anh nhớ lại câu chuyện anh đã đọc trước kia về một người con gái truy lạc, và bây giờ anh thấy rõ ràng, hình ảnh người con gái ấy với nụ cười hời hợt chẳng có chút liên quan gì với những điều anh đang nhìn thấy ở đây. Anh có cảm tưởng rằng không phải anh thấy những người phụ nữ hư hỏng truy lạc, mà là anh đang đứng trước một thế giới đặc biệt, hoàn toàn xa lạ và không hiểu được đối với anh; nếu trước đây anh nhìn thấy thế giới đó trên sân khấu, hoặc đọc về nó trong các cuốn sách, thì anh không tin nổi...

Người phụ nữ mặc chiếc áo viền lông trắng lại cười hề hề và nói to lên những câu chót nhả khó chịu. Một cảm giác ghê tởm bao trùm khắp người anh, anh đỏ mặt lên và bỏ đi.

- Đứng lại, chúng ta cùng đi! - chàng họa sĩ nói với Vaxilép.

IV.

KHI CHÚNG TÔI NHẢY, tôi và người đàn bà bây giờ mới nói chuyện, - anh sinh viên y khoa kể, khi cả ba đã đi ra phố. - Chuyện về mối tình đầu của cô ta. Anh ta, nhân vật chính ở đây là một chàng kẻ toán nào đó ở Xmôlenxơ đã có vợ và năm con. Còn cô ta mới mười bảy tuổi và ở với bố mẹ, bán xà phòng và nến.

- Làm sao mà hắn ta chiến thắng được trái tim cô ấy? - Vaxilép hỏi.

- Bằng cách mua cho cô ta cái áo khoác năm chục rúp. Có quỷ biết được tại sao!

“Những câu ấy đã moi được ở người đàn bà câu chuyện về mối tình của cô ta, - Vaxilép nghĩ về anh sinh viên y khoa. - Còn ta chẳng biết gì...” - Hỡi các anh, tôi về nhà đây. - Vaxilép nói.

- Tại sao?

- Bởi vì rằng tôi không biết cư xử thế nào ở đây. Hơn nữa, tôi buồn và khó chịu. Có gì vui ở đây? Giá kể có người, đằng này lại toàn người man rợ và giống vật. Tôi đi còn các anh thì theo ý muốn của mình.

- Ô, Gorisa, anh bạn đáng yêu... - chàng họa sĩ nói bằng cái giọng nhip nhàng, siết chặt bên Vaxilép. - Chúng ta cùng đi! Chúng ta cùng đi đến một chỗ, kìa cho họ chửi rửa... Nào!

Họ rủ Vaxilép và dẫn anh lên cầu thang. Trong các tấm thảm và các lạn can thép vàng, trong người gác cửa, trong các tấm pa-nô tô điêm trên tiền sảnh, người ta đều cảm thấy phong cách ngỗ X. chỉ có điều hoàn thiện hơn, đáng kính trọng hơn.

- Quả thật, phải về nhà thôi, - Vaxilép nói, khi cởi áo bành tô.

- Ô, con bò câu đáng yêu... - Chàng họa sĩ nói và hôn vào cổ Vaxilép. - Đừng làm nũng thế... Chẳng gì chúng ta cũng là bạn. Đã cùng đi thì phải cùng về. Anh quả thật vớ vẩn quá.

- Tôi có thể đợi các anh ngoài phố. Trời ơi, ở đây tôi thấy khó chịu quá!

- Ô... khó chịu thì cậu hãy quan sát. Cậu có hiểu không? Hãy quan sát!

- Cần phải xem xét các sự vật một cách khách quan, - anh sinh viên y khoa nói một cách nghiêm chỉnh.

Vaxilép lại đi vào gian phòng và ngồi xuống. Ngoài anh và các bạn, trong gian phòng còn có nhiều vị khách khác: hai sĩ quan bộ binh, một ngài tóc bạc và trán hói đeo kính gọng vàng, hai sinh viên còn chưa có râu thuộc học viện đặc điền, và một người say, với khuôn mặt có vẻ nghệ sĩ. Tất cả các tiêu thư trong nhà bận tiếp các vị khách này và không ai để ý gì đến Vaxilép nữa. Chỉ có một người ăn mặc theo kiểu Aida[72] ngó nhìn vào anh, lại cười cười theo kiểu gì đó và vừa nói, vừa ngáp:

- Chàng tóc đen đã tới...

Trái tim Vaxilép đập mạnh và mặt nóng bừng lên. Anh thấy xấu hổ trước các vị khách vì đã có mặt ở đây, sinh ra khó chịu như bị hành hạ. Anh bị dày vò bởi ý nghĩ rằng mình, một người vốn đứng đắn và yêu mến mọi người (trước nay anh vẫn tự coi mình như vậy) nay sinh ra căm thù những người phụ nữ này và không cảm thấy gì khác, ngoài sự chán ghét. Anh không cảm thấy thương cả những người phụ nữ, lẫn các nhạc công, những người đầy tớ trong nhà.

“Đó là bởi vì ta không cố gắng hiểu họ, - Vaxilép nghĩ. - Tất cả họ đều giống loài vật hơn là loài người, nhưng họ vẫn là con người, ở họ vẫn có tâm hồn. Cần phải hiểu. Sau đó sẽ xét đoán họ...”

- Gorisa, anh đừng đi vội, đợi chúng tôi đã! - chàng họa sĩ kêu lên và lại biến ngay đâu mất.

Lúc sau cả anh sinh viên y khoa cũng biến luôn.

“Đúng, cần phải cố hiểu, nếu không không thể...” - Vaxilép tiếp tục nghĩ.

Và anh gượng gạo nhìn vào khuôn mặt mỗi người phụ nữ, cố tìm lấy một nụ cười làm lỗi. Nhưng - hoặc là anh không biết đọc các khuôn mặt này, hoặc là không một người phụ nữ nào trong bọn cảm thấy mình có lỗi - trong mỗi khuôn mặt anh chỉ đợi được biểu hiện mờ đục của một nỗi buồn và sự hài lòng bình thường, vớ vẩn. Những con mắt ngu ngốc, những nụ cười ngu ngốc, những giọng nói gay gắt, ngu ngốc, những cử chỉ trắng trợn, càn rỡ - và ngoài ra, không có gì nữa. Có thể, mỗi người trước đây, từng có một mối tình với một anh kế toán, và việc mua cái áo khoác cho cô ta năm chục rúp, và bây giờ chẳng có điều thú vị nào khác trong cuộc sống, ngoài cà phê, bữa trưa có ba đĩa thức ăn, rượu vang, quadrille, và ngủ cho đến hai giờ chiều...

Không tìm thấy một nụ cười có lỗi nào, Vaxilép quay ra tìm xem có nét mặt thông minh nào không. Và anh chú ý tới một khuôn mặt xanh xao, mệt mỏi có vẻ buồn ngủ một chút... Đó là một cô gái tóc đen không còn trẻ nữa, mặc bộ quần áo thêu lấp lánh. Cô ngồi trên một chiếc ghế bành, nhìn xuống sàn và nghĩ ngợi một điều gì đó. Vaxilép kịp đi đi lại lại và ra về ngẫu nhiên ngồi cạnh cô ta.

“Cần phải bắt đầu từ một chuyện gì đó tầm thường, - Vaxilép nghĩ, - và sau đó, chuyển dần sang những câu chuyện nghiêm chỉnh...” - Ôi, cô em có bộ quần áo khá quá! - Vaxilép nói và lấy ngón tay chạm vào lớp tua viền trên chiếc khăn choàng.

- Có gì đâu... - cô tóc đen nói một cách uể oải.

- Cô người tỉnh nào?

- Em à? Xa lắm... Tỉnh Tsernigóp.

- Một tỉnh rất tốt. Sống ở đây dễ chịu.

- Nơi nào dễ chịu, nơi đó không có chúng ta.

“Thật tiếc là mình không biết miêu tả thiên nhiên, - Vaxilép nghĩ. - Giá kẻ có thể làm cô ta cảm động bằng việc miêu tả lại cảnh sắc thiên nhiên ở tỉnh Tsernigóp. Có lẽ cô ta rất thích, nếu cô đã sinh ở đây”.

- Cô ở đây có buồn không? - anh hỏi.

- Tất nhiên, buồn lắm.

- Sao cô không đi khỏi đây, nếu cô buồn vậy?

- Tôi biết đi đâu bây giờ? Đi ăn mày sao?

- Ăn mày cũng còn dễ chịu hơn là sống ở đây.

- Sao anh biết? Chẳng nhẽ anh đã đi ăn mày?

- Tôi sẽ đi ăn mày khi không có gì để trả tiền học. Mặc dù tôi chưa đi ăn mày, tôi cũng hiểu mọi

chuyện như vậy. Người nghèo khổ dầu sao cũng là người tự do, còn cô như là kẻ nô lệ.

Cô tóc đen vươn người và liếc mắt về phía người đầy tớ, mang vào một khay đựng cốc và các thứ nước khoáng.

- Hãy mời em uống bia đi, - cô ta nói và lại ngáp.

“Bia ư... - Vaxilép nghĩ. - Và chuyện sẽ ra sao, nếu ngay bây giờ anh cô và mẹ cô bước vào đây. Cô sẽ nói gì? Còn họ cũng nói gì? Tôi tưởng tượng khi đó bia sẽ...”

Bỗng nghe có tiếng khóc. Từ phòng bên, nơi người đầy tớ vừa mang bia vào thấy bước ra một người tóc vàng, với khuôn mặt đỏ bừng và đôi mắt tức giận. Tiếp theo sau là mẹ chủ người cao lớn, đầy đà và kêu lên bằng giọng the thé:

- Không ai cho phép anh vượt má con gái như vậy! Chỗ chúng tôi có những người khách sộp hơn anh nhiều họ không vượt má bao giờ cả. Đồ bịp bợm!

Có tiếng ồn. Vaxilép sợ hãi, mặt tái xanh đi. Trong phòng bên cạnh có tiếng khóc rung rức, khóc chân thành, như một người bị xúc phạm khóc vậy. Và anh hiểu rằng trong nhà ấy cũng sống những con người, những con người chân chính, họ, cũng như ở khắp nơi, bị sỉ nhục, đau khổ, khóc lóc, cầu mong giúp đỡ... Lòng căm thù ghê gớm và cảm giác kinh tởm nhường chỗ cho sự thương xót và phần nộ gay gắt đối với kẻ đã gây ra nỗi khổ cho người khác. Anh lao vào căn phòng có tiếng khóc; qua hàng loạt chai rượu, đặt trong cái khay sẫm trên bàn, anh nhìn thấy một khuôn mặt đau khổ, ướt đầm nước mắt. Anh bước gần tới bàn, định đưa tay đỡ lấy khuôn mặt này, nhưng lập tức sợ hãi rút lại. Người đang khóc là một người đàn bà say.

Lách người qua đám đông ồn ào, đang quây quanh người tóc vàng, Vaxilép thấy suy sụp hết tinh thần, nhát sợ như một đứa trẻ, và anh cảm thấy rằng trong cái thế giới xa lạ mà anh không thể hiểu nổi này, người ta muốn đuổi bắt anh, đánh anh, quăng những lời lẽ bẩn thỉu về phía anh... Anh giật chiếc áo bành tô trên mặc áo và lao chí tử xuống dưới cầu thang.

V.

TÚM LẤY HÀNG RÀO, anh đứng gần ngôi nhà và đợi xem khi nào mấy người bạn của anh bước ra. Tiếng dương cầm và vĩ cầm, vui vẻ, xa xôi, trắng trợn, buồn bã lẫn vào trong không khí, thành một mớ hỗn loạn kỳ cục, và cũng như trước đây, cái mớ âm thanh rắc rối đó gợi cho ta nghĩ rằng dường như trên mái, có một dàn nhạc vô hình. Nếu nhìn lên cả màn tối, thì trên nền đen, thấy đang vận động rải rác những điểm trắng: đó là tuyết rơi. Những bông tuyết khi rơi còn uể oải quay tròn trong không khí, như một thứ lông tơ mảnh rồi càng uể oải hơn nữa khi rơi xuống đất. Tuyết mảnh như bụi lượn thành đám gần Vaxilép và đậu lên râu cằm, lên mi, lên mày anh ta... Những người đánh xe ngựa, những con ngựa và những người qua đường, đều một màu trắng toát.

“Làm sao tuyết có thể rơi vào cả cái ngõ nhỏ này nữa! - Vaxilép nghĩ. - Ngôi nhà thật khốn nạn!”

Vì anh chạy vội xuống cầu thang, chân anh muốn khuyu xuống vì mệt mỏi; anh thở hắt hắt, như khi leo núi, trái tim đập mạnh khiến anh nghe thấy cả tiếng đập của nó. Mong mỏi nhanh chóng rời khỏi căn ngõ và đi về nhà khiến anh mệt mỏi, nhưng còn mạnh hơn là ý muốn đợi các bạn và chia sẻ với họ cảm giác nặng nề của mình.

Nhiều thứ trong ngôi nhà anh không hiểu, tâm hồn những người phụ nữ đang chết đối với anh vẫn còn là một bí mật như cũ, nhưng rõ ràng lúc này anh thấy sự việc còn xấu hơn rất nhiều, so với anh vẫn nghĩ. Nếu như những người phụ nữ lầm lạc và tự đầu độc kia, được gọi là sa ngã thì những kẻ lúc này đang nhảy múa trong mớ âm thanh hỗn độn và nói những câu dài dòng đáng ghét kia, khó lòng tìm được tên gọi là gì cho thích hợp. Đây không phải những kẻ đang chết, mà đã chết.

“Họ xấu vậy, - anh nghĩ, - nhưng họ không có ý thức gì về sự lỗi lầm của mình, không chút hi vọng sẽ tự cứu mình. Người ta mua họ, bán họ, họ bị say, dầm chân trong lỗi lầm và những chuyện nhỏ nhặt, nhưng cũng như những con cừu, họ đờ đẫn, thản nhiên và không hiểu gì cả. Trời ơi, trời ơi!”

Đối với Vaxilép cũng rất rõ ràng là tất cả những gì gọi là nhân phẩm, nhân cách, vật sáng tạo theo hình mẫu của Chúa, bị lãng nhục đến tận cùng, “đến tận giọt cạn”, như những người say rượu vẫn nói, và kẻ có lỗi ở đây không phải chỉ là cái ngõ với những người phụ nữ ngu ngốc.

Một đám sinh viên, người trắng vì tuyết, vui vẻ nói chuyện và cười thật to, đi ngang qua Vaxilép. Một người trong bọn cao và gầy, dừng lại nhìn vào mặt anh và nói bằng giọng say:

- Bọn ta cả! Uống nhiều quá phải không bạn! Không sao hãy đi chơi, đi chơi đi. Không việc gì phải buồn cả, cậu ạ!

Anh ta ôm lấy vai Vaxilép và lấy hàng ria lạnh, ẩm ướt, cọ vào má anh, sau đó trượt dài, lắc lư người, dang rộng hai tay, kêu lên:

- Giữ lấy! Khéo không ngã!

Rồi lại cười, chạy đuổi theo đồng bọn.

Qua tiếng ồn ào, có thể nghe thấy tiếng chàng họa sĩ:

- Các anh đừng đánh phụ nữ! Tôi không cho phép các anh, quý tha các anh đi. Các anh đều là đồ tồi.

Trước cửa nhà hiện ra anh sinh viên y khoa. Anh nhìn quanh mọi phía rồi, liếc mắt về phía Vaxilép, nói một cách lo lắng:

- Cậu ở đây à? Hãy nghe đây, trời ạ, không thể đi đâu với Iegor cả! Sau con người này là cái gì, tớ không hiểu! Toàn gây ra lộn xộn. Cậu có nghe không? Iegor! - anh ta kêu lên ở cửa. - Iegor!

- Tôi không cho phép anh đánh phụ nữ! - giọng nói the thé của chàng họa sĩ vang lên ở phía trên.

Một cái gì nặng nề và công kênh lăn từ cầu thang xuống. Đó là chàng họa sĩ ngã lộn nhào xuống. Rõ ràng, người ta đã xô đẩy anh.

Anh đứng dậy, phúi sạch cái mũi về mặt tỏ ra độc ác, phẫn nộ, giơ quả đấm lên và kêu to:

- Đồ khốn nạn! Quân độc ác! Quân hút máu người! Ta không cho phép các người đánh vậy! Đánh một người phụ nữ yếu ớt, say rượu! Ôi, các người...

- Iegor... Nào Iegor... - anh sinh viên y khoa bắt đầu van vãn. - Thề với cậu, lần sau tớ không bao giờ đi chơi với cậu nữa. Xin thề!

Anh họa sĩ lặng đi một chút và mấy người bạn cùng đi về nhà.

- Bất chợt một sức mạnh mơ hồ nào, - anh sinh viên y khoa cần nhẫn, - thu hút tôi đến những bến bờ buồn bã ấy...

- Và kia là cối xay gió, - một lúc sau chàng họa sĩ hát theo. - Nó đã đổ nát rồi. Tuyết vẫn đầy cả ra, trời ơi! Gorisa, tại sao cậu lại bỏ đi? Đồ nhát gan, đồ đàn bà, chẳng có gì hơn cả.

Vaxilép đi đằng sau các bạn, nhìn vào lưng họ và nghĩ:

“Cái nào đó trong hai cái này: hoặc là chúng ta chỉ cảm thấy rằng nghề làm điếm là một điều ác, và chúng ta cưỡng điệu nó lên, hoặc là nếu việc làm điếm tệ hại đến thế, như người ta thường nghĩ, thì những người bạn đáng yêu này của mình cũng là những chủ nô, những kẻ đi cưỡng bức và giết người, cũng như những người dân Xi Ri và Lor Ke được vẽ trong tạp chí “Nhiva”[73]. Giờ đây, họ hát hồng, cười ồ ồ, thảo luận một cách sôi nổi, nhưng chẳng phải bây giờ họ cũng hưởng thụ kết quả của nạn đói, nạn dốt và những sự ngu ngốc? Chính họ, còn mình là một kẻ chứng kiến. Ở đây, tính nhân đạo của họ, nghề y, hội họa phụ thuộc vào cái gì? Khoa học, nghệ thuật và những tình cảm cao thượng của những kẻ giết người này làm cho mình nhớ một miếng mỡ lợn trong một giai thoại. Hai tên cướp giết chết một người nghèo trong rừng. Chúng chia nhau quần áo của người này và tìm thấy ở trong cái túi một miếng mỡ lợn: “Tiện quá, - một tên nói, - chén luôn”. “Mày làm sao thế, ăn đâu có được? - tên kia dọa. - Phải chăng mày đã quên rằng hôm nay thứ tư?” Và thế là chúng không ăn. Sau khi giết người, chúng đi khỏi rừng với niềm tin rằng chúng là hai người ăn chay. Cũng như những người này, sau khi mua một phụ nữ bây giờ vẫn nghĩ rằng họ là các họa sĩ và các nhà bác học...”

- Các anh hãy nghe đây! - anh nói một cách giận dữ và quyết liệt. - Các anh tới đây để làm gì? Phải chăng, phải chăng các anh không biết rằng đây là một điều khôn nạn? Nghề của anh nói rằng mỗi người phụ nữ này sẽ chết sớm vì họ lao hay là một chứng gì khác; nghề thuật cũng nói rằng về mặt đạo đức thì người phụ nữ đó còn chết sớm hơn nữa. Mỗi người trong họ sẽ chết vì trong đời của mình, họ phải tiếp trung bình khoảng năm trăm người. Năm trăm người giết một người. Trong số năm trăm này có các anh! Bây giờ nếu hai anh trong suốt đời đến đây hay đến những chỗ tương tự như thế này hai trăm năm chục lần, thì có nghĩa là do anh đã có một người phụ nữ bị chết! Phải chăng đây không phải là điều đương nhiên? Không phải là điều khủng khiếp? Hai người, ba người, năm người hứa lại giết một người phụ nữ nghèo đói, ngu ngốc! Ôi, chẳng nhẽ đây không phải là một điều ghê gớm, hờ trời?

- Tôi cũng đã biết rằng mọi việc kết thúc như vậy, - chàng họa sĩ nói. - Không nên gắn với những tên khôn nạn ngu ngốc này! Cậu nghĩ rằng lúc này trong đầu óc cậu đang có một tư tưởng vĩ đại chứ gì? Không, có quý biết là cái gì, chứ không phải tư tưởng! Bây giờ cậu nhìn vào mình với lòng căm thù và ghê tởm, còn theo mình, tốt hơn hết là xây dựng hai mươi ngôi nhà như vậy, hơn là nhịn đời kiêu ậy. Cái nhìn của cậu còn xấu xa hơn, so với mọi cái ngộ nọ! Chúng ta đi đi, Vôlôdia, kệ hân! Thăng khôn nạn, thăng ngu, và chả có gì hơn nữa...

- Chúng ta là những con người giết lẫn nhau, - anh sinh viên y khoa nói. - Cái này, tất nhiên, là phi đạo lý, nhưng bằng lập luận, anh chẳng giúp được gì. Vĩnh biệt!

Mấy người bạn chia tay nhau ở quảng trường Torúpnaia và mỗi người một ngả. Còn lại một mình, Vaxilép bước nhanh trên đại lộ. Anh thấy sợ hãi cảnh trời nhá nhem tối, sợ những bông tuyết đang rải đây trên mặt đất, và hình như còn muốn trườn lên cả thế giới, sợ ánh đèn lồng đang tỏa ánh mờ mờ nhạt nhạt qua làn tuyết trắng. Một nỗi sợ hãi mơ hồ không rõ rệt bao phủ tâm trí anh. Thịnh thoảng mới gặp một người đi ngược lại, nhưng anh rút rè tránh sang bên. Anh có cảm tưởng rằng chỗ nào cũng có những người đàn bà đang đi, chỗ nào họ cũng nhìn chăm chăm vào anh, chỉ toàn là đàn bà thôi...

“Thế là ta bắt đầu, - anh nghĩ. - Bắt đầu lên cơn thần kinh rồi...”

VI.

VỀ ĐẾN NHÀ, anh nằm xuống giường và lẩm bẩm nói, toàn thân run lên:

- Trời, bọn họ còn sống cả! Còn sống cả!

Anh tìm mọi cách khơi sâu thêm trí tưởng tượng của mình, anh tự hình dung ra mình khi thì ở địa vị anh trai của người đàn bà sa đọa, khi thì là cha đẻ ra chị ta, khi thì chính là chị ta với đôi má bết phấn son; và điều này làm anh kinh hãi.

Không hiểu vì lẽ gì anh có cảm tưởng rằng, anh phải giải quyết ngay vấn đề đó, trong bất cứ hoàn cảnh nào, và vấn đề này không phải chuyện của người ngoài mà là của chính anh. Anh thụ hết sức lực, cố nén sự tuyệt vọng của mình lại, ngồi dậy trên giường, hai tay ôm lấy đầu, và bắt đầu tìm cách giải quyết: làm thế nào cứu thoát được tất cả những người đàn bà hôm nay anh vừa trông thấy? Trình tự giải quyết mọi vấn đề đối với anh, một người có học vấn đã rõ từ lâu. Vậy nên dù cho đầu óc có bị kích động đến đâu, anh vẫn tỉnh táo theo đúng trình tự ấy. Anh nhớ lại cả lịch sử của vấn đề, những tài liệu đã đề cập đến vấn đề đó; và tới lúc bốn giờ sáng, anh đi đi lại lại trong phòng mình, cố nhớ hết tất cả những biện pháp mà trong thời gian qua người ta đã áp dụng để cứu vớt những người đàn bà ấy. Anh có rất nhiều người bạn tốt đã từng ở trong những căn phòng của Phanxphâyơ, Galiaskin, Nêtraép, Etskin... Trong bọn họ có không ít người trung thực, dũng cảm. Một số người trong bọn họ đã từng ra tay cứu vớt những người đàn bà ấy...

“Tất cả những biện pháp ít ỏi đó, - Vaxilép nghĩ, - có thể chia thành ba loại, sau khi chuộc người phụ nữ ra khỏi nhà thổ, thuê cho cô ta căn buồng, mua về một chiếc máy khâu và cô ta trở thành thợ may. Người chuộc cô ta ra dù muốn hay không đã biến cô ta thành nhân tình của mình, rồi sau khi tốt nghiệp trường đại học, người ấy đã nhường lại cô ta như nhường lại một đồ vật cho một kẻ đứng đắn khác. Và người đàn bà vẫn tiếp tục hư hỏng. Một loại khác, chuộc người đàn bà ra, cũng thuê phòng cho ở, rồi thế nào cũng mua chiếc máy khâu, dạy cho cô ta học chữ, đọc sách, mở mang kiến thức. Cô ta sẽ khâu vá, sẽ sống như thế chừng nào cô ta còn cảm thấy mới mẻ, thích thú, rồi ít lâu sau, khi đã buồn chán, bắt đầu vụng trộm, giấu giếm tiếp đàn ông hoặc là lui trở lại nơi có thể ngủ đến 3 giờ chiều, uống cà phê và ăn no nê. Loại thứ ba gồm những người hăng hái nhất, táo bạo nhất, đã thi hành biện pháp dứt khoát nhất. Họ lấy những người đàn bà ấy làm vợ. Và khi từ một cuộc sống như súc vật, nhậy nhụa, thô lỗ, ngu độn, những người đàn bà ấy trở thành vợ, thành người tề gia nội trợ, thành mẹ thì tất cả những thay đổi đó đã làm đảo lộn tất cả cuộc đời và quan niệm sống của họ đến mức sau đó khó lòng mà nhận ra được dấu vết của con người sa đọa xưa kia trọng người vợ, người mẹ hôm nay. Phải rồi, lấy họ làm vợ có lẽ là biện pháp tốt nhất và chắc là duy nhất”.

- Nhưng cái đó không thể được! - Vaxilép nói ra miệng và nằm phịch xuống giường. - Tôi là người đầu tiên không thể lấy loại người ấy làm vợ được! Muốn làm được thế phải là một bậc thánh, không biết thù ghét, không biết ghê tởm. Nhưng cứ giả thử rằng, tôi, anh sinh viên y khoa, và chàng họa sĩ tự nén mình để lấy loại đàn bà ấy, giả thử rằng tất cả bọn họ đều sẽ ưng thuận lấy chồng. Thì kết cục sẽ ra sao? Kết luận thế nào? Kết luận sẽ là, trong khi ở đây, ở Maxcova, những người đàn bà ấy đi lấy chồng, thì gã kế toán ở Xmôlenxkơ sẽ lại đây một cô gái khác vào cảnh truy lạc, và cô ta sẽ lại trôi dạt đầu đầu thế vào những chỗ trống cùng với chị em cùng cảnh ngộ từ Xaratốp, Nigioni Nốpgôrôt, Vácxava... Và một trăm nghìn gái điếm ở Luân Đôn thì đưa đi đâu? Còn gái điếm ở Hăm-bua thì giải quyết thế nào?

Chiếc đèn cạn dầu bắt đầu tỏa khói. Vaxilép cũng không thấy điều đó. Anh lại đứng dậy đi lại trong phòng, nghĩ ngợi triền miên. Bây giờ anh đặt vấn đề theo cách khác: phải làm gì để những người đàn bà sa đọa kia không cần cho ai nữa cả? Muốn thế thì phải làm sao cho tất cả những người đàn ông mua bán, giết dần giết mòn họ, nhận ra tất cả tính chất vô đạo đức ở địa vị kẻ chủ nô của mình rồi kinh sợ những điều chính mình đã gây ra. Cần phải cứu bọn đàn ông.

“Khoa học và nghệ thuật chắc là không giúp ích gì đây... - Vaxilép nghĩ. - Lối thoát duy nhất là lòng sùng đạo”.

Anh mơ ước ngay chiều tối ngày mai anh sẽ đứng ở góc ngõ phố ấy và nói với từng người qua đường:

- Ông đi đến đây làm gì vậy? Ông không sợ bị Chúa trời trừng phạt ư?

Anh sẽ bước lại gần mấy người xa ích lạnh lùng và nói với họ:

- Sao mấy ông lại đứng chờ ở đây làm gì? Tại sao các ông không thấy tức giận? Các ông cũng là người theo đạo và biết rằng như thế là tội lỗi, rằng những kẻ chơi bời kia rồi sẽ phải xuống địa ngục, thế mà

các ông lại im lặng ư? Quả thật đối với các ông họ là những người xa lạ, nhưng mà chẳng phải là họ cũng có cha mẹ, anh em như các ông sao?...

Một người bạn nào đó của Vaxilép có lần đã nói về anh rằng anh là một người có tài. Có nhiều loại tài năng: tài viết văn, tài diễn kịch, tài hội họa, còn anh thì có một tài năng riêng biệt - đó là tài làm người. Anh nhạy cảm đặc biệt đối với những nỗi đau nói chung. Như một diễn viên xuất sắc giỏi lấp lại giọng nói, cử chỉ, điệu bộ của người khác, tấm lòng Vaxilép cũng dội lại rất nhanh những nỗi đau của mọi người. Nhìn thấy người khác khóc, anh cũng rung rung nước mắt, bên cạnh người thể xác đau đớn, anh cũng rên rỉ đau đớn; và nếu có ai bị đánh đập thì anh cảm thấy như chính mình bị đánh đập, anh hoảng sợ như một đứa trẻ nhưng rồi anh vẫn chạy đến che chở, bênh vực người yếu đuối. Sự đau khổ của người khác kích động anh, đẩy anh vào tâm trạng bất bình thường...

Tôi không biết người bạn của Vaxilép nói có đúng không nhưng cái tâm trạng mà anh đang trải qua khi vừa tìm được cách giải quyết cho vấn đề ấy giống như là sự cảm hứng. Anh khóc, anh cười, anh nói to lên những lời mà ngày mai anh sẽ nói, anh cảm thấy một tình yêu sôi nổi với những người sẽ theo lời anh, cùng đứng bên anh trên góc ngõ ấy để mà khơi gợi tấm lòng sùng đạo của mỗi người; anh ngồi xuống viết thư, tự thề thốt với mình...

Tâm trạng ấy giống như trạng thái cảm hứng cũng bởi vì nó không kéo dài. Chẳng mấy chốc mà Vaxilép cảm thấy mệt mỏi rồi. Cả cái cơn sốt khổng lồ những gái điếm ở Luân Đôn, ở Hambua, Vácsava đè nặng lên tâm trí anh như núi đè xuống đất; anh cảm thấy sợ sệt, trước cả cái đám người đông đúc vô số đó; anh nhớ ra rằng, anh không phải là người biết cách nói năng, rằng tính nết anh vốn rụt rè, yếu đuối, rằng liệu những con người dửng dưng kia có nghe lời anh không, có hiểu anh không, một sinh viên luật năm thứ ba, một người sợ sệt và chẳng có địa vị gì, rằng lòng sùng đạo thực sự không phải chỉ thể hiện trong lời thuyết giáo mà còn ở việc làm...

Khi trời đã sáng và ngoài phố tiếng xe ngựa đã chạy lóc cóc, Vaxilép nằm bất động trên divăng và nhìn chăm chăm vào một điểm. Anh không còn nghĩ về phụ nữ, về đàn ông, về sùng đạo nữa. Anh chỉ còn thấy một nỗi đau đang day dứt tâm hồn anh. Đó là nỗi đau âm ỉ, mơ hồ, không rõ rệt, vừa giống như một nỗi buồn, lại vừa giống như niềm sợ hãi ở mức tột đỉnh, vừa giống như niềm tuyệt vọng. Anh có thể định rõ được nỗi đau đó ở chỗ nào, nó ở trong lồng ngực, bên dưới trái tim; nhưng anh không thể so sánh với một kiểu đau nào khác. Trước đây anh đã từng bị đau răng, đau màng phổi, đau dây thần kinh, nhưng so với nỗi đau trong lòng anh giờ đây, những nỗi đau đó không thấm thía gì. Lúc này, khi lòng anh đang đau tấy, cuộc đời bỗng trở nên ghê tởm. Luận văn xuất sắc mà anh đã viết xong, những người bạn thân, việc cứu vớt những phụ nữ sa đọa - tất cả những gì hôm qua anh còn tha thiết hoặc dửng dưng, bây giờ chỉ vừa thoáng nghĩ đến là đã làm anh bức tức như tiếng xe lăn lóc cóc, tiếng người hầu phòng tất tả chạy ngoài hành lang, ánh sáng ban ngày lóa mắt... Nếu bây giờ trước mắt anh, có ai đó làm một chuyện gì thật tốt lành hay là gây sự đánh đập người vô tội thì cả hai việc đó chắc sẽ cũng đều gây cho anh một ấn tượng ghê tởm như nhau. Trong tất cả những ý nghĩ lười biếng lẩn quất trong đầu anh, chỉ có hai ý nghĩ là không làm anh tức tối: điều thứ nhất là bất cứ lúc nào anh vẫn còn có quyền tự giết mình, hai là nỗi đau này sẽ không kéo dài quá ba ngày. Điều sau anh biết rõ qua kinh nghiệm bản thân.

Nằm một chỗ, anh đứng dậy, bẻ bẻ tay, rồi không đi từ góc này sang góc khác trong phòng như lệ thường, mà đi theo hình vuông, men ven tường. Anh thoáng nhìn mình trong gương. Mặt anh nhợt nhạt, hốc hác đi, thái dương lõm vào, lưỡng quyền nhô lên, đôi mắt trông to hơn, đen hơn, trông đại hăn đi như không phải là mắt anh nữa và lộ rõ một nỗi đau bên trong không sao chịu nổi.

Vào buổi trưa, chàng họa sĩ đến gõ vào cửa phòng anh.

- Grigôri, cậu có nhà không đấy? - anh ta hỏi.

Không nghe thấy tiếng trả lời, chàng họa sĩ đứng chờ một lát nghĩ ngợi điều gì rồi tự trả lời cho mình bằng tiếng Ucraina:

- Không cố nhà. Chắc thằng têu ló đi vào trường tại hôộc rồi...

Và anh ta bỏ đi. Vaxilép nằm xuống giường, chui đầu xuống dưới gối và khóc nức nở vì đau đớn, nước mắt càng trào ra bao nhiêu thì nỗi đau trong lòng anh càng đáng sợ hơn bấy nhiêu. Khi trời tối xuống, anh lại nhớ đến cái đêm đầy khô ải đang chờ anh, và anh cảm thấy tuyệt vọng ghê gớm. Anh vội mặc quần áo vào, để ngỏ cửa, chạy khỏi phòng mình, cửa mở toang, rồi cứ thế đi ra ngoài phố không mục đích, không để làm gì hết. Không tự hỏi mình rằng sẽ đi đâu, anh rảo bước theo phố Xadôvaia.

Tuyết vẫn rơi như hôm qua, tiết trời trở ẩm. Xỏ tay vào trong ống tay áo, anh run rẩy sợ hãi từng tiếng chuông của xe ngựa, tiếng giày người bộ hành gõ xuống mặt đường; anh đi dọc phố Xadôvaia đến tháp Xukharép, sau đó đến Krátxnưê Vôrêta rồi từ đây rẽ qua phố Baxmannaia. Anh rẽ vào tiệm rượu uống một cốc vại vôtka nhưng không vì thế mà cảm thấy dễ chịu hơn. Đi đến quảng trường Radgulai, anh rẽ sang phải và bước trên những ngõ phố mà trước đây anh chưa từng đặt chân đến. Anh đi tới tận chiếc cầu cũ kỹ bắc qua sông Iauda, từ đó có thể nhìn thấy rõ những dãy cửa sổ sáng ánh đèn của trại lính Krátxnưê. Để xua đuổi nỗi đau trong lòng bằng một cảm giác mới lạ hoặc là bằng một nỗi đau khác, không biết làm thế nào khác nữa, Vaxilép vừa khóc vừa run rẩy cởi cúc áo bành tô, cởi cúc áo trong và phanh ngực trần ra trước gió tuyết lạnh ẩm ướt. Nhưng mà cả điều này nữa cũng không làm nỗi đau dịu bớt. Lúc ấy anh vươn người ra ngoài lan can cầu và nhìn xuống phía dưới, nhìn xuống dòng sông Iauda cuộn cuộn nước màu đen sẫm, và anh muốn dìm đầu xuống đây, không phải vì kinh tởm cuộc sống, không phải để tự tử, mà chỉ là để tự làm thương tổn thân thể mình, tìm một nỗi đau mới để xua đuổi nỗi đau đang dằng xé lòng anh. Nhưng dòng nước đen sẫm, bóng tối dày đặc, những bờ đất tro troi ven sông phủ tuyết - tất cả đều thật đáng sợ. Anh rùng mình và cất bước đi tiếp. Anh đi qua bên trại lính Krátxnưê, quay ngược trở lại, rẽ xuống một cánh rừng, rồi lại bước lên cầu...

“Thôi, về nhà thôi, về nhà thôi! - anh nghĩ. - Có lẽ ở nhà sẽ dễ chịu hơn...”

Và anh quay lại. Về đến nhà, anh trút bỏ chiếc áo bành tô dầm tuyết ướt, quăng mũ ra rồi đi quanh phòng men theo tường, và cứ đi như thế không biết mệt cho đến sáng.

VII.

NGÀY HÔM SAU, khi chàng họa sĩ và anh sinh viên y khoa đến nhà anh, thì đã thấy anh mặc chiếc áo sơ mi rách bươm, môi cắn tím bầm đang vội vã, quay cuồng bước đi trong phòng, miệng rên rỉ đau đớn.

- Lạy trời! - anh nức nở òa lên, khi nhìn thấy các bạn đến. - Các cậu làm ơn dẫn mình đi đâu thì dẫn, làm gì mình thì làm, mau mau cứu mình với. Không mình đến tự sát mất!

Chàng họa sĩ tái mặt, hoảng hốt. Anh sinh viên y khoa cũng suýt nữa thì khóc, nhưng rồi nghĩ rằng, ở mọi trường hợp trong cuộc đời, người làm nghề y phải tỏ ra bình tĩnh, nghiêm nghị, nên anh lấy giọng lạnh lùng nói:

- Đây là cậu bị lên cơn bệnh thần kinh đấy. Nhưng không sao đâu. Ta cùng đi đến chỗ bác sĩ ngay bây giờ thôi.

- Cậu muốn dẫn mình đi đâu tùy ý, chỉ làm ơn dẫn nhanh cho!

- Cậu đừng quá xúc động. Cần phải tự kiềm chế mình chứ!

Chàng họa sĩ và anh sinh viên y khoa tay run run mặc áo vào cho Vaxilép rồi dẫn anh ra ngoài phố.

- Bác sĩ Mikhain Xerghêits từ lâu đã muốn làm quen với cậu, - lúc ra đến đường phố, anh sinh viên y khoa nói. - Ông ấy là một người rất đáng yêu và rất thạo nghề mình làm. Ông tốt nghiệp y khoa năm

1882, kinh nghiệm chữa bệnh rất phong phú. Đối xử với sinh viên rất bình đẳng, thân mật.

- Đi nhanh lên thôi, nhanh lên thôi... - Vaxilép giục bạn.

Mikhain Xerghêits, một vị bác sĩ người béo, tóc màu vàng, đã tiếp mấy bạn sinh viên một cách lịch sự, trịnh trọng, lạnh lùng và chỉ cười nhếch một bên mép.

- Anh họa sĩ và anh Maiero đã nói với tôi về bệnh trạng của anh, - ông ta nói. - Tôi rất hân hạnh được thăm bệnh cho anh. Thế nào? Bây giờ thì xin anh ngồi xuống một chút nhé...

Ông để Vaxilép ngồi vào một chiếc ghế bành tô đặt sát bàn và đẩy hộp thuốc lá về phía anh.

- Thế đấy? - ông nói, đặt hai tay trên đùi mình xoa xoa. - Bây giờ bắt đầu... Anh bao nhiêu tuổi rồi?

Ông ta đặt câu hỏi, còn anh sinh viên y khoa thì trả lời. Ông hỏi, trước kia bố của Vaxilép có mắc phải bệnh tật gì đặc biệt không, có nghiện rượu một thời gian dài không, tính tình có dữ tợn quá không hay có trái tính trái nết gì không. Ông cũng đặt những câu hỏi như thế về ông nội, mẹ, anh chị em. Biết được rằng mẹ anh có giọng hát rất hay và đã từng đóng kịch trong rạp, ông bỗng hào hứng hẳn lên và hỏi tiếp:

- Xin lỗi, anh có thể nhớ lại xem sân khấu có phải là một say mê lớn của mẹ anh không?

Chừng hai mươi phút trôi qua, Vaxilép cảm thấy tê ngắt khi bác sĩ vẫn vừa xoa xoa đầu gối vừa hỏi đi hỏi lại mãi một vài điều.

- Thưa bác sĩ, theo như tôi hiểu, - anh nói, - thì có lẽ là, đặt những câu hỏi ấy, ông muốn tìm xem rằng căn bệnh của tôi có phải là đã được di truyền hay không. Căn bệnh của tôi không phải là do di truyền đâu.

Tiếp đó bác sĩ hỏi Vaxilép rằng, hồi nhỏ anh có mắc tật bệnh nào bí ẩn không, có bị tổn thương hộp sọ bao giờ không, có yêu đương, khát vọng, thiên hướng gì độc đáo, khác thường không. Đối với chừng một nửa số câu hỏi mà các vị bác sĩ tận tình vẫn thường đặt ra, có thể không cần trả lời mà không sợ phương hại gì đến việc thăm bệnh, nhưng về mặt bác sĩ và anh sinh viên y khoa thì lại ra chiều chăm chú đến nỗi trông chừng như nếu Vaxilép không trả lời dù chỉ một câu hỏi thôi thì mọi việc sẽ hỏng hết. Khi nghe trả lời, bác sĩ ghi lại trong cuốn sổ của mình không hiểu để làm gì. Biết rằng Vaxilép đã tốt nghiệp về khoa học tự nhiên và bây giờ đang theo học luật, ông tỏ vẻ tự lự, dăm chiêu...

- Hồi năm ngoái, Vaxilép đã viết một bản luận văn xuất sắc... - anh sinh viên y khoa nói.

- Xin lỗi, đề nghị anh đừng nói chen ngang, ngăn trở tôi tập trung, - bác sĩ nói và nhếch mép cười. - Phải rồi, điều đó tất nhiên là sẽ có ảnh hưởng đến việc tìm hiểu bệnh lịch. Thế là đã có một sự lao động trí óc căng thẳng, quá mệt mỏi... Phải rồi, phải rồi... Anh có thường hay uống rượu không? - ông quay sang Vaxilép.

- Ít uống lắm.

Lại hai mươi phút nữa trôi qua. Anh sinh viên y khoa bắt đầu thì thầm nói với bác sĩ ý kiến riêng của mình về những nguyên nhân trực tiếp đã làm cho Vaxilép bị lên cơn bệnh thần kinh, anh kể cho bác sĩ biết rằng ngày hôm kia Vaxilép cùng với anh và chàng họa sĩ đã đi chơi ngõ X.

Cái giọng lạnh lùng, lãnh đạm mà bạn bè và vị bác sĩ đang nói về những người phụ nữ và ngõ phố bất hạnh kia đã làm Vaxilép hết sức kinh ngạc...

- Thưa bác sĩ, xin bác sĩ hãy chỉ trả lời cho tôi biết một điều thôi, - Vaxilép nói, cố kìm mình lại cho

giọng khò trở nên gay gắt, - mãi dâm có phải là một điều ác không?

- Anh bạn thân mến ời, nhưng mà có ại phản đối điều đó đâu kia chứ! - bác sĩ nói với vẻ mặt như là từ lâu lắm ông đã tự giải đáp cho mình tất cả những vấn đề này. - Ai phản đối mới được chứ?

- Ông là bác sĩ tâm thần phải không? - Vaxilép hỏi với giọng bộp chát.

- Phải rồi, tôi là bác sĩ tâm thần.

- Có thể rằng tất cả các ông đều đúng cả! - Vaxilép nói và đứng dậy đi đi lại lại trong phòng từ góc này sang góc kia. - Có lẽ thế thật! Nhưng mà đối với tôi, tất cả cái đó thật đáng kinh ngạc. Tôi theo học hai khoa - người ta coi đó là kỳ tích ghê gớm; tôi viết ra một bản luận văn mà ba năm sau sẽ bị quên đi và xếp xó - thì người ta tặng bốc tôi lên tận mây xanh; còn khi tôi không thể nói đến những người đàn bà sa đọa với giọng dửng dưng như nói đến cái bàn, cái ghế này, thì người ta cho tôi là điên loạn, mất trí, người ta chữa cho tôi và thương hại tôi!

Bất giác Vaxilép bỗng cảm thấy trào lên một niềm thương cảm vô hạn cho bản thân mình, cho bạn bè mình, cho tất cả những ai mà anh đã thấy ngày hôm kia, cho cả vị bác sĩ này; anh òa lên khóc và ngã xuống ghế bành.

Bạn bè anh đưa mắt nhìn bác sĩ vẻ dò hỏi. Vị bác sĩ ra chiều rất hiểu những giọt nước mắt cùng nỗi tuyệt vọng như thế, ông muốn tỏ ra là chuyên gia thành thạo về những trường hợp như vậy; ông bước lại gần bên Vaxilép và im lặng đưa cho anh uống thuốc gì đấy, rồi sau đó khi anh đã bình tâm trở lại, ông từ từ cởi áo ngoài của anh và quay sang nghiên cứu độ nhạy cảm trên da anh, xem xét phản xạ đầu gối và nhiều điều khác nữa.

Và Vaxilép cảm thấy dễ chịu. Khi ra khỏi nhà vị bác sĩ, anh đã bắt đầu thấy ngượng ngùng, tiếng bánh xe lăn không làm anh tức tối, trái tim anh mỗi lúc một nhẹ nhàng hơn, thanh thản hơn, hết như tảng đá đè nặng lên đó đã rơi đâu mất. Tay anh cầm hai đơn thuốc; một đơn ghi kali bromua, còn đơn kia là thuốc moócphin... Cả hai thứ này trước đây anh đã uống nhiều lần.

Ra đến phố, anh dừng lại một lát, nghĩ ngợi, chia tay với bạn bè, rồi uể oải lững thững bước về phía trường đại học.

Đánh cược

I.

MỘT ĐÊM MÙA THU tối mịt. Lão chủ nhà băng đi đi lại lại trong căn phòng làm việc của mình và nhớ lại mười lăm năm trước, cũng vào mùa thu, lão đã tổ chức một buổi dạ tiệc. Trong buổi dạ tiệc ấy đã có nhiều vị thức giả tham dự và mọi người đã nói nhiều chuyện thú vị với nhau. Nhân đấy, họ bàn với nhau cả về án tử hình. Phần lớn các vị khách, trong đó có không ít nhà học giả, nhà báo, đều có một thái độ phủ định đối với loại án tử hình. Họ cho rằng phương thức trừng trị ấy là lỗi thời, phi đạo lý, không phù hợp với các quốc gia theo Kytô giáo. Theo ý kiến của một số người trong bọn họ thì trong mọi trường hợp đều nên thay thế án tử hình bằng án tù chung thân.

- Tôi không đồng ý với các ông, - ông chủ nhà băng và là chủ bữa tiệc nói. - Tôi chưa từng bị án tử hình hoặc án tù chung thân nhưng nếu có thể nói theo a priori[74] thì theo tôi, án tử hình hợp đạo lý hơn, nhân đạo hơn sự tù đày. Án tử hình kết liễu đời người trong chốc lát còn án tù chung thân thì giết dần giết mòn con người ta. Tên đao phủ nào có tính người hơn? Tên đao phủ giết con người trong vài phút đồng hồ hay là tên tiêu hủy dân cuộc sống con người trong vòng hàng chục năm trời?

- Cả hai cái đó đều vô đạo lý, - có một vị khách nào lên tiếng như vậy, - bởi vì cả hai cách đều có chung một mục đích tiêu hủy cuộc sống. Nhà nước không phải là Thượng đế. Nó không có quyền cướp đi cái mà nếu có muốn nó cũng không thể trả lại được.

Trong đám khách có một vị luật gia trẻ tuổi chừng hai mươi lăm. Khi người ta hỏi ý kiến anh thì anh đáp:

- Cả án tử hình lẫn án tù chung thân đều vô đạo lý, nhưng nếu tôi phải lựa chọn giữa án tử hình và án tù chung thân thì tất nhiên là tôi sẽ chọn án thứ hai. Sống dù khổ thế nào đi nữa cũng còn hơn là không sống gì cả.

Một cuộc tranh luận sôi nổi nổ ra. Lão chủ nhà băng hỏi ấy còn trẻ, tính tình còn bồng bột, không kim được mình nữa, bỗng dưng mạnh xuống bàn và quay về phía nhà luật gia trẻ tuổi mà gào to:

- Anh chỉ nói dóc thôi! Tôi sẵn sàng đánh cược hai triệu đồng rằng anh không thể ngồi nổi trong tù dù chỉ năm năm!

- Nếu ông nói điều đó một cách nghiêm chỉnh, - vị luật gia trả lời, - thì tôi sẵn sàng đánh cược với ông rằng tôi có thể ngồi tù được không phải năm năm mà là mười lăm năm liền!

- Mười lăm năm ư? Được rồi! - ông chủ nhà băng kêu lên. - Thừa các ngài, tôi dám đặt hai triệu đồng đấy!

- Tôi rất sẵn lòng! Ông hãy đặt hai triệu bạc, còn tôi đặt cả tự do của tôi! - vị luật gia nói.

Và cái trò đánh cược kỳ quặc, vô nghĩa đó đã được ghi nhận hẳn hoi. Lão chủ nhà băng dạo ấy còn được trọng vọng, chiều chuộng, còn nhẹ dạ nông nổi, giàu đến nỗi không đếm xỉa gì đến vốn liếng hàng triệu của mình, ông ta tỏ ra rất hoan hỷ khi đánh cược như vậy. Trong bữa ăn, ông ta nói giễu với nhà luật gia rằng:

- Nay anh bạn trẻ ạ, anh phải tỉnh ngộ lại đi thôi, bây giờ chưa muộn đâu. Đối với tôi hai triệu chẳng có nghĩa lý gì cả, nhưng anh thì lại mạo hiểm phung phí đi ba bốn năm đẹp nhất của đời mình. Tôi nói ba bốn năm vì anh sẽ không thể ngồi tù lâu hơn. Anh cũng không nên quên rằng ngồi tù một cách tự nguyện còn khổ hơn ngồi tù cưỡng bức rất nhiều. Cái ý nghĩ rằng vào bất cứ phút nào anh cũng đều có quyền trở lại tự do sẽ đầu độc tất cả thời gian anh tồn tại trong nhà giam. Tôi thương hại anh quá!

Và lúc này, lão chủ nhà băng vừa đi đi lại lại trong phòng vừa nhớ lại tất cả và tự hỏi mình:

- Cái trò đánh cược ấy là để làm gì vậy? Có gì lợi lộc khi anh chàng luật gia kia phải chịu mười lăm năm mất tự do còn mình thì phải chịu mất đi hai triệu đồng? Liệu điều đó có thể chứng minh cho mọi người rằng, án tử hình tôi tệ hơn hay tốt đẹp hơn án tù chung thân? Không, không có gì như vậy cả. Thật là ngu xuẩn và vô nghĩa. Về phía mình đó là cái thú kỳ quặc của một kẻ no nê thừa thãi, còn về phía anh chàng luật gia - đó chỉ là một sự ham muốn tiền bạc thường tình...

Tiếp đó lão chủ nhà băng nhớ lại những gì xảy ra sau bữa tiệc tối hôm đó. Hai bên đánh cược đã thỏa thuận với nhau rằng anh luật gia sẽ phải ngồi tù ở một trong những ngôi nhà xây trong vườn của chủ nhà băng dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt. Họ cũng đã thỏa thuận rằng trong vòng mười lăm năm liền anh luật gia sẽ không được quyền bước ra khỏi ngưỡng cửa của căn nhà đó, không được nhìn thấy bất cứ ai, không được nghe giọng người nói, không được nhận thư từ và báo chí. Anh ta chỉ được có một loại nhạc cụ, được đọc sách, viết thư, uống rượu mùi và hút thuốc lá. Theo điều kiện đã thỏa thuận, thì anh ta sẽ chỉ có thể liên hệ với thế giới bên ngoài một cách lặng lẽ, thông qua chiếc cửa sổ nhỏ mà người ta đục ra để làm việc đó. Tất cả gì anh muốn: sách vở, bản nhạc, rượu và vân vân anh đều có thể có, nếu viết thư trước và được cái đó chỉ qua cửa sổ. Biên bản đánh cược cũng đã quy định trước tất cả các chi tiết sao cho anh luật gia chỉ được ngồi tù một mình và bắt buộc anh ta phải ngồi tù đúng mười lăm năm, kể từ 12 giờ ngày 14 tháng Mười một năm 1870 cho đến 12 giờ ngày 14 tháng Mười một năm 1885. Bất cứ một hành động nào từ phía anh luật gia vi phạm các quy ước kể trên cho dù chỉ còn hai phút nữa là hết hạn tù cũng sẽ làm cho lão chủ nhà băng không phải trả số tiền hai triệu đồng.

Vào năm đầu tiên, căn cứ theo những bức thư ngắn ngủi, anh luật gia tỏ ra rất đau khổ vì chịu cảnh cô đơn, buồn tẻ. Cả ngày và đêm, lúc nào cũng nghe thấy tiếng đàn dương cầm từ trong ngôi nhà ấy vọng ra. Anh ta từ chối không uống rượu và hút thuốc lá. Anh ta viết rằng, rượu kích thích những thèm muốn, mà thèm muốn là kẻ thù trước tiên của người bị tù; hơn nữa không có gì tệ hơn là uống rượu ngon mà không được nhìn thấy ai cả. Còn thuốc lá thì đầu độc không khí trong buồng. Vào năm đầu tiên, anh luật gia yêu cầu gửi vào những cuốn sách phân lớn có nội dung tiêu khiển, các tiểu thuyết kể lại những chuyện tình rắc rối, những truyện điều tra các vụ án, truyện viễn tưởng hoang đường, hài kịch...

Vào năm thứ hai, người ta không còn nghe thấy tiếng đàn trong ngôi nhà đó nữa, và anh luật gia viết thư ra đề nghị gửi vào rất các loại sách của các tác giả cổ điển. Vào năm thứ năm, người ta lại nghe thấy tiếng đàn, và kẻ ngồi tù đó xin đưa vào một ít rượu mùi. Những người theo dõi anh ta qua cửa sổ nói rằng suốt cả năm đó anh ta chỉ ăn, uống rượu và nằm dài trên giường, nhiều lúc ngáp dài và câu kinh nói một mình. Anh ta không đọc sách nữa. Thỉnh thoảng vào lúc đêm khuya, anh ta ngồi viết những gì không rõ, viết rất lâu rồi gần sáng thì xé vụn tất cả những gì đã viết. Nhiều lần người ta nghe thấy anh ta khóc.

Từ nửa sau của năm thứ sáu, kẻ ngồi tù quay sang miệt mài học các ngoại ngữ, nghiên cứu triết học và lịch sử. Anh ta say sưa nghiên cứu các bộ môn khoa học đó đến mức khó nhọc lắm lão chủ nhà băng mới kịp đặt mua được các sách cho anh ta. Trong vòng bốn năm trời theo yêu cầu của anh ta, anh chủ nhà băng đã phải đặt mua tới gần sáu trăm tập sách. Trong thời kỳ này, có lần, anh chủ nhà băng nhận được một bức thư của kẻ bị ngồi tù như sau: "Ông quản ngục thân mến của tôi! Tôi viết cho ông những dòng này bằng sáu thứ tiếng. Ông hãy đưa cho các bậc học giả xem giùm thư xem. Nếu họ không phát hiện ra một lỗi nào thì tôi xin ông cho người bắn vài phát súng chỉ thiên trong vườn. Tiếng súng đó sẽ báo cho biết rằng những cố gắng của tôi đã không vô ích. Những bậc thiên tài ở tất cả các thời đại và ở mọi nước đều nói nhiều thứ tiếng khác nhau nhưng trong trái tim của họ thì đều cùng ấp ủ một ngọn lửa như nhau. Ô, nếu ông biết rằng, giờ đây tâm hồn tôi đã được hưởng một hạnh phúc phi thường như

thế nào khi tôi đã hiểu các bậc thiên tài!” Ý muốn của kẻ ngồi tù đã được đáp lại. Lão chủ nhà băng đã sai người bắn hai phát súng chỉ thiên trong vườn.

Từ năm thứ mười một trở đi, anh luật gia ngồi yên sau bàn và chỉ đọc có một cuốn Kinh thánh. Lão chủ nhà băng rất lạ rằng kẻ ngồi tù kia đã từng đọc sáu trăm tập sách cao siêu trong vòng bốn năm trời lại mất đến gần một năm để đọc một cuốn sách không dày và chẳng có gì khó hiểu. Tiếp sau cuốn Kinh thánh là cuốn lịch sử các tôn giáo và cuốn sách về thần học.

Hai năm cuối cùng, kẻ ngồi tù đọc rất nhiều sách không theo một sự lựa chọn nào cả. Khi thì anh ta đọc những sách về khoa học tự nhiên, khi thì đề nghị gửi vào tác phẩm của Bairo[n]^[75] hay là của Séchxpia^[76]. Anh ta gửi ra những bức thư trong đó cùng một lúc anh ta yêu cầu cho xem cả sách về hóa học, sách giáo khoa về y học, cả tiểu thuyết hoặc là một cuốn khảo luận nào đó về triết học hay về thần học. Cách đọc của anh ta gây ấn tượng giống như anh ta đang bơi ngoài biển rộng giữa những mảnh vỡ của một con tàu bị đắm và để mong tự cứu mình, anh ta cố bám lấy hết mảnh vụn này sang mảnh vụn khác!

II.

LÃO CHỦ NHÀ BĂNG nhớ lại tất cả và nghĩ rằng: “Ngày mai, vào lúc 12 giờ anh ta sẽ được tự do. Theo điều kiện đã thỏa thuận, ta sẽ phải trả cho anh ta hai triệu đồng. Nếu ta phải trả số tiền đó thì thật là cả một thảm họa: ta sẽ phá sản hoàn toàn...”

Mười lăm năm trước đây, lão chủ nhà băng không thèm biết đích xác mình có bao nhiêu triệu đồng, còn bây giờ thì lão ta không dám tự hỏi mình xem tiền của còn lại của lão nhiều hơn hay các khoản nợ nhiều hơn? Sự đầu cơ chứng khoán cờ bạc, tính nòng nôi, sự đam mê vào các cuộc buôn lậu phiêu lưu mà về già lão vẫn chưa thoát khỏi được đã dần dần làm cơ nghiệp của lão suy sụp; và từ một kẻ giàu có đầy kiêu hãnh, tự phụ, không hề biết sợ điều gì, lão đã biến thành một viên chủ nhà băng cỡ trung bình mà mỗi lần giá bạc lên xuống đều thấy hồi hộp lo lắng.

- Thật là một trò đánh cược chó chết! - lão làu bàu nói, hai tay túm lấy đầu mình một cách tuyệt vọng. - Sao anh ta lại không chết quách đi nhỉ? Anh ta mới bốn mươi tuổi. Anh ta sẽ lấy của ta số vốn liếng cuối cùng, rồi cưới vợ, hưởng mọi thú vui trên đời, anh ta sẽ dùng số tiền ấy mà kinh doanh, còn ta thì sẽ như một tên ăn mày mà nhìn anh ta với vẻ thèm thuồng và ngày nào cũng sẽ nghe thấy anh ta nói đi nói lại một câu: “Đời tôi có được hạnh phúc thế này là nhờ ông, cho phép tôi được hân hạnh giúp đỡ ông!” Không, thế này thì không thể chịu được! Lối thoát duy nhất cho ta khỏi cảnh phá sản và nhục nhã này - là cái chết của anh ta!

Đồng hồ điểm ba giờ đêm. Lão chủ nhà băng lắng tai nghe ngóng; trong nhà mọi người đều đã ngủ, chỉ có tiếng những hàng cây lạnh lẽo khẽ lao xao trong vườn. Lão cố hết sức nhẹ nhàng lấy ra khỏi tủ sắt chiếc chìa khóa cánh cửa đã mười lăm năm nay không mở ra, rồi lão mặc áo bành tô vào và bước ra.

Trong vườn vừa tối vừa lạnh. Mưa rơi. Gió ẩm ướt rít lên qua khắp khu vườn làm cây cối ngả nghiêng. Lão chủ nhà băng căng mắt ra nhìn mà không thấy đường, không thấy các pho tượng trắng đặt trong khu vườn, không thấy nhà cửa, cây cối. Đi gần đến chỗ có ngôi nhà giam, lão cất tiếng gọi người gác hai lần. Không có tiếng trả lời. Chắc là người gác đã đi trú mưa và bây giờ chắc đang ngủ ở một nơi nào trong bếp hay là trong nhà kính ươm cây.

“Nếu ta có gan thực hiện được ý đồ của ta, - lão già nghĩ, - thì kẻ bị nghi ngờ trước tiên là tên gác”.

Trong bóng tối lão sờ soạng mấy bậc tam cấp và tấm cửa rồi mò vào gian ngoài của ngôi nhà, sau đó lại men theo tường mà lần vào hành lang. Lão bật diêm lên, không có một ai. Có một chiếc giường không chăn đệm nằm chỏng chơ, phía góc nhà bóng một chiếc lò gang mờ mờ hiện ra. Dấu niêm phong

dán ngoài cửa buồng giam viên luật gia vẫn còn nguyên.

Khi que diêm tắt, lão già hồi hộp run lên và ghé nhìn qua ô cửa nhỏ?

Trong buồng giam, một ngọn nến leo lét cháy. Kẻ bị tù thì ngồi sau bàn. Chỉ trông thấy lưng anh ta, trông thấy hai tay và mái tóc. Trên mặt bàn, trên hai chiếc ghế bành, trên tám thảm gần bàn những cuốn sách đang đọc dở nằm ngôn ngang.

Năm phút trôi qua rồi mà kẻ bị tù vẫn ngồi yên không nhúc nhích. Mười lăm năm cầm cố đã dạy cho anh ta cách ngồi bất động như thế. Lão chủ nhà băng gõ gõ vào cửa sổ mà anh ta vẫn không hề cựa quậy tỏ ra là nghe thấy tiếng động. Đến lúc ấy lão già mới thận trọng bóc tờ giấy niêm phong ra và đặt chìa vào ổ khóa. Chiếc ổ khóa đã gỉ kêu rín rít và chiếc cánh cửa kèn két mở ra. Lão chủ nhà băng tưởng rằng liền ngay đó, lão sẽ nghe thấy tiếng kêu kinh ngạc và tiếng chân người bước ra, nhưng chừng bực phút đã trôi qua rồi mà phía bên trong buồng vẫn im ắng như trước. Lão quyết định đi hăn và trong buồng.

Ngồi sát bên bàn là một kẻ hoàn toàn bất động, không giống người bình thường chút nào. Đó là một bộ xương bọc da, mái tóc quăn như tóc đàn bà, bộ râu dày. Nước da mặt vàng ệch hơi giống màu đất thó, hai má trũng sâu, lưng gầy nhỏ mà dài, còn cánh tay đang đỡ mái đầu bù xù kia thì khô đét đến mức chỉ nhìn thôi cũng thấy rờn rợn. Mái tóc anh ta đã lốm đốm những khoảng màu muối tiêu, và nhìn lên khuôn mặt gầy rộc bơ phờ đó, không một ai có thể tin rằng anh ta mới bốn mươi tuổi. Anh ta đang ngủ... Đầu anh ta cúi ngả trên mặt bàn đặt một tờ giấy có những chữ.

“Thật là một kẻ đáng thương! - lão chủ nhà băng nghĩ. - Anh ta đang ngủ và chắc là đang nằm mơ thấy bạc triệu. Chỉ cần ta bẻ xóc kẻ dở sống dở chết này đặt lên giường, khế chẹn cái gối lên mặt thì dù có điều tra xét nghiệm kỹ lưỡng đến thế nào đi nữa cũng không thể phát hiện được rằng kẻ đó đã bị chết một cách trái tự nhiên. Nhưng mà khoan, hãy thử đọc xem anh ta viết cái gì vậy...”

Lão chủ nhà băng cầm tờ giấy lên và đọc thấy như sau:

“Ngày mai vào lúc 12 giờ, tôi sẽ được tự do và được quyền giao thiệp với mọi người. Nhưng trước khi rời khỏi căn buồng này và nhìn thấy mặt trời, tôi thấy cần phải nói với ông mấy lời. Tôi thề với lương tâm, thề với Thượng đế đang nhìn thấy tôi rằng, đến lúc này tôi đã coi thường hết thảy, cả quyền tự do, cả cuộc sống, cả sức khỏe của tôi, tất cả những gì mà các cuốn sách ông gửi cho tôi gọi là lạc thú ở đời.

Mười lăm năm qua tôi đã miệt mài tìm hiểu cuộc đời trên trái đất này. Quả tình là tôi không nhìn thấy đất, thấy người nhưng qua các cuốn sách ông gửi vào, tôi đã được uống rượu thơm, được hát, được ruồi rong trong các khu rừng mà đuôi bắt hươu nai và lợn rừng, đã được yêu những người đàn bà... Những người đẹp nhẹ như một áng mây được bàn tay kỳ diệu của các nhà thơ thiên tài sáng tạo ra đêm đêm vẫn đến thăm tôi và thì thầm vào tai tôi những câu chuyện thần thoại lạ lùng làm đầu óc tôi mê say. Qua các cuốn sách ông gửi vào, tôi đã trèo lên đỉnh núi Enbôrux, đỉnh Môngbolăng cao chót vót, và nhìn thấy từ đây cảnh mặt trời lên buổi sáng và chiều chiều tỏa ánh vàng rực lên khắp bầu trời, đỉnh núi, đại dương; tôi nhìn thấy từ đây những ánh chớp lóe lên rạn nứt trong mây; tôi nhìn thấy những dải rừng xanh, những cánh đồng, dòng sông, những chiếc hồ và những thành phố; tôi nghe thấy tiếng hát của nữ thần biên cả mặt người mình chim, nghe thấy tiếng sáo mục đồng trên thảo nguyên; tôi chạm tay vào các đôi cánh của các con quỷ tuyệt đẹp bay đến với tôi để chuyện trò về Thượng đế... Qua các cuốn sách ông gửi, tôi đã lao mình xuống những vực thẳm, đã sáng tạo ra những điều kỳ lạ, đã chém giết, đốt cháy các thành phố, đã truyền bá những đạo giáo mới và chiếm đoạt các vương quốc bao la...

Các cuốn sách ông gửi đã đem lại sự hiểu biết uyên thâm cho tôi. Tất cả những gì trí tuệ không biết mệt mỏi của nhân loại đã tạo ra qua hàng bao thế kỷ đã chứa đựng vào trong sọ não bé nhỏ của tôi. Tôi biết rằng, tôi uyên bác hơn tất cả các người.

Tôi coi khinh các cuốn sách của ông, coi khinh sự uyên bác, coi khinh tất cả mọi lạc thú trên đời. Tất cả đều nhỏ nhen, vô nghĩa, mau chóng phai tàn, tất cả đều hư vô, đánh lừa thị giác như một ảo ảnh. Dù cho các người có kiêu hãnh, thong thả và đẹp đẽ đến đâu rồi cái chết cũng sẽ xóa sạch các người khỏi mặt đất như những con chuột cống, và cả con cháu của các người, cả lịch sử và sự bất tử của các thiên tài cũng sẽ bị đóng băng khô lạnh hoặc là bị thiêu cháy cùng với quả đất này.

Các người đã mất trí và đang đi theo con đường sai lạc. Các người nhầm tưởng sự giả dối là sự thật, nhầm tưởng cái xấu xa là cái đẹp. Các người sẽ ngạc nhiên sững sốt nếu vì một lý do nào đẩy các cây táo, cây cam không cho ta quả chín mà lại mọc ra những con ếch, con tắc kè hoặc là họa hồng lại tỏa ra mùi mồ hôi của con ngựa; còn tôi thì kinh ngạc thấy các người đã đánh đổi bầu trời lấy mặt đất. Tôi không muốn hiểu các người nữa.

Để chỉ rõ cho ông thấy một cách cụ thể sự khinh bỉ của tôi đối với những gì các người đang dựa vào mà sống, tôi tuyên bố từ chối không nhận số tiền hai triệu đồng mà ngày xưa tôi đã từng mơ tưởng đến như mơ tưởng một thiên đường và bây giờ thì tôi khinh bỉ. Để tước đoạt quyền lấy số tiền đó, tôi sẽ ra khỏi nơi đây năm giờ trước thời hạn đã định và bằng cách ấy tôi sẽ vi phạm điều giao ước với ông...”

Đọc xong bức thư, lão chủ nhà băng đặt tờ giấy xuống bàn và hôn lên đầu con người lạ lùng, lão ta khóc và bước ra khỏi ngôi nhà. Chưa từng bao giờ, ngay cả sau khi bị thua đầu cơ chứng khoán, lão lại tự cảm thấy khinh bỉ con người mình như lúc này. Trở về buồng mình, lão nằm xuống giường, nhưng rất lâu sau, lão cũng không thể nào ngủ được vì hồi hộp xúc động đến rơi nước mắt...

Sáng ngày hôm sau, mấy người gác nhà giam hốt hải chạy lên báo rằng họ đã nhìn thấy kẻ ở trong ngôi nhà giữa vườn ấy đã chui qua cửa sổ trườn ra ngoài, đi về phía công rồi sau đó lẫn mất đi đâu không biết. Cùng với mấy người làm công, lão chủ nhà băng đã xuống ngôi nhà đó và lập biên bản xác nhận kẻ bị giam đã bỏ trốn. Để tránh những sự bàn luận lồi thối, lão thu lấy bức thư khước từ số tiền đánh cược, trở lên nhà và bỏ vào tủ két của mình mà khóa lại.

Nữ hầu tước

MỘT CỖ XE thág bốn con ngựa béo tốt đẹp đẽ chạy vào chiếc cổng lớn, như người ta gọi, của Krátxnưê của nam tu viện N; các tu sĩ và học sinh tu viện đã tụ tập đông đủ, phía nhà khách dành riêng cho các bậc quyền quý; từ đằng xa, trông thấy người xà ích và mấy con ngựa béo tốt là họ đã biết ngay người phụ nữ ngồi trong cỗ xe là nữ hầu tước Vêra Gavrilópna quen thuộc và hảo tâm của họ.

Ông già đánh xe mặc chiếc áo đính dải bạc nhảy ra khỏi ghế và bước lại mở cửa đỡ nữ hầu tước ra. Nàng nâng tấm mạng che mặt lên, khoan thai bước lại gần các tu sĩ cho họ lần lượt làm dấu, sau đó dịu dàng gật đầu chào các học sinh rồi đi vào tu viện.

- Thế nào, vắng nữ hầu tước, các người có thấy buồn không? - nàng nói với mấy tu sĩ mang giúp đồ đạc của nàng vào. - Cả tháng vừa rồi ta không đến đây. Các người ngắm nhìn đi. À, còn cha giám mục đâu nhỉ? Trời ơi ta nóng lòng gặp cha quá. Thật là một ông già kỳ diệu. Các người cần biết tự hào là các người đã có một vị giám mục như thế.

Khi vị giám mục bước vào, nữ hầu tước mừng rỡ thốt lên, đưa tay làm dấu ngực rồi đến gần bên ông.

- Không, không! Cha hãy để cho con hôn cha! - nàng vừa nói, vừa cầm lấy tay giám mục vỗ vập hôn ba lần liền. - Ôi, con thật sung sướng vì cuối cùng đã được gặp cha. Chắc cha đã quên nữ hầu tước của cha rồi, còn con thì không lúc nào không tưởng tượng ra mình được sống trong tu viện thiêng liêng này. Ở tu viện của cha thật là tuyệt diệu thừa cha tôn kính. Cách xa với cuộc đời trần tục, ở chốn thâm nghiêm này, có một cái gì đặc biệt lôi cuốn mà con cảm thấy được bằng cả tâm hồn mình tuy không sao nói ra lời được!

Gương mặt nữ hầu tước ửng đỏ, mặt nàng rơm rớm lệ. Nàng nói liền một thôi, giọng say sưa, và vị giám mục, một ông già bảy mươi tuổi, vẻ mặt nghiêm nghị, xấu xí, thì rụt rè đứng im, chỉ chốc chốc mới lại nói mấy tiếng nhát gừng theo kiểu nhà binh:

- Đúng thế, thưa bà... Vâng, tôi hiểu...

- Bà đến chơi với chúng tôi có được lâu không ạ? - vị giám mục hỏi.

- Hôm nay con sẽ ngủ lại đây, ngày mai thì đến chỗ bà Klápđia Nikôlaiépna - đã lâu con không được gặp bà ấy, ngày kia con lại trở về đây ở chừng ba, bốn hôm. Con muốn được tĩnh tâm ở chốn này ít ngày, cha đáng kính ạ!...

Nữ hầu tước thích đến tu viện N. Từ hai năm nay, nàng thích lui tới chốn này, hầu như tháng hè nào nàng cũng đến đây, ở lại chừng hai, ba ngày, có khi đến một tuần. Những học sinh rụt rè, vẻ tỉnh mịch, mái trần thâm thắp, mùi cây trắc bá, những bữa ăn thanh đạm, những tấm rèm cửa rẻ tiền - tất cả những cái đó làm nàng cảm thấy trong lòng lâng lâng, dịu dịu, thích ngắm cảnh đất trời và nghĩ tới điều thiện. Chỉ cần ở tu viện nửa tiếng đồng hồ là nàng đã bắt đầu có cảm giác rằng chính mình trở nên rụt rè, khiêm nhường, từ người nàng như cũng toát ra mùi hương cây trắc bá; quá khứ lùi về đâu xa lắc, không còn nghĩa lý gì nữa, và nữ hầu tước bắt đầu nghĩ rằng, mặc dầu nàng mới hai mươi chín tuổi, nàng vẫn giống vị linh mục già kia, cũng sinh ra không phải để hưởng giàu sang, để hưởng yêu đương và danh vọng nơi trần tục, mà để sống một cuộc đời lặng lẽ xa cách với thế giới bên ngoài, âm thầm tối tăm như những căn buồng trong tu viện...

Trong căn buồng mờ mờ tối của người tu sĩ ăn chay đang mê mải đọc kinh, có khi bất chợt rọi tới một

tia nắng mặt trời, hay một con chim nhỏ nào bỗng đậu vào cửa sổ và cất tiếng hót; người tu sĩ ăn chay khắc khổ kia chắc sẽ bất giác mỉm cười, và trong trái tim nhà tu hành, từ trong nỗi lo âu về tội lỗi, như từ dưới một tảng đá đang đè nặng, bỗng tràn lên một niềm vui lặng lẽ trong trắng. Nữ hầu tước cảm thấy như chính nàng đã đem theo tới chôn này một niềm an ủi giống như tia nắng hay tiếng chim hót ngoài cửa sổ kia. Nụ cười tươi vui niềm nở của nàng, ánh mắt nhìn xinh xắn, giọng nói, câu đùa, và tất cả con người nàng, nhỏ nhắn, cân đối trong chiếc áo màu đen giản dị, chắc chắn cũng gọi cho những người tu sĩ bình thường khắc khổ ấy một niềm vui nhẹ nhàng và thiết tha. Mỗi tu sĩ nhìn lên nàng chắc đều phải nghĩ rằng: “Chúa đã phái tới chúng ta một thiên thần”... Cảm thấy rằng mỗi người tu sĩ đều đang nghĩ như thế, nữ hầu tước càng cố cười cho ra vẻ niềm nở hơn, cố làm cho mình giống như con chim hót ngoài cửa sổ.

Uống một chút nước chè và nghỉ một lúc, nàng bước ra ngoài đi dạo. Mặt trời đã lặn. Trong vườn tu viện, những bông hoa mộc tê thảo vừa được tưới tỏa hương thơm ngào ngạt, từ phía nhà thờ nghe vọng lại những giọng nam hát xa xa có lẽ là buồn buồn, êm dịu. Họ đang làm lễ cầu kinh buổi tối. Từ ánh đèn dầu le lói qua những khung cửa sổ sẫm tối đèn hình dáng người tu sĩ già ngồi trên bậc thềm nhà thờ, gần bên tượng Chúa xin của bố thí, toát ra một vẻ gì thật thanh cao, yên tĩnh, đến nỗi nữ hầu tước cảm thấy mình muốn khóc...

Phía ngoài cổng lớn, trên con đường men theo bờ tường và những hàng bạch dương, nơi đặt những chiếc ghế băng dài, bóng tối đã phủ xuống. Không gian tối đi rất nhanh... Nữ hầu tước đi dạo trên con đường nằm giữa hai hàng cây, ngồi xuống ghế và miên man suy nghĩ.

Nàng nghĩ rằng tốt hơn hết có lẽ nên dọn đến sống suốt đời ở tu viện này, nơi cuộc sống thật bình yên, lặng lẽ như một buổi chiều hè, tốt hơn hết là quên hẳn người chồng bội bạc, sa đọa, quên hẳn cái gia tài nguy nga đồ sộ, quên hẳn những tên chủ nợ ngày nào cũng quấy rầy nàng, quên những điều bất hạnh của mình và quên cả đứa hậu gái Đasa mà sáng hôm nay vẻ mặt trông thật dữ tợn. Thật là khoan khoái biết bao nếu nàng có thể ngồi lại chiếc ghế này suốt đời nhìn qua những hàng cây bạch dương và thấy sương chiều nhẹ nhàng bay dưới chân đồi, từ phía cánh rừng xa tít tắp đàn quạ nhip nhàng bay về tổ như một dải khăn voan, và hai học sinh, một người cưỡi con ngựa khoang, một người chạy bộ, cả hai đang xua đàn ngựa ăn đêm - vui thú với cảnh trời khoáng đãng, cả hai người cùng đùa giỡn như trẻ thơ; giọng nói trẻ trung của họ vang đi khắp khoảng không gian tĩnh mịch, nghe rõ từng tiếng một. Thật là khoan khoái biết bao, khi ngồi đây và lắng nghe tiếng gió nhẹ nhàng thổi lao xao trên những ngọn bạch dương, tiếng éch nhái nhảy lạo xạo trong đám lá khô, tiếng đồng hồ sau bức tường kia chóc chóc lại điểm mười lăm phút... Giá như được ngồi yên ở đây, lắng nghe và suy nghĩ, suy nghĩ miên man...

Một bà lão vai đeo chiếc túi, đi qua. Nữ hầu tước nghĩ rằng, có lẽ nên mời bà lão dừng lại, nói với bà một điều gì thật chân tình, dịu dàng và giúp đỡ bà... Nhưng bà lão không hề quay nhìn nàng một lần nào và rẽ quặt sau bờ tường.

Một lát sau, trên con đường ấy xuất hiện một người đàn ông cao, chòm râu bạc trắng, đầu đội mũ rơm. Đi ngang qua chỗ nữ hầu tước ngồi, người đó ngả mũ, cúi chào nàng; nhìn vào mái đầu hói, cái mũi cao khoằm khoằm của người đàn ông nàng nhận ra đó là thầy thuốc Mikhain Ivanôvits, người trước đây năm năm đã từng làm việc trong nhà nàng ở Đubốpki. Nàng nhớ lại có người nào đã nói cho nàng biết rằng năm ngoái vợ ông thầy thuốc này đã chết và nàng muốn nói với ông ta một lời an ủi.

- Chắc ông không nhận ra tôi nữa phải không? - nàng hỏi, miệng cười niềm nở.

- Không đâu, thưa bà hầu tước, tôi vẫn nhận ra bà, - người thầy thuốc nói, lại ngả mũ một lần nữa.

- Ồ, thế thì cảm ơn ông, tôi lại cứ ngỡ rằng, ông đã quên mất người nữ hầu tước xưa rồi. Con người ta thường chỉ nhớ những kẻ thù của mình, còn bạn bè thì hay quên mất. Ông đến đây cầu nguyện ư?

- Tối thứ bảy nào tôi cũng có bốn phận đến ngủ ở đây. Tôi chữa bệnh ở đây.

- Thế nào, dạo này ông sống ra sao? - nữ hầu tước vừa thở dài vừa hỏi. - Tôi nghe nói vợ ông vừa mới mất! Thật là đau khổ!

- Vâng, thưa bà, đối với tôi đó là một nỗi đau khổ lớn.

- Biết làm thế nào được! Chúng ta phải an phận mà chịu đựng những điều bất hạnh. Không có ý Chúa thì đến sợi tóc cũng không thể rụng ra được.

- Vâng, thưa bà.

Đáp lại nụ cười niềm nở dịu dàng và tiếng thở dài ra chiều thương cảm của nữ hầu tước, người thầy thuốc chỉ nói lạnh lùng, khô khan: “Vâng, thưa bà”. Và nét mặt của ông cũng lạnh lùng, khô khan như vậy.

“Có thể nói với ông ta điều gì nữa?” - nữ hầu tước nghĩ thầm.

- Nay, mà chúng ta đã bao lâu không gặp nhau rồi nhỉ? - nàng hỏi. - Năm năm rồi! Trong khoảng thời gian ấy, bao nhiêu nước đã trôi ra biển, bao nhiêu sự đổi thay đã xảy ra, chỉ thoáng nghĩ tới thôi cũng đã thấy thật là khủng khiếp! Chắc ông biết đấy, tôi đã đi lấy chồng... từ bá tước trở thành hầu tước. Và cũng đã ly dị với ông ta rồi.

- Vâng, tôi có nghe nói.

- Chúa bắt tôi phải chịu nhiều thử thách. Chắc ông cũng đã nghe thấy rằng tôi hầu như bị phá sản. Để trả những món nợ của người chồng bất hạnh, tôi phải bán mấy trang ấp ở Đubốpki, ở Kiriakôvô và ở Xôphinô. Bây giờ tôi chỉ còn trang ấp ở Baranôvô và Mikhanxevô. Nhìn lại quá khứ thật là khủng khiếp: biết bao đổi thay, bao nhiêu điều bất hạnh, bao nhiêu lầm lỗi.

- Vâng, thưa bà, biết bao nhiêu lỗi lầm.

Nữ hầu tước hơi bối rối một chút. Nàng biết rõ những lỗi lầm của mình; nhưng tất cả những lỗi lầm ấy đều riêng tư đến mức chỉ một mình nàng mới có thể nghĩ và nói đến chúng. Nàng không nén được, bèn hỏi luôn:

- Ông nghĩ đến những lỗi lầm nào vậy?

- Bà đã nhắc đến, chắc là bà cũng đã biết... - người thầy thuốc trả lời và cười khẩy. - Còn biết nói thế nào nữa?

- Không, ông ạ, ông cứ nói đi. Tôi sẽ rất biết ơn ông. Xin ông đừng e ngại gì. Tôi thích nghe lời nói thẳng.

- Thưa nữ hầu tước, tôi không phải là quan tòa.

- Không phải quan tòa ư? Ông nói giọng như thế chắc là ông đã biết nhiều điều. Ông cứ nói đi.

- Nếu bà đã muốn nghe, thì xin cho phép tôi nói. Chỉ tiếc rằng tôi không biết diễn đạt rõ ràng và không phải bao giờ người ta cũng hiểu được tôi.

Người thầy thuốc nghĩ một lát rồi bắt đầu nói:

- Lỗi lầm thì có nhiều, nhưng có thể nói rằng, theo ý riêng tôi, lỗi lầm lớn nhất là ở cái không khí chung, cái không khí... chung bao trùm tất cả trang ấp của bà. Bà thấy đấy, tôi không biết cách diễn đạt. Tôi muốn nói rằng điều chủ yếu nhất là cái thái độ thù ghét, thái độ hắt hủi con người có thể thấy rõ ở

khắp mọi nơi, mọi lúc. Tất cả lối sống trong trang ấp của bà là dựa trên cái thái độ thù ghét hắt hủi đó. Thù ghét với giọng nói, gương mặt con người, thù ghét khi phải nhìn gáy họ, nhìn bước chân họ... nói gọn lại là ghê tởm tất cả những gì tạo nên con người. Trong các ngôi nhà của bà, trên tất cả mọi cửa ra vào, mọi lối lên cầu thang đều có những người hầu mặc áo dính dải bạc, vẻ mặt no nê, lỗ măng, lười nhác đứng chực sẵn không để cho một người nào ăn mặc tồi tàn bước vào; ở nhà ngoài thì bao giờ cũng đặt những chiếc ghế có tựa rất cao để trong những lúc có dạ hội khiêu vũ hay tiệc tùng, bọn người hầu không tựa đầu làm bắn được tường nhà; trong mọi căn phòng đều trải những tấm thảm dày để khỏi phải nghe thấy tiếng chân người; bất kỳ người nào đến nhà bà cũng bắt buộc được nhắc trước rằng phải nói nhỏ hơn, ít hơn và không nói ra những gì có thể làm ảnh hưởng xấu đối với thần kinh của chủ nhân. Còn trong phòng làm việc của bà thì không bao giờ người ta chia tay ra với ai, không bao giờ người ta mời ngồi, như lúc này đây bà cũng không hề chia tay và mời tôi ngồi...

- Xin mời ông, nếu ông muốn thế. - Nữ hầu tước nói, tay chìa ra và mỉm cười. - Thực là ông tức giận vì điều nhỏ nhặt thế kia...

- Tôi tức giận thật ư? - người thầy thuốc cười vang, nhưng liền đó ông bỗng cầm lấy mũ hoa hoa lên và chuyển giọng nói say sưa - Nói thẳng ra rằng, từ lâu tôi đã chờ dịp nói với bà tất cả mọi điều... Tôi muốn nói rằng đối với bất cứ ai, bà cũng nhìn người ta như Napôlêông, nghĩa là coi người ta như đồng thịt cho đại bác bắn vào. Nhưng Napôlêông còn có một tư tưởng nào đó, chứ bà thì chẳng có gì khác ngoài thái độ thù ghét con người.

- Tôi mà thù ghét con người ư? - nữ hầu tước mỉm cười nói, kinh ngạc nhún vai, - tôi mà thế ư?

- Vâng, đúng là bà như thế! Bà cần có dẫn chứng ư? Thì đây, ở trang ấp Mikhanxevô của bà bây giờ có ba người ăn mày trước kia làm đầu bếp cho bà rồi bị mù vì hơi nóng bếp lò. Trên khắp miền đất đai rộng hàng chục ngàn dêxiachina của bà, tất cả những thanh niên lực lưỡng, trẻ đẹp nhất được bà và những kẻ nịnh bợ sống nhờ bà lấy về làm kẻ hầu hạ, kẻ đánh xe. Tất cả những thanh niên ấy đều được dạy dỗ thành kẻ hầu hạ, dần dần thành giống vật hại chân, thô lỗ, cục cằn, mất hết tính cách con người, nói chung... Bà làm cho bao nhiêu người thầy thuốc trẻ tuổi, bao nhiêu nhà giáo, nhà nông học và nói chung là những người trí thức phải lìa bỏ công việc nghiên cứu lương thiện của mình, bắt họ phải y miêng ăn mà tham dự vào những tấn hài kịch kinh khủng mà bất cứ người đứng đắn nào cũng cảm thấy xấu hổ! Một người trẻ tuổi nào đây chỉ cần làm việc cho bà chưa đầy ba năm là trở thành một kẻ đạo đức giả, ưa ton hót, nịnh nọt... Điều đó có gì là hay ho? Những tên quân gia người Ba Lan của bà là những kẻ chuyên nghề dò xét bí ối, cái bọn Kadimir và Kaetan ấy sục sạo suốt từ sáng đến đêm tất cả miền đất rộng hàng vạn dêxiachina của bà và theo ý muốn của bà luôn luôn chỉ bóc lột thôi. Xin lỗi tôi được nói lộn xộn một chút, như thế cũng không sao đâu! Bà không bao giờ coi những kẻ nghèo hèn là con người cả. Và cả những vị bá tước, hầu tước, những giám mục đến chơi với bà, bà cũng chỉ coi là những vật trang trí đầu phải là những con người. Nhưng điều chủ yếu nhất... điều chủ yếu nhất, làm tôi công phẫn hơn cả là - bà có một gia sản trị giá hơn triệu bạc mà không hề làm gì ích lợi cho mọi người, không hề làm gì!

Nữ hầu tước ngồi nghe, vừa ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, vừa không biết phải nói thế nào và tỏ thái độ ra sao. Từ trước đến nay chưa từng có ai nói với nàng bằng giọng như vậy. Giọng nói đầy giận dữ, khó chịu của người thầy thuốc và những lời khó nhọc vung vè của ông làm tại nàng ù lên, và lập tức nàng có cảm giác như là người thầy thuốc đang hoa hoa tay vung mũ đập vào đầu mình.

- Không đúng đâu! - nàng nói nhỏ, giọng như van lơn. - Tôi đã làm nhiều điều tốt lành đối với mọi người, điều đó chắc ông cũng biết!

- Thôi đủ rồi! - người thầy thuốc kêu lên. - Lẽ nào bà vẫn tiếp tục coi những hành động từ thiện của bà là một công việc nghiêm chỉnh đầy ích lợi, chứ không phải là một tấn hài kịch sao? Đó chỉ là một tấn hài kịch từ đầu đến cuối, đó là một trò chơi và tỏ tình yêu đối với người khác, một trò chơi hoàn toàn, đến trẻ con, đến các bà u mê nhất cũng nhận thấy! Cứ thử lấy thí dụ như cái nhà, gọi thế nào nhỉ, nhà làm phúc dành cho những bà lão tứ cô vô thân, mà bà đã từng bắt tôi đóng vai thầy thuốc trưởng còn

bà thì tự nhận là người đỡ đầu danh dự. Trời, thật khó mà tưởng tượng được cái ngôi nhà từ thiện ấy khủng khiếp như thế nào. Người ta đã dựng nên một ngôi nhà có sàn lát ván, trên mái, cắm mũi tên nhỏ quay chỉ chiều gió, tập hợp trong mấy làng được chừng mười bà già rồi bắt họ ngủ, đắp chăn cào bông lót vải lanh Hà Lan và ăn kẹo đường phèn.

Người thầy thuốc cười sảng sặc lấy mũ che miệng, ông nói tiếp, giọng vẫn vội vàng, khó nhọc:

- Quả là một trò chơi. Những kẻ bần tiện mà bà đã sai phục dịch các bà lão đó đã đem giấu chận chiếu vào một buồng rồi khóa lại, để các bà già khỏi làm bần chúng - mặc kệ mấy cụ già cho họ nằm xuống sàn nhà mà ngủ. Các bà lão không ai dám ngồi lên giường, dám mặc áo bà phát cho, dám đi lại trên nền nhà bóng nhẵn. Tất cả mọi thứ đều được duy trì chỉ để trưng bày, phô trương và giấu không cho các bà lão thấy như giấu những tên ăn trộm; các bà lão đã âm thầm cam chịu sống qua như vậy; ngày đêm cầu nguyện Chúa mau mau giải thoát họ ra khỏi cảnh cầm tù này, giải thoát họ khỏi sự dạy dỗ của những kẻ bần tiện no nê mà bà đã cất đặt đến trông nom họ. Thế còn những kẻ khác trong tay bà cai quản thì làm gì? Ô, điều đó thì thật là kỳ lạ! Cứ hàng tuần, hai lần vào buổi tối, bà sai ba mươi lăm nghìn người tùy phái để báo khắp nơi là ngày mai nữ hầu tước, tức là bà, sẽ đến thăm nhà làm phúc. Điều đó có nghĩa là ngày mai tôi cần phải bỏ những người bệnh lại, đóng bộ chỉnh tề và đi dự lễ rước đón bà. Thôi được rồi, tôi đến nơi đó. Các bà lão đều mặc sống áo mới tinh tươm, sạch sẽ và đứng thành hàng chờ đợi. Lão quản gia vốn là một tên lính què giải ngũ đi đi lại lại bên cạnh họ, miệng mím cười đầy vẻ nịnh bợ, hèn hạ. Các bà lão ngán ngẫm ngáp dài, liếc nhìn nhau, nhưng không một ai dám kêu ca. Tất cả mọi người chờ. Mới đầu một viên tiểu quản gia cười ngượng đến. Chừng nửa giờ sau viên chánh quản gia đến, tiếp đây là viên tổng quản gia thực phẩm, rồi những ông gì ông gì nữa đến... đông vô kể. Về mặt ai ai cũng bí ẩn, nghiêm trang. Mọi người cứ thế đứng chờ, đứng chờ, luôn luôn đổi chân cho đỡ mỏi, chốc chốc lại liếc nhìn đồng hồ - tất cả những điều ấy diễn ra im phăng phắc như trong nhà mồ, vì tất cả mọi người chúng tôi đều ghét nhau và coi nhau như kẻ thù. Một giờ, hai giờ trôi qua, và cuối cùng, một cỗ xe hiện ra từ đằng xa, và... và...

Người thầy thuốc cười khe khẽ và nói bằng một giọng nhỏ nhẹ:

- Bà bước xuống xe, và tất cả cái đám gia nô yêu quái của bà theo sự điều khiển của viên quản gia đồng thanh cất tiếng hát: “Chúa của chúng ta nổi tiếng ở vương quốc của Người đến nỗi chúng con không nói nên lời...” [77] Nghe cũng được đấy chứ?

Người thầy thuốc cất giọng cười ồm ồm, hất tay như ra hiệu rằng vì buồn cười quá mà ông không thể nói tiếp được lời nào. Ông cười khó nhọc, hàm răng nghiền chặt như một kẻ tàn nhẫn; qua giọng nói, vẻ mặt, ánh mắt hơi dữ tợn của ông cũng có thể hiểu được rằng ông đã khinh bỉ sâu xa cả bà hầu tước, cả ngôi nhà làm phúc và cả các bà lão. Trong tất cả những điều ông vừa kể một cách vụng về, thô thiển đó, không có một chút gì là vui vẻ, đáng buồn cười cả, nhưng ông vẫn cười vang với vẻ thú vị và sung sướng nữa là đằng khác.

- Còn trường học thì thế nào? - ông tiếp tục nói, khó nhọc thở vì cười nhiều. - Bà còn nhớ không? Chính bà đã muốn tự mình dạy trẻ con nông dân học. Chắc là bà dạy hay lắm, vì rằng chỉ ít lâu sau tất cả bọn trẻ con đều bỏ trốn hết, nên sau đó phải đánh đập chúng, bỏ tiền ra thuê chúng đến cho bà dạy. Bà còn nhớ rằng bà đã từng muốn tự tay mình cầm chày sữa cho trẻ thơ bú, lúc mẹ chúng phải làm việc ngoài đồng không? Bà đã đi khắp làng và khóc vì tiếc rằng không có một đứa bé nào để bà rủ lòng thương theo lối đó. Tất cả các bà mẹ đều mang theo con nhỏ của mình ra đồng. Sau đó viên trưởng thôn phải ra lệnh cho các bà mẹ lần lượt để con nhỏ lại cho bà giải trí. Thật là kỳ quặc! Tất cả mọi người đều tránh xa lòng từ thiện của bà như chuột tránh mèo! Vì sao lại thế? Thật là dễ hiểu. Không phải vì rằng dân chúng ở đây u mê và vô ơn như bà vẫn thường giải thích, mà vì rằng trong tất cả những trò giải trí của bà, xin lỗi là đã dùng chữ như vậy, không có lấy một chút tình thương, một chút lòng thành nào, mong cứu giúp mọi người! Chỉ có một ý muốn duy nhất là muốn được chơi những con búp bê sống, không có gì khác hơn... Ai không biết phân biệt con người với chó nhỏ thì người đó không nên can dự vào những việc từ thiện. Tôi muốn khẳng định với bà rằng, giữa con người và chó nhỏ - là cả một sự khác biệt to lớn!

Nữ hầu tước cảm thấy tim mình đập mạnh khủng khiếp, tai ù lên, nàng vẫn có cảm giác rằng người thầy thuốc đang quặt mũi vào đầu mình. Người thầy thuốc tiếp tục nói với giọng sôi nổi, vội vã, khó nhọc, lời nào cũng kèm theo điệu bộ. Nữ hầu tước chỉ có thể hiểu được một điều rằng người đang nói với nàng là một kẻ lỗ mãng, vô giáo dục, độc ác, vô ơn, con người đó nói những gì, muốn đòi hỏi ở nàng cái gì - thì nàng hoàn toàn không hiểu.

- Thôi, ông đi đi! - nàng nói với giọng gần như khóc, hai bàn tay giơ lên như muốn che đầu mình để khỏi bị chiếc mũi của người thầy thuốc đập vào. - Ông đi đi cho!

- Đối với những kẻ phục dịch trong nhà, bà đã đối xử thế nào? - người thầy thuốc giận dữ nói tiếp. - Bà không coi họ là người, bà khinh miệt họ như thể họ là những kẻ đều giả, tí tiện nhất. Chẳng hạn như, xin được hỏi bà rằng, vì lý do gì bà đã đuổi tôi ra? Tôi đã từng phục dịch cha bà mười năm rồi tiếp đây là đến bà, nói thật là suốt bấy nhiêu năm ấy, tôi không hề biết ngày lễ, kỳ nghỉ nào, trong khắp một vùng rộng hàng trăm vécxta ai ai cũng mến tôi, thế rồi đến một ngày kia, bỗng nhiên người ta bảo tôi rằng tôi không làm ở đây được nữa. Vì lẽ gì? Đến giờ tôi cũng không hiểu nổi! Tôi là một bác sĩ y khoa, xuất thân quý tộc, nguyên là sinh viên trường đại học tổng hợp Maxcova, có một gia đình và là một con người hèn mọn đến mức người ta có thể đẩy cổ xua đi mà không cần phải giải thích vì lý do gì! Việc gì mà phải tỏ thái độ lịch thiệp đối với tôi! Sau này tôi nghe người ta nói lại rằng, vợ tôi đã giầu tôi ba lần đến nhà bà để xin cho tôi và cả ba lần bà đều không tiếp. Người ta kể rằng, vợ tôi đã phải ngồi khóc ở nhà ngoài. Tôi không bao giờ tha thứ cho lỗi lầm ấy của vợ tôi, người vợ quá cố! Không bao giờ tha thứ!

Người thầy thuốc ngừng nói, mím chặt môi, căng óc cố nghe xem có thể nói được gì thêm thật độc địa, cho hả mối thù xưa. Ông chợt nhớ ra điều gì, khuôn mặt râu râu, lạnh lùng của ông bỗng sáng lên:

- Hãy thử xem thái độ của bà đối với tu viện này như thế nào? - ông lại vội vã nói tiếp. - Không bao giờ bà xót thương gì một ai, chỗ nào càng thiêng liêng bao nhiêu thì chỗ ấy càng có nhiều khả năng may mắn được bà ra tay cứu giúp, phù hộ độ trì. Bà hay đến chỗ này để làm gì vậy? Xin được hỏi bà rằng bà cần cái gì ở những nhà tu hành này? Đối với bà thì Ghêkuba là ai, đối với Ghêkuba thì bà là ai?[78] Lại vẫn chỉ là một trò chơi, trò giải trí, một sự khinh miệt đối với con người, không hơn không kém. Bà có tin vào Chúa của các vị tu hành đâu, trong lòng bà có một chúa riêng mà bà đã tự tìm ra trong khi nghiên cứu thuyết thông linh; đối với mọi nghi lễ nhà thờ bà kệnh kiêu, rẻ rúng, bà không hề đi lễ sáng lễ tối, bà ngủ đến trưa mới dậy... vậy thì bà còn đến đây để làm gì?... Bà có vị chúa riêng của mình mà lại đến tu viện thờ một chúa khác, rồi bà lại tự nghĩ rằng, cả tu viện sẽ coi đó là một điều vinh dự phi thường đối với mình! Thật là quá quắt! Bà cứ thử hỏi xem, các tu sĩ đã phải bận rộn thế nào những khi bà hạ cô đến đây? Bà đến đây chiều tối hôm nay thì trước đây ba hôm bà đã sai người cưỡi ngựa đến báo trước rằng bà sắp tới thăm. Suốt cả ngày hôm qua, mọi người đã phải sửa soạn buồng cho bà và chờ đợi đón bà. Ngày hôm nay con hầu đến trước, nó nhâng nhâng nháo nháo, chỗ nào cũng sục vào, vắn vẹo hỏi han... thật không thể nào chịu được! Cả ngày hôm nay, các tu sĩ đều phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng. Vì nếu họ không đón tiếp bà một cách long trọng thì khôn to! Bà sẽ than phiền với vị giám mục: “Thưa đức cha, các tu sĩ họ không mến con. Không biết con đã làm gì mà họ giận. Con biết con là một kẻ mắc nhiều lỗi lầm, nhưng con bất hạnh lắm!” Đã có tu viện bị khiển trách vì bà rồi đây. Vị giám mục tổng quản tu viện là một người học vấn uyên thâm, ông ta bận việc suốt ngày, không có phút nào rỗi, thế mà bà còn đòi ông ta đến buồng bà thăm hỏi. Thật là không còn biết kính trọng gì đến tuổi tác, đến chức vị nữa. Nếu bà đã hiến nhiều của thì cũng không phải trách móc bà nhiều, đằng này suốt cả thời gian ấy tu sĩ cũng không nhận được của bà đến trăm rúp!

Khi có người nào không hiểu nữ hầu tước, làm nàng phải lo âu, giận dữ, khi nàng không biết phải nói gì, hay làm gì thì thường là nàng bắt đầu khóc. Và bây giờ, cuối cùng, nàng cũng đã che mặt òa lên khóc thút thít như đứa trẻ.

Người thầy thuốc bỗng im bặt và nhìn lên nàng. Khuôn mặt ông bỗng tối sầm lại và trở nên cau có.

- Tha lỗi cho tôi, thưa nữ hầu tước, - ông nói với giọng khô khốc. - Tôi không tìm được lòng tức giận và đã nói nhiều lời bất lịch sự với bà. Điều đó là không nên.

Người thầy thuốc ngượng ngùng, húng hắng ho, rồi vội vàng bỏ đi, quên cả đội mũ.

Sao đã lốm đốm hiện ra trên nền trời. Phía bên kia tu viện chắc trăng đã mọc. Phía ấy, bầu trời trong suốt dịu dàng. Dọc bên bờ tường tu viện màu trắng trắng, những con dơi lặng lẽ chao đi chao lại.

Đồng hồ thông thả điểm ba tiếng, có lẽ đã 8 giờ 45 phút rồi. Nữ hầu tước đứng dậy và đi về phía cổng. Nàng cảm thấy bị xúc phạm, nàng khóc và cố cảm giác rằng hình như từ cây cối, trăng sao, đến những con dơi cũng đang thương cảm nàng; tiếng đồng hồ thánh thốt điểm cũng là để tỏ nỗi xót thương nàng. Nàng khóc và nghĩ rằng có lẽ tốt hơn hết là nàng đến đây ở suốt đời. Vào những buổi chiều hè êm ả, nàng sẽ đi dạo một mình trên con đường vắng vẻ này, mọi người xúc phạm, hắt hủi nàng, không hiểu nàng, chỉ có một mình Chúa và bầu trời cao xa kia nhìn thấy những giọt nước mắt của người con gái bất hạnh. Trong nhà thờ lễ cầu kinh vẫn tiếp tục. Nữ hầu tước dừng lại và lắng nghe tiếng hát trầm trầm vọng lại, tiếng hát ấy nghe thật quyến luyến êm đềm biết bao giữa khoảng không gian sẫm tối, tĩnh mịch này. Và thật là ngọt ngào biết bao, khi được khóc, được đau khổ trong tiếng hát ấy!

Trở về buồng riêng trong tu viện, nàng nhìn lên mặt mình còn đầm nước mắt trong gương, xoa ít phấn kem, rồi ngồi vào bàn ăn bữa tối. Các tu sĩ đã biết tính nàng thích ăn món cá tầm ngâm giấm, nấm hương, rượu nho và bánh bích quy phết mật ong - ăn thứ bánh này, miệng thơm thơm mùi hương cây trắc bá; lần nào nàng đến đây, họ đều dọn cho nàng ăn các món ấy. Lúc ăn nấm hương nhắm với rượu nho, nàng mơ ước đến ngày nàng sẽ hoàn toàn bị phá sản và bị bỏ rơi, tất cả bọn hầu hạ, quản gia mà nàng đã cho chịu ơn rất nhiều sẽ bội phản nàng, sẽ nói với nàng những điều cực cần, thô lỗ, tất cả mọi người sống trên trái đất này sẽ công kích, giễu cợt nàng, nói với nàng những lời độc địa; lúc ấy nàng sẽ từ bỏ tước vị hầu tước, từ bỏ cảnh phồn hoa bỏ bạn bè mà đi vào tu viện, không hề trách móc ai một lời nào hết; nàng sẽ cầu nguyện cho chính kẻ thù của mình, và lúc ấy mọi người chột hiều tấm lòng thành của nàng, sẽ đến bên nàng xin tha thứ, nhưng đã muộn...

Sau bữa ăn, nàng quỳ xuống bên tấm ảnh Chúa đặt trong góc phòng và đọc hai chương trong Phúc âm. Sau đây con hầu vào sửa soạn chăn đệm cho nàng và nàng lên giường ngủ. Duỗi thẳng mình dưới tấm chăn màu trắng, nàng thở phào khoan khoái như vẫn thường thấy ở nhiều người khi mới hết khóc, nàng nhắm mắt lại và dần dần thiếp ngủ...

Sáng hôm sau nàng tỉnh dậy và nhìn lên đồng hồ đeo tay nhỏ của mình: đã chín giờ rưỡi rồi. Qua khe cửa sổ, một vệt sáng nhỏ lọt vào căn buồng tối tối và in lên tấm thảm trải cạnh giường. Phía bên ngoài rèm cửa sổ màu đen, nghe vo vo tiếng ruồi bay.

“Còn sớm quá!” - nữ hầu tước nghĩ thầm và nhắm mắt lại.

Khoan khoái nằm trong chăn đệm thơm tho, mềm mại, nàng nhớ lại lần gặp gỡ hôm qua với người thầy thuốc, nhớ lại những ý nghĩ đã đến với nàng tối hôm qua, trước khi nàng đi ngủ; nàng nhớ lại rằng mình thật bất hạnh. Tiếp đó nàng nhớ đến người chồng đang sống ở Pêtêrburg, những viên quản gia, thầy thuốc, láng giềng, những viên chức quen biết... Cả một dãy dài những khuôn mặt đàn ông quen thuộc hiện ra trong trí tưởng tượng của nàng. Nàng mỉm cười và nghĩ rằng, nếu tất cả những người ấy có thể hiểu thấu lòng nàng thì chắc họ đều sẽ quỳ xuống bên chân nàng...

Vào lúc 11 giờ 15 phút nàng gọi con hầu lên.

- Đưa, sửa soạn áo xống cho ta, - nàng uể oải nói. - Nhưng mà trước tiên hãy đi báo thắng ngựa vào xe. Lát nữa ta phải đến chỗ bà Klápđia Nikôlaiépna.

Từ trong buồng đi ra xe, nàng nheo mắt lại trước ánh nắng chan hòa buổi sáng, nàng khoan khoái mỉm cười, hôm nay thật đẹp trời! Đưa cặp mắt nheo nheo nhìn các tu sĩ tụ tập đứng ngoài hiên để tiễn, nàng

niềm nở gật đầu chào và nói:

- Từ biệt nhé, các bạn thân mến của tôi! Hẹn ngày kia gặp lại!

Nàng ngạc nhiên một cách thú vị khi thấy bên cạnh các tu sĩ đứng ngoài hiên có cả người thầy thuốc nữa. Về mặt ông trông nhợt nhạt và khắc khổ.

- Thừa nữ hầu tước, - ông vừa nói vừa bỏ mũ xuống và ngượng ngập mỉm cười như người có lỗi, - tôi chờ bà ở đây đã lâu. Xin bà tha lỗi cho... Tôi đã không tìm được lòng ham muốn trả thù nhỏ nhen, hôm qua tôi đã nói với bà nhiều lời hồ đồ, thô lỗ. Tôi muốn xin bà tha lỗi cho tôi.

Nàng mỉm cười độ lượng và chìa tay ra cho ông. Ông hôn tay nàng, mặt đỏ bừng.

Cô làm ra vẻ giống một con chim, nàng bước nhanh lên xe như nhẹ lướt, và gật đầu chào khắp mọi phía. Nàng cảm thấy tâm hồn mình thật tươi vui, thanh thoát, ấm áp và nụ cười của mình thật êm dịu, ngọt ngào. Khi cô xe ra khỏi cổng, chạy trên con đường đất bụi bên những ngôi nhà gỗ và vườn cây, bên đám dân buôn và dòng người vào tu viện đi lễ, nàng vẫn nheo nheo đôi mắt và mỉm cười hiền dịu. Nàng nghĩ rằng không có gì hạnh phúc hơn là đem đến khắp nơi nơi niềm vui ấm áp, trong sáng, bỏ qua những điều giận dữ, và niềm nở, độ lượng mỉm cười với kẻ thù của mình. Những người nông dân đi ngược chiều cúi xuống chào nàng, bánh xe nhè nhẹ lăn, cuộn lên đám bụi nhỏ theo gió đưa về phía ruộng lúa mạch màu vàng óng, và nữ hầu tước có cảm giác rằng tấm thân nàng không phải đang đứng đưa trên ghế đệm dày êm của cỗ xe mà đang dập dềnh trên mây cao và chính nàng cũng giống như một đám mây bông bồng bênh trong suốt...

- Ôi, ta thật hạnh phúc biết bao! - nàng nhắm mắt lại, thì thầm thốt lên. - Thật hạnh phúc biết bao!

Những người đàn bà

TRONG LÀNG RAIBUS, đối diện với nhà thờ, là một ngôi nhà hai tầng lợp mái tôn, xây trên nền đá. Tầng dưới ngôi nhà là chỗ ở của chủ nhân cùng với gia đình - Philip Ivanôvits Kasin, mà người ta quen gọi là lão Điudia, còn tầng trên, mùa hè rất nóng, mùa đông rất lạnh, thì dành làm nơi nghỉ chân cho các vị công chức, nhà buôn, địa chủ đi qua đây. Lão Điudia thuê mấy khoảnh đất, mở một quán rượu ngoài đường cái, buôn đi bán lại cả nhựa thông, mật ong, cả súc vật lẫn chim ác là, nhờ thế mà lão gửi tám nghìn bạc vào nhà băng trên tỉnh.

Phêđor, con lớn của lão, làm thợ cả về ngành cơ khí tại một nhà máy và như dân làng nói, anh ta làm ăn phát tài to đến nỗi bây giờ khó mà đến gần anh ta được; vợ Phêđor là Xôphia, một người đàn bà xấu xí, ốm yếu, ở lại nhà với bố chồng, lúc nào cũng thấy khóc lóc và cứ chủ nhật hàng tuần là lại đi đến nhà thương chữa bệnh. Người con trai thứ hai của lão là Aliôska lưng hơi gù gù, anh ta ở nhà với bố. Cách đây ít lâu, lão cưới vợ cho anh ta là cô Varvara, con gái một gia đình nghèo; cô này trẻ, đẹp, khỏe mạnh và thích ăn diện. Khi có các vị viên chức hay lái buôn nghỉ lại nhà Điudia, thì bọn họ bao giờ cũng đòi bằng được cô Varvara hầu trà và dọn giường ngủ cho họ.

Vào chập tối một ngày tháng Sáu, khi mặt trời đang lặn và không khí chung quanh thoang thoang mùi cỏ khô, mùi phân súc vật còn hôi hổi nóng, mùi sữa tươi, có một chiếc xe ngựa xoàng xoàng đi vào trong sân nhà lão Điudia, trên xe có ba người ngồi: một người đàn ông trạc độ ba mươi tuổi mặc bộ quần áo bằng vải lanh thô, bên cạnh là một cậu bé chừng bảy tám tuổi mặc chiếc áo dài đen với những cái khuy to bằng xương, và một chàng trai trẻ mặc áo sơ mi đỏ là người đánh xe.

Chàng trai trẻ tháo ngựa, dắt ra ngoài cho đi đi lại lại, còn người đàn ông mới tới thì đi rửa ráy xong rồi quay về phía nhà thờ lăm rậm cầu kinh, sau đó ông ta trải tấm đệm kê chân xuống bên cạnh xe ngựa, ngồi xuống cùng ăn bữa tối với cậu bé; ông ta ăn từ từ, chậm rãi, và lão Điudia, trong đời đã từng gặp nhiều kiểu người khác nhau nghỉ chân lại đây, đoán rằng cứ theo dáng điệu cử chỉ ấy thì người đàn ông kia phải là một người chững chạc, tháo vát, tự tin vào mình.

Lão Điudia mặc mỗi chiếc gilê, không đội mũ, ngồi ngoài và đợi người khách kia lên tiếng trước. Lão đã quen thấy rằng, vào những buổi tối trước khi đi ngủ, các vị khách qua đường ấy bao giờ cũng kể lại đủ mọi thứ chuyện, và lão thấy thích thú với điều đó. Bà già Aphanaxiépna, vợ của lão, và người con dâu Xôphia đang vắt sữa bò trong chuồng, người con dâu khác, cô Varvara, thì ngồi bên cửa sổ mở toang trên tầng hai mà căn hạt hướng dương.

- Cậu bé kia chắc là con trai anh phải không? - lão Điudia hỏi người khách.

- Không, nó là con nuôi, mồ côi mà. Tôi nhận nuôi nó là để chuộc tội đấy.

Hai người đã bắt chuyện với nhau. Người khách lộ ra là một người ựa nói và nói năng khá hấp dẫn, còn lão Điudia thì qua câu chuyện mà biết rằng, người khách là một tiểu chủ trên tỉnh có nhà chợ thuê, rằng anh ta tên là Mátvây Xápvíts, anh ta đang đi xem xét những khu vườn thuê lại của mấy kiều dân Đức, rằng cậu bé này tên là Kuxka. Trời thật nóng nực, oi bức, không một ai muốn đi ngủ cả. Khi trời đã tối hẳn và những vì sao nhợt nhạt đã nhấp nháy trên cao, Mátvây Xápvíts bắt đầu kể lại chuyện vì sao anh ta nhận nuôi cậu bé Kuxka. Bà Aphanaxiépna và Xôphia đứng xa xa một góc cũng lắng nghe. Còn Kuxka thì đi ra lối cổng.

- Cụ ạ, câu chuyện này tỉ mỉ, dài dòng lắm, - Mátvây Xápvíts vào đầu như thế. - Muốn kể hết cho cụ nghe đến sáng cũng chẳng xong. Cách đây khoảng mười năm, cùng phố với tôi, ngay bên cạnh nhà tôi,

là nhà bà lão góa chồng Maropha Ximônôpna Káplunxeva, bây giờ đây là xưởng làm bơ, làm nên; bà lão có hai người con trai, một người làm nhân viên hỏa xa còn người con thứ hai là Vaxia trạc tuổi tôi thì ở nhà với mẹ. Sinh thời ông Káplunxép trước đây là chủ ngựa, ông có chừng một chục con và thuê người đánh xe cho chở hàng khắp thành phố; bà góa Káplunxeva cũng không bỏ nghề này, bà cai quản những người xà ích thông thạo không kém ông chồng, cho nên có những ngày cũng kiếm được chừng dăm rúp. Cậu con trai cũng làm ra tiền. Anh nuôi giống chim câu nòi và bán cho những người đi săn; nhiều lúc thấy anh ta đứng trên mái nhà, tung chổi lên, huyết còi mồm, thê rồi đàn chim câu nòi cứ bay lượn mãi tít trên trời cao, mà anh ta thì vẫn chề là thấp, còn cứ muốn chúng bay cao nữa. Anh ta bắt nuôi cả chim bạch yến, sáo sậu, đóng chuồng chim... Cứ làm chơi chơi thê mà, tích tiểu thành đại, hàng tháng anh ta cũng ký cóp được chục rúp. Năm này năm khác qua đi, đến lúc bà lão liệt cả hai chân, chỉ còn nằm bẹp trên giường. Vì cái sự như thế mà nhà không có người nội trợ, mà thê thì khác nào như người không có mắt. Bà lão lo lắng lắm và nghĩ ra rằng phải cưới vợ cho Vaxia. Bà cho gọi mỗi lái đến, năm lần bảy lượt hai bà nói chuyện với nhau thì Vaxia của chúng ta đi xem mặt các cô dâu. Anh ta định hỏi cô Masenka, con gái bà góa Xamakhovalikha. Chả phải nghĩ ngợi gì lâu, mọi người đều ưng thuận và rồi chỉ trong vòng một tuần mọi việc phải chuẩn bị đều làm xong. Masenka là một cô gái trẻ, khoảng mười bảy tuổi, vóc người nhỏ nhắn, nhưng gương mặt trắng trẻo, xinh xắn, trông ra dáng đài các như một tiểu thư; và của hồi môn cũng khá khá: chừng dăm trăm rúp, một con bò sữa, giường chiếu... Còn bà lão thì quả như linh tính đã báo trước, đến ngày thứ ba sau lễ cưới bà về châu trời, chẳng kêu rên, chẳng ôm đau gì. Đôi vợ chồng trẻ chôn cất bà lão cúng giỗ xong, họ ăn ở với nhau chừng nửa năm rất hạnh phúc, nhưng bất thành linh có chuyện không may khác đến. Quan trên gọi Vaxia lên, bảo anh ta rút thăm. Thê rồi người ta bắt Vaxia đi lính mà cũng chẳng cho anh ta hưởng chút ưu tiên nào. Cạo trọc đầu và xua sang Vương quốc Ba Lan[79]. Ý trời đã định thì biết làm thế nào. Khi chia tay với vợ ở trong sân thì chưa sao cả, nhưng đến lúc quay sang nhìn cái nhà để rơm đậu đầy chim bồ câu thì anh khộc òa lên. Trông thật là tội. Đạo đâu, đề cho khuây khỏa đỡ buồn, Masenka dọn mẹ đến ở cùng; bà ở đây cho đến khi con gái đẻ, chính là đẻ ra thằng Kuxka này đây, thì bà lại đi đến Obôian với người con gái khác cũng đã có chồng rồi, và thê là Masenka ở nhà một mình với đứa con nhỏ. Năm tay đánh xe thì đều là dân nghiện ngập, quấy phá, rồi nào là chuyện ngựa, chuyện xe, hay là giậu đồ, bồ hóng trong ống khói bếp cháy - đâu có phải là chuyện đàn bà lo liệu được, thê rồi cô ta phải sang bên tôi là người hàng xóm mà hỏi từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ. Và tôi phải bày đặt, phải dẫn dò việc này việc nọ... Cũng là chuyện thường tình thôi, không thê thiếu được: ghé vào nhà uống chén nước, nói dăm ba câu chuyện. Đạo ấy tôi còn trẻ cũng là người biết suy nghĩ, thích bàn đến đủ các thứ chuyện, còn cô ta thì cũng là người lịch thiệp có học. Cô ta ăn vận rất gọn mắt, mùa hè đi đến đâu đều mang ô. Có lúc tôi nói về chuyện thần thánh, hay chuyện chính trị, cô ta chăm chú nghe lại còn pha trà, lấy mứt ra đãi tôi... Nói gọn lại, đề khỏi phải kể lê đong dài nữa, thì cũng chưa được một năm sau đầu cụ a, ma quỷ nó ám tôi. Tôi bắt đầu nhận ra rằng ngày nào mà tôi không ghé sang nhà cô ta thì trong người cảm thấy buồn tẻ. Và tôi cứ cố nghĩ ra lý do đề sang nhà cô ta. “Đã đến lúc, - tôi nói, - chị phải đặt khung kính mùa đông vào cửa sổ thôi” và thê là cả ngày hôm đó tôi được ở trong nhà cô ta mà thủng thẳng đặt khung kính, và có ý đề lại chừng hai khung sang ngày hôm sau. “Chị cần đem lại sổ chim câu của Vaxia xem không khéo lại mất đấy”, đại khái cứ có những lý do như thế. Cũng có khi tôi đứng nói chuyện với cô ta qua hàng rào, và cuối cùng đề khỏi phải đi vòng tôi làm một cái công nhỏ thông qua hàng rào giữa hai nhà. Trên thê giới này giới đàn bà là hay sinh ra lắm điều ác, lắm chuyện kinh tởm. Không phải chỉ có bọn tôi, những kẻ đây tội lỗi, mà cả các đức thánh ông nữa cũng bị cám dỗ. Masenka không làm cho tôi hết mê cô ta. Lẽ ra phải nhớ đến chồng và giữ mình thì cô ta lại đi phải lòng tôi. Tôi cũng nhận thấy rằng cô ta cũng buồn rầu, cô ta hay đi đi lại lại sát bờ rào và đưa mắt nhìn sang sân nhà tôi. Đầu óc tôi cứ quay cuồng lên với những mơ tưởng. Có lần vào ngày thứ năm tuần lễ thánh, khi trời còn tờ mờ sáng tôi đi ngang qua trước công nhà cô ta đề ra chợ, thê rồi như bị ma ám, tôi dừng lại ghé mắt trông vào công nhà cô ta phía trên có những chân song, - cô ta đã dậy rồi, đang đứng giữa sân cho vịt ăn. Tôi không dừng được nữa, bèn cất tiếng gọi. Cô ta bước lại gần và nhìn tôi qua chân song. Khuôn mặt trắng trẻo, đôi mắt dịu dàng còn ngái ngủ... Trông cô thật là ưa nhìn, và tôi buông lờ tán tỉnh dường như không phải là đứng với nhau ở bên công mà đang ngồi trong buổi lễ sinh nhật nào vậy. Còn cô ta thì đỏ bừng mặt, cười và cứ dăm dăm nhìn không chớp vào mắt tôi. Tôi mất hết cả lý trí và giải bày với cô ta tình yêu của tôi... Cô ta mở cổng ra cho tôi vào, và từ sáng hôm ấy, hai chúng tôi bắt đầu sống với nhau như vợ chồng.

Từ ngoài đường, anh chàng Aliôska lưng gù đi vào trong sân, miệng thở hồng hộc, không nhìn ai, cứ thế chạy vào nhà; một lát sau anh ta chạy từ trong nhà ra, tay cầm chiếc đàn phong cầm, những tiền đồng trong túi kêu xúng xoảng, vừa chạy vừa cắn hạt hướng dương rồi khuất dần sau cánh đồng.

- Ai vừa chạy qua thế? - Mátvây Xápvíts hỏi.

- Con tôi đấy, thằng Aliôska, - lão Điudĩa trả lời. - Nó lại đi chơi đấy, thằng đều cáng. Trời đã phạt nó phải gù lưng nên chúng tôi cũng chẳng buồn giữ gìn cho nó lắm.

- Nó cứ đi chơi, đàn đúm với bọn trai làng mãi thôi, - bà lão Aphanaxiépna thở dài nói. - Lấy vợ cho nó trước ngày lễ tổng tiễn mùa đông cứ tưởng là nó sẽ khá hơn, thế mà càng ngày nó cứ càng đồ đốn thêm ra.

- Chẳng được cái tích sự gì. Cuối cùng thành ra chỉ là ban không phước lộc cho con gái nhà nghèo, - lão Điudĩa nói.

Từ phía sau nhà thờ vọng lại tiếng những ai đang hát một bài buồn buồn tuyệt diệu. Không thể phân biệt rõ lời, chỉ nghe thấy mấy giọng thôi: hai giọng nam cao và một giọng trầm. Vì ai cũng lắng nghe điệu hát, nên trong sân vụt trở nên im lặng... Bỗng hai người trong bọn họ cất ngang bài hát bằng một chuỗi cười lạnh lạnh, người thứ ba giọng cao tiếp tục hát và lên một nốt cao đến nỗi mọi người đều vô tình ngẩng đầu lên, dường như giọng hát ấy bay vút lên tận trời. Varvara bước ra khỏi nhà, giơ tay che ngang mắt như người che ánh nắng, mà nhìn về phía nhà thờ.

- Đấy là hai người con ông linh mục với thầy dạy hát đấy, - cô ta nói.

Ba người lại hòa giọng hát. Mátvây Xápvíts thở dài và tiếp nói:

- Công việc như thế cụ ạ. Chừng hai năm sau chúng tôi nhận được thư của Vaxia gửi từ Vácsava về. Anh ta viết rằng quan trên cho anh ta về nhà để chữa bệnh. Anh ta không được khỏe mà. Đến khoảng thời gian ấy tôi đã từ bỏ được những ý nghĩ ngu xuẩn ra khỏi đầu mình rồi, gia đình cũng đã kiếm được cho tôi một đám khá lắm, nhưng tôi vẫn chưa biết làm thế nào mà dứt ra khỏi cô nhân tình. Hôm nào tôi cũng định nói thẳng với Masenka nhưng không biết nói cách nào để khỏi phải nghe tiếng khóc lóc rên rỉ của cô ta. Bức thư ấy như cởi trói tay cho tôi. Tôi cùng đọc bức thư ấy với Masenka, gương mặt cô ta nhợt nhạt, trắng bệch ra, còn tôi thì nói: “Nhờ trời, thế là bây giờ cô lại là vợ của chồng cô rồi”. Cô ta nói: “Em chẳng sống với anh ta đâu”. - “Nhưng mà anh ấy là chồng cô cơ mà?” - tôi nói. - “Dễ thế... Em chưa bao giờ yêu anh ta cả, lấy anh ta cũng chẳng phải tự nguyện. Mẹ em bắt, thế thôi”. - “Ừ được rồi cô ngốc ạ, cô đừng có đánh trống lảng, cô thử nói xem: cô có làm lễ cưới với anh ấy trong nhà thờ hay là không?” “Có, nhưng em yêu anh và em sẽ ở với anh cho đến khi chết. Kệ cho người ta cười... Em chẳng kể vào đâu...” - “Cô là người hay câu nguyện, hay đọc sách kinh, thì trong sách người ta viết gì vậy?”

- Đã lấy chồng thì phải ở với chồng, - lão Điudĩa nói.

- Vợ chồng là gửi xương gửi thịt cho nhau. Chúng ta đã mắc tội rồi, tôi nói, nên hai chúng ta bây giờ phải có lương tâm, biết sợ Chúa Trời. Chúng ta sẽ thú tội trước mặt Vaxia, anh ấy là người lành tính, nhút nhát - anh ấy không giết đâu. Với lại trên đời này thì chịu đựng những nỗi khổ do người chồng hợp pháp gây ra vẫn còn hơn là sau này phải nghiền răng mà chịu nhục hình ở địa ngục. Cô ta chẳng chịu nghe lời tôi, cứ một mực khẳng khái: “Em yêu anh”, thế thôi, không nói gì thêm. Vaxia trở về nhà vào sáng sớm hôm thứ bảy ngay trước ngày lễ Ba Ngôi. Tôi thấy qua hàng rào anh rẽ vào nhà, một lát sau bé Kuxka đi ra, vừa cười, vừa khóc, vừa hôn đưa bé, rồi lại nhìn lên nhà để cỏ khô, vừa tiếc không muốn bỏ Kuxka ra, vừa muốn đến với mấy con bò câu của mình. Thật là một người hiền lành, đa cảm. Ngày hôm ấy qua đi êm thấm, lặng lẽ. Người ta đã kéo chuông cầu nguyện buổi tối. Nhưng tôi cứ nghĩ mãi: ngày mai là ngày lễ Ba Ngôi rồi mà sao vẫn chưa thấy nhà bên ấy trang hoàng công, giầu gì cả. Tôi nghĩ chắc là chuyện không ổn rồi. Tôi đi sang đó. Nhìn vào thì thấy Vaxia ngồi giữa phòng

ngay dưới nền nhà, mắt ngơ ngác đảo qua đảo lại như người say rượu, hai má đầm đìa nước mắt, tay run lẩy bẩy; anh ta rút trong bọc ra nào là bánh mì tròn, bánh quy, chuối hạt cườm và đủ thứ quả cáp khác mà vứt tung ra nhà. Thằng bé Kuxka dạo ấy nó khoảng ba tuổi thì bò bên cạnh, nhặt lấy bánh quy mà nhai, còn Masenka thì đứng gần lò sưởi, mặt tái nhợt, toàn thân run rẩy, lắp bắp nói: “Tôi không phải là vợ anh, tôi không muốn sống với anh” - và nói lắm câu lảm nhảm khác nữa. Tôi quỳ xuống bên chân Vaxia và nói: “Tôi với cô ấy có tội với anh, anh Vaxili Măcximúts ạ, mong anh hãy vì đức Chúa mà tha tội cho!” Sau đó tôi đứng dậy và nói với Masenka những lời như thế này: “Chị Maria Xêmiônốpna ạ, bây giờ thì chị phải rửa chân cho anh Vaxili Măcximúts và phải ăn súp loãng và chị hãy làm một người vợ ngoan ngoãn của anh ấy, hãy cầu Chúa sao cho anh ấy, một người giàu lòng vì tha, sẽ thứ tội cho tôi”. Như có vị thiên thần nào đã răn bảo cho tôi, tôi bảo cho cô ta nghe, tôi nói xúc động đến mức chính tôi cũng phải rung rung nước mắt. Thế rồi chừng hai ngày sau, Vaxia sang nhà tôi. Anh ta nói: “Tôi tha lỗi cho anh đây, anh Mátvây ạ, cả anh cả cô ấy, thôi thì chuyện cũng đã thê rồi. Cô ấy làm vợ lính, chuyện đàn bà trẻ xa chồng, kẻ cũng khó mà giữ mình cho vẹn toàn. Cô ấy không phải là người đầu tiên, cũng chẳng phải là người cuối cùng mắc tội như thế. Chỉ có điều là bây giờ tôi xin anh cứ làm như là giữa anh với cô ấy chưa từng có chuyện gì xảy ra cả, anh đừng gặp cô ấy nữa, còn tội thì tôi sẽ chiều chuộng cô ấy mọi thứ, sao cho cô ấy lại yêu tôi như xưa”. Anh ta đưa tay cho tôi bắt, uống trà rồi vui vẻ ra về. Phần tôi, tôi nghĩ thật là may mắn, tôi thấy nhẹ cả người, thế là mọi chuyện đều ổn thỏa cả. Nhưng khi Vaxia vừa ra khỏi sân thì Masenka bước vào. Thật là một sự trùng phạp. Cô ta ôm lấy cổ tôi khóc lóc, van xin: “Em van anh, anh đừng bỏ em, không có anh, em không sống được đâu”.

- Hừ, thật là đê tiện! - lão Điudia thở dài nói.

- Tôi to tiếng mắng cô ta, hai chân giậm mạnh, lôi cô ta ra ngoài rồi móc cửa lại. Tôi kêu lên: về với chồng đi! Đừng có làm tôi xấu mặt với làng xóm, liệu mà sợ lấy Chúa! Thế rồi ngày nào cái cảnh ấy cũng cứ tái diễn. Có lần vào một buổi sáng tôi đang đứng trong sân nhà gần chuồng ngựa và chữa dây cương. Bất thình lình tôi trông thấy Masenka chạy qua cổng vào sân nhà tôi, chân đi đất, mình mặc mỗi chiếc váy, rồi lao vào tôi, nắm lấy tay tôi đang cầm dây cương, cả người cô ta dính bết bết những nhựa cây, run rẩy, khóc lóc... “Em không thể sống với cái thằng tởm lợm ấy đâu; em không đủ sức chịu đựng nữa đâu! Nếu anh không yêu em thì tha giết quách em đi còn hơn”. Tôi nổi cáu, tiện có dây cương trong tay tôi vụt cho cô ta hai cái, vừa lúc ấy thì Vaxia chạy qua cổng vào, và kêu lên thật thanh: “Đừng đánh! Đừng đánh!” Mồm thì nói thế nhưng chính mình thì lại chạy lại bên cô ta, rồi như người mất trí, dang thẳng tay thụi tới tấp vào người cô ta, sau đó đánh ngã cô ta xuống đất mà giẫm chân lên; tôi phải che đỡ cho cô ta, nhưng anh ta giật luôn dây cương từ tay tôi và cứ thế quất lầy quất đẽ vào Masenka. Vừa đánh vừa kêu như con ngựa.

- Đáng lý cũng phải cầm cương mà quất cho nhà người một trận như thế... - Varvara tức giận vừa nói, vừa bỏ đi. - Đồ đều, xúm nhau lại mà hành hạ chị em người ta...

- Cầm mồm đi, - lão Điudia quát cô. - Đồ ngựa cái!

- Anh ta vừa đánh vừa la hí-hí-hí như thế, - Mátvây Xápvíts tiếp tục kể. - Từ sân nhà anh ta có một người xà ích chạy sang, tôi gọi thêm người ở nhà tôi nữa, rồi cả ba người cùng xúm vào lôi Masenka ra khỏi tay anh ta, rồi khiêng cô ta về nhà. Thật là cả một sự nhục nhã ê chề. Ngay tối hôm đó, tôi sang thăm cô ta. Cô ta nằm trên giường, mặt mày quần đầy băng chỉ để hở hai mắt với mũi ra, cô ta cứ nhìn chằm chằm lên trần nhà. Tôi lên tiếng: “Chào chị Maria Xêmiônốpna!” Cô ta lặng thinh. Còn Vaxia thì ngồi ở buồng bên cạnh, hai tay ôm lấy đầu méo máo khóc mà nói: “Tôi thật tàn ác quá! Tôi làm hại đời tôi rồi. Ôi, trời ơi, giết quách tôi đi cho xong!” Tôi ngồi chừng nửa giờ bên cạnh Masenka và thuyết đạo lý cho cô ta nghe. Tôi dọa cho cô ta sợ. Tôi nói rằng những con chiên ngoan đạo sau khi chết, sẽ được lên thiên đường, còn cô thì phải vào hỏa ngục cùng với những kẻ lảm đường lạc lối... Đừng có mà cứng đầu cứng cổ với chồng nữa, quỳ xuống chân Vaxia mà chịu tội đi. Còn cô ta thì chẳng hé răng nói một lời, cũng không hề chớp mắt nữa, cứ như là tôi nói với cái cột không bằng. Ngày hôm sau, Vaxia mắc bệnh đại khái như là bị đi tả thì phải, đến khoảng chập tối thì chết. Mọi người chôn cất anh ta tử tế. Masenka không ra nghĩa địa, cô không muốn phơi cái mặt ô nhục đầy vết bầm thâm tím trước

mất mọi người. Ít ngày sau dân phố đồn đại với nhau rằng Vaxia không phải tự nhiên chết, mà là do Masenka chủ tâm giết. Chuyện lên đến quan trên. Người ta đào xác Vaxia lên, mổ bụng ra và tìm thấy trong ruột có thạch tín. Chuyện thế là hai năm rưỡi; cảnh sát đến bắt Masenka, dẫn luôn cả cậu bé Kuxka vô tội. Tổng giam vào nhà tù. Cô ta cứ làm quá lắm thì trời phạt cho thôi... Khoảng tám tháng sau thì tòa xử. Tôi còn nhớ cô ta ngồi trên một chiếc ghế băng nhỏ, trùm khăn vuông trắng, mặc áo choàng xám, thân hình gầy gò nhợt nhạt, đôi mắt sắc, trông cô ta thật tội. Phía sau là một người lính cầm súng đứng. Cô ta không nhận tội. Tại phiên tòa có một người nói rằng cô ta đã bỏ thuốc độc cho chồng, một số người khác thì chứng minh rằng anh chồng vì khổ não quá mà tự tử đấy thôi. Tôi có làm nhân chứng cho vụ án ấy. Khi người ta hỏi tôi, tôi nói hết mọi điều theo lương tâm của tôi. Tôi nói rằng lỗi là ở cô ta. Phải nói thẳng ra là cô ta không yêu chồng, lại buồn bực nữa... Các quan tòa luận tội suốt từ sáng cho tới khuya mới đi đến quyết định như thế này: đày cô ta đi Xibiri làm khổ sai mười ba năm. Sau khi có quyết định như thế rồi, Masenka còn ở lại nhà tù thành phố tới chừng ba tháng nữa. Vì lòng nhân đạo tôi có đến thăm cô ta, đem trà, đường cho cô ta. Còn cô ta thì mỗi lần trông thấy tôi, là cả người run bắn lên, hai tay khỏa khỏa, mồm lắp bắp nói: “Anh đi ra đi! Đi ra đi!” Và ôm chặt lấy Kuxka vào lòng như sợ tôi cướp lấy mất thằng bé. Tôi nói rằng đây, cô sa vào tình cảnh như thế đấy! Ôi, Masenka, Masenka, một tâm hồn tội lỗi. Không chịu nghe lời tôi, khi tôi răn bảo điều hay lẽ phải, đến bây giờ thì tha hồ mà than khóc. Tự mình có lỗi, thì hãy tự trách mình thôi. Tôi lại thuyết lý cho cô ta nghe, còn cô ta thì chỉ một mực: “Đi ra đi! Đi ra đi!” - và ôm chặt lấy Kuxka, cả người dựa sát vào tường run lấy bầy. Khi người ta đưa cô ta lên tỉnh, tôi có theo tiễn ra nhà ga và nhét vào bọc cô ta một rúp bạc gọi là để chuộc tội. Nhưng cô ta không đến được Xibiri... Chưa ra khỏi tỉnh thì cô ta bị sốt cao rồi chết ở trong tù...

- Đã là chó má thì chết cũng là chết như chó, - lão Điudia nói.

- Người ta trả Kuxka về nhà... Tôi nghĩ mãi, nghĩ mãi, rồi nhận thằng bé về nuôi. Ừ, thì sao nào? Con nhà tù tội đấy nhưng nó vẫn là một con người đã được rửa tội hân hoan... Tôi thương nó quá. Tôi sẽ nuôi cho nó lớn thành người chạy hàng cho tôi, và nếu tôi không có con, tôi sẽ dạy nó nghề đi buôn. Bây giờ đi đâu tôi cũng dẫn nó đi theo: cho nó quen dần đi mà.

Khi Mátvây Xápvíts kể lại câu chuyện đó, Kuxka ngồi yên không nhúc nhích trên một tảng đá gần lối cổng, hai tay ôm lấy đầu ngược mắt nhìn lên trời; từ xa, trong bóng tối chập choạng trông cậu bé giống như một gốc cây nhỏ bị đốn cụt.

- Kuxka, đi ngủ đi! - Mátvây Xápvíts gọi cậu bé.

- Ừ mà cũng đến giờ ngủ rồi, - lão Điudia vừa nói vừa đứng dậy, lão ngáp dài thành tiếng và nói thêm - Cứ cố mà ăn ở theo như mình muốn, không chịu nghe lời ai thì rồi cuối cùng chuyện nó vỡ ra như thế đấy.

Trăng đã trôi trên bầu trời giữa sân; trăng như chạy về một phía, và những đám mây nằm dưới thì chạy về phía kia; mây đã đi xa mà trăng vẫn sáng trên đỉnh đầu. Mátvây Xápvíts lâm râm cầu nguyện mấy câu, lên tiếng chúc chủ nhà ngủ ngon rồi đặt mình xuống đất ngay cạnh chiếc xe ngựa. Kuxka cũng cầu nguyện, rồi vào nằm trong xe ngựa quấn chiếc áo dài vào người; để thoải mái hơn, nó bới một chỗ trong đám cỏ khô và chui vào đấy nằm còng queo đến nỗi khuỷu tay và đầu gối chạm nhau. Từ ngoài sân nhìn vào thấy rõ lão Điudia chằm nên ở tầng dưới, đeo kính vào và bước lại ở góc phòng cầm lấy quyển sách. Lão vừa đọc vừa khản khứa rất lâu.

Những khách trọ đã ngủ rồi. Bà Aphanaxiépnà và Xôphia đi đến gần bên xe ngựa và ngắm kỹ cậu bé Kuxka.

- Thằng bé mô côi ngủ rồi, - bà lão nói. - Gầy gầy quá thôi, chỉ còn da bọc xương. Mẹ đẻ không còn, chẳng còn ai chăm sóc nó cho đến nơi đến chốn.

- Thằng bé Gorisútka của con chắc phải lớn hơn Kuxka đến hai tuổi, - Xôphia nói. - Ở ngoài xường

máy nó phải sống tù hãm, chắc là gò bó lắm, không có mẹ ở bên. Thế nào cũng bị ông chủ đánh đòn. Con cứ nhìn thẳng bé này là lại nhớ đến Gorisútka của con, tìm con cứ như ứa máu.

Một phút im lặng trôi qua.

- Chắc nó cũng chẳng nhớ gì đến mẹ nó đâu, - bà lão nói.

- Còn nhớ vào đâu nữa!

Và nước mắt ràn rụa chảy ra trên gò má Xôphia.

- thằng bé nằm cọ quắp thế kia kìa... - Xôphia nói, vừa sụt sịt khóc vừa cười vì xúc động và thương hại. - Ô, cậu bé mồ côi của tôi.

Kuxka rùng mình và mở mắt ra. Cậu bé nhìn thấy một gương mặt xấu xí, nhăn nheo, giàn giụa nước mắt, bên cạnh đó là một gương mặt khác, già nua, miệng móm mém, cằm nhọn mũi khoằm và trên nữa là trời cao vô tận, có mặt trăng và những đám mây bay nhanh. Cậu bé bắt chợt kêu lên vì sợ hãi. Xôphia cũng kêu lên; tiếng vọng đáp lại hai người, không gian oi bức bị khuấy động trong chốc lát, người gác cổng bên cạnh gò mạnh cửa, chó nhà ai sủa vang lên. Mátvây Xápvíts lâu bầu nói gì trong cơn mơ rồi trở mình sang phía khác.

Đêm về khuya, khi cả lão Điuđia, bà Aphanaxiépnà và người gác cổng đều đã ngủ, Xôphia đi ra ngoài cổng và ngồi lên chiếc ghế dài. Chị ta thấy khó thở, vì khóc nhiều nên đầu nhức nhối. Đường phố trước mặt dài rộng quá, phía bên phải có dãy đèn hai vécxta, bên trái cũng rộng chừng ấy, còn chiều dài như trải ra vô tận. Trăng không còn chiếu xuống sân nữa, giờ đã khuất sau nhà thờ. Một bên đường phố chan hòa ánh trăng, một bên tối sẫm vì sắp bóng; những bóng cây dương, bóng bông hét ngã dài trên đường phố, còn bóng nhà thờ, đen kịt và đáng sợ thì che kín một khoảng rộng bao gồm cả công ra vào và một nửa nhà lão Điuđia. Chung quanh im ắng, không một bóng người. Từ phía cuối đường phố thỉnh thoảng có tiếng nhạc rất nhỏ đưa lại: chắc đó là Aliôska đang chơi đàn dương cầm.

Trong bóng tối gần bờ giậu nhà thờ có ai đang đi, cũng khó nhìn rõ được đó là người hay là một con bò, hay là, có lẽ chẳng có ai cả mà chỉ là một con chim nào đấy rất to đang xào xạc trên hàng cây. Nhưng rồi có một bóng người bước ra khỏi chỗ tối, nói một câu gì bằng giọng đàn ông, sau đó thì khuất hẳn sau ngõ bên cạnh nhà thờ. Một lát sau chừng khoảng bốn mét lại thoáng hiện lên một bóng người nữa; người này đi thẳng từ nhà thờ về phía cổng, và sau khi nhìn thấy Xôphia ngồi trên ghế dài thì dừng lại.

- Varvara đây phải không? - Xôphia hỏi.

- Ừ, thì em đây đã sao.

Người đó là Varvara. Cô đứng yên một phút, sau đó bước lại ghế dài rồi ngồi lên.

- Cô vừa đi đâu đấy? - Xôphia hỏi.

Varvara không trả lời gì.

- Này cô em ạ, lý ra thì cô đừng chuốc vào mình tai vạ như thế, - Xôphia nói. - Cô có nghe đoạn Masenka bị giẫm lên và bị quất dây cương không? Cô coi chừng đấy, không lại cũng bị như thế đấy.

- Thì đã sao.

Varvara lấy khăn che miệng cười rộ lên rồi thì thầm nói:

- Em vừa đi chơi với tay linh mục đấy.

- Nói láo.

- Thật đấy mà.

- Trời bắt tội đấy! - Xôphia thì thào.

- Thầy kệ... Có gì mà tiếc? Bắt tội, ừ thì bắt tội, thà cứ để cho sấm sét nó đánh chết đi còn hơn là sống mãi thế này. Em thì còn trẻ, khỏe, mà chồng em thì gù lưng, tởm lợm, cay nghiệt, còn tội hơn cả lão Điuđia đáng nguyên rủa kia nữa. Hồi còn con gái em ăn không đủ no, chân không giày không tất, thoát khỏi những ngày khổ cực đó, hạm cái giàu sang của Aliôska, em lại rơi vào cái cảnh trói buộc này, như cá mắc vào nơm, em thấy nằm với một con rắn độc còn dễ chịu hơn là nằm với gã Aliôska ghẻ lợ. Còn đời chị thì sao? Cũng chẳng hơn gì. Anh Phêđor của chị đã đuổi chị từ xưởng máy về nhà với bố, còn mình thì kiếm một cô nhân tình; con của chị thì anh ta tước mất, rồi gán đi ở đợ cho nhà một ông chủ. Chị thì làm quần quật như trâu như ngựa, mà vẫn cứ bị chửi mắng. Thà cứ ở vậy suốt đời còn hơn, thà cứ lấy dăm hào chỉ của bọn linh mục, chia tay đi ăn xin, lao đầu xuống giếng còn hơn...

- Phải tội đấy! - Xôphia lại thì thào nói.

- Thầy kệ nó.

Từ một nơi phía sau nhà thờ lại vọng tới một bài hát buồn buồn, vẫn ba người lúc này: hai người giọng nam cao và một giọng trầm. Cũng vẫn như lúc này, không thể nào nghe rõ được lời bài hát.

- Mấy tay thức khuya gớm... - Varvara bật cười nói.

Rồi cô ta bắt đầu thì thầm kể lại chuyện đêm đêm cô đi chơi với tay linh mục như thế nào, tay này nói những gì với cô, bạn bè của tay đó là những ai, cô đã đi lại với bọn viên chức và lái buôn ngủ trọ như thế nào. Điệu hát buồn buồn kia phảng phất gợi nhớ đến một cuộc đời phóng khoáng, và Xôphia khẽ mỉm cười, chị ta vừa cảm thấy có tội, vừa cảm thấy kinh hãi và êm dịu khi lắng nghe điệu hát ấy, chị thấy thêm buồn, ghen tỵ và tiếc rẻ rằng chị đã không mắc vào đường tội lỗi như vậy lúc còn trẻ trung và xinh đẹp...

Chuông nhà thờ điểm 12 giờ đêm.

- Thôi đến giờ đi ngủ rồi, - Xôphia vừa đứng lên vừa nói, - không khéo lão Điuđia lại bắt gặp đấy.

Hai người lặng lẽ đi vào trong sân.

- Em đi mất lúc ấy nên không nghe được đoạn sau anh ta kể về Masenka thế nào, - Varvara vừa nói vừa soạn giường ngủ đặt bên cửa sổ.

- Chết rồi, anh ta kể thế, chết trong nhà tù ấy. Cô ta đánh thuốc độc cho chồng.

Varvara nằm bên cạnh Xôphia, nghĩ ngợi một lúc rồi nói nho nhỏ:

- Em sẵn sàng giết chết thằng Aliôska mà chẳng thương tiếc gì.

- Cô chỉ nói đại.

Khi Xôphia đã thiêu thiêu ngủ, Varvara nằm sán lại bên và ghé miệng sát vào tai thầm thì nói:

- Chị với em cùng giết lão Điuđia và thằng Aliôska đi!

Xôphia rùng mình, không nói gì cả, một lát sau chị ta mở mắt ra rồi dăm dăm nhìn lên bầu trời.

- Người ta biết đấy, - Xôphia nói.

- Không biết được đâu. Lão Điudĩa thì già rồi, cũng có lúc chết thôi, còn thằng Aliôska thì mọi người sẽ nói là hần say rượu mà chết.

- Sợ lắm em à... Trời đánh chết mất thôi.

- Thấy kệ trời...

Hai người cùng không ngủ và im lặng suy nghĩ.

- Rét, rét là, - Xôphia nói, toàn thân run lên. - Chắc cũng gần đến sáng rồi... Cô đã ngủ chưa đấy?

- Chưa... Chị Xôphia yêu quý, chị đừng nghe em nhé, - Varvara thì thảo nói. - Em cấm cha con nhà nó quá đấy thôi, mấy thằng đốn mạt, chứ chính em cũng có hiểu rằng mình nói gì đâu. Ngủ đi chị ạ, không rồi sáng bây giờ đây... Ngủ đi...

Cả hai người cùng im lặng, nguôi nguôi trong lòng, và lát sau cùng ngủ thiếp đi.

Bà lão Aphanaxiépna dậy trước tất cả mọi người. Bà đánh thức Xôphia, rồi hai người cùng ra chuồng ngựa vắt sữa. Gã Aliôska gù lưng trở về, say mèm, không thấy cầm đàn nữa; ngực và đầu gối gã lấm đầy đất bụi và rơm rạ - chắc là gã đã nhiều lần bị ngã dọc đường. Chân nam đá chân chiêu, gã ngật ngưỡng bước vào dưới mái hiên gieo mình xuống chiếc xe trượt rồi cứ để nguyên cả quần áo, cất tiếng ngáy khò khò. Khi cây thánh giá trên nóc nhà thờ và tiếp theo là những cánh cửa sổ sáng rực lên như lửa dưới ánh nắng mặt trời vừa lên, khi bóng cây và bóng cần kéo nước bên giếng ngả dài trên thảm cỏ ẩm sương, Mátvây Xápvíts trở dậy và hồi hã nói.

- Kuxka, dậy thôi! - anh ta kêu to lên. - Thẳng yên cương vào thôi! Nhanh lên!

Bắt đầu cảnh tất bật của một buổi sáng. Một cô gái Do Thái mặc bộ váy áo màu nâu có nhiều nếp gấp dẫn ngựa vào trong sân uống nước. Tiếng cần lấy nước kêu kẻo kẹt rên rĩ, tiếng gàu lập bập chạm vào thành giếng... Cậu bé Kuxka vẻ mặt còn ngái ngủ, uể oải, mình còn dính đầy sương đêm, đang ngồi trên xe ngựa, chậm chạp mặc chiếc áo dài vào người, lắng nghe tiếng nước róc rách rơi từ trên gàu xuống giếng và rùng mình vì ớn lạnh.

- Đây cô, - Mátvây Xápvíts gọi Xôphia, - cô thúc hộ anh chàng đánh xe của tôi để nó đến thẳng ngựa vào xe nhanh nhanh lên một tí.

Còn lão Điudĩa lúc này thì quát qua cửa sổ:

- Xôphia, nhớ lấy của cô kia một xu tiền cho ngựa uống nước đấy! Hôm nào cũng quen cái thói ấy mãi. Bọn Do Thái!

Ngoài bãi đất đàn cừu chạy đi chạy lại kêu be be, giọng các bà quát tháo người chăn cừu, còn anh ta thì cứ thôi sáo, vút vút chiếc roi hoặc trả lời lại mấy bà bằng một giọng trầm ồm ồm, khàn khàn. Có ba con cừu chạy lạc vào trong sân, không tìm thấy lối ra, chúng húc đầu vào bờ giậu. Tiếng ồn ào chung quanh làm Varvara tỉnh dậy, cuộn tròn chăn gối lại, rồi xuống nhà.

- Thì cô nhanh chân ra đuổi mấy con cừu xem nào! - bà già quát to với Varvara. - Cứ dềnh dàng như tiểu thư ấy thôi.

- Còn thể nữa. Chờ đây rồi người ta làm cho lũ các người, - Varvara vừa lau bầu trong miệng vừa bước ra khỏi nhà.

Người ta tra dầu vào bánh xe, thắng ngựa vào xe. Lão Diudia từ trong nhà đi ra, tay cầm bàn tính, ngồi xuống hàng hiên và tính tiền với khách trọ về các khoản ngủ lại, cho ngựa ăn và uống nước.

- Cụ tính khoản kiêu mạch cho ngựa ăn đắt quá, - Mátvây Xápvíts nói.

- Nếu thấy đắt thì thôi đừng lấy nữa. Chúng tôi cũng chẳng ép đâu, anh lái buôn ạ.

Khi mấy người khách trọ đến bên ngựa để trèo lên ngồi rồi đi thì có một chuyện xảy ra làm họ phải nán lại. Chiếc mũ của Kuxka rơi đi đâu mất.

- Mày vớt nó đi đâu hử, đồ lợn con? - Mátvây Xápvíts nổi cáu quát to. - Mũ đâu rồi?

Kuxka mặt méo xệch đi vì hoảng sợ, luýnh quýnh chạy quanh xe ngựa, không tìm thấy ở đây. Cậu bé chạy về phía cổng, rồi lại chạy ra chỗ mái hiên. Bà lão và Xôphia cùng giúp cậu bé tìm chiếc mũ.

- Tao vật tai mày đi đấy, - Mátvây Xápvíts hét to. - Đồ ăn hại.

Lát sau chiếc mũ được tìm thấy dưới đáy thùng xe. Kuxka lấy ống tay áo phủi cỏ khô dính trên mũ rồi đội lên đầu, gương mặt vẫn còn chưa hết sợ hãi, rón rén chui vào trong xe như sợ có ai đang chực đâm vào sau lưng mình. Mátvây Xápvíts - đưa tay làm dấu, người xà ích giật dây cương, chiếc xe chuyển bánh, rồi chạy nhanh ra khỏi sân.

Ở nơi đày ải

ÔNG GIÀ XÊMIÔN, biệt hiệu là ông Lý Sự, và một thanh niên người Tácta không ai biết rõ tên, cùng ngồi với nhau cạnh đồng lửa bên bờ sông; còn ba người chèo thuyền khác thì ngồi trong lều. Ông già Xêmiôn tuổi trạc sáu mươi, người xương xương, rụng hết cả răng, nhưng có đôi vai to bè bè và vẻ người trông còn khỏe mạnh, đang ngà ngà say; lẽ ra ông ta đã vào lều đi ngủ từ lâu, nhưng vì trong túi còn chai rượu hơn một lít nên ông sợ cạnh trẻ nằm trong lều lại chাম mút ỉ rượu của ông. Anh thanh niên người Tácta đang bị ốm, anh ta dẫn vật đau đớn, mình quấn những tấm áo rách bươm, và luôn miệng kể rằng ở miền quê tỉnh Ximbiéc[80] của anh ta thật sung sướng, ở đây anh ta còn để lại một người vợ trẻ đẹp, khôn ngoan. Anh ta trạc tuổi hai mươi lăm, không hơn, nhưng bây giờ qua ánh lửa bập bùng, gương mặt anh ta nhợt nhạt, ốm yếu trông chỉ như một cậu bé con.

- Tất nhiên là ở đây chẳng phải là thiên đường, - ông Lý Sự nói. - Mắt cậu cũng thấy đây: sông nước, bên bờ tro trụi, chung quanh toàn đất sét là đất sét, không còn gì khác nữa... Lễ Thánh qua lâu rồi, mà băng vẫn trôi trên sông, sáng nay lại còn có tuyết rơi nữa.

- Thật khổ! Thật khổ! - anh chàng Tácta kêu lên và đưa mắt nhìn quanh với vẻ sợ hãi.

Cách đây chừng mười bước là dòng sông lạnh ngắt, đen sẫm, dòng sông đang rì rầm trôi đi, nước thúc vào bờ đất nham nhở và cuốn nhanh về phía biển xa xôi. Ngay sát bên bờ, trong bóng đêm hiện rõ hình chiếc sà lan mà những người lái đò gọi là cái “thuyền”. Trên bờ xa tít bên kia và những đám lửa khi tỏ khi mờ ngoằn ngoèo trườn đi như rắn bò: đó là người ta đang đốt cỏ khô tích trữ từ năm ngoái. Đằng sau những con rắn lửa ấy lại vẫn là màn đêm sẫm tối. Nghe rõ tiếng những tảng băng vụn va vào thành sà lan. Khí trời nặng nề, ẩm ướt, lạnh buốt...

Anh chàng Tácta ngược mắt lên trời. Sao trên trời cũng nhiều như ở miền quê anh ta, chung quanh cũng một màn đêm đen như thế nhưng vẫn thấy có gì thiếu thiếu. Ở tỉnh Ximbiéc, những ngôi sao hoàn toàn không giống như thế và bầu trời cũng không như thế.

- Thật khổ! Thật khổ! - anh ta nhắc lại.

- Rồi sẽ quen tất! - ông Lý Sự nói rồi cười thành tiếng. - Bây giờ cậu còn trẻ người non dạ, miệng còn hơi sữa, cậu ngờ nghệch tưởng rằng trên đời này không có người nào bất hạnh hơn cậu, nhưng rồi sẽ đến lúc chính cậu sẽ phải nói rằng: cậu cho người nào cũng được sống như cậu. Cứ nhìn lão già này mà coi. Chừng một tuần nữa, nước rút bớt đi, ta đặt vào bên này một con phà thì lúc ấy cậu sẽ tha hồ mà đi chơi khắp vùng Xibiri, còn lão đây thì quanh đi quẩn lại cứ đi từ bờ này sang bờ kia thôi. Đã hai mươi hai năm nay lão đi như vậy rồi. Mỗi ngày mỗi đêm. Con cá măng dưới nước còn lão thì trên mặt nước. Và thật là may phúc, lão chẳng cần gì sắt. Cầu trời cho ai ai cũng được sống như lão đây.

Anh thanh niên người Tácta đặt thêm cành cây khô vào đồng lửa, nằm sát đồng lửa hơn và nói:

- Bố cháu yếu lắm rồi. Khi nào bố cháu chết thì mẹ và vợ cháu sẽ đến đây ở. Đã hứa thế rồi.

- Nhưng mà cậu cần có mẹ và vợ để làm gì kia chứ? - Ông Lý Sự hỏi. - Cậu nói nhảm, cậu bị ma quỷ nó ám rồi, đem mà quăng nó đi. Cậu đừng nghe lời nói hiềm độc của nó. Đừng để nó làm gì thì làm. Ma quỷ nó có xúi bầy cậu nghĩ đến vợ thì cậu cứ làm ngược lại: tôi không muốn. Ma quỷ nó có xúi bầy cậu mong thoát cảnh tù tội, thì cậu cứ cưỡng lại nó: tôi không muốn. Không cần gì hết. Không có cái gì gọi là bố, là mẹ, là vợ, là tự do, không cần gì cả! Không cần gì hết! Nay anh bạn trẻ, lão không

phải là nông dân bán hàn đầu nhé, lão không thô bạo đâu, mà là con của người tù, hồi tự do ở Kurxkô đi ra ngoài lúc nào cũng đóng bộ đường hoàng, thế mà bây giờ tự mình đẩy mình đến chỗ cùng cực như thế này, có thể nằm lăn ra đất ngủ, có thể bứt cổ vào miệng nhai cơ đấy. Thế mà lão cũng chỉ cầu cho ai cũng được sống như lão. Lão chẳng cần gì hết, lão chẳng sợ ai hết, lão tự mình hiểu rằng, trên đời này không có người nào giàu có hơn, tự do hơn lão. Khi người ta mới đưa lão từ Nga đến đây, ngay từ ngày đầu tiên, lão đã tâm tâm niệm niệm rằng: mình chẳng cần một cái gì hết. Ma quỷ nó cứ xui lão nghĩ đến vợ con, gia đình, nghĩ đến cuộc sống tự do, nhưng lão nói với ma quỷ rằng: lão không cần gì sắt. Lão cứ một mình làm theo ý muốn của mình, thế rồi cậu thấy đấy, lão sống rất thoải mái, chẳng phải than vãn điều gì. Nếu ai mà nhân nhượng ma quỷ, dù chỉ một lần nghe lời nó xui khiến, thì kẻ đó thế nào cũng lụn bại, không gì cứu vớt được: cứ như là bị lún xuống đầm lầy ngập đến tận đỉnh đầu rồi không thể nào chui lên được nữa. Không phải chỉ cánh nông phu khờ khạo như cậu mới lụn bại đâu, mà cả những người có học, dòng dõi quyền quý cũng bỏ phí một đời. Cách đây chừng 15 năm người ta đưa từ Nga đến đây một nhà quý tộc. Chẳng biết ông ta không chịu chia những gì cho anh em, rồi làm di chúc giả. Mọi người nói rằng ông ta cũng là con nhà hầu tước, bá tước hay có thể cũng chỉ là viên chức nhà nước thôi - ai mà biết được. Ông ta đến đây rồi thì việc đầu tiên là mua một ngôi nhà và một ít ruộng ở làng Mukhortinxkô. Ông ta nói: “Tôi muốn sống bằng sức lao động của mình, bằng mồ hôi của mình, vì bây giờ tôi không còn là nhà quý tộc nữa, tôi chỉ là một người bị đẩy đến đây mà sinh sống”. U thì đành phải thế, lão nói với ông ta rằng, cậu trời phù hộ cho ông, ông làm chuyện ấy cũng tốt thôi. Đạo ấy ông ta còn trẻ trung, tất bật suốt ngày, tham công tiếc việc; ông ta tự tay mình cắt cỏ, có khi lại còn đánh cá, cưỡi ngựa đi xa ngoài sáu mươi cây số. Chỉ có một điều bất hạnh là: ngay trong năm đầu tiên, ông ta đã thường xuyên đi đến trạm bưu chính ở Gurinô. Nhiều lần, ông ta đứng trên phà của tôi, thở dài nói: “Chắc, ông Xêmiôn này, không hiểu sao lâu quá rồi mà vẫn chưa thấy gia đình gửi tiền cho tôi!” Lão nói với ông ta: ông Vaxili Xerghêits ạ, cần tiền mà làm gì. Có tiền phỏng có ích gì? Ông quăng hết chuyện cũ đi, quên hết đi, cứ coi như chẳng có gì cả, coi như đó chỉ là giấc mơ thôi, rồi bắt đầu sống cách khác đi. Đừng nghe lời ma quỷ nó xui - ma quỷ nó không xui làm được việc gì tốt lành đâu, nó chỉ dúi đầu mình vào thùng lọng treo cổ thôi. Bây giờ thì ông muốn có tiền, ít lúc nữa, ông cứ thử chờ xem, ông lại muốn có cái khác, rồi sau đây lại muốn nữa, muốn nữa. Nếu ông muốn tìm hạnh phúc cho mình thì điều trước tiên là đừng cầu mong cái gì hết. Đúng thế đấy... Nếu mà số phận giày vò cả tôi và ông cay đắng đến thế, thì chẳng cần phải xin xỏ gì số phận rủ lòng thương, chẳng việc gì phải quỳ gối trước nó, mà cần phải coi thường nó, giễu cợt nó. Nếu không thế thì chính nó sẽ cười cợt lại mình cho xem. Đây, lão đã nói với ông ta như vậy... Hai năm sau, lão chờ ông ta sang bờ bên này, ông ta xoa xoa tay cười ra vẻ khoái chí lắm. Ông ta nói: “Tôi đến Gurinô đón vợ đây. Cô ta thương tôi mà đến với tôi đây. Cô ta thật xinh đẹp và phúc hậu”. Ông ta sung sướng đến nghẹn thở. Thế rồi qua một ngày sau thì trở lại đây cùng với vợ. Vợ ông ta còn trẻ lắm, rất đẹp, đầu đội mũ, tay bế một đứa bé gái. Hành lý mang theo đủ mọi thứ. Còn ông Vaxili Xerghêits thì cứ lảng xảng chạy quanh cô vợ, ngắm nghía cô ta, xuýt xoa tấm tắc khen mãi. Ông ta cứ luôn miệng nói: “Này, anh bạn Xêmiôn, thế ra ở cái xứ Xibiri này, người ta vẫn sống đường hoàng đấy chứ!” Lão thì nghĩ rằng, rồi xem có mừng thế được mãi không. Từ dạo ấy cứ tính từng tuần một, ông ta lại đi Gurinô xem đã có tiền gửi từ Nga tới chưa. Tiền thì cần phải tiêu nhiều. Ông ta nói: “Vì tôi mà cô ta phải chôn vùi sắc đẹp và tuổi trẻ của mình ở cái xứ Xibiri này, chia sẻ cùng tôi số phận cay đắng, vì thế mà tôi cần phải làm cho cô ta thỏa mãn mọi điều...” Để làm vui lòng vợ, ông ta bắt quen với các viên chức nhà nước, với đủ loại người mặt hạng. Và tất nhiên là phải bỏ tiền ra cho cả cái bọn người ấy đánh chén, rồi lại còn phải chơi dương cầm và nuôi chó bông trên đivăng nữa, - tất cả chỉ cốt cho cô vợ khỏi mòn mỏi vì buồn bã... Nói tóm lại là đủ thứ chiều chuộng xa xỉ. Nhưng rồi cô vợ cũng chẳng ở đây lâu với ông ta. Đây đâu phải là chỗ để cô ta ở? Chung quanh là đồng không mông quạnh, là sông nước, không có một thứ rau cỏ, hoa quả gì cả, người thì rất những loại nạt rượu, vô học, chẳng có ai mà giao du, mà cô ta thì quen được chiều chuộng, lại là dân thủ đô... Thế tất phải là buồn chán thôi. Hơn nữa chồng cô ta chẳng phải là quý tộc nữa mà là dân đi đày - đối với cô ta điều ấy chẳng vinh dự gì. Lão còn nhớ, ba năm sau đó, vào một đêm trước ngày lễ Mông triệu Thăng thiên có người gọi bên kia sông. Lão đưa phà sang sông thì thấy cô ta đang đứng trên bờ, mình mặc áo dây âm, cùng với một anh viên chức trẻ. Một cỗ xe ba ngựa nữa... Lão chờ cả sang sông, hai anh chị ngồi lên - rồi quất ngựa đi. Gần sáng thì Vaxili Xerghêits đi cỗ xe song mã đến. - “Này, Xêmiôn, ông có thấy vợ tôi đi qua đây cùng với một chàng đeo kính không?” Lão nói: “Có thấy, đi theo mà bắt gió trong đồng”. Ông ta đuổi theo tìm năm ngày đêm liền. Lần tới chờ ông ta về, ông ta nằm vật xuống sàn phà, đập đầu liên hồi xuống sàn, rên rĩ.

Lão nói với ông ta: “Đây, bây giờ ông thấy chưa”. Lão cười và nhắc lại câu của ông ta: “Thế ra ở cái xứ Xibiri này, người ta vẫn sống đường hoàng đây chứ!” Ông ta thì chỉ càng đập đầu xuống sàn nhiều hơn... Sau đó ông ta chỉ mong sao thoát cảnh tù đầy. Vợ trở về Nga, có nghĩa là ông ta cũng muốn trở về đây để mà gặp vợ và lấy lại khỏi tay kẻ tình nhân. Thế đây anh bạn trẻ ạ, cứ hầu như là ngày nào ông ta cũng cưỡi ngựa đi ra trạm bưu chính hay là vào thành phố gặp cấp trên. Ông ta gửi đơn từ xin ân xá đi khắp nơi mong được trở về nơi quê quán, ông ta nói rằng chỉ riêng tiền đánh điện không thôi ông ta đã tiêu mất hai trăm rúp. Ruộng vườn phải bán đi, nhà cửa phải cầm cố cho bọn Do Thái. Bản thân ông ta thì tóc bắt đầu bạc, lưng còng xuống, vẻ mặt vàng ệch trông như người bị bệnh lao. Nói chuyện với lão thì miệng cứ cười: khê-kê-kê... mà nước mắt thì cứ ứa ra. Mắt công xin ân xá như thế ròng rã tám năm trời, bây giờ thì như người sống lại, trông vui vẻ lắm. Ông ta tìm được nguồn an ủi mới. Con gái ông ta lớn lên rồi mà. Con bé ngấm mồi cũng không chán. Quả thật là nó trông cũng khá: vẻ mặt xinh xẻo, lông mày đen, tính nết khôn ngoan, nhanh nhẹn lắm. Chủ nhật nào ông ta cũng đưa con bé đi lễ nhà thờ ở Gurinô. Hai cha con đứng cạnh nhau trên phà, cô bé cười, còn ông ta thì không rời mắt ngắm con. Ông ta nói: “Đây, Xêmiôn, anh thấy chưa, ở cái xứ Xibiri này người ta vẫn sống đường hoàng đây chứ! Ở xứ Xibiri này cũng có thể có hạnh phúc. Anh thử nhìn xem, con gái tôi trông có tuyệt không. Anh cứ đi nghìn cây số cũng không kiếm được con bé nào xinh thế”. Lão nói: “Đúng rồi, con gái ông xinh thật...” Nhưng trong bụng thì lão nghĩ thầm: “Cứ chờ xem... Con bé lớn lên trẻ trung, bầu máu nóng nó bốc, nó muốn sống cho ra hồn, nhưng mà ở đây thì sống cái gì?” Anh bạn ta ạ, thế rồi con bé nó sinh sâu não thật đấy... Nó gầy mòn, đau ốm luôn, rồi cuối cùng bị liệt cả hai chân. Lại bị lao nữa. Đây, cậu xem, hạnh phúc Xibiri là như thế, đem mà quảng mẹ nó đi, “ở cái xứ Xibiri này người ta vẫn sống đường hoàng” là như thế... Ông ta lại bắt đầu đi tìm đến các bác sĩ, đón họ về nhà mình. Chỉ cứ vừa mới nghe, cách chừng hai, ba trăm vécxta có bác sĩ hay thầy lang nào là lại đi tìm ngay. Chẳng biết tốn đến bao nhiêu tiền cho các bác sĩ nữa, theo như lão đây thì cứ lấy số tiền ấy mà mua rượu uống là tốt hơn hết... Đẳng nào mà con bé chẳng chết. Trước sau rồi con bé cũng chết và lúc ấy thì ông ta cũng khụy theo thôi. Nếu chẳng tự treo cổ vì buồn khổ thì cũng bỏ trốn về Nga - chuyện thế tất nó sẽ như vậy. Nhưng mà bỏ trốn thì người ta sẽ tóm được, rồi lại ra tòa, lại khổ sai, tha hồ mà ném roi vọt...

- Sương thật, sương thật, - anh chàng Tácta lau bầu trong miệng, toàn thân co ro vì lạnh.

- Gì mà sương? - ông Lý Sự hỏi.

- Vợ này, con gái này... Khổ sai thì kẻ khổ sai, buồn khổ thì kẻ buồn khổ, đẳng nào thì ông ấy cũng được gặp vợ, gặp con rồi... Cụ nói là không cần gì hết. Nhưng mà không có gì thì thật khổ! Có vợ ở bên cạnh ba năm - là phúc trời ban cho ông còn gì. Không có gì - thật khổ, còn ba năm với vợ - thật sương. Sao cụ không hiểu?

Anh ta run rẩy, lắp bắp nói, cố công tìm kiếm những từ Nga mà anh ta biết không nhiều; anh ta nói rằng cầu trời đừng bắt người ta ốm đau nơi đất khách quê người, đừng bắt người ta phải chết chôn nơi xa lạ, rằng nếu vợ anh đến đây một ngày hay thậm chí một giờ thôi, thì để đánh đổi lấy hạnh phúc ấy anh ta sẵn sàng chịu đựng mọi điều khổ ải mà vẫn tỏ lòng biết ơn thượng đế. Thà là được sống một ngày hạnh phúc còn hơn chẳng được gì cả.

Sau đó anh ta lại kể rằng anh ta còn để lại ở nhà người vợ vừa trẻ đẹp vừa khôn ngoan, rồi hai tay ôm lấy đầu, anh ta khóc òa lên và phân trần với ông già Xêmiôn rằng quả thật anh ta chẳng có tội tình gì hết, anh ta phải chịu oan mà thôi. Hai người anh cùng với bác anh ta lấy trộm ngựa của một ông cụ nông dân, đánh ông này gần chết, thế mà tòa án lại không xử cho phân minh, kết án cả ba anh em đầy đi Xibiri, còn ông bác thì là người giàu có nên vẫn ở nhà như thường.

- Rồi sẽ quen thôi! - ông già Xêmiôn dài giọng nói.

Anh chàng Tácta im lặng, đưa cặp mắt ướt đẫm nhìn chằm chằm vào đồng lửa; gương mặt anh lộ rõ vẻ kinh ngạc, sợ hãi, dường như cho đến giờ anh ta vẫn chưa hiểu vì sao anh ta lại rơi vào chôn tọt tăm, âm urot này, bên cạnh những người xa lạ mà không phải là ở tỉnh Ximbiéc quê hương anh. Ông Lý Sự

nằm bên cạnh đồng lửa, không biết mỉm cười điều gì cất giọng lẽ nhè, khe khẽ hát.

- Này, cô ta thích thú gì mà ở lại nhà với ông bố già nhỉ? - một lát sau, ông Lý Sự nói. - Ông bố yêu mến cô ta, đó là niềm an ủi của ông, điều đó đúng rồi; nhưng mà anh bạn trẻ này, ông ta tỉnh ranh lắm phải coi chừng đấy: ông già khó tính, ông già nghiêm nghị. Nhưng mà các cô gái trẻ có cần đến sự nghiêm nghị đâu... Các cô ấy cần được âu yếm, hà-hà-hà, hề-hề-hề, cần được nước hoa và phấn son. Đúng thế đấy, chắc, thế đấy, thế đấy! - ông già Xêmiôn thở dài và khó nhọc đứng dậy. - Rượu uống cạn rồi, nghĩa là đến giờ đi ngủ thôi. Phải không, anh bạn, đi ngủ thôi chứ?...

Còn lại một mình, anh chàng Tácta chất thêm cành khô, lặng lẽ nhìn vào đồng lửa, miên man nghĩ đến người vợ và quê hương; thật là sung sướng biết bao giá như vợ anh đến đây được một tháng, một ngày, rồi sau đó nếu cô ta không muốn ở nữa thì cứ để cô ta trở về quê cũng được. Thà được một tháng, một ngày như vậy, còn hơn là không có gì cả. Nhưng mà nếu vợ anh làm đúng như lời hứa và đến đây, thì lấy gì mà cho cô ta ăn? Cô ta sẽ ở vào đâu?

- Nếu không có gì ăn, thì sống làm sao được? - anh chàng Tácta tự hỏi thành tiếng.

Suốt ngày đêm chèo thuyền, người ta trả cho anh mười kôpếch; nói cho đúng ra thì khách qua sông cũng cố thưởng thêm tiền quà cho người chèo, nhưng mấy người kia chia nhau tất cả số tiền thưởng ấy, mà chẳng để cho anh chàng Tácta một xu nào và chỉ cười giễu anh ta thôi. Không tiền thì vừa đói, vừa rét, vừa ghê sợ... Bây giờ khi toàn thân run rẩy, tê buốt thì lẽ ra có thể đi vào trong lều mà nằm ngủ, nhưng trong ấy còn lạnh hơn vì chẳng có gì mà đắp, ở ngoài trời cũng không có gì đắp, nhưng dù sao thì cũng có thể đốt đồng lửa lên...

Một tuần sau khi nước rút và người ta sẽ đặt con phà ở đây thì tất cả những người chèo thuyền, trừ ông già Xêmiôn, đều sẽ trở nên vô dụng, và anh chàng Tácta sẽ phải đi lang thang từ làng này sang làng khác mà ăn mày, xin xỏ việc làm. Vợ anh mới mười bảy tuổi; cô ta xinh đẹp, rụt rè, quen được chiều chuộng, lẽ nào cô ta sẽ lại cùng với anh đi ăn xin hết làng này đến làng khác? Không thể được, chỉ cần thoáng nghĩ đến điều đó thôi cũng đã thấy kinh khủng lắm rồi...

Trời đã rạng sáng, đã có thể trông rõ hình thù chiếc phà, nhìn thấy những bụi cây liễu ven bờ nước và những gợn sóng lăn tăn, quay lại đằng sau - là cả một bờ đất sét cao, phía dưới là một túp lều con lộp rơm, phía trên bờ hàng dãy nhà làng. Trong làng đã nghe thấy tiếng gà gáy sáng.

Bờ đất sét màu hung, chiếc phà, dòng sông, những người xa lạ xấu bụng, đói rét, bệnh tật - có lẽ tất cả những cái đó quả thực là không có. Chắc là những cái đó chỉ nằm mơ thấy thôi, anh chàng Tácta nghĩ vậy. Anh cảm thấy rằng anh đang ngủ và nghe được tiếng rên rỉ của mình... Tất nhiên là anh đang ở nhà anh, ở tỉnh Ximbiéc, anh chỉ cần gọi tên vợ lên là sẽ nghe thấy tiếng trả lời; và ở buồng bên cạnh là mẹ... Nhưng mà sao giấc mơ này lại hãi hùng đến thế! Nó hiện ra làm gì kia chứ? Anh chàng Tácta mỉm cười và mở mắt ra. Dòng sông nào vậy? Vônga ư?

Tuyệt rồi.

- Nhà thuyền! Cho sang sông vợ... ới! - có tiếng ai gọi từ bờ bên kia.

Anh chàng Tácta choàng tỉnh dậy và vội vàng đánh thức mấy người chèo để đưa thuyền sang sông. Những người chèo thuyền co ro bước xuống sông, vừa đi vừa mặc những chiếc áo lông rách bươm, cất giọng khàn khàn ngái ngủ chửi lầu bàu mấy câu. Qua một giấc ngủ, dòng sông tỏa hơi lạnh buốt kia đối với họ trở nên thật đáng nguyên rửa, kinh tởm. Họ đứng đình bước xuống thuyền... Anh chàng Tácta và ba người kia cầm lấy những mái chèo dài to bản, trông giống như những cái cang tôm, còn ông già Xêmiôn thì tì sát bụng vào bánh lái. Phía bờ bên kia vẫn có tiếng gọi thuyền tiếp tục và nghe thấy hai tiếng súng lục bắn chỉ thiên, chắc họ tưởng rằng mấy người chèo thuyền đang ngủ hay là đã đi vào làng kiếm rượu uống.

- Yên trí, sẽ kịp thôi! - ông Lý Sự nói bằng cái giọng của người bao giờ cũng tin rằng trên đời này chẳng có việc gì phải vội. - Đẳng nào thì cũng chẳng nhanh hơn được.

Chiếc phà kênh cang, nặng nề dần dần rời khỏi bến và bơi đi giữa đám bụi cây liễu mọc ngay dưới nước, cứ trông vào những bụi cây liễu kia đang từ từ lùi lại đằng sau mới biết rằng quả là chiếc phà kia không đứng yên một chỗ mà đang chuyển dịch. Mấy người nhíp nhàng khóa mái chèo xuống nước; ông Lý Sự tì bụng lên chỗ lái chèo người từ mạn phà này sang mạn bên kia theo hình cánh cung. Trong ánh sáng mờ mờ trông bọn họ giống như những người đang ngồi trên một con vật không lồ thời tiền sử với những cái chân dài và bơi đi đến một xứ sở buồn tẻ lạnh giá, đến cái nơi mà đôi khi người ta vẫn nhìn thấy trong những cơn ác mộng.

Phà bơi qua bãi liễu, ra đến giữa sông. Trên bờ bên kia, người ta đã nghe thấy tiếng mái chèo khỏa nước đều đều; họ kêu to: “Nhanh tay lên, nhanh tay lên!” Chừng mười phút nữa trôi qua và chiếc phà nặng nề cập bến.

- Cứ rơi mãi thôi, mãi thôi! - ông già Xêmiôn lau bầu nói, gơ tay vuốt vội những hạt tuyết bám trên mặt. - Không biết từ đâu rơi xuống cái của nợ này, trời mà biết được!

Trên bờ bên kia, người đợi thuyền là một ông già tầm thước, mình vận chiếc áo bành tô ngắn bằng lông cáo, đầu đội mũ lông cừu trắng. Ông ta đứng yên một chỗ cách xa cỗ xe ngựa; vẻ mặt đăm chiêu, tư lự, như đang cố nhớ lại một điều gì và cúi kính vì trí nhớ chẳng chịu tuân theo ý muốn của mình. Khi ông già Xêmiôn bước lại gần mỉm cười ngả mũ chào, thì ông ta nói:

- Tôi phải vội đi Anaxtaxiépa. Bệnh tình con gái tôi lại nặng thêm, mà ở Anaxtaxiépa nghe nói có một bác sĩ mới được bổ đến đây!

Mấy người chèo thuyền đưa cỗ xe ngựa xuống phà rồi chèo trở lại bờ bên kia. Người mà ông già Xêmiôn gọi là Vaxili Xerghêits suốt trong thời gian qua sông, cứ đứng yên một chỗ, cặp môi dày mím chặt, mắt nhìn chăm chăm vào một điểm; khi người xà ích xin ông ta cho phép được hút thuốc bên cạnh ông, thì ông ta chẳng trả lời gì cả hết như là người không nghe thấy. Còn ông già Xêmiôn thì vừa tỳ bụng lên bánh lái vừa giều cọt nhìn ông ta và nói:

- Thế mà ở xứ Xibiri này người ta vẫn sống đường hoàng. Sống đường hoàng đấy!

Gương mặt ông Lý Sự lộ rõ vẻ đắc thắng, dường như ông đã chứng minh được một điều gì và đang thích thú vì thấy rằng mọi chuyện đã xảy ra hết như ông dự đoán. Vẻ mặt đau khổ tuyệt vọng của người vận áo bành tô ngắn bằng lông cáo kia chắc là đã đem lại cho ông một khoái cảm đặc biệt.

- Đi bây giờ đường lầy lội lắm, ông Vaxili Xerghêits ạ, - ông già Xêmiôn nói, khi người xà ích đang thắng ngựa vào xe. - Lẽ ra nên chờ chừng hai tuần nữa thì đường khô ráo hơn. Tốt hơn hết là ông đừng đi đâu cả... Đi như thế nào có ích lợi gì. Chắc tự ông cũng thừa biết rằng, con người ta cứ đi đây đi đó đã bao nhiêu thế kỷ rồi, đi cả ngày cả đêm, mà nào phỏng có được cái tích sự gì! Quả thế thật đấy!

Vaxili Xerghêits im lặng thưởng cho ông già Xêmiôn tiền uống rượu, rồi ngồi lên xe và tiếp tục cuộc hành trình.

- Đấy, lại đi tìm bác sĩ! - ông già Xêmiôn nói, rùng mình vì lạnh. - Ừ, đi mà tìm bác sĩ cho ra hồn, đi mà bắt gió trong đồng, đi mà túm lấy được quỷ! Thật là kỳ cục, cầu Chúa tha lỗi cho kẻ có tội này!

Anh chàng Tácta bước lại gần ông Lý Sự, nhìn ông già với vẻ căm ghét, ghê tởm, toàn thân run lên, nói một tràng liên, lấp bắp pha lẫn tiếng Tácta của mình:

- Ông ấy tốt, tốt lắm, còn ông thì xấu lắm! Ông xấu lắm! Ông quý tộc kia tốt bụng lắm, còn ông thì thú dữ, xấu lắm! Ông ấy đáng sông, ông thì chết quách đi cho rồi... Thượng đế làm ra con người là để

sống, để được sướng, được khỏe, được buồn nhớ, thế mà ông lại chẳng muốn cái gì cả, tức là ông không còn sống nữa mà chỉ là đất, đá! Có đất đá thì mới không cần gì, ông cũng không cần gì... Ông là đất đá. Thượng đế không thương ông đâu, thương ông quý tộc kia thôi.

Mọi người cười ồ; anh chàng Tácta ghê tởm nhăn nhó mặt mày, phẩy tay rồi co mình trong lớp áo dày rách bươm và đi lại gần đồng lửa. Một người chèo thuyền cùng với ông già Xêmiôn đứng đỉnh bước vào lều.

- Rét quá! - một người cất giọng khàn khàn kêu lên lúc đặt mình xuống ổ rơm trải ngay trên nền đất sét.

- Phải rồi, chẳng lấy gì làm ấm lắm! - một người khác tán đồng. - Cảnh đi đày mà lại!...

Mọi người đều nằm xuống. Cánh cửa lều bỗng bị gió đánh bật ra, tuyết lùa vào trong lều. Chả ai buồn đứng dậy đóng cửa: vừa rét, vừa lười.

- Thế mà lão đây lại thấy sung sướng! - ông già Xêmiôn lè nhè nói, mắt đã bắt đầu lim dim. - Cầu trời cho ai cũng được sống như lão đây.

- Ông thì thuộc loại tù rũ xương. Quỷ nó cũng chả thèm bắt ông.

Từ phía ngoài lều nghe có tiếng ư ử như tiếng chó tru.

- Cái gì đấy? Ai ngoài ấy thế?

- Thằng Tácta nó khóc đấy.

- Xì!... Thật dở người!

- Rồi sẽ quen cả thôi! - ông già Xêmiôn nói và ngủ thiếp luôn ngay sau đó.

Lát sau mấy người kia cũng thiếp đi. Cánh cửa lều cuối cùng thế là vẫn mở toang.

Iônúrts

I.

KHI KHÁCH ĐẾN TỈNH LY X. than rằng cuộc sống ở đây buồn tẻ, đơn điệu thì, như để thanh minh, dân địa phương đã nói rằng ngược lại ở X. rất vui, có thư viện, có nhà hát, câu lạc bộ, có dạ hội khiêu vũ, và nhất là có những gia đình dễ chịu, thú vị, thông minh để có thể làm quen. Và người ta thường nhắc đến gia đình Turkin như một gia đình có học thức và tài năng nhất.

Gia đình này sống trong ngôi nhà riêng trên đường phố chính, gần nhà quan tổng đốc. Chủ nhân Turkin, Ivan Pêtorovíts, một người to béo, có mái tóc đen khá đẹp, để râu quai nón, vẫn thường tự mình tổ chức những buổi diễn kịch nghiệp dư nhằm mục đích từ thiện. Ông thường sắm vai các vị tướng già và thường có kiểu ho rất buồn cười. Ông biết nhiều chuyện tiểu lâm, nhiều tục ngữ, câu đố, rất thích nói đùa, chơi chữ; nhìn vẻ mặt ông không thể hiểu được rằng ông đang nói đùa hay nói thật. Vợ ông là bà Vêra Iôxipópna, một người mảnh khảnh, gương mặt ưa nhìn, đeo pince-nez[81], có viết truyện, tiểu thuyết và thường thích thú đem ra đọc cho khách nghe. Con gái ông là Êkatêrina Ivanópna, một cô gái trẻ biết chơi đàn dương cầm. Nói tóm lại, mỗi thành viên trong gia đình đều có một tài năng nào đó. Gia đình Turkin thường tiếp đón khách rất hồ hởi và vui vẻ giới thiệu tài năng của mình với khách một cách giản dị thật lòng. Ngôi nhà xây bằng đá của họ rất rộng rãi, về mùa hè mát lạnh, nửa số cửa sổ hướng ra khu vườn rợp bóng cây cao, nơi về mùa xuân hoa mi tới hót. Khi có khách ngồi trên nhà thì dưới bếp có tiếng dao thót lách cách, mùi hành phi tỏa ra ngoài sân thơm phức - và lần nào cũng vậy cái đó hứa hẹn một bữa ăn tối ngon lành, thịnh soạn.

Và mọi người cũng đã nói với bác sĩ Xtarxép, Đomitori Iônúrts, khi anh vừa được bổ về làm việc ở Đialigơ cách X. chín vécxta, rằng đối với một người trí thức như anh thì việc làm quen với gia đình Turkin là cần thiết. Có lần vào mùa đông, người ta đã giới thiệu anh với Ivan Pêtorovíts ở ngoài phố; họ nói chuyện với nhau về thời tiết, về nhà hát, về dịch tả, sau đó thì Ivan Pêtorovíts mời bác sĩ đến nhà mình chơi. Đến mùa xuân, vào một ngày lễ, sau khi tiếp bệnh nhân, Xtarxép lên đường vào thành phố để giải trí chút ít, vừa nhân thể mua sắm vài thứ lặt vặt. Anh đi bộ lưng thưng (anh không có ngựa riêng) vừa đi vừa khe khẽ hát:

Thuở anh chưa từng uống lệ tự chén đời[82]...

Anh ăn trưa ở ngoài phố, dạo chơi trong công viên, rồi sau đó bỗng dưng anh nhớ tới lời mời của Ivan Pêtorovíts, anh quyết định ghé thăm gia đình Turkin xem họ là những người như thế nào.

- Xin chào bác sĩ, - Ivan Pêtorovíts nói khi đón anh ngoài thềm. - Rất, rất vinh hạnh được đón vị khách quý thế này. Nào, xin anh vào cho tôi giới thiệu với bà xã nhà tôi. Vêra ạ, tôi đã nói với anh ấy, - ông giới thiệu bác sĩ với vợ, - tôi đã nói với anh ấy rằng anh không được quyền ngồi ru rú nơi bệnh viện của mình, anh cần phải hiến những giờ phút nghỉ ngơi của mình cho xã hội. Có phải thế không hở mình?

- Mời anh ngồi xuống đây, - bà Vêra Iôxipópna vừa nói vừa thân mật kéo khách ngồi xuống bên cạnh mình. - Anh có thể tán tỉnh tôi nữa đây. Nhà tôi hay ghen lắm, như Ôtenlô[83] ấy, nhưng chúng ta sẽ xử sự sao cho ông ta không nhận thấy điều gì cả.

- Minh chỉ nói đùa thôi nào... - Ivan Pêtorovíts nhẹ nhàng lắm bảm rồi hôn lên trán vợ. - Anh đến đúng

lúc lắm, - ông lại nói với khách, - bà xã nhà tôi vừa viết xong một cuốn tiểu thuyết khá dài, hôm nay bà sẽ đọc cho mọi người nghe.

- Gianchích, - Vêra Iôxipópna nói với chồng, - dites que l'on nous donne du thé[84].

Chủ nhân giới thiệu tiếp Xtarxép với Êkatêrina Ivanópna, một cô gái mười tám tuổi, rất giống mẹ, cũng mảnh khảnh và có gương mặt ưa nhìn như thế. Gương mặt này còn nhiều nét trẻ thơ, thân hình mảnh mai, mềm mại; ngực nàng trinh trắng, đầy đặn, khỏe mạnh, xinh xắn gợi nhớ đến mùa xuân, một mùa xuân thực sự. Sau đó mọi người ngồi uống nước chè với mật ong, mứt, kẹo và thứ bánh bích quy thượng hảo hạng vừa ngấm vào miệng đã tan mịn ra. Gần về tối, khách đến đông dần, người nào Ivan Pêtorovíts cũng hồ hởi nói, đôi mắt sáng lên: “Xin chào quý khách”.

Sau đó mọi người ngồi trong phòng khách với vẻ mặt thật là nghiêm trang, và Vêra Iôxipópna bắt đầu đọc tiểu thuyết của mình. Bà mở đầu bằng câu: “Trời lạnh buốt...” Cửa sổ phòng khách mở toang, có thể nghe thấy tiếng dao thớt lách cách trong bếp, mùi hành phi thơm phức bay lên... Ngồi trong những chiếc ghế bành êm, sâu thật là bình thản, trong phòng khách khi trời vừa tối ánh đèn tỏa ra thật là dịu nhẹ; và lúc này, vào một tối mùa hè, khi tiếng cười nói lao xao từ ngoài phố vọng vào, hoa đình hương ngoài sân đưa mùi thơm ngào ngạt, thật là khó hiểu khi phải nghe đọc “trời lạnh buốt và mặt trời đang lan tỏa những tia nắng yếu ớt lên cánh đồng phủ đầy tuyết trắng và người bộ hành đơn độc lang thang trên đường”. Vêra Iôxipópna đọc tiểu thuyết kể về một nữ bá tước trẻ tuổi cho xây dựng ở làng mình nhiều trường học, bệnh viện, thư viện, đem lòng say mê một chàng họa sĩ lang thang, - bà ta đọc tiểu thuyết viết về những gì không tồn tại trong cuộc đời, tuy vậy ngồi nghe câu chuyện đó cũng thú vị, dễ chịu, trong đầu nảy ra toàn những ý nghĩ tốt đẹp, bình yên, - vì thế cũng chẳng có ai muốn đứng dậy...

- Không đến nỗi nào... - Ivan Pêtorovíts khẽ nói.

Một vị khách vừa nghe vừa lơ đãng nghe đến một nơi nào xa, thật xa, đáp lại rất khẽ:

- Vâng... đúng thế...

Một giờ, rồi hai giờ trôi qua. Từ công viên thành phố gần đây vọng lại tiếng dàn nhạc và dàn đồng ca. Khi Vêra Iôxipópna gấp cuốn vở của mình lại thì mọi người im lặng chừng năm phút và lắng nghe bài “Lusinnuska”[85] mà dàn đồng ca đang hát. Bài hát này đã nói tới những gì không có trong tiểu thuyết vừa đọc, những gì tồn tại trong cuộc đời.

- Bà đã cho đăng những tác phẩm của mình trên tạp chí rồi chứ? - bác sĩ Xtarxép hỏi Vêra Iôxipópna.

- Không anh ạ, - bà trả lời, - tôi chẳng in ở đâu cả. Viết ra rồi cho vào tủ cất đi thôi. Cho in làm gì hở anh? - bà giải thích. - Chúng tôi đủ tiền tiêu rồi mà.

Và không hiểu vì sao mọi người đều thờ dài.

- Bây giờ đến lượt con chơi bản đàn nào đi Kôchích, - Ivan Pêtorovíts nói với con gái.

Người ta mở nắp đàn, giờ bản nhạc để sẵn trên giá. Êkatêrina Ivanópna ngồi xuống, hai tay gõ mạnh xuống phím đàn; sau đó nàng lại đập mạnh xuống phím đàn lần nữa, lần nữa, rồi lần nữa; ngực và vai nàng rung rung, nàng cố sức gõ đi gõ lại vào một chỗ tưởng chừng như sẽ chỉ ngừng gõ khi phím đàn bên trong bị đứt. Cả phòng khách vang rền tiếng đàn; sàn nhà, trần, bàn ghế dường như rung lên... Êkatêrina Ivanópna chơi một đoạn nhạc khó, hấp dẫn người nghe chính là ở mức độ khó biểu diễn của nó tuy vừa dài vừa đơn điệu. Xtarxép vừa nghe vừa tưởng tượng ra cảnh nhiều hòn đá từ trên núi cao không ngừng theo nhau ào ào lặn xuống và anh chỉ muốn những hòn đá đó lập tức không lặn được nữa. Cũng vào lúc ấy, anh cảm thấy rất thích Êkatêrina Ivanópna mặt ửng đỏ vì căng thẳng, trông khỏe khoắn, đầy sinh khí, món tóc xoắn lò xo xuống trán. Sau cả mùa đông sống ở Dialigio bên cạnh

những bệnh nhân và nông dân, thì bây giờ ngồi trong phòng khách, nhìn cô gái trẻ, kiều diễm và chắc là trong trắng này chơi bản đàn ồn ào, chẳng lấy gì làm du dương nhưng vẫn có vẻ cao siêu, - điều đó đối với Xtarxép quả là thú vị, quả là mới mẻ...

- Kôchích, hôm nay con chơi hay hơn hẳn mọi ngày, - Ivan Pêtorovíts rung rung nước mắt nói khi con gái kết thúc bản nhạc và đứng lên. - Ông Đênix hãy chết đi, về sau ông không thể chơi hay hơn hôm nay được đâu[86]...

Mọi người xúm quanh nàng chúc mừng, biểu lộ sự kinh ngạc, cam đoan rằng lâu lắm rồi họ chưa được nghe bản nhạc nào như thế; nàng im lặng nghe, khẽ mỉm cười, toàn thân nàng lộ rõ vẻ hân hoan của người vừa ghi một chiến công.

- Tuyệt diệu! Tuyệt vời!

- Tuyệt thật! - Xtarxép cũng nói khi bị cuốn vào không khí say mê chung quanh. - Chị học nhạc ở đâu thế? - anh hỏi Êkatêrina Ivanốpna. - Ở nhạc viện à?

- Không, tôi đang sửa soạn thi vào nhạc viện, tôi chỉ học ở đây thôi, học bà Daplopkaia.

- Chị học xong trường trung học ở đây rồi chứ?

- Không đâu! - bà Vêra Iôxipốpna trả lời thay cho con. - Chúng tôi mời thầy về nhà dạy; đi học ở trường, các anh thấy đấy, có thể bị những ảnh hưởng xấu; chừng nào con gái còn đang lớn thì nhất thiết và phải chịu ảnh hưởng của một mình người mẹ thôi.

- Mặc dù vậy, con sẽ lên học ở nhạc viện, - Êkatêrina Ivanốpna nói.

- Không đâu, Kôchích ạ, con phải thương mẹ chứ. Kôchích không bao giờ làm cho bố mẹ nó buồn phải không?

- Không, con sẽ đi! Con phải đi! - Êkatêrina Ivanốpna nói, vừa có vẻ đùa vừa có vẻ nhõng nhẽo, chân giậm xuống sàn nhà.

Đến lúc ăn tối, Ivan Pêtorovíts mới có dịp trở tài. Đôi mắt sáng lên như cười giễu, ông lần lượt kể các chuyện tiểu lâm, chơi chữ, ra những câu đố vui rồi tự mình giải đáp; lúc nào ông cũng nói bằng thứ ngôn ngữ độc đáo, lập dị, hình thành qua vô số lần chơi chữ và rõ ràng là từ lâu đã trở thành thói quen của ông.

Nhưng thế vẫn chưa hết. Khi các vị khách, vừa thỏa mãn vừa no nê, đang đứng đông đúc ngoài hành lang để lấy bành tô và can của mình thì thằng ở Pápłusa - hay như ở đây vẫn thường gọi là Pava - một đứa bé chừng mười bốn tuổi, tóc cắt ngắn, đôi má phúng phính cứ chạy lăng xăng quanh bọn họ.

- Nào, Pava, biểu diễn thử xem nào! - Ivan Pêtorovíts nói với thằng bé.

Pava đứng nghiêm lại, tay giơ cao và kêu lên bằng một giọng bi thảm:

- Hỡi cô gái bất hạnh, hãy chết đi cho rồi.

Và mọi người cười phá lên.

“Buồn cười thật”, - Xtarxép nghĩ thầm khi đi ra khỏi nhà.

Anh còn ghé vào một quán ăn uống ít bia, sau đó đi bộ về nhà mình ở Đialigio. Dọc đường, anh vừa đi vừa hát nghêu ngao:

Giọng nói của em với anh vừa dịu dàng vừa mệt mỏi[87]...

Đi hơn mười vécxta rồi, mà khi lên giường nằm ngủ, anh vẫn không hề cảm thấy mệt mỏi chút nào, ngược lại anh có cảm tưởng rằng mình có thể sẵn sàng đi thêm một quãng đường dài gấp đôi thế.

“Không đến nỗi nào...” - anh nhớ lại khi đã bắt đầu buồn ngủ, rồi chợt cười thành tiếng.

II.

XTARXÉP CỨ ĐỊNH đến nhà Turkin chơi, nhưng công việc ở bệnh viện bận đến nỗi anh không biết đi vào lúc nào. Thê là hơn một năm nữa trôi qua anh sống đơn độc, cặm cụi làm việc; nhưng rồi có lần anh nhận được một bức thư với phong bì màu xanh từ thành phố gửi tới...

Từ lâu, Vêra Iôxipópna đã bị bệnh đau đầu, thời gian gần đây khi ngày nào Kôchích cũng dọa đi lên nhạc viện học thì những cơn đau có phần hay lặp lại hơn. Các bác sĩ trong thành phố đều đã đến nhà Turkin và bây giờ đến lượt cả bác sĩ ở Đialigiơ. Vêra Iôxipópna viết cho anh một lá thư lời lẽ đầy xúc động, yêu cầu anh lên thăm và chữa bệnh cho bà. Xtarxép đã đến và từ sau lần đó anh thường đến nhà Turkin luôn luôn... Quả thật là anh cũng đã chữa được ít nhiều cho Vêra Iôxipópna, và bà đã nói với khách khứa rằng Xtarxép là một bác sĩ tài giỏi khác thường. Nhưng anh đã đến thăm gia đình Turkin không phải chỉ vì chứng bệnh đau đầu của bà chủ nữa...

Vào ngày nghỉ, Êkatêrina Ivanópna đã kết thúc những bài tập dương cầm dài lê thê đầy mệt nhọc. Mọi người ngồi rất lâu trong phòng ăn và uống trà, còn Ivan Pêtorovíts thì lại kể những chuyện buồn cười. Bỗng có tiếng chuông gọi cửa; chủ nhà phải đi ra phía cửa ra vào để đón một vị khách nào đó; Xtarxép lợi dụng phút lộn xộn đó thì thăm nói với Êkatêrina Ivanópna, giọng đầy xúc động:

- Tôi van cô, đừng làm tôi phải khổ nữa, đi ra vườn với tôi một lát đi!

Nàng nhún vai tỏ vẻ ngạc nhiên không hiểu anh cần gì ở nàng, nhưng rồi nàng vẫn đứng dậy và bước ra ngoài.

- Ngày nào cô cũng ngồi chơi đàn dương cầm ba bốn giờ, - Xtarxép vừa đi theo sau nàng vừa nói, - sau đó cô lại ngồi bên cạnh mẹ, nên tôi chẳng có lúc nào nói chuyện được với cô cả. Cho tôi được gần bên cô dù chỉ 15 phút, tôi van cô.

Mùa thu đang dần đến, khu vườn cây cỏ thụ vắng vẻ, buồn buồn, những chiếc lá khô màu sẫm nằm trên con đường giữa hai hàng cây. Hoàng hôn đã buông xuống.

- Tôi không được gặp cô cả một tuần rồi, - Xtarxép nói tiếp, - nếu cô biết được rằng đó là một đau khổ như thế nào với tôi! Cô ngồi xuống đây đi. Cô nghe tôi nói nhé.

Hai người đều thích ngồi ở một chiếc ghế đặt dưới tán cây phong lâu năm xòe rộng. Và bây giờ họ lại ngồi chỗ đó.

- Anh cần gì kia? - Êkatêrina Ivanópna hỏi với giọng khô khan như đang bàn chuyện công việc.

- Tôi không được nhìn cô cả một tuần lễ, tôi không được nghe cô nói suốt một thời gian lâu như vậy. Tôi thèm được nghe giọng nói của cô. Cô hãy nói đi.

Vẻ tươi mát của nàng, cặp mắt và đôi má ngậy thơ đã làm anh ngây ngất say mê. Đến chiếc áo nàng mặc anh cũng cảm thấy có cái gì hết sức dịu dàng xúc động, vừa giản dị vừa kiều diễm thơ ngây. Cũng lúc ấy, mặc dù trông nàng còn trẻ, anh cảm thấy nàng rất thông minh, so với lứa tuổi mình thì nàng hiểu biết rất nhiều. Anh có thể nói đủ thứ chuyện với nàng, về văn học, về nghệ thuật, về mọi việc, có

thể than phiền với nàng về cuộc đời, về người này người nọ, tuy đôi lần khi anh đang nói chuyện nghiêm trang thì nàng bắt chợt cười phá lên không đúng chỗ hay chạy luôn vào nhà. Giống như các cô gái khác ở thành phố X., nàng đọc rất nhiều (nói chung thì ở X. người ta rất ít đọc sách; tại thư viện địa phương, người ta vẫn thường nói rằng nếu không có các thiếu nữ và các chàng Do Thái trẻ tuổi thì đến phải đóng cửa thư viện); điều này làm Xtarxép rất thích, lần nào anh cũng xúc động hỏi nàng xem mấy ngày vừa qua nàng đã đọc sách gì và anh say sưa nghe nàng kể lại những gì nàng đã đọc.

- Tuần vừa rồi cô đọc gì vậy, khi chúng ta không gặp nhau? - anh hỏi. - Cô nói đi.

- Tôi đọc Pixemxki [88].

- Cụ thể là cuốn nào?

- Cuốn “Một nghìn người”, - Kôchích trả lời. - À mà người ta gọi Pixemxki buồn cười lắm cơ: Alêchxây Phêôphilăctưts!

- Cô đi đâu vậy? - Xtarxép hoảng hốt nói, khi thấy nàng vụt đứng dậy và đi về phía nhà. - tôi cần nói chuyện với cô, tôi cần nói hết mọi điều... Xin cô dừng lại đây dù chỉ năm phút nữa thôi! Tôi van cô!

Nàng dừng lại như muốn nói điều gì, sau đó vụng về dúi vào tay anh một mảnh giấy rồi chạy vào nhà, tiếp đó lại ngồi xuống chơi đàn.

“Hôm nay, vào mười một giờ đêm, - Xtarxép đọc, - anh hãy đến bên đài tưởng niệm Đê-mét-ti ngoài nghĩa trang”.

“Điều này thật chẳng hợp lý chút nào, - anh nghĩ, sau khi tỉnh táo trở lại. - Sao lại ở ngoài nghĩa trang? Để làm gì kia chứ?”

Có thể thấy rõ là Kôchích đã giở trò tình nghịch. Quả thật là có ai lại có thể nghiêm chỉnh định giờ hẹn gặp vào ban đêm mà lại ở một nơi rất xa ngoài thành phố, trong một nghĩa trang khi hoàn toàn có thể gặp nhau ở ngoài phố, tại công viên? Và liệu điều này có thích hợp với anh không, khi một bác sĩ thông minh, một người đang hoảng hốt như anh lại phải lòng một cô gái, nhận thư từ, loay quanh đứng chờ ngoài nghĩa trang, phạm những điều ngu xuẩn mà bây giờ ngay cả bọn học sinh cũng chế giễu? Chuyện tình này rồi sẽ đi tới đâu? Bạn bè sẽ nói thế nào, khi biết chuyện này? Xtarxép đã nghĩ như vậy khi đi đi lại lại bên những chiếc bàn kê trong câu lạc bộ, thế rồi vào mười giờ rưỡi đêm anh bắt chợt quyết định đi ra nghĩa địa.

Anh đã có một cỗ xe song mã riêng và người đánh xe tên là Pantê-lây-môn mặc chiếc gi lê bằng nhung. Trăng tỏa sáng. Chung quanh vắng lặng và âm áp, nhưng mà âm áp theo kiểu mùa thu. Ở vùng ven nội gần một khoảnh rừng nghe có tiếng chó tru. Xtarxép cho dừng xe ở một ngõ hẻm cuối thành phố rồi một mình đi bộ ra nghĩa trang. “Tính nét ai thì cũng có những điểm dị kỳ, - anh nghĩ. - Kôchích cũng là người kỳ dị, biết đâu nàng có thể không đùa mà sẽ đi ra đây thật”, - anh áp ủ chút hi vọng mong manh trông rỗng ấy, và điều đó làm anh say sưa.

Anh đi qua một quãng đường đồng chừng nửa véc-xta. Từ xa nghĩa trang hiện lên thành một dải đen sẫm trông như một cánh rừng hay một khu vườn lớn. Hàng rào xung quanh xây bằng đá trắng. Rồi cánh cổng. Dưới ánh trăng có thể đọc được dòng chữ kẻ trên cổng nghĩa trang: “Sẽ điểm cái giờ ở nơi ấy...” [89] Bước qua cổng, Xtarxép trước tiên nhìn thấy những chiếc thánh giá màu trắng và những bức tượng ở hai bên con đường rộng có trồng cây; anh nhìn thấy bóng của những bức tượng, thánh giá và của những cây dương trên mặt đất. Khắp cả nghĩa trang là những hình bóng chỗ đen chỗ trắng, hàng cây lặng yên như đang ngủ nghiêng cạnh bên những ngôi mộ trắng. Có cảm giác rằng ở đây hãy còn sáng hơn ngoài cánh đồng; những lá cây phong trông như bàn chân thú hiện lên rõ mồn một trên nền đường rải cát vàng, trên những tấm bia; có thể đọc được những hàng chữ ghi trên bia. Thoạt tiên

Xtarxép thấy bàng hoàng trước những gì anh đang thấy lần đầu trong đời và chắc là chẳng còn dịp nào thấy lại nữa: trước mắt anh là một thế giới không giống bất kỳ ở đâu khác, một thế giới đẹp dễ mềm mại với ánh trắng băng bạc, dường như đây là quê hương của nó, nơi không có sự sống nhưng từng cây dương màu sẫm tối kia, trong từng ngói mộ đều toát ra vẻ gì huyền bí hứa hẹn một cuộc sống kỳ diệu, êm đềm, vĩnh viễn. Có chút gì bình yên, buồn buồn, độ lượng tỏa ra từ những tấm bia mộ, những vòng hoa đã héo cùng với mùi hương của những chiếc lá mùa thu.

Chung quanh vắng lặng; những vì sao trên trời cao hiền hòa lấp lánh; tiếng bước chân Xtarxép tản ra nghe rõ mồn một và lạ lẫm. Chỉ đến khi chuông nhà thờ đổ hồi và anh hình dung mình là một người đã chết, bị chôn vùi ở đây vĩnh viễn, thì anh mới có cảm giác rằng có ai đang nhìn anh; trong chốc lát anh nghĩ rằng đây không phải là im lặng, bình yên mà là một nỗi buồn da diết của hư vô, một niềm tuyệt vọng đau đớn...

Đài tưởng niệm Đemétti, xây như một nguyên đường có hình thiên thần ở phía trên; trước đây một lần có đoàn ca kịch Ý qua thành phố X. này, một nữ nghệ sĩ đã chết ở đây; người ta an táng nàng và dựng lên đài tưởng niệm này. Trong thành phố không còn ai nhớ đến nàng nữa, nhưng cây đèn thờ đặt trước lối vào lung linh phản chiếu ánh trắng trông như đang cháy sáng.

Một bóng người. Có ai lại đến đây vào lúc nửa đêm? Nhưng Xtarxép vẫn chờ đợi, dường như ánh trắng đã làm lòng anh thêm rạo rực, anh tưởng tượng ra mình sẽ được ôm, được hôn nàng như thế nào. Anh ngồi cạnh đài tưởng niệm độ chừng nửa giờ, sau đó anh đi dạo theo những con đường sát hàng rào, tay cầm mũ, vừa đợi chờ vừa nghĩ rằng nơi đây, dưới lớp đất sâu, đã chôn vùi bao nhiêu các bà, các cô, những người lúc sinh thời đã thật là đẹp xinh, kiều diễm, những người đã từng yêu, từng dịu dàng, say đắm trong đêm. Thế rồi tạo hóa thật khéo trêu tức con người, thật đáng tiếc phải nhận ra điều đó. Xtarxép nghĩ vậy, và cùng lúc ấy anh muốn gào lên rằng anh đang khao khát, đang chờ đón tình yêu dù bất kể thế nào; trước mắt anh không phải là những phiến đá hoa cương trắng toát nữa mà là những thân hình đẹp lộ lộ, anh thấy những bóng người đang xấu hổ nấp trong tán cây sẫm tối, anh cảm thấy hơi thở ấm áp, và tâm trạng dầy vò ấy mỗi lúc một thêm nặng nề...

Mặt trăng bỗng khuất sau mây, tất cả chung quanh tối sẫm hết như tấm màn đã hạ. Một lúc sau Xtarxép mới tìm được công ra, trời tối quá, như trong đêm mùa thu, sau đó anh còn phải đi quần quanh chừng một giờ rưỡi nữa để tìm đến ngõ hẻm, nơi anh cho xe ngựa đỗ lại.

- Ta mệt quá, đứng không vững nữa, - anh nói với Pantêlây môn. Ngồi lên xe, ngả người thoải mái, anh nghĩ: “Ồ, kể ra cũng không nên phát phì!”

III.

TỐI HÔM SAU anh đến nhà Turkin để ngỏ lời cầu hôn. Nhưng chuyện đó xem ra không thích hợp lắm vì lúc ấy một người thợ uốn tóc đang sửa mái tóc cho Êkaterina Ivanốpna trong phòng của nàng. Nàng đang sửa soạn đi dự vũ hội.

Anh đành phải ngồi rất lâu trong phòng ăn và uống trà. Thấy khách có vẻ chán chường, ưu tư, Ivan Pêtorovíts rút trong túi áo gilê một mảnh giấy rồi đọc to bức thư nghe rất buồn cười của một quân gia người Đức, bức thư nói rằng trong trang ấp các khóa cửa đều bị hỏng, tức tường bị đổ [90].

“Cửa hồi môn họ cho cô ấy chắc cũng khá đấy”, - Xtarxép vừa nghĩ vừa lơ đãng nghe ông già đọc thư.

Sau một đêm mất ngủ, anh ở trong tâm trạng thảng thốt, hết như toàn thân anh chứa những gì dịu ngọt, mê mê; lòng anh thấy mơ màng nhưng ấm áp, vui vui, đồng thời trong tâm trí anh hiện ra một ý nghĩ lạnh lùng, nặng nề:

“Dừng lại thôi, khi còn chưa muộn! Liệu nàng có xứng đôi với anh không? Nàng được chiều chuộng, tính tình đỏng đảnh, ngủ đến 2 giờ trưa mới dậy, còn anh chỉ là con một người tu sĩ, một bác sĩ ăn

lương nhà nước ở hội đồng tự quản...”

“Thế thì sao? - anh nghĩ. - Cứ cho là thế đã sao”.

“Thêm nữa, nếu anh lấy cô ta, - ý nghĩ lạnh lùng kia lại suy đoán tiếp, - thì bố mẹ cô ấy sẽ bắt anh bỏ nghề ở Dialigior để sống nơi thành phố”.

“Thế thì sao? - anh nghĩ. - Thì cứ sống ở thành phố đã sao. Cô ta sẽ có của hồi môn, rồi mình lo liệu được tất...”

Cuối cùng Êkatêrina Ivanópna bước vào phòng ăn, mặc áo dài vũ hội hở vai. Trông nàng thật đẹp và thanh khiết. Xtarxép nhìn ngắm nàng say sưa, ngây ngất đến nỗi không nói được một lời nào, chỉ biết nhìn nàng và mỉm cười.

Nàng chào mọi người để đi dự vũ hội. Chẳng còn lý do gì để ở lại đây, Xtarxép đứng dậy nói rằng đã đến lúc anh phải về nhà, ở đó bệnh nhân đang đợi anh.

- Thôi được rồi, - Ivan Pêtorovíts nói, - anh về đi, nhân tiện anh đưa Kôchích đến câu lạc bộ nhé!

Ngoài sân mưa lất phất rơi, trời tối đen như mực, chỉ nhờ nghe tiếng ho húm hắng của lão Pantêlây môn mới đoán được ngựa đứng ở đâu. Mui xe được kéo lên.

Ivan Pêtorovíts đỡ con gái ngồi lên xe và nói:

- Thôi đi đi! Chào tạm biệt!...

Xe ngựa chạy ra khỏi sân.

- Hôm qua tôi có ra nghĩa địa đấy, - Xtarxép bắt đầu nói. - Cô đã không độ lượng, từ tâm với tôi...

- Anh ra nghĩa địa ư?

- Vâng tôi đã ra đấy và chờ cô đến gần hai giờ đêm. Tôi đã đau khổ...

- Anh cứ việc đau khổ đi, nếu anh không hiểu được những chuyện đùa.

Êkatêrina Ivanópna cảm thấy mãn nguyện rằng đã ranh mãnh trêu đùa người yêu mình, đã được yêu say đắm đến thế. Nàng cười phả lên nhưng bất thần nàng sợ hãi kêu lên vì đúng vào lúc ấy ngựa chạy quật vào công câu lạc bộ và chiếc xe bị nghiêng sang một bên. Xtarxép ôm ngang lưng Êkatêrina Ivanópna; còn nàng thì hoảng sợ áp sát vào anh. Không kìm mình được, Xtarxép nồng nàn hôn lên môi, lên cằm và ghì chặt lấy nàng.

- Thôi đủ rồi, - nàng nói khô khan.

Và chỉ thoáng sau nàng đã không còn trên xe. Người cảnh sát đứng gần lối vào sáng ánh đèn của câu lạc bộ cất giọng ghê tởm quát lão Pantêlây môn:

- Ê, thằng chết tiệt kia, sao lại đỗ xe đây hở? Đánh xe đi ngay!

Xtarxép trở về nhà, nhưng ít lúc sau lại quay lại. Anh mặc bộ cánh đuôi tôm mượn của người khác, thắt chiếc cà vạt màu trắng cứng mà vẫn cộm lên và lúc nào như cũng muốn tuột ra khỏi cổ áo. Đến nửa đêm, anh ngồi trong phòng khách câu lạc bộ và say sưa nói với Êkatêrina Ivanópna:

- Ô, những người chưa từng yêu biết thật là ít. Tôi có cảm tưởng rằng chưa ai mô tả đúng tình yêu, và

kể cũng khó mà mô tả được tình cảm dịu dàng, sung sướng, đau khổ ấy. Nếu có ai dù chỉ một lần nếm trải cảm giác đó thì người ấy sẽ không lấy lời nói mà diễn tả lại. Việc gì phải mào đầu, phải diễn tả? Việc gì phải nói những lời mỹ miều? Tình yêu của tôi là không cùng... Tôi xin cô, tôi van cô, - cuối cùng Xtarxép mới thốt lên, - tôi ao ước cô thành vợ tôi.

- Anh Đomitori Iônútс а, - Êkatêrina Ivanôpna nghĩ một lát rồi nói với vẻ rất nghiêm trang. - Anh Đomitori Iônútс, tôi rất biết ơn anh về tình cảm tốt đẹp ấy, tôi kính trọng anh, nhưng... - nàng đứng dậy và nói tiếp, - nhưng, anh thứ lỗi cho, tôi không thể làm vợ anh được. Chúng ta sẽ nói chuyện nghiêm chỉnh với nhau. Anh Đomitori Iônútс а, anh biết đấy, tôi yêu nghệ thuật hơn mọi thứ trên đời này, tôi yêu, tôi sùng bái âm nhạc đến mất trí, tôi muốn hiến cả đời mình cho âm nhạc. Tôi muốn trở thành nghệ sĩ, tôi thêm được có vinh quang thành tích, thêm được tự do, còn anh thì lại muốn tôi tiếp tục sống trong thành phố này, tiếp tục cuộc sống trống rỗng, vô bổ này, cuộc sống mà tôi đã không thể nào chịu nổi. Làm vợ ư? Ô không, xin lỗi anh! Con người cần phải hướng tới một cái đích cao cả, xán lạn, thế mà cuộc sống gia đình thì lại có thể trói buộc tôi suốt đời. Anh Đomitori Iônútс а (nàng hơi mỉm cười khi nói cái tên ấy vì chợt nhớ đến tên “Alékhxây Phêôphilăctútс”), anh Đomitori Iônútс а, anh là một người phúc hậu, cao thượng, thông minh, anh tốt đẹp hơn tất cả mọi người... - nước mắt rưng rưng trong khóe mắt nàng, - tự đáy lòng, tôi rất thông cảm với anh, nhưng... nhưng anh hãy biết cho rằng...

Đề khỏi khóc òa, nàng quay mặt lại và bỏ ra khỏi phòng khách.

Tim Xtarxép không còn hồi hộp đập nữa, rời khỏi câu lạc bộ, việc đầu tiên anh làm là giặt chiếc cà vạt cứng ra khỏi cô áo và hít thở một hơi dài. Anh cảm thấy hơi ngượng ngùng, lòng tự ái của anh bị xúc phạm, anh không ngờ lại bị từ chối như vậy, không thể tin được rằng tất cả ước mơ, khổ đau và hi vọng của anh lại dẫn anh đến một kết cục ngu xuẩn như vậy, hết như trong một vở kịch nhỏ trên sân khấu nghiệp dư. Anh thấy thương cho tình cảm của mình, tình yêu của mình, thương đến mức tưởng như có thể òa lên khóc hay lấy hết sức mà cầm ô đập vào cái lưng to bè bè của lão Pantêlâymon.

Ba ngày liền anh không làm được việc gì, không ăn, không ngủ, nhưng đến khi nghe nói rằng Êkatêrina Ivanôpna đã lên Maxcova để thi vào nhạc viện thì anh thấy yên lòng trở lại và lại bắt đầu sống như xưa.

Sau này thỉnh thoảng mỗi khi chợt nhớ lại lúc thơ thẩn trong nghĩa địa hay lúc đi khắp thành phố để kiếm một cái áo đuôi tôm, Xtarxép uể oải vươn mình và nói:

- Thế mà cũng lắm điều phiền toái!

IV.

BỐN NĂM TRÔI QUA. Ở thành phố, Xtarxép đã khám bệnh cho nhiều người. Sáng sảng anh vội vã tiếp bệnh nhân ở Dialigio, sau đó anh đi tới các bệnh nhân trên thành phố, không phải bằng xe song mã mà bằng xe tam mã có chuông rung và đến khuya mới về lại nhà. Người anh béo ra, phát phì lên, không còn thích đi bộ vì bị khó thở. Cả Pantêlâymon cũng phát phì, lão càng tọ ngang ra thì lại càng thở dài thườn thượt hơn và than vãn cho số phận cay đắng của mình: lão phát khô phát sở lên vì suốt ngày phải đánh xe đi!

Xtarxép đến nhiều nhà khác nhau, gặp đủ hạng người, nhưng anh chẳng gần gũi với ai cả. Đám người phàm tục mà anh tiếp xúc chỉ làm anh khó chịu qua những câu chuyện của họ, qua lời nghĩ về cuộc sống hay chỉ vì hình dáng của họ. Kinh nghiệm dần dà dạy anh rằng, khi anh đánh bài hay ăn điếm tâm với một kẻ phàm tục thì hẳn tỏ ra là một người ôn hòa, khoan dung thậm chí cũng không đến nổi dằn; nhưng chỉ cần chuyện sang nói với hẳn về một cái gì đó không ăn được như về chính trị hay khoa học chẳng hạn thì lập tức hẳn bị bí và tuôn ra một thứ ngu si và độc ác đến mức chỉ còn biết khoát tay mà tránh xa. Khi Xtarxép thử bắt chuyện với một kẻ phàm tục thậm chí mang danh là cấp tiến chẳng hạn như về điều rằng nhân loại, nhờ trời, đang tiến lên phía trước và tương lai sẽ không cần phải có chứng minh thư, không có các án tử hình, thì kẻ phàm tục liếc nhìn anh với vẻ hoài nghi và hỏi: “Thế nghĩa là

đến lúc ấy, người ta có thể cắt cổ bất kỳ ai ngoài phố à?” Khi bạn bè tụ tập ăn tối hay uống trà và Xtarxép nói rằng cần phải lao động, không thể sống mà không lao động thì mọi người lầm tưởng đó là lời trách móc; họ nổi cáu và hăng hái cãi lại. Tuy thế bọn họ quả thực đều không làm gì, không làm một chút gì, không quan tâm đến một việc gì, và không sao có thể nghĩ được điều gì để nói chuyện với bọn họ. Xtarxép thường tránh bắt chuyện, anh chỉ ăn và đánh bài. Nếu tình cờ ghé vào nhà nào đang có lễ lạt và được mời ăn, thì Xtarxép ngồi xuống lẳng lẽ ăn, mắt nhìn xuống đĩa. Tất cả những gì người ta nói với nhau vào lúc ấy đều tẻ nhạt, vô nghĩa, ngu xuẩn; điều đó làm anh cảm thấy khó chịu, bức bối, nhưng anh chỉ im lặng. Vì anh hay nghiêm nghị ngồi im mà nhìn xuống đĩa thức ăn nên người ta gọi anh là “người Ba Lan khó đâm dăm”, mặc dù anh chẳng bao giờ là người Ba Lan cả.

Anh tránh xem các trò giải trí như hòa nhạc, sân khấu, nhưng tối nào cũng đánh bài rất say sưa đến chừng ba giờ đêm. Còn có một thú vui nữa mà anh thấy quen dân ấy là cứ tối tối rút từ các túi ra những tờ giấy bạc kiếm được do đi khám bệnh. Có khi anh đếm được chừng bảy mươi rúp giấy bạc nhét khắp các túi, những tờ giấy bạc màu vàng, màu xanh tỏa đủ thứ mùi - mùi nước hoa, mùi giấm, mùi trầm hương hay dầu cá... Khi gom góp được vài trăm rúp, anh đem gửi vào tài khoản vãng lai của Hội tương trợ tín dụng.

Trong vòng bốn năm từ sau khi Êkatêrina Iyanópna đi khỏi, anh đến thăm nhà Turkin chỉ có hai lần, theo lời mời của Vêra Iôxipópna - bà vẫn tiếp tục phải chữa bệnh đau đầu. Hè nào Êkatêrina Ivanópna cũng về thăm bố mẹ, nhưng anh không có dịp nào gặp nàng.

Thế rồi bốn năm đã trôi qua. Vào một buổi sáng im lặng, âm áp, người ta đem đến bệnh viện cho anh một bức thư. Vêra Iôxipópna viết cho Đomitori Iônúts rằng bà ta rất nhớ anh, mong anh thế nào cũng ghé thăm làm khuây khỏa nỗi khô của bà rồi nói thêm hôm nay là ngày sinh nhật của bà. Phía dưới thấy dòng chữ đề thêm: “Tôi cũng tán thành lời yêu cầu của mẹ. K.”.

Xtarxép nghĩ ngợi một lát rồi buổi tối lên xe đi đến nhà Turkin.

- A, xin chào anh! - Ivan Pêtorovíts đón anh, nheo mắt cười. - Xin chào anh.

Vêra Iôxipópna già đi nhiều, tóc bạc trắng. Bà bắt tay Xtarxép, thở dài đầy kiêu cách rồi nói:

- Bác sĩ chẳng ngó ngang gì đến tôi cả, chẳng chịu đến nhà tôi, với anh tôi đã quá già rồi mà. Nhưng đây anh xem, có người khác trẻ hơn tôi đã về đây, nó chắc sẽ may mắn hơn tôi.

Còn Kôchích thì sao? Cô gầy đi, nước da nhợt nhạt, trông đẹp hơn, thon thả cân đối hơn. Nhưng đó không phải là Kôchích năm xưa nữa mà chỉ là Êkatêrina Ivanópna; không còn đâu vẻ tươi mát, ngây thơ năm nào nữa. Trong ánh mắt, trong từng cử chỉ chứa đựng một điều gì mới mẻ - e ngại và như có lỗi, hết như ở đây, trong nhà của gia đình Turkin nàng cảm thấy mình là người xa lạ.

- Bao xuân qua đông lại rồi anh nhỉ! - nàng vừa nói vừa đưa tay ra cho Xtarxép, có thể thấy rõ rằng tim nàng đang đập hồi hộp; nàng chằm chằm nhìn anh với vẻ hiếu kỳ rồi nói tiếp - Anh béo ra nhiều quá. Anh rám nắng và trông oai vệ lắm, nhưng nói chung là anh cũng ít thay đổi thôi.

Đến bây giờ anh vẫn thấy thích nàng, rất thích nữa là đằng khác, nhưng trong con người nàng còn thiếu một chút gì hay thừa một cái gì đó, tự anh không thể nói được rành rẽ đó là điều gì; có cái gì đấy ngăn cản anh xúc động như trước kia. Anh không thích vẻ nhợt nhạt của nàng, không thích cách nói mới, nụ cười uể oải, giọng nói; lát sau, anh cũng cảm thấy không ưa bộ xiêm áo nàng mặc, chiếc ghế bành nàng ngồi, không thích cái gì đó trong quá khứ, khi mà suýt nữa thì anh đã lấy được nàng. Anh nhớ lại tình yêu của mình, nhớ lại những ước mơ và hy vọng từng xúc động lòng anh bốn năm về trước, và anh cảm thấy lúng túng.

Mọi người uống trà, ăn bánh ngọt. Sau đó bà Vêra Iôxipópna lại đọc tiểu thuyết của mình; bà ta đọc lên những điều chẳng bao giờ có trong cuộc đời, còn Xtarxép thì ngồi nghe, đưa mắt nhìn mái đầu bạc

trắng khá đẹp của bà và chờ xem lúc nào thì bà thôi đọc.

“Kẻ bất tài, - anh nghĩ, - không phải là người không biết viết truyện mà là người viết xong truyện rồi lại không biết giấu nó”.

- Không đến nỗi nào, - Ivan Pêtorovíts nói.

Sau đó Êkatêrina Ivanópna chơi đàn dương cầm hồi lâu, tiếng đàn nghe âm ỉ; và khi nàng kết thúc, mọi người lại cảm ơn, bày tỏ với nàng sự thán phục hồi lâu.

“Cũng may mà dạo ấy mình không lấy cô ta”, - Xtarxép nghĩ thầm.

Nàng nhìn anh với vẻ như chờ đợi anh mời nàng đi vào vườn chơi, nhưng anh lặng thinh.

- Nào, chúng ta nói chuyện với nhau đi chứ, - nàng vừa tiến gần lại chỗ anh, vừa nói - Anh sống thế nào? Anh có chuyện gì mới không? Suốt thời gian qua, lúc nào tôi cũng nghĩ tới anh, - nàng nói tiếp, giọng xúc động, - tôi đã định gửi thư cho anh, định tự mình đến Dialgiơ thăm anh, tôi đã quyết định đi rồi thì liền đó tôi lại phân vân không biết bây giờ anh đối với tôi thế nào, nên lại thôi. Hôm nay tôi hết sức xúc động đợi anh đến. Chúng ta vào vườn dạo chơi đi.

Họ vào vườn và ngồi xuống chiếc ghế dưới cây phong già như bốn năm về trước. Trời rất tối.

- Độ này anh sống thế nào? - Êkatêrina Ivanópna hỏi.

- Không đến nỗi nào, sống thế nào xong thôi, - Xtarxép đáp.

Và anh không thể nghĩ thêm điều gì để nói. Cả hai cùng im lặng.

- Tôi thì hồi hộp, - Êkatêrina Ivanópna nói, lòng bàn tay che lên mặt, - mà anh thì đứng đững như không. Về đến nhà, tôi cảm thấy thật là nhẹ nhõm, tôi sung sướng được gặp lại mọi người, và vẫn còn bàng hoàng mãi không thôi. Biết bao nhiêu là kỷ niệm. Tôi tưởng rằng chúng ta sẽ nói chuyện với nhau không phút giây nào ngừng đến sáng.

Lúc này anh mới nhìn kỹ gương mặt nàng với đôi mắt sáng; ở đây, trong bóng tối, nàng trông trẻ hơn lúc ngồi trong phòng, thậm chí, dường như vẻ thơ ngây ngày xưa lại trở lại với nàng. Và quả thực là nàng cũng đã nhìn anh với vẻ hiếu kỳ hết như cô thấy rõ và nhận biết con người trước đây đã yêu nàng nồng nàn đến thế, dịu dàng và bất hạnh đến thế; ánh mắt nàng lộ rõ lòng biết ơn với tình yêu của anh. Anh nhớ lại những gì đã xảy ra, nhớ tới từng chi tiết nhỏ, anh nhớ đã lang thang trong nghĩa địa thế nào, đã mệt mỏi trở về nhà khi gần sáng. Bất giác anh cảm thấy buồn buồn, tiếc thương cho quá khứ. Lòng anh chợt thấy chút gì âm ập.

- Cô còn nhớ lần tôi đưa cô đến câu lạc bộ không? - anh nói. - Hôm ấy trời mưa và rất tối...

Anh thấy lòng mình dịu lại, anh muốn nói, muốn than vãn với nàng về cuộc sống...

- Ô! - anh thở dài và nói. - Cô hỏi tôi sống thế nào ư. Chúng ta sống ra sao nào? Chẳng ra sao cả. Chúng ta già đi, béo ra, ngày một đồ đốn. Hết sáng rồi lại đêm, một ngày lại qua, mà cuộc sống thì vẫn trôi đi tẻ nhạt, không để lại một ấn tượng nào, không một ý nghĩ nào... Ban ngày thì kiếm ăn, tối thì lại đến câu lạc bộ, tụ tập với bọn người đánh bài, nghiện rượu, những kẻ tôi không thể nào chịu nổi. Có gì là tốt đẹp đâu?

- Nhưng anh còn có việc làm, còn có mục đích cao thượng trong cuộc sống. Trước đây anh hay nói về nhà thương của mình lắm cơ mà. Còn tôi dạo ấy thật là lạ lùng, tôi tưởng tượng ra mình là một nghệ sĩ dương cầm vĩ đại. Bây giờ thì các cô gái đều chơi đàn dương cầm, tôi cũng chơi đàn như mọi người

và tôi cũng chẳng có điều gì đặc biệt hơn người. Tôi chơi đàn cũng như mẹ tôi viết văn vậy thôi. Tất nhiên là dạo ấy tôi đã không hiểu anh, nhưng sau này, khi ở Maxcova, tôi nghĩ nhiều về anh. Tôi chỉ nghĩ đến anh. Thật là hạnh phúc được làm một bác sĩ giúp đỡ những người đau khổ, phụng sự nhân dân. Thật là hạnh phúc! - Êkatêrina Ivanốpna say sưa nhắc lại. - Ở Maxcova, khi nghĩ đến anh, tôi đã hình dung ra anh là một người lý tưởng, đầy cao thượng...

Xtarxép chợt nghĩ đến những tờ giấy bạc mà tôi tôi anh vẫn thích thú lôi ra từ các thứ túi, và cảm giác ấm áp trong lòng anh vụt tắt.

Anh đứng dậy đi về phía nhà. Nàng khoác tay anh.

- Anh là người tốt đẹp nhất mà tôi đã được biết trong cuộc đời, -nàng nói tiếp. - Chúng ta sẽ thường xuyên gặp nhau, phải thế không anh? Anh hứa với tôi đi. Tôi không phải là nghệ sĩ dương cầm, về phần mình tôi không làm lần thế nữa và sẽ không bao giờ chơi đàn, nói tới âm nhạc khi có mặt anh nữa.

Họ vào nhà và khi dưới ánh đèn sáng, Xtarxép nhìn thấy gương mặt nàng, đôi mắt nàng buồn buồn, đầy vẻ biết ơn và dò hỏi đang nhìn anh thì anh cảm thấy ái ngại, bồn khoăn. Anh lại nghĩ: “Cũng may mà dạo ấy mình không lấy cô ta”.

Anh cáo từ ra về.

- Anh không được quyền rời khỏi nhà này mà không ẵm tôi, - Ivan Pêtorovíts đưa tiền anh và nói. - Về phía anh, như vậy là không hay. Nào, Pava, biểu diễn thử xem nào! - ông ta nói với Pava khi ra đến hành lang.

Pava bây giờ không còn là cậu bé nữa mà là một chàng trai trẻ có ria mép. Pava đứng nghiêm lại, tay giơ cao và kêu lên bằng một giọng bí hiểm:

- Hỡi cô gái bất hạnh, hãy chết đi cho rồi!

Những cảnh ấy làm Xtarxép khó chịu. Ngồi trong xe, nhìn lên ngôi nhà và khu vườn tối sẫm trước đây đã từng xiết bao gắn gũi thân thiết với anh, anh chợt nhớ lại tất cả - tiểu thuyết của bà Vêra Iôxipốpna, tiếng đàn dương cầm âm ỉ của Kôchích, những câu chơi chữ của Ivan Pêtorovíts, dáng đứng bí hiểm của Pava. Anh nghĩ rằng nếu những người mang tiếng là giới giang nhất thành phố này lại bắt tài đến thế thì cả thành phố này sẽ còn phải thế nào.

Ba ngày sau, Pava mang đến cho anh bức thư của Êkatêrina Ivanốpna.

“Anh không đến chúng tôi chơi. Vì sao thế? - nàng viết. - Tôi sợ rằng anh đã thay lòng, tôi sợ thế và chỉ thoáng nghĩ đến điều đó tôi đã hoảng sợ. Anh hãy trấn an tôi đi, anh hãy đến và nói rằng, mọi chuyện đều êm đẹp.

Tôi rất cần được nói chuyện với anh. Êkatêrina của anh”.

Đọc xong bức thư, nghĩ ngợi một lát anh nói với Pava:

- Này anh bạn, về nói lại rằng hôm nay ta không đến, ta bận lắm. Nói rằng chừng ba ngày nữa ta sẽ đến.

Nhưng ba ngày, rồi một tuần trôi qua, mà anh vẫn không đến. Có lần, khi đi qua nhà Turkin, anh chợt nhớ rằng nên ghé vào một lát, nhưng nghĩ lại rồi thôi.

Và không bao giờ anh đến nhà Turkin nữa.

V.

VAI NĂM NỮA QUA. Xtarxép càng béo, càng phệ ra, thở nặng nhọc, khi đi đầu hơi ngả ra phía sau. Khi anh ta đi trên xe tam mã gần chuông rung, mặt mày đỏ gay, người béo phệ và đằng trước là lão Pantêlây môn, cũng béo phệ, đỏ gay, gáy nung núc những thịt, tay giơ ra phía trước thẳng như khúc gỗ, miệng quát người đi đường: “Nép vào bên phải!”, thì cái cảnh ấy trông thật oai vệ: có cảm tưởng rằng đang đi trên xe không phải là người mà là một vị thần của đạo ngẫu tượng. Anh có rất nhiều bệnh nhân ở khắp thành phố, chẳng lúc nào hết việc mà nghỉ ngơi đôi chút, đã có trang áp riêng và hai ngôi nhà cho thuê ở thành phố. Tuy nhiên anh vẫn đang tìm thêm ngôi nhà thứ ba, cho thuê tiện lợi hơn. Khi ở Hội tương trợ tín dụng người ta nói tới một ngôi nhà nào sắp bán là anh chẳng nề nang gì đi thẳng đến nhà ấy, qua khắp các phòng, không thêm đề ý tới điều rằng đàn bà, trẻ con trong nhà còn chưa kịp ăn vận quần áo tử tế và đang ngạc nhiên, lấm lét nhìn anh ta. Anh gõ gõ đầu gậy vào từng cánh cửa và hỏi:

- Buồng làm việc đây à? Hay buồng ngủ? Còn kia là buồng gì?

Những lúc ấy anh khó nhọc thở và lấy khăn lau mồ hôi trên trán.

Anh rất nhiều việc, nhưng vẫn không từ bỏ chức bác sĩ ăn lương; lòng tham thúc giục anh vừa muốn làm cả hai việc, ở cả hai nơi. Ở Đialigiơ và trên thành phố, dân chúng chỉ đơn giản gọi anh ta là Iônúts: “Iônúts đi đâu đấy?” hoặc: “Có nên mời Iônúts đến họp Hội đồng giám định y khoa không?”

Chắc vì mỡ đầy lên ở họng nên giọng nói của anh cũng thay đổi, trở nên the thé, chói tai. Tính tình cũng thay đổi: khó tính và hay cáu gắt. Khi tiếp bệnh nhân, anh thường cáu kỉnh, nôn nóng đập đập gậy xuống sàn nhà và quát lên bằng cái giọng chát chúa của mình:

- Xin trả lời vào câu hỏi cho. Đừng huyền thuyên nữa!

Anh ở một mình, sống buồn tẻ, không quan tâm đến điều gì cả.

Trong suốt cả thời gian ở Đialigiơ, tình yêu đối với Kôchích đã là niềm vui duy nhất và chắc là niềm vui cuối cùng của anh. Tối tối, anh đánh bài ở câu lạc bộ, sau đó ngồi ăn một mình bên chiếc bàn to tướng. Dọn thức ăn cho anh là Ivan, người hầu bàn cao tuổi và lành nghề nhất. Người ta đem rượu nho lafit No.17 cho anh. Và tất cả mọi người, từ chủ câu lạc bộ cho đến đám hầu bàn, đầu bếp, đều biết anh thích gì, không ưa cái gì. Họ đều cố sức làm vừa lòng anh, nếu không anh lại bắt thần nổi cáu và sẽ lại đập gậy xuống sàn.

Khi đang ăn tối, cũng có lúc anh quay sang nói góp vào câu chuyện của mấy người ngồi cạnh:

- Các anh nói gì vậy? Nói đến ai thế?

Cũng có khi nghe mấy người ngồi bàn bên cạnh nói về gia đình Turkin thì anh cất tiếng hỏi:

- Các anh nói về gia đình Turkin nào thế? Có phải về gia đình có cô gái đánh đàn dương cầm không?

Đây là tất cả những gì có thể kể về anh ta.

Còn gia đình Turkin thì sao? Ivan Pêtorovíts hầu như không già đi, chẳng thay đổi gì, vẫn ham trò chơi chữ và kể chuyện tiêu lâm như xưa; Vêra Iôxipópna vẫn đọc tiểu thuyết của mình cho các vị khách với niềm thích thú như xưa. Còn Kôchích ngày nào cũng chơi đàn dương cầm đến chừng bốn giờ đồng hồ. Nàng già đi rất nhanh, ốm đau luôn và mùa thu nào cũng cùng mẹ đi nghỉ ở Krum. Ivan Pêtorovích tiễn hai mẹ con ra ga và khi đoàn tàu chuyển bánh, ông lau nước mắt, gọi với theo:

- Tạm biệt nhé!

Và vẫy vẫy khăn.

Người trong bao

CÓ HAI NGƯỜI ĐI SĂN ra khỏi rừng quá muộn đã phải dừng lại nghỉ đêm trong gian nhà kho của ông trưởng xóm Prôcôphi ở tận cuối làng Mirônôxítxkô. Đó là bác sĩ thú y Ivan Ivanúts và giáo viên trường phổ thông Burkin. Ivan Ivanúts có cái họ khá lạ tai, một họ kép là Tsimtsa-Ghimalaixki, họ ấy xem ra không thích hợp gì lắm với ông và khắp cả tỉnh này đều quen gọi ông đơn giản là Ivan Ivanúts. Ông ở trại nuôi ngựa giống gần thành phố và vừa rồi đến đây đi săn để hưởng khí trời trong lành. Còn giáo viên Burkin thì hề nào cũng là khách của bá tước P. và từ lâu đã rất quen thuộc với vùng này.

Họ không ngủ. Ivan Ivanúts, một ông già cao gầy, ria mép dài, thì ngồi phía ngoài cửa và ngậm tẩu thuốc lá; ánh trăng chiếu lên người ông. Còn Burkin thì nằm trên đồng cỏ khô, trong bóng tối không nhìn thấy rõ ông.

Họ kể cho nhau về đủ thứ chuyện. Đại loại như họ nói rằng bà Mavra, vợ của ông trưởng xóm, một phụ nữ khỏe mạnh không đến nỗi ngu dốt, nhưng cả đời không đi ra khỏi làng, chưa từng nhìn thấy thành phố, đường sắt, và chục năm trở lại đây lúc nào cũng ngồi ru rú bên bệ lò, chỉ buổi tối mới đi ra ngoài nhà.

- Ô, thế thì có gì là lạ đâu? - Burkin nói. - Trên thế giới này chẳng thiếu cái thứ người bản tính vốn ưa sống đơn độc như con ốc, con sên lúc này cũng cố thu mình vào trong vỏ. Có lẽ đó là một thứ di truyền lưu lại từ thời xa xưa khi tổ tiên con người chưa phải là một động vật sống trong xã hội mà sống đơn độc trong hang hốc của mình, cũng có thể đó là một dạng của tính cách con người - ai mà biết được? Tôi không phải nhà khoa học tự nhiên, và đề cập tới những vấn đề ấy cũng chẳng phải là việc của tôi; tôi chỉ muốn nói rằng những người như bà Mavra không phải là hiện tượng hiếm thấy. Đây này, chẳng phải tìm đâu xa, cách đây khoảng hai tháng, ở thành phố có một người mới chết tên là Bêlikôp, bạn đồng nghiệp của tôi, một giáo viên dạy tiếng Hy Lạp. Chắc là anh cũng đã nghe tên ông này rồi. Hẳn ta nói tiếng về điều là lúc nào cũng vậy, thậm chí cả vào khi rất đẹp trời, hẳn đều đi giày cao su, cầm ô và nhất thiết là mặc áo bành tô âm cốt bông. Ở hẳn đề trong bao, chiếc đồng hồ quả quít cũng để trong bao bằng da hươu, và khi rút chiếc dao nhỏ để gọt bút chì thì chiếc dao ấy cũng đặt trong bao; cả bộ mặt hẳn ta nữa dường như cũng ở trong bao vì lúc nào hẳn cũng giấu mặt sau chiếc cổ áo bành tô bẻ đứng lên. Hẳn đeo kính râm, mặc áo bông chân, lỗ tai nhét bông, và khi ngồi lên xe ngựa thì bao giờ cũng cho kéo mui lên. Nói tóm lại con người này lúc nào cũng có khát vọng mãnh liệt thu mình vào trong một cái vỏ, tạo ra cho mình một thứ bao có thể ngăn cách, bảo vệ hẳn khỏi những ảnh hưởng bên ngoài. Cuộc sống làm hẳn khó chịu, sợ hãi, buộc hẳn phải thường xuyên lo âu và có lẽ như để bào chữa cho thái độ nhút nhát, ghê tởm đối với hiện tại, lúc nào hẳn cũng ngời ca quá khứ, ngời ca những gì không bao giờ có thật; mấy thứ ngôn ngữ cổ mà hẳn dạy đối với hẳn thật ra cũng chỉ là một thứ giày cao su, một thứ ô che mà nhờ đó hẳn có thể trốn tránh được cuộc sống thực.

- Ô, tiếng Hy Lạp nghe thật là tuyệt vời, êm tai, - hẳn ta nói với vẻ ngọt ngào; và như để chứng minh cho lời nói của mình, hẳn nheo mắt lại, giơ một ngón tay lên và thốt ra tiếng: - Anthropos[91]!

Cả ý nghĩ của mình Bêlikôp cũng cố giấu vào bao. Đối với hẳn, chỉ có những chỉ thị, thông tư, những bài báo cảm đoán điều này điều nọ mới là những cái rõ ràng. Khi một thông tư cấm học sinh ra khỏi nhà sau 9 giờ tối hay một bài báo nào đó ngăn cấm tình yêu nhục thể thì những điều đó là rất rạch ròi, rõ ràng với hẳn; cấm rồi thế là đủ. Hẳn bao giờ cũng cảm thấy có cái gì đó mờ ám, khó nói, đáng ngờ vực chứa đựng trong sự cho phép làm điều này điều nọ. Khi người ta đồng ý cho một đoàn kịch, một phòng đọc sách hay quán trà trong thành phố được phép hoạt động thì hẳn lắc đầu và nói nhỏ:

- Cái đó đã đành, hay thì hay thật, nhưng nhớ lại xảy ra chuyện gì.

Mọi chuyện vi phạm khuôn phép, hơi trái với lễ thường đều làm hấn rầu rĩ, mặc dầu thật ra những chuyện đó chẳng liên quan gì đến hấn cả. Nếu có bạn đồng nghiệp nào đi muôn lễ nhà thờ, hay có tin đồn về một trò nghịch ngợm nào đấy của học sinh, hay người ta thấy có bà giáo nào đó đi chơi khuya với một sĩ quan thì hấn ta lo lắng ra mặt, luôn miệng nói nhớ lại xảy ra chuyện gì. Trong các buổi họp hội đồng giáo viên, quả tình hấn đã làm khổ chúng tôi bằng thái độ thận trọng đầy đa nghi, bởi những suy luận đúng theo kiểu thụ mình trong vỏ ốc của hấn rằng bọn trẻ ở các trường nam nữ rất hư hỏng, rằng vào giờ học các lớp rất ồn ào, nhớ ra lại đến tại bạn giám hiệu, nhớ ra lại xảy ra chuyện gì và nêu đuôi được thằng Pêtorốp ra khỏi lớp hai và thằng Êgorốp ra khỏi lớp bốn thì thật là hay. Thế rồi sao? Bằng những tiếng thờ dài, những lời than vãn, với cặp kính đen trên gương mặt nhợt nhạt, nhỏ bé - anh biết không, bé choắt lại như mặt chồn - hấn đã lấn át tất cả chúng tôi, và chúng tôi phải nhượng bộ hấn, phải bớt điểm hạnh kiểm của Pêtorốp và Êgorốp, bắt giam cả hai rồi cuối cùng thì đuổi chúng ra khỏi trường. Hấn có một thói quen kỳ quặc là đi hết nhà này đến nhà khác nơi bọn chúng tôi ở. Hấn đến nhà giáo viên nào đó chẳng hạn, kéo ghế ngồi, chẳng nói chẳng rằng, mắt nhìn chung quanh như tìm kiếm vật gì. Hấn cứ ngồi im như phỗng thế rồi độ một giờ sau thì cáo từ. Hấn gọi đó là “cách duy trì những mối quan hệ tốt với bạn đồng nghiệp”. Quả tình đi đến nhà chúng tôi và ngồi im như thế là một việc nặng nề với hấn, nên hấn đến nhà chúng tôi chỉ vì coi đó là nghĩa vụ bạn bè. Bọn giáo viên chúng tôi đều sợ hấn. Thậm chí cả hiệu trưởng cũng sợ hấn. Anh thử nghĩ mà xem, giáo giới chúng tôi là bọn người biết suy nghĩ, rất nghiêm chỉnh, được giáo dục qua các tác phẩm của Turghênép và Sêđrin[92], thế mà cái thằng cha quanh năm đi giày cao su và mang ô ấy đã khống chế cả trường học chúng tôi suốt mười lăm năm trời. Mà đâu phải chỉ có trường học! Cả thành phố nữa ấy! Các bà các cô tôi thứ bảy không dám tổ chức diễn kịch tại nhà nữa, sợ rằng nhớ hấn biết thì lại phiền, giới tu hành khi có mặt hấn không dám ăn thịt và đánh bài. Dưới ảnh hưởng của những kẻ như Bêlikốp, trong vòng mười, mười lăm năm trở lại đây, dân chúng trong thành phố đâm ra sợ tất cả. Sợ nói to, sợ gửi thư, sợ làm quen, sợ đọc sách, giúp đỡ người nghèo, dạy học chữ...

Ivan Ivanúts húng hắng ho, như muốn nói điều gì, nhưng rồi thoát đầu thì hút thuốc, nhìn lên trần sau đó mới nói nhát gừng:

- Phải rồi. Mang tiếng là những người biết nghĩ, có học, đọc Turghênép, Sêđrin, Bocoli[93] và các thứ sách khác, thế rồi phải im lặng chịu đựng, quy phục... Đây, việc đời là thế đấy.

- Bêlikốp ở ngay cùng một nhà với tôi, - Burkin nói tiếp, cùng một tầng, cửa đối diện nhau. Tôi với hấn vẫn thường xuyên giáp mặt nhau, và tôi biết rõ sinh hoạt ở nhà của hấn. Ở nhà hấn cũng sống thế thôi: cũng vẫn mặc áo khoác ngoài, đội mũ, đóng cửa, cài then, có đủ sự ngăn cấm và hạn chế lúc này cũng sợ nhớ lại xảy ra chuyện gì. Ăn chay thì có hại mà thịt thì không nên; vì sợ người ta có thể kháo rằng Bêlikốp không chịu ăn chay nên hấn ăn cá rô với mỡ bò, một món ăn không phải là chay nhưng cũng không thể gọi là thịt được. Hấn không nuôi đầy tớ gái vì sợ người khác có thể dị nghị. Hấn nuôi ông già đầu bếp Aphanaxi, tuổi chừng sáu mươi, say rượu luôn luôn, dở khôn, dở dại, trước đây đã từng làm lính hầu và cũng biết nấu nướng qua loa. Lão già Aphanaxi này thường đứng khoanh tay ở cửa, vừa thờ dài vừa lẩm bầm mỗi một câu:

- Người ở đâu ra bây giờ mà lảm thế!

Buồng ngủ của Bêlikốp chật như cái hộp, giường nằm thì móc mọt. Khi nằm ngủ, hấn kéo chăn trùm đầu kín mít, trong buồng nóng bức, ngột ngạt, gió thổi ngoài cửa sổ đóng kín mít, lửa reo trong lò, có tiếng thờ dài nghe dễ sợ vọng lên từ dưới bếp...

Nằm trong chăn hấn cảm thấy rờn rợn. Hấn sợ nhớ ra lại có chuyện gì, nhớ lão Aphanaxi lại cắt cổ hấn, sợ kẻ trộm chui vào nhà, sau đó suốt đêm hấn nằm mơ toàn những điều khủng khiếp; và buổi sáng khi cùng đi đến trường với tôi, mặt hấn tái nhợt, rầu rĩ. Có thể thấy rõ rằng cái trường học đông đúc mà hấn đang bước tới kia thật là đáng sợ, trái ngược với cả con người hấn, và việc đi cạnh tôi đối với

kẻ bản tính vốn cô độc như hấn quả là nặng nề.

- Độ này các lớp học ồn quá, - hấn nói như để tìm nguyên nhân cho tâm trạng nặng nề của hấn. - Thật chẳng ra làm sao nữa.

Thế mà vị giáo viên dạy tiếng Hy Lạp, người mang bao ấy, anh biết không, suýt nữa thì đã lấy vợ đấy.

Ivan Ivanúts liếc nhanh vào nhà kho và nói:

- Nói đùa đấy chứ!

- Không đâu, suýt nữa hấn lấy vợ đấy, thế mới lạ chứ. Đạo ấy người ta bỏ đến trường tôi một thầy giáo mới dạy lịch sử và địa lý, tên là Kovalenkô, Mikhain Xápvíts, người xứ Ucraina. Anh ta không đến một mình mà với chị là Varenka. Anh ta còn trẻ, cao lớn, nước da bánh mật, đôi tay to tướng, trông mặt cũng có thể đoán rằng anh ta có giọng trầm, và quả thật anh ta nói giọng ồm ồm như phát ra từ thùng gỗ. Varenka thì không còn trẻ nữa, tuổi chừng ba mươi, người cũng cao to, dáng thẳng, lông mày đen, má hồng - nói tóm lại không ra vẻ một cô gái mà như một thứ mút trái cây, tính tình nhí nhảnh, hay nói, hay cười, hay hát những bản tình ca xứ Ucraina. Hơi một tý là cười phá lên ha-ha-ha! Tôi còn nhớ lần làm quen kỹ càng đầu tiên với chị em nhà Kovalenkô là trong buổi tiệc mừng sinh nhật ông hiệu trưởng. Giữa đám giáo viên mặt mày nghiêm nghị, nặng nề, buồn tẻ, những người đến dự lễ sinh nhật cũng chỉ vì nghĩa vụ, tôi bỗng thấy nữ thần Aphrôdita tái sinh từ bọt sóng: Varenka đi lại, tay chống nạnh, cười, hát, nhún nhảy liên hồi... Chị ta say sưa hát bài “Gió cuốn”[94], tiếp đó hát một bản tình ca rồi lại hát nữa, làm tất cả chúng tôi cứ ngây cả ra, kể cả Bêlikóp nữa. Hấn ta sán lại ngồi cạnh Varenka và mỉm cười câu tài nói:

- Tiếng Ucraina của chị nghe cũng êm dịu, thánh thót như tiếng cổ Hy Lạp.

Câu nói đó làm cho Varenka hơi lòng hơi dạ, cô ta bắt đầu kể cho Bêlikóp nghe với giọng rạch ròi, say sưa rằng cô ta có một trang ấp riêng ở huyện Gadiátxki, ở đây cô ta còn mẹ, ở đây có nào lê, nào dưa hấu, nào bí ngô, người Ucraina gọi bí ngô là kabác[95], còn quán rượu lại gọi là sinki, súp củ cải đỏ nấu lẫn với rau xanh “ngon tuyệt là ngon, ngon kinh khủng”.

Chúng tôi ngồi nghe họ nói chuyện và tất cả bỗng cùng nảy ra ý nghĩ.

- Này, ghép họ thành đôi cũng hay đấy chứ, - bà vợ ông hiệu trưởng nói nhỏ với tôi.

Không hiểu sao chúng tôi đều chợt nhớ rằng Bêlikóp không có vợ, và bây giờ chúng tôi mới lấy làm lạ rằng bấy lâu nay chúng tôi đã bỏ qua, đã hoàn toàn không để ý đến chi tiết quan trọng đến thế trong đời hấn. Nói chung là hấn đối xử với phụ nữ thế nào, hấn có thái độ thế nào đối với vấn đề quan trọng đó? Trước đây chuyện đó chẳng làm chúng tôi quan tâm chút nào, có thể là vì chúng tôi cũng không thể tưởng tượng được rằng cái người bất cứ thời tiết nào cũng đi giày cao su và nằm màn ấy lại có thể biết yêu.

- Anh ta thì đã ngoại tứ tuần từ lâu, còn cô ả thì đã ba chục xuân xanh rồi... - bà vợ ông hiệu trưởng giải thích ý nghĩ của mình. - Tôi có cảm giác rằng cô ta cũng sẵn sàng lấy Bêlikóp đấy.

Ở tình lẻ chúng tôi, người ta đã làm đủ chuyện vô bổ, ngu xuẩn vì quá buồn tẻ. Mà điều đó xảy ra chỉ vì những việc cần làm đã không được ai ngó ngang tới. Chẳng hạn, hà có gì mà tự nhiên chúng tôi lại thấy cần phải tìm vợ cho Bêlikóp, một kẻ không ai có thể hình dung được là có vợ? Bà vợ ông hiệu trưởng, bà vợ ngài thanh tra và tất cả các bà trong trường chúng tôi đều hồ hởi hấn lên, thậm chí trông như còn đẹp ra nữa, hết như bắt ngò tìm được mục đích cuộc đời. Bà vợ ông hiệu trưởng mua vé cả lô trong rạp hát, và thế là chúng tôi thấy Varenka, tay cầm quạt, mặt mày tươi tỉnh, rạng rỡ đang ngồi cạnh Bêlikóp, nhỏ bé, dúm dỏ, co ro như thể người ta vừa khiêng hấn từ nhà đến trong một cái lồng. Có lần

tôi tổ chức tôi liên hoan thân mật, thì các bà đòi tôi thế nào cũng phải mời cả Bêlikốp và Varenka nữa. Nói tóm lại là cả một guồng máy lớn đã chạy. Hóa ra là Varenka cũng không phản đối gì chuyện lấy chồng. Cô ta sống với em trai chẳng lấy gì làm vui vẻ, hai chị em cứ cãi vã, chửi bới nhau suốt ngày này qua ngày khác. Đây, đại loại như thế này: Kôvalenkô đi ngoài phố, người cao lớn, khỏe mạnh, mặc áo thêu, tóc lòa xòa trước trán dưới vành mũ, một tay cầm mấy quyển sách, tay kia cầm một cái gậy to đập mắt. Đi phía sau là Varenka, tay cũng cầm sách.

- Mikhailích này, cuốn đó cậu đã đọc đâu! - Varenka nói rất to. - Tôi đã nói với cậu rồi mà, thế rằng là cậu chưa hề đọc cuốn đó!

- Thì tôi đã nói là tôi đọc rồi mà! - Kôvalenkô nói như gào lên, đập mạnh gậy xuống vỉa hè.

- Trời, sao lại thế được hã Mikhailích! Cậu bức tức cái gì mới được chứ, vì chuyện này của chúng ta là chuyện có tính nguyên tắc cơ mà!

- Thì tôi đã nói với chị là tôi đọc rồi mà! - Kôvalenkô lại gào lên to hơn.

Ở nhà thì như người đứng nước lã, cãi nhau suốt ngày. Sống như thế thì chắc là phát ngáy lên được, ai cũng muốn được sống riêng rẽ, mà tuổi tác thì cũng chẳng còn trẻ trung gì nữa. Đến nước ấy thì chẳng còn thì giờ đâu mà kén chọn, lấy ai cũng được, thậm chí cả giáo viên dạy tiếng Hy Lạp. Tiện thế, cũng nên nói thêm rằng nói chung là cánh đàn bà con gái nước ta cũng có cần biết là lấy người thế nào đâu, chỉ cần lấy chồng thôi. Dù sao đi nữa thì Varenka vẫn bắt đầu tỏ rõ mỗi cảm tình của mình đối với Bêlikốp.

Còn Bêlikốp thì sao? Hẳn ta lui tới nhà chị em Kôvalenkô cũng như lui tới nhà chúng tôi thôi. Tới đó, ngồi cũng không nói nửa lời. Hẳn thì ngồi im còn Varenka thì hát bài “Gió cuốn” cho hẳn nghe hay mơ màng nhìn hẳn bằng cặp mắt đen của mình hoặc bắt chợt cười phá lên:

- Ha-ha-ha!

Trong chuyện tình ái, nhất là trong hôn nhân, sự xúi bẩy của người ngoài đóng vai trò khá quan trọng. Mọi người, bạn đồng nghiệp cũng như các bà, đều thuyết phục Bêlikốp rằng hẳn cần phải lấy vợ, rằng đòi hẳn chẳng còn việc gì đáng làm hơn là lấy vợ, tất cả chúng tôi đều chúc tụng hẳn, nói với hẳn đủ thứ chuyện tâm phào bằng giọng thật là trịnh trọng, đại loại như hôn nhân là một việc hệ trọng, thêm nữa Varenka cũng không đến nỗi xấu, tính tình hấp dẫn, cô ta lại là con gái một viên chức bậc năm, có trạng áp riêng, và điều chủ yếu là cô ta là người đàn bà đầu tiên đối xử dịu dàng, chân thành với hẳn, - đầu óc hẳn quay cuồng và hẳn quyết định rằng quả thật là hẳn cũng cần phải lấy vợ.

- Có thể mới lột được đôi giày cao su và cái ô của hẳn, - Ivan Ivanúts nói chen vào.

- Anh tưởng thế, chứ có lột nổi mấy thứ đó đâu! Hẳn đặt ảnh Varenka lên bàn, thường sang nhà tôi nói chuyện về Varenka, về cuộc sống gia đình, về điều rằng hôn nhân là một việc quan trọng, hẳn hay đến chơi nhà Kôvalenkô nhưng cung cách sống của mình thì hẳn không thay đổi chút nào. Ngược lại thế nữa, quyết định lấy vợ tác động lên hẳn một cách bệnh hoạn đến mức hẳn gây gò hẳn đi, mặt mày nhợt nhạt, và hình như là lại càng thu mình sâu hơn vào trong bao của hẳn.

- Tôi cũng thích Varenka, - hẳn vừa nói với tôi, vừa khề nhếch mép cười gượng gạo. - Tôi biết rằng ai ai cũng phải lấy vợ lấy chồng, nhưng... chuyện này, anh biết không, đã xảy ra hơi đột ngột quá... Cần phải cân nhắc một chút.

- Còn cân nhắc cái gì mới được chứ, - tôi nói với hẳn. - Lấy thì lấy quách, thế là xong.

- Không được, hôn nhân là một việc hệ trọng, trước tiên còn phải cân nhắc mọi phận sự, nghĩa vụ... để sau này khỏi xảy ra điều gì đáng tiếc. Chuyện đó làm tôi lo lắng lắm, dạo này đêm nào tôi cũng thức

trắng. Thú thật rằng quả là có điều tôi cũng sợ: hai chị em cô ấy có lối nghĩ hơi khác thường, cung cách tư duy của họ là lạ làm sao ấy, tính tình thì sôi nổi thái quá. Lấy cô ấy rồi liệu sau này có gì hay ho không khi phải rơi vào môi trường như thế.

Và hẳn không ngờ lời cầu hôn, hẳn cứ lần lữa mãi, làm cho bà vợ ông hiệu trưởng và các bà trong trường chúng tôi đều thấy phát bức lên. Lúc nào hẳn cũng đắn đo suy tính những phận sự, nghĩa vụ tương lai và đồng thời hầu như ngày nào hẳn cũng đi chơi với Varenka, có lẽ hẳn nghĩ rằng ở hoàn cảnh của hẳn, cần phải làm như thế. Hẳn cũng hay đến nhà tôi để bàn về cuộc sống gia đình. Xem ra thì cuối cùng chắc là hẳn đã ngỏ lời cầu hôn và sẽ lại có thêm một đám cưới trong số hàng nghìn đám cưới vô bổ ngu xuẩn vẫn diễn ra ở ta vì buồn tẻ, vô công rồi nghề, nếu nữa chừng không bất ngờ xảy ra một vụ kolossalische Skandal[96]. Cần phải nói rằng em của Varenka ngay từ ngày đầu tiên quen biết Bêlikóp đã có ác cảm với hẳn và không thể nào chịu nổi hẳn.

- Tôi không hiểu, - anh ta nhún vai nói với chúng tôi. - Tôi không thể hiểu nổi, vì sao các ngài lại chịu đựng nổi cái tên mách lẻo, cái mồm ton hót bản thiụ ấy. Ô, các ngài, thế mà các ngài cũng sống được trong cái bầu không khí ngột ngạt, tởm lợm này. Chẳng lẽ các ngài lại là thầy giáo, là nhà sư phạm ư? Các ngài chỉ là những kẻ tranh giành cô leo lên bậc thang cộng danh, nhà trường của các ngài không phải là lâu đài khoa học mà chỉ là nơi chia nhau tước vị, bốc mùi chua loét như trong bột đồn culít. Không đâu các ông ơi, tôi cố sống với các ông ít năm nữa rồi cũng đến bỏ về làng tôi thôi, tôi sẽ đi bắt tôm, và dạy người Ucraina học.

Cũng có khi anh ta cười sằng sặc, cười đến chảy nước mắt, rồi lúc thì cất giọng ồm ồm, lúc thì the the giọng mũi hời tôi, tay khoa lên:

- Hẳn đến ngồi nhà tôi mãn chi? Hẳn cần chi nà? Cứ ngồi mà giương mắt ra thế!

Thậm chí anh ta chỉ còn đặt tên cho Bêlikóp là “kẻ phú hào hoặc là kẻ sống bám vào người khác”[97]. Cũng dễ hiểu vì sao chúng tôi cũng tránh nói với anh ta rằng chị Varenka của anh ta sắp sửa lấy “con nhện” ấy. Có lần khi bà vợ ông hiệu trưởng nói xa xôi gần với anh ta rằng kẻ cũng tốt nếu vun vén cho chị anh ta đi lấy một người đứng đắn, ai cũng vì nể như Bêlikóp thì anh ta nhún mặt và cầu nhàu:

- Chẳng phải việc của tôi. Chị ấy có đi lấy rắn rết đi nữa tôi cũng mặc, tôi không ưa xen vào việc riêng của người khác.

Bây giờ anh hẳn nghe chuyện gì xảy ra tiếp nhé. Có một câu ngổ nghịch nào đó đã vẽ một bức tranh châm biếm: Bêlikóp đang đi, chân xỏ trong giày mưa, quần tùm ông, tay cầm ô, tay khoác tay Varenka, bên dưới bức tranh là dòng chữ “Một người si tình”. Anh biết không, đường nét vẽ thật là sắc sảo, độc địa. Người vẽ chắc không phải chỉ làm việc một buổi tối vì tất cả giáo viên ở hai trường nam nữ, giáo viên chủng viện, các viên chức đều nhận được mỗi người một bản. Cả Bêlikóp cũng nhận được. Bức tranh châm biếm đã gây cho hẳn một ấn tượng nặng nề.

Chúng tôi cùng ra khỏi nhà, - đó là vào ngày mừng một tháng Năm, một ngày chủ nhật, tất cả giáo viên và học sinh chúng tôi đã hẹn gặp nhau ở trường rồi sau đó cùng đi ra ngoài thành phố vào rừng chơi, chúng tôi đi ra và thấy mặt hẳn xanh mét, ảo não hơn cả mây đen.

- Sao lại có những người xấu xa, ác độc đến thế nhỉ? - hẳn lầu bầu nói, môi run run.

Trông vẻ mặt hẳn tôi cũng phải thương hại. Chúng tôi đang đi thì, anh có thể tưởng tượng được không, bỗng thấy Kôvalenkô phóng xe đạp qua, đi sau anh ta là Varenka, cũng ngồi xe đạp, mặt mày ửng đỏ, trông mệt mỏi, mà vẫn vui vẻ hơn hờ.

- Chúng tôi vượt lên trước nhé, - cô ta gào to. - Trời hôm nay đẹp thật, đẹp tuyệt, đẹp ghê gớm!

Cả hai người đi khuất. Mặt Bêlikốp đang từ xanh mét chuyển sang trắng bệch, hấn ngán người ra. Hấn đứng lại và nhìn tôi...

- Xin phép hỏi anh, đó là cái gì vậy? - hấn hỏi. - Hay có thể là thị giác đánh lừa tôi? Chẳng lẽ giáo viên và đàn bà con gái lại có thể cười xe đạp, làm như thế coi sao tiện?

- Có gì mà không tiện? - tôi đáp. - Ai muốn đi thì cứ tha hồ mà đi.

- Hừ, sao lại có thể thế được? - hấn kêu lên, sừng sốt thấy tôi vẫn bình thản như không. - Anh nói cái gì lạ vậy?

Hấn thẳng thốt đến mức không muốn đi chơi nữa và bỏ về nhà.

Suốt ngày hôm sau lúc nào hấn cũng bực dọc xoa tay toàn thân run lên; trông mặt cũng biết là hấn đang thấy khó chịu trong người lắm. Hấn bỏ buổi lên lớp, và đó là điều xưa nay hấn chưa từng làm. Trưa hấn cũng không ăn gì. Chập tối hấn mặc áo ấm hơn bình thường một chút mặc dù lúc đó là tiết trời mùa hạ, rồi lẩn mò đến nhà Kôvalenkô. Varenka đi vắng, hấn chỉ gặp người em.

- Xin mời ông ngồi xuống cho, - Kôvalenkô lạnh lùng nói, đôi lông mày nhú lại, anh vừa nghỉ ngơi sau bữa ăn trưa muộn màng, nét mặt còn đang ngái ngủ, trong người đang rất bực bội.

Bêlikốp ngồi yên, chẳng nói chẳng rằng chừng độ mười phút rồi lên tiếng:

- Tôi tìm đến anh để giải bày tâm sự. Tôi rất buồn bực anh ạ. Có một tên vô lại nào đó đã vẽ châm biếm tôi và một người gần gũi với cả hai chúng ta. Tôi thấy có nghĩa vụ phải nói quả quyết với anh rằng tôi chẳng hề có liên quan gì tới một chuyện như thế... Tôi chẳng hề làm điều gì sơ suất đáng để cho mọi người giễu cợt như vậy, lúc nào tôi cũng xử sự như một người tử tế, đứng đắn.

Kôvalenkô ngồi lăm lăm và im lặng. Chờ một lát, Bêlikốp lại nói tiếp với giọng buồn rầu nhỏ nhẹ:

- Còn một điều nữa tôi cũng muốn nói với anh. Tôi thì vào nghề đã lâu, còn anh thì mới bắt đầu đi làm, nên với tư cách là bạn đồng nghiệp đi trước, tôi thấy có nghĩa vụ phải nhắc nhở anh đôi điều. Anh đã đi xe đạp và cái trò giải trí ấy hoàn toàn không hợp với tư thế của một nhà giáo dục thiếu niên.

- Vì sao vậy? - Kôvalenkô hỏi lại bằng giọng trầm trầm.

- Chẳng lẽ điều này lại còn cần phải giải thích nữa sao? Chẳng lẽ đó lại là điều khó hiểu ư? Nếu thầy giáo đi xe đạp thì học sinh sẽ làm gì? Lũ trẻ chỉ còn thiếu nước là đi đầu xuống đất thôi. Và lại nếu không có chỉ thị nào cho phép thì ta không được làm. Hôm qua tôi sợ phát kinh lên đấy! Khi tôi nhìn thấy chị của anh, mặt tôi hoa lên. Đàn bà con gái mà đi xe đạp thì quả là chuyện kinh khủng!

- Nhưng mà ông muốn cái gì mới được chứ?

- Tôi chỉ muốn mỗi một điều là nhắc bảo anh. Anh còn trẻ, tương lai anh còn ở phía trước, anh cần phải xử sự rất, rất thận trọng, thế mà anh đã buông thả, ô, anh buông thả mình quá chừng! Anh mặc áo thêu ra đường, đi ngoài phố lúc nào anh cũng cầm theo sách này sách nọ, rồi bây giờ lại còn cười xe đạp nữa. Chuyện anh và chị anh đi xe đạp mà đến tai ông hiệu trưởng, rồi đến tai ông thanh tra... Lúc ấy thì còn ra cái thể thống gì nữa không?

- Việc ta và chị ta đi xe đạp chẳng liên quan gì đến ai cả! - Kôvalenkô nói, mặt đỏ gay. - Con nào thẳng nào thò mũi vào chuyện riêng của nhà ta, ta cho châu diêm vương tắt!

Bêlikốp tái mặt đứng dậy.

- Nếu anh nói với tôi bằng cái giọng như thế thì tôi không thể tiếp tục nữa, - hắn ta nói. - Và tôi cũng yêu cầu anh khi có mặt tôi, đừng bao giờ ăn nói như thế về cấp trên. Anh cần phải có thái độ kính trọng đối với chính quyền.

- Hóa ra là ta đã nói gì động đến chính quyền sao? - Kôvalenkô hỏi, mắt hắn học nhìn Bêlikốp. - Xin ông để cho ta yên. Ta là người trung thực và với những người như “quý ngài” ta không muốn nói chuyện. Ta không ưa những tên mách lẻo.

Bêlikốp bối rối, luống cuống mặc lại áo ngoài, vẻ mặt đầy hoảng hốt. Bởi đó là lần đầu tiên trong đời hắn phải nghe những lời thô bạo đến thế.

- Anh có thể nói gì tùy anh, - hắn vừa nói vừa bước ra ngoài hành lang dẫn xuống cầu thang. - Tôi chỉ muốn báo trước cho anh rằng có thể có người đã nghe được cuộc nói chuyện này, và để cho không ai có thể xuyên tạc câu chuyện vừa rồi và để khỏi có điều gì chẳng lành xảy ra, tôi sẽ báo cáo với ngài hiệu trưởng nội dung câu chuyện hôm nay... trên những nét chính. Tôi sẽ phải làm việc đó.

- Báo cáo hả? Này, đi mà báo cáo đi này!

Kôvalenkô túm lấy cổ áo hắn từ phía sau rồi xô mạnh. Bêlikốp lộn nhào xuống cầu thang, đôi giày cao su lộc cộc đập vào bậc gỗ. Cầu thang khá cao, nhưng hắn đã lăn xuống dưới một cách bình yên vô sự. Hắn đứng dậy sờ lên mũi xem cặp kính có còn nguyên vẹn không? Nhưng đúng vào lúc hắn xuống cầu thang thì Varenka và hai bà nữa cùng vừa đi đâu về. Họ đứng ở dưới và nhìn lên - điều này đối với Bêlikốp là kinh khủng hơn cả. Thà tự vật cô, bẻ gãy chân mình đi còn hơn là biến thành trò cười cho thiên hạ; bây giờ thì trước sau gì cả thành phố chả biết, chuyện sẽ đến tai ngài hiệu trưởng, ngài thanh tra, chao ôi, thế rồi lại nhớ xảy ra chuyện gì nữa chứ! - họ sẽ lại vẽ tranh châm biếm khác, rồi mọi chuyện dẫn đến chỗ là người ta sẽ ép mình về hưu...

Khi hắn đứng dậy, Varenka nhận ra hắn. Cô ta nhìn bộ mặt nực cười của hắn, nhìn chiếc bánh tô nhăn nhúm, đôi giày cao su, không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Cô ta tưởng rằng hắn đã vô ý trượt ngã, không nén được, cô ta cười phá lên vang khắp khu nhà:

- Ha-ha-ha!

Cái tiếng cười âm vang, lạnh löt “ha-ha-ha” đó đã chấm dứt tất cả: chấm dứt chuyện cười xin, chấm dứt cả cuộc đời của Bêlikốp. Hắn không còn nghe thấy Varenka nói gì, không còn nhìn thấy gì nữa. Trở về đến nhà, việc đầu tiên là hắn cắt tấm ảnh để trên bàn đi, sau đó lên giường nằm và không bao giờ dậy nữa.

Khoảng ba ngày sau lão Aphanaxi đến nhà tôi hỏi liệu có cần mời bác sĩ đến không vì như lão nói rằng ông chủ bị làm sao ấy. Tôi sang nhà Bêlikốp. Hắn nằm trong màn, đắp chăn kín và im lặng. Hỏi thì hắn chỉ đáp “không” hay “có” thôi, không nói thêm điều gì. Hắn thì nằm đấy, còn lão Aphanaxi thì đi đi lại lại trong phòng, mặt mày hăm hăm, cau có, thở dài thườn thượt, mùi rượu nặng xộc lên như trong quán rượu.

Một tháng sau, Bêlikốp chết. Tất cả chúng tôi đều đi chôn hắn, nghĩa là cả hai trường trung học và chủng viện. Bây giờ, khi hắn nằm trong quan tài, vẻ mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh nữa, cứ hệt như hắn mừng rằng cuối cùng hắn đã được chui vào cái bao mà từ đó không bao giờ hắn phải thoát ra nữa. Phải rồi, thế là hắn đã đạt được mục đích cuộc đời! Y như thế mặc niệm hắn, khi đám ma cử hành, trời mưa dầm âm u, tất cả chúng tôi đều đi giày mưa và mang ô. Varenka cũng dự đám ma, và khi người ta hạ quan tài xuống huyệt, cô ta bỗng òa lên khóc. Tôi đã để ý thấy là đám đàn bà Ukraina thường chỉ gào khóc hoặc cười phá lên, họ chẳng bao giờ rơi vào trạng thái lưng chừng.

Thật là chôn cất những kẻ như Bêlikốp quả là một điều thích thú. Từ nghĩa địa quay về, mặt mày chúng tôi ai cũng có vẻ nhũn nhặn, rầu rĩ; không ai muốn để lộ ra cảm giác khoan khoái - giống như cái cảm giác mà chúng ta đều đã trải qua từ rất lâu, rất lâu thời thơ ấu, khi người lớn đi vắng và chúng ta tha hồ chạy chơi trong vườn hàng giờ đồng hồ liền, vui đùa tự do, thỏa thích. Ô, tự do, tự do! Chỉ cần thoáng nghĩ đến nó, chỉ cần hy vọng mong manh đến khả năng có thể có của nó là đã đủ làm cho chúng ta như được chấp thêm đôi cánh, có phải thế không?

Từ nghĩa địa trở về, lòng chúng tôi đều cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái. Nhưng chưa đầy một tuần sau, cuộc sống đã lại diễn ra như cũ, nặng nề, mệt nhọc, vô vị, một cuộc sống chẳng bị chi thị nào cấm đoán nhưng cũng chẳng được tự do hoàn toàn, chẳng tốt đẹp gì hơn trước. Trên thực tế, Bêlikốp đã chôn ậm phủ nhưng hiện còn bao nhiêu là người trong bao, trong tương lai cũng sẽ còn bao nhiêu kẻ như thế nữa!

- Đó, chính đây mới là điều đáng nói, - Ivan Ivanúts nói, và rít một hơi thuốc.

- Và sẽ còn bao nhiêu kẻ như thế nữa, - Burkin nhắc lại

Người giáo viên bước ra khỏi nhà kho. Đó là một người không cao nhưng to béo, đầu hói hết, có bộ râu đen dài quá ngực, hai con chó ra theo sau ông.

- À, có trăng, có trăng! - ông ta ngược nhìn lên trời và nói.

Đã nửa đêm. Phía bên phải hiện ra cả làng mạc, một con đường chạy dài có lẽ đến năm cây số. Vạn vật đều chìm trong giấc ngủ im lìm, tĩnh mịch; không một vật nào di động, không một âm thanh nào vang ra. Thật khó mà tin rằng tạo hóa lại có thể lặng yên đến thế. Vào đêm trăng, khi nhìn thấy con đường quê khoáng đãng với những ngôi nhà nhỏ, những đồng cỏ khô, những hàng cây liễu rủ, lòng ta bỗng thấy thanh thản; và trong vẻ bình yên ấy náu giữa bóng đêm xa cách những chuyện làm ăn tât bật, những buồn phiền, lo âu, tâm hồn ta bỗng trở nên dịu dàng, nhẹ nhàng buồn và tốt đẹp. Có cảm giác rằng đến cả những vì sao cũng soi xuống tâm hồn ta với vẻ đầy thương cảm và triu mến, rằng cái ác đã bị loại bỏ trên mặt đất này và vạn sự đều êm đẹp, yên lành. Phía bên trái, từ rìa làng là cánh đồng trải rộng dưới ánh trăng mênh mông đến tận chân trời, ở đây cũng không một âm thanh, không một vật nào động đậy.

- Đó, vấn đề là ở chỗ đó, - Ivan Ivanúts nhắc lại. - Chúng ta sống chui rúc ở thành phố này trong không khí ngột ngạt, chúng ta viết những thứ giấy tờ vô dụng, đánh bài đánh bạc - những cái đó há không phải là một thứ bao sao? Chúng ta sống cả đời bên những kẻ vô công rồi nghề, những kẻ xui nguyên giục bị, những mục đàn bà nhàn rỗi ngu si, chúng ta nói và nghe đủ thứ chuyện nhảm nhí, vô nghĩa - đó chẳng phải là một thứ bao sao? Nếu anh muốn nghe, tôi xin kể cho anh một chuyện bô ích nữa.

- Thôi khuya rồi, đi ngủ thôi, - Burkin nói. - Để ngày mai vậy.

Cả hai người đi vào nhà kho và nằm trên đồng cỏ khô. Hai người đã trằn trọc và thiêu thiêu ngủ thì bỗng nghe thấy tiếng chân bước nhẹ nhẹ. Có ai đó đang đi gần nơi nhà kho, đi một lúc rồi dừng lại, một phút sau lại nghe tiếng chân bước tiếp. Có tiếng chó sủa vang.

- Đây là bà Mavra đi đấy, - Burkin nói.

Tiếng chân bước xa dần.

- Nhìn thấy và nghe thấy mọi người nói dối, - Ivan Ivanúts vừa nói vừa trở mình, - và để cho thiên hạ bảo anh là ngu xuẩn chỉ vì anh đã nghe lời dối trá ấy, nhân nhục chịu đựng những sự lăng mạ, khinh miệt, không dám nói thẳng rằng anh đứng về phía những người trung thực, yêu tự do; và chính anh cũng nói dối, cũng nhăn nhó cười, chỉ cốt kiếm được miếng ăn, chỉ cốt được ấm vào thân, chỉ vì một chức tước hèn mọn nào đó chỉ đáng giá mấy đồng xu - không, không thể sống như thế mãi được!

- Ô, đó lại sang chuyện khác rồi, anh Ivan Ivanúts a, - người giáo viên nói. - Thôi, ta ngủ thôi.

Chừng mười phút sau, Burkin đã ngủ. Còn Ivan Ivanúts thì cứ thở dài và trở mình luôn luôn, sau đó ông dậy rồi lại đi ra ngoài, ngồi xuống bên cửa, lấy thuốc ra hút.

HẾT

-
- [1] Chuông Kornêvinh (1877) - vở Ô-pê-rét của nhạc sĩ Pháp R.G.Plankett (Planquette 1848-1903).
- [2] Ở nước Nga thời Nga hoàng các viên chức tông sự tại các cơ quan dân sự được sắp xếp theo các thang bậc, do Nga hoàng Pêtorơ I đặt ra từ 1722. Tất cả có 14 bậc, cao nhất là các quan chức bậc từ 1 đến 4.
- [3] “Arcadi” - công viên mùa hè ở Pêtêrburg, ở đó có một nhà hát, chuyên diễn các vở hài kịch.
- [4] Tuyến đường sắt Nikôlai - đường sắt nối liền Pêtêrburg (nay là Lêningrát) và Maxcova. Được gọi để kỷ niệm Hoàng đế Nga Nikôlai I (1796-1855).
- [5] Đạo Luyte - một trong những biến dạng của đạo Tin lành (cùng với đạo Thiên Chúa và Chính giáo là ba nhánh chính của Kytô giáo). Ra đời trong thế kỷ XVI, do những nỗ lực của Luyte (1483-1546) và những tông đồ của ông ở nước Đức.
- [6] Gêrôxtrát - người Hy Lạp, năm 356 trước công nguyên đã đốt đền Áctêmida Ephecxcaia để tên mình trở thành bất tử.
- [7] Ephian (khoảng 500 đến 461 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị của Aten thời cổ. Năm 480 trước công nguyên đã phản bội, chỉ cho quân Ba Tư lối đi vòng qua khe Phennôpinxki. Toán dân binh Xpácta ở Hy Lạp cô bảo vệ khe núi này, đã hy sinh một cách anh hùng.
- [8] Mề đay “Xtanixláp” - thứ huân chương dành để thưởng cho các quan chức cơ quan dân sự, ở nước Nga trước Cách mạng. Mề đay gồm có ba loại.
- [9] Núi Aphôn - ngọn núi thiêng liêng. (Aphôn là một bán đảo ở Hy Lạp). Ở đó có các tu viện (trong đó có tu viện chính giáo), được các tín đồ sùng kính và cũng là nơi để hành hương.
- [10] Hiện nay là Lêningrát.
- [11] Một loại động vật bò sát thuộc họ kỳ đà, luôn thay đổi màu sắc theo môi trường.
- [12] Quadrille (tiếng Pháp) - điệu nhảy gồm số chẵn các đôi nhảy, xếp đôi diện nhau.
- [13] Pút - một đơn vị trọng lượng Nga, tương đương 16,3 ki-lô-gam.
- [14] Médaillon (tiếng Pháp) - đồ trang sức đeo trước ngực, hình bầu dục hay hình cầu trong có để ảnh hoặc một hình gì khác.
- [15] Vécxta - một đơn vị đo chiều dài cũ ở Nga, bằng 1,06 ki-lô-mét.
- [16] Réséda (tiếng Pháp) - một cây họ thảo có cụm hoa hình như bông hoặc chùm, hương rất thơm.

[17] Cuộc hẹn hò (tiếng Pháp).

[18] Về nhà (tiếng Đức).

[19] Napôlơ - một thành phố của Ý đẹp nổi tiếng nằm trên bờ biển. Klin - một thị trấn thuộc tỉnh Maxcova.

[20] Vô danh (tiếng La Tinh).

[21] Viết tắt chữ madame (tiếng Pháp) - bà.

[22] Thuyết thông linh - (từ chữ spiritus tiếng La tinh là linh hồn) - một khuynh hướng thần bí, ra đời ở Mỹ thế kỷ XIX, và gắn với lòng tin rằng tâm hồn người chết còn tồn tại dưới âm phủ. Trong thuyết thông linh: Medius (tiếng La tinh nghĩa là trung bình) - là trung gian giữa thế giới thần linh và con người. Thông qua đó, theo quan niệm của những người theo thuyết thông linh, trong trạng thái xuất thần có thể chuyển “thông tin của những người chết”.

[23] Napôlêông (Bônápác) (1769-1821) - hoàng đế Pháp.

[24] Ganniban Abram Pêtorơ (khoảng 1697-1781) - người con của công tước Etiôpi, bị người Thổ bắt cóc và tặng cho Nga hoàng Pêtorơ I, sau là người giúp việc cho Nga hoàng, thành thư ký và sau đó là một kỹ sư quân sự, một vị tướng. Ông ngoại của nhà thơ Nga vĩ đại A.X. Puskin (1799-1837).

[25] Axkôtsenxki VI. (1813-1879), nhà báo và nhà văn phản động.

[26] Thuyết Bisốp. Từ họ của Oasinton Irvin Bisốp, hồi đó nhà sinh lý học Mỹ nổi tiếng như là “người đi đọc tư tưởng”. Lần đầu tiên biểu diễn kinh nghiệm chuyển giao tư tưởng của mình ở Maxcova vào 20 tháng Mười Một năm 1884.

[27] Chiều thứ tư - quan niệm duy tâm xem thời gian như một chiều thứ tư của kích thước không gian, sử dụng thuyết thông linh để làm bằng chứng cho một cuộc sống ở bên ngoài không gian ba chiều thông thường.

[28] Người tình đầu tiên - một loại vai trên sân khấu (tiếng Pháp).

[29] “Sự nghiệp” - tạp chí khoa học - văn chương ra hàng tháng, theo khuynh hướng dân chủ cấp tiến, xuất bản ở Pêtêrburg vào khoảng 1866-1888.

[30] Xin lỗi vì cách nói chưa được gãy gọn (tiếng Pháp).

[31] Arsin - một đơn vị độ dài dùng ở nước Nga, tương đương 0,71 m.

[32] Phun-tơ - một đơn vị trọng lượng dùng ở nước Nga, tương đương 409,5gr.

[33] Trích bài thơ “Bia kỷ niệm” của A.X. Puskin trong bản in lưu hành trước cách mạng thường bị in nhầm như vậy. Ở bài thơ của A.X. Puskin là: “bia kỷ niệm của Alếchxandơ”.

[34] Từ chỗ trước tiên nhất (tiếng La Tinh).

[35] Sẽ không gọi tên ra (tiếng La Tinh).

[36] Trường hợp tử vong (tiếng La Tinh).

[37] Luận cứ cuối cùng (tiếng La Tinh).

[38] Viết tắt chữ mademoiselle (tiếng Pháp): cô.

[39] Margot David - tác giả cuốn “Cours élémentaire et progressif de langue française” (sách

dạy tiếng Pháp phổ biến ở nước Nga, được xuất bản nhiều lần từ năm 1860).

[40] Xin chào tạm biệt ông (tiếng Pháp).

[41] Trong nguyên bản, câu dịch sang tiếng Nga của Alixa cũng ngô nghê.

[42] Nhà hát kịch nói cổ nhất Nga ở Maxcova.

[43] Lômonôxốp Mikhain Vaxiliêvít (1711-1765), nhà nghiên cứu tự nhiên, nhà bác học Nga đầu tiên được công nhận là có ý nghĩa thế giới, nhà thơ, người đặt cơ sở cho ngôn ngữ văn học Nga hiện đại, người họa sĩ, nhà hoạt động xã hội. Sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở làng Khônmogorur, gần với thành phố Arkhanghenxơ (cực Bắc của phần đất phía Tây của nước Nga). Những kiến thức học văn đầu tiên có được là do tự học. Năm 1731, với mục đích học thêm, ông lên Maxcova theo chiếc xe của những người đánh cá, chở cá ướp lạnh. Suốt đoạn đường tới Maxcova ông đều phải đi bộ.

[44] Aléxhândơ Páplovít - hoàng đế Nga Aléxhândơ I, trị vì từ 1801 đến 1825. Trong giới chính trị và tôn giáo thường được gọi kèm theo tục danh Cả phước, do chỗ đã thành công trong hàng loạt biện pháp đối nội và đặc biệt là đối ngoại (thất bại của quân đội Napôlêông năm 1812, thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống Thổ Nhĩ Kỳ và Thụy Điển v.v.).

[45] Cậu bé đĩnh ngộ ời, em tên là gì? (Tiếng La tinh).

[46] Khrixtophor (tiếng La Tinh).

[47] Nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Anh - Daniel Điphô (Daniel Defoe) (1660-1731).

[48] Xagien - một đơn vị độ dài dùng ở nước Nga, tương đương 2,13 mét.

[49] Hết! (Tiếng La tinh).

[50] Con chim đại bàng hai đầu, được in trên quốc huy đế chế Nga.

[51] Vua Ai Cập cổ đại.

[52] Ở đây nói về một nhân vật thần thoại trong cuốn Kinh Thánh.

[53] Ở miền Bắc Ucraina.

[54] Đêxiachina - một đơn vị diện tích ở nước Nga, tương đương 1,09 héc-ta.

[55] Ở đây nói tới các nhân vật trong các tráng ca và truyện cổ tích Nga là Ilya Murométx người sinh trưởng ở thành phố Murom. Nhân vật này là một hiệp sĩ, đã chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược nhân dân Nga. Xolovây Radbôních - một quái vật hung dữ.

[56] Danh từ chỉ chung các giống rắn không độc.

[57] Hiện nay là thành phố Gorki.

[58] Chúa Xavaof - một trong những tên của chúa Iakhove - Chúa Do Thái; theo đạo Kytô thì Chúa Xavaof coi như Chúa cha.

[59] Cậu bé tốt lành (tiếng La Tinh).

[60] Môgila Pêtorơ (1596-1647) - một nhà hoạt động văn hóa Ucraina, một nhà văn tôn giáo. Từ 1632, là tổng giám mục địa phận Kiép. Rất quan tâm tới giáo dục và sự phát triển văn hóa

[61] Ở đây nói tới truyền thuyết trong Kinh thánh, kể về vua Xanh, vị thần của cha ông ta là Xamuin đã báo trước ngày tận cùng của Vương triều.

[62] Vaxili Đại thánh nhân (khoảng 330-379), nhà hoạt động tôn giáo đạo Kytô.

[63] Nêxtorơ (không rõ năm sinh năm mất), nhà sử học và nhà chính luận Nga cổ, hình như là tu sĩ của tu viện Kievo-Pêtsécxki từ những năm 70 thế kỷ XI.

[64] Tên Masa gọi chệch đi theo thổ âm của người Ácmêni.

[65] Nữ thần Maria ở Ai Cập - theo truyền thuyết, lúc trẻ bà có nhiều lầm lạc - nhưng về sau, ăn năn nghĩ lại và sau khi hoàn thành một chuyến hành hương đến Giêruxalem, đã sống 47 năm sám hối ở sa mạc.

[66] Khúc a-ri-a, trích từ vở ô-pê-ra của nhạc sĩ Nga A.X. Đargômurgioxki (1813-1869).

[67] Một số âm bắt chước tiếng Ý, các sinh viên nói nghịch. Đây nói tới khúc a-ri-a trong vở ô-pê-ra “Anh thợ cạo thành Xevin” của Rôssini (1792-1868); “Rigôlétô” và “Toraviátta” là những vở ô-pê-ra của Verdi (1813-1901); “Gughenôtur” - vở ô-pê-ra của nhạc sĩ Mayerbar (1791-1864).

[68] Nói sai trong nguyên bản, cốt để tỏ sự vô học của mấy người đó.

[69] “Báo Maxcova” - tờ báo chính trị văn học ra hàng ngày, xuất bản từ 1881 đến 1918.

[70] Đối diện (tiếng Pháp).

[71] Baden Phơrăngxoa Asill (1811-1883), thống chế Pháp chỉ huy quân đội trong chiến tranh Pháp Phổ và bị quy tội phản quốc năm 1872.

[72] Aida - nhân vật chính trong vở ô-pê-ra cùng tên của Verdi.

[73] “Nhiva” - tạp chí văn học nghệ thuật và phổ biến khoa học, có minh họa, ra hàng tuần. Lưu hành ở Pêtêrburg từ 1870 đến 1918.

[74] Phỏng đoán (tiếng La Tinh).

[75] Bairơn Gioócgiơ Nôn Gôrdôn (1788-1824) - nhà thơ lãng mạn vĩ đại người Anh.

[76] Sếchxpia Ulyam (1564-1616) - nhà viết kịch và nhà thơ vĩ đại người Anh.

[77] Trích trong một bài ca tôn giáo. Nhạc của Đ.X. Boócơnhianxki (1751-1825), lời của M.M. Khêraxkốp (1733-1807).

[78] Nói phỏng theo một câu trong vở bi kịch “Hăm-lét” của Sếchxpia.

[79] Vương quốc Ba Lan - tên gọi phần nước Ba Lan, thuộc nước Nga, theo quyết nghị của hội nghị quốc tế ở Viên 1814-1815. Tới năm 1918, lãnh thổ của Vương quốc Ba Lan trở thành bộ phận cơ bản của nước Ba Lan.

[80] Hiện nay là Ulianốpxơ.

[81] Kính không gọng (tiếng Pháp).

[82] Trích bản tình ca viết theo bài thơ “Sầu cả” của nhà thơ Nga A.A. Đenvig (1798-1831), âm nhạc của M.L. Iakốplép.

[83] Nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của Sếchxpia.

[84] Anh bảo họ đem nước chè lên cho chúng ta đi (tiếng Pháp).

[85] Một bài hát dân gian Nga.

[86] “Ông Đênix hãy chết đi, về sau ông không thể chơi hay hơn hôm nay được đâu” - câu đánh

giá, do nhà hoạt động quân sự và quốc gia Nga nổi tiếng, công tước G.A. Pôchemkin (1739-1791) đưa ra, sau khi xem vở hài kịch nổi tiếng của nhà văn Nga Đ.I. Phônvidin (1744-1792) - vở “Anh chàng ngớ ngẩn”. Về sau, trở thành giai thoại thông dụng.

[87] Câu thơ trong bài tình ca “Đêm” của nhạc sĩ A.G. Rubinstein (1828-1894) phỏng theo câu thơ của A.X. Puskin “giọng nói của tôi với em vừa dịu dàng vừa mệt mỏi”.

[88] Pixemxki A.Ph. (1820-1881) - nhà văn Nga.

[89] Trích câu trong sách Phúc âm.

[90] Trong văn bản người Đức viết không đúng tiếng Nga.

[91] Con người (tiếng Hy Lạp).

[92] Turghênhép I.X. (1819-1883) - nhà văn Nga vĩ đại. Sêđrin (Xantukóp-Sêđrin) M.E. (1826-1889) - nhà văn trào phúng vĩ đại Nga, nhà dân chủ cách mạng.

[93] Bocơli G.T. (1821-1862) - nhà sử học và xã hội học Anh.

[94] Bài hát nổi tiếng của nhân dân Ucraina.

[95] Quán rượu (tiếng Nga).

[96] Cãi lộn lớn (tiếng Đức).

[97] Vở kịch của nhà viết kịch và diễn viên người Ucraina là M.L. Krôpípnhítxki (1840-1910).

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>